

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
KHOA Y HỌC LÂM SÀNG



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH: 7720115

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 968/QĐ-HVYDCT,
ngày 11 tháng 10 năm 2021)

HÀ NỘI - 2021

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
KHOA Y HỌC LÂM SÀNG



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH: 7720115

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 968/QĐ-HVYDCT,
ngày 11 tháng 10 năm 2021)

HÀ NỘI - 2021

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	4
DANH MỤC BẢNG	5
DANH MỤC SƠ ĐỒ.....	5
I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	2
III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
3.1. Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục - Giá trị cốt lõi của Học viện	3
3.2. Mục tiêu của chương trình (Program Objectives - PO).....	5
IV. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	5
4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLO).....	5
4.2. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu của chương trình đào tạo	7
4.3. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam	7
4.4. Những yêu cầu đặc thù - Các hoạt động chuyên môn chủ chốt	8
V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP SAU ĐẠI HỌC	9
5.1. Vị trí việc làm.....	9
5.2. Cơ hội học tập sau đại học.....	9
VI. THÔNG TIN TUYỂN SINH	10
VII. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	10
7.1. Tiến trình đào tạo.....	10
7.2. Quy trình đào tạo	10
7.3. Điều kiện tốt nghiệp	11
VIII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	11
8.1. Thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khoá.....	11
8.2. Cấu trúc chương trình dạy học	12
8.3. Kế hoạch đào tạo theo năm học.....	16

8.4. Mô tả các học phần.....	22
8.5. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	44
IX. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC.....	50
9.1. Ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học	51
9.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học.....	59
9.3. Đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy.....	59
X. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	60
10.1. Đánh giá chung toàn khoá.....	60
10.2. Đánh giá học phần.....	60
10.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics).....	68
10.4. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá.....	68
10.5. Đối với học phần Thực tập nghề nghiệp	69
XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	71
XII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	71
XIII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT	71
XIV. PHỤ LỤC	71

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Nghĩa tiếng Việt	Nghĩa tiếng Anh
CTĐT	Chương trình đào tạo	
GV	Giảng viên	
PO	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Program Objectives
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Program Learning Outcomes
HP	Học phần	
TH	Thực hành	
LT	Lý thuyết	
TC	Tín chỉ	
YHCT	Y học cổ truyền	
YHHD	Y học hiện đại	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thông tin chung về Chương trình đào tạo	2
Bảng 2. Triết lý giáo dục của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam được chuyển tải vào CTĐT ngành YHCT	4
Bảng 3. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	7
Bảng 4. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam	7
Bảng 5. Phân bố kiến thức giảng dạy theo năm học	10
Bảng 6. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	44
Bảng 7. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học.....	51
Bảng 8. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLO) và phương pháp dạy-học.....	59
Bảng 9. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp đánh giá.....	62
Bảng 10. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLO	68

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1. Sơ đồ chương trình giảng dạy	11
---	----

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Y học cổ truyền (YHCT) trình độ đại học của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam được xây dựng CDR của CTĐT đáp khung trình độ Quốc gia Việt Nam tại Quyết định 1982/QĐ-TTg, đảm bảo năng lực làm việc của người tốt nghiệp đáp ứng các yêu cầu xã hội về nguồn nhân lực trong các lĩnh vực Y học cổ truyền.

Học viện đã nhiều lần tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành và đáp ứng năng lực cơ bản của Bác sĩ YHCT Việt Nam. Theo Quyết định số 867/QĐ-HVYDHCTVN ngày 28/09/2021 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Ban rà soát và Tiểu ban biên tập rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Sau nhiều năm đào tạo, dựa trên sự thay đổi trong các quy định của pháp luật và kết quả đạt được khi thực hiện CTĐT và các ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, ban soạn thảo đã hoàn thiện bản mô tả chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học.

Với nguồn nhân lực trình độ cao được đào tạo từ các trường đại học trong lĩnh vực YHCT trong nước và ngoài nước, cùng với điều kiện cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao đóng góp vào sự phát triển của lĩnh vực YHCT trong cả nước.

Nội dung Chương trình đào tạo được sắp xếp các khối kiến thức theo thứ tự: Khoa học cơ bản- Y học cơ sở- Y tế công cộng- Y học lâm sàng, từ Y lý YHCT cho đến phương pháp điều trị dùng thuốc và không dùng thuốc, đến bệnh học và điều trị YHHĐ kết hợp YHCT, có sự lồng ghép các khối kiến thức theo một trình tự, từ tế bào đến phân tử, từ phân tử đến cơ quan và từ cơ quan đến hệ thống, từ tiền lâm sàng đến lâm sàng giúp cho sinh viên vận dụng tốt những kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức y học cơ sở vào trong khoa học lâm sàng, trong diễn giải các dấu hiệu và triệu chứng, biện luận chẩn đoán và lựa chọn điều trị ở các mức độ khác nhau theo lộ trình học tập.

Chương trình tập trung nhiều hơn vào việc giảng dạy y đức và tính chuyên nghiệp cho sinh viên, giúp sinh viên sẽ có thái độ tốt với người bệnh, đồng nghiệp, có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội trong hành nghề y sau này.

Trên cơ sở chương trình đào tạo của Học viện, với sự hướng dẫn của Phòng Đào tạo và cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 1. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (Name of Program)	Y HỌC CỔ TRUYỀN (TRADITIONAL MEDICINE)
2. Trình độ đào tạo (Level)	Đại học (Graduate)
3. Mã ngành đào tạo (Code)	7720115
4. Đối tượng tuyển sinh (Enrolment)	Công dân tốt nghiệp THPT và đạt tiêu chuẩn tuyển sinh đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (as Enrolment criteria of Vietnam University of Traditional Medicine)
5. Thời gian đào tạo chuẩn (Duration)	6 năm (6 years)
6. Cơ sở đào tạo (Institute)	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (Vietnam University of Traditional Medicine)
7. Loại hình đào tạo (Type)	Chính quy (Official)
8. Ngôn ngữ đào tạo (Language)	Tiếng Việt (Vietnamese)
9. Tổng số tín chỉ (Credits)	189 tín chỉ (Credits) - Không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng
10. Danh hiệu tốt nghiệp (Degree)	Bác sĩ Y học cổ truyền (Traditional Medical Doctor)
11. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp (Employment options)	- Các cơ sở y tế trong và ngoài công lập - Các cơ sở đào tạo và các cơ quan quản lý y tế - Các viện, trung tâm nghiên cứu, ứng dụng y học - Các đơn vị khác có liên quan
12. Khả năng nâng cao trình độ (Higher education options)	Bác sĩ nội trú Y học cổ truyền Bác sĩ chuyên khoa I Y học cổ truyền Thạc sĩ Y học cổ truyền

III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Y học cổ truyền trình độ đại học được xây dựng dựa trên các cơ sở phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học theo quy định của Luật giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; phù hợp và gắn kết với mục tiêu chung của khối ngành Sức khỏe; với Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục - Chiến lược phát triển - Hệ thống giá trị cốt lõi của Học viện và nhu cầu của xã hội, đảm bảo sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng được năng lực cơ bản của bác sĩ YHCT Việt Nam. CTĐT được xây dựng theo định hướng đào tạo nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng và các bên liên quan.

3.1. Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục - Giá trị cốt lõi của Học viện

* **Sứ mạng:** Đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao, chuyên sâu về Y học cổ truyền, Y khoa, Dược học và các ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe; nghiên cứu khoa học, thừa kế, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền; chuyển giao trí thức, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại, dịch vụ khác đáp ứng yêu cầu phục vụ xã hội và đất nước.

* **Tầm nhìn:** Xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại góp phần phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

* **Giá trị cốt lõi:** Thừa kế - Phát triển; Đoàn kết – sáng tạo; Chất lượng – Hiệu quả.

* Triết lý giáo dục của Học viện

Triết lý giáo dục của Học viện YDHCT Việt Nam là **Thừa kế - Sáng tạo - Chất lượng**

- **Thừa kế:** Thừa kế kiến thức của nhân loại, của cha ông về y học cổ truyền, kết hợp Y học hiện đại với Y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị và bào chế dược hiện đại để phục vụ đời sống, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người.

- **Sáng tạo:** Có sáng tạo mới tìm ra những cái mới trong khoa học kỹ thuật, trong y học, để phục vụ đời sống, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người. Sáng tạo là nền tảng tạo ra các phát minh, ứng dụng thiết thực, giúp người học có thể thích ứng và quản lý tốt những thay đổi trong môi trường công việc ở tương lai.

- **Chất lượng:** là khái niệm cho thấy khả năng thoả mãn nhu cầu của các bên liên quan trong đào tạo và nghiên cứu của Học viện. Đánh giá chất lượng của một cơ sở giáo dục phải

đúng trên quan điểm của sinh viên và nhà tuyển dụng. Học viện sử dụng chất lượng như là một công cụ có thể đo lường chỉ số hài lòng của các bên liên quan của Học viện

Triết lý giáo dục của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học cụ thể như sau:

Bảng 2. Triết lý giáo dục của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam được chuyển tải vào CTĐT ngành YHCT

Chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học		Triết lý giáo dục HVYDHCTVN		
		Thừa kế	Sáng tạo	Chất lượng
Kiến thức chương trình đào tạo	Kiến thức giáo dục đại cương	X	X	X
	Kiến thức cơ sở của khối ngành	X	X	X
	Kiến thức cơ sở ngành	X	X	X
	Kiến thức ngành	X	X	X
	Thực tập nghề nghiệp	X	X	X
Chuẩn đầu ra	PLO1	X	X	X
	PLO2	X	X	X
	PLO3	X	X	X
	PLO4	X	X	X
	PLO5	X	X	X
	PLO6	X	X	X
	PLO7	X	X	X
	PLO8	X	X	X
	PLO9	X	X	X
	PLO10	X	X	X
	PLO11	X	X	X
	PLO12	X	X	X
	PLO13	X	X	X
	PLO14	X	X	X
	PLO15	X	X	X
	PLO16	X	X	X
	PLO17	X	X	X

3.2. Mục tiêu của chương trình (Program Objectives - PO)

* **Mục tiêu chung:** Đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền có sức khỏe, có ý thức; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp y học cổ truyền (YHCT) kết hợp y học hiện đại (YHHĐ) để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe cá nhân và cộng đồng; có khả năng thừa kế và phát triển YHCT, kết hợp YHCT với YHHĐ trong phòng bệnh và chữa bệnh; có năng lực thực hành nghề nghiệp, giao tiếp, ứng xử; có khả năng làm việc một cách chuyên nghiệp, trách nhiệm, độc lập, sáng tạo; có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp với môi trường làm việc nhằm phát triển chuyên môn của bản thân và đồng nghiệp, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

*** Mục tiêu cụ thể:**

MT1: Vận dụng được kiến thức về xã hội, pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để hỗ trợ nghề nghiệp; vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành YHCT đặc biệt các kiến thức y học cổ truyền, kết hợp với kiến thức y học hiện đại để nhận biết, giải thích, giải quyết các nhu cầu chăm sóc sức khỏe cơ bản cho cá nhân và cộng đồng một cách an toàn, kịp thời, chi phí – hiệu quả dựa vào bằng chứng khoa học và phù hợp với điều kiện thực tế

MT2: Có khả năng: hành nghề chuyên nghiệp theo những chuẩn mực đạo đức, pháp luật và tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng; đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề liên quan tới hoạt động nghề nghiệp; khởi nghiệp phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế; giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà, đồng nghiệp và cộng đồng; lập kế hoạch, tổ chức, quản lý hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn.

IV. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLO)

Khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam, sinh viên tốt nghiệp có các năng lực sau:

4.1.1. Yêu cầu về kiến thức

CDR1: Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học y sinh, bệnh học và điều trị học y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại trong khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe.

CDR2: Giải thích được sự tác động của môi trường sống tới sức khỏe con người, vận dụng các nguyên tắc, phương pháp y tế công cộng để duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng các phương pháp y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.

CDR3: Xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học về y học cổ truyền, y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại trên cơ sở y học bằng chứng và đạo đức nghiên cứu.

CDR4: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để hỗ trợ nghề nghiệp.

CDR5: Có kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, giám sát, điều hành và đánh giá các quá trình trong hoạt động chăm sóc sức khỏe phù hợp với hoàn cảnh và nhu cầu thực tiễn.

4.1.2. Yêu cầu về kỹ năng

CDR6. Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được các chứng bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường bằng y học cổ truyền, y học hiện đại; định hướng chẩn đoán và xử trí ban đầu một số bệnh chuyên khoa và chuyển tuyến điều trị phù hợp.

CDR7. Thực hiện được truyền thông – giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên, đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp bằng y học hiện đại và y học cổ truyền nhằm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình, cộng đồng.

CDR8. Thực hiện được một số hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hành nghề nghiệp.

CDR9. Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế.

CDR10. Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong hoạt động chuyên môn.

CDR11: Tự đánh giá, giám sát được công việc chuyên môn của bản thân và đồng nghiệp; phát hiện được một số vấn đề tồn tại trong công việc, đưa ra được ý kiến đề xuất khác phục.

CDR12. Truyền đạt được các vấn đề, giải pháp liên quan đến chuyên môn tới người bệnh, đồng nghiệp, đối tác... tại nơi công tác; chuyển tải, phổ biến được kiến thức,

kỹ năng chuyên môn trong việc thực hiện hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và dự phòng bệnh.

CĐR13. Đạt trình độ một trong các ngoại ngữ sau (mức tối thiểu: Trung văn HSK cấp 3, Anh văn bậc 3/6 theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo); sử dụng được công nghệ thông tin để phục vụ cho quản lý, học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động nghề nghiệp.

4.1.3. Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm

CĐR14: Giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng.

CĐR15: Làm việc được độc lập hoặc phối hợp theo nhóm, phát huy tinh thần sáng tạo trong môi trường đa dạng; chịu trách nhiệm cá nhân trong công tác khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

CĐR16: Có trách nhiệm tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

CĐR17: Lập được kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức, sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá và đề xuất cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn

4.2. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu của chương trình đào tạo

Bảng 3. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
MT1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x
MT2		x		x		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x

4.3. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 4. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Chuẩn đầu ra	Khung trình độ Quốc gia Việt Nam
CĐR 1	3
CĐR 2	3
CĐR 3	3
CĐR 4	3
CĐR 5	3

CDR 6	3
CDR 7	3
CDR 8	3
CDR 9	3
CDR 10	3
CDR 11	3
CDR 12	3
CDR 13	3
CDR 14	3
CDR 15	3
CDR 16	3
CDR 17	3

Ghi chú:

Mức 1: Không đáp ứng

Mức 3: Đáp ứng đầy đủ

Mức 2: Đáp ứng một phần

Mức 4: Vượt hơn yêu cầu

4.4. Những yêu cầu đặc thù - Các hoạt động chuyên môn chủ chốt

EPA	Diễn giải	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
1	Khám bệnh				
	Khai thác bệnh sử, tiền sử	2	3	4	5
	Khám thực thể	2	3	4	5
2	Chẩn đoán sơ bộ	2	3	4	5
3	Chỉ định và phân tích kết quả CLS thông thường.	2	3	4	5
4	Chẩn đoán xác định và biện chứng luận trị	1	2	3	4
5	Thực hiện cấp cứu ban đầu	1	2	3	4
6	Kê đơn thuốc theo phạm vi hành nghề của Bác sĩ YHCT	1	2	3	4
7	Ghi chép hồ sơ, bệnh án	2	3	4	5
8	Trình bày ca lâm sàng	2	3	4	5
9	Tim kiếm chứng cứ y khoa trong chăm sóc người bệnh	1	2	3	4

10	Bàn giao và tiếp nhận người bệnh	2	3	4	5
11	Hợp tác trong nhóm chăm sóc người bệnh	1	2	3	4
12	Phát hiện và xử trí các tiến triển của người bệnh	1	2	3	4
13	Thảo luận để có sự đồng thuận của người bệnh	1	2	3	4
14	Thực hiện được một số thủ thuật/kỹ thuật	1	2	3	4
15	Phòng ngừa sự cố y khoa	1	2	3	4
16	Ứng dụng nguyên lý YTCC trong thực hành y khoa	1	2	3	4

Ghi chú:

0: Chưa làm

3: Làm tiến bộ hơn

1: Làm nhưng chưa tin cậy

4: Làm tiến bộ và tin tưởng

2: Làm chưa tin cậy nhưng có tiến bộ

5: Làm tốt và tin tưởng hoàn

toàn

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP SAU ĐẠI HỌC

5.1. Vị trí việc làm

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học, sinh viên có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý tại:

- Các cơ sở y tế, các đơn vị kinh doanh dịch vụ phục hồi sức khoẻ bằng YHCT.
- Các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành khoa học sức khỏe.
- Các Viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu và ứng dụng, cơ quan quản lý hay tổ chức chuyên môn.
- Tại đơn vị khám, chữa bệnh với công tác tổ chức, quản lý và điều hành chuyên môn.
- Tại các công ty dược có kinh doanh hoặc nghiên cứu lĩnh vực YHCT.
- Các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế liên quan tới sức khoẻ, y tế...

5.2. Cơ hội học tập sau đại học

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học, sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu đúng chuyên ngành hoặc các chuyên ngành chuyên sâu của YHCT ở các bậc cao hơn ở trong và ngoài nước:

- Hệ thực hành: Bác sĩ Nội trú, Bác sĩ chuyên khoa cấp I.
- Hệ nghiên cứu: Thạc sĩ Y học, Tiến sĩ Y học.

VI. THÔNG TIN TUYỂN SINH

- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước và nước ngoài;
- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; có nguyện vọng vào ngành YHCT;
- Phương thức tuyển sinh: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo và theo Đề án tuyển sinh của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam.

VII. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Tiến trình đào tạo

Bảng 5. Phân bố kiến thức giảng dạy theo năm học

Khối kiến thức	Loại môn học	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
Giáo dục đại cương	Học phần chung	x	x				
	Cơ sở của khối ngành	x	x				
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	x	x	x			
	Kiến thức ngành bắt buộc			x	x	x	x
	Kiến thức bổ trợ				x	x	x
	Học phần tốt nghiệp						x

7.2. Quy trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Tổ chức và đào tạo theo khoá học năm học và học kỳ.

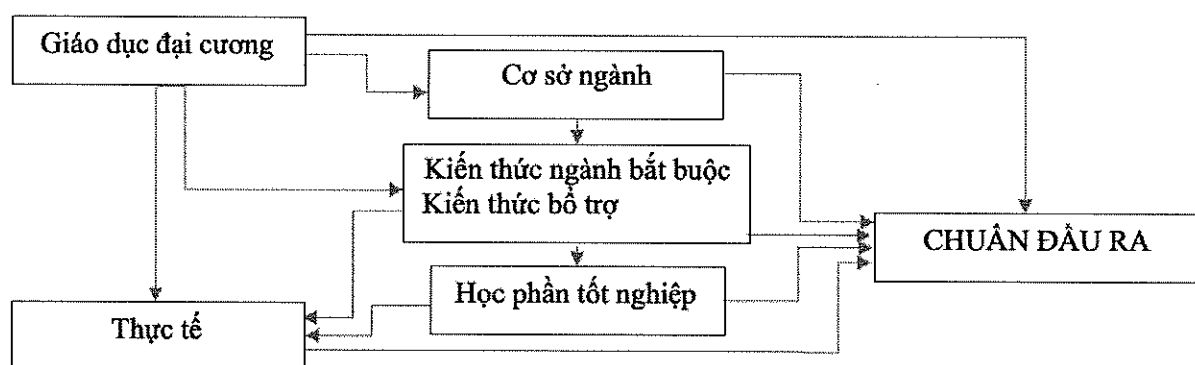
Khoá học là thời gian trung bình cần thiết để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo. Cụ thể đối với trình độ đại học hệ chính quy ngành bác sĩ Y khoa là 6 năm học.

Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Sáu), mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Học viện tổ

chức thêm một học kỳ phụ (từ đầu tháng Bảy đến giữa tháng 8) để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực hành và 1 tuần thi. Trước mỗi kỳ thi chính, Học viện sẽ có 1 tuần để gặp gỡ, cố vấn và định hướng cho sinh viên học tập.

Trong 3 năm đầu tiên, sinh viên học các kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, các kiến thức chuyên ngành được học trong những năm tiếp theo.

Thời gian tối đa hoàn thành chương trình là 09 năm. Vượt quá thời gian này, sinh viên không được học và/hoặc thi để được công nhận tốt nghiệp.



Sơ đồ 1. Sơ đồ chương trình giảng dạy

7.3. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021, quy chế đào tạo và Điều 29 Quyết định 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11/10/2021 của Học viện. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ học phần, mô đun, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và hoàn thành các học phần giáo dục thể chất.

VIII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khoá

Thời gian đào tạo: **06 năm**

Khối kiến thức toàn khóa:

189 tín chỉ

8.2. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối lượng học tập	TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa tính phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và y học quân sự*).	22
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong đó: - Kiến thức cơ sở của khối ngành - Kiến thức cơ sở của ngành - Kiến thức ngành	16 34 117
Tổng cộng		189

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 189 tín chỉ (TC). Khối kiến thức chung không bao gồm nội dung Giáo dục Quốc phòng- An ninh (7 TC) và Giáo dục thể chất (4 TC).

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC CỤ THỂ:

Phần kiến thức giáo dục đại cương: 22 tín chỉ (không bao gồm nội dung Giáo dục Quốc phòng- An ninh (7TC) và Giáo dục thể chất (4TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	POL 1001	Triết học Mác-Lê nin	3,0	3,0	0,0
2	POL 1002	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2,0	2,0	0,0
3	POL 3003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,0	2,0	0,0
4	POL 4004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	2,0	0,0
5	POL 4005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2,0	2,0	0,0
6	CHN1001 CHN2002 CHN3003	Ngoại ngữ	8,0	8,0	0,0
7	INT 1001	Tin học đại cương	2,0	0,5	1,5
8	SOC4001	Nhà nước và Pháp luật	1,0	1,0	0,0
9	GDTC1001; GDTC1002; GDTC2003;	Giáo dục thể chất*	4,0	1,0	3,0

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Phân bố TC	
				LT	TH
10	GDQP 1001	Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự*	7,0	2,0	5,0
Tổng cộng (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự)			22,0	20,5	1,5

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 167TC

Kiến thức cơ sở của khối ngành: 16TC

TT	Mã học phần	Tên môn học / Học phần	TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	SOC5002	Dân số học	1,0	1,0	0,0
2	BIOL1001	Sinh học và di truyền	3,0	2,5	0,5
3	BIOP1001	Lý sinh	3,0	2,5	0,5
4	CHEM1001	Hoá học	3,0	2,5	0,5
5	INT3002	Tin học ứng dụng - Xác suất thống kê y học	3,0	2,0	1,0
6	SOC1003	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học - Truyền thông giáo dục sức khoẻ	2,0	2,0	0,0
7	SOC6004	Phổ biến pháp luật và hành nghề	1,0	1,0	0,0
Tổng cộng			16,0	13,5	2,5

Kiến thức cơ sở ngành: 34 TC

TT	Mã học phần	Tên môn học / Học phần	TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	MEDI1001; MEDI1002	Giải phẫu I, II	5,0	3,0	2,0
2	MEDI2003	Mô phôi	3,0	2,0	1,0
3	MEDI1004	Sinh lý	3,0	2,0	1,0
4	MEDI2005	Hóa sinh	3,0	2,5	0,5

TT	Mã học phần	Tên môn học / Học phần	TC	Phân bố TC	
				LT	TH
5	MEDI2006	Vi sinh	3,0	2,0	1,0
6	MEDI3007	Ký sinh trùng	3,0	2,0	1,0
7	MEDI2008	Giải phẫu bệnh	2,0	1,0	1,0
8	MEDI2009	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3,0	2,5	0,5
9	MEDI2010	Dược lý	3,0	2,5	0,5
10	MEDI5011	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	1,0	1,0	0,0
11	MEDI4012	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	1,0	1,0	0,0
12	MEDI3013	Dịch tễ học	2,0	2,0	0,0
13	NUR2001	Điều dưỡng cơ bản	2,0	1,0	1,0
		Tổng cộng	34,0	24,5	9,5

Kiến thức ngành: I17TC

TT	Mã học phần	Tên môn học / Học phần	TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	MEDI2101	Nội cơ sở Y học hiện đại	6,0	3,0	3,0
2	MEDI2102	Ngoại cơ sở Y học hiện đại	3,0	2,0	1,0
3	MEDI3103	Nội bệnh lý Y học hiện đại	6,0	3,0	3,0
4	TRAD5101; TRAD6102	Nội khoa Y học cổ truyền (2 học phần I,II)	10,0	6,0	4,0
5	MEDI3104	Ngoại bệnh lý Y học hiện đại	3,0	2,0	1,0
6	TRAD6103	Ngoại khoa Y học cổ truyền	3,0	2,0	1,0
7	MEDI4105	Phụ sản Y học hiện đại	3,0	2,0	1,0
8	TRAD6104	Phụ sản Y học cổ truyền	3,0	2,0	1,0
9	MEDI4106	Nhi khoa Y học hiện đại	3,0	2,0	1,0
10	TRAD6105	Nhi khoa Y học cổ truyền	2,0	1,0	1,0
11	TRAD6106	Lão khoa Y học cổ truyền	3,0	2,0	1,0
12	MEDI2107	Tiền Lâm sàng Y học hiện đại	2,0	0,0	2,0

TT	Mã học phần	Tên môn học / Học phần	TC	Phân bố TC	
				LT	TH
13	MEDI3108	Chẩn đoán hình ảnh	2,0	1,0	1,0
14	MEDI4109	Truyền nhiễm	3,0	2,0	1,0
15	MEDI4110	Phục hồi chức năng	3,0	2,0	1,0
16	MEDI5111	Thần kinh	2,0	1,0	1,0
17	MEDI5112	Hồi sức cấp cứu	3,0	2,0	1,0
18	MEDI4113	Nghiên cứu khoa học	2,0	2,0	0,0
19	MEDI5114	Y học gia đình	2,0	2,0	0,0
20	MEDI5115	Chương trình y tế quốc gia- Tổ chức quản lý y tế	2,0	2,0	0,0
21	TRAD5107	Thực tập cộng đồng	3,0	1,0	2,0
22	TRAD2108	Lý luận cơ bản y học cổ truyền (Y lý 1)	3,0	3,0	0,0
23	TRAD3109	Thực vật dược	2,0	1,5	0,5
24	TRAD3110	Chẩn đoán học y học cổ truyền (Y lý 2)	4,0	2,5	1,5
25	TRAD3111	Thuốc y học cổ truyền	4,0	3,0	1,0
26	TRAD3112	Bào chế thuốc y học cổ truyền	2,0	1,5	0,5
27	TRAD4113	Châm cứu 1	3,0	2,0	1,0
28	TRAD4114	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	3,0	2,0	1,0
29	TRAD4115	Phương tế	6,0	6,0	0,0
30	TRAD5116	Châm cứu 2	3,0	2,0	1,0
<i>Tự chọn 1: Chọn 4 trong 8 học phần sau</i>					
32	MEDI5116	Răng hàm mặt	2,0	1,0	1,0
33	MEDI5117	Tai mũi họng	2,0	1,0	1,0
34	MEDI5118	Mắt	2,0	1,0	1,0
35	MEDI5119	Ung thư	2,0	1,0	1,0
36	MEDI5120	Tâm thần	2,0	1,0	1,0
37	MEDI5121	Lao	2,0	1,0	1,0

TT	Mã học phần	Tên môn học / Học phần	TC	Phân bố TC	
				LT	TH
38	MEDI5122	Da liễu	2,0	1,0	1,0
39	MEDI5123	Dị ứng và miễn dịch lâm sàng	2,0	1,0	1,0
<i>Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>					
40	TRAD6117	Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Việt Nam	2,0	2,0	0,0
41	TRAD6118	Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Trung Quốc	2,0	2,0	0,0
<i>Tự chọn 3: Thực tập nghề nghiệp (Lý thuyết/Khoá luận, Lâm sàng thực tập nghề nghiệp)</i>					
+ Lý thuyết/Khoá luận: Sinh viên đủ điều kiện làm khoá luận và có đơn xin làm khoá luận thì tiến hành làm khoá luận. Còn lại sẽ học Lý thuyết thực tập nghề nghiệp.					
+ Lý thuyết và Lâm sàng thực tập nghề nghiệp: Chọn 1 trong 4 học phần sau					
42		Thực tập nghề nghiệp (Lý thuyết/Khoá luận, Lâm sàng thực tập nghề nghiệp)	8,0	4,0	4,0
		<i>Tự chọn 3: Chọn 1 trong 4 học phần thực tập nghề nghiệp</i>			
	TRAD6119	Nội Y học cổ truyền			
	TRAD6120	Ngoại Y học cổ truyền			
	TRAD6121	Sản Y học cổ truyền			
	TRAD6122	Nhi Y học cổ truyền			
		Tổng cộng	117,0	75,5	42,5

8.3. Kế hoạch đào tạo theo năm học

8.3.1. Năm thứ nhất

Tổng TC: 29,0 (22,5 / 6,5)

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
1	Triết học Mác-Lê nin	3,0	3,0	0,0	Bộ môn Lý luận chính trị

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
2	Giáo dục thể chất 1*	2,0	1,0	1,0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng
3	Tin học đại cương	2,0	0,5	1,5	Bộ môn Toán - Tin học
4	Ngoại ngữ 1	3,0	3,0	0,0	Bộ môn Ngoại ngữ
5	Giải phẫu 1	2,5	1,5	1,0	Bộ môn Giải phẫu
6	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học - Truyền thông giáo dục sức khỏe	2,0	2,0	0,0	Bộ môn Y tế công cộng
7	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,0	2,0	0,0	Bộ môn Lý luận chính trị
8	Giáo dục thể chất 2*	1,0	0,0	1,0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng
9	Hoá học	3,0	2,5	0,5	Bộ môn Hoá học
10	Sinh học + Di truyền	3,0	2,5	0,5	Bộ môn Sinh học và di truyền
11	Giải phẫu 2	2,5	1,5	1,0	Bộ môn Giải phẫu
12	Lý sinh	3,0	2,5	0,5	Bộ môn Y Vật lý
13	Sinh lý	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Sinh lý
14	Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự*	7,0	2,0	5,0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng
Tổng cộng (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự)		29,0	23,0	6,0	

8.3.2. Năm thứ hai

Tổng TC: 33,0 (29,0 / 4,0)

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
1	Giáo dục thể chất 3*	1,0	0,0	1,0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng
2	Ngoại ngữ 2	3,0	3,0	0,0	Bộ môn Ngoại ngữ

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
3	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền (Y lý I)	3,0	3,0	0,0	Bộ môn Y lý Y học cổ truyền
4	Mô phôi	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Mô học - Phôi thai học
5	Giải phẫu bệnh	2,0	1,0	1,0	Bộ môn Giải phẫu bệnh - Pháp y
6	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3,0	2,5	0,5	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch
7	Vi sinh	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Vi sinh - Ký sinh trùng
8	Hoá sinh	3,0	2,5	0,5	Bộ môn Hoá sinh
9	Điều dưỡng cơ bản	2,0	1,0	1,0	Bộ môn Điều dưỡng
10	Dược lý	3,0	2,5	0,5	Bộ môn Dược lý
11	Tiền lâm sàng Y học hiện đại	2,0	0,0	2,0	Bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi tổ Y học hiện đại
12	Nội cơ sở Y học hiện đại	6,0	3,0	3,0	Bộ môn Nội tổ Y học hiện đại
13	Ngoại cơ sở Y học hiện đại	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Ngoại tổ Y học hiện đại
Tổng cộng		36,0	24,5	11,5	

8.3.3. Năm thứ ba

Tổng TC: 33,0 (21,5 / 11,5)

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
1	Chẩn đoán hình ảnh	2,0	1,0	1,0	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
2	Ký sinh trùng	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Vi sinh - Ký sinh trùng

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
3	Thực vật dược	2,0	1,5	0,5	Bộ môn Thực vật - Dược liệu
4	Thuốc Y học cổ truyền	4,0	3,0	1,0	Bộ môn Dược cổ truyền
5	Bào chế thuốc Y học cổ truyền	2,0	1,5	0,5	Bộ môn Bào chế - Công nghiệp dược
6	Dịch tễ học	2,0	2,0	0,0	Bộ môn Y tế công cộng
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,0	2,0	0,0	Bộ môn Lý luận chính trị
8	Chẩn đoán học Y học cổ truyền (Y lý II)	4,0	2,5	1,5	Bộ môn Y lý Y học cổ truyền
9	Nội bệnh lý Y học hiện đại	6,0	3,0	3,0	Bộ môn Nội tổng Y học hiện đại
10	Ngoại bệnh lý Y học hiện đại	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Ngoại tổng Y học hiện đại
11	Tin học ứng dụng - Xác suất thống kê y học	3,0	1,0	2,0	Bộ môn Toán - Tin học
Tổng cộng		33,0	21,5	11,5	

8.3.4. Năm thứ tư

Tổng TC: 34,0 (28 / 6)

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,0	2,0	0,0	Bộ môn Lý luận chính trị
2	Ngoại ngữ 3	2,0	2,0	0,0	Bộ môn Ngoại ngữ
3	Phụ sản Y học hiện đại	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Sản phụ khoa
4	Nhi khoa Y học hiện đại	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Nhi
5	Phương tễ	6,0	6,0	0,0	Bộ môn Phương tễ
6	Châm cứu 1	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Châm cứu
7	Phục hồi chức năng	3,0	2,0	1,0	Bộ môn PHCN

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
8	Truyền nhiễm	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Truyền nhiễm - Lao
9	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Khí công - Dưỡng sinh - Xoa bóp bấm huyệt
10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	2,0	0,0	Bộ môn Lý luận chính trị
11	Nghiên cứu khoa học	2,0	2,0	0,0	Bộ môn Y tế công cộng
12	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	1,0	1,0	0,0	Bộ môn Y tế công cộng
13	Nhà nước và pháp luật	1,0	1,0	0,0	Bộ môn Y tế công cộng
Tổng cộng		34,0	28,0	6,0	

8.3.5. Năm thứ năm

Tổng TC: 30,0 (19,0 / 11,0)

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
1	Nội khoa Y học cổ truyền 1	5,0	3,0	2,0	Bộ môn Nội tổ Y học cổ truyền
2	Hồi sức cấp cứu	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Hồi sức cấp cứu và Chống độc
3	Châm cứu 2	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Châm cứu
4	Thần kinh	2,0	1,0	1,0	Bộ môn Nội tổ Y học hiện đại
5	Y học gia đình	2,0	2,0	0,0	Bộ môn Y tế công cộng
6	Tự chọn 1	8,0	4,0	4,0	
7	Dinh dưỡng Vệ sinh an toàn thực phẩm	1,0	1,0	0,0	Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
8	Chương trình Y tế quốc gia - Tổ chức quản lý y tế	2,0	2,0	0,0	Bộ môn Y tế công cộng
9	Dân số học	1,0	1,0	0,0	Bộ môn Y tế công cộng
10	Thực tập cộng đồng	3,0	1,0	2,0	Bộ môn Y tế công cộng

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
Tổng cộng		30,0	19,0	11,0	

8.3.6. Năm thứ sáu

Tổng TC: 27,0 (17,0 / 10,0)

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
1	Nội khoa Y học cổ truyền 2	5,0	3,0	2,0	Bộ môn Nội tổ Y học cổ truyền
2	Ngoại khoa Y học cổ truyền	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Ngoại tổ Y học cổ truyền
3	Nhi khoa Y học cổ truyền	2,0	1,0	1,0	Bộ môn Nhi
4	Phụ sản Y học cổ truyền	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Sản phụ khoa
5	Lão khoa Y học cổ truyền	3,0	2,0	1,0	Bộ môn Lão khoa
6	Tự chọn 2	2,0	2,0	0,0	
7	Phổ biến pháp luật về hành nghề	1,0	1,0	0,0	Bộ môn Y tế công cộng
8	Thực tập nghề nghiệp (LT/Khoá luận - LS) - Tự chọn 3.	8,0	4,0	4,0	
Tổng cộng		27,0	17,0	10,0	

8.4. Mô tả các học phần

8.4.1. Triết học Mác-Lênin

Triết học Mác - Lênin là môn học trang bị cho người học thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác, nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin. Giúp người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng triết học Mác - Lênin trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn cũng như trong sự nghiệp đổi mới đất nước và quá trình tu dưỡng bản thân. Đồng thời giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam. Từ đó, người học có niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

8.4.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Môn Kinh tế chính trị Mác Lênin trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy kinh tế của người học.

Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên
Xây dựng, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới.

8.4.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

CNXHKH là môn học trang bị cho người học những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; Giúp người học đề cao cảnh giác và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc, bọn phản động đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta; Từ đó góp phần quan trọng

trong việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

8.4.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần TTHCM trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; những kiến thức cơ bản, cốt lõi về hệ thống quan điểm TTHCM về con đường cách mạng Việt Nam. Từ đó, nâng cao nhận thức niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

8.4.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; những kiến thức cơ bản, cốt lõi, có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 cho đến nay, từ đó, khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo trong thực tiễn cách mạng.

8.4.6. Tiếng Trung 1

Học phần 1 môn Trung văn bao gồm 3 tín chỉ 18 bài với nội dung từ dễ đến khó. Luyện tập viết chữ Hán, đọc phiên âm, ngữ âm cơ bản, viết phiên âm của tiếng Hán, từ đó tiến hành giảng dạy kết cấu ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng; cuối cùng là giai đoạn giảng dạy ngữ đoạn, thông qua sự hiểu biết sâu hơn về ngữ pháp và vận dụng từ ngữ, để nâng cao hơn nữa khả năng biểu đạt thành đoạn văn của sinh viên.

Trọng điểm của học phần này là nhấn mạnh vào giảng dạy kết hợp luyện tập mẫu câu và bài khóa. Trên cơ sở giảng dạy kết hợp luyện tập mẫu câu và bài khóa, học viên sẽ quy nạp và nắm được kết cấu ngữ pháp trong mẫu câu và bài khóa. Để sinh viên thông qua việc ghi nhớ những mẫu câu và bài khóa mà lĩnh hội được kết cấu ngữ pháp trong tiếng Hán và ngữ nghĩa, ngữ dụng của từ ngữ. Thông qua nhận thức về kết cấu ngữ pháp tiếng Hán, ôn luyện nhiều lần, học nói được nhiều lời thoại, không ngừng nâng cao kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và khả năng giao tiếp. Các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, thông qua các chủ điểm và chủ đề bài học phù hợp với nhu cầu và khả năng của người học, nhằm giúp sinh viên đạt được các yêu cầu năng lực ngoại ngữ Bậc 1, được quy định trong Khung năng

lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

8.4.7. Tiếng Trung 2

Phần bài khóa và nội dung đàm thoại có quan hệ chủ điểm đồng nhất với bài luyện đọc trong phần bài tập, trên cơ sở bản từ mới của từng bài. Chủ điểm bài khóa bao gồm nhiều lĩnh vực trong đời sống hàng ngày, giới thiệu những kiến thức về đất nước và con người Trung Quốc nhằm tăng cường sự hiểu biết đối với đất nước Trung Hoa. Các bài học được biên soạn theo hướng mẫu câu để trực tiếp đi vào thực hành giao tiếp, những cũng giới thiệu khái quát cấu trúc ngữ pháp của tiếng Hán hiện đại. Các phần chú thích trong bài nêu rõ những kiến thức về ngôn ngữ và bối cảnh văn hóa Trung Hoa. Phần bài tập chú ý rèn luyện kỹ năng giao tiếp, mô phỏng và bồi dưỡng trí nhớ cho sinh viên. Sau khi học hết học phần này, sinh viên có thể tiến hành hội thoại thông thường và có thể đọc hiểu các bài văn đơn giản có sự hỗ trợ của từ điển.

Các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, thông qua các chủ điểm và chủ đề bài học phù hợp với nhu cầu và khả năng của người học, nhằm giúp sinh viên đạt được các yêu cầu năng lực ngoại ngữ Bậc 2, được quy định trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

8.4.8. Tiếng Trung chuyên ngành

Học phần này chú trọng việc giảng dạy từ ngữ và hiện tượng ngữ pháp làm trọng điểm, phân tích từ ngữ nổi bật và dạy cấu trúc câu. Thông qua bài học, giúp sinh viên nắm được những thuật ngữ chuyên ngành, những câu chuyện, điển tích, bài thuốc hay trong Đông y. Học phần này được thực hiện gồm 2 tín chỉ, tương đương 30 tiết lên lớp, nhằm cung cấp kiến thức từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, bài khóa chuyên ngành và chú trọng các kỹ năng nghe, nói, đọc viết đạt mức độ tương đương HSK3. Học phần 3 môn tiếng Trung chuyên ngành gồm 7 bài với nội dung từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, có hơn 300 từ mới, cụm từ và thuật ngữ chuyên ngành. 4 bài đầu, mỗi bài học bao gồm các phần: 1. Bài khóa; 2. Từ mới; 3. Chú thích; 4. Ngữ pháp, ngữ âm; 5. Luyện tập. 3 bài thuốc chuyên ngành, mỗi bài bao gồm các phần: 1. Bài khóa; 2. Từ mới; 3. Giải thích từ ngữ thông thường; 4. Giải thích thuật ngữ chuyên ngành; 5. Bài tập. Sau

khi học hết học phần này, sinh viên có thể tiến hành tự học, tự nghiên cứu và đọc hiểu các bài thuốc, đơn thuốc có sự hỗ trợ của từ điển.

8.4.9. Tin học đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Cụ thể học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính, sử dụng hệ điều hành Windows và xử lý các lỗi thông thường, trình duyệt web, thư điện tử. Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point.

8.4.10. Nhà nước và pháp luật

Mô đun Nhà nước và pháp luật nghiên cứu các khái niệm cơ bản, các phạm trù chung nhất về Nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học pháp lý. Trên cơ sở đó nội dung của môn học nhằm phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam.

Giới thiệu nội dung số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Cán bộ, công chức viên chức; Luật Hình sự và Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật giáo dục; Luật Phòng chống tham nhũng để từ đó người học có thể dễ dàng tiếp cận với các ngành luật khác phát sinh từ các ngành luật chủ yếu này.

8.4.11. Giáo dục thể chất*

- AEROBIC là hệ thống các kỹ thuật và bài tập được chọn lọc có hệ thống và khoa học, được du nhập vào Việt Nam từ đầu những năm 80 của thế kỷ trước và phát triển rộng khắp trên mọi miền Tổ quốc và ở hầu khắp các cấp học của hệ thống giáo dục. Nhằm mục đích hoàn thiện và phát triển toàn diện cơ thể.

- Môn võ Taekwondo hiện nay là môn thể dục thể thao rất được ưa chuộng ở Việt Nam và trên thế giới. Nó là hệ thống các kỹ thuật và bài tập được chọn lọc có hệ thống và khoa học nhằm mục đích giúp người học phát triển và hoàn thiện các tố chất của cơ thể.

8.4.12. Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự*

Theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân; phòng, chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng quân sự cần thiết: Điều lệnh đội ngũ, bản đồ địa hình quân sự, phân biệt được một số loại vũ khí bộ binh, các tư thế bắn súng và cách đánh mục tiêu...; những kiến thức cơ bản về Y học quân sự phục vụ quân đội khi cần thiết: Tổ chức chiến thuật quân y, nội - ngoại khoa dã chiến, vệ sinh phòng dịch quân đội, tiếp tế quân y, phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn, điều trị, xử lý vết thương chiến tranh.

8.4.13. Dân số học

Module dân số học sẽ giúp cho sinh viên được trang bị những kiến thức dân số, các yếu tố ảnh hưởng đến sự gia tăng dân số, tổ chức ngành dân số Việt Nam. Sinh viên cũng được học về các chính sách, chiến lược dân số trong giai đoạn hiện nay.

8.4.14. Sinh học - di truyền

Học phần Sinh học và di truyền gồm 3 tín chỉ (2.5 tín chỉ lý thuyết; 0.5 tín chỉ thực hành). Học phần Sinh học chứa đựng nội dung về tế bào, Sinh học phát triển cá thể, nguyên lý sinh thái, hệ thống sinh giới, đột biến NST, đột biến gen, một số kỹ thuật sinh học ứng dụng trong Y học, di truyền đơn gen, di truyền đa gen đa nhân tố ở người, di truyền nhóm máu, bất thường bẩm sinh và di truyền ung thư và kỹ năng thực hành cơ bản nhất của sinh học ứng dụng trong Y học và chăm sóc sức khỏe.

Học phần giúp người học hiểu, hệ thống hóa các kiến thức về Sinh học và Di truyền để vận dụng vào các hoạt động của cá nhân và tổ chức trong quá trình hành nghề Y.

8.4.15. Lý sinh

Phân tích các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

Phần Thực hành Lý sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những vấn đề cơ bản của học phần Lý Sinh.

8.4.16. Hóa học

Học phần này có 3 tín chỉ, trong đó có 2,5 tín chỉ lý thuyết và 0,5 tín chỉ thực hành, sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoá học, hoá phân tích, hóa học hữu cơ, vô cơ; hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

8.4.17. Tin học ứng dụng - Xác suất thống kê y học

Phần lý thuyết Tin học ứng dụng – Xác suất thống kê là bộ phận của học phần Tin học ứng dụng – Xác suất thống kê trang bị các khái niệm cơ bản về xác suất thống kê, đặc trưng của thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, so sánh các mẫu quan sát và bước đầu xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về y, dược.

Mục đích: Giúp người học tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện các báo cáo, dự trù ...trong lĩnh vực y dược.

Nội dung chính yếu: + Xác suất: Định nghĩa, công thức, bài toán liên quan

+ Quy Luật: Quy luật liên tục, quy luật rời rạc.

+ Ước lượng khoảng

+Kiểm định: Các dạng so sánh trung bình, các dạng so sánh phương

sai

8.4.18. Tâm lý Y học - Đạo đức y học - Truyền thông và giáo dục sức khoẻ

Nội dung học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý Y học, giúp sinh viên nắm được kiến thức về tâm lý người bệnh, stress tâm lý, chẩn đoán tâm lý lâm sàng, liệu pháp tâm lý; những nội dung cơ bản về đạo đức trong y học và những kỹ năng giao tiếp cơ bản của người thầy thuốc. Từ đó vận dụng kiến thức để rèn luyện kỹ năng và thái độ giao tiếp chuẩn mực trong học tập và chăm sóc bệnh nhân.

Nội dung gồm các khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông – giáo dục sức khoẻ và nâng cao sức khoẻ trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân. Hành vi sức khoẻ; các kỹ năng và các phương pháp, phương tiện truyền thông – giáo dục sức khoẻ.

8.4.19. Phổ biến pháp luật và hành nghề

Phổ biến pháp luật về hành nghề nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hành nghề khám chữa bệnh, các vấn đề liên quan đến luật bảo hiểm xã hội, luật dược, một số các vấn đề liên quan đến hành nghề. Các quyền và nghĩa vụ của người hành nghề. Các quy định của Nhà nước về hành nghề khám bệnh chữa bệnh

8.4.20. Giải phẫu 1

Học phần Giải phẫu 1 trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về giải phẫu hệ xương, hệ cơ, hệ khớp, hệ thần kinh, các giác quan, hệ nội tiết; giúp sinh viên tự mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể, liên quan, đặc điểm chức năng của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người bình thường, từ đó làm nền tảng phục vụ cho các môn học cơ sở cũng như Sinh lý học, Mô học – Phôi thai học.

8.4.21. Giải phẫu 2

Học phần Giải phẫu 2 trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về giải phẫu hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục; giúp sinh viên tự mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể, liên quan, đặc điểm chức năng của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người bình thường, từ đó làm nền tảng phục vụ cho các môn học cơ sở cũng như Sinh lý học, Mô học – Phôi thai học.

8.4.22. Mô phôi

Mô phôi thai học gồm 2 nội dung: mô học và phôi thai học

- Mô phôi thai học là môn y học cơ sở, là môn học tiên quyết cho môn Giải phẫu bệnh.

- Mô học là môn học nghiên cứu về hình thái ở mức độ vi thể và siêu vi thể của tế bào, mô và các cơ quan người bình thường. Nghiên cứu cấu trúc mô học người bình thường là điều kiện để học tốt môn giải phẫu bệnh.

- Phôi thai học: nghiên cứu sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.

8.4.23. Sinh lý

Sinh lý học là môn học cơ sở rất quan trọng của Y học. Những kiến thức về Sinh lý học trực tiếp phục vụ cho các môn bệnh học và là cơ sở để giải thích và phát hiện các rối loạn chức năng trong tình trạng bệnh lý. Mỗi phương pháp chẩn đoán, điều trị hay phòng bệnh đều phải được đặt trên cơ sở kiến thức sinh lý học.

8.4.24. Hóa sinh

Trình bày được cấu tạo chức năng và vai trò sinh học của các chất trong tế bào bào – cơ quan, nồng độ các chất đó trong mỗi tế bào , môi dịch dinh vật , cơ chế tạo thành và quá trình vận chuyển các chất , quá trình thoái hóa vận chuyển các chất và tổng hợp các chất , trao đổi năng lượng để duy trì sự sống

-Giải thích được các biểu hiện rối loạn chuyển hóa của tế bào trong trạng thái bệnh lý của một số bệnh

-Ứng dụng được các kiến thức về Hóa sinh để giúp người học đưa ra các chẩn đoán và điều trị bệnh.

8.4.25. Vi sinh

Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức về vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút gây bệnh; các phương pháp phát hiện, xét nghiệm vi sinh vật; các biện pháp phòng, chống vi sinh vật gây bệnh. Học phần giúp sinh viên ý thức được sự nguy hiểm của vi sinh vật gây bệnh đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng để tư vấn các biện pháp phòng chống chúng.

8.4.26. Ký sinh trùng

Học phần Ký sinh trùng gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái, chu kỳ phát triển, đặc điểm dịch tễ của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm bệnh học và tác hại của ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng; mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng; các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam.

8.4.27. Giải phẫu bệnh

- Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học, tổn thương, mối quan hệ giữa hình thái và chức năng, giữa con người và môi trường sống trong những biểu hiện lâm sàng của bệnh. Vận dụng kiến thức đã học để hiểu vai trò giải phẫu bệnh trong chẩn đoán một số bệnh lý u, ung thư và là kiến thức tiền đề cho các môn bệnh lý và ung thư.

- Giải phẫu bệnh là học phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo ngành y học cổ truyền

- Nội dung chính yếu:

+ Giải phẫu bệnh đại cương: Tổn thương cơ bản tế bào, mô, rối loạn tuần hoàn, viêm, u và ung thư.

+ Giải phẫu bệnh cơ quan: Ung thư phổi, viêm loét dạ dày, ung thư dạ dày, bệnh Hodgkin, bệnh tuyến giáp, bệnh sinh dục.

8.4.28. Sinh lý bệnh - Miễn dịch

Sinh lý bệnh miễn dịch là môn học nghiên cứu về những thay đổi chức năng hoạt động của các tế bào, mô, cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình để tìm ra các quy luật hoạt động của bệnh nói chung nhằm rút ra những quy luật từ riêng rẽ, cụ thể đến chung nhất của bệnh học để áp dụng vào thực tiễn chăm sóc sức khỏe con người. Nghiên cứu toàn bộ cấu trúc chức năng và quy luật hoạt động của hệ miễn dịch và các quá trình bệnh lý của hệ thống miễn dịch nhằm góp phần quan trọng trong dự phòng, chẩn đoán, điều trị sớm các quá trình bệnh lý nhằm đem lại sức khỏe cho con người.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Nội dung chính yếu: Người học biết vận dụng những kiến thức Sinh lý bệnh Miễn dịch để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.

8.4.29. Dược lý

Học phần Dược lý (phần lý thuyết) cung cấp các kiến thức cơ bản về dược lý học: Số phận của thuốc trong cơ thể, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, cơ chế tác dụng, các cách tác dụng và tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc. Ngoài ra, còn cung cấp kiến thức về dược lý (tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn, tương tác thuốc và liều dùng) của các nhóm thuốc cụ thể, ngộ độc thuốc và cách điều trị ngộ độc.

Các kiến thức này giúp sinh viên phân loại được các thuốc theo nhóm bệnh, từ đó dễ dàng vận dụng các kiến thức đã học trong việc kê đơn thuốc và hướng dẫn cách dùng thuốc cho người bệnh trong tình huống bệnh cụ thể. Ngoài ra, sinh viên có khả năng tự chủ, tự giải quyết vấn đề và quyết định dùng thuốc trong điều trị cho phù hợp và hiệu quả.

8.4.30. Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm

Dinh dưỡng & ATTP là môn học cung cấp những kiến thức dinh dưỡng từ cơ bản đến chuyên sâu bao gồm dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng lâm sàng, dinh dưỡng tế bào.... từ đó giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sức khỏe; nghiên cứu và lập ra những kế hoạch để can thiệp đối với những người đã và đang gặp các vấn đề về dinh dưỡng. Từ đó đưa ra giải pháp hiệu quả để khắc phục tình trạng mất cân bằng dinh dưỡng ở người bệnh, xây dựng nên chế độ ăn uống hợp lý, lành mạnh để đảm bảo sức khỏe tốt cho người bệnh.

8.4.31. Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp

Học phần nghiên cứu khoa học y học cơ bản nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo BS ngành y khoa với thời lượng 1,5 tín chỉ gồm 13 bài bao gồm cả 4 bài đọc thêm giúp học viên thực hiện được các bước cơ bản của thiết kế nghiên cứu khoa học y học, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và có thể tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở dưới sự hướng dẫn giám sát của thầy cô Học viện. Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản và các thiết kế chiến lược nghiên cứu khoa học y học cơ bản; cách xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin; viết đề cương nghiên cứu khoa học

8.4.32. Dịch tễ học

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

8.4.33. Điều dưỡng cơ bản

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản nhằm phát triển kỹ năng trong chăm sóc người bệnh. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ có cơ hội áp dụng kiến thức đã học vào thực hành và vào việc thực hiện công tác điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại bệnh viện. Rèn luyện ý thức, thái độ, tác phong và trách nhiệm cho sinh viên khi tham gia công tác chăm sóc sức khỏe người bệnh.

8.4.34. Nội cơ sở Y học hiện đại

Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar: Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về triệu chứng học các bệnh lý nội khoa thường gặp.

Mục đích của phần Học phần: giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thăm khám nhận định triệu chứng và lập luận chẩn đoán.

Nội dung chính yếu: Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định triệu chứng cơ năng và thực thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng từ đó quy về hội chứng bệnh, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ, chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng.

8.4.35. Ngoại cơ sở Y học hiện đại

Học phần NGOẠI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về vô khuẩn và tiết khuẩn trong ngoại khoa và kiến thức cơ bản về sơ cứu ban đầu của một số cấp cứu ngoại khoa thường gặp.

Học phần cũng giúp sinh viên khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng, hội chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh đường tiêu hóa, lồng ngực mạch máu và nhiễm khuẩn tiết khuẩn trong ngoại khoa.

Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại thần kinh, chấn thương chỉnh hình, ngoại niệu thường gặp.

- Thực hiện được sơ cứu ban đầu trong cấp cứu ngoại khoa

- Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học

8.4.36. Nội bệnh lý Y học hiện đại

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Phần thực hành lâm sàng sẽ tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cụ thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.

8.4.37. Nội khoa Y học cổ truyền 1

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Phần thực hành lâm sàng sẽ tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cụ thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.

8.4.39. Nội khoa Y học cổ truyền 2

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Phần thực hành lâm sàng sẽ tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cụ thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.

8.4.40. Ngoại bệnh lý Y học hiện đại

Sau khi học xong Học phần Ngoại Bệnh lý YHHĐ, học sinh nắm vững được:

- Kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ
- Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học
- Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ
- Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường
- Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường
- Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ

8.4.41. Ngoại khoa Y học cổ truyền

Giúp sinh viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT và YHHĐ trong việc học tập và nghiên cứu về cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, các phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ, đồng thời nghiên cứu nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ. Từ đó giúp sinh viên có kỹ năng khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ.

8.4.42. Phụ sản Y học hiện đại

Sản phụ khoa là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Nó trang bị cho học sinh kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh phụ khoa, sản khoa. Gồm 2 nội dung cơ bản:

- Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị sản phụ khoa
- Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ
- Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ

8.4.43. Phụ sản Y học cổ truyền

Sản phụ khoa là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Nó trang bị cho học sinh kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh phụ khoa, sản khoa. Gồm 2 nội dung cơ bản:

- Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị sản phụ khoa
- Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ
- Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ

8.4.44. Nhi khoa Y học hiện đại

Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em.

Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em.

Tư vấn giáo dục sức khỏe về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

8.4.45. Nhi khoa Y học cổ truyền

Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em.

Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em.

Tư vấn giáo dục sức khỏe về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

8.4.46. Lão khoa Y học cổ truyền

Môn học Bệnh học và Điều trị Lão bao gồm Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi theo quan điểm

YHHĐ và YHCT. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Lão khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ.

8.4.47. Tiền lâm sàng YHHĐ

Học phần Tiền lâm sàng Y học hiện đại là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về thăm khám bệnh nhân được thực hiện trên mô hình và trên người bệnh đóng vai, để người học hiểu được cách thức thăm khám từ đó có thể vận dụng và thực hiện được kỹ năng thăm khám trên người bệnh cụ thể. Học phần tiền lâm sàng nội Y học hiện đại đã giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thăm khám cơ bản để từ đó vận dụng vào thăm khám lâm sàng trên người bệnh thực phục vụ cho sinh viên đi học các môn lâm sàng nói chung đặc biệt là lâm sàng Nội cơ sở Y học hiện đại, Ngoại cơ sở Y học hiện đại, Nội bệnh lý Y học hiện đại, Ngoại bệnh lý, Sản phụ khoa Y học hiện đại, Nhi khoa Y học hiện đại.

8.4.48. Chẩn đoán hình ảnh

- Học phần Chẩn Đoán Hình Ảnh rất quan trọng đối với sinh viên năm thứ 3 của chương trình đào tạo Y khoa. Học phần sẽ cung cấp góc nhìn tổng quát cho Sinh viên để có thể nắm vững được làm thế nào để chẩn đoán được 1 bệnh lý, dựa trên những triệu chứng lâm sàng đã có, từ đó đưa ra các Phương pháp Chẩn Đoán Hình Ảnh sao cho phù hợp để chẩn đoán đúng tình trạng của bệnh nhân.

- Giúp cho Sinh viên có 1 cách nhìn toàn diện về 1 bệnh, xuyên suốt từ triệu chứng bệnh, diễn biến lâm sàng, đưa ra chẩn đoán cận lâm sàng phù hợp để Chẩn đoán xác định được đúng bệnh.

8.4.49. Truyền nhiễm

Sau khi học xong học phần sinh viên có kiến thức về nguyên nhân, các yếu tố dịch tễ (đường lây, nguồn lây, mầm bệnh, cơ thể cảm thụ, phân bố dịch tễ..), triệu chứng của một số bệnh lý truyền nhiễm thường gặp trên lâm sàng, có kiến thức về chẩn đoán, điều trị, một số bệnh truyền nhiễm, dự phòng một số bệnh trong cộng đồng và nhận thức tầm quan trọng của môn Truyền Nhiễm trong thực hành lâm sàng. Biết phòng bệnh cho bản thân gia đình và cộng đồng.

8.4.50. Phục hồi chức năng

Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.

8.4.51. Thần kinh

Có vị trí, vai trò quan trọng để hình thành phẩm chất, năng lực của người bác sĩ. Nội dung bao gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp: khám vận động, cảm giác, phản xạ, phối hợp vận động thăng bằng, 12 đôi dây thần kinh sọ não, dấu hiệu (tăng áp lực nội sọ, Kernig, Babinsky, Romberg...). Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng và bệnh thần kinh thường gặp: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng thất lưng hông, liệt mặt, tai biến mạch máu não,... Môn nội thần kinh liên quan đến kiến thức môn nội bệnh lý, ngoại bệnh lý. Để học tốt môn này người học cần phải có kiến thức về giải phẫu và sinh lý thần kinh người.

Do sự phát triển của khoa học- kỹ thuật đã có nhiều phương pháp hỗ trợ tốt chẩn đoán bệnh thần kinh: chụp (cộng hưởng từ hạt nhân, cắt lớp PET, SPECT,...), siêu âm Doppler, điện cơ, điện thế khiêu gọi,...đồng thời đã mở ra nhiều phương pháp nghiên cứu mới như dùng tế bào gốc, dược phẩm mới,... Có nhiều công trình nghiên cứu sâu để chữa các bệnh thần kinh khó như: Alzheimer, điếc thần kinh, các chứng đau, Parkinson,...đang hứa hẹn triển vọng tốt.

8.4.52. Hồi sức cấp cứu

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý YHHĐ, Ngoại bệnh lý YHHĐ.

Sinh viên được cung cấp các kiến thức về nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng lâm sàng, các hội chứng cũng như kỹ năng khám và chẩn đoán, xử trí một số vấn đề về cấp cứu ban đầu thường gặp.

8.4.53. Nghiên cứu khoa học

Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh; trên cơ sở đó sinh viên có thể thực hiện được các bước xây dựng và hoàn thiện một đề cương nghiên cứu, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, đối tượng, biến số nghiên cứu; cách viết tổng quan tài liệu, trích dẫn và quản lý tài liệu tham khảo, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với vấn đề và mục tiêu nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, viết và trình bày đề cương nghiên cứu.

8.4.54. Y học gia đình

Học phần Y học gia đình tập trung đi sâu vào phân tích từng khía cạnh của Y học gia đình như các nguyên lý trong thực hành y học gia đình, sử dụng một số công cụ trong đánh giá gia đình, quản lý được các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng cũng như khám sàng lọc và tư vấn cho bệnh nhân ngoại trú và đặc biệt biết cách chăm sóc sức khỏe theo vòng đời dựa vào các nguyên lý y học gia đình để sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng được các khái niệm, nguyên lý, công cụ đánh giá gia đình, quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

8.4.55. Y học gia đình

Mỗi bài trong phần này sẽ tập chung đi sâu vào phân tích từng khía cạnh của Y học gia đình như các nguyên lý trong thực hành y học gia đình, sử dụng một số công cụ trong đánh giá gia đình, quản lý được các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng cũng như khám sàng lọc và tư vấn cho bệnh nhân ngoại trú và đặc biệt biết cách chăm sóc sức khỏe theo vòng đời dựa vào các nguyên lý y học gia đình để sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng được các khái niệm, nguyên lý, công cụ đánh giá gia đình, quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

8.4.56. Chương trình y tế quốc gia - Tổ chức quản lý y tế

Nội dung học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm và nguyên lý cơ bản, mục tiêu, giải pháp và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu y tế.

8.4.57. Thực tập cộng đồng

Thời gian thực hiện tại trạm y tế xã và cộng đồng dân cư để giúp sinh viên thực hành kỹ năng xác định vấn đề sức khỏe, lập và thực hiện kế hoạch tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

Nội dung: Làm quen về tổ chức và điều kiện sống của cộng đồng; tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng bằng cách thu thập thông tin qua điều tra, phỏng vấn, thăm hộ gia đình; phân tích, giải thích kết quả, tìm ra vấn đề sức khỏe cộng đồng; thực hành giáo dục sức khỏe; chăm sóc và điều trị một số bệnh thông thường, sơ cấp cứu ban đầu. Kết thúc đợt thực tập viết báo cáo về lập kế hoạch can thiệp một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.

8.4.58. Lý luận Y học cổ truyền (Y lý I)

Học phần Lý luận cơ bản 1 là học phần bắt buộc được giảng dạy vào năm thứ 2 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về nội dung và ứng dụng của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT như Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết Thiên nhân hợp nhất, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ và các nguyên nhân gây bệnh. Quá đó làm cơ sở lý luận cho chẩn đoán và điều trị trong YHCT.

8.4.59. Thực vật dược

Học phần Thực vật dược dành cho đối tượng Bác sỹ YHCT trình độ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Bác sỹ YHCT, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội dung về đại cương, đặc điểm, vị trí, phân loại và quan hệ tiến hoá của các bậc phân loại chính, tính đa dạng của cây thuốc, ý nghĩa của việc bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên cây thuốc, đặc biệt là những cây thuốc sử dụng trong y học cổ truyền.

1. Nguyên tắc đọc và viết tiếng Latin – các từ Latin và tên cây thuốc thông dụng
2. Đại cương về tài nguyên cây thuốc
3. Trồng trọt – Thu hái – Làm khô – Bảo quản – Đánh giá chất lượng dược liệu
4. Các hoạt chất cơ bản trong dược liệu có tác dụng sinh học
5. Cây độc và tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền

Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại chính xác các cây thuốc góp phần kiểm nghiệm được các dược liệu và thực hiện tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý.

8.4.60. Chẩn đoán học Y học cổ truyền (Y lý II)

Học phần Chẩn đoán Y học Cổ truyền (Y lý 2) là học phần bắt buộc được giảng dạy vào năm thứ 2 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Chẩn đoán Y học Cổ truyền (Y lý 2) cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán và đưa ra các nguyên tắc và pháp điều trị theo YHCT từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám, chẩn đoán và bước đầu đưa ra các nguyên tắc, các pháp chữa bệnh cũng như phòng bệnh bằng YHCT.

8.4.61. Thuốc Y học cổ truyền

Học phần Thuốc Y học cổ truyền dành cho đối tượng Bác sỹ YHCT trình độ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Bác sỹ YHCT, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội dung về nguồn gốc, cách chế biến, tính

năng dược vật, cảm ky của thuốc YHCT và tính vị, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và liều lượng khoảng 300 vị thuốc YHCT thường dùng và các vị thuốc nam thường dùng trong cộng đồng.

Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại chính xác các vị thuốc góp phần tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý

8.4.62. Bào chế thuốc YHCT

Bào chế thuốc y học cổ truyền là sử dụng chế hoá cơ học, chế hoá lý hoá hoặc sinh tổng hợp nhằm thay đổi hình dạng, lý tính, dược tính của các nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên từ động vật, thực vật hoặc khoáng vật để đáp ứng yêu cầu của quá trình sản xuất, bảo quản, kinh doanh, nâng cao hiệu quả phòng bệnh, điều trị bệnh và nâng cao thể trạng con người.

Học phần Bào chế thuốc y học cổ truyền cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý bào chế đông dược, các mục đích cần đạt được sau khi bào chế và các phương pháp cơ bản trong bào chế. Dựa trên nền tảng đó sẽ đưa ra cách ứng dụng để bào chế từng vị thuốc cụ thể trong mỗi nhóm thuốc. Các vị thuốc sau khi bào chế đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ được ứng dụng bào chế ra các dạng thuốc như: thuốc thang, cồn thuốc, rượu thuốc, thuốc viên hoàn...

Học phần Bào chế thuốc y học cổ truyền cung cấp các kiến thức để tạo ra các vị thuốc đạt tiêu chuẩn chất lượng, phù hợp với từng mục đích điều trị cụ thể, nhằm nâng cao chất lượng điều trị cho bệnh nhân, giúp cho các thầy thuốc hiểu rõ phương pháp bào chế và sử dụng thuốc một cách an toàn và hiệu quả.

8.4.63. Châm cứu 1

- Học phần châm cứu 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về đường kinh huyết vị và cách thức thực hiện các kỹ thuật châm cứu cơ bản.

- Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung cơ bản liên quan đến lịch sử ngành châm cứu Việt Nam và Thế giới, vai trò của châm cứu trong nền y học, cơ chế tác dụng của châm cứu. Giới thiệu các đường kinh huyết vị trên cơ thể, kỹ thuật thực hiện các thủ thuật châm cứu cơ bản, các tai biến có thể xảy ra và cách phòng tránh, xử trí tai biến.

- Học phần lâm sàng rèn luyện cho sinh viên cách thức xác định đường kinh, huyết vị trên thực tế lâm sàng, cách thức thực hiện các kỹ thuật châm cứu theo đúng quy

trình và quy định của Bộ Y tế. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi vấn đáp lâm sàng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành các kỹ thuật châm cứu trên thực tế lâm sàng, trên người bệnh trong các học phần tiếp theo.

8.4.64. Phương pháp điều trị không dùng thuốc

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại. Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

8.4.65. Phương tễ

Phương tễ học là môn học về cách cấu tạo, hình thành bài thuốc bằng cách phối hợp các vị thuốc với các tính vị khác nhau dựa theo nguyên tắc của YHCT với mục đích điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.

Nhằm giúp các sinh viên YHCT đáp ứng được chuẩn năng lực BS YHCT có khả năng ứng dụng, lập được phương thuốc và sử dụng linh hoạt trên lâm sàng BM Phương tễ biên soạn Giáo trình Phương tễ học.

Sách gồm có 19 chương, trong đó có 1 chương về đại cương phương tễ, 1 chương về cách kê đơn thuốc và 17 chương thuốc cụ thể, bao gồm các phương thuốc thường dùng trong lâm sàng, có ý nghĩa thực tiễn cao.

Đồng thời trong từng phương thuốc còn bổ sung thêm phần ứng dụng lâm sàng, liên hệ giữa y học cổ truyền và y học hiện đại để tăng thêm tính ứng dụng cho phương thuốc để vận dụng trên lâm sàng.

8.4.66. Châm cứu 2

- Học phần châm cứu 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chọn và phối hợp huyệt, sử dụng phương huyệt để điều trị một số mặt bệnh hay gặp trên thực tế lâm sàng.

- Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung liên quan đến phương pháp chọn và phối hợp huyệt theo vị trí bệnh, nguyên nhân bệnh, triệu chứng bệnh, theo Nguyên - Lạc, Du – Mộ, Bát hội huyệt, Lục tổng huyệt, Ngũ du huyệt. Kê được đơn huyệt chữa 1 chứng bệnh cụ thể. Cung cấp cho sinh viên triệu chứng, cách chẩn đoán và điều trị bằng châm cứu các mặt bệnh thường gặp trên thực tế lâm sàng.

- Học phần lâm sàng rèn luyện cho sinh viên cách thức xây dựng công thức huyệt châm cứu theo đúng quy trình và quy định của Bộ Y tế. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi vấn đáp lâm sàng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành các kỹ thuật châm cứu trên thực tế lâm sàng, trên người bệnh trong các học phần tiếp theo.

8.4.67. Răng hàm mặt

Môn học Bệnh học và Điều trị RHM hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở RHM theo quan điểm YHHĐ kết hợp YHCT. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý RHM theo YHHĐ kết hợp YHCT. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh RHM thông thường bằng các liệu pháp YHHĐ kết hợp YHCT.

8.4.68. Tai mũi họng

Môn học Tai Mũi Họng bao gồm những bệnh lý Tai Mũi Họng và cấp cứu thường gặp ở mọi độ tuổi trên quan điểm YHHĐ. Môn học hướng dẫn sinh viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường.

8.4.69. Mắt

Nội dung Mắt gồm: Giải phẫu và sinh lý mắt, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh mắt thông thường. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.

8.4.70. Ung thư

Sinh viên được trang bị kiến thức về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán, loại trừ, nguyên tắc điều trị, lập kế hoạch điều trị và điều trị thực

tiền từ đó có thể tự nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc, điều trị và xử trí biến chứng, di chứng bệnh nhân mắc bệnh Ung thư. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp

8.4.71. Tâm Thần

Sinh viên có hiểu biết đầy đủ về các chẩn đoán Tâm thần theo danh mục của ICD10, chương F, có tham khảo quyết định 2058/ QĐ-BYT ngày 14 tháng năm 2020 về việc lựa chọn các vấn đề bệnh học Tâm thần trong thực tiễn lâm sàng tại Việt Nam; cũng như cách quản lý; điều trị và cách chăm sóc bệnh nhân có rối loạn tâm thần. Sinh viên có hiểu biết về các khía cạnh đạo đức hành nghề và pháp luật trong thực hành lâm sàng Tâm Thần.

8.4.72. Lao

- Bệnh lao có thể điều trị khỏi trên 90% các trường hợp bị mắc nếu người bệnh kiên trì điều trị đúng nguyên tắc. Phát hiện và điều trị sớm bệnh lao sẽ giảm thiểu được các di chứng nặng nề ảnh hưởng đến sức khoẻ và khả năng lao động của người bệnh.

- Điều trị bệnh lao nhằm những mục đích: khỏi bệnh, giảm tỷ lệ tử vong, giảm tỷ lệ kháng thuốc cũng như giảm sự lây truyền trong cộng đồng và cuối cùng là thực hiện ước mơ muôn đời của loài người là thanh toán bệnh lao.

- Điều trị các bệnh là việc làm hết sức quan trọng và vô cùng phức tạp. Muốn việc điều trị có hiệu quả thì ngay từ đầu bệnh nhân phải được thăm khám lâm sàng tỉ mỉ, chỉ định các xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng phù hợp để đưa ra được chẩn đoán bệnh chính xác và đầy đủ. Từ đó mới có hướng điều trị kịp thời, an toàn mà hiệu quả.

8.4.73. Da liễu

- Học phần tự chọn đối với chuyên ngành YHCT

- Học phần bắt buộc đối với Y đa khoa

- Mục đích chính yếu của học phần là cho sinh viên làm quen với chuyên ngành da liễu, có thể chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa một số bệnh da liễu thường gặp.

- Nội dung chính của học phần là giảng dạy lý thuyết và lâm sàng một số tổn thương cơ bản, chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh da liễu thường gặp.

8.4.74. Dự ứng và Miễn dịch lâm sàng

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý YHHĐ, Ngoại bệnh lý YHHĐ.

Dự ứng - Miễn dịch lâm sàng là một học phần chuyên ngành, cung cấp kiến thức về các bệnh lý dự ứng và bệnh lý tự miễn dịch cơ bản. Học phần này cung cấp cho sinh

viên các kiến thức về quy trình, kỹ thuật thăm khám và biện luận chẩn đoán, xây dựng phác đồ điều trị và phòng bệnh các bệnh dị ứng và bệnh tự miễn cơ bản. Học phần giúp sinh viên phát hiện và xử lý ban đầu được tình trạng phản vệ (một cấp cứu nội khoa quan trọng), thực hiện được test lấy da, chẩn đoán và lựa chọn được phương pháp điều trị phù hợp, lập được kế hoạch theo dõi điều trị, tư vấn chăm sóc cho người bệnh cụ thể.

8.4.75. Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam

Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam là học phần tự chọn được giảng dạy vào năm thứ 6 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám chữa bệnh bằng YHCT.

8.4.76. Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc

Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc là học phần tự chọn của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần giới thiệu một số Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc, cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp, giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám chữa bệnh bằng YHCT.

8.4.77. Thực hành nghề nghiệp (Lý thuyết/Khoá luận - Lâm sàng)

Học phần thực hành nghề nghiệp là một học phần bắt buộc, giúp Sinh viên Y6 YHCT có khả năng áp dụng các kiến thức đã học thực hiện các kỹ năng: thăm khám lâm sàng trên bệnh nhân thật, lập luận và ra quyết định chỉ định xét nghiệm, lập luận chẩn đoán, thực hiện thủ thuật, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh theo Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại.

Lý thuyết/Khoá luận: Sinh viên đủ điều kiện làm khoá luận và có đơn xin làm khoá luận thì tiến hành làm khoá luận. Còn lại sẽ học Lý thuyết thực tập nghề nghiệp.

Lý thuyết và Lâm sàng thực tập nghề nghiệp: Chọn 1 trong 4 học phần sau: Nội YHCT, Ngoại YHCT, Phụ sản YHCT, Nhi YHCT.

Khoá luận tốt nghiệp Bác sĩ YHCT là thể loại chuyên khảo tổng hợp của sinh viên sau khi kết thúc toàn bộ chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ đại học. Nội dung khoá luận tốt nghiệp là đề tài phù hợp với chuyên ngành YHCT.

8.5. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Bảng 6. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ghi chú: Chú thích: 3: đáp ứng cao; 2: đáp ứng trung bình; 1: đáp ứng thấp

ST T	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1.	Triết học Mác-Lê nin	1			2					1	1								
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	1			2					1	1								
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1			2					1	1								
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1			2					1	1								
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	1			2					1	1								
6.	Ngoại ngữ	1			3									3	1				
7.	Tin học đại cương	1			2	2				1				3					1
8.	Nhà nước và Pháp luật				3												1	1	
9.	Giáo dục thể chất*	1	1																
10.	Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự*	1	1		1										1				
11.	Dân số học		2			1									1				1
12.	Sinh học và di truyền	2	2								1								

ST T	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
13.	Lý sinh	2	2				1											
14.	Hoá học	2														1		
15.	Tin học ứng dụng - Xác suất thống kê y học			2	3			2					3					1
16.	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học - Truyền thông giáo dục sức khoẻ		1		1	2				2				2	2			1
17.	Phổ biến pháp luật và hành nghề			3						1							1	
18.	Giải phẫu I, II	2					1			1							1	
19.	Mô phôi	2					1			1							1	
20.	Sinh lý	2					1			1							1	
21.	Hóa sinh	2					1			1							1	
22.	Vì sinh	2					1			1							1	
23.	Ký sinh trùng	2					1			1							1	
24.	Giải phẫu bệnh	2					1			1							1	
25.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2					1			1							1	
26.	Dược lý	2					2			1						1	1	1
27.	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	2				1	1				1	1	1	1				1

ST T	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
28.	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	1	3			1	1	2					1			1			1
29.	Dịch tễ học	1	3			1	1	3					3			1			1
30.	Điều dưỡng cơ bản	2				3	1									2			
31.	Nội cơ sở Y học hiện đại	3	2				2		1	1	1				2	1	2	1	1
32.	Ngoại cơ sở Y học hiện đại	3					2		1	1	1				2	1	2	1	1
33.	Nội bệnh lý Y học hiện đại	3	2				3		2	2	2				2	2	2	1	1
34.	Nội khoa Y học cổ truyền (2 học phần I,II)	3	3	1			2	3	2	3	2				2	3	3	1	1
35.	Ngoại bệnh lý Y học hiện đại	3	2				3		2	2	2				2	2	2	1	1
36.	Ngoại khoa Y học cổ truyền	3	3				2	3	2	2	2				2	2	2	1	1
37.	Phụ sản Y học hiện đại	2	2				2		2	2	2				2	2	2	1	1
38.	Phụ sản Y học cổ truyền	3	3				2	3	2	2	2				2	2	2	1	1
39.	Nhi khoa Y học hiện đại	3	2				3		2	2	2				2	2	2	1	1
40.	Nhi khoa Y học cổ truyền	3	3				2	3	2	2	2				2	2	2	1	1
41.	Lão khoa Y học cổ truyền	3	3				1	3	2	2	2				2	2	2	1	1
42.	Tiền lâm sàng Y học hiện đại	2					2								2	2	1	1	1

ST T	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
43.	Chẩn đoán hình ảnh	2				2					1					2		
44.	Truyền nhiễm	2	2			2			2	2	2				2	2	2	1
45.	Phục hồi chức năng	3	2			3			2	2	2				2	2	2	1
46.	Thần kinh	3	2			3			2	2	2				2	2	2	1
47.	Hồi sức cấp cứu	2	2			3			2	2	2				2	2	2	1
48.	Nghiên cứu khoa học	1	1	3				3							1	1		3
49.	Y học gia đình	2	2			2			2	1	1				2	2	2	1
50.	Chương trình y tế quốc gia- Tổ chức quản lý y tế		2		1	2	3		2				3				1	2
51.	Thực tập cộng đồng	1	2			3	1	3	2	1		1	1		3	2	2	3
52.	Lý luận cơ bản y học cổ truyền (Y lý 1)	3	2			2					1							
53.	Thực vật dược	2				1			1									
54.	Chẩn đoán học y học cổ truyền (Y lý 2)	3	3			3					2							
55.	Thuốc y học cổ truyền	2				2			1	1						1	1	1
56.	Bảo chế thuốc y học cổ truyền	2				2			1	1						1	1	1
57.	Châm cứu 1	3	2	1		3					1				2	3	3	1

ST T	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
58.	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	3	2							1				2		3		1
59.	Phương tế	2						1								1	1	1
60.	Châm cứu 2	3	2							1				2	2	2	2	1
Tự chọn 1: Chọn 4 trong 8 học phần																		
61.	Răng hàm mặt	2	1						1	1	1			2	2	2	2	1
62.	Tai mũi họng	2	1						1	1	1			2	2	2	2	1
63.	Mắt	2	1						1	1	1			2	2	2	2	1
64.	Ung thư	2	1						1	1	1			2	2	2	2	1
65.	Tâm thần	2	1						1	1	1			2	2	2	2	1
66.	Lao	2	1						1	1	1			2	2	2	2	1
67.	Da liễu	2	1						1	1	1			2	2	2	2	1
68.	Dị ứng và miễn dịch lâm sàng	2	1						1	1	1			2	2	2	2	1
Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần																		
69.	Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Việt Nam	2								1								

ST T	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
70.	Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Trung Quốc	2				2					1							
	Tự chọn 3: Thực tập nghề nghiệp																	
71.	Nội Y học cổ truyền	3	3			3	3	2		3	3	2		3	3	3	3	2
72.	Ngoại Y học cổ truyền	3	3			3	3	2		3	3	2		3	3	3	3	2
73.	Sân Y học cổ truyền	3	3			3	3	2		3	3	2		3	3	3	3	2
74.	Nhi Y học cổ truyền	3	3			3	3	2		3	3	2		3	3	3	3	2

IX. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau.

Cách thiết kế phương pháp dạy học của chương trình đào tạo ngành Y khoa đi theo hướng phát triển năng lực, lấy “Người học là trung tâm”. Kết quả học tập dự kiến sẽ đạt được thông qua phương pháp giảng dạy, hoạt động của giảng viên và sinh viên tương thích, phù hợp theo định hướng phát triển năng lực cho người học bằng sự kết hợp cả hoạt động học tập ở Học viện và tự học.

Kết hợp các phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, Team Based Learning, viết chuyên đề, làm bài tập lớn, cầm tay chỉ việc, thực hành, Tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động sáng tạo trong quá trình dạy và học.

- Thực tập tiền lâm sàng: Tại các phòng thực tập, thí nghiệm, trung tâm tiền lâm sàng của Học viện;
- Thực hành tại bệnh viện tại các cơ sở thực hành chính của Học viện;
- Thực tập tốt nghiệp tại các bệnh viện các tỉnh thời gian 8 tuần;
- Thực tập cộng đồng: Tại các bệnh viện huyện, trung tâm y tế huyện/ thành phố, các trạm y tế thuộc địa bàn tỉnh.

9.1. Ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học

Bảng 7. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học

STT	Tên học phần	Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm	Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập	Tổng số PP/1 môn học
1.	Triết học Mác-Lê nin	x	x			x						3
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	x			x	x				x		4
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x			x	x						3
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			x	x						3
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x	x			x						3
6.	Ngoại ngữ	x	x	x	x	x	x	x	x			8
7.	Tin học đại cương	x	x			x					x	4

8.	Nhà nước và Pháp luật	x							x									x				4	
9.	Giáo dục thể chất*	x																		x			4
10.	Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự*																						
11.	Dân số học	x							x														4
12.	Sinh học và di truyền	x					x																3
13.	Lý sinh	x							x														4
14.	Hoá học	x					x		x														5
15.	Tin học ứng dụng - Xác suất thống kê y học	x							x														3
16.	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học - Truyền thông giáo dục sức khoẻ	x																					2
17.	Phổ biến pháp luật và hành nghề	x							x														4

18.	Giải phẫu I, II	x	x	x														x	5
19.	Mô phôi	x	x	x														x	5
20.	Sinh lý	x		x														x	6
21.	Hóa sinh	x		x														x	6
22.	Vi sinh	x	x	x														x	5
23.	Ký sinh trùng	x	x	x														x	4
24.	Giải phẫu bệnh	x	x	x														x	4
25.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	x																	1
26.	Dược lý	x	x	x														x	4
27.	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	x	x	x															3

28.	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	x														x																							2			
29.	Dịch tễ học	x												x																											3	
30.	Điều dưỡng cơ bản	x																																						5		
31.	Nội cơ sở Y học hiện đại	x																																							4	
32.	Ngoại cơ sở Y học hiện đại	x																																							6	
33.	Nội bệnh lý Y học hiện đại	x																																							6	
34.	Nội khoa Y học cổ truyền (2 học phần I,II)	x																																							6	
35.	Ngoại bệnh lý Y học hiện đại	x																																								6

36.	Ngoại khoa Y học cổ truyền	x	x	x	x														x	x	6
37.	Phụ sản Y học hiện đại	x	x																	x	4
38.	Phụ sản Y học cổ truyền	x	x																	x	4
39.	Nhi khoa Y học hiện đại	x	x																	x	4
40.	Nhi khoa Y học cổ truyền	x	x																	x	4
41.	Lão khoa Y học cổ truyền	x	x																	x	4
42.	Tiền Lâm sàng Y học hiện đại	x	x																	x	5
43.	Chẩn đoán hình ảnh	x	x																		3
44.	Truyền nhiễm	x	x																		3
45.	Phục hồi chức năng	x	x																		5
46.	Thần kinh	x	x																		4

47.	Hội sức cấp cứu	x	x	x	x													x		5	
48.	Nghiên cứu khoa học	x																			4
49.	Y học gia đình	x																			4
50.	Chương trình y tế quốc gia- Tổ chức quản lý y tế	x																			3
51.	Thực tập cộng đồng	x																			4
52.	Lý luận cơ bản y học cổ truyền (Y lý 1)	x																			3
53.	Thực vật dược	x																			4
54.	Chẩn đoán học y học cổ truyền (Y lý 2)	x																			7
55.	Thuốc y học cổ truyền	x																			4
56.	Bảo chế thuốc y học cổ truyền	x																			3
57.	Châm cứu 1	x																			4

58.	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	x	x																				3	
59.	Phương tế	x	x																					3
60.	Châm cứu 2	x																						4
Tự chọn 1: Chọn 4 trong 8 học phần																								
61.	Răng hàm mặt	x	x																					5
62.	Tai mũi họng	x	x																					6
63.	Mắt	x	x																					6
64.	Ung thư	x	x																					7
65.	Tâm thần	x	x																					7
66.	Lao	x	x																					4
67.	Da liễu	x	x																					7
68.	Dị ứng và miễn dịch lâm sàng	x	x																					7
Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần																								

69.	Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Việt Nam	x	x					x											3
70.	Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Trung Quốc	x	x					x											3
Tự chọn 3: Chọn 1 trong 4 học phần thực tập nghề nghiệp																			
71.	Nội Y học cổ truyền	x	x					x										x	6
72.	Ngoại Y học cổ truyền	x	x					x										x	6
73.	Sân Y học cổ truyền	x	x					x										x	6
74.	Nhi Y học cổ truyền	x	x					x										x	6

9.2. Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được PLO

Bảng 8. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLO) và phương pháp dạy-học

Phương pháp dạy-học	Chuẩn đầu ra (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
Động não	x	x	x	x	x	x		x					x				
Tùng cặp /Chia sẻ							x		x	x			x				
Học dựa trên vấn đề	x	x	x	x	x	x	x					x	x				
Hoạt động nhóm	x			x	x						x		x		x		
Đóng vai	x					x	x						x	x			
Học dựa vào dự án			x		x	x							x		x		
Mô phỏng	x					x	x						x				
Nghiên cứu tình huống	x			x		x							x				
Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập															x	x	x

9.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.

Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người Bác sĩ.

Hàng năm, bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên đặc biệt là giảng viên trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực giảng viên.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của giảng viên.

Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

9.3. Đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

9.3.1. Đội ngũ cán bộ

Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu đúng chuyên ngành: Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

9.3.2. Cơ sở vật chất

Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy.

Mỗi môn học có học phần thực hành phải có ít nhất 01 phòng thực hành được trang bị đầy đủ theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế.

X. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

10.1. Đánh giá chung toàn khoá

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần được sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) do sinh viên đăng ký trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

10.2. Đánh giá học phần

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Học viện thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Tùy theo các học phần, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của sinh viên do giảng viên đánh giá; mỗi học phần đều được đánh giá thông qua các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần. Hình thức thi và kiểm tra hướng tới đánh giá năng lực người học.

Sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá tích cực phù hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ra như: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp thực hành.

Bảng 9. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp đánh giá

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
1.	Triết học Mác-Lê nin		x					1
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		x					1
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		x					1
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		x					1
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		x					1
6.	Ngoại ngữ		x	x				2
7.	Tin học đại cương						x	1
8.	Nhà nước và Pháp luật		x					1
9.	Giáo dục thể chất*						x	1
10.	Giáo dục quốc phòng và Y học quân sự*						x	1
11.	Dân số học		x					1
12.	Sinh học và di truyền		x					1
13.	Lý sinh		x				x	2

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
14.	Hoá học		x				x	2
15.	Tin học ứng dụng - Xác suất thống kê y học		x				x	2
16.	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học - Truyền thông giáo dục sức khoẻ		x					1
17.	Phổ biến pháp luật và hành nghề		x					1
18.	Giải phẫu I, II		x			x		2
19.	Mô phôi		x			x		2
20.	Sinh lý		x			x		2
21.	Hóa sinh		x				x	2
22.	Vi sinh		x			x		2
23.	Ký sinh trùng		x			x		2
24.	Giải phẫu bệnh		x				x	2
25.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		x			x		2
26.	Dược lý		x				x	2

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
27.	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm		x					1
28.	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp		x					1
29.	Dịch tễ học		x					1
30.	Điều dưỡng cơ bản		x				x	2
31.	Nội cơ sở Y học hiện đại		x	x			x	3
32.	Ngoại cơ sở Y học hiện đại		x	x			x	3
33.	Nội bệnh lý Y học hiện đại		x	x			x	3
34.	Nội khoa Y học cổ truyền (2 học phần I,II)		x	x			x	3
35.	Ngoại bệnh lý Y học hiện đại		x	x			x	3
36.	Ngoại khoa Y học cổ truyền		x	x			x	3
37.	Phụ sản Y học hiện đại		x	x			x	3
38.	Phụ sản Y học cổ truyền		x	x			x	3
39.	Nhi khoa Y học hiện đại		x	x			x	3

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
40.	Nhi khoa Y học cơ truyền		x	x			x	3
41.	Lão khoa Y học cơ truyền		x	x			x	3
42.	Tiền Lâm sàng Y học hiện đại		x				x	2
43.	Chẩn đoán hình ảnh	x					x	2
44.	Truyền nhiễm		x	x			x	3
45.	Phục hồi chức năng		x	x			x	3
46.	Thần kinh		x	x			x	3
47.	Hồi sức cấp cứu		x	x			x	3
48.	Nghiên cứu khoa học				x			1
49.	Y học gia đình		x					1
50.	Chương trình y tế quốc gia- Tổ chức quản lý y tế				x			1
51.	Thực tập cộng đồng			x	x			2
52.	Lý luận cơ bản y học cơ truyền (Y lý 1)		x				x	2
53.	Thực vật dược		x				x	2

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
54.	Chẩn đoán học y học cổ truyền (Y lý 2)		x				x	2
55.	Thuốc y học cổ truyền		x				x	2
56.	Bào chế thuốc y học cổ truyền		x				x	2
57.	Châm cứu 1		x				x	2
58.	Phương pháp điều trị không dùng thuốc		x				x	2
59.	Phương tễ		x					1
60.	Châm cứu 2		x				x	2
Tự chọn 1: Chọn 4 trong 8 học phần								
61.	Răng hàm mặt		x	x			x	3
62.	Tai mũi họng		x	x			x	3
63.	Mắt		x	x			x	3
64.	Ung thư		x	x			x	3
65.	Tâm thần		x	x			x	3
66.	Lao		x	x			x	3

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
67.	Da liễu		x	x			x	3
68.	Dị ứng và miễn dịch lâm sàng		x	x			x	3
Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần								1
69.	Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Việt Nam		x					1
70.	Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Trung Quốc		x					1
Tự chọn 3: Thực tập nghề nghiệp								
71.	Nội Y học cổ truyền		x					1
72.	Ngoại Y học cổ truyền		x					1
73.	Sân Y học cổ truyền	x					1	
74.	Nhi Y học cổ truyền							

Bảng 10. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLO

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)	Chuẩn đầu ra (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1. Tự luận	x					x											
2. MCQ	x	x		x	x	x	x			x		x	x	x	x	x	x
3. Vấn đáp có cấu trúc				x		x					x	x	x	x	x		x
4. Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	x	x	x		x		x	x	x								
5. Chạy trạm (OSCE)	x																
6. Thực hành (thi trên BN/Thi trên công việc thật)						x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x

10.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, các bộ môn đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong Phương pháp đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

10.4. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

10.4.1. Đối với học phần lý thuyết (hoặc lý thuyết có thực hành môn học)

a) Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần phần (gọi tắt là điểm học phần) được căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm đánh giá công việc thực hiện tại nhà; và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc

học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%. Điểm tổng kết học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

b) Đối với mỗi học phần sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần. Đối với học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ, có thể chỉ có 1 điểm đánh giá.

c) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Giám đốc phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

10.4.2. Đối với các học phần thực hành:

- Điểm đánh giá bộ phận là điểm đánh giá các bài thực hành trong quá trình giảng dạy, điểm này được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Số lần đánh giá các bài thực hành: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Sinh viên phải đi học đầy đủ 100% số buổi thực hành, và không còn bài nào bị dưới 4/10 điểm.

- Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

GHI CHÚ:

1. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng.

3. Cách xếp loại điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần như sau:

a) Loại đạt: A (8,5 - 10)

B⁺ (8,0 - 8,4)

B (7,0 - 7,9)

C⁺ (6,5 - 6,9)

C (5,5 - 6,4)

D⁺ (5,0 - 5,4)

D (4,0 - 4,9)

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0)

10.5. Đối với học phần Thực tập nghề nghiệp

- Thực tập nghề nghiệp gồm Lý thuyết/Khoá luận và Lâm sàng thực tập nghề nghiệp

Lâm sàng thực tập nghề nghiệp có thời gian 8 tuần tại các bệnh viện chuyên ngành YHCT, cuối đợt tiến hành thi kết thúc thực tập lâm sàng.

- Nếu sinh viên đủ điểm làm khoá luận, có nguyện vọng đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp thì được làm khóa luận. Các sinh viên còn lại học lý thuyết thực hành nghề nghiệp. Việc đánh giá mỗi khóa luận tốt nghiệp được quy định trong văn bản riêng do Giám đốc Học viện ban hành. Điểm của khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm theo quy định tại Thông tư 08/TT-BGDĐT năm 2021 về Đào tạo Đại học phần theo hệ thống tín chỉ. Kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 2 tuần, kể từ ngày nộp khóa luận tốt nghiệp. Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học và thi lý thuyết thực tập nghề nghiệp để thay thế.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Hoạt động dạy-học lý thuyết được tổ chức tại các giảng đường.
- Thực hành các module/học phần y học cơ sở: tại các phòng thực hành chức năng tại phòng thực hành các bộ môn.
- Thực tập tiền lâm sàng tại Trung tâm Tiền lâm sàng.
- Sinh viên đi thực hành Y khoa sớm từ năm 3 tại các bệnh viện trung ương, bệnh viện chuyên ngành, bệnh viện/trung tâm y tế tuyến quận/huyện trong thành phố Hà Nội.

XII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh 2023 cho sinh viên ngành Y khoa

Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những mô đun tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những mô đun thích hợp.

Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, kinh phí cho thực hành, thực tập và tăng cường trang thiết bị, máy móc, thiết bị thí nghiệm cho mỗi mô đun và toàn bộ khóa học, trưởng các bộ phận liên quan sẽ phải kiểm tra, đánh giá và trình Giám đốc phê duyệt.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật mỗi 2-3 năm, khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Các Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

XIII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

XIV. PHỤ LỤC

1. Các văn bản pháp lý

- Chỉ thị 296/CT-TTg ngày 27-2-2010 của Thủ tướng Chính phủ,
- Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22-4-2010;
- Quyết định 1982/QĐ-TTg phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Năm 2016

- Thông tư 17/2021/ TT - BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiếp tục đổi mới quản trị đại học về đào tạo dựa vào cách tiếp cận theo sản phẩm đầu ra;
- Thông tư 08/2021/TT-BGD-ĐT ngày 18/03/2021 về Quy chế đào tạo trình độ đại học.
- Quyết định 481/2021 của Hội đồng trường về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện; điều kiện về vật chất, đội ngũ giảng viên và nhu cầu của học viên để xây dựng CDR;

2. Khung chương trình các trường đại học khác

- Trường đại học Y Hà Nội
- Trường đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh
- Trường đại học Y Dược Thái Nguyên
- Trường đại học Y Dược Thái Bình

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2021

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Quốc Huy

TS. Phạm Khải Hưng



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN
NĂM 2021**

HÀ NỘI - 2021

MỤC LỤC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN /MODULE TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN.....	1
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN. (Năm 2021).....	15
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	24
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	33
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	42
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN I. TIẾNG TRUNG CƠ BẢN	55
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN II. TIẾNG TRUNG CƠ BẢN.....	67
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN 3. TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH	79
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (PHẦN LÝ THUYẾT)	91
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (THỰC HÀNH).....	104
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	116
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). VÕ + TDND	124
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). NGŨ GIA QUYỀN	133
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). THÁI CỤC QUYỀN ...	140
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. DÂN SỐ HỌC.....	148
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN. (PHẦN LÝ THUYẾT).....	157
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. LÝ SINH.....	174
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (THỰC HÀNH). LÝ SINH	182
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN: HÓA HỌC.....	188
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN: HÓA HỌC (THỰC HÀNH)	198
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TIN HỌC ỨNG DỤNG – XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y HỌC (PHẦN LÝ THUYẾT)	205
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). Tin học ứng dụng – Xác suất thống kê y học.....	217
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TÂM LÝ Y HỌC - ĐẠO ĐỨC Y HỌC - TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE	228
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ HÀNH NGHỀ.240 LÝ THUYẾT GIẢI PHẪU 1	248
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH GIẢI PHẪU 1	255
LÝ THUYẾT GIẢI PHẪU 2	262
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH GIẢI PHẪU 2	269

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. LÝ THUYẾT MÔ PHÔI THAI HỌC	276
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH MÔ HỌC.....	285
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. SINH LÝ HỌC(PHẦN LÝ THUYẾT)	295
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. THỰC HÀNH SINH LÝ HỌC(PHẦN THỰC HÀNH) ...	305
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. HOÁ SINH (PHẦN LÝ THUYẾT)	314
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. HÓA SINH (PHẦN THỰC HÀNH).....	324
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. VI SINH (PHẦN LÝ THUYẾT).....	334
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. VI SINH THỰC HÀNH.....	345
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. KÝ SINH TRÙNG (PHẦN LÝ THUYẾT)	354
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KÝ SINH TRÙNG (THỰC HÀNH).....	368
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. GIẢI PHẪU BỆNH (PHẦN LÝ THUYẾT)....	376
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). GIẢI PHẪU BỆNH (THỰC HÀNH).....	387
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. LÝ THUYẾT SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH	394
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. THỰC HÀNH MIỄN DỊCH	410
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÝ (LÝ THUYẾT)	419
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. DƯỢC LÝ – THỰC HÀNH	435
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm	446
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP	455
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. DỊCH TỄ HỌC	465
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN (LÝ THUYẾT).....	482
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN (THỰC HÀNH).....	489
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NỘI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI (PHẦN LÝ THUYẾT).....	496
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NỘI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI (PHẦN LÂM SÀNG).....	504
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NGOẠI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI	513
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NGOẠI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI (LÂM SÀNG).....	522
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NỘI BỆNH LÝ Y HỌC HIỆN ĐẠI (PHẦN LÝ THUYẾT).....	530
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NỘI BỆNH LÝ Y HỌC HIỆN ĐẠI (PHẦN LÂM SÀNG).....	540

NỘI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN 1 (Lý thuyết).....	550
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC. NỘI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN 1 (Lâm sàng).....	561
BỘ Y TẾ.....	574
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC. NỘI KHOA Y học cổ truyền 2 (Lý thuyết)	574
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC. NỘI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN 2 (Lâm sàng).....	586
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NGOẠI BỆNH LÝ Y HỌC HIỆN ĐẠI.....	601
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). NGOẠI BỆNH LÝ Y HỌC HIỆN ĐẠI (LÂM SÀNG).....	610
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NGOẠI KHOA YHCT (PHẦN LÝ THUYẾT)	617
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NGOẠI KHOA YHCT (LÂM SÀNG)	632
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. PHỤ SẢN YHHĐ.....	640
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Thực hành/lâm sàng). PHỤ SẢN 1	649
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. PHỤ SẢN YHCT (PS2)	655
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Thực hành/lâm sàng). PHỤ SẢN 2	665
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NHI KHOA Y HỌC HIỆN ĐẠI (PHẦN LÝ THUYẾT).....	671
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). NHI KHOA Y HỌC HIỆN ĐẠI (THỰC HÀNH)	682
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NHI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN LÝ THUYẾT).....	690
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). NHI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN (THỰC HÀNH)	701
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. LÃO KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN (Phần Lý thuyết)	708
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). LÃO KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN.....	714
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). TIỀN LÂM SÀNG Y HỌC HIỆN ĐẠI	720
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MODULE. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	727
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN	743
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	751
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	760
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH	768
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH (lâm sàng)	779

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÝ THUYẾT)	787
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÂM SÀNG) ...	795
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	802
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. Y HỌC GIA ĐÌNH.....	811
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA-TỔ CHỨC QUẢN LÝ Y TẾ	825
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. THỰC TẬP CỘNG ĐỒNG	839
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng).....	851
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. LÝ LUẬN CƠ BẢN (Y LÝ 1).....	856
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. THỰC VẬT DƯỢC (PHẦN LÝ THUYẾT)	866
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (thực hành). THỰC VẬT DƯỢC	875
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHẨN ĐOÁN Y HỌC CỔ TRUYỀN. (PHẦN THỰC HÀNH)	882
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHẨN ĐOÁN Y HỌC CỔ TRUYỀN. (PHẦN LÝ THUYẾT).....	889
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN LÝ THUYẾT) ...	897
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN THỰC HÀNH) ..	907
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. BẢO CHẾ THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN LÝ THUYẾT).....	913
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). BẢO CHẾ THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN (THỰC HÀNH)	924
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN. CHÂM CỨU 1 (Phần Lý thuyết)	930
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). CHÂM CỨU 1	938
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT. Phương pháp điều trị không dùng thuốc	946
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MODULE (THỰC HÀNH/LÂM SÀNG). PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ KHÔNG DÙNG THUỐC	955
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. PHƯƠNG TỄ (PHẦN LÝ THUYẾT)	965
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN (Phần Lý thuyết. CHÂM CỨU 2.....	1007
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN (Thực hành/Lâm sàng). CHÂM CỨU 2.....	1015
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. RĂNG HÀM MẶT.....	1024
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TAI MŨI HỌNG	1030
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TAI MŨI HỌNG (Lâm sàng).....	1038
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN MẮT. (PHẦN LÝ THUYẾT)	1043
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN MẮT. (PHẦN THỰC HÀNH/ LÂM SÀNG) .	1051
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. UNG THU (PHẦN LÝ THUYẾT)	1058
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). UNG THU (THỰC HÀNH)	1066

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM THẦN	1074
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). (TÂM THẦN)	1082
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. LAO (LT)	1089
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng). LÃO KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN.....	1096
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DA LIỄU	1103
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. DA LIỄU (Thực hành/lâm sàng).....	1113
Da liễu học	1117
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. DỊCH ỨNG – MIỄN DỊCH (PHẦN LÝ THUYẾT)	1121
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. DỊCH ỨNG – MIỄN DỊCH (Thực hành/lâm sàng)	1128
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN Y HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	1135
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN Y HỌC CỔ TRUYỀN TRUNG QUỐC.....	1145
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP KHÓI.....	1154
PHỤ LỤC 1	1163
PHỤ LỤC 2	1164
PHỤ LỤC 3.....	1166

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN /MODULE TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Đối tượng đào tạo: Ngành Y học cổ truyền trình độ Đại học;

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun: Triết học Mác - Lênin

* Tiếng Việt: Triết học Mác - Lênin

* Tiếng Anh: Marxist - Leninist philosophy

- Mã học phần/ mô đun: POL1001

- Số tín chỉ (lý thuyết): 03

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45

+ Lý thuyết: 36 tiết

+ Thảo luận: 08 tiết

+ Kiểm tra: 01 tiết

- Đối tượng học: Y học cổ truyền (năm thứ 1)

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết: Không

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết

+ Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết

+ Làm bài tập trên lớp:

+ Thảo luận trên lớp: 08 tiết

+ Hoạt động theo nhóm:

+ Thời gian tự học: giờ

+ Kiểm tra: 01 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Bùi Thị Phương Thúy	0989727656	phuongthuy12883.pt@gmail.com
2	ThS. Vũ Thị Huê	0989525368	vuhue081084@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Có được những hiểu biết căn bản về Triết học Mác – Lênin. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin.	[CDR4]	1
MT2	Hình thành được thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật, đây là cơ sở lý luận đúng đắn trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân.	[CDR1]	1
MT3	Đạt được kiến thức nền tảng để học tốt các môn học tiếp theo, đặc biệt là các môn Lý luận chính trị	[CDR1] [CDR4]	2
	Kỹ năng		
MT4	Người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng các	[CDR9] [CDR10]	2

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	nguyên tắc phương pháp luận của triết học Mác -Lênin trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyên môn và trong cuộc sống hàng ngày của bản thân.		
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT5	Sinh viên có niềm tin vào chủ nghĩa Mác – Lênin, vào con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, đó là Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội. Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập và rèn luyện.	[CĐR15]	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: Có được những hiểu biết căn bản về Triết học Mác – Lênin. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin.</p> <p>MT2: Hình thành được thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật, đây là cơ sở lý luận đúng đắn trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân.</p> <p>MT3: Đạt được kiến thức nền tảng để học tốt các môn học tiếp theo, đặc biệt là các môn Lý luận chính trị.</p>	<p>CLO 1: Nắm được những tri thức cơ bản về triết học nói chung, những điều kiện ra đời của triết học Mác - Lênin. Đồng thời, giúp sinh viên nhận thức được thực chất cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác, Ph. Ăngghen thực hiện và các giai đoạn hình thành, phát triển triết học Mác - Lênin; vai trò của triết học Mác - Lênin và vận dụng vào đời sống xã hội trong thời đại ngày nay. Có kiến thức cơ bản về môn học để hỗ trợ học tập và nghề nghiệp</p> <p>CLO 2: Trình bày được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, các hình thức, phương thức tồn tại của vật chất; nguồn gốc, bản chất của ý thức; mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật; ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức và trong thực tiễn.</p> <p>CLO 3: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; ý nghĩa phương pháp luận. Ứng dụng kiến thức môn học vào học tập, công tác chuyên môn và hoạt động thực tiễn.</p>
Kỹ năng	
<p>MT4: Người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng các nguyên tắc phương pháp luận của triết học Mác -Lênin trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyên môn và trong cuộc sống hàng ngày của bản thân.</p>	<p>CLO 4: Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế, phát hiện được một số vấn đề tồn tại, đưa ra được ý kiến đề xuất khắc phục trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyên môn và trong cuộc sống hàng ngày của bản thân. .</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT5: Sinh viên có niềm tin vào chủ nghĩa Mác – Lênin, vào con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, đó là Độc lập dân tộc gắn</p>	<p>CLO 5: phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới và góp phần xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.</p>

liên với Chủ nghĩa xã hội. Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập và rèn luyện.	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội.	2			1	1
Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng		2		1	1
Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử			2	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

- Triết học Mác - Lênin là môn học trang bị cho người học thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác, nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin. Giúp người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng triết học Mác -Lênin trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn cũng như trong sự nghiệp đổi mới đất nước và quá trình tu dưỡng bản thân. Đồng thời giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam. Từ đó, người học có niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
<p>Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin.</p> <p>1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.1. Khái lược về triết học</p> <p>1.2. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.3. Biện chứng và siêu hình</p> <p>2. Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.</p> <p>2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin.</p> <p>2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin.</p> <p>2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.</p>	10		2	12		Chủ động giờ tự học ở nhà; chuẩn bị bài trước khi đến lớp; trau dồi kỹ năng làm việc nhóm, tham gia đầy đủ các bài thực hành /thảo luận; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>1. Vật chất và ý thức</p> <p>1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất</p> <p>1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</p> <p>1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>2. Phép biện chứng duy vật</p>	12			16		Chủ động giờ tự học ở nhà; chuẩn bị bài trước khi đến lớp; trau dồi kỹ năng làm việc nhóm, tham gia đầy đủ các bài thực hành /thảo luận; chấp hành nội quy học tập của lớp

<p>2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p>3. Lý luận nhận thức</p> <p>3.1. Quan điểm về nhận thức trong lịch sử triết học</p> <p>3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p>			4		
<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.</p> <p>1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội.</p> <p>1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội.</p> <p>1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên.</p> <p>2. Giai cấp và dân tộc</p> <p>2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>2.2. Dân tộc</p> <p>2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại</p> <p>3. Nhà nước và cách mạng xã hội</p> <p>3.1. Nhà nước</p> <p>3.2. Cách mạng xã hội</p> <p>4. Ý thức xã hội</p>	12			5	17 Chủ động giờ tự học ở nhà; chuẩn bị bài trước khi đến lớp; trau dồi kỹ năng làm việc nhóm, tham gia đầy đủ các bài thực hành / thảo luận; chấp hành nội quy học tập của lớp

<p>4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội.</p> <p>4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội.</p> <p>4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.</p> <p>5. Triết học về con người</p> <p>5.1. Con người và bản chất con người</p> <p>5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người.</p> <p>5.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử.</p> <p>5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam.</p>						
--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình triết học Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị). Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội năm 2021.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình triết học Mác - Lênin*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1999.

2. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Tập bài giảng triết học Mác - Lênin*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1999.

3. Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2015.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin. 1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1. Khái lược về triết học	1					2

	<p>1.2. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.3. Biện chứng và siêu hình</p> <p>2. Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.</p> <p>2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin.</p> <p>2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin.</p> <p>2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.</p>						
2	<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>1. Vật chất và ý thức</p> <p>1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất</p> <p>1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</p> <p>1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>2. Phép biện chứng duy vật</p> <p>2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p>3. Lý luận nhận thức</p> <p>3.1. Quan điểm về nhận thức trong lịch sử triết học</p> <p>3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p>	2					4
3	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.</p> <p>1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội.</p>	1					2

<p>1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội.</p> <p>1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên.</p> <p>2. Giai cấp và dân tộc</p> <p>2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>2.2. Dân tộc</p> <p>2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại</p> <p>3. Nhà nước và cách mạng xã hội</p> <p>3.1. Nhà nước</p> <p>3.2. Cách mạng xã hội</p> <p>4. Ý thức xã hội</p> <p>4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội.</p> <p>4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội.</p> <p>4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.</p> <p>5. Triết học về con người</p> <p>5.1. Con người và bản chất con người</p> <p>5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người.</p> <p>5.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử.</p> <p>5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam.</p>						
---	--	--	--	--	--	--

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO3] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10% điểm học phần	Tham gia dự lớp tối thiểu 80% số tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
	Điểm thành phần	30% điểm học phần	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	- Trắc nghiệm trên máy tính (SV thi trực tiếp tại HV)	60% điểm học phần	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến, Giáo trình, Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến giáo trình cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Giáo trình, Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đinh Nguyễn An

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN (Năm 2021)

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền ; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Tên tiếng anh: Marxist – Leninist political economy
- Mã học phần: POL2002
- Số tín chỉ (*lên lớp/thực hành/tự học*): 02 lý thuyết
- Đối tượng học: Áp dụng cho ngành đào tạo: Ngành Y học cổ truyền (năm thứ nhất)
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết: Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin chỉ được học từ sau khi học xong môn Triết học Mác – Lênin. Trình độ đào tạo đại học, cao đẳng khối không chuyên Lý luận chính trị; là môn học thứ hai của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

- + Nghe giảng lý thuyết: 24
- + Làm bài tập trên lớp: 01
- + Thảo luận trên lớp: 04
- + Hoạt động theo nhóm: 0
- + Thời gian tự học: giờ
- + Kiểm tra: 01 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths.Tương Thị Thắm	0989055525	tuongtham76@gmail.com
2	Ths.Trần Hồng Thanh	0976365787	thanh.hvyd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Kinh tế chính trị Mác – Lênin vừa cơ bản, vừa hệ thống đảm bảo tính khoa học, cập nhật tri thức mới vào bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay	[CĐR1]	1
MT2	- Có khả năng vận dụng được một cách sáng tạo, khoa học các kiến thức về kinh tế chính trị Mác – Lênin để hiểu, giải thích được các quan hệ kinh tế, vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.	[CĐR4] [CĐR5]	2 2
MT3	Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin về kinh tế trong thời đại mới để phát triển nhân sinh quan cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.	[CĐR5]	2
Kỹ năng			
MT4	-Hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước - Kỹ năng Thu thập và xử lý thông tin., đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện	[CĐR9] [CĐR10]	2 2
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Rèn luyện tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện ý thức trách nhiệm, xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới và góp phần xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	[CĐR15] [CĐR17]	2 1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CLO)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần (CLO)
Kiến thức	
MT1- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Kinh tế chính trị Mác – Lênin vừa cơ bản, vừa hệ thống đảm bảo tính khoa học, cập nhật tri thức mới vào bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay	- CLO1: Trình bày được nội dung cơ bản của Kinh tế chính trị Mác Lênin như Hàng hoá, giá trị, giá trị thặng dư, lợi nhuận, thị trường, các quan hệ và lợi ích kinh tế....
MT2- Có khả năng vận dụng được một cách sáng tạo, khoa học các kiến thức về kinh tế chính trị Mác – Lênin để hiểu, giải thích được các quan hệ kinh tế, vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.	- CLO2: Phân tích được hiện tượng, bản chất của kinh tế, các vấn đề kinh tế, mối quan hệ và lợi ích kinh tế chính trị trong nước và kinh tế chính trị quốc tế
MT3- Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin về kinh tế trong thời đại mới để phát triển nhân sinh quan cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.	- CLO3. Vận dụng được các quy luật của kinh tế thị trường trong sự phát triển của bản thân và xã hội
Kỹ năng	
MT4 - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Thu thập và xử lý thông tin.	CLO4. Vận dụng các hiểu biết về các phạm trù, khái niệm, quy luật của kinh tế thị trường liên quan tới lĩnh vực y tế, thể hiện năng lực báo cáo, phản biện, thảo luận dễ hiểu và truyền cảm
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5- Rèn luyện tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện ý thức trách nhiệm, xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng	CLO5: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm với bản thân và xã hội. Chủ động và tích cực học tập, rèn luyện hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

đạo đức con người mới và góp phần xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	
---	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của KTCT MLN	3	2	1	1	1
Chương 2. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	3	2	1	1	1
Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	3	2	1	1	1
Chương 4. Cạnh tranh và động quyền trong nền kinh tế thị trường	3	2	1	1	1
Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	3	2	1	1	1
Chương 6. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	3	3	1	1	1

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

- Môn Kinh tế chính trị Mác Lênin trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy kinh tế của người học.

- Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

- Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên

- Xây dựng, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			
	LT	BT/T L/KT	Tổng cộng	
Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của KTCT MLN	4		04	Sinh viên đọc tài liệu, giáo trình [1] trang 11 – 34 Trả lời câu hỏi do giảng viên đặt ra
Chương 2. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	4	2	06	Sinh viên đọc tài liệu, giáo trình [1] trang 34 – 83 Trả lời câu hỏi và tham gia thảo luận những vấn đề giảng viên đặt ra
Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	6	2	08	Sinh viên đọc tài liệu, giáo trình [1] trang 84– 123 Trả lời câu hỏi, làm bài tập vận dụng
Chương 4. Cạnh tranh và động quyền trong nền kinh tế thị trường	3	1	04	Sinh viên đọc tài liệu, giáo trình [1] trang 124 – 168 Chuẩn bị những vấn đề thảo luận do giảng viên đặt ra
Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	4		04	Sinh viên đọc tài liệu, giáo trình [1] trang 199 – 223 Chuẩn bị những vấn đề thảo luận do giảng viên đặt ra
Chương 6. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	3	1	4	Sinh viên đọc tài liệu, giáo trình [1] trang 224 – 386 Chuẩn bị những vấn đề thảo luận do giảng viên đặt ra

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

* Sách, giáo trình

- Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giáo trình Kinh tế chính trị Mác –Lênin (dành cho bậc đại

học không chuyên Lý luận chính trị) - NXB Chính trị Quốc gia, HN, 2021.

*** Tài liệu tham khảo**

- Bộ giáo dục và đào tạo; Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015.

- Bộ giáo dục và đào tạo; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ buổi		Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Chương 1. Đối tượng, Phương pháp nghiên cứu và chức năng của KTCT MLN 1.Khái quát sự hình thành và phát triển của KTCT MLN 2.Đối tượng, phương pháp nghiên cứu của KTCT MLN 3.Chức năng của KTCT MLN	04					02
2	Chương 2. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 1.Lý luận của Mác về sản xuất hàng hoá và Hàng hoá 2.Thị trường và nền kinh tế thị trường	03			01		03
3	Chương 2. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.Thị trường và nền kinh tế thị trường	01			01		03
4	Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	04					04

	1.Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư 2. Tích lũy tư bản						
5	Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. 3.Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	02		01	01		04
6	Chương 4.Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường [1].Độc quyền giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường [2].Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường	03			01		04
7	Chương 5.Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 1.Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2.Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam 3.Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế [*]	04					04
8	Chương 6. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 1.Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam 2.Hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam	03	01				04

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1, CĐR3, CĐR15.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1, CĐR3, CĐR15.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR1, CĐR3, CĐR15

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn CĐR1, CĐR3, CĐR15.

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên (nếu có), thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%;
 Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10 %		
	Điểm thành phần	30 %		
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	- Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV)	60 %	Đủ điều kiện dự thi và tham gia thi	CLO1,CLO2,CLO3,CLO4, CLO5

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến, Giáo trình, Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến giáo trình cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Giáo trình, Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đình Nguyễn An

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 968/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Chủ nghĩa xã hội khoa học
- * Tiếng Việt: Chủ nghĩa xã hội khoa học
- * Tiếng Anh: Scientific Socialism
- Mã học phần/ mô đun: POLI3003
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> X		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mac Lênin, Kinh tế chính trị Mac Lênin
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25
 - + Làm bài tập trên lớp: 00
 - + Thảo luận trên lớp: 05
 - + Hoạt động theo nhóm: 0
 - + Thời gian tự học: giờ
 - + Kiểm tra: 01 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đinh Nguyễn An	0944371111	dinhnguyenan1181@gmail.com
2	TS. Lâm Thị Huệ	0988261862	Miakyanh@gmail.com
3	ThS. Đinh Thị Cẩm Tú	0968946686	Camtuhvyd@gmail.com
4	ThS. Lê Thị Bích Ngọc	0989255939	bichngoc708@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Hiểu và phân tích được kiến thức cơ bản về về CNXHKH và thực tiễn xây dựng CNXH ở nước ta trong TKQĐ hiện nay	CDR1	3
Kỹ năng			
MT2	Hình thành và rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam	CDR3	1
MT3	Hình thành và vận dụng được kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, làm việc độc lập, giải quyết vấn đề, thuyết trình, giao tiếp	CDR3	1
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	MT4: Có niềm tin khoa học vào hệ tư	CDR14	1

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; Tin tưởng vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do ĐCSVN khởi xướng và lãnh đạo trong thời kỳ quá độ lên CNXH hiện nay		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Nắm vững những vấn đề lý luận về CNXHKKH và thực tiễn xây dựng CNXH ở nước ta trong TKQĐ hiện nay	CLO1: Hiểu được những vấn đề lý luận về CNXHKKH và thực tiễn xây dựng CNXH ở nước ta trong TKQĐ hiện nay
Kỹ năng	
MT2: Hình thành và rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng CNXH ở	CLO 2: Hình thành và rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam

Việt Nam	
MT3: Hình thành và vận dụng được kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, làm việc độc lập, giải quyết vấn đề, thuyết trình, giao tiếp	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Có niềm tin khoa học vào hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; Tin tưởng vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do ĐCSVN khởi xướng và lãnh đạo trong thời kỳ quá độ lên CNXH hiện nay	CLO 3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)		
	1	2	3
Chương mở đầu	1		
Chương 1	3	1	2
Chương 2	3	1	2
Chương 3	3	1	2
Chương 4	3	1	2
Chương 5	3	1	2
Chương 6	3	1	2
Chương 7	3	1	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

CNXHKH là môn học trang bị cho người học những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; Giúp người học đề cao cảnh giác và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc, bọn phản động đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta; Từ đó góp phần quan trọng trong việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	BT/TL/KT	TL	Tổng cộng		
Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học	04	00	00		04		Đọc trước giáo trình [tr.11-50]
Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	04	00	00		04		Đọc trước giáo trình [tr.51-85]
Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	04	00	00		04		Đọc trước giáo trình [tr.86-124]
Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	04	00	00		04		Đọc trước giáo trình [tr.125-164]
Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và	04	00			04		Đọc trước giáo trình

liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội							[tr.165-195]
Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	08	00			08		Đọc trước giáo trình [tr.195-238]
Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	02	00			02		Đọc trước giáo trình [tr.239-269]

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Giáo trình học tập:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị - Nxb Chính trị quốc gia sự thật.

- Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac- Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009

2. *Về chủ nghĩa Mác - Lênin chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Chương 1 Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa	4					8

	học					
2	Chương 2 Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4				8
3	Chương 3 CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH	4				8
4	Chương 4 Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN	2			2	8
5	Chương 5 Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4			0	8
6	Chương 6 Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH	6			2	16
7	Chương 7 Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2				4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn [CLO3]

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10 %		
	Điểm thành phần	30 %		CĐR1, CĐR3, CĐR14
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	- Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV)	60 %	Đủ điều kiện dự thi và tham gia thi	CĐR1, CĐR3, CĐR14

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đoàn Quang Huy

Đình Nguyễn An

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 972/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền ; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- * Tiếng Việt: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- * Tiếng Anh: Ho Chi Minh's thought
- Mã học phần/ mô đun: POLI4005
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương X		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin,
Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết: 24 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết

+ Kiểm tra: 01 tiết

+ Thời gian tự học: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Lê Thị Bích Ngọc	0989255939	bichngoc708gmail.com
2	ThS. GVC. Đinh Thị Cẩm Tú	0968946686	camtuhvyd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập TTHCM	CĐR1	3
MT2	Trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TTHCM	CĐR1	3
MT3	Trình bày được nội dung cơ bản hệ thống quan điểm TTHCM về cách mạng Việt Nam	CĐR1	3
Kỹ năng			
MT4	Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng	[CĐR1]; [CĐR3]	1

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
báo cáo, trình bày			
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Có niềm tin vào con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	CĐR14	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập TTHCM	CLO 1: Hiểu được nội dung cơ bản quan điểm TTHCM, nắm được quy luật của cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội để vận dụng vào công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung và công tác phát triển ngành được nói riêng.
MT2: Trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TTHCM	
MT3: Trình bày được nội dung cơ bản hệ thống quan điểm TTHCM về cách mạng	

Việt Nam	
Kỹ năng	
MT4: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày.	CLO 2: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận của môn học để tiếp cận và bước đầu giải quyết vấn đề của các môn khoa học chuyên ngành; thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Có niềm tin vào con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	CLO 3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)		
	1	2	3
Chương 1: Khái niệm, Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn TTHCM			1
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TTHCM	3	1	3
Chương 3: TTHCM về độc lập dân tộc và CNXH	3	1	3

Chương 4: TTHCM về ĐCSVN và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	3	1	3
Chương 5: TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế	3	1	3
Chương 6: TTHCM về văn hoá, đạo đức, con người	3	1	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần TTHCM trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; những kiến thức cơ bản, cốt lõi về hệ thống quan điểm TTHCM về con đường cách mạng Việt Nam. Từ đó, nâng cao nhận thức niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/T L/KT	Tổng cộng		
Chương 1: Khái niệm, Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn TTHCM	01	00	00	01	00	Đọc trước giáo trình [tr.11-31]
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TTHCM	06	00	00			Đọc trước giáo trình [tr.32-72] Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 3: TTHCM	06	00	00			Đọc trước giáo trình

về độc lập dân tộc và CNXH						[tr.73-122] Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 4: TTHCM về ĐCSVN và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	05	00	00			Đọc trước giáo trình [tr.123-168) Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 5: TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế	05	00				Đọc trước giáo trình [tr.169-204] Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương 6: TTHCM về văn hoá, đạo đức, con người	07	00				Đọc trước giáo trình [tr.205-265] Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Giáo trình học tập:

+ Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội 2021

- Tài liệu tham khảo:

- + Hồ Chí Minh (2011). Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- + Hội đồng thi đua - khen thưởng trung ương - ban tư tưởng - văn hóa trung ương (2001),
Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh
- + Trần Đình Ba (2010), Cuộc đời sự nghiệp văn thơ và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh – NXB Thanh Niên

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/Buổi (4 tiết)	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04					08
2	04					08
3	04					08
4	04					08
5	04					08
6				04		08
7	04					08
8	02					04

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO3].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO3].

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10 %		
	Điểm thành phần	30 %		CĐR1, CĐR3, CĐR14
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	- Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV)	60 %	Đủ điều kiện dự thi và tham gia thi	CĐR1, CĐR3, CĐR14

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đoàn Quang Huy

Đình Nguyễn An

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT trình độ Đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: **LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

* Tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

* Tiếng Anh: **History of the Communist Party of Vietnam**

- Mã học phần/ mô đun: POLI4004

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học Y học cổ truyền năm thứ 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương X		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh viên phải học xong học phần Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết: 24 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết

+ Kiểm tra: 1,0 tiết

+ Thời gian tự học: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
01	ThS. Lâm Thị Huệ	0988261862	Miakyanh@gmail.com
02	ThS. Đinh Thị Cẩm Tú	0968946686	camtuhvyd@gmail.com
03	ThS. Trần Thị Xoa	0974174883	tranquanhoang1906@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
Kiến thức			
MT1	Trình bày được sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam	CDR1, CDR4	3
MT2	Trình bày được đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng qua các thời kì lãnh đạo cách mạng Việt Nam	CDR1, CDR4	3
MT3	Trình bày được những cơ sở để Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng	CDR1, CDR4	3
Kỹ năng			
MT4	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin về hệ thống đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo cách mạng của Đảng	CDR2, CDR4	2
MT5	Vận dụng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống	CDR2, CDR4	2
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT6	Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng	CDR1	1
MT7	Tin tưởng vào sự thắng lợi của công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước do Đảng lãnh đạo	CDR1	1
MT8	Góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào trong nhân dân	CDR11	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam	CLO1: Trình bày được kiến thức chung về Lịch sử của Đảng cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam
MT2: Trình bày được đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng qua các thời kì lãnh đạo cách mạng Việt Nam	
MT3: Trình bày được những cơ sở để Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng	
Kỹ năng	
MT4: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin về hệ thống đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo cách mạng của Đảng	CLO2: Vận dụng được kiến thức Lịch sử của Đảng cộng sản Việt Nam để tiếp cận và bước đầu giải quyết vấn đề của các học phần khoa học trong lĩnh vực chuyên ngành y học cổ truyền. CLO4: Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập
MT5: Vận dụng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng	CLO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và phát triển nghề nghiệp
MT7: Tin tưởng vào sự thắng lợi của công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước do Đảng lãnh đạo	
MT8: Góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào trong nhân dân	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun			
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4
Chương mở đầu	3	3	2	1
Chương 1	3	3	2	1
Chương 2	3	3	2	1
Chương 3	3	3	2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; những kiến thức cơ bản, cốt lõi, có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 cho đến nay, từ đó, khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo trong thực tiễn cách mạng.

Ngoài Chương nhập môn, nội dung môn học được bố cục gồm 3 chương:

- Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)
- Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)
- Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - Nay).

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)	
	LT	TL/KT	Tổng cộng		
<p>Chương nhập môn</p> <p>ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.</p> <p>I. Đối tượng nghiên cứu của môn</p>	01	0	01	0	Đọc trước giáo trình

<p>học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Đối tượng nghiên cứu. - Phạm vi nghiên cứu.</p> <p>II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng. - Nhiệm vụ của môn học.</p> <p>III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp luận. - Các phương pháp cụ thể. 					
<p style="text-align: center;">Chương 1</p> <p style="text-align: center;">ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐÒI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)</p> <p>I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930)</p> <p>1. Bối cảnh lịch sử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình hình thế giới tác động đến cách mạng Việt Nam. - Tình hình Việt Nam. - Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng. <p>2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị điều kiện để thành lập Đảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị về tư tưởng. - Chuẩn bị về chính trị. - Chuẩn bị về tổ chức. <p>3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p>	07	02	09	0	Đọc trước giáo trình + chuẩn bị thảo luận

<ul style="list-style-type: none"> - Các tổ chức cộng sản ra đời. - Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. - Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. <p>4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm ra đời của Đảng. - Ý nghĩa của việc thành lập Đảng. <p>II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền</p> <p>1. Phong trào cách mạng 1930 - 1935 và khôi phục phong trào 1932 - 1935</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phong trào cách mạng năm 1930 - 1931 và Luận cương chính trị (10/1930). - Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng. - Đại hội Đảng lần thứ nhất (3/1935). <p>2. Phong trào dân chủ 1936 – 1939</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng. - Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. - Ý nghĩa của phong trào. <p>3. Phong trào giải phóng dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược của Đảng. - Phong trào chống Pháp - Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang. - Cao trào kháng Nhật cứu nước và Tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945. <p>4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng tám</p>					
---	--	--	--	--	--

năm 1945					
<p style="text-align: center;">Chương 2</p> <p>ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)</p> <p>I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)</p> <p>1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám. - Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng. - Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ. <p>2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng. - Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950. <p>3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1951 đến năm 1954</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng. - Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1951 đến năm 1954. 	08	01/01	10	0	Đọc trước giáo trình + chuẩn bị thảo luận

<p>4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ</p> <p>II. Lãnh đạo xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975)</p> <p>1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965 - Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954 – 1960.</p> <p>- Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961 – 1965. 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975</p> <p>- Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng trong giai đoạn mới.</p> <p>- Lãnh đạo xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam (1965 – 1968).</p> <p>- Khôi phục kinh tế, bảo vệ Miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969 – 1975).</p> <p>3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1945 – 1975</p>					
Chương 3	08	02	0	10	Đọc trước

<p>ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)</p> <p>I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)</p> <p>1. Xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 -1986)</p> <p>- Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.</p> <p>- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1976 – 1981).</p> <p>2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982 - 1986)</p> <p>- Đại hội lần thứ V của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội. - Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế.</p> <p>II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018)</p> <p>1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1986 - 1996)</p> <p>- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đổi mới toàn diện.</p> <p>- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (1991 - 1996).</p> <p>2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa</p>					<p>giáo trình + chuẩn bị thảo luận</p>
---	--	--	--	--	--

<p>và hội nhập quốc tế (1996 - 2018)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 – 2001). - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (2001 – 2006). - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội (2006 - 2011). - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 của Đảng. - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế. <p>3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành tựu của sự nghiệp đổi mới. - Các hạn chế và nguyên nhân. - Một số kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới. 					
---	--	--	--	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

+ Bộ giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dành cho bậc đại học – không chuyên Lý luận chính trị), Hà Nội 2019.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

+ Bộ giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

+ Bộ giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

+ Hồ Chí Minh (2011). Toàn tập. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/buổi (04 tiết)	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04					
2	04					
3	02			02		
4	03	01				
5	02			02		
6	04					
7	04					
8				02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình : X Động não : X Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm: X Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm kiểm tra thường xuyên			
	Điểm chuyên cần/thảo luận nhóm/.	10%	Điểm chuyên cần	CĐR1; CĐR2; CĐR3
2	Điểm kiểm tra giữa học phần			
	Làm bài kiểm tra 1 tiết/Bài tập	30%	Điểm bài kiểm tra	CĐR1; CĐR2; CĐR3, CĐR 4
3	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	60%	Điểm bài thi đạt 4/10	CĐR1; CĐR2; CĐR3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐÌNH NGUYỄN AN

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (1) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (2) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN I TIẾNG TRUNG CƠ BẢN

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: **Tiếng Trung cơ bản Học phần I**

* Tiếng Việt: **Tiếng Trung cơ bản Học phần I**

* Tiếng Anh: **General Chinese 1**

- Mã học phần:

- Số tín chỉ: **03**

- Đối tượng học (năm thứ): **Năm thứ nhất**

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
√	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không có

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết

+ Lý thuyết: 23 tiết

+ Bài tập: 10 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết

+ Kiểm tra: 01 tiết

+ Thời gian tự học: 110 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Chi Lê	0936719966	chile982002@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thanh An	0768288858	nguyenthanhan78@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Phương Dung	0986056598	phuongdungbmnn@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	honghanh.bmnn@gmail.com

5	Ths. Phạm Thu Hằng	0904772323	phamhangvutm@gmail.com
6	Ths. Phạm Thị Hoa	0395556928	phamhoa0778@gmail.com
7	Ths. Trần Thị Ngọc Liên	00979639199	tranngoclien08121984@gmail.com
8	TS. Đàm Tú Quỳnh	0905131520	tuquynh19762015@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Thị Thùa	0977166638	minhthua78@gmail.com
10	Ths. Lê Thị Mai Trang	0981532938	tranglemai79@gmail.com
11	Ths. Lê Thu Trang	0936719696	thutrang293@gmail.com
12	Ths. Lê Thị Vân	0946360678	levan.bmnn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Căn cứ vào thang đo Bloom, sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
MT1	Sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chức năng ngôn ngữ và các kỹ năng ngôn ngữ) ở mức độ tiền trung cấp (tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tương đương B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu).		1, 2, 3, 4
MT2	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.		1, 2, 3, 4
MT3	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.		1, 2, 3, 4

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1	CDR1: Từ vựng - Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ và giới từ, số từ; - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến các chủ đề đã học như: thăm hỏi sức khỏe, giới thiệu bản thân, giới thiệu về gia đình, bạn bè, trường lớp, vị trí, phương vị, thời gian;

	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng. - Sinh viên đọc, hiểu nội dung, dịch được bài khóa, trả lời câu hỏi, thuật lại nội dung chính của bài khóa một cách thành thạo và áp dụng vào thực tiễn.
	<p>CDR2: Ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được cách thành phần cấu tạo câu và vị trí của các thành phần đó: chủ ngữ, vị ngữ, tân ngữ, trạng ngữ, bổ ngữ và định ngữ; - Phân biệt các dạng câu hỏi với các trạng từ nghi vấn 谁, 什么, 哪, 哪儿, 怎么样, 怎么; - Giải thích được cách sử dụng của 在, 是, 有, 给, 两 phương vị từ; - Phân biệt cách dùng 时候, 小时, 点 - Phân biệt được cách sử dụng phương vị từ khi làm danh từ, tân ngữ, định ngữ và trung tâm ngữ ; - Phân biệt cách dùng của 两 và 二; - Nhận biết cách sắp xếp thời gian theo trật tự từ lớn đến nhỏ, vị trí của trạng ngữ thời gian, trạng ngữ địa điểm; - Nhận biết các loại câu chủ động, bị động; - Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập.
	<p>CDR3: Ngôn ngữ chức năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các cấu trúc thông dụng/cách diễn đạt ngôn ngữ để mở đầu và kết thúc một cuộc hội thoại để khai thác thêm thông tin về vấn đề quan tâm: hỏi thăm sức khỏe, gia đình, bạn bè, trường lớp, công việc, thời gian, địa điểm; đề chỉ đường, kể chuyện, đưa ra lời mời hoặc lời đề nghị, lời yêu cầu và cách thức đáp lại, đưa ra lời khuyên, đề hướng dẫn thực hiện thao tác, diễn đạt sự đồng ý hay không đồng ý về vấn đề gì. - Vận dụng các cách diễn đạt đó để thực hành trong các bài tập về đóng vai tình huống.
	<p>CDR4: Phát âm, chữ Hán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, các từ uốn lưỡi, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và các âm tiết bật hơi. - Chữ Hán viết đúng, đủ nét và theo đúng quy tắc viết
Kỹ năng	
MT2	<p>CDR5: Kỹ năng nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập về các chủ đề đã được học như: hỏi thăm sức khỏe, giới thiệu về gia đình, bản thân, bạn bè, trường học, giới thiệu vị trí, một ngày của bản thân..... - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. - Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại

	<p>hoặc đoạn văn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết.
	<p>CDR6: Kỹ năng nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề và giao tiếp hằng ngày: hỏi thăm sức khỏe, giới thiệu về gia đình, bản thân, bạn bè, trường học, một ngày của bản thân..... - Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn và thảo luận. - Nắm vững cách phát âm, âm tiết bật hơi, nhấn trọng âm, cách sử dụng từ loại và cấu trúc câu khi thành lập câu, đoạn. - Phát triển các câu ngắn thành đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài học.
	<p>CDR7: Kỹ năng đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu về các chủ đề: giới thiệu về gia đình, bản thân, bạn bè, trường học, một ngày của bản thân.....; - Áp dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc ngữ pháp đã biết để hiểu nội dung của bài đọc. - Nắm vững các kỹ năng đọc để hiểu rõ hơn nội dung bài đọc. - Kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết.
	<p>CDR8: Kỹ năng viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để đặt lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. - Kết hợp các câu văn đã được đặt để thành lập đoạn văn, bài văn theo chủ đề giáo viên yêu cầu: giới thiệu về gia đình, bản thân, bạn bè, trường học, một ngày của bản thân, thời gian.....
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3	<p>CDR9:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. - Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần								
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
Tổng quan về ngữ âm + các nét chữ Hán, quy tắc bút thuận				√		√			√
Bài 1 你好!	√			√	√	√		√	√
Bài 2 老师好!	√	√		√		√			√
Bài 3 他是老师吗?	√	√	√	√	√	√		√	√
Bài 4 你身体好吗?	√	√	√	√	√	√			√
Bài 5 我学习汉语	√	√		√		√	√	√	√
Bài 6 你叫什么名字?	√	√	√			√	√		√
Bài 7 你去哪儿?	√	√	√		√	√			√
Bài 8 我在北京中医药大学学习	√	√		√	√	√			√
Bài 9 这是我的朋友	√	√			√	√	√	√	√
Bài 10 我们班有十四名学生	√	√			√	√		√	√
Bài 11 高朋的家	√	√	√		√	√		√	√
Bài 12 我们学校的商店	√	√			√	√			√

Bài 13 我要借中文医学杂志	√	√				√	√	√	√
Bài 14 我们的学校	√	√	√	√	√	√		√	√
Bài 15 牙科在楼上	√	√	√		√	√			√
Bài 16 复习					√	√	√		√
Bài 17 绚丽的一天	√	√	√		√	√	√	√	√
Bài 18 今天是星期天	√	√		√		√	√	√	√

6. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Trung cơ bản giúp sinh viên hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và các kiến thức ngôn ngữ (Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp, Hán tự). Các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, thông qua các chủ điểm và chủ đề bài học phù hợp với nhu cầu và khả năng của người học, nhằm giúp sinh viên đạt được các yêu cầu năng lực ngoại ngữ bậc 3, được quy định trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), theo đó, giúp sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Trung Cơ Bản giúp sinh viên xây dựng và phát triển năng lực tự định hướng học tiếng Trung của mình để khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức chung về ngôn ngữ, những thành phần cấu thành ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ cũng như những yếu tố quyết định và tác động đến ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ, từ đó sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu về ngôn ngữ, và có định hướng trong việc học ngôn ngữ tùy theo mục đích hướng tới của sinh viên trong nghiên cứu và sử dụng ngôn ngữ.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Buổi 1:						Nghe giảng, thảo

Tổng quan về Ngữ âm tiếng Hán + các nét chữ Hán, quy tắc bút thuận Bài 1 你好！	03	0.5	0.5		10	luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Buổi 2: Bài 2 老师好! Bài 3 他是老师吗?	2	1	1		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Buổi 3: Bài 4 你身体好吗? Bài 5 我学习汉语	2	1	1		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Buổi 4: Bài 6 你叫什么名字? Bài 7 你去哪儿?	2	1	1		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Buổi 5: Bài 8 我在北京中医药大学学习 Bài 9 这是我的朋友 (từ mới)	2	1	1		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Buổi 6: Bài 9 这是我的朋友 (câu chúc năng + bài khóa)	2	0.5BT 0.5KT	1		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình,

Kiểm tra điều kiện Bài 10 我们班有十四名学生						đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Buổi 7: Bài 11 高朋的家 (tự học, GV hướng dẫn TM, NP) Bài 12 我们学校的商店	2	1	1		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Buổi 8: Bài 13 我要借中文医学杂志 Kiểm tra điều kiện	2	0.5BT 0.5KT	1		10	Nghe giảng, thảo luận nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Buổi 9: Bài 14 我们的学校 Bài 15 牙科在楼上 (tự học, GV hướng dẫn NP)	2	1	1		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Buổi 10: Bài 16 复习 (tự học) Bài 17 美丽的一天	2	1	1		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Buổi 11: Bài 18 今天是星期天 Ôn tập HP1 –Duyệt thi	3	1	1		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Vương NghiêN Nông (1999). *Hán Ngữ Trung Y* - NXB Đại học Ngôn ngữ Văn hóa Bắc Kinh.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Dương Kỳ Châu (2002). *Giáo trình Hán Ngữ (6 quyển)*. NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[2] Fan Ying, Liu Ximing và Tian Shanji (1997). *Ngữ pháp (Grammar essential and practice)*. NXB Đại học Ngôn ngữ Văn hoá Bắc Kinh.

[3] Li Dejin, Cheng Meizhen (1998). *Ngữ pháp Hán ngữ thực dụng dành cho người nước ngoài (A practical chinese grammar for foreigners)*. NXB Hoa ngữ giáo học.

[4] Phan Văn Các (2001). *Từ điển Hán - Việt*. NXB TH TP Hồ Chí Minh.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	2		1	1		10
2	2		1	1		10
3	2		1	1		10
4	2		1	1		10
5	2	0.5	0.5	1		10
6	2		1	1		10
7	2		1	1		10
8	2	0.5	0.5	1		10
9	2		1	1		10
10	2		1	1		10
11	3		1	1		10
Tổng	23	1	10	11		110

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình : √ Động não : √ Từng cặp / Chia sẻ : √

Học dựa trên vấn đề : √ Hoạt động nhóm : √ Đóng vai : √

Học dựa vào dự án : √ Mô phỏng : √ Nghiên cứu tình huống : √

Thực hiện luận văn/ thực hành/ thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting,

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.
- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.
- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.
- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:
 - + Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.
 - + Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.
- Về việc điểm danh sinh viên:
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
 - ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầu đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
	Bài kiểm tra số 1	15%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học.	CDR1 đến CDR9

			<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra. 	
	Bài kiểm tra số 2	15%	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra. 	CĐR1 đến CĐR9
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Trắc nghiệm trên phần mềm thi test	70%	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra. 	CĐR 1 đến CĐR 9

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

PGS.TS Đoàn Quang Huy

TS. Nguyễn Chi Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN II TIẾNG TRUNG CƠ BẢN

Đối tượng đào tạo: Y học Cổ Truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: **Tiếng Trung cơ bản học phần II**
- * Tiếng Việt: **Tiếng Trung cơ bản học phần II**
- * Tiếng Anh: **General Chinese II**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: **03**
- Đối tượng học (năm hai): **Năm thứ hai**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hoàn thành HP1 và đạt yêu cầu
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
 - + Lý thuyết: 33 tiết
 - + Bài tập: 07 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

1	TS. Nguyễn Chi Lê	0936719966	chile982002@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thanh An	0768288858	nguyenthanhan78@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Phương Dung	0986056598	phuongdungbmnn@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	honghanh.bmnn@gmail.com

5	Ths. Phạm Thu Hằng	0904772323	phamhangvutm@gmail.com
6	Ths. Phạm Thị Hoa	0395556928	phamhoa0778@gmail.com
7	Ths. Trần Thị Ngọc Liên	00979639199	tranngoclien08121984@gmail.com
8	TS. Đàm Tú Quỳnh	0905131520	tuquynh19762015@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Thị Thùa	0977166638	minhthua78@gmail.com
10	Ths. Lê Thị Mai Trang	0981532938	tranglemai79@gmail.com
11	Ths. Lê Thu Trang	0936719696	thutrang293@gmail.com
12	Ths. Lê Thị Vân	0946360678	levan.bmnn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Căn cứ vào Thang đo Bloom, sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
MT1	<p>- Kiến thức:</p> <p>+ Viết đúng các chữ Hán theo thứ tự, chính xác các nét, vận dụng, đặt câu được với các từ mới.</p> <p>+ Sử dụng đúng các hiện tượng ngữ pháp, cấu trúc câu.</p> <p>+ Học thuộc và vận dụng thành thạo các mẫu câu.</p> <p>+ Đọc, hiểu nội dung, dịch được bài khóa, trả lời câu hỏi, thuật lại nội dung chính của bài khóa một cách thành thạo.</p> <p>+ Vận dụng được từ mới, ngữ pháp đã học vào các bài tập trong giáo trình nhằm củng cố kiến thức vừa học; Vận dụng đặt câu, sử dụng trong giao tiếp thực tế.</p> <p>Sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chức năng ngôn ngữ và các kỹ năng ngôn ngữ) ở mức độ sơ cấp (tương đương bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tương đương A1 theo Khung tham chiếu Châu Âu), kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội.</p>		1, 2, 3, 4
MT2	<p>Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá</p>		1, 2, 3, 4

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
	nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.		
MT3	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.		1, 2, 3, 4

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1	<p>CDR1: Từ vựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, phó từ và giới từ. - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến các chủ đề cuộc sống như mối quan hệ gia đình, bạn bè, thầy cô, mua sắm, hỏi giá tiền, đi chơi công viên, đi bệnh viện khám bệnh, tham quan bệnh viện, viết thư cho bạn bè và người thân, nói về thời tiết, rèn luyện sức khỏe...; - Gọi tên các danh từ ghép, các dạng động từ, cụm động từ, tính từ đối lập, tính từ và danh từ chỉ tính cách. - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng.
	<p>CDR2: Ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt các dạng câu hỏi có từ để hỏi 吗; câu hỏi dùng đại từ nghi vấn 谁、什么、几、多少、哪、哪儿...; câu hỏi chính phủ, câu hỏi lựa chọn; - Phân biệt được 4 loại câu vị ngữ danh từ, động từ, tính từ, chủ vị - Phân biệt cách dùng 3 trợ từ động thái 着、了、过 - Phân biệt cách dùng 3 trợ từ kết cấu 的、地、得 - Phân biệt cách dùng của 2 phó từ 就 và 才 - Phân biệt cách sử dụng 2 đại từ nghi vấn 怎么 và 怎么样 - Nhận biết các loại bổ ngữ như bổ ngữ trình độ, bổ ngữ kết quả, bổ ngữ xu hướng, bổ ngữ số lượng; - Phân biệt các dạng so sánh bằng/không bằng/ hơn/ kém, và so sánh tuyệt đối; - Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập.
	<p>CDR3: Ngôn ngữ chức năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các cấu trúc thông dụng/cách diễn đạt ngôn ngữ để mở đầu và kết thúc cuộc hội thoại theo chủ đề gia đình, bạn bè, thầy cô, mua sắm, hỏi giá tiền, đi chơi công viên, đi bệnh viện khám bệnh, tham quan bệnh viện, viết thư cho bạn bè và người thân, nói về thời tiết, rèn luyện sức khỏe...;

	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các cách diễn đạt đó để thực hành trong các bài tập về đóng vai tình huống.
	<p>CĐR4: Phát âm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu trần thuật, đọc từ mới, mẫu câu, bài khoá đúng ngữ âm ngữ điệu phát âm chuẩn xác - Phát âm không ảnh hưởng tiếng mẹ đẻ
Kỹ năng	
MT2	<p>CĐR5: Kỹ năng nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập theo chủ đề bài học về gia đình, bạn bè, thầy cô, mua sắm, hỏi giá tiền, đi chơi công viên, đi bệnh viện khám bệnh, tham quan bệnh viện, viết thư cho bạn bè và người thân, nói về thời tiết, rèn luyện sức khoẻ...; - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. - Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn.
	<p>CĐR6: Kỹ năng nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề và giao tiếp hằng ngày: gia đình, bạn bè, thầy cô, mua sắm, hỏi giá tiền, đi chơi công viên, đi bệnh viện khám bệnh, tham quan bệnh viện, viết thư cho bạn bè và người thân, nói về thời tiết, rèn luyện sức khoẻ...; - Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn và thảo luận. - Nắm vững cách phát âm, nhấn trọng âm, cách sử dụng từ loại và cấu trúc câu khi thành lập câu, đoạn. - Phát triển các câu ngắn thành đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài học.
	<p>CĐR7: Kỹ năng đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu về các chủ đề: gia đình, bạn bè, thầy cô, mua sắm, hỏi giá tiền, đi chơi công viên, đi bệnh viện khám bệnh, tham quan bệnh viện, viết thư cho bạn bè và người thân, nói về thời tiết, rèn luyện sức khoẻ...; - Áp dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc ngữ pháp đã biết để hiểu nội dung của bài đọc. - Nắm vững các kỹ năng đọc để hiểu rõ hơn nội dung bài đọc. - Kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết.
	<p>CĐR8: Kỹ năng viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu.

	- Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn, bài văn theo chủ đề: gia đình, bạn bè, thầy cô, mua sắm, hỏi giá tiền, đi chơi công viên, đi bệnh viện khám bệnh, tham quan bệnh viện, viết thư cho bạn bè và người thân, nói về thời tiết, rèn luyện sức khỏe...;
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3	<p>CDR9:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. - Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần								
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9
第十九课 去商店买东西	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第二十课 安娜要去香山公园	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第二十一课 玛丽病了	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第二十二课 汽车快要开了	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第二十三课 给妈妈的信	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第二十四课 复习	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第二十五课 参观中因医院	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第二十六课 安娜的自行车找到了	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第二十七课 以前我没学过汉语	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第二十八课 到王教授家去	√	√	√	√	√	√	√	√	√

第二十九课 他们正在锻炼身体	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第三十课 去医院看玛丽	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第三十一课 复习	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第三十二课 她来中国两个多月了	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第三十三课 今天比昨天冷	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第三十四课 “笑笑 十年少”	√	√	√	√	√	√	√	√	√

6. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Trung cơ bản học phần II giúp sinh viên hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và các kiến thức ngôn ngữ (Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp). Các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, thông qua các chủ điểm và chủ đề bài học phù hợp với nhu cầu và khả năng của người học, nhằm giúp sinh viên đạt được các yêu cầu năng lực ngoại ngữ bậc 2, được quy định trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), theo đó, giúp sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, bệnh viện, thời tiết, giải trí, v.v...; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.

Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Trung cơ bản học phần II giúp sinh viên xây dựng và phát triển năng lực tự định hướng học tiếng Trung của mình để khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức chung về ngôn ngữ, những thành phần cấu thành ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ cũng như những yếu tố quyết định và tác động đến ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ, từ đó sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu về ngôn ngữ, và có định hướng trong việc học ngôn ngữ tùy theo mục đích hướng tới của sinh viên trong nghiên cứu và sử dụng ngôn ngữ.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
第十九课 去商店买东西 第二十课 安娜要去香山公园	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc

						nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo.
第二十一课 玛丽病了 第二十二课: 汽车快要开了	02	01			10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo.
第二十三课 给妈妈的信	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo.
第二十四课 复习(2) 第二十五课: 参观中医医院	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo.
第二十六课: 安娜的自行车找到了	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo.
第二十七课 以前我没学过汉语	01	01			10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo.
第二十八课 到王教授家去	02	01			10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo.
第二十九课	01	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc

我们正在锻炼身体						nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo.
第三十课 去医院看玛丽	02	01			10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo.
第三十一课 复习 (3) 第三十二课: 他来中国两个多月了	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo.
第三十三课 今天比昨天冷	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo.
第三十四课: “笑一笑, 十年少”	02	01	01		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Vương NghiêN Nông (1999). *Hán Ngữ Trung Y*. NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Dương Kỳ Châu (2002). *Giáo trình Hán Ngữ*. NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[2] Fan Ying, Liu Ximing và Tian Shanji (1997). *Ngữ pháp (Grammar essential and practice)*. NXB Đại học Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh.

[3] Li Dejin, Cheng Meizhen (1998). *Ngữ pháp Hán ngữ thực dụng dành cho người nước ngoài (A practical chinese grammar for foreigners)*. NXB Hoa ngữ giáo học.

[4] Phan Văn Các (2001). *Từ điển Hán - Việt*. NXB TH TP Hồ Chí Minh.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	2		1	1		10
2	2		1	1		10
3	2		1	1		10
4	2		1	1		10
5	2		1	1		10
6	2		1	1		10
7	2	1	1	0		10
8	2		1	1		10
9	2		1	1		10
10	2		1	1		10
11	2		1	1		10
12	0	1	0	0		10
Tổng	22	2	11	10		120

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình

Động não

Từng cặp /Chia sẻ

Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm

Đóng vai

Học dựa vào dự án

Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống

Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR9.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.
- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.
- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.
- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:
 - + Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.
 - + Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.
- Về việc điểm danh sinh viên:
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
 - ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.
- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.
- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.
 - ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
	Bài kiểm tra số 1	15%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra.	CDR1 đến CDR9
	Bài kiểm tra số 2	15%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra.	CDR1 đến CDR9

2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Trắc nghiệm trên phần mềm thi test	70%	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra. 	CDR 1 đến CDR 9

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

PGS.TS Đoàn Quang Huy

TS. Nguyễn Chi Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN 3 TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: **Tiếng Trung chuyên ngành Học phần 3**

* Tiếng Việt: **Tiếng Trung chuyên ngành III**

* Tiếng Anh: **Chinesse for Medical Purposes III**

- Mã học phần:

- Số tín chỉ: **02**

- Đối tượng học (năm thứ): **Năm thứ ba**

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc √	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không có

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: **45 tiết** (LT: 30 tiết + TH: 15 tiết)

+ Lý thuyết: 28 tiết

+ Bài tập: 08 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 07 tiết

+ Kiểm tra: 02 tiết

+ Thời gian tự học: 90 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Chi Lê	0936719966	chile982002@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thanh An	0768288858	nguyenthanhan78@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Phương Dung	0986056598	phuongdungbmnn@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	honghanh.bmnn@gmail.com

5	Ths. Phạm Thu Hằng	0904772323	phamhangvutm@gmail.com
6	Ths. Phạm Thị Hoa	0395556928	phamhoa0778@gmail.com
7	Ths. Trần Thị Ngọc Liên	00979639199	tranngoclien08121984@gmail.com
8	TS. Đàm Tú Quỳnh	0905131520	tuquynh19762015@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Thị Thù	0977166638	minhthua78@gmail.com
10	Ths. Lê Thị Mai Trang	0981532938	tranglemai79@gmail.com
11	Ths. Lê Thu Trang	0936719696	thutrang293@gmail.com
12	Ths. Lê Thị Vân	0946360678	levan.bmnn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
MT1	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đúng các hiện tượng ngữ pháp, cấu trúc câu được học trong bài. - Nắm chắc những cụm từ, thuật ngữ chuyên ngành y được học cổ truyền. - Đọc hiểu và dịch được bài khóa, trả lời câu hỏi, thuật lại nội dung chính của bài khóa một cách thành thạo. - Vận dụng được từ mới, ngữ pháp đã học vào các bài tập trong giáo trình nhằm củng cố kiến thức vừa học. 		1,2,3,4
MT2	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng và hiểu đúng nghĩa của từ mới, cụm từ và thuật ngữ chuyên ngành y học cổ truyền; nghe hiểu và trả lời các câu hỏi có liên quan đến từ mới và mẫu câu, vận dụng mẫu câu đó áp dụng trong giao tiếp và bài tập thực hành; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. 		1,2,3,4
MT3	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.		1,2,3,4

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của học phần
	Kiến thức
	CDR1: Từ vựng

MT1	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, giới từ, phó từ. - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến các chủ điểm chuyên ngành như tuổi thọ của con người, tác dụng của trà đối với sức khỏe của con người, luyện tập Ngũ cầm hí, điều trị bệnh tâm thần bằng đông dược; từ vựng liên quan đến bài thuốc: Hoàng liên giải độc thang, Bát trân thang, An cung ngư hoàng hoàn. - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng, hiểu và nhớ được cấu tạo bài thuốc, cách sử dụng, công dụng, chủ trị, giải thích bài thuốc, trọng điểm của biện chứng, gia giảm vị thuốc, vận dụng hiện đại và những điều cần chú ý. - Vận dụng thuật ngữ chuyên ngành như: 泻火解毒, 小便黄赤, 清热凉血, 补血、益气, 清热解毒、开窍、凉血.....
	<p>CĐR2: Ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các từ 在..下, 那么, 如果人的寿命一定会越来越长, 当...的时候 不但..., 而且...; 就是..也...; 越..越..., 万、亿, ...分之...; 由 (由.....组成), 的确; 分为; 好静而多喜, - Phân biệt các hiện tượng ngữ pháp: 以, 之, 者; 由, 故; 亦、于 trong bài để đặt câu+ đọc dịch được câu chứa từ trong bài khóa - Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập.
	<p>CĐR3: Phát âm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, ngữ điệu lên/xuống trong câu, nhấn âm từ và câu, phát âm, ngắt câu với câu dài...
	<p>CĐR4: Kiến thức nền và kỹ năng nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện các kiến thức nền, kỹ năng nghề nghiệp trong chuyên ngành y học cổ truyền, các giá trị văn hóa và nhân văn trong giao tiếp của môi trường chuyên ngành y khoa.
	Kỹ năng
	<p>CĐR5: Kỹ năng nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập về các chủ đề như: tuổi thọ của con người, tác dụng của trà và văn hóa trà đạo của Trung Quốc, chữa bệnh tâm thần bằng đông dược.... - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. - Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. - Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết.
	<p>CĐR6: Kỹ năng nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề tuổi thọ của con người, tác dụng của trà và văn hóa trà đạo của Trung Quốc, chữa bệnh tâm thần bằng

MT2	<p>đông dược....</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các bài thuốc: Hoàng liên giải độc thang, Bát trân thang, An cung ngưu hoàng hoàn để nói, trình bày. - Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn. - Nắm vững cách phát âm, nhấn trọng âm, cách sử dụng từ loại và cấu trúc câu khi thành lập câu, đoạn. - Phát triển các câu ngắn thành đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài học.
	<p>CDR7: Kỹ năng đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu về các chủ đề: tuổi thọ của con người, tác dụng của trà và văn hóa trà của người Trung Quốc, điều trị bệnh tâm thần bằng đông dược, các bài thuốc như: Hoàng liên giải độc thang, Bát trân thang, An cung ngưu hoàng hoàn - Nắm vững cấu tạo của một bài thuốc bao gồm cấu tạo bài thuốc, cách sử dụng, công dụng, chủ trị, giải thích bài thuốc, trọng điểm của biện chứng, gia giảm vị thuốc, vận dụng hiện đại và những điều cần chú ý - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để hiểu nội dung của bài đọc. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc trong bài đọc. - Phát triển nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết.
	<p>CDR8: Kỹ năng viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. - Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, sắp xếp câu. Sắp xếp câu thành đoạn văn ngắn khoảng 120~150 từ. - Dịch Trung -Việt, Việt - Trung những tài liệu chuyên ngành.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3	<p>CDR9:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Trung trong chuyên ngành y học cổ truyền để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Trung và bồi dưỡng kiến thức. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. - Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CĐR)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<p>第1课：人的寿命</p> <p>一、生词：27个生词、3个专名</p> <p>二、课文：《人的寿命》</p> <p>三、词语用法举例：1、在……下； 2、那么；3、如果；4、一般；5、随</p> <p>四、注释</p> <p>五、练习</p>	√	√	√	√	√	√	√	√	√
<p>第2课：喝茶</p> <p>一、生词：30个生词、2个专名</p> <p>二、课文：《喝茶》</p> <p>三、词语用法举例：1、当……的时候； 2、不但……而且……；3、就是……也……；4、特别；5、越……越……</p> <p>四、注释</p> <p>五、练习</p>	√	√	√	√	√	√	√	√	√
<p>第3课：五禽戏</p> <p>一、生词：32个生词、2个专名</p> <p>二、课文：《五禽戏》</p> <p>三、词语用法举例：1、只要……就……； 2、名词上；3、坚持；4、（在）……中</p> <p>四、注释：1、只要……就……；2、社会上；3、在长期的流变过程中</p> <p>五、练习</p>	√	√	√	√	√	√	√	√	√
<p>第4课：让精神错乱的人恢复健康</p> <p>一、生词：32个生词、1个专名</p> <p>二、课文：《让精神错乱的人恢复健康》</p> <p>三、词语用法举例：1、的确； 2、动词为；3、对付；4、无论；5、而</p> <p>四、注释</p> <p>五、练习</p>	√	√	√	√	√	√	√	√	√
<p>第5课：黄连解毒汤</p>	√	√	√	√	√	√	√	√	√

一、生词：15个生词、7个专名术语 二、课文：《黄连解毒汤》 三、一般词语解释： 四、专名术语解释：泻火解毒；小便黄赤；清热凉血 五、练习									
第6课：八珍汤 一、生词：12个生词、8个专名术语 二、课文：《八珍汤》 三、一般词语解释： 四、专名术语解释：补血、益气 五、练习	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第7课：安宫牛黄丸 一、生词：15个生词、6个专名术语 二、课文：《安宫牛黄丸》 三、一般词语解释： 四、专名术语解释：清热解毒、开窍、凉血、 五、练习	√	√	√	√	√	√	√	√	√

6. Mô tả học phần

Học phần 3 môn Tiếng Trung chuyên ngành là học phần bắt buộc của chương trình đào tạo tiếng Trung không chuyên dành cho sinh viên chuyên ngành Y học cổ truyền của Học viện. Học phần này được thực hiện gồm 2 tín chỉ, tương đương 30 tiết lên lớp, nhằm cung cấp kiến thức từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, bài khóa chuyên ngành và chú trọng các kỹ năng nghe, nói, đọc viết đạt mức độ tương đương HSK3.

Học phần 3 môn tiếng Trung chuyên ngành gồm 7 bài với nội dung từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, có hơn 300 từ mới, cụm từ và thuật ngữ chuyên ngành. 4 bài đầu, mỗi bài học bao gồm các phần: 1. Bài khóa; 2. Từ mới; 3. Chú thích; 4. Ngữ pháp; 5. Luyện tập. 3 bài thuốc chuyên ngành, mỗi bài bao gồm các phần: 1. Bài khóa; 2. Từ mới; 3. Giải thích từ ngữ thông thường; 4. Giải thích thuật ngữ chuyên ngành; 5. Bài tập.

Phần bài khóa và từ mới là những kiến thức về y học cổ truyền và nội hàm văn hóa của nó, tập trung giới thiệu các thuật ngữ, cụm từ cố định và chủ đề có liên quan đến chuyên ngành y dược học cổ truyền.

Phần giải thích từ ngữ thông thường giúp sinh viên nắm vững cách sử dụng từ ngữ đó trong câu, trong cấu trúc cố định. Phần giải thích thuật ngữ chuyên ngành giúp sinh viên hiểu chắc về thuật ngữ đó.

Phần bài tập chú ý rèn luyện kỹ năng giao tiếp, mô phỏng và bồi dưỡng trí nhớ cho sinh viên.

Sau khi học hết học phần này, sinh viên có thể tiến hành tự học, tự nghiên cứu và đọc hiểu các bài thuốc, đơn thuốc có sự hỗ trợ của từ điển.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	
	GIỜ LÊN LỚP			KT r		T ự họ c
	Lý thuy ết	Bà i tậ p	Thả o luậ n			
第1课: 人的寿命 一、生词: 27个生词、3个专名 二、课文: 《人的寿命》 三、词语用法举例: 1、在.. 2、那么; 3、如果; 4、一般; 5、随 四、注释 五、练习	2,5	1	0,5		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第2课: 喝茶 一、生词: 30个生词、2个专名 二、课文: 《喝茶》 三、词语用法举例: 1、当.....的时候 2、不但.....而且... ; 3、就是.....也... ; 4、特别; 5、越.....越..... 四、注释; 五、练习	2,5	1	0,5		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第3课: 五禽戏 一、生词: 32个生词、2个专名 二、课文: 《五禽戏》 三、词语用法举例: 1、只要.....就..... ; 2、名词上; 3、坚持; 4、(在)中 四、注释; 五、练习	2,5	1	0,5		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng

						dẫn của giảng viên.
第4课：让精神错乱的人恢复健康 一、生词：32个生词、1个专名 二、课文：《让精神错乱的人恢复健康》 三、词语用法举例：1、的确； 2、动词为；3、对付；4、无论；5、而 四、注释； 五、练习	2,5	1	0,5		10	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第5课：黄连解毒汤 一、生词：15个生词、7个专有术语 二、课文：《黄连解毒汤》 三、一般词语解释： 四、专有术语解释：泻火解毒；小便黄赤；清热凉血 五、练习	2,5	1	0,5		15	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第6课：八珍汤 一、生词：12个生词、8个专有术语 二、课文：《八珍汤》 三、一般词语解释： 四、专有术语解释：补血、益气 五、练习	2,5	1	0,5		15	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第7课：安宫牛黄丸 一、生词：15个生词、6个专有术语 二、课文：《安宫牛黄丸》 三、一般词语解释： 四、专有术语解释：清热解毒、开窍、凉血、	2,5	1	0,5		20	Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài

五、练习						liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Kiểm tra				2		
Tổng	17,5	7	1,5	2	90	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- [1] 王砚农、阎德早主编，*中医汉语 (下)*，北京语言文化大学出版社，1999年
- [2] Bộ môn Ngoại ngữ biên soạn, *Hán ngữ chuyên ngành Y học cổ truyền*, lưu hành nội bộ, 2019.
- [3] Bộ môn Ngoại ngữ biên soạn, *Hán ngữ phương tế*, lưu hành nội bộ, 2020.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- [1]. Yang Jizhou chủ biên, *Giáo trình Hán Ngữ (6 quyển)*, NXB Đại học Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2002. Trần Thị Thanh Liêm biên dịch.
- [2]. Fan Ying, Liu Ximing và Tian Shanji chủ biên, *Ngữ pháp (Grammar essential and practice)*, NXB Đại học Ngôn ngữ văn hoá Bắc Kinh, 1997.
- [3]. Li Dejin, Cheng Meizhen chủ biên, *Ngữ pháp Hán ngữ thực dụng dành cho người nước ngoài (A practical chinese grammar for foreigners)*, NXB Hoa ngữ giáo học, 1998.
- [4]. Phan Văn Các chủ biên, *Từ điển Hán - Việt*, NXB TH TP Hồ Chí Minh, 2001.
- [5]. 刘红英主编, *新汉语水平考试模拟试题集 HSK 二级*, 北京语言文化出版社, 2010.
- [6]. 刘红英主编, *新汉语水平考试模拟试题集 HSK 三级*, 北京语言文化出版社, 2011.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	2,5		1	0,5		10
2	2,5		1	0,5		10
3	2,5		1	0,5		10
4	2,5		1	0,5		10
5	2,5		1	0,5		15
6	2,5		1	0,5		15
7	2,5		1	0,5		20
8		2				0
Tổng	17,5	2	7	3,5		90

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình

Động não

Từng cặp /Chia sẻ

Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm

Đóng vai

Học dựa vào dự án

Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống

Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR9.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, ...

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.
- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.
- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.
- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:
 - + Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.
 - + Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.
- Về việc điểm danh sinh viên:
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;

- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
	Bài kiểm tra số 1	30%	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra. 	CĐR1 đến CĐR9
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Trắc nghiệm trên phần mềm thi test	70%	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Vận dụng toàn bộ kiến chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ đã học để hoàn thành bài thi. 	CĐR1 đến CĐR9

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

PGS.TS Đoàn Quang Huy

TS. Nguyễn Chi Lê

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (PHẦN LÝ THUYẾT)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVYDHCTVN ngày tháng năm 20
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tin học đại cương
- * Tiếng Việt: Tin học đại cương
- * Tiếng Anh: General Informatics
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2(0.5LT/1.5TH)
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ nhất (I)
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không có
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 7.5 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán – Tin

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2.	ThS.Bùi Thị Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com
3.	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	hoangthuhang2183@yahoo.com
4.	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
5.	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com
6.	ThS.Nguyễn Minh Hiền	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
7.	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
G1	- Kiến thức Có kiến thức cơ bản về cấu trúc chung của máy tính, hệ điều hành Window, các phần mềm ứng dụng, Internet, thư điện tử và các phần mềm ứng dụng cho văn phòng Microsoft office	CDR4	3
G2	- Kỹ năng Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin: Cài đặt, thiết lập và khai thác các một số hệ điều hành cơ bản, phần mềm ứng dụng trên máy tính một cách hiệu		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<p>quả; Khắc phục một số hiện tượng mà máy tính hay gặp lỗi; Thao tác được các dịch vụ trên mạng Internet và các tiện ích có liên quan.</p> <p>Khai thác được các công cụ tìm kiếm trực tuyến và ngoại tuyến.</p> <p>Có kỹ năng cơ bản về các phần mềm tin học văn phòng cơ bản: phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm trình chiếu PowerPoint và tính toán trên phần mềm Excel.</p>	CĐR5, CĐR8	2
		CĐR4, CĐR13	3
G3	<p>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</p> <p>Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào cuộc sống</p>	CĐR 15, CĐR 17	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun(CLO)
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về cấu trúc chung của máy tính, hệ điều hành Window, các phần mềm	CLO1: Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản, thiết thực về Công nghệ

<p>ứng dụng, Internet, thư điện tử và các phần mềm ứng dụng cho văn phòng Microsoft office.</p>	<p>thông tin, hệ điều hành, một số khái niệm quản trị mạng.</p> <p>CLO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bộ phần mềm ứng dụng văn phòng Office.</p>
Kỹ năng	
<p>MT2: Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin: Cài đặt, thiết lập và khai thác các một số hệ điều hành cơ bản, phần mềm ứng dụng trên máy tính một cách hiệu quả; Khắc phục một số hiện tượng mà máy tính hay gặp lỗi; Thao tác được các dịch vụ trên mạng Internet và các tiện ích có liên quan.</p> <p>Khai thác được các công cụ tìm kiếm trực tuyến và ngoại tuyến.</p>	<p>CLO3: Sinh viên có thể thao tác được các kỹ năng cài đặt, sử dụng hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; sửa chữa, khắc phục một số lỗi thường gặp của máy tính và khai thác mạng máy tính, Internet để đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.</p>
<p>MT3: Có kỹ năng cơ bản về các phần mềm tin học văn phòng cơ bản: phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm trình chiếu PowerPoint và tính toán trên phần mềm Excel.</p>	<p>CLO4: Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point để đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT4: Giúp Sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của việc sử dụng tin học ứng dụng trong học tập và thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu</p>	<p>CLO5: Có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào</p>

MT5: Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào cuộc sống	cuộc sống
---	-----------

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
1. Kiến thức chung về CNTT	2		2		2
2. Hệ điều hành Window 7	2		3		2
3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	2		3		3
4. Chương trình Microsoft Word		2		3	3
5. Chương trình Microsoft Powerpoint		2		2	2
6. Chương trình Microsoft Excel		2		2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Cụ thể học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính, sử dụng hệ điều hành Windows và xử lý các lỗi thông thường, trình duyệt web, thư điện tử. Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)	
	LT	BT/TL /KT	Tổng cộng		
Chương 1. Kiến thức chung về CNTT	0.5 tiết			0.5	
1. Khái niệm 2. Vai trò CNTT 3. Cuộc sống số 4. Cách mạng công nghệ 4.0 5. Máy tính và công nghệ thông tin					<i>Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 5-18</i>
Chương 2. Hệ điều hành Window 7	1 tiết			1	
1. Hệ điều hành Windows 7 và các thể hệ điều hành Windows. 2. Các tính năng căn bản của Windows 7 3. Làm việc với tệp tin và thư mục. 4. Một số ứng dụng cơ bản của windows:					<i>Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 19-37, Làm BTTH: bài tập 1,2 trang 1 trong sách BTTH</i>
Chương 3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	0.5 tiết			0.5	
1. Mạng lan 2. Internet 3. Thư điện tử					<i>Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 38-43, Làm BTTH:</i>

					<i>bài tập trang 2 trong sách BTTH</i>
Chương 4. Chương trình Microsoft Word	2 tiết			2	
1. Làm quen một vài điểm mới trong microsoft word 2016. 2. Giới thiệu word 2016 và một vài thao tác căn bản trên word 2016 3. Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản	2				<i>Đọc quyển Tin học ĐC, trang 44- 101, Làm BTTH: bài tập 1-16, trang 3-18 trong sách BTTH</i>
5. Chương trình Microsoft Powerpoint	0.5 tiết				
1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản 2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio 3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt 4. Sử dụng hình vẽ 5. Sử dụng Slide Master 6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide 7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger 8. Sử dụng Note trong trình chiếu 9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint 0. Lưu văn bản và in văn bản					<i>Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 102- 122.</i>

Chương 6. Chương trình Microsoft Excel	3 tiết			3	
1. Giới Thiệu Chương Trình Excel 2. Làm việc với excel 3. Làm việc với dữ liệu trong excel 4. Định dạng 5. Tìm và thay thế dữ liệu 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu 7. Giới thiệu và sử dụng các hàm 8. Khai thác cơ sở dữ liệu					<i>Đọc quyển Giáo trình Tin học đại ương, trang 123- 171, Làm BTTH: bài tập 1-19, trang 19-37 sách BTTH</i>
Tổng số	7.5 tiết				

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học (2019). *Giáo trình Tin học đại cương*. Học viện Y – dược học cổ truyền VN

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. *Giáo trình IC3 GS4 CCI Learning*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Joan Lambert(2017), *Windows 10 Step by Step*, Second Edition, Microsoft Press.

[3]. Joan Lambert(2015), *Microsoft Word 2016 Step by Step*, Microsoft Press

[4]. Curtis Frye(2015), *Microsoft Excel 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[5]. Joan Lambert(2016), *Microsoft PowerPoint 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[6]. Trường đại học dược Hà Nội, Tổ môn tin học, *Tin học cơ sở*, NXB Y học(2015)

[7]. Website: <https://www.giaiphapexcel.com>

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	Chương 1. Kiến thức chung về CNTT	0.5 tiết					1
	1. Khái niệm 2. Vai trò CNTT 3. Cuộc sống số 4. Cách mạng công nghệ 4.0 5. Máy tính và công nghệ thông tin						
	Chương 2. Hệ điều hành Window 7	1 tiết					2
	1. Hệ điều hành Windows 7 và các thế hệ điều hành Windows. 2. Các tính năng căn bản của Windows 7 3. Làm việc với tệp tin và thư mục. 4. Một số ứng dụng cơ bản của windows:						
	Chương 3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	0.5 tiết					1
1. Mạng lan 2. Internet 3. Thư điện tử							

	Chương 4. Chương trình Microsoft Word	2 tiết					4
	1. Làm quen một vài điểm mới trong microsoft word 2016. 2. Giới thiệu word 2016 và một vài thao tác căn bản trên word 2016 3. Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản	2					
Buổi 2	5. Chương trình Microsoft Powerpoint	0.5 tiết					1
	1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản 2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio 3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt 4. Sử dụng hình vẽ 5. Sử dụng Slide Master 6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide 7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger 8. Sử dụng Note trong trình chiếu 9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint 10. Lưu văn bản và in văn bản						
	Chương 6. Chương trình Microsoft Excel	3 tiết					6

1. Giới Thiệu Chương Trình Excel						
2. Làm việc với excel						
3. Làm việc với dữ liệu trong excel						
4. Định dạng						
5. Tìm và thay thế dữ liệu						
6. Sắp xếp và lọc dữ liệu						
7. Giới thiệu và sử dụng các hàm						
8. Khai thác cơ sở dữ liệu						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 5

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Cơ sở vật chất: Ngoài giảng đường học lý thuyết thì phải cần có phòng thực hành được trang bị máy tính cấu hình phù hợp để bộ phần mềm office16 hoạt động ổn định và phải được kết nối mạng Internet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Thực hiện nội qui đã được phổ biến và dán trong phòng thực tập Tin học.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Bài tập: Chuẩn bị các bài tập theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện 01 bài thi kết thúc học phần thực hành.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết lý thuyết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 100 %; các bài thực hành tại phòng thực tập Tin học phải đạt 80% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0		CĐR ...
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0		
	Thực hành	0		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	1/4	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR1,CĐR2, CĐR3
	Thực hành trên máy tính	3/4	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR3, CĐR4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết là điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm thực hành là điểm thi thực hành trực tiếp trên máy tính
- Điểm học phần = (Điểm thi lý thuyết* 0.5 + Điểm thi Thực hành * 1.5)/2

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phí Văn Phương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (THỰC HÀNH)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVYDHCTVN ngày tháng năm 20
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tin học đại cương
- * Tiếng Việt: Tin học đại cương
- * Tiếng Anh: General Informatics
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.5
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ nhất (I)
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không có
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán - Tin

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
8.	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
9.	ThS.Bùi Thị Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com
10	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	hoangthuhang2183@yahoo.com
11	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
12	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com

13	ThS.Nguyễn Minh Hiền	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
14	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
G1	<p>- Kiến thức</p> <p>Có kiến thức cơ bản về cấu trúc chung của máy tính, hệ điều hành Window, các phần mềm ứng dụng, Internet, thư điện tử và các phần mềm ứng dụng cho văn phòng Microsoft office</p>	CDR4	3
G2	<p>- Kỹ năng</p> <p>Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin: Cài đặt, thiết lập và khai thác các một số hệ điều hành cơ bản, phần mềm ứng dụng trên máy tính một cách hiệu quả; Khắc phục một số hiện tượng mà máy tính hay gặp lỗi; Thao tác được các dịch vụ trên mạng Internet và các tiện ích có liên quan.</p> <p>Khai thác được các công cụ tìm kiếm</p>	CDR5, CDR8	2

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	trực tuyến và ngoại tuyến. Có kỹ năng cơ bản về các phần mềm tin học văn phòng cơ bản: phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm trình chiếu PowerPoint và tính toán trên phần mềm Excel.	CĐR4, CĐR13	3
G3	- Mức độ tự chủ và trách nhiệm Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào cuộc sống	CĐR 15, CĐR 17	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun(CLO)
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về cấu trúc chung của máy tính, hệ điều hành Window, các phần mềm ứng dụng, Internet, thư điện tử và các phần mềm ứng dụng cho văn phòng Microsoft office.	CLO1: Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản, thiết thực về Công nghệ thông tin, hệ điều hành, một số khái niệm quản trị mạng.
	CLO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bộ phần mềm ứng dụng văn phòng Office.

Kỹ năng	
<p>MT2: Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin: Cài đặt, thiết lập và khai thác các một số hệ điều hành cơ bản, phần mềm ứng dụng trên máy tính một cách hiệu quả; Khắc phục một số hiện tượng mà máy tính hay gặp lỗi; Thao tác được các dịch vụ trên mạng Internet và các tiện ích có liên quan.</p> <p>Khai thác được các công cụ tìm kiếm trực tuyến và ngoại tuyến.</p>	<p>CLO3: Sinh viên có thể thao tác được các kỹ năng cài đặt, sử dụng hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; sửa chữa, khắc phục một số lỗi thường gặp của máy tính và khai thác mạng máy tính, Internet để đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.</p>
<p>MT3: Có kỹ năng cơ bản về các phần mềm tin học văn phòng cơ bản: phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm trình chiếu PowerPoint và tính toán trên phần mềm Excel.</p>	<p>CLO4: Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point để đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT4: Giúp Sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của việc sử dụng tin học ứng dụng trong học tập và thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu</p>	<p>CLO5: Có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào cuộc sống</p>
<p>MT5: Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào cuộc sống</p>	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1. Kiến thức chung về CNTT	2		2		2
2. Hệ điều hành Window 7	2		3		2
3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	2		3		3
4. Chương trình Microsoft Word		2		3	3
5. Chương trình Microsoft Powerpoint		2		2	2
6. Chương trình Microsoft Excel		2		2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Cụ thể học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính, sử dụng hệ điều hành Windows và xử lý các lỗi thông thường, trình duyệt web, thư điện tử. Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực hành(tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Chương 1. Kiến thức chung về CNTT	1 tiết	1	

1. Khái niệm 2. Vai trò CNTT 3. Cuộc sống số 4. Cách mạng công nghệ 4.0 5. Máy tính và công nghệ thông tin			<i>Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 1-8, làm BTTH :... Trang :..</i>
Chương 2. Hệ điều hành Window 7	4 tiết	4	
1. Hệ điều hành Windows 7 và các thể hệ điều hành Windows. 2. Các tính năng căn bản của Windows 7 3. Làm việc với tệp tin và thư mục. 4. Một số ứng dụng cơ bản của windows:	4		<i>Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 1-8, làm BTTH :... Trang :..</i>
Chương 3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	5 tiết	5	<i>Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 1-8, làm BTTH :... Trang :..</i>
1. Mạng lan 2. Internet 3. Thư điện tử	5		
Chương 4. Chương trình Microsoft Word	12 tiết		<i>Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 1-8, làm BTTH :... Trang :..</i>
1. Làm quen một vài điểm mới trong Microsoft Word 2016.	2		
2. Giới thiệu Word 2016 và một vài thao tác căn bản trên Word 2016	2		
3. Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản	8		
5. Chương trình Microsoft Powerpoint	5 tiết	5	
1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản 2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh,	5		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide

video, audio 3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt 4. Sử dụng hình vẽ 5. Sử dụng Slide Master 6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide 7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger 8. Sử dụng Note trong trình chiếu 9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint 10. Lưu văn bản và in văn bản			theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới;
Chương 6. Chương trình Microsoft Excel	18 tiết	18	
1. Giới Thiệu Chương Trình Excel 2. Làm việc với excel 3. Làm việc với dữ liệu trong excel 4. Định dạng 5. Tìm và thay thế dữ liệu 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu 8. Khai thác cơ sở dữ liệu	2		<i>Đọc quyển Giáo trình Tin học đại cương, trang 1-8, làm BTTH :... Trang :..</i>
7. Giới thiệu và sử dụng các hàm	14		
8. Khai thác cơ sở dữ liệu	2		
Tổng số	45 tiết		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học (2019). *Giáo trình Tin học đại cương*. Học viện Y – dược học cổ truyền VN

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. *Giáo trình IC3 GS4 CCI Learning*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Joan Lambert(2017), *Windows 10 Step by Step*, Second Edition, Microsoft Press.

[3]. Joan Lambert(2015), *Microsoft Word 2016 Step by Step*, Microsoft Press

[4]. Curtis Frye(2015), *Microsoft Excel 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[5]. Joan Lambert(2016), *Microsoft PowerPoint 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[6]. Trường đại học dược Hà Nội, Tổ môn tin học, *Tin học cơ sở*, NXB Y học(2015)

[7]. Website: <https://www.giaiphapexcel.com>

9. Kế hoạch giảng dạy Thực hành

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	Chương 1. Kiến thức chung về CNTT	0.5 tiết					0.5
	1. Khái niệm 2. Vai trò cntt 3. Cuộc sống số 4. Cách mạng công nghệ 4.0 5. Máy tính và công nghệ thông tin						
	Chương 2. Hệ điều hành Window 7	1 tiết					1
	1. Hệ điều hành Windows 7 và các thể hệ điều hành						

	Windows. 2. Các tính năng căn bản của Windows 7 3. Làm việc với tệp tin và thư mục. 4. Một số ứng dụng cơ bản của windows:						
	Chương 3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	0.5 tiết					1
	1. Mạng lan 2. Internet 3. Thư điện tử						
	Chương 4. Chương trình Microsoft Word	2 tiết					2
	1. Làm quen một vài điểm mới trong microsoft word 2016. 2. Giới thiệu word 2016 và một vài thao tác căn bản trên word 2016 3. Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản	2					
Buổi 2	5. Chương trình Microsoft Powerpoint	0.5 tiết					0.5
	1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản 2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio 3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt 4. Sử dụng hình vẽ						

5. Sử dụng Slide Master 6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide 7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger 8. Sử dụng Note trong trình chiếu 9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint 10. Lưu văn bản và in văn bản						
Chương 6. Chương trình Microsoft Excel	3 tiết					3
1. Giới Thiệu Chương Trình Excel 2. Làm việc với excel 3. Làm việc với dữ liệu trong excel 4. Định dạng 5. Tìm và thay thế dữ liệu 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu 7. Giới thiệu và sử dụng các hàm 8. Khai thác cơ sở dữ liệu						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 5

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Cơ sở vật chất: Ngoài giảng đường học lý thuyết thì phải cần có phòng thực hành được trang bị máy tính cấu hình phù hợp để bộ phần mềm office16 hoạt động ổn định và phải được kết nối mạng Internet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Thực hiện nội qui đã được phổ biến và dán trong phòng thực tập Tin học.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Bài tập: Chuẩn bị các bài tập theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện 01 bài thi kết thúc học phần thực hành.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết lý thuyết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 100 %; các bài thực hành tại phòng thực tập Tin học phải đạt 80% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0		CĐR ...
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0		
	Thực hành	0		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	1/4	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR1, CĐR2, CĐR3
	Thực hành trên máy tính	3/4	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR3, CĐR4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết là điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm thực hành là điểm thi thực hành trực tiếp trên máy tính
- Điểm học phần = (Điểm thi lý thuyết* 0.5 + Điểm thi Thực hành * 1.5)/2

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phí Văn Phương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Nhà nước và Pháp luật.

* Tiếng Việt: Nhà nước và Pháp luật.

* Tiếng Anh: State anh Law

- Mã học phần/ mô đun: SOC4002

- Số tín chỉ: 1

- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luyện tốt nghề <input type="checkbox"/>
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Đinh Thị Hương	0914.681.139	Dinhhuong512@gmail.com
2	Thạc sỹ Trương Thị Minh Trang	0975778477	truongminhtrang16@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
G1	Kiến thức Nắm được tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCNVN	CDR2	4
G2	Kỹ năng - Vận dụng được các quy định của pháp luật mới hiện hành. -Nắm được các kiến thức căn bản nhất về các lĩnh vực pháp luật: Hiến pháp, Dân sự, Hình sự, Lao động trong hệ thống pháp luật Việt Nam và một số Luật liên quan đến nghề nghiệp.	CDR7, CDR8	4
G3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm - Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu; ý thức chủ động tìm hiểu và nâng cao hiểu biết về pháp luật;	CDR15, CDR16	4
G4	Thực hiện vận dụng theo đúng các văn bản của nhà nước về trong cuộc sống		3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại

theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Ứng dụng kiến thức pháp luật trong đời sống	CDR1
Kỹ năng	
MT2: Thực hiện quy định của pháp luật trong chuyên môn	CDR7, CDR8
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3; MT4. -Làm việc độc lập tự chịu trách nhiệm trong công tác trước các hành vi của mình - Có trách nhiệm tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	CDR15, CDR16

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun			
	CDR1	CDR7	CDR15	CDR16
Chương I Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	2	2	2
Chương II Một số vấn đề cơ bản về Pháp luật	2	2	2	2
Chương III Luật Hiến pháp -Luật Hành chính -Luật Cán bộ, công chức - Luật Viên chức- Pháp luật về Phòng chống tham nhũng	2	2	2	2
Chương IV Luật Hình sự - Luật Dân sự- Luật Lao động – Luật Giáo dục	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Mô đun Nhà nước và pháp luật nghiên cứu các khái niệm cơ bản, các phạm trù chung nhất về Nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học pháp lý. Trên cơ sở đó nội dung của môn học nhằm phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam.

Giới thiệu nội dung số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam : Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Cán bộ, công chức viên chức; Luật Hình sự và Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật giáo dục; Luật Phòng chống tham nhũng để từ đó người học có thể dễ dàng tiếp cận với các ngành luật khác phát sinh từ các ngành luật chủ yếu này.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/T L/KT				
Chương I Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	04	0	0		04	Phân tích được khái niệm đặc trưng của nhà nước	
Chương II Một số vấn đề cơ bản về Pháp luật	04	0	0		04	Phân tích được khái niệm đặc trưng của pháp luật	
Chương III Luật Hiến pháp -Luật Hành chính -Luật Cán bộ, công chức - Luật Viên chức- Pháp luật về Phòng chống tham nhũng	04	0	0		04	Nắm được quá trình ra đời của Hiến pháp Việt Nam, bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước	
Chương IV Luật Hình sự - Luật Dân sự- Luật Lao động – Luật Giáo dục	03		0		03	Nắm được các quy định của pháp luật hiện hành về luật dân sự, hình sự, lao động	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nội dung bài giảng Nhà nước và pháp luật do Bộ môn biên soạn
2. Giáo trình Pháp luật đại cương dành cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngành Luật, Nxb Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2005). Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Nxb Đại học Quốc gia.
2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005). Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Nxb Công an nhân dân.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
4. Bộ luật Hình sự hiện hành.
5. Bộ luật Lao động hiện hành.
6. Luật Hành chính hiện hành.
7. Bộ luật Dân sự hiện hành.
8. Luật Phòng chống tham nhũng hiện hành.
9. Luật Bảo hiểm y tế hiện hành.
10. Luật Dược hiện hành.
11. Luật Khám chữa bệnh hiện hành.
12. Luật Giáo dục.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04	0	0	0	0	0
1	04	0	0	0	0	0
1	04	0	0	0	0	0
1	03	0	0	0	0	0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình X Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề X Hoạt động nhóm X Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống X Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

.....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80. %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;	CĐR1,CĐR7
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn	0		
	Thực hành	0		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%		CĐR8,CĐR15,CĐR16,

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)

VÕ + TDND (tên học phần, mô đun viết hoa)

Đối tượng đào tạo: Y cổ truyền. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Học phần 1

* Tiếng Việt: Võ + TDND

* Tiếng Anh: Taekwondo + Aerobic

- Mã học phần/ mô đun: MH80

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1

- Đối tượng học (năm thứ): 1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Không bắt buộc

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn GDTC& GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s. Nguyễn Việt Hà	0973764313	hitendra1387@gmail.com
2	Th.s. Đào Đình Hải	0983740359	daohaigdtc@gmail.com
3	Th.s. Đặng Danh Nam	0946656788	danhnamdang@gmail.com
4	Th.s. Lê Thị Vân Trang	0983562557	minhchinhgiapngo@gmail.com
5	CN. Nguyễn Thị Thu Trang	0978897299	tranganh19871984@gmail.com
6	Th.s. Nguyễn Quang Hưng	0974288588	nguyenhung.vatm@gmail.com
7	Th.s. Trần Thị Tú Quyên	0977958252	trantuquyengdtc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

<p style="text-align: center;">2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
<p style="text-align: center;">MT1</p>	<p>Kiến thức: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng. - Tăng cường phản xạ thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng. - Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng. 	<p style="text-align: center;">CDR1 CDR 7</p>	<p style="text-align: center;"><i>Bloom 2001</i></p>
<p style="text-align: center;">MT2</p>	<p>Kỹ năng: - Giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp động tác trong bài một cách liên hoàn nhịp nhàng uyển chuyển. - Tăng cường khả năng giao tiếp, làm chủ thần kinh trong ứng xử xã hội và có khả năng tự bảo vệ khi cần thiết. - Nâng cao sức chịu đựng của cơ thể, phát huy nội lực, lòng tự tin và tính sáng tạo. 	<p style="text-align: center;">CDR1 CDR 7</p>	<p style="text-align: center;"><i>Dave 1975</i></p>

<p style="text-align: center;">2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao khả năng hoạt động nhóm - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc. - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDDT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt. 		
<p style="text-align: center;">MT3</p>	<p>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập. - Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội. 	<p style="text-align: center;">CDR1 CDR 7</p>	<p style="text-align: center;"><i>Krathwohl</i> 1973</p>

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

<p style="text-align: center;">Mục tiêu học phần/ mô đun</p>	<p style="text-align: center;">CDR của học phần/ mô đun</p>
<p>MT1: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng. - Tăng cường phản xạ thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, 	<p>CDR1: Trang bị kiến thức cơ bản về Giáo dục thể chất, thể dục nhịp điệu (nữ) và Taekwondo (nam).</p>

<p>chức năng thăng bằng.</p> <p>- Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.</p>	
<p>MT2: Hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.</p>	<p>CDR2: Hình thành được kỹ năng vận động, rèn luyện khả năng phối hợp vận động nhanh, mạnh, bền, mềm dẻo, khéo léo, phát triển thể lực.</p>
<p>MT3: - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc.</p> <p>- Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể.</p> <p>- Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDDT nhằm nâng cao sức khỏe để học tập và công tác tốt.</p>	<p>CDR3: Vận dụng được những kiến thức đã học vào tự luyện tập sức khỏe và rèn luyện ý chí trong tập luyện.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

** Mức 2: Trung bình ;*

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun			
	CDR1	CDR2	CDR3	
Nội dung 1: AEROBIC(nữ)	2	3	2	
Nội dung 2: TAEKWONDO (nam)	2	3	2	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

- AEROBIC là hệ thống các kỹ thuật và bài tập được chọn lọc có hệ thống và khoa học, được du nhập vào Việt nam từ đầu những năm 80 của thế kỷ trước và phát triển rộng khắp trên mọi miền Tổ quốc và ở hầu khắp các cấp học của hệ thống giáo dục. Nhằm mục đích hoàn thiện và phát triển toàn diện cơ thể.

- Môn võ Taekwondo hiện nay là môn thể dục thể thao rất được ưa chuộng ở Việt Nam và trên thế giới. Nó là hệ thống các kỹ thuật và bài tập được chọn lọc có hệ thống và khoa học nhằm mục đích giúp người học phát triển và hoàn thiện các tổ chất của cơ thể.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
AEROBIC	30	30	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà
TAEKWONDO	30	30	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Nguyễn Văn Chung (1999), *Giáo trình Taekwondo*, NXB Thể Dục Thể Thao, Hà Nội.

[2] Giáo trình Thể dục (tập 1)- NXB TĐTT.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Mạng internet

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành:

9.1. MÔN TAEKWONDO

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	<p>- Giáo án số 1:</p> <p>+ Khái quát môn võ : nguồn gốc, lịch sử phát triển, luật thi đấu...</p> <p>+ Tập 1 số khẩu thủ lệnh cơ bản.</p> <p>+ Cách nắm nắm đấm, cách đấm: trung đẳng, hạ đẳng, thượng đẳng.</p> <p>+ Học các bước tấn cơ bản: tấn ngắn, tấn dài và trung bình tấn.</p>	4		4
2	<p>- Giáo án số 2:</p>	4		4

	<ul style="list-style-type: none"> + Ôn lại các bước tấn đã học. + Đứng trung bình tấn đâm : trung đẳng, hạ đẳng, thượng đẳng + Học kĩ thuật đá tổng trước. 			
3	<p>- Giáo án số 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn lại các bước tấn đã học. + Đứng trung bình tấn đâm : trung đẳng, hạ đẳng, thượng đẳng. + Ôn kĩ thuật đá tổng trước. + Học các kĩ thuật tay cơ bản : gạt hạ đẳng, đỡ trung đẳng, đỡ thượng đẳng. 	4		4
4	<p>- Giáo án số 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn các kĩ thuật tay cơ bản. + Ôn kĩ thuật đá tổng trước. + Kết hợp các kĩ thuật tay với tấn ngắn. + Kết hợp các kĩ thuật tay với tấn dài. 	4		4
5	<p>- Giáo án số 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn các kĩ thuật tay với tấn ngắn. + Ôn kĩ thuật tay với tấn dài. + Học kĩ thuật đối luyện: chống dao và bắt chân đánh ngã. + Tập hướng đi của bài quyền số 2(Taekwondo). + Học bài quyền số 2(taekwondo) 18 động tác, từ động tác số 1- 6. 	4		4
6	<p>- Giáo án số 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn kĩ thuật đối luyện: chống dao và bắt chân đánh ngã. 	4		4

	<ul style="list-style-type: none"> + Ôn hướng đi của bài quyền số 2 (taekwondo). + Ôn bài quyền số 2 từ động tác 1- 6. + Học tiếp bài quyền số 2 từ động tác 7- 18. 			
7	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo án số 7: + Ôn kỹ thuật đối luyện. + Ôn bài quyền số 2. 	4		4
8	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo án số 8 : + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần. 	2		2

9.2. MÔN AEROBIC.

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo án số 1: + Giới thiệu môn học Thể dục nhịp điệu(TDNĐ) + Phương pháp tự tập luyện môn học. + Tập 1 số khẩu lệnh cơ bản. + Học một số nội dung đội hình đội ngũ. + Học động tác 1 – 3 bài TDNĐ. 	4		4
2	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo án số 2: + Ôn động tác 1 – 3 bài TDNĐ. + Học động tác 4 – 6 bài TDNĐ. + Luyện tập động tác 1 – 6 bài TDNĐ. 	4		4
3	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo án số 3: + Ôn động tác từ 1 – 6 bài TDNĐ. 	4		4

	+ Học động tác từ 7 – 9 bài TDNĐ. + Luyện tập động tác 1 – 9 bài TDNĐ.			
4	- Giáo án số 4: + Ôn động tác từ 1 – 9 bài TDNĐ. + Làm quen với nhạc tập.	4		4
5	- Giáo án số 5: + Ôn động tác từ 1 – 9 bài TDNĐ. + Học động tác từ 10 – 12 bài TDNĐ. + Luyện tập động tác 1 – 12 bài TDNĐ. + Luyện tập với nhạc.	4		4
6	- Giáo án số 6: + Hoàn thiện bài TDNĐ chuẩn bị thi kết thúc học phần. + Luyện tập với nhạc.	4		4
7	- Giáo án số 7: + Hoàn thiện bài TDNĐ	4		4
8	- Giáo án số 8 : + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	2		4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR3

- Phương pháp làm mẫu, trực quan, thuyết trình...
- SV học theo hình thức cả lớp hoặc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Phải có dụng cụ tập luyện, nhạc nền cho bài tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Trang phục TĐTT đúng quy định
- SV vắng 20% số tiết sẽ không đủ điều kiện thi kết thúc học phần

(các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...).

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành trên sân tập	100%	Thi theo nhóm kết hợp với nhạc	CĐR1 đến CĐR 3

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hương Giang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)

NGŨ GIA QUYỀN (tên học phần, mô đun viết hoa)

Đối tượng đào tạo: Y cổ truyền. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Học phần 2

* Tiếng Việt: NGŨ GIA QUYỀN

* Tiếng Anh: FIVE FAMILIES KUNG FU

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1

- Đối tượng học (năm thứ): 1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Không bắt buộc

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn GDTC& GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s. Trương Hữu Hoà	0986438166	hoagdte.qp@gmail.com
2	Th.s. Đào Đình Hải	0983740359	daohaigdte@gmail.com
3	Th.s. Nguyễn Quang Hưng	0974288588	nguyenhung.vatm@gmail.com
4	Th.s. Đặng Danh Nam	0946656788	danhnamdang@gmail.com
5	Th.s. Lê Thị Vân Trang	0983562557	minhchinhgiapngo@gmail.com
6	CN. Nguyễn Thị Thu Trang	0978897299	tranganh19871984@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

<p style="text-align: center;">2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i></p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i></p>
<p style="text-align: center;">MT1</p>	<p>Kiến thức: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.</p> <p>- Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng.</p> <p>- Tăng cường phản xạ thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng.</p> <p>- Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.</p>	<p style="text-align: center;">CDR1 CDR 7</p>	<p style="text-align: center;"><i>Bloom 2001</i></p>
<p style="text-align: center;">MT2</p>	<p>Kỹ năng: - Giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.</p> <p>- Phối hợp động tác trong bài một cách liên hoàn nhịp nhàng uyển chuyển.</p> <p>- Tăng cường khả năng giao tiếp, làm chủ thần kinh trong ứng xử xã hội và có khả năng tự bảo vệ khi cần thiết.</p> <p>- Nâng cao sức chịu đựng của cơ thể, phát huy nội lực, lòng tự tin và tính sáng tạo.</p> <p>- Nâng cao khả năng hoạt động nhóm</p>	<p style="text-align: center;">CDR1 CDR 7</p>	<p style="text-align: center;"><i>Dave 1975</i></p>

<p style="text-align: center;">2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc. - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TĐTT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt. 		
<p>MT3</p>	<p>Mức độ tự chủ và trách nhiệm; - Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập.</p> <p>- Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.</p>	<p>CĐR1 CĐR 7</p>	<p><i>Krathwohl</i> <i>1973</i></p>

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

<p style="text-align: center;">Mục tiêu học phần/ mô đun</p>	<p style="text-align: center;">CĐR của học phần/ mô đun</p>
<p>MT1: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng. - Tăng cường phản xạ thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng. - Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập 	<p>CĐR1: Trang bị kiến thức cơ bản về Giáo dục thể chất, thể dục dưỡng sinh.</p>

trung tư tưởng.	
MT2: Hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.	CĐR2: Hình thành được kỹ năng vận động, rèn luyện khả năng phối hợp vận động nhanh, mạnh, bền, mềm dẻo, khéo léo, phát triển thể lực.
MT3: - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc. - Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể. - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDDT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt.	CĐR3: Vận dụng được những kiến thức đã học vào tự luyện tập sức khỏe và rèn luyện ý chí trong tập luyện.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun			
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	
Nội dung: Ngũ gia quyền	2	3	2	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Đây là một bài quyền tổng hợp từ các tư thế, chiêu thức của nhiều dòng võ thuật nổi tiếng của Việt Nam và Trung Quốc.

Môn học trang bị cho người học: Những tư thế, chiêu thức được chọn lọc với ý nghĩa vận động tổng hợp của cơ, khớp toàn thân. Động tác ngắn gọn đủ 4 hướng vận dụng liên hoàn cả 2 bên tả và hữu.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
NGŨ GIA QUYỀN	30	30	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

...

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Video trên mạng internet

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành: NGŨ GIA QUYỀN

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	- Giáo án số 1: + Giới thiệu môn học. + Học bài khởi động. + Học tư thế chào và chuẩn bị. + Học từ thế 1 - 3			
2	- Giáo án số 2: + Ôn thế 1 – 3. + Học từ thế 4 – 8. + Luyện tập từ thế 1 – 8.	4		4
3	- Giáo án số 3: + Ôn thế 1 – 8. + Học từ thế 8 – 13. + Luyện tập từ thế 1 – 13.	4		4
4	- Giáo án số 4: + Ôn thế 1 – 13. + Học từ thế 14 – 18. + Luyện tập từ thế 1 – 18.	4		4
5	- Giáo án số 5: + Luyện tập 18 thế. + Tập đi bốn cửa bài quyền	4		4
6	- Giáo án số 6:	4		4

	+ Hoàn thiện đi bốn cửa bài quyền + Hướng cách thức thi kết thúc học phần.			
7	- Giáo án số 7: + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần	4		4
8	- Giáo án số 8 : + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	2		2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR 3

- Phương pháp làm mẫu, trực quan, thuyết trình...
- SV học theo hình thức cả lớp hoặc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Phải có dụng cụ tập luyện, nhạc nền cho bài tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Trang phục TĐTT đúng quy định
- SV vắng 20% số tiết sẽ không đủ điều kiện thi kết thúc học phần.

(các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...).

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành trên sân tập.	100%	Thi theo nhóm	CĐR1 đến CĐR3

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hương Giang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)

THÁI CỤC QUYỀN (tên học phần, mô đun viết hoa)

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Y cổ truyền

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Học phần 3

* Tiếng Việt: **THÁI CỤC QUYỀN**

* Tiếng Anh: TAI CHI CHUAN

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Không bắt buộc

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn GDTC& GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.s. Nguyễn Việt Hà	0973764313	hitendra1387@gmail.com
2	Th.s. Nguyễn Quang Hưng	0974288588	nguyenhung.vatm@gmail.com
3	Th.s. Đặng Danh Nam	0946656788	danhnamdang@gmail.com
4	Th.s. Lê Thị Vân Trang	0983562557	minhchinhgiapngo@gmail.com
5	CN. Nguyễn Thị Thu Trang	0978897299	tranganh19871984@gmail.com
6	Th.s. Đào Đình Hải	0983740359	daohaigdtc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

<p style="text-align: center;">2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
<p style="text-align: center;">MT1</p>	<p>Kiến thức: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.</p> <p>- Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan nội tạng.</p> <p>- Tăng cường phản xạ thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng.</p> <p>- Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.</p>	<p style="text-align: center;">CDR1 CDR 7</p>	<p style="text-align: center;"><i>Bloom 2001</i></p>
<p style="text-align: center;">MT2</p>	<p>Kỹ năng: - Giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.</p> <p>- Phối hợp động tác trong bài một cách liên hoàn nhịp nhàng uyển chuyển.</p> <p>- Tăng cường khả năng giao tiếp, làm chủ thần kinh trong ứng xử xã hội và có khả năng tự bảo vệ khi cần thiết.</p> <p>- Nâng cao sức chịu đựng của cơ thể, phát huy nội lực, lòng tự tin và tính sáng tạo.</p>	<p style="text-align: center;">CDR1 CDR 7</p>	<p style="text-align: center;"><i>Dave 1975</i></p>

<p style="text-align: center;">2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao khả năng hoạt động nhóm - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc. - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDDT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt. 		
<p style="text-align: center;">MT3</p>	<p>Mức độ tự chủ và trách nhiệm; - Có ý thức tổ chức kỷ luật, phát huy tính tự giác tích cực trong giờ học cũng như tự luyện tập.</p> <p>- Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể, hoàn thiện nhân và tư tưởng của con người chủ nghĩa xã hội.</p>	<p style="text-align: center;">CDR1 CDR 7</p>	<p style="text-align: center;"><i>Krathwohl</i> 1973</p>

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

<p style="text-align: center;">Mục tiêu học phần/ mô đun</p>	<p style="text-align: center;">CDR của học phần/ mô đun</p>
<p>MT1: - Nhớ và thực hiện các kỹ thuật động tác đã học.</p> <p>- Nâng cao thể lực, phục hồi và tăng cường chức năng vận động của hệ thống khớp, cơ bắp và các cơ quan</p>	<p>CDR1: Trang bị kiến thức cơ bản về Giáo dục thể chất, thể dục dưỡng sinh và TCQ.</p>

nội tạng. - Tăng cường phản xạ thần kinh, sự linh hoạt, khéo léo, chức năng thăng bằng. - Giải tỏa các ức chế tâm lý, thư giãn thần kinh, tập trung tư tưởng.	
MT2: Hình thành kỹ năng vận động, khả năng định hình và phối hợp thực hiện động tác.	CĐR2: Hình thành được kỹ năng vận động, rèn luyện khả năng phối hợp vận động nhanh, mạnh, bền, mềm dẻo, khéo léo, phát triển thể lực.
MT3: - Tăng khả năng phối hợp vận động của cơ thể với nhạc. - Nâng cao ý thức đoàn kết tập thể. - Vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập TDDT nhằm nâng cao sức khoẻ để học tập và công tác tốt.	CĐR3: Vận dụng được những kiến thức đã học vào tự luyện tập sức khỏe và rèn luyện ý chí trong tập luyện.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun			
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	
Nội dung : Thái cực quyền	2	3	2	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Thái Cực Quyền (TCQ) là môn võ thuật bắt nguồn từ Trung Quốc, trong tiến trình phát triển TCQ đã vươn rộng ra khắp thế giới và trở nên gắn gũi với nhiều nền văn hóa trong đó có Việt Nam chúng ta. Dưới góc nhìn khoa học hiện đại môn TCQ dưỡng sinh đã được công nhận mang lại nhiều lợi ích tích cực trong việc nâng cao

sức khỏe, đẩy lùi bệnh tật và là phương pháp rèn luyện phù hợp với nhiều lứa tuổi, giới tính. Nhiều nơi trên thế giới coi môn TCQ là một môn thể dục dưỡng sinh và là một môn thuộc về “ Y học thay thế “ nên rất phù hợp để đưa vào giảng dạy cho đối tượng sinh viên ngành Y, Dược.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
THÁI CỰC QUYỀN	30	30	Học trực tiếp trên lớp và tự ôn ở nhà

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- [1] Giáo trình Thái cực quyền học viện YDHCT Việt Nam
- [2] Thái cực quyền dưỡng sinh- NXB Phương Đông
- [3] Thái cực quyền dưỡng sinh (24 thức)- NXB trẻ

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Video trên mạng internet

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành: THÁI CỰC QUYỀN

TT	Giờ giảng của giảng viên (giờ)			Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Số giờ/buổi	Các hình thức khác	
1	- Giáo án số 1: + Giới thiệu môn học. + Học bài khởi động. + Học tư thế khởi thức. + Học từ thức 1 – 3	4		4
2	- Giáo án số 2: + Ôn từ thức 1 – 3 + Học từ thức 4 – 6	4		4
3	- Giáo án số 3: + Ôn từ thức 1 – 6 + Học từ thức 7-9	4		4

	+ Luyện tập với nhạc			
4	- Giáo án số 4: + Ôn từ thức 1 – 9 + Học từ thức 10-14 + Luyện tập với nhạc	4		4
5	- Giáo án số 5: + Luyện tập 1-14 + Học từ thức 15-19 + Luyện tập với nhạc	4		4
6	- Giáo án số 6: + Ôn từ thức 1-19 + Học từ thức 20-24 + Luyện tập với nhạc	4		4
7	- Giáo án số 7: + Ôn tập với nhạc	4		4
8	- Giáo án số 8 : + Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	2		2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3

- Phương pháp làm mẫu, trực quan, thuyết trình...
- SV học theo hình thức cả lớp hoặc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Phải có dụng cụ tập luyện, nhạc nền cho bài tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Trang phục TĐTT đúng quy định
- SV vắng 20% số tiết sẽ không đủ điều kiện thi kết thúc học phần.

(các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...).

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành trên sân tập	100%	Thi theo nhóm kết hợp với nhạc	CĐR1 đến CĐR3

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hương Giang

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (3) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (4) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CDR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CDR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DÂN SỐ HỌC

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Dân số học.

* Tiếng Việt: Dân số học.

* Tiếng Anh: Demography

- Mã học phần/ mô đun: SOC5003

- Số tín chỉ: 1

- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ 1 năm thứ 2.

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

1. - Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh viên phải học xong môn Tổ chức quản lý y tế

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 24 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
2	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
3	Thạc sỹ Bằng Thị Hoài	0977045888	thuhoaiytcc@gmail.com
4	Thạc sỹ Nguyễn Thanh Nga	0369203688	nguyenthanhnga555@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
G1	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các nội dung cơ bản về Dân số như dân số học, biến động dân số, các phương pháp đo lường mức sinh, chết và chính sách, chiến lược dân số trong giai đoạn hiện nay. - Phân tích được thực trạng công tác dân số trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam 	<p>CĐR2, CĐR5</p> <p>CĐR BSYHCT</p>	4
G2	<p>Kỹ năng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết tính các chỉ số đo lường mức sinh, mức tái sinh sản. - Biết đo lường mức tử vong, mức độ bệnh tật. 	<p>CĐR7, CĐR11</p> <p>CĐR BSYHCT</p>	4
G3	- Nhận thức được tầm quan trọng	CĐR14,	4

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	của công tác Dân số trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.	<i>CĐR15, CĐR17</i> <i>CĐR BSYHCT</i>	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Xác định được các nội dung cơ bản về Dân số như dân số học, biến động dân số, các phương pháp đo lường mức sinh, chết và chính sách, chiến lược dân số trong giai đoạn hiện nay.	<i>CĐR2, CĐR5</i> <i>CĐR BSYHCT</i>
Kỹ năng	
MT2: Thực hành tính các chỉ số đo lường mức sinh, mức tái sinh sản, đo lường mức tử vong, mức độ bệnh tật.	<i>CĐR7, CĐR11</i> <i>CĐR BSYHCT</i>

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của công tác Dân số trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.	<i>CDR14, CDR15, CDR17</i> <i>CDR BSYHCT</i>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR2	CDR5	CDR7	CDR11	CDR14	CDR15	CDR17
Bài 1: Nhập môn Dân số học và các quan điểm Dân số	3	3	3	3	3	3	3
Bài 2: Nguồn số liệu dân số	3	3	3	3	3	3	3
Bài 3: Quy mô, phân bố, cơ cấu dân số	3	3	3	3	3	3	3
Bài 4: Đo lường mức sinh và các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh	3	3	3	3	3	3	3
Bài 5: Đo lường mức tử vong và các yếu tố ảnh hưởng đến mức tử vong	3	3	3	3	3	3	3
Bài 6: Di dân và đô thị hóa	3	3	3	3	3	3	3
Bài 7: Dự báo dân số	3	3	3	3	3	3	3
Bài 8: Dân số phát triển Kinh tế	3	3	3	3	3	3	3
Bài 9: Dân số và giáo dục	3	3	3	3	3	3	3
Bài 10: Dân số và Y tế	3	3	3	3	3	3	3
Bài 11: Chính sách dân số	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Module dân số học sẽ giúp cho sinh viên được trang bị những kiến thức dân số, các yếu tố ảnh hưởng đến sự gia tăng dân số, tổ chức ngành dân số Việt Nam. Sinh viên cũng được học về các chính sách, chiến lược dân số trong giai đoạn hiện nay.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Bài 1: Nhập môn Dân số học và các quan điểm Dân số	2,5	0	0	2,5		Phân tích được khái niệm dân số, lịch sử ngành dân số học và trình bày được các quan điểm dân số qua các thời kỳ.
Bài 2: Nguồn số liệu dân số	0	0	0	0	06	TỰ ĐỌC Khai thác được nguồn số liệu về dân số.
Bài 3: Quy mô, phân bố, cơ cấu dân số	0	0	0	0	06	TỰ ĐỌC Phân tích được khái niệm quy mô, cơ cấu và phân bố dân số.
Bài 4: Đo lường mức sinh và các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh	04	0	0	04		Thực hiện được cách đo lường mức sinh và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng.
Bài 5: Đo lường mức tử vong và các yếu tố ảnh hưởng đến mức tử vong	04	0	0	04		Thực hiện được cách đo lường mức tử và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng.

Bài 6: Di dân và đô thị hóa	03	0	0	03		Phân tích khái niệm di dân và đô thị hóa.
Bài 7: Dự báo dân số	0	0	0	0	06	TỰ ĐỌC Trình được khái niệm về dự báo dân số.
Bài 8: Dân số phát triển Kinh tế	03	0	0	03		Phân tích khái niệm dân số phát triển Kinh tế.
Bài 9: Dân số và giáo dục	0	0	0	0	06	TỰ ĐỌC Phân tích khái niệm dân số và giáo dục.
Bài 10: Dân số và Y tế	03	0	0	03		Phân tích khái niệm dân số và Y tế.
Bài 11: Chính sách dân số	03	0	0	03		Phân tích khái niệm chính sách dân số.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Giáo trình học tập chính:

1. Học Viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2017). Tài liệu hướng dẫn học phần Dân số học. Dùng cho đào tạo sinh viên Đại học ngành YHCT và BS Đa khoa. Lưu hành nội bộ.

-Tài liệu tham khảo:

2. Trường Đại học Y Hà Nội - Bộ môn Dân số học (2009), *Dân số học (Sách đào tạo hệ Bác sỹ y học dự phòng)*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Trường Đại học Y tế công cộng (2006), *Giáo trình Dân số và phát triển*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	5,5	0	0	0	0	06
2	07	0	0	0	0	06
3	06	0	0	0	0	06
4	04	0	0	0	0	06

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR ... đến CDR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80. %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80	CĐR14,CĐR15,CĐR17

			%;	
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%		CĐR12,CĐR5,CĐR7, CĐR11

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN
(PHẦN LÝ THUYẾT)

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày tháng năm 20....
 của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa năm thứ nhất, Mã số đào tạo: 7720101

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Sinh học và Di truyền
- * Tiếng Anh: Biology and Genetics
- Mã học phần/ mô đun: BIOL1001
- Số tín chỉ: (2.5 LT, 0.5 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/> X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 53 tiết
 - + Thực hành: 15 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Sinh học và Di truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Vi Thị Hiếu	0986280525	hieudaotaovatm@gmail.com

2	Ths. Đỗ Thị Tố Uyên	0978787666	Dothitouyen76@gmail.com
3	Ths. Phạm Thị Thanh Hương	0983896944	Phhuong08@gmail.com
4	Ths. Trịnh Thị Hào	0967917956	nhuhaotk@gmail.com
5	Ths. Hoàng Thị Thu Phương	0989346833	phuongsinhvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Áp dụng được cơ sở khoa học của tế bào và mối quan hệ giữa các tế bào, mô, hệ cơ quan trong cơ thể để giải thích các vấn đề liên quan đến sức khỏe và bệnh tật.	[CDR2]	3
MT2	Giải thích được quy luật di truyền và ảnh hưởng của môi trường lên sức khỏe, bệnh tật và hướng phòng bệnh.	[CDR2]	3
	Kỹ năng		
MT3	Sử dụng và làm được các tiêu bản quan sát trên kính hiển vi	[CDR2]	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.	[CDR2]	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: . Hiểu được cơ sở khoa học của tế bào và mối quan hệ giữa các tế bào, mô, hệ cơ quan trong cơ thể để giải thích các vấn đề liên quan đến sức khỏe và bệnh tật.</p> <p>MT2: Giải thích được quy luật di truyền và ảnh hưởng của môi trường lên sức khỏe, bệnh tật và hướng phòng bệnh.</p>	<p>CLO1: Áp dụng được cơ sở khoa học của tế bào và mối quan hệ giữa các tế bào, mô, hệ cơ quan trong cơ thể để giải thích các vấn đề liên quan đến sức khỏe và bệnh tật.</p> <p>CLO 2: Phân tích được quy luật di truyền và ảnh hưởng của môi trường lên sức khỏe, bệnh tật và hướng phòng bệnh</p>
Kỹ năng	
<p>MT3: Sử dụng được kính hiển vi quan sát một số loại tế bào: máu, neuron thần kinh tủy sống, neuron thần kinh tiêu não, tinh hoàn....</p>	<p>CLO 3: sử dụng kính hiển vi quan sát một số tiêu bản trên kính hiển vi</p>
<p>MT4: Làm được các tiêu bản: tế bào biểu bì hành, tế bào</p>	<p>CLO 4: Làm được và sử dụng kính hiển vi quan sát một số tiêu bản trên kính hiển vi</p>

biểu bì cà chua, tinh thể oxalat calci trong vỏ củ hành khô, tinh bột khoai tây, trao đổi chất qua màng tế bào, hạt phấn hoa...	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 5: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Chương 1. Các nguyên tố của sự sống, những hợp chất vô cơ và hữu cơ của tế bào	1				
Chương 2. Sinh học tế bào	2			2	
Chương 3. Sinh học phát triển cá thể		2			
Chương 4. Nguyên lý sinh thái		2			
Chương 5. Hệ thống sinh giới và đa dạng sinh học		2			
Chương 1. Lược sử - nội dung và phương pháp nghiên cứu di truyền y học			2		1
Chương 2. Đột biến nhiễm sắc thể và các hội chứng bệnh liên quan đến rối loạn nhiễm sắc thể của người			2		1

Chương 3. Một số kỹ thuật Sinh học phân tử ứng dụng trong Y học- Giới thiệu Bộ gen người				2		1
Chương 4. Đột biến gen và các bệnh phân tử ở người				2		1
Chương 5. Di truyền đơn gen				2		1
Chương 6. Di truyền các hệ nhóm máu và các đặc tính miễn dịch ở người				2		1
Chương 7. Di truyền đa gen và di truyền đa nhân tố ở người				2		1
Chương 8. Bất thường bẩm sinh				2		1
Chương 9. Di truyền ung thư				1		1

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

- Học phần Sinh học và di truyền gồm 3 tín chỉ (2.5 tín chỉ lý thuyết; 0.5 tín chỉ thực hành). Học phần Sinh học chứa đựng nội dung về tế bào, Sinh học phát triển cá thể, nguyên lý sinh thái, hệ thống sinh giới, đột biến NST, đột biến gen, một số kỹ thuật sinh học ứng dụng trong Y học, di truyền đơn gen, di truyền đa gen đa nhân tố ở người, di truyền nhóm máu, bất thường bẩm sinh và di truyền ung thư và kỹ năng thực hành cơ bản nhất của sinh học ứng dụng trong Y học và chăm sóc sức khỏe.

Học phần giúp người học hiểu, hệ thống hóa các kiến thức về Sinh học và Di truyền để vận dụng vào các hoạt động của cá nhân và tổ chức trong quá trình hành nghề Y.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Các chất vô cơ và hữu cơ I. Các nguyên tố tạo sự sống	2			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình

<p>II. Các hợp chất vô cơ trong cơ thể sinh vật</p> <p>III. Các hợp chất hữu cơ</p> <p>IV. Trạng thái lý học của nguyên sinh chất (*)</p>						<p>bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>
<p>Sinh học tế bào</p> <p>I. Lược sử hình thành tế bào học và học thuyết tế bào (*)</p> <p>II. Tế bào và hệ thống sinh giới</p> <p>III. Cấu trúc và chức năng của tế bào</p> <p>IV. Sự phân chia tế bào</p> <p>V. Sự chết tế bào có chương trình (Apoptosis)</p>	6			2		<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>
<p>Sinh học phát triển cá thể</p> <p>I. Khái niệm</p> <p>II. Các phương thức sinh sản của sinh vật</p> <p>III. Quá trình phát triển cá thể của động vật</p> <p>IV. Cơ chế điều khiển sự phát triển của phôi(*)</p> <p>V. Một số thực nghiệm về phôi</p> <p>VI. Sự tái sinh(*)</p> <p>VII. Đa phôi</p>	4			4		<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>

<p>Nguyên lý Sinh thái</p> <p>Phần I. Hệ thống sinh giới</p> <p>I. Một số khái niệm chung</p> <p>II. Một số vấn đề của sinh cảnh</p> <p>III. Loài người và môi trường ngoại cảnh</p>	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Hệ thống Sinh giới</p> <p>I. Phân loại học</p> <p>II. Phân chia sinh giới</p> <p>PHẦN II. ĐA DẠNG SINH HỌC(*)</p> <p>I. Khái niệm</p> <p>II. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu đa dạng sinh học.</p> <p>III. Hiện trạng của đa dạng sinh học</p>	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Đột biến nhiễm sắc thể và các hội chứng bệnh liên quan đến rối loạn nhiễm sắc thể của người</p> <p>I. Những phương pháp xét nghiệm NST của người</p> <p>II. Vật thể giới tính của người</p> <p>III. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể của người</p> <p>IV. Đột biến nhiễm sắc thể</p>	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

V. Chỉ định xét nghiệm nhiễm sắc thể						
VI. Giới thiệu một số hội chứng bệnh liên quan đến rối loạn nhiễm sắc thể						
VII. Đa bội thể ở người						
MỘT SỐ KỸ THUẬT SINH HỌC PHÂN TỬ ỨNG DỤNG TRONG Y HỌC – GIỚI THIỆU BỘ GEN NGƯỜI						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
I. Kỹ thuật tách chiết, điện di ADN						
II. Enzym giới hạn – phân đoạn ADN						
III. Phương pháp nhân ADN in vitro (Polymerase Chain Reaction: PCR)						
IV. Xác định trình tự Nucleotid trong phân tử ADN (Sequencing)	4			4		
V. Lai acid Nucleic						
VI. RFLP (*)(Restriction Fragment Length Polymorphisms)						
VII. Dấu ấn ADN (DNA Fingerprinting)						
VIII. Kỹ thuật chuyển gen – liệu pháp gen (*)						
GIỚI THIỆU BỘ GEN NGƯỜI (*)						
Đột biến gen	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide

<p>I. Đột biến gen</p> <p>II. Đột biến gen liên quan đến bất thường của phân tử Protein không phải enzym: bệnh Hemoglobin và rối loạn các yếu tố đông máu</p> <p>III. Bệnh Hemoglobin do bất thường số lượng chuỗi globin (Thalassemia).</p> <p>IV. Đột biến gen gây rối loạn các yếu tố đông máu</p> <p>V. Bệnh rối loạn chuyển hóa bẩm sinh (Inborn errors of Metabolism (*))</p>						theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Di truyền đơn gen</p> <p>I. Phân loại các nhóm bệnh do rối loạn vật chất di truyền gây nên</p> <p>II. Các tính trạng và rối loạn kiểu Mendel</p>	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Di truyền nhóm máu</p> <p>I. Di truyền nhóm máu</p> <p>II. Cơ sở di truyền đặc tính miễn dịch</p> <p>(*)</p>	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Di truyền đa gen</p> <p>I. Các định nghĩa</p> <p>II. Đặc điểm của di truyền</p>	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu

đa nhân tố III. Một số bệnh, tính trạng di truyền đa gen ở người VI. Dự báo nguy cơ tái hiện bệnh ở thế hệ sau						hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bất thường bẩm sinh I. Khái niệm II. Phân loại bất thường bẩm sinh III. Nguyên nhân phát sinh bất thường bẩm sinh IV. Các giai đoạn phát sinh bất thường bẩm sinh	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Di truyền ung thư I. Kiểm soát sinh trưởng và biệt hóa tế bào II. Nguyên nhân phát sinh ung thư III. Cơ chế phát sinh ung thư IV. Thuyết nhiều tác động của sự phát sinh ung thư V. Các loại gen ung thư (cancer genes) VI. Ung thư và một số dạng đột biến	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1]. Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt nam, Bộ môn Sinh học và Di truyền (2021), *Giáo trình Sinh học đại cương*.

[2] Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt nam, Bộ môn Sinh học và Di truyền (2021), *Giáo trình Di truyền Y học*.

[3] Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt nam (2021), *Giáo trình thực hành Sinh học và di truyền*

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Bộ Y tế (2015), *Sinh học*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

[3] Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Y Sinh học – Di truyền (2005), *Thực tập Sinh học*

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Các chất vô cơ và hữu cơ I. Các nguyên tố tạo sự sống II. Các hợp chất vô cơ trong cơ thể sinh vật III. Các hợp chất hữu cơ IV. Trạng thái lý học của nguyên sinh chất (*)	2					4
2	Sinh học tế bào I. Lược sử hình thành tế bào học và học thuyết tế bào (*) II. Tế bào và hệ thống sinh giới III. Cấu trúc và chức năng của tế bào IV. Sự phân chia tế bào V. Sự chết tế bào có chương	6					12

	trình (Apoptosis)						
3	<p>Sinh học phát triển cá thể</p> <p>I. Khái niệm</p> <p>II. Các phương thức sinh sản của sinh vật</p> <p>III. Quá trình phát triển cá thể của động vật</p> <p>IV. Cơ chế điều khiển sự phát triển của phôi(*)</p> <p>V. Một số thực nghiệm về phôi</p> <p>VI. Sự tái sinh(*)</p> <p>VII. Đa phôi</p>	4					8
4	<p>Nguyên lý Sinh thái</p> <p>Phần I. Hệ thống sinh giới</p> <p>I. Một số khái niệm chung</p> <p>II. Một số vấn đề của sinh cảnh</p> <p>III. Loài người và môi trường ngoại cảnh</p>	2					4
5	<p>Hệ thống Sinh giới</p> <p>I. Phân loại học</p> <p>II. Phân chia sinh giới</p> <p>PHẦN II. ĐA DẠNG SINH HỌC(*)</p> <p>I. Khái niệm</p> <p>II. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu đa dạng sinh học.</p> <p>III. Hiện trạng của đa dạng sinh học</p>	2					4
6	<p>Đột biến nhiễm sắc thể và các hội chứng bệnh liên quan đến rối</p>	4					8

	<p>loạn nhiễm sắc thể của người</p> <p>I. Những phương pháp xét nghiệm NST của người</p> <p>II. Vật thể giới tính của người</p> <p>III. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể của người</p> <p>IV. Đột biến nhiễm sắc thể</p> <p>V. Chỉ định xét nghiệm nhiễm sắc thể</p> <p>VI. Giới thiệu một số hội chứng bệnh liên quan đến rối loạn nhiễm sắc thể</p> <p>VII. Đa bội thể ở người</p>						
7	<p>MỘT SỐ KỸ THUẬT SINH HỌC PHÂN TỬ ỨNG DỤNG TRONG Y HỌC – GIỚI THIỆU BỘ GEN NGƯỜI</p> <p>I. Kỹ thuật tách chiết, điện di ADN</p> <p>II. Enzym giới hạn – phân đoạn ADN</p> <p>III. Phương pháp nhân ADN in vitro (Polymerase Chain Reaction: PCR)</p> <p>IV. Xác định trình tự Nucleotid trong phân tử ADN (Sequencing)</p> <p>V. Lai acid Nucleic</p> <p>VI. RFLP (*) (Restriction Fragment Length Polymorphisms)</p> <p>VII. Dấu ấn ADN (DNA Fingerprinting)</p> <p>VIII. Kỹ thuật chuyên gen – liệu</p>	4					8

	pháp gen (*) GIỚI THIỆU BỘ GEN NGƯỜI (*)						
8	Đột biến gen I. Đột biến gen II. Đột biến gen liên quan đến bất thường của phân tử Protein không phải enzym: bệnh Hemoglobin và rối loạn các yếu tố đông máu <i>III. Bệnh Hemoglobin do bất thường số lượng chuỗi globin (Thalassemia).</i> IV. Đột biến gen gây rối loạn các yếu tố đông máu V. Bệnh rối loạn chuyển hóa bẩm sinh (Inborn errors of Metabolism (*)	4					8
	Di truyền đơn gen I. Phân loại các nhóm bệnh do rối loạn vật chất di truyền gây nên II. Các tính trạng và rối loạn kiểu Mendel	4					48
	Di truyền nhóm máu I. Di truyền nhóm máu II. Cơ sở di truyền đặc tính miễn dịch (*)	2					4
	Di truyền đa gen	2					4

I. Các định nghĩa II. Đặc điểm của di truyền đa nhân tố III. Một số bệnh,tính trạng di truyền đa gen ở người VI. Dự báo nguy cơ tái hiện bệnh ở thế hệ sau						
Bất thường bẩm sinh I. Khái niệm II. Phân loại bất thường bẩm sinh III. Nguyên nhân phát sinh bất thường bẩm sinh IV. Các giai đoạn phát sinh bất thường bẩm sinh	2					4
Di truyền ung thư II. Kiểm soát sinh trưởng và biệt hóa tế bào II. Nguyên nhân phát sinh ung thư III. Cơ chế phát sinh ung thư IV. Thuyết nhiều tác động của sự phát sinh	2					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành	33,3%		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ SINH

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Lý Sinh

* Tiếng Anh: BioPhysics

- Mã học phần/ mô đun: MH04

- Số tín chỉ: 03 TC

- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ Y học cổ truyền - năm thứ nhất

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 53 tiết

+ Lý thuyết: 38 tiết

+ Thực hành: 15 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm:

+ Kiểm tra:

+ Thời gian tự học:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y vật lý

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Nguyễn Khắc Điền	0969745538	nguyenkhacdien@gmail.com
2	Ths. Chu Anh Tuấn	0983889344	cat07061982@gmail.com
3	Ths. Đào Văn Đình	0399520963	daovandinh88@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
	1. - Phân tích được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. 2. Trình bày được nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. 3. Phân tích được các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.	CĐR 1 CĐR2 CĐR 8	

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Phân tích được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. MT2: Trình bày được nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. MT3: Phân tích được các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.	CĐR1 - Vận dụng được kiến thức cơ bản của môn học để giải thích các hiện tượng bệnh lý có liên quan CĐR 2 - Phân tích được các hiện tượng, nguyên lý vận hành, cơ chế hoạt động của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh
Kỹ năng	

<p>MT1: Kỹ năng làm việc độc lập, tích cực, hợp tác và sáng tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ cá nhân và của nhóm.</p> <p>MT2: Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để giải bài tập.</p> <p>MT3: Thành thạo trong sử dụng một số dụng cụ đo lường các đại lượng vật lý, biết cách lắp ráp, vận hành một số trang thiết bị đo lường.</p> <p>MT4: Kỹ năng quan sát hiện tượng phản ứng, thu thập thông tin và xử lý thông tin. Viết báo cáo và trình bày báo cáo trước tập thể.</p>	<p>CĐR 3 - Người học có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu kiến thức, làm việc theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ được giao</p> <p>CĐR 4 - Người học có khả năng sử dụng thành thạo một số dụng cụ đo lường vật lý cơ bản, biết cách lắp ráp, vận hành một số trang thiết bị đo lường</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT1: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.</p> <p>MT2: Có ý thức bảo vệ trang thiết bị thí nghiệm, bảo vệ môi trường, xử lý chất thải sau thí nghiệm.</p> <p>MT3: Rèn luyện tính cẩn thận, trung thực, khách quan.</p> <p>MT4: Luôn có ý thức tư duy khoa học, vận dụng sáng kiến vào thực tế.</p>	<p>CĐR 5 - Người học rèn luyện được tính cẩn thận, trung thực, khách quan, tư duy khoa học.</p> <p>CĐR 6 - Người học có tinh thần trách nhiệm bảo vệ trang thiết bị thí nghiệm, bảo vệ môi trường</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	
Sự biến đổi năng lượng trong cơ thể sống.	3	1	3	3	3	3	
Chuyển động trong cơ thể sống	3	3	3	3	3	3	
Dao động và sóng	2	3	3	1	1	1	
Điện và sự sống	3	3	3	1	1	1	
Quang hình học	3	3	3	3	3	3	
Bản chất của ánh sáng	2	3	3	3	3	3	

Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể.	3	3	3	3	3	3	
Bức xạ ion hoá	3	3	3	1	1	1	
Một số ứng dụng vật lý trong y học.	3	3	3	2	1	1	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Phân tích các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

Phần Thực hành Lý sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những vấn đề cơ bản của học phần Lý Sinh.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
Đơn vị đo lường	1				1		
Sự biến đổi năng lượng trong cơ thể sống.	3	4			7		Đọc trước bài ở nhà.
Chuyển động trong cơ thể sống	6	4			10		Đọc trước bài ở nhà.
Dao động và sóng	4				4		Đọc trước bài ở nhà.
Điện và sự sống	4				4		Đọc trước bài ở nhà.
Quang hình học	4	3			7		Đọc trước bài ở nhà.
Bản chất của ánh sáng	3	4			7		Đọc trước bài ở nhà.
Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể.	4				4		Đọc trước bài ở nhà.
Bức xạ ion hoá	6				6		Đọc trước bài ở nhà.
Một số ứng dụng vật lý trong y học.	3				3		Đọc trước bài ở nhà.
Tổng	38	15			53		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Sinh – Lý Sinh (Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam) (2014), *Lý sinh (dùng cho đào tạo bác sỹ YHCT)* – Lưu hành nội bộ

2. Bộ môn Sinh – Lý Sinh (Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam) (2014), *Thực tập Lý sinh*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. PGS.TS Nguyễn Văn Thiện (2005), *Vật lý lý sinh y học*, Nhà xuất bản Y học

2. Lương Duyên Bình (2009), *Vật lý đại cương*, Nhà xuất bản Giáo dục

3. PGS. TSKH. Phan Sỹ An (2005), *Lý sinh y học*, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Bài	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Đơn vị đo lường	1					
Sự biến đổi năng lượng trong cơ thể sống.	3					
Chuyển động trong cơ thể sống	4			1		
Dao động và sóng	2			1		
Điện và sự sống	3			1		
Quang hình học	2			1		
Bản chất của ánh sáng	2		1			
Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể.	2			1		
Bức xạ ion hoá	3		1	1		
Một số ứng dụng vật lý trong y học.	2			1		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 3 đến CDR 4

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 3 đến CDR 4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Có máy chiếu, phấn, bảng, giảng viên thuyết trình có sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên, thảo luận các trường hợp, thảo luận nhóm.

- Có phòng thực hành có đủ các trang thiết bị thực hành, dụng cụ, hóa chất.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	100/3 %		CĐR 3,4,5,6
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/	200/3 %		CĐR 1,2,3,5

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 202...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PT. BỘ MÔN

PGS.TS. Đoàn Quang Huy

Nguyễn Khắc Điền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (THỰC HÀNH) LÝ SINH

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Lý Sinh
- * Tiếng Anh: BioPhysics
- Mã học phần/ mô đun: MH04
- Số tín chỉ thực hành: 0.5 TC
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ YHCT - năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luyện tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y vật lý

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Nguyễn Khắc Điền	0969745538	nguyenkhacdien@gmail.com
2	Ths. Chu Anh Tuấn	0983889344	cat07061982@gmail.com
3	Ths. Đào Văn Đình	0399520963	daovandinh88@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
	<p>1. - Phân tích được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống.</p> <p>2. Trình bày được nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị.</p> <p>3. Phân tích được các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.</p>	<p>2.1.2. Kiến thức cơ sở</p> <p>- vận dụng được kiến thức khoa học tự nhiên (vật lý, hóa học, sinh học...) để giải thích các hiện tượng bệnh lý có liên quan</p> <p>- Phân tích được các hiện tượng, nguyên lý vận hành, cơ chế hoạt động của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh</p> <p>- Tiếp cận được với các kiến thức, kỹ thuật y được tiên tiến hiện đại</p>	

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
<p>MT1: Phân tích được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống.</p> <p>MT2: Trình bày được nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị.</p> <p>MT3: Phân tích được các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.</p>	<p>CDR1 - Vận dụng được kiến thức cơ bản của môn học để giải thích các hiện tượng bệnh lý có liên quan</p> <p>CDR 2 - Phân tích được các hiện tượng, nguyên lý vận hành, cơ chế hoạt động của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh</p>
Kỹ năng	

<p>MT1: Kỹ năng làm việc độc lập, tích cực, hợp tác và sáng tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ cá nhân và của nhóm.</p> <p>MT2: Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để giải bài tập.</p> <p>MT3: Thành thạo trong sử dụng một số dụng cụ đo lường các đại lượng vật lý, biết cách lắp ráp, vận hành một số trang thiết bị đo lường.</p> <p>MT4: Kỹ năng quan sát hiện tượng phản ứng, thu thập thông tin và xử lý thông tin. Viết báo cáo và trình bày báo cáo trước tập thể.</p>	<p>CĐR 3 - Người học có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu kiến thức, làm việc theo nhóm để giải quyết nhiệm vụ được giao</p> <p>CĐR 4 - Người học có khả năng sử dụng thành thạo một số dụng cụ đo lường vật lý cơ bản, biết cách lắp ráp, vận hành một số trang thiết bị đo lường</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT1: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.</p> <p>MT2: Có ý thức bảo vệ trang thiết bị thí nghiệm, bảo vệ môi trường, xử lý chất thải sau thí nghiệm.</p> <p>MT3: Rèn luyện tính cẩn thận, trung thực, khách quan.</p> <p>MT4: Luôn có ý thức tư duy khoa học, vận dụng sáng kiến vào thực tế.</p>	<p>CĐR 5 - Người học rèn luyện được tính cẩn thận, trung thực, khách quan, tư duy khoa học.</p> <p>CĐR 6 - Người học có tinh thần trách nhiệm bảo vệ trang thiết bị thí nghiệm, bảo vệ môi trường</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	
Sự biến đổi năng lượng trong cơ thể sống.	3	1	3	3	3	3	
Chuyển động trong cơ thể sống	3	3	3	3	3	3	
Dao động và sóng	2	3	3	1	1	1	
Điện và sự sống	3	3	3	1	1	1	
Quang hình học	3	3	3	3	3	3	
Bản chất của ánh sáng	2	3	3	3	3	3	

Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể.	3	3	3	3	3	3	
Bức xạ ion hoá	3	3	3	1	1	1	
Một số ứng dụng vật lý trong y học.	3	3	3	2	1	1	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành

Phần Thực hành Lý sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những vấn đề cơ bản của học phần Lý Sinh bao gồm: phương pháp đo lường một số đại lượng vật lý cơ bản, xử lý số liệu sai số.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Đo độ nhớt dung dịch bằng nhớt kế OSWALD	4		- Trang phục đúng quy định - Đọc bài trước khi tới lớp
Xác định hệ số căng bề mặt của chất lỏng bằng phương pháp đo lực tách vòng	4		- Trang phục đúng quy định - Đọc bài trước khi tới lớp
Đo chiết suất dung dịch bằng khúc xạ kế	4		- Trang phục đúng quy định - Đọc bài trước khi tới lớp
Xác định chiết suất bản thủy tinh bằng kính hiển vi quang học	4		- Trang phục đúng quy định - Đọc bài trước khi tới lớp

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Sinh – Lý Sinh (Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam) (2014), *Lý sinh (dùng cho đào tạo bác sỹ YHCT)* – Lưu hành nội bộ

2. Bộ môn Sinh – Lý Sinh (Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam) (2014), *Thực tập Lý sinh*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- PGS.TS Nguyễn Văn Thiện (2005), *Vật lý lý sinh y học*, Nhà xuất bản Y học
- Lương Duyên Bình (2009), *Vật lý đại cương*, Nhà xuất bản Giáo dục
- PGS. TSKH. Phan Sỹ An (2005), *Lý sinh y học*, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	4					
2	4					
3	4					
4	4					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 3 đến CDR 4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành:

- Có máy chiếu, phấn, bảng, giảng viên thuyết trình có sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên, thảo luận các trường hợp, thảo luận nhóm.

- Có phòng thực hành có đủ các trang thiết bị thực hành, dụng cụ, hóa chất.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn thực hành; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Trang phục: áo blouse theo quy định

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo trước khi tới lớp
- Các bài thực hành tại phòng thí nghiệm phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0 %		
2	Điểm thi kết thúc thực hành			
	Thi thực hành	100 %		CĐR 3,4,5,6

Hà Nội, ngày tháng năm ..

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PT. BỘ MÔN

PGS.TS. Đoàn Quang Huy

Th.S Nguyễn Khắc Điền

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HÓA HỌC**

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Hóa học
- * Tiếng Anh: Chemistry
- Mã học phần/ mô đun: CHEM1001
- Số tín chỉ: 2,5 LT/0,5 TH
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
 - + Lý thuyết: 37,5 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 15 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: 9 tiết
 - + Thời gian tự học: 88,5 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học Bác sỹ YHCT năm thứ 1
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): không
 - + Học phần học trước (đã học):
 - + Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Hoá học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Hoài Vân	0979311819	hoaivantt1@gmail.com
2	TS. Nguyễn Tiến Dũng	0982396848	vnnguyentiendung@gmail.com

3	ThS. Trương Thị Thu Hương	0948949998	Ngocan31081@gmail.com
4	TS. Ngô Hạnh Thương	0984910368	ngohanhthuong@gmail.com
5	ThS. Đinh Thị Tuyết	0977683717	Dinhtuyet0210@gmail.com
6	TS. Đinh Thị Hồng Minh	0983220909	Minhdh255888@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Thị Hà	0989928899	nguyenhahyd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hóa vô cơ và hóa hữu cơ để giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.	[CDR1], [CDR2], [CDR 3]	3
MT2	Hiểu được bản chất, ý nghĩa khoa học, tính thực tiễn và ứng dụng của các chất hóa học trong đời sống, cũng như vai trò và ý nghĩa trong y học của chúng.	[CDR8] [CDR9]	3
	Kỹ năng		
MT3	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Kỹ năng sử dụng các dụng cụ trong PTN - Kỹ năng trong thực hiện các phản ứng hóa học an toàn và hiệu quả - Thu thập và xử lý thông tin. - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày 	[CDR8], [CDR 9] [CDR10], [CDR11], [CDR15], [CDR16]	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CDR15], [CDR16]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: (CDR))

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hóa vô cơ và hóa hữu cơ. Vận dụng được một số ứng dụng của các quá trình hóa học, các chất hóa học trong đời sống, được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống cũng như vai trò và ý nghĩa trong y học của chúng.	CDR1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hóa vô cơ và hóa hữu cơ. Vận dụng được một số ứng dụng của các quá trình hóa học, các chất hóa học trong đời sống, được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống cũng như vai trò và ý nghĩa trong y học của chúng.
MT2: Sử dụng được các dụng cụ để tiến hành thí nghiệm tính pH, tính nồng độ, tính độ cứng của nước, xác định tính chất của alcol – aldehyd – ceton và carbohydrat.	CDR2: Sử dụng được các dụng cụ để tiến hành thí nghiệm tính pH, tính nồng độ, tính độ cứng của nước, xác định tính chất của alcol – aldehyd – ceton và carbohydrat.
MT3: Vận dụng được kiến thức cơ bản của hóa đại cương – vô cơ – hữu cơ để tiến hành các phản ứng hóa học an toàn hiệu quả, ứng dụng trong hóa sinh, hóa dược, dược liệu, ...	CDR3: Vận dụng được kiến thức cơ bản của hóa đại cương – vô cơ – hữu cơ để tiến hành các phản ứng hóa học an toàn hiệu quả, ứng dụng trong hóa sinh, hóa dược, dược liệu, ...
Kỹ năng	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

MT5: Nhận thức được tầm quan trọng của các đại lượng nồng độ, pH.	CĐR5: Nhận thức được tầm quan trọng của các đại lượng nồng độ, pH.
MT6: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong việc vận dụng các phương pháp phân tích hóa học. Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.	CĐR6: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong việc vận dụng các phương pháp phân tích hóa học. CĐR7: Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Nội dung 1: Cấu tạo nguyên tử	2				2	2	2
Nội dung 2: Liên kết hóa học và cấu tạo phân tử.	2				2	2	2
Nội dung 3: Nhiệt động học hóa học	2				2	2	2
Nội dung 4: Động hóa học		3			2	2	2
Nội dung 5: Đại cương về dung dịch		3			2	2	2
Nội dung 6: Dung dịch các chất điện li			3		2	2	2
Nội dung 7: Dung dịch keo			3		2	2	2
Nội dung 8. Điện hóa học			3		2	2	2
Nội dung 9: Hóa học vô cơ: Các nguyên tố kim loại khối s, p,d			3		2	2	2
Nội dung 10: Hóa học vô cơ: Các nguyên tố phi kim.				3	2	2	2

Nội dung 11. Đại cương về hóa học hữu cơ				3	2	2	2
Nội dung 12: Hydrocacbon				3	2	2	2
Nội dung 13: Alcol-phenol-Thiol- Ether				3	2	2	2
Nội dung 14: Aldehyd - Ceton-Glucid				3	2	2	2
Nội dung 15: Acid carboxylic- Ester và hợp chất tạp chức có nhóm carboxylic				3	2	2	2
Nội dung 16: Amin-amid và hợp chất tạp chức có nhóm amin				3	2	2	2
Nội dung 17: Các hợp chất dị vòng				3	2	2	2

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần này có 3 tín chỉ, trong đó có 2,5 tín chỉ lý thuyết và 0,5 tín chỉ thực hành, sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoá học, hoá phân tích, hóa học hữu cơ, vô cơ; hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
1. Cấu tạo nguyên tử	2			2	4	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo
2. Liên kết hóa học và cấu tạo phân tử.	2			2	4	
3. Nhiệt động học hóa học	1		1	2	5	

4. Động hóa học	1,5		0,5	2	5	nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
5. Đại cương về dung dịch	1		1	2	5	
6. Dung dịch các chất điện li	4		1	5	10	
7. Dung dịch keo	1			1	4	
8. Điện hóa học	1,5		0,5	2	4	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
9. Hóa học vô cơ: Các nguyên tố kim loại khối s, p,d	3			3	6	
10. Hóa học vô cơ: Các nguyên tố phi kim.	1			1	2	
11. Đại cương về hóa học hữu cơ	3,5		0,5	4	10	
12. Hydrocacbon	1,5		0,5	2	5	
13. Alcol-phenol-Thiol-Ether	1,5		0,5	2	5	
14. Aldehyd -Ceton-Glucid	1,5		0,5	2	5	
15. Acid carboxylic- Ester và hợp chất tạp chức có nhóm carboxylic	1,5		0,5	2	5	
16. Amin-amid và hợp chất tạp chức có nhóm amin	1,5		0,5	2	5	
17. Các hợp chất dị vòng	1,5			1,5	4,5	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Lý thuyết: Bộ môn Hóa - Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam.
Giáo trình Hóa học. Lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn Hoá- Hoá sinh (Đại học Y Hà Nội), *Lý thuyết Hoá học*. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2005
2. Bộ môn Hoá học (Học viện Quân Y), *Bài giảng Hoá phân tích*, 2005
3. Nguyễn Tinh Dung. *Hóa học phân tích I, II, III*. NXB Giáo dục, 2007.
4. Trần Tích, *Bài giảng Hóa phân tích*, bản thảo 2008.
5. PGS.TSKH. Phan An. *Bài giảng Hóa học vô cơ và hữu cơ*. Trường ĐH Y Hà nội, 2005.
6. Phan Tổng Sơn, Trần Quốc Sơn, Đặng Như Tại (1980). *Cơ sở Hoá học hữu cơ tập 1*, 2. Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
7. Trần Quốc Sơn (chủ biên), Trần Thị Tुरू (2003). *Danh pháp hợp chất hữu cơ*. Nhà xuất bản giáo dục.
8. GS.TS. Trần Mạnh Bình, PGS.TS. Nguyễn Quang Đạt (2007). *Hóa học hữu cơ tập I,II*. NXB Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Cấu tạo nguyên tử Liên kết hóa học và cấu tạo phân tử.	2 2					4 4
2	Nhiệt động học hóa học Động hóa học Đại cương về dung dịch	1 1,5 1		1 0,5 1			4 4 4
3	Dung dịch các chất điện li	4		1			10
4	Dung dịch keo Điện hóa học	1 1,5		0 0,5			
5	Hóa học vô cơ: Các nguyên tố kim loại khối s, p,d Hóa học vô cơ: Các nguyên tố phi kim.	3 1					
6	Đại cương về hóa học hữu cơ	3,5		0,5			
7	Hydrocacbon Alcol-phenol-Thiol- Ether	0,5 0,5		0,5 0,5			

8	Aldehyd -Ceton-Glucid Acid carboxylic- Ester và hợp chất tạp chức có nhóm carboxylic	0,5 0,5		0,5 0,5			
9	Amin-amid và hợp chất tạp chức có nhóm amin Các hợp chất dị vòng	1,5 2		0,5 0			

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùc cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR4

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR4

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR4.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR5 đến CĐR7

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành	33,3%		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HÓA HỌC (THỰC HÀNH)**

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Hóa học

* Tiếng Anh: Chemistry

- Mã học phần/ mô đun: CHEM1001

- Số tín chỉ: 0,5 TC

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học Bác sỹ YHCT năm thứ 1

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): không

+ Học phần học trước (đã học):

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Hoá học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Hoài Vân	0979311819	hoaivantt1@gmail.com
2	TS. Nguyễn Tiến Dũng	0982396848	vnnnguyentindung@gmail.com
3	ThS. Trương Thị Thu Hương	0948949998	NgocTan31081@gmail.com
4	TS. Ngô Hạnh Thương	0984910368	ngohanhtuong@gmail.com
5	ThS. Đinh Thị Tuyết	0977683717	Dinhtuyet0210@gmail.com
6	TS. Đinh Thị Hồng Minh	0983220909	Minhdh255888@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Thị Hà	0989928899	nguyenhahyd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Thực hiện được một số thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm nói chung, làm quen với các kỹ thuật trong phòng xét nghiệm nói riêng.	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR 3]	3
MT2	Vận dụng lý thuyết các phương pháp chuẩn độ để phân tích định lượng các chất; làm các thí nghiệm để so sánh; giải thích tính chất hóa học các hợp chất hữu cơ.	[CĐR8] [CĐR9]	3
Kỹ năng			
MT3	Thực hiện chính xác các thao tác, sử dụng dụng cụ đúng kỹ thuật, an toàn.	[CĐR8], [CĐR 9] [CĐR10],	3
MT4	Biết cách xử lý số liệu sau phân tích, biết cách giải thích các hiện tượng thí nghiệm dựa trên kiến thức được học và tìm hiểu.	[CĐR11], [CĐR15], [CĐR16]	
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Nhận thức được tầm quan trọng của các bài học.	[CĐR15], [CĐR16]	3
MT6	Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong thực hiện các phản ứng hóa học an toàn và hiệu quả. Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.	[CĐR16]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và

trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: (CĐR))

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: Thực hiện được một số thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm nói chung, làm quen với các kỹ thuật trong phòng xét nghiệm nói riêng.	CĐR1: Thực hiện được một số thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm nói chung, làm quen với các kỹ thuật trong phòng xét nghiệm nói riêng.
MT2: Vận dụng lý thuyết các phương pháp chuẩn độ để phân tích định lượng các chất; làm các thí nghiệm để so sánh; giải thích tính chất hóa học các hợp chất hữu cơ.	CĐR2: Vận dụng lý thuyết các phương pháp chuẩn độ để phân tích định lượng các chất; làm các thí nghiệm để so sánh; giải thích tính chất hóa học các hợp chất hữu cơ.
Kỹ năng	
MT3: Thực hiện chính xác các thao tác, sử dụng dụng cụ đúng kỹ thuật, an toàn.	CĐR3: Thực hiện chính xác các thao tác, sử dụng dụng cụ đúng kỹ thuật, an toàn.
MT4: Biết cách xử lý số liệu sau phân tích, biết cách giải thích các hiện tượng thí nghiệm dựa trên kiến thức được học và tìm hiểu.	CĐR4: Biết cách xử lý số liệu sau phân tích, biết cách giải thích các hiện tượng thí nghiệm dựa trên kiến thức được học và tìm hiểu.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Nhận thức được tầm quan trọng của các bài học.	CĐR5: Nhận thức được tầm quan trọng của các bài học.
MT6: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong thực hiện các phản ứng hóa học an toàn và hiệu quả. Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.	CĐR6: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong thực hiện các phản ứng hóa học an toàn và hiệu quả. CĐR7: Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Nội dung 1: Giới thiệu một số dụng cụ và thao tác trong thực hành Phương pháp chuẩn độ trung hòa	3		3	3	2	2	2
Nội dung 2: Phương pháp chuẩn độ complexon. Phương pháp chuẩn độ oxi hóa - khử	3		3	3	2	2	2
Nội dung 3: Ancol – Aldehyt - ceton		3	3	3	2	2	2
Nội dung 4: Acid carboxylic - Carbohydrat		3	3	3	2	2	2

6. Mô tả học phần – Phần thực hành (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Phần thực hành thuộc học phần Hóa học nhằm hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Giới thiệu một số dụng cụ và thao tác trong thực hành Phương pháp chuẩn độ trung hòa	4		Sinh viên đọc tài liệu, chuẩn bị bảng kiểm trước khi đến lớp
Phương pháp chuẩn độ complexon. Phương pháp chuẩn độ oxi hóa - khử	4		
Ancol – Aldehyt - ceton	4		
Acid carboxylic - Carbohydrat	4		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ môn Hóa - Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam.

Bảng kiểm dạy thực hành hóa học và Bảng kiểm lượng giá thực hành hóa học. Lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Bộ môn Hoá học (Đại học Y Hà Nội), *Thực tập Hoá học.*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Bài 1: Giới thiệu một số dụng cụ và thao tác trong thực hành Phương pháp chuẩn độ trung hòa					4	4
2	Bài 2: Phương pháp chuẩn độ complexon. Phương pháp chuẩn độ oxi hóa - khử					4	4
3	Bài 3: Ancol – Aldehyt - ceton					4	4
4	Bài 4; Acid carboxylic - Carbohydrat					3	3

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

- Sử dụng các kiến thức lý thuyết và từ các tài liệu cũng như trên thực tế.
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Sinh viên thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kỹ thuật viên Bộ môn.

- Sau mỗi buổi thực hành, sinh viên báo cáo nội dung thực hành với giảng viên hướng dẫn, thực hiện đánh giá cuối buổi thực hành.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Phòng thực hành được cung cấp đầy đủ nguyên liệu tươi trước khi làm thí nghiệm
- Phòng thực hành được trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, dung môi, hóa chất phục vụ sơ chế, chế biến và đánh giá các vị thuốc trong chương trình giảng dạy.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi thực hành. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi thực hành.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các nội dung đánh giá của buổi thực hành và thi kết thúc phần thực hành.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
1.1	Điểm chuyên cần	Điều kiện dự thi kết thúc phần TH	Tham gia dự lớp 100% số tiết học	CĐR5 đến CĐR7

1.2	Kết quả bài thực hành 1,2,3,4	20%	≥ 4 (thang điểm 10)	CĐR 1 đến CĐR 4
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thi thực hành	80%	≥ 4 (thang điểm 10)	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TIN HỌC ỨNG DỤNG – XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y HỌC (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ y học cổ truyền trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Tin học ứng dụng-Xác suất thống kê y học

* Tiếng Anh: Applied Informatics - Probability of medical statistics

- Mã học phần/ mô đun: INMA3001

- Số tín chỉ lý thuyết: 2.0

- Đối tượng học (năm thứ): 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: 9 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: 1 tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán-Tin

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Phí Văn Phương	0904387179	vnphivanphuong@gmail.com
2	TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	0988900957	ngocquynh37@gmail.com
3	ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân	0945112963	dothanh1810@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang	0904336196	thuytrang198210@gmail.com

5	TS. Trần Thị Vân	0983109980	tranvanem68@yahoo.com.vn
6	ThS. Hoàng Minh Phương	0936936916	nguyenngoctrang18@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Áp dụng các kiến thức thức cơ bản về xác suất và thống kê để tính xác suất, lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và thực hiện được các loại kiểm định giả thuyết thống kê	CĐR 1, CĐR 2, CĐR 3	1
	Kỹ năng		
MT2	- Tính được tham số mẫu và hiểu được ý nghĩa của chúng. - Giải được các bài toán cơ bản về xác suất có nội dung y sinh học và thực tiễn. - Lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.	CĐR 8, CĐR 10, CĐR11, CĐR 12	1
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Có thái độ tích cực trong việc vận dụng kiến thức được học vào quá trình nghiên cứu KH và các môn học khác... để giúp ích bản thân, công việc và xã hội	CĐR 16, CĐR 17	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Áp dụng các kiến thức thức cơ bản về xác suất và thống kê để tính xác suất, lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và thực hiện được các loại kiểm định giả thuyết thống kê	<p>CLO1: Vận dụng được các công thức, tính chất của xác suất, thống kê và tham số mẫu; ước lượng khoảng tin cậy để giải một số bài toán xác suất và kiểm định giả thuyết thống kê liên quan lĩnh vực Y học</p> <p>CLO 2: Biết cách lựa chọn kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, áp dụng kiến thức xác suất, thống kê vào phân tích số liệu trong nghiên cứu y được.</p>
Kỹ năng	
MT2: Tính được tham số mẫu và hiểu được ý nghĩa của chúng; giải được các bài toán cơ bản về xác suất có nội dung y sinh học và thực tiễn;lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.	<p>CLO3: Sinh viên có kỹ năng tính được các tham số mẫu và hiểu ý nghĩa của chúng</p> <p>CLO4: Sinh viên hiểu, biết cách lựa chọn kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và trình bày được các bước của bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Có thái độ tích cực trong việc vận dụng kiến thức được học vào quá trình nghiên cứu KH và các môn học khác... để giúp ích bản thân, công việc và xã hội	CLO 5: Sinh viên có thái độ đúng đắn, nghiêm túc và có trách nhiệm trong học tập cũng như công việc.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Bài 1: Xác suất	2				1
Bài 2: Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục	2				1
Bài 3: Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc	2				1
Bài 4: Tham số mẫu.	1		2		1
Bài 5: Kiểm định giả thuyết thống kê	1	2		2	1
Bài 6: Kiểm định giá trị trung bình lý thuyết		2		2	1
Bài 7: So sánh phương sai, so sánh trung bình của hai biến chuẩn		2		2	1
Bài 8: Kiểm định giá trị của xác suất		2		2	1
Bài 9: So sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập		2		2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần lý thuyết Tin học ứng dụng – Xác suất thống kê là bộ phận của học phần Tin học ứng dụng – Xác suất thống kê trang bị các khái niệm cơ bản về xác suất thống kê, đặc trưng của thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, so sánh các mẫu quan sát và bước đầu xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về y, dược.

Mục đích: Giúp người học tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện các báo cáo, dự trù ...trong lĩnh vực y dược.

Nội dung chính yếu: + Xác suất: Định nghĩa, công thức, bài toán liên quan

+ Quy Luật: Quy luật liên tục, quy luật rời rạc.

+ Ước lượng khoảng

+Kiểm định: Các dạng so

sánh trung bình, các dạng so sánh phương sai

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
<p>Bài 1: Xác suất</p> <p>1. Định nghĩa xác suất</p> <p>2. Công thức tính xác suất</p> <p>-Công thức cộng</p> <p>-Công thức nhân</p> <p>-Công thức xác suất toàn phần</p> <p>-Công thức Bayes</p> <p>-Bài toán phản ứng xét nghiệm</p>	5			5		<p>- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>-Làm bài tập về nhà đầy đủ</p>
<p>Bài 2: Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục</p> <p>1. Khái niệm đại lượng ngẫu nhiên (liên tục, rời rạc)</p> <p>2. Hàm mật độ và phân phối xác suất</p> <p>3. Các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên:</p> <p>-Trung bình</p> <p>-Phương sai và độ lệch chuẩn</p> <p>4. Quy luật chuẩn: định nghĩa, các đặc trưng.</p> <p>5. Quy luật khi bình phương, quy luật Student, quy luật Fisher-Snedecor</p> <p>6. Giá trị tới hạn</p> <p>7. Tra ngược</p>	3			3		<p>- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>-Làm bài tập về nhà đầy đủ</p>

<p>Bài 3: Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc</p> <p>1. Quy luật nhị thức</p> <p>2. Quy luật Poisson</p> <p>3. Quy luật siêu bội</p> <p>4. Quy luật đa thức</p>	4			4	<p>- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>- Làm bài tập về nhà đầy đủ</p>
<p>Bài 4: Tham số mẫu.</p> <p>1. Giá trị trung tâm: Trung bình. Trung vị Số mod</p> <p>2. Giá trị biến thiên: - Khoảng - Phương sai - độ lệch chuẩn - Bách phân vị, tứ phân vị, khoảng phân vị - Hệ số biến thiên</p>	3			3	<p>- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>- Làm bài tập về nhà đầy đủ</p>
<p>Bài 5: Kiểm định giả thuyết thống kê</p> <p>1. Các bước bài toán kiểm định</p> <p>2. Các xác suất của bài toán kiểm định</p> <p>3. Thực hiện ước lượng khoảng</p>	3			3	<p>- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>- Làm bài tập về nhà đầy đủ</p>
<p>Bài 6: Kiểm định giá trị trung bình lý thuyết</p> <p>Thực hiện 4 bước của bài toán kiểm định giá trị trung bình lý thuyết</p>	2			2	<p>- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>- Làm bài tập về nhà đầy đủ</p>

<p>Bài 7: So sánh phương sai, so sánh trung bình của hai biến chuẩn</p> <p>1. Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh phương sai</p> <p>2. Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh trung bình của hai biến chuẩn cho các trường hợp khác nhau của phương sai</p>	4			4		<p>- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>-Làm bài tập về nhà đầy đủ</p>
<p>Bài 8: Kiểm định giá trị của xác suất</p> <p>Thực hiện 4 bước của bài toán kiểm định giá trị giá trị của xác suất</p>	2			2		<p>- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>-Làm bài tập về nhà đầy đủ</p>
<p>Bài 9: So sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập</p> <p>Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập</p>	4			4		<p>- Tìm hiểu vấn đề liên quan đến nội dung bài học để trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>-Làm bài tập về nhà đầy đủ</p>

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn toán Tin. *Bài giảng Thống kê y tế* (Lưu hành nội bộ). Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

[2] Đặng Đức Hậu (2008), *Xác suất thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Đại học Y tế Công cộng (2005), *Giáo trình thống kê y tế công cộng (Phần 1 Thống kê cơ bản)*, Nhà xuất bản Y học.

[2] Đại học Y tế Công cộng (2005), *Giáo trình thống kê y tế công cộng (Phần 2 Phân tích số liệu)*, Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Bài 1: Xác suất 1. Định nghĩa xác suất 2. Công thức tính xác suất -Công thức cộng -Công thức nhân -Công thức xác suất toàn phần -Công thức Bayes -Bài toán phản ứng xét nghiệm	5					10
2	Bài 2: Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục 1. Khái niệm đại lượng ngẫu nhiên (liên tục, rời rạc) 2. Hàm mật độ và phân phối xác suất 3. Các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên: -Trung bình -Phương sai và độ lệch chuẩn 4. Quy luật chuẩn: định nghĩa, các đặc trưng. 5. Quy luật khi bình phương, quy luật Student, quy luật Fisher-Snedecor 6. Giá trị tới hạn 7. Tra ngược	3					6
3	Bài 3: Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc 1. Quy luật nhị thức	4					8

	<p>2. Quy luật Poisson</p> <p>3. Quy luật siêu bội</p> <p>4. Quy luật đa thức</p>						
4	<p>Bài 4: Tham số mẫu.</p> <p>1. Giá trị trung tâm: Trung bình. Trung vị Số mod</p> <p>2. Giá trị biến thiên: -Khoảng -Phương sai - độ lệch chuẩn -Bách phân vị, tứ phân vị, khoảng phân vị -Hệ số biến thiên</p>	3					6
5	<p>Bài 5: Kiểm định giả thuyết thống kê</p> <p>1. Các bước bài toán kiểm định</p> <p>2. Các xác suất của bài toán kiểm định</p> <p>3. Thực hiện ước lượng khoảng</p>	3					6
6	<p>Bài 6: Kiểm định giá trị trung bình lý thuyết</p> <p>Thực hiện 4 bước của bài toán kiểm định giá trị trung bình lý thuyết</p>	2					4
7	<p>Bài 7: So sánh phương sai, so sánh trung bình của hai biến chuẩn</p> <p>1. Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh phương sai</p> <p>2. Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh trung bình của hai biến chuẩn cho các trường hợp khác nhau của phương sai</p>	4					8

8	Bài 8: Kiểm định giá trị của xác suất Thực hiện 4 bước của bài toán kiểm định giá trị giá trị của xác suất	2					4
9	Bài 9: So sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập	4					8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Học dựa trên vấn đề: Mục đích giúp sinh viên dùng kiến thức môn học giải quyết một vấn đề trong thực tế từ [CLO3] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc lý thuyết			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm lý thuyết*2 + Điểm thực hành*1)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)

Tin học ứng dụng – Xác suất thống kê y học

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm 20
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tin học ứng dụng – Xác suất thống kê y học

* Tiếng Việt: Tin học ứng dụng

* Tiếng Anh: Applied Informatics - Probability of medical statistics

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 01

- Đối tượng học (năm thứ): 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Tin học đại cương

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Toán - Tin

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2.	ThS.Bùi Thị Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com
3.	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	hoangthuhang2183@yahoo.com
4.	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
5.	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com

6.	ThS.Nguyễn Minh Hiền	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
7.	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
G1	- Kiến thức Có kiến thức cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến, chương trình trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote và kiến thức cơ sở về xác suất thống kê y học.	CĐR4, CĐR13	2
G2	- Kỹ năng Tìm kiếm được tài liệu tham khảo, chèn tài liệu tham khảo vào luận văn, luận án. Nhận diện dữ liệu trên bảng hỏi, tạo biến chứa dữ liệu trên SPSS, đưa phương pháp phân tích phù hợp, và thao tác chạy các bảng phân tích trên máy.	CĐR 4	2
		CĐR8, CĐR13	3
G3	- Mức độ tự chủ và trách nhiệm Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc vận dụng tin học vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học và vận dụng vào cuộc sống	CĐR15	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và

trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun(CLO)
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về tìm kiếm tài liệu tham khảo, nhập dữ liệu tham khảo và chèn tài liệu tham khảo vào luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học. Phân tích được bản chất dữ liệu, phân loại dữ liệu, đưa ra phương pháp phân tích dữ liệu phù hợp	CLO1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tìm kiếm thông tin qua Google, trang web nổi tiếng về y học từ đó biết cách nhập liệu vào đề tài nghiên cứu khoa học qua chương trình Endnote và phân tích được bản chất dữ liệu, phân loại dữ liệu, đưa ra phương pháp phân tích dữ liệu phù hợp qua chương trình SPSS
Kỹ năng	
MT2: Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google như trao đổi thông tin online thông qua google doc, google sheet, google slide, google form...	CLO2: cung cấp cho sinh viên kỹ năng cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google drive
MT3: Cài đặt phần mềm Endnote, biết quản lý tài liệu tham khảo; áp dụng được phần mềm Endnote giúp tự động hóa việc trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo.	CLO3: Giúp sinh viên trích dẫn, quản lý được tài liệu tham khảo vào chương trình Word.
MT4: Cài đặt phần mềm SPSS, tạo ra mối liên kết dữ liệu từ Excel đến SPSS; nhận diện dữ liệu trên bảng hỏi, tạo biến chứa dữ liệu trên SPSS, đưa phương pháp phân tích phù hợp và thao tác chạy các bảng phân tích trên máy.	CLO4: Sử dụng được phần mềm SPSS để nhập, mã hóa dữ liệu; chuyển file dữ liệu sang dạng Excel, thực hiện phân tích và giải thích được các thống kê suy luận: kiểm định giá trị trung bình, tỷ lệ, tương quan và hồi quy. Từ đó ứng dụng phần

	mềm vào việc làm báo cáo luận văn, nghiên cứu và một số báo cáo thực tế tại bệnh viện.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: giúp sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của việc sử dụng tin học ứng dụng trong học tập và thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.	CLO 5: có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào cuộc sống
MT6: có thái độ	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1. Hệ thống mạng lan & internet	3	3			3
2. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2	3			3
3. Phần mềm quản lý tài liệu tham khảo Endnote	2		2		2
4. Phần mềm phân tích và xử lý dữ liệu SPSS	2			2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tin học ứng dụng vào chuyên ngành y học. Cụ thể học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google như trao đổi thông tin online thông

qua google doc, google sheet, google slide, google form..., áp dụng phần mềm quản lý trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote để giúp tự động hóa việc trích dẫn, lập danh mục quản lý và chèn tài liệu tham khảo vào đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn. Ứng dụng Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra mối liên kết dữ liệu từ Excel đến SPSS. Sử dụng thành thạo phần mềm SPSS nhằm mục đích quản lý, phân tích, xử lý thống kê dữ liệu trong nghiên cứu y học.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1. Hệ thống mạng lan & internet	4 tiết		
1.1. Hệ thống mạng Lan - Kiểm tra địa chỉ Ip và tên máy - Chia sẻ thư mục - Chia sẻ máy in trên mạng Lan - Ngắt chia sẻ thư mục và máy in			<i>Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng, trang trang3-37.</i>
1.2. Hệ thống mạng Internet - Thư điện tử - Tìm kiếm thông tin trên google - Tìm kiếm trên Book Google - Một số ứng dụng văn phòng trên Internet			
2. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	4 tiết		
2.1. Các loại OPACs.			<i>Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng trang 39-49. BTTH: bài tập 1-9, trang 118</i>
2.2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí			
2.3. Thông tin y học trực tuyến - Tìm kiếm các bài báo y dược học toàn văn miễn phí qua HINARI - Y học dựa trên bằng chứng (Evidence-base edicine - EBM) - Thông tin về bệnh tật - Giới thiệu một số website về sinh sản,			

SKBMTE, dinh dưỡng			
2.4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia			
3. Phần mềm quản lý tài liệu tham khảo Endnote	8 tiết		
3.1. Giới thiệu phần mềm			<p><i>Độc quyền giáo trình Tin học ứng dụng, trang 50-71, BTTH: bài tập 1-4, trang 119,120.</i></p>
3.2. Cài đặt và khởi động Endnote			
3.3. Tạo một thư viện EndNote mới - Nhập thông tin cho một tài liệu tham khảo mới - Nhập tài liệu tham khảo từ file tài liệu đã có trong máy			
3.4. Ứng dụng Endnote trích dẫn tài liệu tham khảo trong Word - Trích dẫn trong khi viết (MS Word 2010) - Chỉnh sửa các loại tài liệu - Sửa đổi các kiểu danh mục tài liệu tham khảo			
3.5. Quản lý file EndNote (sắp xếp, tìm kiếm và tạo các nhóm tài liệu)			
3.6. Sử dụng mẫu bản thảo của EndNote trong Word			
3.7. Tìm kiếm trợ giúp trong EndNote			
4. Phần mềm phân tích và xử lý dữ liệu SPSS	14 tiết		
4.1. Xử lý dữ liệu trên SPSS - Giới thiệu và cài đặt phần mềm SPSS - Đọc dữ liệu từ những file có sẵn trong SPSS - Lọc dữ liệu - Mã hóa dữ liệu - Làm sạch dữ liệu			<p><i>Độc quyền giáo trình Tin học ứng dụng, trang 72-117, BTTH: Bài tập 1-5, trang 121-126.</i></p>
4.2. Lập bảng tần số và tính các đại lượng thống kê mô tả - Tóm tắt dữ liệu bằng bảng tần số			

- Lập bảng tổng hợp nhiều biến - Tính các đại lượng thống kê mô tả			
4.3. Biểu đồ - Một số loại biểu đồ - Biểu đồ thanh - Biểu đồ gấp khúc, diện tích - Biểu đồ tần số - Biểu đồ hộp và râu			
4.4. Kiểm định mối quan hệ giữa hai biến			
4.5. Kiểm định về trung bình - Kiểm định về trung bình một tổng thể - Kiểm định về sự khác nhau của hai trung bình của hai tổng thể khi mẫu độc lập			
4.6. Phân tích phương sai (ANOVA)			
Tổng số	30 tiết		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học, *Tin học ứng dụng*, Học viện y – dược học cổ truyền Việt Nam, (Lưu hành nội bộ).

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Hà Xuân Bộ & Đỗ Đức Lâm, *Hướng dẫn sử dụng phần mềm endnote trong quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo*, Học viện Nông nghiệp Hà Nội(2019).

[2]. Bộ quốc phòng Học viện quân Y, *Giáo trình xử lý số liệu thống kê y học bằng SPSS*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân Hà Nội(2022)

[3]. Bộ môn Toán - Tin, *Lý thuyết SPSS và ứng dụng trong Y –sinh học*, Đại học Y Dược Hà Nội(2016).

[4]. Bộ môn Toán - Tin, *Thực hành SPSS và ứng dụng trong Y –sinh học*, Đại học Y Dược Hà Nội(2016).

[5]. Bộ Y tế, *Tin học và ứng dụng trong y - sinh học*, NXB Giáo dục(2008)

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
Buổi 1	1. Hệ thống mạng lan & internet	4 tiết					4
	1.1. Hệ thống mạng Lan 1.2. Hệ thống mạng Internet						
Buổi 2	2. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	4 tiết					4
	2.1. Các loại OPACs. 2.2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí 2.3. Thông tin y học trực tuyến 2.4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia						
	3. Phần mềm quản lý tài liệu tham khảo Endnote	8 tiết					8
Buổi 3	3.1. Giới thiệu phần mềm	4					
	3.2. Cài đặt và khởi động Endnote						
	3.3. Tạo một thư viện EndNote mới						
	3.4. Ứng dụng Endnote trích dẫn tài liệu tham khảo trong Word						
Buổi 4	3.5. Quản lý file EndNote (sắp xếp, tìm kiếm và tạo các nhóm tài liệu)	3					
	3.6. Sử dụng mẫu bản thảo của EndNote trong Word						

	3.7. Tìm kiếm trợ giúp trong EndNote						
	4. Phần mềm phân tích và xử lý dữ liệu SPSS	14 tiết					14
Buổi 5	4.1. Xử lý dữ liệu trên SPSS 4.2. Lập bảng tần số và tính các đại lượng thống kê mô tả 4.3. Biểu đồ	4					
Buổi 6	4.4. Kiểm định mối quan hệ giữa hai biến	4					
Buổi 7	4.5. Kiểm định về trung bình	4					
Buổi 8	4.6. Phân tích phương sai (ANOVA)	2					
	Tổng số	30 tiết					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp / Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Cơ sở vật chất: phải cần có phòng thực hành được trang bị máy tính cấu hình phù hợp để phần mềm Entnote, SPSS hoạt động ổn định và phải được kết nối mạng Internet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Thực hiện nội qui đã được phổ biến và dán trong phòng thực tập Tin học.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Bài tập: chuẩn bị tất cả các bài tập thực hành theo yêu cầu của giảng viên.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện 01 bài thi kết thúc học phần thực hành.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: các buổi thực hành tại phòng thực tập Tin học phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành trên máy tính	100%	Điểm đạt từ 4/10 trở lên	CĐR1 đến CĐR5

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm lý thuyết*2 + Điểm thực hành*1)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phí Văn Phương

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (5) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (6) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CDR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CDR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

TÂM LÝ Y HỌC - ĐẠO ĐỨC Y HỌC - TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Tâm lý y học – Đạo đức y học - Truyền thông GDSK.

* Tiếng Việt: Tâm lý y học – Đạo đức y học – Truyền thông giáo dục sức khỏe.

* Tiếng Anh: Medical ethics

- Mã học phần/ mô đun: SOC3001

- Số tín chỉ: 2,0

- Đối tượng học (năm thứ): HK2 năm 1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Mai Thị Hương	0354382678	maihuongytcc@gmail.com
2	Thạc sỹ Đỗ Văn Pha	0916359842	dopha70@yahoo.com
3	Thạc sỹ Nguyễn Thanh Nga	0369203688	Nguyenthanhnga555@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

<p>2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p>Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p>CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p>Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
<p>G1</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp những kiến thức cơ bản về: những diễn biến tâm lý của người bệnh trong điều kiện bình thường và khi có bệnh - Những nguyên tắc về đạo đức trong nghiên cứu y học - Trình bày được các kiến thức cơ bản về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe. - Phân tích được vị trí vai trò của truyền thông giáo dục sức khỏe trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong chỉ đạo hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe. - Phân tích được hành vi sức khỏe, các yếu tố tác động đến hành vi sức khỏe và các bước của quá trình thay đổi hành vi . - Trình bày được các nội dung cơ bản của các vấn đề sức khỏe, bệnh 	<p>CDR2, CDR5 CDR BSYHCT</p>	<p>4</p>

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
	tạt chính cần truyền thông. - Trình bày được các phương tiện và phương pháp và kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe		
G2	Kỹ năng - Xây dựng kỹ năng lắng nghe, chia sẻ, thương lượng và giải quyết những băn khoăn, lo lắng của người bệnh và thân nhân người bệnh. - Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng đúng một số bệnh thường gặp tại phòng khám ngoại trú. Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn cho bệnh nhân và gia đình. - Lập được kế hoạch truyền thông - Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe để chăm sóc sức khỏe cộng đồng. - Vận dụng được các nguyên tắc truyền thông - Giáo dục sức khỏe vào trong công tác truyền thông - Giáo dục sức khỏe của mình. - Thực hiện được các phương pháp TT - GDSK: nói chuyện sức khỏe,	<i>CĐR7, CĐR11</i> <i>CĐR BSYHCT</i>	4

<p style="text-align: center;">2</p> <p style="text-align: center;">Mục tiêu</p> <p style="text-align: center;">(Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2]</p> <p style="text-align: center;">(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CĐR của CTĐT</p> <p style="text-align: center;">(X.x.x) [3]</p> <p style="text-align: center;"><i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i></p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4]</p> <p style="text-align: center;"><i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i></p>
	thảo luận nhóm để GDSK, tư vấn giáo dục sức khỏe.		
<p style="text-align: center;">G3</p>	<p style="text-align: center;">Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận tâm phục vụ người bệnh. - Phối hợp tốt với nhân viên y tế, người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng. - Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại bệnh viện và cộng đồng. - Giữ bí mật tình trạng người bệnh, những thông tin mà người bệnh đã cung cấp và hồ sơ bệnh án. - Tuân thủ các quy định nghề nghiệp trong chăm sóc người bệnh. - Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại bệnh viện và cộng đồng. - Hướng dẫn, giám sát và đánh giá được các sinh viên lớp dưới triển khai các hoạt động học tập tại bệnh viện. - Nhận thức được tầm quan trọng của khoa học hành vi trong TT - GDSK. - Nhận thức được tầm quan trọng của TT - GDSK trong công tác CSSK cộng đồng 	<p><i>CDR14,</i></p> <p><i>CDR15,CDR17</i></p> <p><i>CDR BSYHCT</i></p>	<p>4</p>

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
<p>MT1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cấu trúc, chức năng và sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần con người qua các giai đoạn phát triển trong mối tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội - Phân tích được những diễn biến tâm lý của người bệnh trong điều kiện bình thường và khi có bệnh. - Xác định những nhu cầu và những nội dung cần hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm cộng đồng 	<p>CDR1: G1.1: <i>CDR2, CDR5</i> <i>CDR BSYHCT</i></p>
Kỹ năng	
<p>MT2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng được những nguyên tắc và phương pháp tâm lý để tạo sự đồng thuận và hợp tác của người bệnh và người nhà đối với các quyết định chẩn đoán và điều trị. -Xác định được những phương pháp quản lý phù hợp với người bệnh có những vấn đề về tâm lý -Tạo dựng được mối quan hệ thân thiện,hợp tác, tin tưởng với người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng; Cộng tác có hiệu quả với đồng nghiệp và đối tác. Giao tiếp hiệu quả - Thực hiện tư vấn, truyền thông giáo dục nâng cao sức khỏe, thực hiện lối sống lành mạnh, hành vi có lợi sức khỏe, phòng bệnh 	<p><i>CDR7, CDR11</i> <i>CDR BSYHCT</i></p>

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chịu trách nhiệm cá nhân đối với việc ra quyết định và can thiệp chăm sóc sức khỏe người bệnh, cộng đồng. - Luôn đặt sự an toàn , quyền lợi của người bệnh làm trung tâm. Nhận biết các nguy cơ ảnh hưởng đến sự an toàn - Sử dụng công cụ đa truyền thông hỗ trợ chuyển tải các thông tin, kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo... 	<p><i>CĐR14, CĐR15, CĐR17</i></p> <p><i>CĐR BSYHCT</i></p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR2	CĐR5	CĐR7	CĐR11	CĐR14	CĐR15	CĐR17
Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý Y học	3	3	3	3	3	3	3
Bài 2: Tâm lý người bệnh	3	3	3	3	3	3	3
Bài 3: Đạo đức y học	3	3	3	3	3	3	3
Bài 4: Giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh	3	3	3	3	3	3	3
Bài 5: - Khái niệm về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe. - Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao giáo dục sức khỏe	3	3	3	3	3	3	3
Bài 6: - Hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi - Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe	3	3	3	3	3	3	3

Bài 7: -Phương tiện và phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe - Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe và quản lý hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe	3	3	3	3	3	3	3
Bài 8: Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

- Nội dung học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý Y học, giúp sinh viên nắm được kiến thức về tâm lý người bệnh, stress tâm lý, chẩn đoán tâm lý lâm sàng, liệu pháp tâm lý; những nội dung cơ bản về đạo đức trong y học và những kỹ năng giao tiếp cơ bản của người thầy thuốc. Từ đó vận dụng kiến thức để rèn luyện kỹ năng và thái độ giao tiếp chuẩn mực trong học tập và chăm sóc bệnh nhân.

- Nội dung gồm các khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông – giáo dục sức

khỏe và nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Hành vi sức khỏe; các kỹ năng và các phương pháp, phương tiện truyền thông – giáo dục sức khỏe.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		
	LT	TH	BT/T L/KT				
Bài 1: - Bản chất hiện tượng tâm lý người. - Đối tượng, nhiệm vụ và	4	0	0		4		Hiểu được bản chất hiện tượng tâm lý người. Phân

phương pháp nghiên cứu của Tâm lý Y học							tích được đối tượng nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý Y học
Bài 2: Tâm lý người bệnh	4	0	0		4		Phân tích được tâm lý người bệnh
Bài 3: Đạo đức y học	3	0	1		4		Hiểu rõ về đạo đức y học
Bài 4: Giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh	4	0	0		4		Nắm được những kỹ năng giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh
Bài 5: - Khái niệm về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe. - Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao giáo dục sức khỏe	4	0	0		4		- Phân tích được khái niệm và vai trò của truyền thông - Phân tích nguyên tắc cơ bản của truyền thông
Bài 6: - Hành vi sức khỏe, quá	4	0	0		4		-Hiểu về quá trình thay đổi

trình thay đổi hành vi - Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe							hành vi - Xác định đối tượng truyền thông và xây dựng nội dung truyền thông
Bài 7: -Phương tiện và phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe - Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe và quản lý hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe	4	0	0		4		-Sử dụng và ứng dụng phương tiện truyền thông trong TTGDSK -Xây dựng kế hoạch truyền thông GDSK
Bài 8: Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	2	0	0		2		Có kỹ năng truyền thông GDSK

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Hướng dẫn học phần Tâm lý y học – Kỹ năng giao tiếp (tài liệu lưu hành nội bộ)
- Giáo trình truyền thông- giáo dục sức khỏe (Học viện YDHCTVN -2017, Nhà xuất bản Y học)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trường Đại học Y Hà Nội – Bộ môn Y đức và Y xã hội học (2012), **Tâm lý Y học**, NXB Y học
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2011), **Đạo đức Y học**, NXB Y học
3. Trường đại học y khoa Thái Nguyên - Bộ môn y xã hội học (2008), **Bài giảng môn Tâm lý học – y đức** , Chủ biên Ths. GVC. Đàm Thị Tuyết

4. Nguyễn Quang Uẩn (2003), **Tâm lý học đại cương**, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

5. PGS.TS. Nguyễn Văn Nhận (2006), **Tâm lý học Y học**, NXB Y học

6. Nguyễn Huỳnh Ngọc (2010), **Tâm lý học y học – y đức**, NXB Giáo dục Việt Nam

7. Bộ Y tế. Giáo dục và nâng cao sức khỏe (2013), nhà xuất bản Y học. Hà Nội

8. Trường đại học Y Dược Thái Nguyên -Bộ môn Y học cộng đồng. Giáo trình truyền thông giáo dục sức khỏe. Nhà xuất bản Y học. 2006.

9. Baltasar Gracian. 300 điều nên tránh trong giao tiếp, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin, 270 (trang 2002).

10. David J. Anspaugh, Mark B.Dignan, Susan L.Asbaugh. Health promotion program, McGraw-Hill Companies (2000), 219 pg.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	8	0	0	0		
2	7	1	0	0		
3	8	0	0	0		
4	8	0	0	0		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt

động nhóm Đóng vai x Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tự duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDRG1 đến CDRG3

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDRG1 đến CDRG3

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun: Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

✓

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %	
	Kiểm tra	30%		
	Thực hành	0		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	10/10		CĐR 1 đến CĐR3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ HÀNH NGHỀ

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Phổ biến Pháp luật về hành nghề
- * Tiếng Việt: Phổ biến Pháp luật về hành nghề
- * Tiếng Anh: Dissemination of law practice
- Mã học phần/ mô đun: SOC6004
- Số tín chỉ: 1
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ : năm thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn		
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Đinh Thị Hương	0914.681.139	Dinhhuong512@gmail.com
2	Thạc sỹ Trương Thị Minh Trang	0975778477	truongminhtrang16@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
G1	Nắm được các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước về hành nghề khám chữa bệnh	<i>CDR1</i>	4
G2	Cập nhật các kiến thức mới về hành nghề Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu; ý thức chủ động tìm hiểu và nâng cao hiểu biết về pháp luật;	<i>CDR7, CDR8</i>	4
G3	Thực hiện vận dụng theo đúng các văn bản của nhà nước về hướng dẫn hành nghề	<i>CDR15, CDR 16</i>	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
Ứng dụng kiến thức pháp luật về hành nghề trong khám bệnh chữa bệnh	<i>CDR1</i>
Kỹ năng	
Thực hiện quy định của pháp	<i>CDR7, CDR 8</i>

luật về hành nghề khám bệnh chữa bệnh	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
Làm việc độc lập tự chịu trách nhiệm trong công tác hành nghề khám chữa bệnh. Có trách nhiệm tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	<i>CDR 15</i> <i>CDR 16</i>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CDR1	CDR7	CDR8	CDR15	CDR16
Chương I. Các vấn đề chung về luật Khám bệnh chữa bệnh	2	2	2	2	2
Chương II. Luật Bảo hiểm y tế và văn bản hướng dẫn	2	2	2	2	2
Chương III. Luật Dược, văn bản hướng dẫn	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Phổ biến pháp luật về hành nghề nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hành nghề khám chữa bệnh, các vấn đề liên quan đến luật bảo hiểm xã hội, luật dược, một số các vấn đề liên quan đến hành nghề. Các quyền và nghĩa vụ của người hành nghề. Các quy định của Nhà nước về hành nghề khám bệnh chữa bệnh

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT				
Chương I. Các vấn đề chung về luật Khám bệnh chữa bệnh	06	0	0		06	Nắm rõ được các quy định của pháp luật về hành nghề (luật khám bệnh chữa bệnh, văn bản hướng dẫn của nhà nước)	
Chương II. Luật Bảo hiểm y tế và văn bản hướng dẫn	04	0	0		04	Nắm rõ được các quy định của pháp luật về Luật Bảo hiểm y tế và văn bản hướng dẫn	
Chương III. Luật Dược, văn bản hướng dẫn	05	0	0		05	Hiểu và nắm được các quy định của Luật Dược, văn bản hướng dẫn	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Nội dung bài giảng Phổ biến hành nghề do bộ môn biên soạn.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;
- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- Luật Bảo hiểm y tế số: 25/2008/QH12, ngày 14 tháng 11 năm 2008;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm Y tế số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 06 năm 2014;

- Thông tư 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y Tế sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2011/TT-BYT;

- Luật được số: 105/2016/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06/4/2016. Ngày 19/4/2016, Chủ tịch nước ký Lệnh số 05/2016/L-CTN về việc công bố Luật được. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở KBCB;

- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành một số điều của luật Dược;

- Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của luật bảo hiểm y tế;

- Thông tư 07/2018/TT-BYT ngày 12/04/2018 của Bộ Y Tế quy định chi tiết một số điều về kinh doanh dược của luật Dược và nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành một số điều của luật Dược;

- Công văn 4018/BYT-YDCT ngày 28 tháng 7 năm 2020 Về việc bổ sung phạm vi chuyên môn cho bác sĩ y học cổ truyền

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	06	0	0	0	0	0
1	04	0	0	0	0	0
1	05	0	0	0	0	0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình X Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề X Hoạt động nhóm X Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống X Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

.....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80. %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;	CĐR1,CĐR7
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0		
	Thực hành	0		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%		CĐR8, CĐR15, CĐR16,

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT GIẢI PHẪU 1

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Giải phẫu 1
- * Tiếng Anh: Human Anatomy 1
- Mã học phần/ mô đun: T1
- Số tín chỉ: 1.5 tín chỉ
- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 67,5 tiết
 - + Lý thuyết: 19,75 tiết
 - + Thảo luận: 2,75
 - + Thời gian tự học: 45 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Giải phẫu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số ĐT	Email	Ghi chú
1	TS. Quách Thị Yến	0978461278	quachthiyen888@gmail.com	
2	ThS. Nguyễn Thị Sinh	0979343896	sinhnguyen.gp@gmail.com	GV thỉnh giảng
3	ThS. Nguyễn Trung Hưng	0913317480	nguyentrunghungvqy@gmail.com	
4	ThS. Nguyễn Thái Hà Dương	0979713973	duongnth.ump@vnu.edu.vn	
5	ThS. Bùi Văn Thăng	0924017894	bmgiaiphauvatm@gmail.com	
6	TS. Hoàng Cao Hiếu	0943338586	hoangcaohieu@gmail.com	

7	ThS. Nguyễn Huyền Trang	0947152902	trangnh1215@gmail.com	
8	BS. Đào Thúy Hằng	0812002636	daothuyhang1512@gmail.com	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	<p>Các cơ quan hệ xương, hệ cơ, hệ khớp, hệ thần kinh, các giác quan, hệ nội tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo. - Trình bày được các cấu trúc liên quan, các mạch máu nuôi dưỡng, các thần kinh chi phối. - Nêu được một số đặc điểm chức năng. - Nêu được một số liên hệ phù hợp trên lâm sàng. 	CĐR 1, 2	3
	Kỹ năng		
MT2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày 	CĐR 6	1
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. - Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. 	CĐR 15	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
Các cơ quan hệ xương, hệ cơ, hệ khớp, hệ thần kinh, các giác quan, hệ nội tiết: - Mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo. - Trình bày được các cấu trúc liên quan, các mạch máu nuôi dưỡng, các thần kinh chi phối. - Nêu được một số đặc điểm chức năng. - Nêu được một số liên hệ phù hợp trên lâm sàng.	CDR 1, 2
Kỹ năng	
- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phân biện - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày	CDR 6
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
- Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. - Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	CDR 15

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra môn học/module			
	CDR 1	CDR 2	CDR 6	CDR 15
Mở đầu	3	3	1	1

Hệ xương	3	3	1	1
Hệ khớp	3	3	1	1
Hệ cơ 1 (Cơ đầu mặt cổ, thân mình)	3	3	1	1
Hệ cơ 2 (Cơ chi trên, chi dưới)	3	3	1	1
Hệ thần kinh 1 (Thần kinh trung ương)	3	3	1	1
Hệ thần kinh 2 (Thần kinh ngoại biên)	3	3	1	1
Các giác quan	3	3	1	1
Hệ nội tiết	3	3	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần Lý thuyết Giải phẫu 1 trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về giải phẫu hệ xương, hệ cơ, hệ khớp, hệ thần kinh, các giác quan, hệ nội tiết; giúp sinh viên tự mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể, liên quan, đặc điểm chức năng của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người bình thường, từ đó làm nền tảng phục vụ cho các môn học cơ sở cũng như Sinh lý học, Mô học – Phôi thai học.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)	
	LT	TL	Tổng		
Mở đầu	1	0	1	5	
Hệ xương	2,5	0,5	3	5	- Đọc tài liệu
Hệ khớp	1,75	0,25	2,5	5	- Làm việc nhóm
Hệ cơ	3,5	0,5	4	10	- Xây dựng ppt - Thuyết trình
Hệ thần kinh 1 (Thần kinh trung ương)	3,5	0,5	4	5	
Hệ thần kinh 2 (Thần kinh ngoại biên)	3,5	0,5	4	5	
Các giác quan	1,75	0,25	2	5	
Hệ nội tiết	1,75	0,25	2	5	
Tổng	19,75	2,75	22,5	45	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ môn Giải phẫu – Đại học Y Hà Nội (2004), *Bài giảng Giải phẫu học*, NXB Y học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ môn Giải phẫu – Đại học Y Hà Nội (2006), *Giải phẫu người (Dùng cho sinh viên hệ bác sĩ đa khoa)*, NXB Y học.

2. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 1 (Giải phẫu học đại cương: Chi trên – chi dưới – đầu – mặt – cổ)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 2 (Giải phẫu ngực – bụng)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

4. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 3 (Giải phẫu Hệ thần kinh – Hệ nội tiết)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)		Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Thảo luận	
1	Mở đầu	0,75	0,25	5
	Hệ xương	2,5	0,5	5
2	Hệ khớp	1,75	0,25	5
3	Hệ cơ	3,5	0,5	10
4	Hệ thần kinh 1 (Thần kinh trung ương)	3,5	0,5	5
5	Hệ thần kinh 2 (Thần kinh ngoại biên)	3,5	0,5	5
6	Các giác quan	1,75	0,25	5
	Hệ nội tiết	1,75	0,25	5
	Tổng	19,75	2,75	45

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề x Hoạt
động nhóm x Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức CDR 1, 2.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt CDR 6.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt CDR 15.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Kế hoạch bài giảng chi tiết

- Bài giảng ppt

- projector, phấn bảng, mic, laptop

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần lý thuyết

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá học phần lý thuyết được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Đạt từ 4 điểm	CĐR 1, 2

13. Điểm học phần Giải phẫu 1

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi lý thuyết kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ, hệ số 2) và *Điểm thi thực hành kết thúc học phần* (hệ số 1), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Cụ thể: **Điểm KTHP = (LT*2 + TH)/3**

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH GIẢI PHẪU 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Giải phẫu 1

* Tiếng Anh: Human Anatomy 1

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1,0

- Đối tượng học (năm thứ): 1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo: Y học cơ sở

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:

Số tiết đối với các hoạt động học tập: 60 tiết

+ Thực hành, thảo luận, kiểm tra: 30

+ Thời gian tự học: 30 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Giải phẫu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số ĐT	Email	Ghi chú
1	TS. Quách Thị Yến	0978461278	quachthiyen888@gmail.com	
2	ThS. Nguyễn Thị Sinh	0979343896	sinhnguyen.gp@gmail.com	GV thỉnh giảng
3	ThS. Nguyễn Trung Hưng	0913317480	nguyentrunghunghvqy@gmail.com	
4	ThS. Nguyễn Thái Hà Dương	0979713973	duongnth.ump@vnu.edu.vn	
5	ThS. Bùi Văn Thăng	0924017894	bmgiaiphauvatm@gmail.com	
6	TS. Hoàng Cao Hiếu	0943338586	hoangcaohieu@gmail.com	

7	ThS. Nguyễn Huyền Trang	0947152902	trangnh1215@gmail.com	
8	BS. Đào Thúy Hằng	0812002636	daothuyhang1512@gmail.com	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	<p>Các cơ quan hệ xương, hệ cơ, hệ khớp, hệ thần kinh, các giác quan, hệ nội tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo. - Trình bày được các cấu trúc liên quan, các mạch máu nuôi dưỡng, các thần kinh chi phối. - Nêu được một số đặc điểm chức năng. - Nêu được một số liên hệ phù hợp trên lâm sàng. 	CĐR 1, 2	3
	Kỹ năng		
MT2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày 	CĐR 6	1
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. - Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. 	CĐR 15	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
Các cơ quan hệ xương, hệ cơ, hệ khớp, hệ thần kinh, các giác quan, hệ nội tiết: - Mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo. - Trình bày được các cấu trúc liên quan, các mạch máu nuôi dưỡng, các thần kinh chi phối. - Nêu được một số đặc điểm chức năng. - Nêu được một số liên hệ phù hợp trên lâm sàng.	CDR 1, 2
Kỹ năng	
- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phân biện - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày	CDR 6
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
- Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. - Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	CDR 15

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra môn học/module			
	CDR 1	CDR 2	CDR 6	CDR 15
Hệ xương	3	3	1	1

Hệ khớp	3	3	1	1
Hệ cơ 1 (Cơ đầu mặt cổ, cơ thân mình)	3	3	1	1
Hệ cơ 2 (Cơ chi trên, cơ chi dưới)	3	3	1	1
Hệ thần kinh 1 (Thần kinh trung ương)	3	3	1	1
Hệ thần kinh 2 (Thần kinh ngoại biên)	3	3	1	1
Các giác quan	3	3	1	1
Ôn tập	3	3	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần Thực hành Giải phẫu 1 trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về giải phẫu hệ xương, hệ cơ, hệ khớp, hệ thần kinh, các giác quan, hệ nội tiết; giúp sinh viên tự mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể, liên quan, đặc điểm chức năng của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người bình thường, từ đó làm nền tảng phục vụ cho các môn học cơ sở cũng như Sinh lý học, Mô học – Phôi thai học.

7. Nội dung chi tiết học phần thực hành

Nội dung	Thời gian TH/TL/KT (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Hướng dẫn nội quy	4	5	
Bài 1: Hệ xương, hệ khớp			Làm việc nhóm
Bài 2: Hệ cơ 1 (Cơ đầu mặt cổ, cơ thân mình)	4	5	Làm việc nhóm
Bài 3: Hệ cơ 2 (Cơ chi trên, cơ chi dưới)	4	5	Làm việc nhóm
Bài 4: Hệ thần kinh 1 (Thần kinh trung ương)	4	5	Làm việc nhóm
Bài 5: Hệ thần kinh 2 (Thần kinh ngoại biên)	4	5	Làm việc nhóm
Bài 6: Các giác quan, hệ nội tiết	4	5	Làm việc nhóm
Bài 7: Ôn tập	4		Làm việc nhóm
Bài 8: Thi thực hành	2		Nghiêm túc
Tổng	30	30	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ môn Giải phẫu – Đại học Y Hà Nội (2004), *Bài giảng Giải phẫu học*, NXB Y học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ môn Giải phẫu – Đại học Y Hà Nội (2006), *Giải phẫu người (Dùng cho sinh viên hệ bác sĩ đa khoa)*, NXB Y học.

2. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 1 (Giải phẫu học đại cương; Chi trên – chi dưới – đầu – mặt – cổ)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 2 (Giải phẫu ngực – bụng)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

4. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 3 (Giải phẫu Hệ thần kinh – Hệ nội tiết)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)		Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành	Thảo luận Kiểm tra	
1	Hướng dẫn nội quy Bài 1: Hệ xương, hệ khớp	4		5
2	Bài 2: Hệ cơ 1 (Cơ đầu mặt cổ, cơ thân mình)	4		5
3	Bài 3: Hệ cơ 2 (Cơ chi trên, cơ chi dưới)	4		5
4	Bài 4: Hệ thần kinh 1 (Thần kinh trung ương)	4		5
5	Bài 5: Hệ thần kinh 2 (Thần kinh ngoại biên)	4		5
6	Bài 6: Các giác quan, hệ nội tiết	4		5
7	Bài 7: Ôn tập	4		
8	Bài 8: Thi thực hành		2	
	Tổng	28	2	30

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành đạt các chuẩn đầu ra

Thuyết trình; thảo luận nhóm, tình huống

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Có kế hoạch bài giảng

Có projector, phấn, bảng, kính hiển vi kết nối, kính hiển vi quang học

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Tham gia 100% các buổi thực hành.

Thực hiện đúng nội quy học tập của môn học

Đọc bài trước khi đến lớp

Tác phong, thái độ học tập nghiêm túc

Trang phục đúng quy định: áo blue

Vẽ hình chú thích sau mỗi buổi học

12. Phương pháp đánh giá học phần thực hành

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá học phần thực hành được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc học phần thực hành			
	Thi chạy trạm trên mô hình giải phẫu	100%	Đạt từ 4 điểm	CĐR 1, 2

Điểm thực hành đạt: từ 4 điểm trở lên

Ghi chú: Trong trường hợp dịch, hình thức thi có thể chuyển sang online sử dụng ảnh.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Quách Thị Yến

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (7) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (8) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CDR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CDR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT GIẢI PHẪU 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Giải phẫu 2
- * Tiếng Anh: Human Anatomy 2
- Mã học phần/ mô đun: T2
- Số tín chỉ: 1.5 tín chỉ
- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu 2
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 67,5 tiết
 - + Lý thuyết: 19,75 tiết
 - + Thảo luận: 2,75
 - + Thời gian tự học: 45 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Giải phẫu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số ĐT	Email	Ghi chú
1	TS. Quách Thị Yến	0978461278	quachthiyen888@gmail.com	
2	ThS. Nguyễn Thị Sinh	0979343896	sinhnguyen.gp@gmail.com	GV
3	ThS. Nguyễn Trung Hưng	0913317480	nguyentrunghunghvqy@gmail.com	thỉnh
4	ThS. Nguyễn Thái Hà Dương	0979713973	duongnth.ump@vnu.edu.vn	giảng

5	ThS. Bùi Văn Thăng	0924017894	bmgiaiphauvatm@gmail.com	
6	TS. Hoàng Cao Hiếu	0943338586	hoangcaohieu@gmail.com	
7	ThS. Nguyễn Huyền Trang	0947152902	trangnh1215@gmail.com	
8	BS. Đào Thúy Hằng	0812002636	daothuyhang1512@gmail.com	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	<p>Các cơ quan hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo. - Trình bày được các cấu trúc liên quan, các mạch máu nuôi dưỡng, các thần kinh chi phối. - Nêu được một số đặc điểm chức năng. - Nêu được một số liên hệ phù hợp trên lâm sàng. 	CĐR 1, 2	3
	Kỹ năng		
MT2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày 	CĐR 6	1
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	- Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá	CĐR 15	1

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	nhân và hợp tác trong học tập. - Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
Các cơ quan hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục: - Mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo. - Trình bày được các cấu trúc liên quan, các mạch máu nuôi dưỡng, các thần kinh chi phối. - Nêu được một số đặc điểm chức năng. - Nêu được một số liên hệ phù hợp trên lâm sàng.	CĐR 1, 2
Kỹ năng	
- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày	CĐR 6
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
- Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.	CĐR 15

- Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra môn học/module			
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 6	CĐR 15
Hệ tuần hoàn 1 (Tim và trung thất)	3	3	1	1
Hệ tuần hoàn 2 (Hệ thống mạch máu)	3	3	1	1
Hệ hô hấp	3	3	1	1
Hệ tiêu hóa 1 (Ống tiêu hóa)	3	3	1	1
Hệ tiêu hóa 2 (Tuyến tiêu hóa)	3	3	1	1
Hệ tiết niệu, Hệ sinh dục	3	3	1	1
Ôn tập	3	3	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần Lý thuyết Giải phẫu 2 trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về giải phẫu hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục; giúp sinh viên tự mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể, liên quan, đặc điểm chức năng của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người bình thường, từ đó làm nền tảng phục vụ cho các môn học cơ sở cũng như Sinh lý học, Mô học – Phôi thai học.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)	
	LT	TL	Tổng		
Hệ tuần hoàn 1 (Tim và trung thất)	3,5	0,5	4	5	- Đọc tài liệu - Làm việc nhóm - Xây dựng ppt - Thuyết trình
Hệ tuần hoàn 2 (Hệ thống mạch máu)	3,5	0,5	4	10	
Hệ hô hấp	2,25	0,25	2,5	5	
Hệ tiêu hóa 1 (Ống tiêu hóa)	3,5	0,5	4	10	

Hệ tiêu hóa 2 (Tuyến tiêu hóa)	3,5	0,5	4	5	
Hệ tiết niệu	1,75	0,25	2	5	
Hệ sinh dục	1,75	0,25	2	5	
Tổng	19,75	2,75	22,5	45	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ môn Giải phẫu – Đại học Y Hà Nội (2004), *Bài giảng Giải phẫu học*, NXB Y học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ môn Giải phẫu – Đại học Y Hà Nội (2006), *Giải phẫu người (Dùng cho sinh viên hệ bác sĩ đa khoa)*, NXB Y học.

2. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 1 (Giải phẫu học đại cương: Chi trên – chi dưới – đầu – mặt – cổ)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 2 (Giải phẫu ngực – bụng)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

4. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 3 (Giải phẫu Hệ thần kinh – Hệ nội tiết)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)		Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Thảo luận	
1	Hệ tuần hoàn 1 (Tim và trung thất)	3,5	0,5	5
2	Hệ tuần hoàn 2 (Hệ thống mạch máu)	3,5	0,5	10
3	Hệ hô hấp	2,25	0,25	5
4	Hệ tiêu hóa 1 (Ống tiêu hóa)	3,5	0,5	10
5	Hệ tiêu hóa 2 (Tuyến tiêu hóa)	3,5	0,5	5
6	Hệ tiết niệu	1,75	0,25	5

	Hệ sinh dục	1,75	0,25	5
	Tổng	19,75	2,75	45

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
 Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức CDR 1, 2.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt CDR 6.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt CDR 15.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Kế hoạch bài giảng chi tiết
- Bài giảng ppt
- projector, phấn bảng, mic, laptop

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần lý thuyết

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá học phần lý thuyết được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Đạt từ 4 điểm	

13. Điểm học phần Giải phẫu 2

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi lý thuyết kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ, hệ số 2) và *Điểm thi thực hành kết thúc học phần (hệ số 1)*, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Cụ thể: **Điểm KTHP = (LT*2 + TH)/3**

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH GIẢI PHẪU 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Giải phẫu 2
- * Tiếng Anh: Human Anatomy 2
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1,0
- Đối tượng học (năm thứ): 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo: Y học cơ sở

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Học phần tiên quyết: Giải phẫu 1

Số tiết đối với các hoạt động học tập: 60 tiết

+ Thực hành, thảo luận, kiểm tra: 30

+ Thời gian tự học: 30 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Giải phẫu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số ĐT	Email	Ghi chú
1	TS. Quách Thị Yến	0978461278	quachthiyen888@gmail.com	
2	ThS. Nguyễn Thị Sinh	0979343896	sinhnguyen.gp@gmail.com	GV
3	ThS. Nguyễn Trung Hưng	0913317480	nguyentrunghungvqy@gmail.com	thỉnh

4	ThS. Nguyễn Thái Hà Dương	0979713973	duongnth.ump@vnu.edu.vn	giảng
5	ThS. Bùi Văn Thăng	0924017894	bmgiaiphauvatm@gmail.com	
6	TS. Hoàng Cao Hiếu	0943338586	hoangcaohieu@gmail.com	
7	ThS. Nguyễn Huyền Trang	0947152902	trangnh1215@gmail.com	
8	BS. Đào Thúy Hằng	0812002636	daothuyhang1512@gmail.com	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	<p>Các cơ quan hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo. - Trình bày được các cấu trúc liên quan, các mạch máu nuôi dưỡng, các thần kinh chi phối. - Nêu được một số đặc điểm chức năng. - Nêu được một số liên hệ phù hợp trên lâm sàng. 	CĐR 1, 2	3
	Kỹ năng		
MT2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày. 	CĐR 6	1
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT3	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. - Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. 	CĐR 15	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
Các cơ quan hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục: <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo. - Trình bày được các cấu trúc liên quan, các mạch máu nuôi dưỡng, các thần kinh chi phối. - Nêu được một số đặc điểm chức năng. - Nêu được một số liên hệ phù hợp trên lâm sàng. 	CĐR 1, 2
Kỹ năng	
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức giải phẫu học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày 	CĐR 6
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong 	CĐR 15

học tập. - Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	
---	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra môn học/module			
	CDR 1	CDR 2	CDR 6	CDR 15
Hệ tuần hoàn 1 (Tim và trung thất)	3	3	1	1
Hệ tuần hoàn 2 (Hệ thống mạch máu)	3	3	1	1
Hệ hô hấp	3	3	1	1
Hệ tiêu hóa 1 (Ống tiêu hóa)	3	3	1	1
Hệ tiêu hóa 2 (Tuyến tiêu hóa)	3	3	1	1
Hệ tiết niệu, Hệ sinh dục	3	3	1	1
Ôn tập	3	3	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần Thực hành Giải phẫu 2 trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về giải phẫu hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục; giúp sinh viên tự mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể, liên quan, đặc điểm chức năng của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người bình thường, từ đó làm nền tảng phục vụ cho các môn học cơ sở cũng như Sinh lý học, Mô học – Phôi thai học.

7. Nội dung chi tiết học phần thực hành

Nội dung	Thời gian TH/TL/KT (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Hướng dẫn nội quy			
Bài 1: Hệ tuần hoàn 1 (Tim và trung thất)	4	5	Làm việc nhóm
Bài 2: Hệ tuần hoàn 2 (Hệ thống mạch máu)	4	5	Làm việc nhóm
Bài 3: Hệ hô hấp	4	5	Làm việc nhóm
Bài 4: Hệ tiêu hóa 1 (Ống tiêu hóa)	4	5	Làm việc nhóm

Bài 5: Hệ tiêu hóa 2 (Tuyển tiêu hóa)	4	5	Làm việc nhóm
Bài 6: Hệ tiết niệu, Hệ sinh dục	4	5	Làm việc nhóm
Bài 7: Ôn tập	4		Làm việc nhóm
Bài 8: Thi thực hành	2		Nghiêm túc
Tổng	30	30	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ môn Giải phẫu – Đại học Y Hà Nội (2004), *Bài giảng Giải phẫu học*, NXB Y học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ môn Giải phẫu – Đại học Y Hà Nội (2006), *Giải phẫu người (Dùng cho sinh viên hệ bác sĩ đa khoa)*, NXB Y học.

2. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 1 (Giải phẫu học đại cương; Chi trên – chi dưới – đầu – mặt – cổ)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 2 (Giải phẫu ngực – bụng)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

4. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 3 (Giải phẫu Hệ thần kinh – Hệ nội tiết)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)		Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành	Thảo luận Kiểm tra	
1	Hướng dẫn nội quy Bài 1: Hệ tuần hoàn 1 (Tim và trung thất)	4		5
2	Bài 2: Hệ tuần hoàn 2 (Hệ thống mạch máu)	4		5
3	Bài 3: Hệ hô hấp	4		5

4	Bài 4: Hệ tiêu hóa 1 (Ổng tiêu hóa)	4		5
5	Bài 5: Hệ tiêu hóa 2 (Tuyến tiêu hóa)	4		5
6	Bài 6: Hệ tiết niệu, Hệ sinh dục	4		5
7	Bài 7: Ôn tập	4		
8	Bài 8: Thi thực hành		2	
	Tổng	28	2	30

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành đạt các chuẩn đầu ra

Thuyết trình; thảo luận nhóm, tình huống

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Có kế hoạch bài giảng

Có projector, phấn, bảng, kính hiển vi kết nối, kính hiển vi quang học

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Tham gia 100% các buổi thực hành.

Thực hiện đúng nội quy học tập của môn học

Đọc bài trước khi đến lớp

Tác phong, thái độ học tập nghiêm túc

Trang phục đúng quy định: áo blue

Vẽ hình chú thích sau mỗi buổi học

12. Phương pháp đánh giá học phần thực hành

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá học phần thực hành được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc học phần thực hành			
	Thi chạy trạm trên mô hình giải phẫu	100%	Đạt từ 4 điểm	

Điểm thực hành đạt: từ 4 điểm trở lên

Ghi chú: Trong trường hợp dịch, hình thực thi có thể chuyển sang online sử dụng ảnh.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Quách Thị Yến

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (9) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (10) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT MÔ PHÔI THAI HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Mô phôi thai học
- * Tiếng Anh: Histology and Embryology
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 1002
- Số tín chỉ: 2 tín chỉ
- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh học tế bào
- Số tiết lý thuyết: 30
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Mô học - Phôi thai học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số ĐT	Email	Ghi chú
1	Ts. Quách Thị Yên	0912661423	Quachthiyen888@gmail.com	
2	Ths. Cù Thị Bích Thủy	0987467088	Bichthuyp1905@gmail.com	
3	Ths. Nguyễn Huyền Trang	0947152902	Trangnh1215@gmail.com	
4	TS. Võ Đình Vinh	0913237239	vodinhvinh@gmail.com	Thỉnh giảng

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

<p style="text-align: center;">2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
Kiến thức			
MT1	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được cấu tạo hình thái (vi thể, siêu vi thể) của: tế bào, các mô, các cơ quan người bình thường - Giải thích được mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo các mô và các cơ quan. - Trình bày được sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp. 	CDR 1	3
MT2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đúng các loại: tế bào, mô, cấu trúc của các cơ quan khi quan sát các tiêu bản dưới KHVQH. Vẽ và chú thích được cấu tạo vi thể một số mô, cơ quan 	CDR 1	3
Kỹ năng			
MT3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức mô học và vị trí của môn học 	[CDR9]	2

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
Kiến thức			
	trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày	[CDR10] [CDR11]	
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CDR15]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
- Mô tả được cấu tạo hình thái (vi thể, siêu vi thể) của: tế bào, các mô, các cơ quan người bình thường - Giải thích được mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo các mô và các cơ quan.	CDR 1: Nhận biết được cấu trúc mô học cơ quan người bình thường CDR 2: Giải thích mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của tế bào và mô

- Trình bày được sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.	CĐR 3: Hiểu được đại cương sự hình thành và phát triển phôi thai người bình thường CĐR 4: Giải thích được một số dị dạng bẩm sinh thường gặp
Kỹ năng	
Nhận biết được đúng các loại: tế bào, mô, cấu trúc của các cơ quan khi quan sát các tiêu bản dưới KHVQH. Vẽ được sơ đồ cấu tạo vi thể một số mô, cơ quan	CĐR 5: Nhận biết mô cơ quan, tế bào người bình thường khi quan sát dưới KHVQH
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức mô học và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm việc được độc lập và làm việc nhóm	CĐR 6: Tự giác trong học tập và nghiên cứu

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR...
Biểu mô	2	2			2	1	
Mô liên kết	2	2			2	1	
Mô cơ	3	2			3	1	
Mô thần kinh – hệ thần kinh	3	2			3	1	
Hệ hô hấp	3	3			3	2	
Hệ tuần hoàn	3	3			3	2	

Da và phụ thuộc da	3	3			3	2	
Hệ bạch huyết miễn dịch	3	3			3	2	
Hệ tiêu hóa	3	3			3	2	
Hệ tiết niệu	3	3			3	2	
Hệ sinh dục	3	3			3	2	
Hệ nội tiết	3	3			3	2	
Phôi thai học đại cương	3	3	3	3	3	2	
Dị tật bẩm sinh	3	3	3	3	3	2	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Mô phôi thai học gồm 2 nội dung: mô học và phôi thai học

- Mô phôi thai học là môn y học cơ sở, là môn học tiên quyết cho môn Giải phẫu bệnh.

- Mô học là môn học nghiên cứu về hình thái ở mức độ vi thể và siêu vi thể của tế bào, mô và các cơ quan người bình thường. Nghiên cứu cấu trúc mô học người bình thường là điều kiện để học tốt môn giải phẫu bệnh.

- Phôi thai học: nghiên cứu sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Số tiết	Phương pháp
Giới thiệu môn học	0,5	
Biểu mô	1,5	Đọc tài liệu
Mô liên kết	3,0	Làm việc nhóm
Mô cơ	1,0	Xây dựng ppt
Mô thần kinh – hệ thần kinh	2,5	Thuyết trình
Hệ tuần hoàn	1,0	
Hệ hô hấp	1,5	
Da bộ phận phụ thuộc da	1,0	
Hệ bạch huyết miễn dịch	3,0	
Hệ tiêu hóa	3,0	

Hệ tiết niệu	1,0	
Hệ nội tiết	1,0	
Hệ sinh dục nam	1,0	
Hệ sinh dục nữ	1,0	
Phôi thai học đại cương	6,0	
Dị tật bẩm sinh	2,0	
Tổng	30	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Trịnh Bình (2007), *Mô – phôi*, NXB Y học, Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ môn Mô học và phôi thai học -Trường Đại học Y Hà Nội (2004), *Mô học*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Bộ môn Mô học và phôi thai học -Trường Đại học Y Hà Nội (2001), *Mô phôi thai học người*, NXB Y học, Hà Nội
3. Nguyễn Đình Tảo (2018), *Mô phôi ứng dụng trong hỗ trợ sinh sản*, NXB Y học, Hà Nội.
4. Đỗ Kính (2015), *Phôi thai học- Thực nghiệm và ứng dụng lâm sàng*, NXB Y học, Hà Nội
5. WHO laboratory manual for the examination and procession of human semen 5th Edition 2010.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	Bài mở đầu	0,5	
	Biểu mô	1,5	
	Mô thần kinh, hệ TK 1	2,0	
2	mô liên kết	3,0	

	Da và phụ thuộc da	1,0	
3	Mô thần kinh, hệ TK	0,5	
	Mô cơ	1,0	
	Hệ hô hấp	1,5	
	Hệ tuần hoàn	1,0	
4	Hệ bạch huyết miễn dịch	3,0	
	Hệ nội tiết	1,0	
5	Hệ tiêu hóa	3,0	
	Hệ tiết niệu	1,0	
6	Hệ sinh dục nam	1,0	
	Hệ sinh dục nữ	1,0	
7	Phôi thai học ĐC 1	6	
8	Phôi thai học ĐC 2	2	
	Di tật bẩm sinh	1,5	
	Tổng	30	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình X Động não X Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề X Hoạt

động nhóm X Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR4

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR5

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Kế hoạch bài giảng chi tiết
- Bài giảng ppt
- projector, phần bảng, mic, laptop

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần lý thuyết

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá học phần lý thuyết được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Đạt từ 4 điểm	CDR1 đến CDR 4

13. Điểm học phần mô phôi

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi lý thuyết kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ, hệ số 2) và *Điểm thi thực hành kết thúc học phần (hệ số 1)*, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. Cụ thể: **Điểm KTHP = (LT*2 + TH)/3**

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH MÔ HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Mô phôi thai học

* Tiếng Anh: Histology and Embryology

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 1002

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 01

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo: y học cơ sở

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Sinh học di truyền

- Số tiết : 30 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Mô học - Phôi thai học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ts. Quách Thị Yến	0978461278	Quachthiyen888@gmail.com
2	Ths. Cù Thị Bích Thủy	0987467088	Bichthuyp1905@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Huyền Trang	0947152902	Trangnh1215@gmail.com
4	CN. Phạm Thị Thúy An		
5	CN. Ngô Thị Hồng Thái		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Mô tả được cấu trúc vi thể của các cơ quan người bình thường	CĐR1	3
MT2	Nhận biết được đúng các loại: tế bào, mô, cấu trúc của các cơ quan khi quan sát các tiêu bản dưới KHVQH. Vẽ được cấu tạo vi thể một số mô, cơ quan	CĐR1	3
Kỹ năng			
MT3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức mô học, và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm được việc độc lập và làm việc theo nhóm - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày 	[CĐR9] [CĐR10] [CĐR11]	2
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR15]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Mô tả được cấu trúc vi thể của các mô, cơ quan người bình	CĐR1: Vận dụng được cấu trúc mô học của các cơ quan người bình thường để chẩn đoán mô

thường	bệnh.
Nhận biết được đúng các loại: tế bào, mô, cấu trúc của các cơ quan khi quan sát các tiêu bản dưới KHVQH. Vẽ được sơ đồ cấu tạo vi thể một số mô, cơ quan	CĐR2: Nhận đúng mô, cơ quan người bình thường khi quan sát dưới KHVQH.
- Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức mô học, và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. - Làm được việc độc lập và làm việc theo nhóm	CĐR3: Tự giác trong học tập và nghiên cứu

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra môn học/module		
	CĐR1	CĐR2	CĐR3
Hướng dẫn nội quy Bài 1: Biểu mô – Mô liên kết- Mô cơ - Mô liên kết viêm mãn tính (tương bào, lympho bào, bạch cầu, mao mạch máu) - Xương Havers đặc - Xương Havers xốp - Cơ tim - Cơ vân - Cơ trơn	3	2	2
Bài 2: Thần kinh+ Da và các tuyến phụ thuộc + Hệ tuần hoàn + Hệ hô hấp - Tiểu não	3	2	2

- Tủy sống - Khí quản - Phổi - Da - Tuyến phụ thuộc			
Bài 3: Hệ tiêu hóa (tiếp) - BM lát tầng không sừng hóa – Thực quản - Biểu mô trụ đơn – đáy vị – Dạ dày - Biểu mô trụ đơn – Tá tràng - Hỗng tràng - Ruột thừa	3	2	2
Bài 4: Hệ tiêu hóa + hệ bạch huyết miễn dịch - Gan - Tuyến nước bọt - Tụy - Hạch bạch huyết - Lách	3	2	2
Bài 5: Hệ nội tiết + Hệ sinh dục - Tuyến thượng thận - Biểu mô vuông đơn – Tuyến giáp - Thận - Tinh hoàn - Biểu mô vuông đơn – Buồng trứng	3	2	2
Bài 6. Ôn tập các tiêu bản bài 1, 2, 3	3	2	2
Bài 7. Ôn tập các tiêu bản bài 4, 5	3	2	2
Bài 8. Thi thực hành		3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

- Thực hành mô học là học phần thuộc môn học Mô phôi thai học và là môn y học cơ sở, là môn học tiên quyết cho môn Giải phẫu bệnh.

- Mô học là môn học nghiên cứu về hình thái ở mức độ vi thể và siêu vi thể của tế bào, mô và các cơ quan người bình thường. Nghiên cứu cấu trúc mô học người bình thường là điều kiện để học tốt môn giải phẫu bệnh.

7. Nội dung chi tiết học phần thực hành

Nội dung	Thời gian TH/TL/KT (tiết)	Yêu cầu đối với sinh viên
Hướng dẫn nội quy Bài 1: Biểu mô – Mô liên kết- Mô cơ - Mô liên kết viêm mãn tính (tương bào, lympho bào, bạch cầu, mao mạch máu) - Xương Havers đặc - Xương Havers xốp - Cơ tim - Cơ vân - Cơ trơn	4	Làm việc nhóm
Bài 2: Thần kinh+ Da và các tuyến phụ thuộc + Hệ tuần hoàn + Hệ hô hấp - Tiểu não - Tủy sống - Khí quản - Phổi - Da - Tuyến phụ thuộc	4	Làm việc nhóm
Bài 3: Hệ tiêu hóa (tiếp) - BM lát tầng không sừng hóa – Thực quản - Biểu mô trụ đơn – đáy vị – Dạ dày - Biểu mô trụ đơn – Tá tràng - Hỗng tràng - Ruột thừa	4	Làm việc nhóm
Bài 4: Hệ tiêu hóa + hệ bạch huyết miễn dịch	4	Làm việc nhóm

- Gan - Tuyến nước bọt - Tụy - Hạch bạch huyết - Lách		
Bài 5: Hệ nội tiết + Hệ sinh dục - Tuyến thượng thận - Biểu mô buồng đơn – Tuyến giáp - Thận - Tinh hoàn - Biểu mô buồng đơn – Buồng trứng	4	Làm việc nhóm
Bài 6. Ôn tập các tiêu bản bài 1, 2, 3	4	Làm việc nhóm
Bài 7. Ôn tập các tiêu bản bài 4, 5	4	Làm việc nhóm
Bài 8. Thi thực hành	2	Nghiêm túc
Tổng	30	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ môn Mô phôi thai học – Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (2020), *Thực hành mô học* (Lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

1. Bộ môn Mô học và phôi thai học -Trường Đại học Y Hà Nội (2018), *Thực tập Mô học*, NXB Y học, Hà Nội.

2. Bộ môn Mô học và phôi thai học -Trường Đại học Y Hà Nội (2018), *Mô học*, NXB Y học, Hà Nội.

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	<p>Hướng dẫn nội quy</p> <p>Bài 1: Biểu mô – Mô liên kết- Mô cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô liên kết viêm mãn tính (tương bào, lympho bào, bạch cầu, mao mạch máu) - Xương Havers đặc - Xương Havers xốp - Cơ tim - Cơ vân - Cơ trơn 	4	
2	<p>Bài 2: Thần kinh+ Da và các tuyến phụ thuộc + Hệ tuần hoàn + Hệ hô hấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiểu não - Tủy sống - Khí quản - Phổi - Da - Tuyến phụ thuộc 	4	
3	<p>Bài 3: Hệ tiêu hóa (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - BM lát tầng không sừng hóa – Thực quản - Biểu mô trụ đơn – đáy vị - Dạ dày - Biểu mô trụ đơn – Tá tràng - Hồng tràng 	4	

	- Ruột thừa		
4	Bài 4: Hệ tiêu hóa + hệ bạch huyết miễn dịch - Gan - Tuyến nước bọt - Tụy - Hạch bạch huyết - Lách	4	
5	Bài 5: Hệ nội tiết + Hệ sinh dục - Tuyến thượng thận - Biểu mô buồng đơn – Tuyến giáp - Thận - Tinh hoàn - Biểu mô buồng đơn – Buồng trứng	4	
6	Bài 6. Ôn tập các tiêu bản bài 1, 2, 3	4	
7	Bài 7. Ôn tập các tiêu bản bài 4, 5	4	
8	Bài 8. Thi thực hành	2	
	Tổng	30	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3

Thuyết trình; thảo luận nhóm, tình huống

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Có kế hoạch bài giảng

Có projector, phấn, bảng, kính hiển vi kết nối, kính hiển vi quang học

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Tham gia 100% các buổi thực hành.

Thực hiện đúng nội quy học tập của môn học

Đọc bài trước khi đến lớp

Tác phong, thái độ học tập nghiêm túc

Trang phục đúng quy định: áo blue

Vẽ hình chú thích sau mỗi buổi học

12. Phương pháp đánh giá học phần thực hành

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá học phần thực hành được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10%	Đúng giờ	CĐR3
	Điểm vẽ hình	10%	Vẽ đúng, đẹp	CĐR1,2
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành chạy trạm	80%	Nhận đúng tiêu chí và mô cơ quan	CĐR1,2

12.3. Cách tính điểm thực hành:

$$\text{Điểm TH} = \text{CC} * 0,1 + \text{Vẽ} * 0,1 + \text{Thi TH} * 0,8$$

Điểm thực hành đạt: từ 4 điểm trở lên

Ghi chú: Trong trường hợp dịch, hình thức thi có thể chuyển sang online sử dụng ảnh

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Quách Thị Yến

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (11) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (12) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CDR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CDR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN SINH LÝ HỌC(PHẦN LÝ THUYẾT)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Sinh lý học

* Tiếng Anh: Physiology

- Mã học phần/ mô đun: MH82

- Số tín chỉ: 03(2.0 LT, 1.0 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: 76 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Sinh lý

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths.Vũ Thị Lan Anh	0912537951	vtlanh@gmail.com
2.	Ths. Đỗ Thị Hương	0366000368	dohuong1406@gmail.com
3.	Ths. Đặng Ánh Ngọc	0353233786	danganhngoc.hd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng của các tế bào – cơ quan – hệ thống cơ quan của cơ thể bình thường trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường	[CDR1]	1
MT2	Giải thích được các biểu hiện rối loạn chức năng của các cơ quan và cơ thể trong trạng thái bệnh lý của một số bệnh/hội chứng thường gặp	[CDR1] , [CDR2]	3
MT3	Ứng dụng được các kiến thức về sinh lý để học tốt các môn YHLS, YHDP và các môn chuyên ngành	[CDR1] , [CDR2]	3
MT4	Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản và thăm dò chức năng thường sử dụng trên lâm sàng	[CDR1] , [CDR2]	3
MT5	Tạo lập được từng bước tác phong làm việc thận trọng, tỉ mỉ và chia sẻ hợp tác với bạn trong quá trình học tập; Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học	[CDR11]	3
MT6	Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Sinh lý học trong chương trình đào tạo Bác sỹ bằng việc luôn học tập nghiêm túc, liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã	[CDR1] , [CDR2]	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng của các tế bào – cơ quan – hệ thống cơ quan của cơ thể bình thường trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường.	CLO1: Hiểu được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng cơ quan của cơ thể bình thường.
MT2: Giải thích được các biểu hiện rối loạn chức năng của các cơ quan và cơ thể trong trạng thái bệnh lý của một số bệnh/hội chứng thường gặp.	CLO2: Giải thích được các biểu hiện bệnh lý của một số bệnh/hội chứng thường gặp.
MT3: Ứng dụng được các kiến thức về sinh lý để học tốt các môn YHLS, YHDP và các môn chuyên ngành.	CLO3: Ứng dụng để học tốt các môn YHLS, YHDP và các môn chuyên ngành.
Kỹ năng	
MT4: Tạo lập được từng bước tác phong làm việc thận trọng, tỉ mỉ và chia sẻ hợp tác với bạn trong quá trình học tập; Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học.	CLO4: Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học.
MT5: Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản và thăm dò chức năng thường sử dụng trên lâm sàng.	CLO5: Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản và thăm dò chức năng thường sử dụng trên lâm sàng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Sinh lý học trong chương trình đào tạo Bác sỹ bằng việc luôn học tập nghiêm túc, liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng.	CLO6: Liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun					
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
Đại cương cơ thể người	1	3	1	1	2	2
Trao đổi chất qua màng tế bào	2	3	2	1	2	2
Điện thế nghỉ, điện thế hoạt động	3	3	2	2	2	2
Chuyển hóa chất và năng lượng	1	3	2	2	2	2
Điều nhiệt	1	3	1	1	2	2
Sinh lý máu	2	3	2	1	2	2
Các dịch cơ thể	3	3	2	2	2	2
Sinh lý tuần hoàn	3	3	2	2	2	2
Sinh lý hô hấp	3	3	1	1	2	2
Sinh lý tiêu hóa	3	3	2	1	2	2
Sinh lý tiết niệu	3	3	2	2	2	2
Sinh lý nội tiết	3	3	2	2	2	2
Sinh lý sinh sản	3	3	1	1	2	2
Sinh lý thần kinh	3	3	2	1	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Sinh lý học là môn học cơ sở rất quan trọng của Y học. Những kiến thức về Sinh lý học trực tiếp phục vụ cho các môn bệnh học và là cơ sở để giải thích và phát hiện các rối

loạn chức năng trong tình trạng bệnh lý. Mỗi phương pháp chẩn đoán, điều trị hay phòng bệnh đều phải được đặt trên cơ sở kiến thức sinh lý học.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Đại cương cơ thể người	1			1	4	Tóm tắt ý chính của bài học, báo cáo slide theo nhóm. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới đề chưa hiểu. Các câu hỏi sẽ được thảo luận trong buổi học. Chấp hành nội quy học tập của lớp.
Trao đổi chất qua màng tế bào	1			1	2	
Điện thế nghỉ, điện thế hoạt động	1			1	2	
Chuyển hóa chất và năng lượng	1			1	2	
Điều nhiệt	1			1	2	
Các dịch cơ thể	1			1	2	
Sinh lý máu	4			4	10	
Sinh lý tuần hoàn	4			4	8	
Sinh lý hô hấp	2		2	4	8	
Sinh lý tiêu hóa	2		2	4	8	
Sinh lý tiết niệu	2		2	4	4	
Sinh lý nội tiết	4			4	8	
Sinh lý sinh sản	4			4	8	
Sinh lý thần kinh	2		2	4	8	
Tổng	30			38	76	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Thị Minh Đức, Sinh lý học, Nhà xuất bản Y học, 2007.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế, Sinh lý học, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2011.

2. A.C.Guyton and J.E.Hall. Textbook of Medical Physiology. W.B. Saunders

Các nguồn tài liệu tham khảo trực tuyến miễn phí:

3. Bùi Mỹ Hạnh, Nguyễn Văn Huy, Quách Tuấn Ngọc (2010) yhoctructuyen.com, Atlas điện tử giải phẫu, mô học, và bộ bài giảng điện tử sinh lý học multimedia.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Bài	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1. Đại cương cơ thể người	1					4
	Bài 2. Trao đổi chất qua màng tế bào	1					2
	Bài 3. Điện thế màng điện thế hoạt động	1					2
2	Bài 4. Chuyển hóa các chất	1			2		2
	Bài 5. Các dịch cơ thể	1					2
	Bài 6. Sinh lý Tiết niệu	2					4

3	Bài 7. Sinh lý máu	4			2		10
4	Bài 8. Sinh lý tuần hoàn	4					8
5	Bài 9. Sinh lý Hô hấp	2			2		8
6	Bài 10. Sinh lý Tiêu hóa	2			2		8
7	Bài 11: Sinh lý Nội tiết	4					8
8	Bài 12 Sinh lý Sinh sản	4					8
9	Bài 13: Sinh lý Thần kinh	3			2		8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình X Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề X

Hoạt động nhóm X Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống X Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 3 đến CDR6

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR4
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR5 đến CDR6.
- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online, ZOOM.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng đường: có bộ máy chiếu có đầu chuyển đổi HDMI, màn hình led, có loa mic

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%

- Sinh viên phải hoàn thành các bài tập, các yêu cầu thảo luận trên lớp của giảng viên.

- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành	33,3%		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 2

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm trên máy.
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là bài kiểm tra thực hành.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vũ Thị Lan Anh

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (13) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (14) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH SINH LÝ HỌC(PHẦN THỰC HÀNH)**

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Sinh lý học
- * Tiếng Việt: Sinh lý học
- * Tiếng Anh: Physiology
- Mã học phần: MH82
- Số tín chỉ thực hành: 01
- Đối tượng học (năm thứ): 1
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Giải phẫu
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: 30 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Sinh lý

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Vũ Thị Lan Anh	0912537951	vtlanh@gmail.com
2	Ths. Đỗ Thị Hương	0366000368	dohuong1406@gmail.com
3	Ths. Đặng Ánh Ngọc	0353233786	danganhngoc.hd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần(ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng của các tế bào – cơ quan – hệ thống cơ quan của cơ thể bình thường trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường	[CDR1]	1
MT2	Giải thích được các biểu hiện rối loạn chức năng của các cơ quan và cơ thể trong trạng thái bệnh lý của một số bệnh/hội chứng thường gặp	[CDR1] ,[CDR2]	3
MT3	Ứng dụng được các kiến thức về sinh lý để học tốt các môn YHLS, YHDP và các môn chuyên ngành	[CDR1] ,[CDR2]	3
MT4	Tạo lập được từng bước tác phong làm việc thận trọng, tỉ mỉ và chia sẻ hợp tác với bạn trong quá trình học tập; Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học	[CDR11]	3
MT5	Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản và thăm dò chức năng thường sử dụng trên lâm sàng.	[CDR1] ,[CDR2]	3
MT6	Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Sinh lý học trong chương trình đào tạo Bác sỹ bằng việc	[CDR1] ,[CDR2]	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	luôn học tập nghiêm túc, liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng của các tế bào – cơ quan – hệ thống cơ quan của cơ thể bình thường trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường.	CLO1: Hiểu được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng cơ quan của cơ thể bình thường.
MT2: Giải thích được các biểu hiện rối loạn chức năng của các cơ quan và cơ thể trong trạng thái bệnh lý của một số bệnh/hội chứng thường gặp.	CLO2: Giải thích được các biểu hiện bệnh lý của một số bệnh/hội chứng thường gặp.
MT3: Ứng dụng được các kiến thức về sinh lý để học tốt các môn YHLS, YHDP và các môn chuyên ngành.	CLO3: Ứng dụng để học tốt các môn YHLS, YHDP và các môn chuyên ngành.
Kỹ năng	
MT4: Tạo lập được từng bước tác phong làm việc thận trọng, tỉ mỉ và chia sẻ hợp tác với bạn trong quá trình học tập; Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học.	CLO4: Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học.
MT5: Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản và thăm dò chức năng thường sử dụng trên lâm sàng.	CLO5: Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản và thăm dò chức năng thường sử dụng trên lâm sàng.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

MT6: Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Sinh lý học trong chương trình đào tạo Bác sỹ bằng việc luôn học tập nghiêm túc. Liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng	CLO6: Liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng.
--	---

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần					
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
Cách sử dụng KHV- cách lấy máu làm TN	1	3	2	1	3	2
Thời gian máu chảy-máu đông	1	3	3	1	3	2
Xác định nhóm máu ABO-Rh	1	3	3	1	3	2
Công thức bạch cầu	1	3	3	1	3	2
XD Hematocrit	1	3	3	1	3	2
Định lượng Hb	1	3	3	1	3	2
Thời gian máu lắng	1	3	3	1	3	2
Phản ứng chéo máu	1	3	3	1	3	2
Đo huyết áp	1	3	3	1	3	2
Quan sát tuần hoàn mao mạch	1	3	3	1	3	2
Phá tiêu não 1 bên ếch	1	3	3	1	3	2
Duỗi cứng mắt não ở ếch	1	3	3	1	3	2
Chẩn đoán có thai	1	3	3	1	3	2
Thảo luận tình huống chương SDSS	1	3	3	1	3	2

6. Mô tả học phần– Phần thực hành (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong môi liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể và môi trường. Vận dụng những kiến thức cơ bản sinh lý học để giải thích một số rối loạn chức năng , Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản và thăm dò chức năng thường sử dụng trên lâm sàng và liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Cách sử dụng KHV- cách lấy máu làm TN	1	2	
Thời gian máu chảy-máu đông	2	4	
Xác định nhóm máu ABO-Rh	2	4	
Định lượng Hb Phản ứng chéo máu	2	4	
XĐ Hematocrit Thời gian máu lắng	2	4	
Công thức bạch cầu	2	4	
Đo huyết áp Quan sát tuần hoàn mao mạch	1	2	
Phá tiêu não 1 bên ếch Duỗi cứng mắt não ở ếch	1	2	
Chẩn đoán có thai Thảo luận tình huống chương SDSS	2	4	
Tổng	15	30	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Phạm Thị Minh Đức, *Thực hành Sinh lý học*, Nhà xuất bản Y học, 2008.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Phạm Thị Minh Đức, *Sinh lý học*, Nhà xuất bản Y học, 2007.

2. Trường Đại học Dược Hà Nội, *Thực tập Sinh lý học*, Nhà xuất bản Hà Nội, 2011.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	
1	Cách sử dụng KHV- cách lấy máu làm TN	1				2
	Thời gian máu chảy-máu đông	2				4
2	Xác định nhóm máu ABO-Rh	2				4
	Định lượng Hb Phản ứng chéo máu	2				4
3	XĐ Hematocrit	2				4
	Thời gian máu lắng Công thức bạch cầu	2				4
4	Đo huyết áp Quan sát tuần hoàn mao mạch	1				2
	Phá tiểu não 1 bên ếch Đuỗi cứng mắt não ở ếch	1				2
5	Chẩn đoán có thai Thảo luận tình huống chương SDSS	2				4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR

1 đến CDR 7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề:

Hoạt động nhóm Đóng vai Nghiên cứu tình huống Học dựa vào dự án Mô

phỏng Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình, Động não: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR3
- Từng cặp /Chia sẻ ,Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 3 đến CDR6
- Đóng vai, Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR4
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR5 đến CDR6.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành:

Phòng thực hành đủ trang thiết bị , máy móc, dụng cụ hóa chất, vật tư tiêu hao liên quan thực hành đặc trưng của học phần sinh lý học và chỗ ngồi cho ít nhất 30 sinh viên.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp đạt 100%

- Sinh viên phải hoàn thành báo cáo thực hành, các bài tập, các yêu cầu thảo luận trên lớp của giảng viên.

- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	Điều kiện thi	Đi học 100%	CĐR6
	Bài báo cáo	Điều kiện thi	Viết báo cáo đủ	CĐR6
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành, lâm sàng	100%	Thi OSPE	CĐR1 đến CĐR7

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vũ Thị Lan Anh

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (15) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (16) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CDR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CDR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HOÁ SINH (PHẦN LÝ THUYẾT)

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm ...2021
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Hoá sinh

* Tiếng Anh: Biochemistry

- Mã học phần/ mô đun: MH23

- Số tín chỉ: (2.5LT, 0.5TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 38 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Hoá sinh

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. Phùng Bá Dương	0989898217	Phungbaduong78@gmail.com
2	Ths. Đỗ Thị Hương Lan	0323133189	Dohuongaln79@gmail.com
3	Bs. Trịnh Minh Trí (Tập sự)	0909016390	Minhtri2021@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Trình bày được cấu tạo, chức năng các chất, quá trình hô hấp tế bào, các quá trình chuyển hoá Glucid, Lipid, Acid Amin, Acid Nucleic, Protein và các rối loạn chuyển hoá của chúng	CĐR1	3
MT2	Hiểu được cơ chế sinh bệnh, các chỉ số xét nghiệm và ứng dụng được các kiến thức hóa sinh để học tốt các môn các môn chuyên ngành	CĐR1, CĐR2	3
	Kỹ năng		
MT3	-Làm việc nhóm - Đọc và tóm tắt tổng hợp kiến thức -Tạo lập được từng bước tác phong làm việc chính xác, cẩn thận. Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học	CĐR6	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Hoá sinh trong chương trình đào tạo Bác sỹ bằng việc luôn học tập nghiêm túc, liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng	CĐR8, CĐR9	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Hiểu biết được thành phần, cấu tạo , vai trò , các yếu tố ảnh hưởng đến cấu tạo và chức năng	CLO1: Hiểu được thành phần , cấu tạo và vai trò cơ chế tác dụng các chất , các yếu tố ảnh hưởng đến cấu tạo và chức năng sinh học .
MT2: Hiểu biết được quá trình hô hấp tế bào , các quá trình chuyển hoá Glucid, Lipid, Acid Amin, Acid Nucleic, Protein và các rối loạn chuyển hoá của chúng	CLO2: Giải thích được các chỉ số liên quan đến các chỉ số Hoá sinh trong các bệnh lý
MT3: Ứng dụng được các kiến thức Hóa sinh để học tốt các môn các môn chuyên ngành	CLO3: Ứng dụng để học tốt các môn các môn chuyên ngành
Kỹ năng	
MT4: Tạo lập được từng bước tác phong làm việc chính xác, cẩn thận .Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học	CLO4: Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học
MT5: Biện luận kết quả các chỉ số sinh hoá xét nghiệm	CLO5: Nhận định được kết quả các chỉ số xét nghiệm sinh hoá
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Hoá sinh trong chương trình đào tạo Bác sỹ bằng việc luôn học tập nghiêm túc, liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng	CLO6: Liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Phần 1: Hoá học Glucid	1	2	1	1	2	2
Hoá học Lipid	2	2	2	1	2	2
Hoá học Acid Nucleic -Hemoglobin	2	2	2	2	2	2
Enzym	1	2	2	2	2	2
Phần 2: Oxi hoá khử Sinh học	1	2	1	1	2	2
Chuyển hoá Glucid	2	2	2	1	2	2
Chuyển hoá Lipid	2	2	2	2	2	2
Chuyển hoá acid Amin	1	2	2	2	2	2
Chuyển hoá Hemoglobin	1	2	1	1	2	2
Chuyển hoá acid Nucleic	2	2	2	1	2	2
Sinh tổng hợp Protein	3	2	2	2	2	2
Hormon	1	2	2	2	2	2
Phần 3: Hoá sinh mô cơ quan: Trao đổi muối nước	1	2	1	1	2	2
Hoá sinh thận nước tiểu	2	2	2	1	2	2
Thăng bằng acid base	2	2	2	1	2	2
Hoá sinh gan	1	2	2	1	2	2
Hoá sinh máu	1	2	1	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Trình bày được cấu tạo chức năng và vai trò sinh học của các chất trong tế bào bào – cơ quan, nồng độ các chất đó trong mỗi tế bào , mỗi dịch dinh vật , cơ chế tạo thành và quá

trình vận chuyển các chất , quá trình thoái hóa vận chuyển các chất và tổng hợp các chất , trao đổi năng lượng để duy trì sự sống

-Giải thích được các biểu hiện rối loạn chuyển hóa của tế bào trong trạng thái bệnh lý của một số bệnh

-Ứng dụng được các kiến thức về Hóa sinh để giúp người học đưa ra các chẩn đoán và điều trị bệnh.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT				
Hoá học Glucid	02					4	Đọc trước tài liệu, tóm tắt ý chính của bài học và đưa ra những câu hỏi về những vấn đề chưa hiểu. Các câu hỏi sẽ được thảo luận trong buổi học
Hoá học Lipid	02					4	
Hoá học Acid Nucleic - Hemogolbin	02					4	
Enzym	02					4	
Phần 2: Oxi hoá khử Sinh học	02					4	
Chuyển hoá Glucid	03					6	
Chuyển hoá Lipid	03					6	
Chuyển hoá acid Amin	03					6	
Chuyển hoá acid Nucleic	02					4	
Sinh tổng hợp Protein	02					4	
Hormon	02					4	
Phần 3: Hoá sinh mô cơ quan: Trao đổi muối nước	03					6	
Hoá sinh thận nước tiểu	02					4	
Thăng bằng acid base	03					6	
Hoá sinh gan	03					4	
Hoá sinh máu	02					4	
Tổng	38					72	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ Y tế (2022). Hóa sinh Tạ Thành Văn, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Trường đại học Y Hà Nội (2003). Thực tập Hóa sinh, Nhà xuất bản Y học.

8.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2005). Hóa sinh học, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Bộ y tế (2007). Hóa sinh, Nhà xuất bản Y học.

[3]. Bộ y tế (2007). Hóa sinh học, Nhà xuất bản Y học.

[4]. Bộ y tế, Vụ khoa học và đào tạo (2002). Hóa sinh lâm sàng, Nhà xuất bản Y học.

[5]. Bộ y tế (2007). Hóa sinh y học, Nhà xuất bản Y học.

[6]. Trường Đại học Dược Hà Nội (2004). Hóa sinh học, Nhà xuất bản Y học.

[7]. Bộ y tế (2008). Hóa sinh học, Nhà xuất bản Y học

[8]. Bộ y tế (2009). Hóa sinh học, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam .

[9]. Bộ y tế (2021). Hóa sinh lâm sàng Tạ Thành Văn, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Bài	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Bài 1: Hoá học Glucid	2					4
	Bài 2 : Hoá học Lipid	2					4
2	Bài 3. Hoá học Acid Nucleic -Hemoglobin	2					4
	Bài 4. Enzym	2					4

3	Bài 5. Oxi hoá khử Sinh học	3					6
	Bài 6. Chuyển hoá Glucid	3					6
4	Bài 7. Chuyển hoá Lipid	3					6
	Bài 8. Chuyển hoá acid Amin	3					6
5	Bài 9. Chuyển hoá acid Nucleic	2					4
6	Bài 10. Sinh tổng hợp Protein	2					4
	Bài 11 Hormon	2					9
7	Bài 12. Hoá sinh mô cơ quan: Trao đổi muối nước	3					6
8	Bài 13. Thăng bằng acid base	3					6

9	Bài 14. Hoá sinh gan	3					6
10	Bài 15. Hoá sinh máu	2					4
11	Bài 16.Hoá sinh thận nước tiểu	2					4
12	Tổng	38					72

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình X Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề X

Hoạt động nhóm X Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống X Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 1 ,CĐR2

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR6 đến CĐR8

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR5 , CĐR11

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online, ZOOM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng đường: có bộ máy chiếu có đầu chuyển đổi HDMI, màn hình led, có loa mic

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%

- Sinh viên phải hoàn thành các bài tập, các yêu cầu thảo luận trên lớp của giảng viên.

- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun				
1	Thực hành	33,33%	Đạt từ điểm 4	CĐR2 đến CĐR6

2	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/Báo cáo tiểu luận...	66,67%%	Đạt từ điểm 4	CĐR1 đến CĐR6
---	--	---------	---------------	---------------

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *TH* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ). $LT \times 2 + TH \times 1/3$

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phùng Bá Dương

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HÓA SINH (PHẦN THỰC HÀNH)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Đối tượng đào tạo: BSYHCT; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Hóa sinh

* Tiếng Anh: Biochemistry

- Mã học phần/ mô đun: MH23

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 0.5TC

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Hóa sinh

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sĩ Phùng Bá Dương	0989898217	Phungbaduong78@gmail.com
2	Thạc sĩ Đỗ Thị Hương Lan	0363133189	Dohuonglan79@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

. 2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	<p>Kiến thức:</p> <p>- MT1: Trình bày ý nghĩa của một số hoạt chất hóa sinh trong cơ thể, chuyển hóa bình thường của các chất qua đó trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng của các tế bào – cơ quan – hệ thống cơ quan của cơ thể bình thường trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường</p> <p>MT2; Giải thích được các biểu hiện rối loạn chức năng của các cơ quan và cơ thể trong trạng thái bệnh lý của một số bệnh/hội chứng thường gặp thể hiện qua sự thay đổi nồng độ các chất sinh hóa trong xét nghiệm</p>	CĐR1 CĐR2	2.0
2	<p>Kỹ năng:</p> <p>MT3: Áp dụng các kiến thức để biện luận giải thích các cơ bệnh lý gặp trong lâm sàng</p> <p>MT4: Có kỹ năng làm việc nhóm , phát huy được tinh thần độc lập sáng tạo , tự chủ</p>	CĐR6, CĐR8	2.0
3	<p>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>MT5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học thực hành sinh hóa</p> <p>MT6: Ứng dụng được các kiến thức trong thực hành sinh hóa để học tốt các môn các môn chuyên ngành và biện luận các kết quả xét nghiệm</p>	CĐR9	2.0

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Hiểu được nguyên lý của phương pháp đo quang ứng dụng trong định lượng hóa sinh	CDR1: Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng cơ quan của cơ thể bình thường.
MT2: Hiểu được nguyên lý định lượng và định tính các chất glucose, protein trong huyết thanh	CDR2: Trình bày được các biểu hiện bệnh lý của một số bệnh/hội chứng thường gặp thông qua sự thay đổi nồng độ của các chất hóa sinh trong xét nghiệm
MT3: Hiểu được nguyên lý định lượng và định tính các chất glucose, protein trong huyết thanh	CDR3: Hiểu được nguyên lý định lượng và định tính các chất glucose, protein trong huyết thanh
MT4: Hiểu được nguyên lý định lượng và định tính các chất cholesterol, triglycerid trong huyết thanh	CDR4: Trình bày được nguyên lý định lượng và định tính các chất cholesterol, triglycerid trong huyết thanh
MT5: Hiểu được nguyên lý định lượng và định tính các chất AST, ALT, Birirubil trong huyết thanh	CDR5: Trình bày được nguyên lý định lượng và định tính các chất AST, ALT, Birirubil trong huyết thanh
MT6: Hiểu được nguyên lý định lượng và định tính một số chất hóa sinh trong huyết thanh creatinin và 10 thông số nước tiểu	CDR6: Trình bày được nguyên lý định lượng và định tính một số chất hóa sinh trong huyết thanh creatinin và 10 thông số nước tiểu
Kỹ năng	
MT7: Tạo lập được từng bước tác phong làm việc thận trọng, tỉ mỉ và chia sẻ hợp tác với bạn trong quá trình học tập; Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học	CDR7: Tự học, tự hệ thống được các kiến thức của môn học và kiến thức liên quan đến môn học
MT8: Nhận định được kết quả một số	CDR8: Nhận định được kết quả một số xét

xét nghiệm cơ bản dụng trên lâm sàng	nh nghiệm cơ bản sử dụng trên lâm sàng
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT9: Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Hóa sinh trong chương trình đào tạo BSYHCT bằng việc luôn học tập nghiêm túc.</p> <p>MT10: Liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng</p>	<p>CĐR9: Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của môn Hóa sinh</p> <p>CĐR10: Liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun									
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR10
Cách sử dụng Pipet thủy tinh, Pipet tự động, cách lấy máu làm TN, Phương pháp đo quang	1	3	2	1	3	2	3	2	2	2
Định lượng Glucosse máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Định lượng Protein máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Định lượng Cholesterol TP máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Định lượng Tryglycerid máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Định lượng Bilirubil TP máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2

Đo hoạt độ AST/ALT máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Định lượng Ure, Creatinin máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Định tính Glucose máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Định tính Protein máu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2
Tổng phân tích 10 thông số nước tiểu	1	3	3	1	3	2	3	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về các chất sinh hóa trong cơ thể và chuyển hóa của chúng; chức năng, hoạt động sinh hóa của một số cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mỗi liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể và môi trường. Vận dụng những kiến thức cơ bản hóa sinh để giải thích một số rối loạn chức năng, Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản và thăm dò chức năng thường sử dụng trên lâm sàng và liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung học phần	Thời gian lên lớp	Thời gian tự học	Yêu cầu đối với sinh viên
Cách sử dụng Pipet thủy tinh, Pipet tự động, cách lấy máu làm TN, Phương pháp đo quang	2		Làm thao tác , hiểu nguyên tắc đo quang
Định lượng Glucose máu	2		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả

Định lượng Protein máu	1		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Định lượng Cholesterol TP máu	1		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Định lượng Tryglycerid máu	1		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Định lượng Bilirubin TP máu	1		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Đo hoạt độ AST/ALT máu	2		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Định lượng Ure, Creatinin máu	1		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Định tính Glucose máu	2		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Định tính Protein máu	1		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Tổng phân tích 10 thông số nước tiểu	2		Làm thao tác, đọc hiểu được kết quả
Tổng	15		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. GS TS Tạ Thành Văn (2007) PGS BS Đặng Thị Ngọc Dung 2022. Hoá sinh học, Nhà xuất bản Y học

8.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2005). Hóa sinh, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức	

					khác		cứu (giờ)
1	Cách sử dụng pipet- cách lấy máu làm TN Phương pháp đo quang Định lượng Glucose máu Định lượng Protein máu	4					
2	Định lượng Cholesterol TP máu Định Lượng Tryglycerid máu Đo hoạt độ AST, ALT máu	3					
3	Định lượng ure máu Định lượng creatinin máu Định lượng Bilirrubin TP máu	4					
4	Định tính Glucose nước tiểu Định tính Protein nước tiểu Tổng phân tích 10 thông số nước tiểu	4					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình X Động não X Từng cặp /Chia sẻ X Học dựa trên vấn đề: X

Hoạt động nhóm X

Nghiên cứu tình huống X Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập X

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR6

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR8

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR8 đến CDR9
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR10
- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online, ZOOM, quay video hướng dẫn thao tác.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Phòng thực hành đủ trang thiết bị , máy móc, dụng cụ hóa chất, vật tư tiêu hao liên quan thực hành đặc trưng của môn Hóa sinh và chỗ ngồi cho ít nhất 30 sinh viên.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp đạt 100%

- Sinh viên phải hoàn thành báo cáo thực hành, các bài tập, các yêu cầu thảo luận trên lớp của giảng viên.

- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành, lâm sàng	100%	Thi test và thao tác.	CĐR 1 đến CĐR 10

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phùng Bá Dương

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (17) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (18) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CDR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CDR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VI SINH (PHẦN LÝ THUYẾT)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày tháng năm 20....
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:
- * Tiếng Việt: Vi sinh
- * Tiếng Anh: Microbiology
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 2007
- Số tín chỉ: 2.0 LT
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên ngành YHCT trình độ đại học, năm thứ 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
 - + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không
 - + Học phần học trước (đã học): Sinh học và di truyền
 - + Học phần song hành: Không
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 90 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Vi sinh – KST

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Việt Hà	0982761889	halevisinh@gmail.com
2	ThS. Lê Văn Dũng	0977258636	ledungvnn@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng	0988792286	thuhangnguyen.th@gmail.com
4	ThS. Đỗ Lan Phương	0912393168	phuongvisinh@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
MT1	<ul style="list-style-type: none"> -Trình bày được đặc điểm hình thái, cấu trúc, chức năng, sự phát triển, sinh sản của vi sinh vật - Trình bày được khái niệm nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật, kháng nguyên vi sinh vật, cơ chế tác dụng của thuốc kháng sinh và sự đề kháng kháng sinh, các biện pháp hạn chế sự đề kháng kháng sinh, nguyên lý và nguyên tắc dùng vacxin và huyết thanh miễn dịch. - Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh của một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp; phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng, điều trị một số bệnh nhiễm trùng thường gặp. 	CDR 1,2,5,6,7	2
MT2	<ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán định hướng một số bệnh do vi sinh vật. - Chỉ định và phân tích được các xét nghiệm chẩn đoán bệnh do vi sinh vật - Lấy, bảo quản đúng nguyên tắc một số bệnh phẩm thông thường. - Thực hiện một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản sử dụng trong phòng xét nghiệm vi sinh lâm sàng. - Tư vấn cho cá nhân và cộng đồng phòng chống được bệnh nhiễm trùng một cách chủ động. 	CDR 1,2,5,6,7	2
MT3	<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức được vai trò và ảnh hưởng của các vi sinh vật trong quá trình hình thành bệnh nhiễm trùng – truyền nhiễm. - Xác định được tầm quan trọng các xét nghiệm vi sinh trong công tác phát hiện và điều trị các bệnh nhiễm trùng – truyền nhiễm. - Ý thức và đề xuất các giải pháp phòng bệnh cho cộng đồng. 	CDR 1,2,5,6,7	2

MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CĐR 15	1
-----	--	--------	---

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: - Trình bày được đặc điểm hình thái, cấu trúc, chức năng, sự phát triển, sinh sản của vi sinh vật - Trình bày cơ chế tác dụng của thuốc kháng sinh và sự đề kháng kháng sinh, các biện pháp hạn chế sự đề kháng kháng sinh, nguyên lý và nguyên tắc dùng vaccin và huyết thanh miễn dịch. - Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh của một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp; phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng, điều trị một số bệnh nhiễm trùng thường gặp.	CLO1: Trình bày được hình thể, cấu trúc của vi khuẩn và virus gây bệnh, chức năng của từng phần cấu trúc CLO2: Giải thích được cơ chế thuốc kháng sinh tác dụng lên vi khuẩn và sự đề kháng kháng sinh, nguyên lý và nguyên tắc dùng vaccin và huyết thanh miễn dịch CLO3: Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn. CLO4: Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do virus gây ra.
Kỹ năng	
MT 2: - Chẩn đoán định hướng một số bệnh do vi sinh vật. - Chỉ định và phân tích được các xét nghiệm chẩn đoán bệnh do vi sinh vật - Lấy, bảo quản đúng nguyên tắc một số bệnh phẩm thông thường. - Thực hiện một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản sử dụng trong phòng	CLO 5: Chẩn đoán định hướng, chỉ định và xét nghiệm được các bệnh nghi ngờ do vi sinh vật. CLO6: Tư vấn được cho cá nhân và cộng đồng phòng chống được bệnh nhiễm trùng một cách chủ động

<p>xét nghiệm vi sinh lâm sàng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn cho cá nhân và cộng đồng phòng chống được bệnh nhiễm trùng một cách chủ động. <p>MT 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức được vai trò và ảnh hưởng của các vi sinh vật trong quá trình hình thành bệnh nhiễm trùng – truyền nhiễm. - Xác định được tầm quan trọng các xét nghiệm vi sinh trong công tác phát hiện và điều trị các bệnh nhiễm trùng – truyền nhiễm. - Ý thức và đề xuất các giải pháp phòng bệnh cho cộng đồng. 	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.</p>	<p>CLO7: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	1	2	3	4	5	6	7
Phần 1: Đại cương vi sinh vật	3	3			2	2	1
Phần 2: Các vi khuẩn gây bệnh thường gặp			3		2	2	1
Phần 3: Các virus gây bệnh thường gặp				3	2	2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức về vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút gây bệnh; các phương pháp phát hiện, xét nghiệm vi sinh vật; các biện pháp phòng, chống vi sinh vật gây

bệnh. Học phần giúp sinh viên ý thức được sự nguy hiểm của vi sinh vật gây bệnh đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng để tư vấn các biện pháp phòng chống chúng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
		Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
		LT	TH	BT/T L/KT	Tổng		
Phần 1	Đại cương vi sinh vật Đại cương vi khuẩn	2.0					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
	Đại cương virus	2.0					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
	Kháng sinh với vi khuẩn và sự kháng kháng sinh	1.0					
	Các phản ứng kháng nguyên – kháng thể sử dụng trong vi sinh y học	2.0					
	Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật	1.0					
	Vaccin và huyết thanh miễn dịch	1.0					
Phần 2	Các cầu khuẩn gây bệnh,	3.0					

	Haemophilus influenzae						
	Một số vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa	2.0					
	Nhóm vi khuẩn sinh ngoại độc tố	2.5					
	Vi khuẩn dịch hạch	0.5					
	Nhóm vi khuẩn kháng cồn, acid: Lao, Phong	1.0					
	Họ <i>Pseudomonadaceae</i>	1.0					
	Giang mai, <i>H.pylori</i> , <i>Leptospira</i>	1.0					
	<i>Chlamydia</i> , <i>Mycoplasma</i>	1.0					
	Myxovirus: virus cúm, á cúm, quai bị, sởi	1.5					
Phần 3	Virus rubella, SARS, SARS COV2	1.5					
	Virus bại liệt, Coxsackie virus, Rota virus	1.0					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày
	Virus viêm não	1.0					

	Nhật Bản, virus Dengue						quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
	Virus Viêm gan	1.0					
	Virus Herpesvirus, virus thủy đậu	1.0					
	Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người HIV	1.0					
	Các virus gây ung bướu	1.0					
	Tổng	30					

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình vi sinh y học, Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2020).

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ Y tế (2009), *Vi sinh vật*. Nhà xuất bản Y học

[2] Bộ Y tế (2012), *Giáo trình Vi sinh vật y học*. Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Đại cương vi sinh vật, Đại cương vi khuẩn	1.5			0.5		
1	Đại cương virus	1.5			0.5		
1	Kháng sinh với vi khuẩn và sự kháng kháng sinh	0.75			0.25		

1	Các phản ứng kháng nguyên – kháng thể sử dụng trong vi sinh y học	1.5			0.5		
1	Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật	0.75			0.25		
2	Vacxin và huyết thanh miễn dịch	0.75			0.25		
2	Các cầu khuẩn gây bệnh, <i>Haemophilus influenzae</i>	2.25			0.75		
2	Một số vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa	1.5			0.5		
2	Nhóm vi khuẩn sinh ngoại độc tố	2.0			0.5		
3	Vi khuẩn dịch hạch	0.25			0.25		
3	Nhóm vi khuẩn kháng cồn, acid: Lao, Phong	0.75			0.25		
3	Họ <i>Pseudomonadaceae</i>	0.75			0.25		
3	Giang mai, <i>H.pylori</i> , <i>Leptospira</i>	0.75			0.25		
3	<i>Chlamydia</i> , <i>Mycoplasma</i>	0.75			0.25		
3	Myxovirus: virus cúm, á cúm, quai bị, sởi	1.25			0.25		
3	Virus rubella, SARS, SARS COV2	1.0			0.5		
4	Virus bại liệt, Coxsackie virus , Rota virus	0.75			0.25		

4	Virus viêm não Nhật Bản, virus Dengue	0.75			0.25		
4	Virus Viêm gan	0.75			0.25		
4	Virus Herpesvirus, virus thủy đậu	0.75			0.25		
4	Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người HIV	0.75			0.25		
4	Các virus gây ung bướu	0.75			0.25		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO7].

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Kế hoạch bài giảng chi tiết
- Bài giảng ppt
- Projector, phần bảng, mic, laptop

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần lý thuyết

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	33,3%		CLO 5 đến CLO 6
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CLO 1 đến CLO 4

12.3. Điểm học phần vi sinh

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm thực hành thực hành là điểm bài thi thực hành (lý thuyết phần thực hành và kỹ thuật thực hành)
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN VI SINH KST

Lê Thị Việt Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VI SINH THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: BS YHCT Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Vi sinh

* Tiếng Anh: Microbiology

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 2007

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên ngành YHCT trình độ đại học, năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo: Y học cơ sở

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Sinh học và di truyền

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Vi sinh - KST

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Việt Hà	0982761889	halevisinh@gmail.com
2	ThS. Lê Văn Dũng	0977258636	ledungvnn@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng	0988792286	thuhangnguyen.th@gmail.com
4	ThS. Đỗ Lan Phương	0912393168	phuongvisinh@gmail.com

5	ThS. Trần Thị Thương	0977891601	tranthithuong210384@gmail.com
6	CN. Trần Thị Na	0983261078	na.vskst@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các phương pháp chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh - Trình bày được kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm. - Trình bày được cấu tạo và cách sử dụng được kính hiển vi vật kính dầu, xác định hình thể vi khuẩn - Trình bày được các thao tác vô trùng trong xét nghiệm - Trình bày được quy trình nhuộm đơn, nhuộm Gram các mẫu bệnh phẩm - Trình bày được quy trình điều chế được môi trường nuôi cấy vi sinh vật - Trình bày được quy trình thực hiện kháng sinh đồ - Trình bày được quy trình xét nghiệm phân, máu 	CDR1	2
Kỹ năng			
MT2	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được kính hiển vi vật kính dầu xác định hình thể vi khuẩn - Thực hiện các thao tác xét nghiệm đảm bảo vô trùng. - Thực hiện nhuộm đơn, nhuộm Gram các mẫu bệnh phẩm - Điều chế được môi trường nuôi cấy vi sinh vật - Thực hiện được kháng sinh đồ 	CDR1 CDR6	2

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	- Thực hiện xét nghiệm phân, máu		
MT3	- Nhận thức được tầm quan trọng của xét nghiệm vi sinh, tính chính xác và nhanh chóng để cung cấp kết quả cho lâm sàng. - Làm được việc độc lập và làm việc theo nhóm	CĐR15	2
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR15]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các phương pháp chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh - Trình bày được kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm. - Trình bày được cấu tạo và cách sử dụng được kính hiển vi vật kính dầu, xác định hình thể vi khuẩn - Trình bày được các thao tác vô trùng trong xét nghiệm - Trình bày được quy trình nhuộm đơn, nhuộm Gram các mẫu bệnh phẩm - Trình bày được quy trình điều chế 	<p>CLO1: Trình bày được quy trình chẩn đoán xét nghiệm, cách lấy bệnh phẩm để xét nghiệm vi sinh, các kỹ thuật xét nghiệm</p>

<p>được môi trường nuôi cấy vi sinh vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quy trình thực hiện kháng sinh đồ - Trình bày được quy trình xét nghiệm phân, máu 	
<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được kính hiển vi vật kính dầu xác định hình thể vi khuẩn - Thực hiện các thao tác xét nghiệm đảm bảo vô trùng. - Thực hiện nhuộm đơn, nhuộm Gram các mẫu bệnh phẩm - Điều chế được môi trường nuôi cấy vi sinh vật - Thực hiện được kháng sinh đồ - Thực hiện xét nghiệm phân, máu 	CLO2: Thực hiện tốt các thao tác, kỹ thuật xét nghiệm
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tầm quan trọng của xét nghiệm vi sinh, tính chính xác và nhanh chóng để cung cấp kết quả cho lâm sàng. - Làm được việc độc lập và làm việc theo nhóm 	CLO3: Tự nhận thức, tự giác trong học tập và nghiên cứu

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra môn học/module (CLO)		
	1	2	3
Bài 1: - Phương pháp chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh - Kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2, bảo quản vận chuyển.	3	3	1
Bài 2: - Sử dụng kính hiển vi vật kính dầu - Xác định hình thể vi khuẩn	3	3	1
Bài 3: - Kỹ thuật mang khẩu trang, mặc cởi TPPHCN, an toàn sinh học trong việc lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2	3	3	1

- Xác định hình thể vi khuẩn			
Bài 4: - Kỹ thuật nhuộm đơn, nhuộm Gram	3	3	1
Bài 5: - Môi trường nuôi cấy	3	3	1
Bài 6: - Kháng sinh đồ	3	3	1
Bài 7: - Xét nghiệm phân - Xét nghiệm máu	3	3	1
Bài 8: Hình thể vi khuẩn	3	3	1

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/ vai trò: Thực hành vi sinh vật học là học phần thuộc môn học Vi sinh vật y học và là môn y học cơ sở.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế.

Nội dung chính yếu: học phần thực hành giúp sinh viên y khoa hiểu và thực hiện được chẩn đoán vi sinh vật học cũng như ý thức được tầm quan trọng của vi sinh trong chẩn đoán nguyên nhân gây bệnh nhiễm trùng và giúp bác sỹ lâm sàng điều trị chính xác.

7. Nội dung chi tiết học phần thực hành

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài 1: - Phương pháp chẩn đoán visinh vật gây bệnh - Kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2, bảo quản vận chuyển.	4	4	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp. - Làm bài tập lượng giá phía sau sách thực hành cuối mỗi
Bài 2: - Sử dụng kính hiển vi vật kính dầu - Xác định hình thể vi khuẩn	4	4	
Bài 3:	4	4	

- Kỹ thuật mang khẩu trang, mặc cởi TPPHCN, anh toàn sinh học trong việc lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2 - Xác định hình thể vi khuẩn			bài thực hành - Làm việc nhóm - Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đề đáp - Ưu tiên phản biện, tính sáng tạo
Bài 4: - Kỹ thuật nhuộm đơn, nhuộm Gram	4	4	
Bài 5: - Môi trường nuôi cấy	4	4	
Bài 6: - Kháng sinh đồ	4	4	
Bài 7: - Xét nghiệm phân - Xét nghiệm máu	4	4	
Bài 8: - Quy trình xét nghiệm, hình thể vi khuẩn	2	2	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- *Giáo trình thực tập vi sinh y học*, Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2020)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh lâm sàng, Nhà xuất bản y học 2016

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)	Thảo luận	Bài tập	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành			
1	Bài 1: - Phương pháp chẩn đoán	3	1		4

	visinh vật gây bệnh - Kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2, bảo quản vận chuyển.				
2	Bài 2: - Sử dụng kính hiển vi vật kính dầu - Xác định hình thể vi khuẩn	3	1		4
3	Bài 3: - Kỹ thuật mang khẩu trang, mặc cởi TPPHCN, anh toàn sinh học trong việc lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2 - Xác định hình thể vi khuẩn	3	1		4
4	Bài 4: - Kỹ thuật nhuộm đơn, nhuộm Gram	3	1		4
5	Bài 5: - Môi trường nuôi cấy	3	1		4
6	Bài 6: - Kháng sinh đồ	3	1		4
7	Bài 7. - Xét nghiệm phân - Xét nghiệm máu	3	1		4
8	Bài 8. - Quy trình xét nghiệm, hình thể vi khuẩn	1	1		2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO3

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Có kế hoạch bài giảng
- Có projector, phấn, bảng, kính hiển vi kết nối, kính hiển vi quang học
- Giảng viên cung cấp nội dung thảo luận, nội dung bài giảng cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, chuẩn bị bài trước khi đến lớp

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Tham gia 100% các buổi thực hành, không đến chậm quá 10 phút

Thực hiện đúng nội quy học tập của môn học

Đọc bài trước khi đến lớp

Tác phong, thái độ học tập nghiêm túc

Trang phục đúng quy định: áo blue

Vẽ hình chú thích sau mỗi buổi học và làm bài tập về nhà sau mỗi buổi học.

12. Phương pháp đánh giá học phần thực hành

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng: Là điểm bài thi thực hành sau khi sinh viên đã tham gia 100% các buổi thực hành trên lớp Bài thi thực hành gồm 2 thành tố: Lý thuyết thực hành (40%) + Kỹ thuật thực hành (60%)			
1.1	Thực hành chạy trạm	60%	Nhận đúng hình thể vi sinh vật, tự thực hiện sử dụng tiêu bản	CLO 1 CLO 2

1.2	Vấn đáp	40%	Trình bày được các nội dung đã học	CLO 1 CLO 2 CLO 3
-----	---------	-----	--	-------------------------

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN VI SINH KST

Lê Thị Việt Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN KÝ SINH TRÙNG (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Ký sinh trùng

* Tiếng Anh: Parasites

- Mã học phần/ mô đun: MEDI3010

- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên ngành YHCT trình độ đại học, năm thứ 2

Ký sinh trùng - Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không

+ Học phần học trước (đã học): Sinh học và di truyền

+ Học phần song hành: Không

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 90 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Vi sinh - KST

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Việt Hà	0982761889	halevisinh@gmail.com
2	Ths. Lê Văn Dũng	0977258636	ledungvnn@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Thị Hương	0974038830	huongnguyen172@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Giang	0963039785	visinhkysinhydhct@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

<p>2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p>Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p>CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p>Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
<p>MT1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của ký sinh trùng chủ yếu ở Việt Nam. - Trình bày đặc điểm dịch tễ học các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam. - Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do KST gây ra. - Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh KST. - Trình bày được quy trình xét nghiệm máu, xét nghiệm phân và xét nghiệm nấm trực tiếp. - Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kể tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh KST. - Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống. 	<p>CDR 1,2,5,6,7</p>	<p>2</p>
<p>MT2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán định hướng một số bệnh KST. - Chỉ định và phân tích được các xét nghiệm chẩn đoán bệnh KST. - Lấy , bảo quản đúng nguyên tắc một số bệnh phẩm thông thường. - Làm được một số xét nghiệm thường quy chẩn đoán bệnh KST. - Tư vấn cho cá nhân và cộng đồng phòng chống bệnh KST. 	<p>CDR 1,2,5,6,7</p>	<p>2</p>
<p>MT3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức được tầm quan trọng của KST đối với sức khỏe con người. - Tham gia tích cực chương trình phòng chống bệnh KST và lồng ghép với các chương trình khác. 	<p>CDR 1,2,5,6,7</p>	<p>2</p>

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	- Tích cực học tập, nắm nội dung cơ bản của môn học.		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CĐR 15	1

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: Mô tả được đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của ký sinh trùng chủ yếu ở Việt Nam. Trình bày đặc điểm dịch tễ học các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam và lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do KST gây ra.</p> <p>MT2: Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh KST, các quy trình xét nghiệm máu, xét nghiệm phân và xét nghiệm nấm trực tiếp. Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kể tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh KST, các nguyên tắc và biện pháp phòng chống.</p>	<p>CLO1: Nhận biết được đặc điểm của từng loại ký sinh trùng</p> <p>CLO2: Giải thích mối liên quan giữa sự phân bố bệnh KST với các yếu tố dịch tễ</p> <p>CLO3: Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do KST gây ra.</p> <p>CLO4: Hiểu được các nguyên tắc điều trị và một số thuốc điều trị bệnh ký sinh trùng</p> <p>CLO5: Hiểu và tư vấn được các biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng</p>
Kỹ năng	
MT3: Chẩn đoán định hướng một số bệnh KST. Chỉ định và phân	CLO6: Nhận biết được hình thể của Ký sinh trùng

tích được các xét nghiệm chẩn đoán bệnh KST. Lấy , bảo quản đúng nguyên tắc một số bệnh phẩm thông thường. Làm được một số xét nghiệm thường quy chẩn đoán bệnh KST. Tư vấn cho cá nhân và cộng đồng phòng chống bệnh KST.	khi quan sát dưới KHVQH . Lấy và bảo quản được bệnh phẩm, cũng như làm được một số kỹ thuật xét nghiệm phát hiện Ký sinh trùng trong bệnh phẩm.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Ý thức được tầm quan trọng của KST đối với sức khỏe con người. Tham gia tích cực chương trình phòng chống bệnh KST và lồng ghép với các chương trình khác. Tích cực học tập, nắm nội dung cơ bản của môn học.	CLO7: Tự giác trong học tập và nghiên cứu

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	1	2	3	4	5	6	7
Đại cương KST	3	3			2	2	1
Giun ký sinh			3		2	2	1
Sán ký sinh			3		2	2	1
Đơn bào ký sinh			3		2	2	1
Ký sinh trùng sốt rét				3	2	2	1
Vi nấm y học				3	2	2	1
Tiết túc ý học				3	2	2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần Ký sinh trùng gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái, chu kỳ phát triển, đặc điểm dịch tễ của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm bệnh học và tác hại của ký sinh trùng và bệnh

ký sinh trùng; mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng; các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
<p>Đại cương KST</p> <p>1. Các khái niệm cơ bản về: ký sinh trùng, vật chủ và chu kỳ.</p> <p>2. Đặc điểm của KST, phân loại khái quát, cách viết danh pháp ký sinh trùng theo quy ước quốc tế.</p> <p>3. Ảnh hưởng qua lại giữa ký sinh trùng và vật chủ</p> <p>4. Đặc điểm của bệnh ký sinh trùng.</p> <p>5. Các hội chứng bệnh ký sinh trùng.</p> <p>6. Dịch tễ học ký sinh trùng ở Việt Nam và thế giới .</p> <p>7. Chẩn đoán và điều trị các bệnh KST.</p> <p>8. Phòng chống bệnh ký sinh trùng.</p>	03			03		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Giun ký sinh (Giun đũa <i>A. lumbricoides</i>, giun tóc <i>T. trichiura</i>, giun móc <i>A. duodenale/ N. americanus</i>, giun kim <i>E. vermicularis</i>, giun chỉ <i>W. Bancrofti/ B. malayi</i>)</p>	06			06		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý

<ol style="list-style-type: none"> 1. Hình thể 2. Chu kỳ 3. Dịch tễ 4. Tác hại và biến chứng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh 						tường sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Sán ký sinh Sán lá gan nhỏ (<i>C.sinensis</i>), sán lá ruột lớn (<i>F. buski</i>), sán lá phổi (<i>P. westermani</i>), sán dây lợn/bò (<i>Taenia solium/ Taenia saginata</i>)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hình thể 2. Chu kỳ 3. Dịch tễ 4. Tác hại và biến chứng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh 	06			06		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Đơn bào ký sinh (<i>E. histolytica, G. lamblia, B. coli, T. vaginalis</i>)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hình thể 2. Chu kỳ 3. Dịch tễ 4. Tác hại và biến chứng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh 	04			04		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Ký sinh trùng sốt rét (<i>P. falciparum, P.vivax, P. ovale và P. malariae</i>)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hình thể KST SR 2. Chu kỳ 3. Dịch tễ 	06			06		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý

4. Sinh bệnh học sốt rét 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh						tường sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Vi nấm y học 1. Khái niệm 2. Hình thể chung 3. Đặc điểm chung của nấm 4. Đặc điểm nuôi cấy 5. Chẩn đoán bệnh nấm 6. Điều trị 7. Phòng bệnh 8. Đặc điểm hình thể, vai trò trong y học, phòng và điều trị bệnh do nấm <i>Candida</i> , <i>Aspergillus</i>	03			03		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phân biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Tiết túc y học 1. Đặc điểm về hình thể, chu kỳ chung và phân loại tiết túc. 2. Phương thức truyền bệnh của tiết túc. 3. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống tiết túc. 4. Đặc điểm về hình thể của ghẻ <i>Sarcoptes scabiei</i> , chấy rận <i>Anoplura</i> , bọ chét <i>Aphaniptera</i> , ruồi nhà <i>Musca domestica</i> và muỗi <i>Culicidae</i> . 5. Chu kỳ và vai trò của ghẻ <i>Sarcoptes scabiei</i> , chấy rận <i>Anoplura</i> , bọ chét <i>Aphaniptera</i> , ruồi nhà <i>Musca domestica</i> và muỗi <i>Culicidae</i> . 6. Chu kỳ tiêu sinh của muỗi <i>Culicidae</i> . 7. Một số đặc điểm về hình	02			02		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phân biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

thể, sinh thái, vai trò truyền bệnh của một số giống muỗi ở Việt Nam.						
---	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình Ký sinh trùng y học – Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng – Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam (2020)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn Ký sinh trùng Đại học Y Dược- thành phố Hồ Chí Minh; Ký sinh trùng Y học (giáo trình đại học). Nhà xuất bản Y học; năm 2010.
2. Bộ môn Ký sinh trùng Đại học Y Hà Nội; Ký sinh trùng Y học; Nhà xuất bản Y học, năm 2001.
3. Bộ môn Sốt rét, Ký sinh trùng, Côn trùng Học viện Quân y; Ký sinh trùng & Côn trùng Y học nhiệt đới (giáo trình giảng dạy đại học). Nhà xuất bản quân đội nhân dân, năm 2008.
4. Bộ môn Ký sinh trùng trường Đại y khoa Thái Bình; Ký sinh trùng & Côn trùng Y học nhiệt đới (giáo trình đại học). Nhà xuất bản Y học, năm 2007.
5. Dự án quốc gia phòng chống sốt rét - Bộ Y tế (2000). Bệnh sốt rét: bệnh học lâm sàng và điều trị. Nhà xuất bản Y học, Hà nội, 2000.
6. Nguyễn Thị Lê, Nguyễn Ngọc Châu và CTV (2000). Giun sán học đại cương. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật. Hà Nội, 2000.
7. Nguyễn Ngọc Thụy, Lê Trần Anh (2004). Bệnh Nấm Y Học. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân - Hà Nội 2004.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)							Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	Nội dung	
1	Đại cương KST 1. Các khái niệm cơ bản về: ký sinh trùng, vật chủ và chu kỳ. 2. Đặc điểm của KST,	03						

	<p>phân loại khái quát, cách viết danh pháp ký sinh trùng theo quy ước quốc tế.</p> <p>3. Ảnh hưởng qua lại giữa ký sinh trùng và vật chủ</p> <p>4. Đặc điểm của bệnh ký sinh trùng.</p> <p>5. Các hội chứng bệnh ký sinh trùng.</p> <p>6. Dịch tễ học ký sinh trùng ở Việt Nam và thế giới .</p> <p>7. Chẩn đoán và điều trị các bệnh KST.</p> <p>8. Phòng chống bệnh ký sinh trùng.</p>						
	<p>Giun ký sinh (Giun đũa <i>A. lumbricoides</i>, giun tóc <i>T. trichiura</i>, giun móc <i>A. duodenale/ N. americanus</i>, giun kim <i>E. vermicularis</i>, giun chỉ <i>W. Bancrofti/ B. malayi</i>)</p> <p>1. Hình thể</p> <p>2. Chu kỳ</p> <p>3. Dịch tễ</p> <p>4. Tác hại và biến chứng</p> <p>5. Chẩn đoán</p> <p>6. Điều trị</p> <p>7. Phòng bệnh</p>	06					
2	Sán ký sinh	06					

	<p>Sán lá gan nhỏ (<i>C.sinensis</i>), sán lá ruột lớn (<i>F. buski</i>), sán lá phổi (<i>P. westermani</i>), sán dây lợn/bò (<i>Taenia solium/ Taenia saginata</i>)</p> <ol style="list-style-type: none"> Hình thể Chu kỳ Dịch tễ Tác hại và biến chứng Chẩn đoán Điều trị Phòng bệnh 						
	<p>Đơn bào ký sinh (<i>E. histolytica</i>, <i>G. lamblia</i>, <i>B. coli</i>, <i>T. vaginalis</i>)</p> <ol style="list-style-type: none"> Hình thể Chu kỳ Dịch tễ Tác hại và biến chứng Chẩn đoán Điều trị Phòng bệnh 	04					
3	<p>Ký sinh trùng sốt rét (<i>P. falciparum</i>, <i>P.vivax</i>, <i>P. ovale</i> và <i>P. malariae</i>)</p> <ol style="list-style-type: none"> Hình thể KST SR Chu kỳ Dịch tễ Sinh bệnh học sốt rét Chẩn đoán 	06					

6. Điều trị 7. Phòng bệnh							
Vi nấm y học 1. Khái niệm 2. Hình thể chung 3. Đặc điểm chung của nấm 4. Đặc điểm nuôi cấy 5. Chẩn đoán bệnh nấm 6. Điều trị 7. Phòng bệnh 8. Đặc điểm hình thể, vai trò trong y học, phòng và điều trị bệnh do nấm <i>Candida</i> , <i>Aspergillus</i>	03						

4	<p>Tiết túc ý học</p> <p>1. Đặc điểm về hình thể, chu kỳ chung và phân loại tiết túc.</p> <p>2. Phương thức truyền bệnh của tiết túc.</p> <p>3. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống tiết túc.</p> <p>4. Đặc điểm về hình thể của ghẻ <i>Sarcoptes scabiei</i>, chấy rận <i>Anoplura</i>, bọ chét <i>Aphaniptera</i>, ruồi nhà <i>Musca domestica</i> và muỗi <i>Culicidae</i>.</p> <p>5. Chu kỳ và vai trò của ghẻ <i>Sarcoptes scabiei</i>, chấy rận <i>Anoplura</i>, bọ chét <i>Aphaniptera</i>, ruồi nhà <i>Musca domestica</i> và muỗi <i>Culicidae</i>.</p> <p>6. Chu kỳ tiêu sinh của muỗi <i>Culicidae</i>.</p> <p>7. Một số đặc điểm về hình thể, sinh thái, vai trò truyền bệnh của một số giống muỗi ở Việt Nam.</p>	02						
---	---	----	--	--	--	--	--	--

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO6].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 15
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO6 đến CLO7
 - ✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
 - ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
 - ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
 - ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
 - ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
 - Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
 - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.
 - ✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	33,3%		CLO 5 đến CLO 6
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CLO 1 đến CLO 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm kiểm tra kết thúc thực hành thực hành là điểm kiểm tra thi thực hành tại phòng thực hành.
- Điểm kết thúc học phần = Điểm kiểm tra phần thực hành * 30% + Điểm thi phần lý thuyết * 60% + Điểm đánh giá thường xuyên * 10%

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KÝ SINH TRÙNG (THỰC HÀNH)

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày tháng năm 20....
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Ký sinh trùng

* Tiếng Anh: Parasites

- Mã học phần/ mô đun: MEDI3010

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên ngành YHCT trình độ đại học, năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh học và di truyền, Sinh lý, Giải phẫu, Mô phôi

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Vi sinh - KST

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Việt Hà	0982761889	halevisinh@gmail.com
2	ThS. Lê Văn Dũng	0977258636	ledungvnn@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Hương	0974038830	huongnguyen172@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Giang	0963039785	visinhkysinhydhct@gmail.com
5	ThS. Đỗ Lan Phương	0912393168	phuongvisinh@gmail.com
6	ThS. Trần Thị Thương	0977891601	tranthithuong21031984@gmail.com

7	CN. Trần Thị Na	0983261078	na.vskst@gmail.com
---	-----------------	------------	--------------------

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Mô tả được hình thể một số loài giun, sán thường gặp ở nước ta	[CĐR1]	2
	Kỹ năng		
MT2	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng thao tác sử dụng kính hiển vi tìm các loại giun sán thường gặp - Nhận dạng và phân biệt được các loại giun, sán trưởng thành - Nhận biết được hình thể các loại trứng giun sán và ấu trùng giun chỉ dưới kính hiển vi - Phân biệt được hình thể trứng giun sán với những thể hữu hình thường gặp 	[CĐR1] [CĐR6]	2
MT3	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng vai trò của thực hành hỗ trợ lý thuyết - Nghiêm túc thực hiện các kỹ thuật theo hướng dẫn của giảng viên và kỹ thuật viên. 	[CĐR15]	2
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR15]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại

theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Mô tả được hình thể một số loài giun, sán thường gặp ở nước ta	CLO1: Nhận biết được đặc điểm của từng loại ký sinh trùng để chẩn đoán bệnh KST
Thực hiện đúng thao tác sử dụng kính hiển vi tìm các loại giun sán thường gặp. Nhận dạng và phân biệt được các loại giun, sán trưởng thành, hình thể các loại trứng giun sán và ấu trùng giun chỉ dưới kính hiển vi. Phân biệt được hình thể trứng giun sán với những thể hữu hình thường gặp	CLO2: Nhận đúng hình thể của ký sinh trùng khi quan sát dưới KHVQH.
Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức Ký sinh trùng, và vị trí của môn học trong hệ thống kiến thức Y học. Làm được việc độc lập và làm việc theo nhóm	CLO3: Tự giác trong học tập và nghiên cứu

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra môn học/module (CLO)		
	1	2	3
Hướng dẫn nội quy	3	3	1
Bài 1: Hình thể các loài giun, sán thường gặp			
Bài 2: Hình thể đơn bào	3	3	1
Bài 3: Xét nghiệm phân	3	3	1
Bài 4: Xét nghiệm máu	3	3	1
Bài 5: Hình thể ký sinh trùng sốt rét	3	3	1
Bài 6: Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tiếp)	3	3	1

Bài 7: Xét nghiệm nầm	3	3	1
Bài 8: Hình thể nầm	3	3	1

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phân thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Thực hành ký sinh trùng là học phần thuộc môn học Ký sinh trùng y học và là môn y học cơ sở, đòi hỏi người học muốn hiểu về hình thể ký sinh trùng và làm một số kỹ thuật xét nghiệm trong ký sinh trùng vận dụng vào thực tế, thực hiện 11 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào thực tế.

Nội dung chính yếu: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong xác định hình thể ký sinh trùng và làm một số kỹ thuật xét nghiệm trong ký sinh trùng

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Hướng dẫn nội quy Bài 1: Hình thể các loài giun, sán thường gặp - Các loại giun: giun đũa, giun tóc, giun móc/ mỏ, giun kim, giun chỉ - Sán lá: sán lá gan nhỏ, sán lá phổi, sán lá ruột lớn - Sán dây lợn/ bò	04	04	Làm việc nhóm
Bài 2: Hình thể đơn bào - <i>E. histolytica</i> - <i>G. lamblia</i> , - <i>B. coli</i> , - <i>T. vaginalis</i>	04	04	Làm việc nhóm
Bài 3: Xét nghiệm phân - Kỹ thuật xét nghiệm phân bằng nước muối sinh lý 0.9% và Lugol - Kỹ thuật Willis	04	04	Làm việc nhóm
Bài 4: Xét nghiệm máu - Kỹ thuật lấy máu tìm KST Sốt rét và	04	04	Làm việc nhóm

giun chỉ - Tiêu bản máu đàn - Tiêu bản giọt đặc			
Bài 5: Hình thể ký sinh trùng sốt rét - Thể tư dưỡng <i>Plasmodium falciparum</i> - Thể phân liệt <i>Plasmodium falciparum</i> - Thể giao bào <i>Plasmodium falciparum</i>	04	04	Làm việc nhóm
Bài 6: Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tiếp) - Thể tư dưỡng <i>Plasmodium vivax</i> - Thể phân liệt <i>Plasmodium vivax</i> - Thể giao bào <i>Plasmodium vivax</i>	04	04	Làm việc nhóm
Bài 7: Xét nghiệm nấm Kỹ thuật xét nghiệm nấm trực tiếp	04	04	Làm việc nhóm
Bài 8: Hình thể nấm - Hình thể nấm men - Hình thể nấm sợi	02	02	Làm việc nhóm

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tài liệu thực tập Ký sinh trùng – Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng – Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam (2020)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- [1] Nguyễn Văn Đê, Ký sinh trùng trong thực hành lâm sàng, Nhà xuất bản Y học, 2013
 [2] Bộ môn sốt rét - ký sinh trùng và côn trùng, Học viện Quân y, Thực hành ký sinh trùng và côn trùng y học, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
 [3] Trường Đại học Dược Hà Nội, Thực tập vi sinh ký sinh, Nhà xuất bản Hà Nội, 2005

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ) (giờ)
		Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	

1	<p>Bài 1: Hình thể các loài giun, sán thường gặp</p> <p>1. Các loại giun: giun đũa, giun tóc, giun móc/ mỏ, giun kim</p> <p>2. Sán lá: sán lá gan nhỏ, sán lá phổi, sán lá ruột lớn</p> <p>Sán dây lợn/ bò</p>	04					04
	<p>Bài 2: Hình thể đơn bào</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>E. histolytica</i> - <i>G. lamblia</i>, - <i>B. coli</i>, - <i>T. vaginalis</i> 	04					04
2	<p>Bài 3: Xét nghiệm phân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật xét nghiệm phân bằng nước muối sinh lý 0.9% và Lugol - Kỹ thuật Willis 	04					04
	<p>Bài 4: Xét nghiệm máu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật lấy máu tìm KST Sốt rét và giun chỉ - Tiêu bản máu đàn - Tiêu bản giọt đặc 	04					04
3	<p>Bài 5: Hình thể ký sinh trùng sốt rét</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẻ tư dưỡng <i>Plasmodium falciparum</i> - Thẻ phân liệt <i>Plasmodium falciparum</i> 	04					04

	- Thẻ giao bào <i>Plasmodium falciparum</i>						
	Bài 6: Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tiếp) - Thẻ tư dưỡng <i>Plasmodium vivax</i> - Thẻ phân liệt <i>Plasmodium vivax</i> - Thẻ giao bào <i>Plasmodium vivax</i>	04					04
4	Bài 7: Xét nghiệm nấm Kỹ thuật xét nghiệm nấm trực tiếp	04					04
	Bài 8: Hình thể nấm - Hình thể nấm men - Hình thể nấm sợi	02					02

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO3

Thuyết trình; thảo luận nhóm, tình huống

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CLO1 – CLO3

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO3

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO3

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên kế hoạch bài giảng
- Có projector, phấn, bảng, kính hiển vi kết nối, kính hiển vi quang học
- Có máy tính và projector

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tham gia 100% các buổi thực hành.
- Thực hiện đúng nội quy học tập của môn học
- Đọc bài trước khi đến lớp

- Tác phong, thái độ học tập nghiêm túc
- Trang phục đúng quy định: áo blue
- Vẽ hình chú thích sau mỗi buổi học

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh học phần thực hành được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng: Là điểm bài thi thực hành sau khi sinh viên đã tham gia 100% các buổi thực hành trên lớp Bài thi thực hành gồm 2 thành tố: Lý thuyết thực hành (40%) + Kỹ thuật thực hành (60%)			
1.1	Thực hành chạy trạm	60%	Nhận đúng hình thể vi sinh vật, tự thực hiện sử dụng tiêu bản	CLO 1 CLO 2
1.2	Vấn đáp	40%	Trình bày được các nội dung đã học	CLO 1 CLO 2 CLO 3

12.3. Cách tính điểm thực hành:

Điểm TH = Thi TH

Điểm thực hành đạt: từ 4.0 điểm trở lên

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
GIẢI PHẪU BỆNH (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Giải phẫu bệnh

* Tiếng Anh: Histopathology

- Mã học phần/ mô đun: MH245

- Số tín chỉ: (1.0 LT, 1.0 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Mô phôi

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Giải phẫu bệnh Pháp y

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Chu Văn Đức	0945925078	Chuduc78@yahoo.com.vn
2	ThS Bùi Thị Quỳnh	0962535484	Bsquynh89@ms.vutm.edu.vn
3	ThS Nguyễn Thị Như Quỳnh	0374542394	nguyenquynh@ms.vutm.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Hiểu biết về nguyên nhân, yếu tố nguy cơ và mô tả được đặc điểm mô bệnh học của một số tổn thương bệnh lý thường gặp	[CĐR1] [CĐR 2]	2
MT2	Hiểu biết vai trò của xét nghiệm giải phẫu bệnh trong chẩn đoán u, ung thư	[CĐR1]	2
Kỹ năng			
MT3	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, liên hệ - Thu thập và xử lý thông tin. 	[CĐR10]	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện sự tự tin và tinh thần tự học, tự hệ thống kiến thức và hợp tác, tuân thủ nội quy trong học tập.	[CĐR15] [CĐR16]	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu biết nguyên nhân, yếu tố nguy cơ và mô tả được đặc điểm mô bệnh học của một số tổn thương bệnh lý thường gặp MT2: Hiểu biết vai trò của xét nghiệm giải phẫu bệnh trong chẩn đoán u, ung thư	CLO1: Trình bày được nguyên nhân, yếu tố nguy cơ và mô tả được đặc điểm mô bệnh học của một số tổn thương bệnh lý thường gặp CLO 2: Vận dụng kiến thức đã học liên hệ hình thái tổn thương với biểu hiện sinh lý, bệnh lý của cơ thể CLO3: Nêu được vai trò của xét nghiệm giải phẫu bệnh trong chẩn đoán u, ung thư
Kỹ năng	
MT3: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, liên hệ; thu thập và xử lý thông tin.	CLO 4: Vận dụng các hiểu biết về hình thái tổn thương, thể hiện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, liên hệ triệu chứng trên lâm sàng
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện sự tự tin và tinh thần tự học, tự hệ thống và hợp tác trong học tập.	CLO 5: Có trách nhiệm tự định hướng, bảo vệ quan điểm cá nhân và có tinh thần làm việc độc lập và hợp tác làm việc nhóm trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Bài 1. Tổn thương cơ bản tế bào và mô	2	2		2	1
Bài 2. Rối loạn tuần hoàn	2	2		2	1
Bài 3. Đại cương viêm	2	2		2	1
Bài 4. U, Ung thư	2	1	2	2	1
Bài 5. Ung thư phổi	2	1	1	1	1
Bài 6. Bệnh Hodgkin	2	1	1	1	1
Bài 7. Viêm loét dạ dày, ung thư dạ dày	2	1	2	1	1
Bài 8. Bệnh tuyến giáp	2	1	1	1	1
Bài 9. Bệnh sinh dục	2	1	1	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

- Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học, tổn thương, mối quan hệ giữa hình thái và chức năng, giữa con người và môi trường sống trong những biểu hiện

lâm sàng của bệnh. Vận dụng kiến thức đã học để hiểu vai trò giải phẫu bệnh trong chẩn đoán một số bệnh lý u, ung thư và là kiến thức tiền đề cho các môn bệnh lý và ung thư.

- Giải phẫu bệnh là học phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo ngành y học cổ truyền

- Nội dung chính yếu: + Giải phẫu bệnh đại cương: Tổn thương cơ bản tế bào, mô, rối loạn tuần hoàn, viêm, u và ung thư.

+ Giải phẫu bệnh cơ quan: Ung thư phổi, viêm loét dạ dày, ung thư dạ dày, bệnh Hodgkin, bệnh tuyến giáp, bệnh sinh dục.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Bài 1. Tổn thương cơ bản tế bào và mô 1. Nguyên nhân, cơ chế 2. Nở to 3. Teo đét 4. Thoái hóa 5. Hoại tử 6. Chết tế bào 7. Quá sản 8. Dị sản 9. Loạn sản	2			2		Đọc trước tài liệu, tự tóm tắt nội dung, đặt câu hỏi, trình bày quan điểm; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 2. Rối loạn tuần hoàn 1. Phù 2. Sung huyết 3. Xuất huyết 4. Huyết khối 5. Huyết tắc 6. Nhồi máu 7. Sốc	2			2		Đọc trước tài liệu, tự tóm tắt nội dung, đặt câu hỏi, trình bày quan điểm; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 3. Đại cương viêm 1. Định nghĩa 2. Ý nghĩa	1			1		Đọc trước tài liệu, tự tóm tắt nội dung, đặt câu hỏi,

3. Các giai đoạn của viêm						trình bày quan điểm; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 4. U, Ung thư 1. Định nghĩa u, ung thư 2. Nguồn gốc u 3. Đặc điểm u, ung thư 4. Cấu tạo u, ung thư 5. Tiến triển u, ung thư 6. Chẩn đoán, phát hiện sớm u, ung thư	2			2		Đọc trước tài liệu, tự tóm tắt nội dung, đặt câu hỏi, trình bày quan điểm; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 5. Ung thư phổi 1. Đại cương 2. Giải phẫu bệnh 3. Di căn	1			1		Đọc trước tài liệu, tự tóm tắt nội dung, đặt câu hỏi, trình bày quan điểm; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 6. Bệnh Hodgkin 1. Đại cương 2. Giải phẫu bệnh 2.1.Đại thể 2.2. Vi thể 3. Các giai đoạn lâm sàng	1			1		Đọc trước tài liệu, tự tóm tắt nội dung, đặt câu hỏi, trình bày quan điểm; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 7. Viêm loét dạ dày, ung thư dạ dày I. Đại cương II. Hình thái giải phẫu bệnh	2			2		Đọc trước tài liệu, tự tóm tắt nội dung, đặt câu hỏi, trình bày quan điểm; chấp hành nội quy học tập của lớp

<p>Bài 8. Bệnh tuyến giáp</p> <p>I. Đại cương</p> <p>II. Bướu keo giáp trạng</p> <p>III. Bướu giáp với tình trạng tăng năng</p> <p>IV. Bướu giáp với tình trạng giảm năng</p> <p>V. Viêm tuyến giáp</p> <p>VI. U tuyến giáp</p> <p>VII. Ung thư tuyến giáp</p>	2			2		<p>Đọc trước tài liệu, tự tóm tắt nội dung, đặt câu hỏi, trình bày quan điểm; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>
<p>Bài 9. Bệnh sinh dục</p> <p>I. Ung thư vú</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2,3. Phân loại mô học; Phân độ mô học</p> <p>4. Giải phẫu bệnh</p> <p>5. Bệnh Paget núm vú</p> <p>6. Ung thư vú nam giới</p> <p>7. Chẩn đoán tế bào học trong ung thư vú</p> <p>II. Ung thư cổ tử cung</p> <p>1, 2. Định nghĩa; Dịch tế học</p> <p>3. Phân loại</p> <p>4. Giải phẫu bệnh</p> <p>5. Tiến triển</p> <p>III. Bệnh nguyên bào nuôi</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Hình thái giải phẫu bệnh</p> <p>3. Tiến triển</p>	2			2		<p>Đọc trước tài liệu, tự tóm tắt nội dung, đặt câu hỏi, trình bày quan điểm; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Giải phẫu bệnh (2021), Giáo trình Giải phẫu bệnh, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Đại học Y Hà Nội (2016), Giải phẫu bệnh học, Nhà xuất bản Hà Nội

[2] Lê Đình Roanh (2001), Bệnh học các khối u, Nhà xuất bản Y học.

[3] Bộ Y tế (2009), Ung thư học đại cương, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

[4]. Nguyễn Việt Cồ, Đông Khắc Hưng (2011), , Ung thư phổi, Nhà xuất bản y học

[5]. Hà Hoàng Kiệm, Phạm Xuân Phong (2008), Atlas mô bệnh học các bệnh cầu thận và bệnh ống kẽ thận, Nhà xuất bản Y học

[6]. Đào Văn Long (2015), , Ung thư biểu mô tế bào gan, Nhà xuất bản y học

[7]. Phạm Duy Hiền (2007), Ung thư dạ dày, Nhà xuất bản y học

[8]. Đinh Văn Tùng (2007), Lâm sàng phụ khoa và Giải phẫu bệnh, Nhà xuất bản Y học

[9]. Châu Khắc Tú, Nguyễn Vũ Quốc Huy (2011), Ung thư cổ tử cung từ dự phòng đến can thiệp sớm, Nhà xuất bản Đại học Huế.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Bài 1. Tổn thương cơ bản tế bào và mô. 1. Nguyên nhân, cơ chế 2. Nở to 3. Teo đét 4. Thoái hóa 5. Hoại tử 6. Chết tế bào 7. Quá sản 8. Dị sản	2					4

	9. Loạn sản						
2	Bài 2. Rối loạn tuần hoàn 1. Phù 2. Sung huyết 3. Xuất huyết 4. Huyết khối 5. Huyết tắc 6. Nhồi máu 7. Sốc	2					4
3	Bài 3. Đại cương viêm 1. Định nghĩa 2. Ý nghĩa 3. Các giai đoạn của viêm	1					2
4	Bài 4. U, Ung thư 1. Định nghĩa u, ung thư 2. Nguồn gốc u 3. Đặc điểm u, ung thư 4. Cấu tạo u, ung thư 5. Tiến triển u, ung thư 6. Chẩn đoán, phát hiện sớm u, ung thư	2					4
5	Bài 5. Ung thư phổi 1. Đại cương 2. Giải phẫu bệnh 3. Di căn	1					2
6	Bài 6. Bệnh Hodgkin 1. Đại cương 2. Giải phẫu bệnh 2.1. Đại thể 2.2. Vi thể 3. Các giai đoạn lâm sàng	1					2
7	Bài 7. Viêm loét dạ dày, ung thư dạ	2					4

	dày I. Đại cương II. Hình thái giải phẫu bệnh						
	Bài 8. Bệnh tuyến giáp I. Đại cương II. Bướu keo giáp trạng III. Bướu giáp với tình trạng tăng năng IV. Bướu giáp với tình trạng giảm năng V. Viêm tuyến giáp VI. U tuyến giáp VII. Ung thư tuyến giáp	2					4
8	Bài 9. Bệnh sinh dục I. Ung thư vú 1. Đại cương 2,3. Phân loại mô học; Phân độ mô học 4. Giải phẫu bệnh 5. Bệnh Paget núm vú 6. Ung thư vú nam giới 7. Chẩn đoán tế bào học trong ung thư vú II. Ung thư cổ tử cung 1, 2. Định nghĩa; Dịch tế học 3. Phân loại 4. Giải phẫu bệnh 5. Tiến triển III. Bệnh nguyên bào nuôi 1. Đại cương 2. Hình thái giải phẫu bệnh 3. Tiến triển	2					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, trình bày, tư duy liên hệ để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO5

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học thực hành phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần. Trong quá trình học tập, sinh

viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	33,3%		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi thực hành X 1.0 + Điểm thi lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
GIẢI PHẪU BỆNH (THỰC HÀNH)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Thực hành Giải phẫu bệnh

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun: MH245

- Số tín chỉ: 1.0 TH

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Giải phẫu bệnh Pháp y

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Chu Văn Đức	0945925078	Chuduc78@yahoo.com.vn
2	ThS Bùi Thị Quỳnh	0962535484	Bsquynh89@ms.vuttm.edu.vn
3	ThS Nguyễn Thị Như Quỳnh	0374542394	nguyenquynh@ms.vuttm.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Vận dụng kiến thức về đặc điểm vi thể	[CĐR1]	2

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	của một số tổn thương bệnh lý thường gặp để chẩn đoán bệnh		
Kỹ năng			
MT2	Có kỹ năng soi kính hiển vi để chẩn đoán vi thể các tiêu bản mẫu	[CĐR6]	3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	Rèn luyện tính trách nhiệm tự định hướng chẩn đoán và bảo vệ quan điểm chẩn đoán	[CĐR16]	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức về đặc điểm vi thể của một số tổn thương bệnh lý thường gặp để chẩn đoán bệnh	CLO1: Trình bày được các tiêu chuẩn vi thể của một số tổn thương bệnh lý thường gặp để chẩn đoán bệnh
MT2: Có kỹ năng soi kính hiển vi để chẩn đoán vi thể các tiêu bản mẫu	CLO 2: Chẩn đoán được các tiêu bản mẫu bệnh lý thường gặp trên kính hiển vi quang học
MT3: Rèn luyện tính trách nhiệm tự định hướng chẩn đoán và bảo vệ quan điểm chẩn đoán	CLO3: Có trách nhiệm tự định hướng chẩn đoán và bảo vệ quan điểm chẩn đoán

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun		
	CĐR1	CĐR2	CĐR3

Viêm ruột thừa cấp, Viêm lao, Viêm loét dạ dày	2	2	2
Polyp tăng sản tuyến đại tràng, Tăng sản tiền liệt tuyến, U nhú biểu mô vảy	2	2	2
Ung thư biểu mô phế quản tít: tuyến, vảy, tế bào nhỏ	2	2	1
Ung thư biểu mô tuyến dạ dày, Ung thư biểu mô tuyến đại tràng, Ung thư biểu mô tế bào gan	2	2	1
Ung thư biểu mô tuyến vú, Ung thư cổ tử cung, Chứa trứng xâm nhập	2	2	1
Bướu keo, Basedow, Ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú	2	2	1
Ung thư biểu mô di căn hạch, Hodgkin thể hỗn hợp tế bào	2	2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần Thực hành Giải phẫu bệnh là bộ phận của học phần Giải phẫu bệnh giúp người học có kiến thức về hình thái tổn thương của bệnh lý thường gặp ứng dụng trong chẩn đoán bệnh trên lâm sàng.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong chẩn đoán các bệnh thường gặp và hiểu biết vai trò của giải phẫu bệnh trong lâm sàng

Nội dung chính yếu: Sử dụng kỹ năng soi kính hiển vi chẩn đoán các tiêu bản tổn thương cơ bản và tổn thương bệnh lý các cơ quan.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài 1: Viêm ruột thừa cấp, Viêm lao, Viêm loét dạ dày	4	4	- Học các tiêu chuẩn vi thể trong tài liệu
Bài 2: Polyp tăng sản tuyến đại tràng, Tăng sản tiền liệt tuyến, U nhú biểu	4	4	- Soi tiêu bản theo hướng dẫn

mô vảy			- Chỉ và mô tả các tiêu chuẩn vi thể trên tiêu bản mẫu - Kết luận chẩn đoán tên tiêu bản mẫu
Bài 3: Ung thư biểu mô phế quản tít: tuyến, vảy, tế bào nhỏ	4	4	
Bài 4: Ung thư biểu mô tuyến dạ dày, Ung thư biểu mô tuyến đại tràng, Ung thư biểu mô tế bào gan	4	4	
Bài 5: Ung thư biểu mô tuyến vú, Ung thư cổ tử cung, Chứa trứng xâm nhập	4	4	
Bài 6: Bướu keo, Basedow, Ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú	4	4	
Bài 7: Ung thư biểu mô di căn hạch, Hodgkin thể hỗn hợp tế bào	2	2	
Bài 8: Ôn tập	4	4	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Giải phẫu bệnh (2021), *Thực hành Giải phẫu bệnh*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Nguyễn Sào Trung (2015), *Atlas thực tập giải phẫu bệnh*, Internet

[2]. Đặng Tiến Hoạt (2003), *Thực tập Giải phẫu bệnh*, Đại học Y Thái Nguyên

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ Lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Bài 1: Viêm ruột thừa cấp, Viêm lao, Viêm loét dạ dày	4					4

2	Bài 2: Polyp tăng sản tuyến đại tràng, Tăng sản tiền liệt tuyến, U nhú biểu mô vảy	4					4
3	Bài 3: Ung thư biểu mô phế quản tít: tuyến, vảy, tế bào nhỏ	4					4
4	Bài 4: Ung thư biểu mô tuyến dạ dày, Ung thư biểu mô tuyến đại tràng, Ung thư biểu mô tế bào gan	4					4
5	Bài 5: Ung thư biểu mô tuyến vú, Ung thư cổ tử cung, Chừa trứng xâm nhập	4					4
6	Bài 6: Bướu keo, Basedow, Ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú	4					4
7	Bài 7: Ung thư biểu mô di căn hạch, Hodgkin thể hỗn hợp tế bào	2					2
8	Bài 8: Ôn tập	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO3

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

Thuyết trình, động não để sinh viên đạt CLO1

Thực hành theo hướng dẫn để sinh viên đạt CLO 1 đến CLO3

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp tài liệu. Slide bài giảng thực tập để sinh viên học các tiêu chuẩn vi thể
- Yêu cầu phòng thực hành:

+ 01 Ti vi, máy tính

+ Có đủ kính hiển vi cho 25-30 sinh viên

+ 01 Kính hiển vi kết nối truyền hình

+ 01 Kính hiển vi 5 đầu soi

+ Diện tích rộng chứa 30 sinh viên

+ Điện chiếu sáng và điện cắm kính hiển vi đảm bảo an toàn

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng buổi thực hành, đến muộn quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, nhớ các tiêu chuẩn chẩn đoán để thực hành các kỹ năng và nội dung theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 100%. Trường hợp nghỉ học có giấy tờ minh chứng đủ, hợp lý phải học bù buổi học đã nghỉ trước khi tham dự thi.

- Sinh viên phải hoàn thành các bài thực hành trên lớp hoặc về nhà theo yêu cầu của giảng viên.

- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	Tham dự 100% buổi học thực hành	CLO 3
2	Điểm thi kết thúc thực hành (hệ 10 điểm)			
	Soi kính hiển vi chẩn đoán 2 trong tổng số các tiêu bản mẫu đã học	100%	≥ 4	CLO 1 CLO 2 CLO 3

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm thi thực hành là điểm thi kết thúc học phần thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi thực hành X 1.0 + Điểm thi phần lý thuyết X 2.0)/3.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN LÝ THUYẾT SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH

Đối tượng đào tạo: Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: *Sinh lý bệnh - Miễn dịch*
- * Tiếng Anh: Pathophysiology and Immunology
- Mã học phần/ mô đun: MH20
- Số tín chỉ: 2.5LT (38 tiết)
- Đối tượng học: năm thứ 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: *Sinh lý, Hóa sinh*

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 114 tiết

- + Lý thuyết: 38 tiết
- + Thực hành: 0 tiết
- + Bài tập: 0 tiết
- + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
- + Kiểm tra: 0 tiết
- + Thời gian tự học: 76 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Sinh lý bệnh-miễn dịch

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. Vương Thị Mai Linh	0912016669	vm linh1012@gmail.com
2	Ths. Vũ Thị Thơm	0915642865	drthomvu@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Anh Thu	0934533988	nguyenanhthu3003@gmail.com
4	Ths. Vũ Phương Thảo	0915679668	phuongthao2487@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

<p style="text-align: center;">2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i></p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i></p>
1	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái quát hệ thống miễn dịch trong cơ thể: miễn dịch tự nhiên (MD không đặc hiệu) và miễn dịch thu được (MD đặc hiệu); các yếu tố tham gia hệ thống miễn dịch và đáp ứng của yếu tố này. - Trình bày được những rối loạn hoạt động chủ yếu của hệ thống miễn dịch trong cơ thể: bệnh tự miễn, quá mẫn, thiếu hụt miễn dịch. - Nêu được khái niệm cơ chế bệnh sinh bệnh lý trong miễn dịch; cơ chế bệnh sinh của các bệnh lý, vận dụng vào việc học tập các môn học khác và chăm sóc, theo dõi người bệnh. - Trình bày được những khái niệm cơ bản về quá trình bệnh lý, bệnh nguyên, bệnh sinh và các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh. - Trình bày được những rối loạn cơ bản của sinh lý bệnh: rối loạn chuyển hoá nước điện giải, rối loạn chuyển hoá acid bazo, sinh lý bệnh quá trình viêm, rối loạn thân nhiệt – sốt. - Trình bày được bệnh nguyên, cơ chế bệnh sinh, các biểu hiện rối loạn ở hệ cơ quan hô hấp, tuần hoàn, tiêu hoá, 	<p>CDR1 CDR3</p>	<p>3 2</p>

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	thận tiết niệu, gan mật, hô hấp...		
2	Kỹ năng : - Áp dụng để giải thích một số hiện tượng , triệu chứng lâm sàng - Có kỹ năng làm việc nhóm trong học tập	CDR9,10,11	2.0
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : - Nhận thức được tầm quan trọng của môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch. - Sẵn sàng thực hiện các kỹ năng đã học trong Sinh lý bệnh - Miễn dịch để áp dụng vào giải thích các triệu chứng lâm sàng.	CDR15	2.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày khái quát hệ thống miễn dịch của cơ thể: miễn dịch tự nhiên (MD không đặc hiệu) và miễn	CLO1 : Trình bày khái quát hệ thống miễn dịch của cơ thể.

dịch thu được (MD đặc hiệu); các yếu tố tham gia hệ thống miễn dịch và đáp ứng của các yếu tố này.	
MT2: Trình bày các yếu tố tham gia vào hệ thống miễn dịch và đáp ứng của các yếu tố này trong hoạt động miễn dịch của cơ thể	CLO2: Trình bày các yếu tố tham gia vào hệ thống miễn dịch và đáp ứng của các yếu tố này trong hoạt động miễn dịch của cơ thể
MT3: Trình bày được những rối loạn hoạt động chủ yếu của hệ thống miễn dịch trong cơ thể: bệnh tự miễn, quá mẫn, thiếu hụt miễn dịch.	CLO3: Trình bày được những rối loạn hoạt động chủ yếu của hệ thống miễn dịch trong cơ thể.
MT4: vận dụng kiến thức vào việc học tập các môn học khác và chăm sóc, theo dõi người bệnh.	CLO 4: vận dụng kiến thức vào việc học tập các môn học khác và chăm sóc, theo dõi người bệnh.
MT5: Trình bày được những khái niệm cơ bản về quá trình bệnh lý, bệnh nguyên, bệnh sinh và các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh.	CLO5 : Trình bày được những khái niệm cơ bản về quá trình bệnh lý.
MT6: Trình bày được những rối loạn cơ bản của sinh lý bệnh: rối loạn chuyển hoá nước điện giải, rối loạn chuyển hoá acid bazo, sinh lý bệnh quá trình viêm, rối loạn thân nhiệt – sốt.	CLO6: Trình bày được những rối loạn cơ bản của sinh lý bệnh.
MT7: Trình bày được bệnh nguyên, cơ chế bệnh sinh, các biểu hiện rối loạn ở hệ cơ quan hô hấp, tuần hoàn, tiêu hoá, thận tiết niệu, gan mật, hô hấp...	CLO7: Trình bày được bệnh nguyên, cơ chế bệnh sinh, các biểu hiện rối loạn ở hệ cơ quan
Kỹ năng	
MT1: Áp dụng để giải thích một số hiện tượng , triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng	CLO8: Ứng dụng kiến thức đã học trong chẩn đoán và điều trị
MT2: Có kỹ năng làm việc nhóm	CLO9: Kỹ năng làm việc nhóm

trong học tập	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT1: Nhận thức được tầm quan trọng của môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	CLO10: Nhận thức được tầm quan trọng của môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch
MT2: Sẵn sàng thực hiện các kỹ năng đã học trong Sinh lý bệnh - Miễn dịch để áp dụng vào giải thích các triệu chứng lâm sàng	CLO11: thực hiện các kỹ năng đã học để áp dụng vào giải thích các triệu chứng lâm sàng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun										
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11
Đại cương hệ thống miễn dịch	3	1	1	2		2	2	2	2	2	2
Kháng nguyên	1	3	2	2		2	2	2	2	2	2
Lympho T, MD tế bào	1	3	2	2		2	2	2	2	2	2
Bộ thể	1	3	2	2		2	2	2	2	2	2
Lympho B, MD dịch thể Kháng thể	1	3	2	2		2	2	2	2	2	2
Quá mẫn	1	1	3	2		2	2	2	2	2	2
Thiếu năng miễn dịch	1	1	3	2		2	2	2	2	2	2
Tự miễn	1	1	3	2		2	2	2	2	2	2
Đại cương sinh lý bệnh				2	3	2	2	2	2	2	2
Rối loạn chuyển hóa nước – điện giải				2		3	2	2	2	2	2
Rối loạn chuyển hóa Acid – Base				2		3	2	2	2	2	2

Rối loạn chuyển hóa Glucid				2		3	2	2	2	2	2
Sinh lý bệnh Sốt – điều hòa thân nhiệt				2		3	2	2	2	2	2
Vi tuần hoàn				2		3	2	2	2	2	2
Viêm						3	2	2	2	2	2
Sinh lý bệnh tạo Máu							3	2	2	2	2
Sinh lý bệnh Thận							3	2	2	2	2
Sinh lý bệnh Hô hấp							3	2	2	2	2
Sinh lý bệnh Gan							3	2	2	2	2
Sinh lý bệnh Tiêu hóa							3	2	2	2	2
Sinh lý bệnh Tiêu hóa							3	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Sinh lý bệnh miễn dịch là môn học nghiên cứu về những thay đổi chức năng hoạt động của các tế bào, mô, cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình để tìm ra các quy luật hoạt động của bệnh nói chung nhằm rút ra những quy luật từ riêng rẽ, cụ thể đến chung nhất của bệnh học để áp dụng vào thực tiễn chăm sóc sức khỏe con người. Nghiên cứu toàn bộ cấu trúc chức năng và quy luật hoạt động của hệ miễn dịch và các quá trình bệnh lý của hệ thống miễn dịch nhằm góp phần quan trọng trong dự phòng, chẩn đoán, điều trị sớm các quá trình bệnh lý nhằm đem lại sức khỏe cho con người.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Nội dung chính yếu: Người học biết vận dụng những kiến thức Sinh lý bệnh Miễn dịch để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT				
ĐẠI CƯƠNG HỆ THỐNG MIỄN DỊCH 1. Trình bày được thế nào là đáp ứng miễn dịch không đặc hiệu; đáp ứng miễn dịch đặc hiệu. 2. Trình bày được các thành phần của hệ thống miễn dịch.	2	0	0		2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
KHÁNG NGUYÊN 1. Trình bày được kháng nguyên; Phân biệt được tính KN và tính sinh miễn dịch; các yếu tố ảnh hưởng đến tính sinh miễn dịch của kháng nguyên. 2. Trình bày được về Quyết định Kháng nguyên. 3. Biết 1 số loại KN: KN nhóm máu, KN của vi sinh vật.	2	0			2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
LYMPHO T, MD TẾ BÀO 1. Trình bày được nguồn gốc, quá trình biệt hóa và đặc điểm của lympho T. 2. Trình bày được quá trình nhận biết và hoạt hoá của lympho T. 3. Trình bày được vai trò của đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào. 4. Trình bày được quá trình hình thành CMI.	2				2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
BỔ THỂ 1. Trình bày được khái niệm, thành phần và một số quy ước về hệ thống bổ thể. 2. Trình bày được khái quát các con đường hoạt hoá bổ thể. 3. Trình bày được sự hoạt hóa bổ thể theo con đường cổ điển.	1				1	2	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
LYMPHO B, MD DỊCH THỂ KHÁNG THỂ 1. Trình bày được quá trình tăng sinh, biệt hóa của tế bào lympho B	2	0			2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội

<p>2. Trình bày được đáp ứng miễn dịch dịch thể với kháng nguyên phụ thuộc tuyến ức, kháng nguyên không phụ thuộc tuyến ức</p> <p>3. Trình bày được các lớp Kháng thể, đáp ứng tạo Kháng thể lần 1 và lần 2.</p>						<p>quy học tập của lớp.</p>
<p>QUÁ MẮN</p> <p>1. Nêu được khái niệm và các loại của quá mẫn.</p> <p>2. Trình bày được quá mẫn typ I, II, III.</p>	1			1	2	<p>Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.</p>
<p>THIỂU NĂNG MIỄN DỊCH</p> <p>1. Trình bày được khái niệm, phân loại của thiếu năng miễn dịch.</p> <p>2. Trình bày được thiếu năng miễn dịch bẩm sinh.</p> <p>3. Hiểu được nguyên nhân, cơ chế gây bệnh ở một số bệnh thiếu năng miễn dịch bẩm sinh.</p> <p>4. Trình bày thiếu năng miễn dịch mắc phải.</p> <p>5. Phân tích mối liên quan giữa thiếu hụt miễn dịch, nhiễm khuẩn và suy dinh dưỡng</p>	1			1	2	<p>Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.</p>
<p>CÁC BỆNH TỰ MIỄN</p> <p>1. Trình bày được cơ chế phát sinh bệnh tự miễn.</p> <p>2. Trình bày được cơ chế tổn thương trong bệnh tự miễn.</p> <p>3. Phân biệt bệnh tự miễn cơ quan và bệnh tự miễn hệ thống.</p> <p>4. Trình bày được cơ chế gây bệnh ở một số bệnh tự miễn phổ biến.</p>	1			1	2	<p>Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.</p>
<p>ĐẠI CƯƠNG SINH LÝ BỆNH</p> <p>1. Trình bày được định nghĩa môn học, vị trí, nội dung chương trình môn học; khái niệm bệnh nguyên, quy luật nhân quả giữa nguyên nhân và bệnh.</p>	2	0	0	2	4	<p>Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.</p>
<p>RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA NƯỚC – ĐIỆN GIẢI</p> <p>1. Nêu được vai trò và sự trao đổi nước điện giải trong cơ thể.</p> <p>2. Phân loại được mất nước, nêu</p>	2	0		2	4	<p>Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.</p>

<p>được sự mất nước ảnh hưởng đến cơ thể.</p> <p>3. Phân tích được các yếu tố gây phù.</p> <p>4. Phân tích và tìm được các yếu tố chính gây phù trong suy tim, xơ gan, bệnh thận hư, viêm cầu thận cấp, viêm.</p>						
<p>RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA ACID – BASE</p> <p>1. Trình bày được vai trò điều hoà pH máu của hệ đệm, phổi, thận.</p> <p>2. Phân loại được nhiễm acid, nhiễm base; cơ chế, những biểu hiện lâm sàng đặc trưng của nhiễm acid cố định bệnh lý; Nhiễm base bệnh lý.</p>	2			1	2	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
<p>SINH LÝ BỆNH SỐT – ĐIỀU HÒA THÂN NHIỆT</p> <p>1. Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện của say nóng, say nắng, nhiễm lạnh.</p> <p>2. Nêu được định nghĩa sốt, yếu tố gây sốt; các giai đoạn sốt, rối loạn chuyển hoá và chức năng các cơ quan trong sốt; Nêu được các ý nghĩa của sốt và nguyên tắc xử trí.</p>	2			2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
<p>VI TUẦN HOÀN</p> <p>1. Trình bày được cơ chế các rối loạn cơ bản vi tuần hoàn.</p> <p>2. Trình bày được cơ chế và hậu quả các rối loạn vi tuần hoàn cục bộ; các hội chứng rối loạn vi tuần hoàn toàn thân.</p>	1			1	2	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
<p>VIÊM</p> <p>1. Nêu được khái niệm về viêm; rối loạn vận mạch trong viêm</p> <p>2. Trình bày được phản ứng tế bào trong viêm</p> <p>3. Nêu được mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể; xử trí ổ viêm.</p>	2	0		2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
<p>SINH LÝ BỆNH TẠO MÁU</p> <p>1. Trình bày định nghĩa thiếu máu, phân loại thiếu máu ;</p>	2	0		2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.

nguyên nhân, đặc điểm, phân loại của từng loại thiếu máu. 2. Trình bày được cơ chế tăng, giảm các loại bạch cầu ; bệnh leucose.						quy học tập của lớp.
SINH LÝ BỆNH THẬN TIẾT NIỆU 1. Trình bày được nguyên nhân và cơ chế của các biểu hiện rối loạn chức năng cầu thận. 2. Trình bày được nguyên nhân và cơ chế biểu hiện rối loạn chức năng ống thận. 3. Nêu được các cơ chế gây thay đổi số lượng và chất lượng nước tiểu. 4. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh cầu thận, ống thận.	2			2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
SINH LÝ BỆNH HÔ HẤP 1. Trình bày được cấu trúc, chức năng của bộ máy hô hấp; các giai đoạn của quá trình trao đổi khí. 2. Nêu được các biện pháp thăm dò chức năng hô hấp. 3. Trình bày nguyên nhân, bệnh sinh, hậu quả của các bệnh hô hấp thường gặp trên lâm sàng; nguyên nhân, biểu hiện của rối loạn hô hấp ngoài; rối loạn quá trình hô hấp trong 4. Phân tích các biểu hiện, bệnh sinh của các loại suy hô hấp.	2			2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
SINH LÝ BỆNH GAN	2			2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình

<p>1. Nêu được những nguyên nhân chủ yếu gây rối loạn chức năng gan; Phân tích được cơ chế rối loạn tuần hoàn trong gan.</p> <p>3. Phân tích được rối loạn chức phận về chuyển hoá G, P, L, muối nước và rối loạn chức phận cấu tạo mật và bài tiết mật trong gan.</p> <p>4. Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện của suy gan.</p> <p>5. Trình bày được cơ chế hôn mê gan.</p>							bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
<p>SINH LÝ BỆNH TIÊU HÓA</p> <p>1. Trình bày được cơ chế và biểu hiện rối loạn co bóp, tiết dịch tại dạ dày.</p> <p>2. Trình bày được cơ chế, yếu tố nguy cơ gây loét dạ dày, tá tràng .</p> <p>3. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế, hậu quả của tắc ruột, của táo bón .</p> <p>4. Trình bày được bệnh viêm tụy cấp .</p> <p>5. Giải thích được cơ chế bệnh sinh của tiêu chảy .</p>	2				2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.
<p>SINH LÝ BỆNH TUẦN HOÀN</p> <p>1. Nêu được các cách phân loại suy tim.</p> <p>2. Trình bày được các biện pháp thích nghi của tim.</p> <p>3. Trình bày được cơ chế các</p>	2	0	1		2	4	Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, trả lời câu hỏi; chấp hành nội quy học tập của lớp.

biểu hiện của suy tim trái và suy tim phải. 4. Nêu được cơ chế và hậu quả của cao huyết áp, hạ huyết áp.							
	38	0	0		38	76	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình Sinh lý bệnh Miễn dịch - Dành cho đối tượng Đại học chính quy, Lưu hành nội bộ, 2019, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch (2018), “Sinh lý bệnh và Miễn dịch - Phần Sinh lý bệnh học”, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2017), “Sinh lý bệnh và Miễn dịch – Phần Miễn dịch học”, Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ môn Sinh lý bệnh Trường đại học Y Hà Nội (2002), ”Bài giảng Sinh lý bệnh”, Nhà xuất bản Y học.
4. Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Miễn dịch - Sinh lý bệnh (2006), “Miễn dịch học”, Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	Đại cương hệ thống miễn dịch Kháng nguyên	4					8
Buổi 2	Lympho T, Miễn dịch Tế bào Bồ thể	4					8
Buổi 3	Lympho B, Miễn dịch dịch thể, Kháng thể	4					8
Buổi 4	Quá mẫn Thiếu năng miễn dịch Các bệnh Tự Miễn	4					8
Buổi 5	Đại cương sinh lý bệnh	4					8

	Rối loạn chuyển hóa nước – điện giải RL cân bằng acid-bazo						
Buổi 6	Vì tuần hoàn Viêm	4					8
Buổi 7	Sinh lý bệnh Sốt – điều hòa thân nhiệt Sinh lý bệnh tạo Máu	4					8
Buổi 8	Sinh lý bệnh Hô hấp Sinh lý bệnh tuần hoàn						8
Buổi 9	Sinh lý bệnh Gan mật SLB tiêu hoá	4					8
Buổi 10	Sinh lý bệnh Thận tiết niệu	2					4
	TỔNG	38					76

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR11

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR11

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%		CĐR1 đến 11

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.

- Điểm kết thúc thực hành là bài thi chạy trạm/ Viết báo cáo thực hành.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2.0)/3.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ môn đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

PT. BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vương Thị Mai Linh

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (19) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (20) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CDR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CDR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
THỰC HÀNH MIỄN DỊCH

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: *Sinh lý bệnh Miễn dịch*

* Tiếng Anh: Department of psychophysiology and immunology

- Mã học phần/ mô đun: MH20

- Số tín chỉ: 0,5LT (16 tiết)

- Đối tượng học : năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: *Sinh lý, Hóa sinh*

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 36 tiết

+ Thực hành: 12 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 03 tiết

+ Thời gian tự học: 21 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Sinh lý bệnh-miễn dịch

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
Giảng viên			
1.	Ths. Vương Thị Mai Linh	0912016669	vmlinh1012@gmail.com

2	Ths. Vũ Thị Thơm	0915642865	drthomvu@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Anh Thư	0934533988	nguyenanhthu3003@gmail.com
4	Ths. Vũ Phương Thảo	0915679668	phuongthao2487@gmail.com
KTV			
1	Vũ Thị Hằng	0383799668	<u>Vuhang171287@gmail.com</u>
2	Lê Thị Thanh Hương	0963900290	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - đọc được phản ứng ngưng kết qua nhóm máu ABO, Rh; giải thích được cơ chế phản ứng. - Đọc được mẫu huyết thanh người có HbsAg; giải thích được cơ chế phản ứng. - Mô tả, giải thích được các rối loạn vận mạch và phản ứng bạch cầu trên tiêu bản viêm màng treo ruột ếch, thí nghiệm garo chỉ ếch - Mô tả và giải thích được đặc điểm về hình dạng, kích thước và màu sắc của hồng cầu, BC trên tiêu bản thiếu máu nhược sắc, tiêu bản hồng cầu mạng, tiêu bản Leucose cấp và Leucose mạn. 	<p>CDR1</p> <p>CDR2</p>	<p>3.0</p> <p>2.0</p>
2	<p>Kỹ năng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm được các kỹ thuật xét nghiệm: định tính HbsAg, xác định nhóm máu hệ ABO, hệ Rh. - Làm được thí nghiệm gây viêm mạc 	<p>CDR9</p>	<p>2.0</p>

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	treo ruột ếch và thí nghiệm garo chi ếch. - Lấy vi trường, quan sát được tiêu bản máu bệnh lý - Có kỹ năng làm việc nhóm trong học tập, kỹ năng tiếp xúc bệnh nhân để lấy mẫu xét nghiệm	CĐR10, CĐR11	2
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học thực hành Miễn dịch - Sẵn sàng thực hiện các kỹ năng đã học trong Miễn dịch Sinh lý bệnh để áp dụng vào làm và giải thích các xét nghiệm miễn dịch và triệu chứng lâm sàng	CĐR15	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Đọc được kết quả phản ứng ngưng kết kháng nguyên, kháng thể nhóm máu ABO, Rh; giải thích được cơ chế phản ứng.	CLO1 : Đọc và giải thích được phản ứng ngưng kết kháng nguyên - kháng thể nhóm máu
MT2: Đọc được kết quả mẫu huyết thanh người có HbsAg; giải thích được cơ chế phản ứng.	CLO2: Đọc và giải thích được kết quả mẫu huyết thanh người có HbsAg
MT3: Mô tả, giải thích được các rối loạn vận mạch và phản ứng bạch cầu trên tiêu bản viêm	CLO3: Mô tả, giải thích được các rối loạn vận

màng treo ruột ếch, thí nghiệm garo chi ếch	mạch trong viêm
MT4: Mô tả và giải thích được đặc điểm về hình dạng, kích thước và màu sắc của hồng cầu, BC trên tiêu bản thiếu máu nhược sắc, tiêu bản hồng cầu mạng, tiêu bản Leucose cấp và Leucose mạn.	CLO4: Mô tả và giải thích được đặc điểm về hình dạng, kích thước và màu sắc của hồng cầu, BC trên tiêu bản máu bệnh lý
Kỹ năng	
MT5: Làm được các kỹ thuật xét nghiệm: định tính HbsAg, xác định nhóm máu hệ ABO, hệ Rh, thí nghiệm viêm màng treo ruột ếch, thí nghiệm garo chi ếch	CLO5: Làm được các kỹ thuật xét nghiệm
MT6: Có kỹ năng làm việc nhóm trong học tập, kỹ năng tiếp xúc bệnh nhân để lấy mẫu xét nghiệm	CLO6: Kỹ năng làm việc nhóm và tiếp xúc bệnh nhân
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học thực hành Miễn dịch	CLO7: Nhận thức được tầm quan trọng của môn thực hành Miễn dịch
MT8: Sẵn sàng thực hiện các kỹ năng đã học trong Miễn dịch để áp dụng vào làm và giải thích các xét nghiệm miễn dịch và triệu chứng lâm sàng	CLO8: Thực hiện các kỹ năng đã học để áp dụng vào giải thích các triệu chứng lâm sàng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun							
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
Kỹ thuật xác định nhóm máu A,B,O	3	2	1	1	3	2	2	3
Kỹ thuật xác định nhóm máu hệ Rh	3	2	1	1	3	2	2	3
Kỹ thuật phát hiện HbsAg trong huyết thanh	2	3	1	1	3	2	2	3
Thí nghiệm gây viêm	1	1	3	2	3	2	2	3

mạc treo ruột ếch và thí nghiệm garo chi ếch.								
Tiêu bản máu bệnh lý	1	1	1	3	3	2	2	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành Sinh lý bệnh Miễn dịch đòi hỏi người học phải thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm, kỹ thuật y khoa cơ bản, nhận định được kết quả thí nghiệm, giải thích được cơ chế bệnh sinh một số rối loạn cơ bản, liên hệ với thực tiễn lâm sàng.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế, phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Nội dung chính yếu: Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm, kỹ thuật y khoa cơ bản, nhận định được kết quả thí nghiệm, giải thích được cơ chế bệnh sinh một số rối loạn cơ bản, liên hệ với thực tiễn lâm sàng. Người học biết vận dụng những kiến thức Sinh lý bệnh Miễn dịch để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh dựa trên bằng chứng y học đảm bảo an toàn, hiệu quả.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT				
Kỹ thuật xác định nhóm máu A,B,O Kỹ thuật xác định nhóm máu hệ Rh		2	0		2	4	Làm và đọc được xét nghiệm Kỹ thuật xác định nhóm máu A,B,O, nhóm máu Rh giải thích
Kỹ thuật phát hiện HbsAg trong huyết thanh		2			2	3	Làm và đọc được xét nghiệm Kỹ thuật phát hiện HbsAg trong huyết thanh, giải thích
Thí nghiệm gây viêm mạc treo ruột ếch và thí nghiệm garo chi ếch.		4			4	7	Làm quan sát được viêm mạc treo ruột ếch, giải thích.
Tiêu bản máu bệnh lý:		4			4	7	Lấy được vi trường, mô

Thiếu máu nhược sắc, leucose cấp, leucose mạn, HC mạng lưới.							tả, giải thích được các tiêu bản máu bệnh lý
Thi Thực hành			3		3		Thi chạy trạm
Tổng		12	3		15	21	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bài giảng Thực hành Sinh lý bệnh Miễn dịch - Dành cho đối tượng Đại học chính quy, Lưu hành nội bộ, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Sinh lý bệnh Miễn dịch - Dành cho đối tượng Đại học chính quy, Lưu hành nội bộ, 2017, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.
2. Giáo trình Thực hành Sinh lý bệnh Miễn dịch - Dành cho đối tượng Đại học chính quy, Lưu hành nội bộ, 2017, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.
3. Sổ thu hoạch thực tập môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch - Dành cho đối tượng Đại học chính quy, Lưu hành nội bộ, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	Kỹ thuật xác định nhóm máu A,B,O Kỹ thuật xác định nhóm máu hệ Rh Kỹ thuật phát hiện HbsAg trong huyết thanh	4					7
Buổi 2	Thí nghiệm gây viêm mạc treo ruột ếch và thí nghiệm garo chi ếch.	4					7
Buổi 3	Tiêu bản máu bệnh lý	4					7
Buổi 4	Thi chạy trạm		3				
	TỔNG	12	3				21

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ x Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng x

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập x

- Thuyết trình lý thuyết: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CLO1 đến CLO4

- Tổ chức hoạt động nhóm, thảo luận: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO 6.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt CLO1 đến CLO8

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO8

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Chuẩn bị phòng thực hành theo đúng quy định, có trang thiết bị học tập phù hợp với nội dung.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Các bài thực hành tại phòng thí nghiệm phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Chạy trạm hoặc viết báo cáo thực tập (Chạy trạm hoặc viết báo cáo thực thành (tùy thuộc tình hình thực tế)

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
1	Điểm đánh giá quá trình			
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi chạy trạm/viết báo cáo thực tập	100%		CLO1-8

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm kết thúc thực hành là bài thi chạy trạm/ Viết báo cáo thực hành.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2.0)/3.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ môn đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PT. BỘ MÔN

Vương Thị Mai Linh

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (21) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (22) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
DƯỢC LÝ (LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Dược lý
- * Tiếng Việt: Dược lý (phần lý thuyết)
- * Tiếng Anh: Pharmacology (*theoretical part*)
- Mã học phần/ mô đun: MH25
- Số tín chỉ: 2,5
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên ngành Y học cổ truyền, năm thứ 2.
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp x				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
 - + Lý thuyết: 38 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 87 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Dược lý.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	0912750167	minhthunimpe@gmail.com
2	ThS. Tô Lê Hồng	0904469316	tolehong512@gmail.com
3	ThS. Tống Thị Mai Vân	0945248815	tongmaiivan@gmail.com
4	ThS. Phạm Phương Liên	0904646695	phamphuonglien22339@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Trình bày được kiến thức đại cương về dược lực học, dược động học của thuốc.	CĐR 1	2.5 – 3.0
MT2	Trình bày và giải thích được cơ chế tác dụng; tác dụng; tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều dùng và tương tác thuốc của các nhóm thuốc trong chương trình	CĐR 1	3.0 – 3.5
MT3	Phân tích được các nguyên tắc xử lý ngộ độc thuốc và một số thuốc điều trị ngộ độc đặc hiệu.	CĐR 1	3.0 – 3.5
Kỹ năng			
MT4	Vận dụng được các kiến thức đã học về dược lý của thuốc trong việc kê đơn thuốc và hướng dẫn cách dùng cho người bệnh theo tình huống bệnh cụ thể.	CĐR 6, CDDR7, CĐR 10, CĐR12	3.0-3.5
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Có năng lực tự học nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn, năng lực giải quyết vấn đề độc lập trong lĩnh vực kê đơn thuốc trong điều trị.	CĐR 15, CĐR16	3.5-4.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được các kiến thức đại cương về dược lực học, dược động học của thuốc.	CDR1: Trình bày được quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ thuốc.
	CDR2: Giải thích được được các cách tác dụng của thuốc và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.
MT2: Trình bày và giải thích được cơ chế tác dụng; tác dụng; tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều dùng và tương tác thuốc của các nhóm thuốc trong chương trình.	CDR3: Phân tích được cơ chế tác dụng; tác dụng; tác dụng không mong muốn của các nhóm thuốc trong chương trình.
	CDR4: Trình bày và giải thích được chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và tương tác thuốc của các nhóm thuốc trong chương trình.
MT3. Phân tích được các nguyên tắc xử lý ngộ độc thuốc và một số thuốc đặc hiệu dùng trong nhiễm độc.	CDR5: Phân tích được các nguyên tắc xử lý ngộ độc thuốc.
	CDR6: Liệt kê được một số thuốc đặc hiệu dùng trong điều trị ngộ độc.
Kỹ năng	
MT4: Vận dụng được các kiến thức đã học về dược lý của thuốc trong việc kê đơn thuốc và hướng dẫn cách dùng cho người bệnh theo tình huống bệnh cụ thể.	CDR7: Vận dụng được các kiến thức dược lý học trong việc kê đơn theo tình huống bệnh cụ thể và hướng dẫn được cách dùng thuốc cho người bệnh.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

MT6: Có năng lực tự học nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn, năng lực giải quyết vấn đề độc lập trong lĩnh vực kê đơn thuốc trong điều trị.	CĐR8: Có năng lực tự học, cải thiện chất lượng hoạt động chuyên môn, năng lực tự giải quyết vấn đề độc lập trong lĩnh vực kê đơn thuốc, quyết định chỉ định dùng thuốc phù hợp và hướng dẫn cách dùng thuốc cho người bệnh theo tình huống bệnh cụ thể.
--	---

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun							
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
1. Dược lý đại cương 1.1. Hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ và dược động học cơ bản 1.2. Tác dụng của thuốc	3	3	2	3	3	2	3	3
2. Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh thực vật 2.1. Đại cương 2.2. Thuốc kích thích hệ adrenergic 2.3. Thuốc ức chế hệ adrenergic 2.4. Thuốc kích thích hệ cholinergic 2.5. Thuốc ức chế hệ cholinergic	3	2	3	2	3	2	3	2
3. Thuốc gây tê 3.1. Đại cương 3.2. Thuốc gây tê có cấu trúc ester 3.3. Thuốc gây tê có cấu trúc amid 3.4. Thuốc gây tê có cấu	2	3	2	3	2	3	3	2

trúc khác								
4. Thuốc ngủ và rượu 4.1. Đại cương 4.2. Thuốc ngủ 4.3. Rượu	3	2	3	2	3	2	3	3
5. Thuốc an thần, bình thần 5.1. Đại cương 5.2. Các thuốc an thần, bình thần	2	3	3	3	2	2	3	2
6. Thuốc chống động kinh 6.1. Đại cương 6.2. Các thuốc chống động kinh	3	3	2	2	3	2	3	3
7. Thuốc giảm đau trung ương 7.1. Đại cương 7.2. Thuốc chủ vận trên receptor opioid 7.3. Thuốc chủ vận – đối kháng hỗn hợp và chủ vận từng phần 7.4. Thuốc đối kháng đơn thuần trên receptor opioid	2	3	2	2	3	3	3	2
8. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm (NSAID) 8.1. Đại cương 8.2. Các thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm	3	2	3	2	3	2	3	3
9. Histamin và thuốc kháng histamin H1	3	2	3	2	3	2	3	2

9.1. Đại cương 9.2. Thuốc kháng histamin H1								
10. Kháng sinh 10.1. Định nghĩa, phân loại; 10.2. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh 10.3. Cơ chế tác dụng và cơ chế kháng kháng sinh; 10.4. Các nhóm thuốc kháng sinh	2	2	3	3	2	3	2	3
11. Thuốc chống nấm 11.1. Đại cương 11.2. Các thuốc chống nấm	2	3	3	3	2	2	3	3
12. Thuốc điều trị lao, phong 12.1 Đại cương 12.2. Thuốc điều trị lao 12.3. Thuốc điều trị phong	3	3	3	3	2	2	3	2
13. Thuốc điều trị sốt rét 13.1. Đại cương 13.2. Thuốc điều trị sốt rét	2	3	3	3	2	2	3	3
14. Ngộ độc cấp và điều trị ngộ độc cấp 14.1. Một số tác nhân gây ngộ độc 14.2. Điều trị ngộ độc	2	3	3	3	3	3	3	2

cấp								
15. Hormon	2	2	2	3	3	3	2	2
15.1. Đại cương								
15.2. Hormon tuyến yên								
15.3. Hormon vỏ tuyến thượng thận								
15.4. Hormon tuyến tụy và thuốc hạ đường huyết								
15.5. Hormon tuyến giáp và thuốc kháng giáp								
15.6. Hormon tuyến cận giáp								
15.7. Hormon dục và thuốc tránh thai								
16. Thuốc điều trị rối loạn tiêu hóa	3	3	3	3	3	3	3	3
16.1. Thuốc chữa viêm loét dạ dày								
16.2. Thuốc gây nôn và chống nôn								
16.3. Thuốc lợi mật và thông mật								
16.4. Thuốc nhuận tràng và tẩy tràng								
16.5. Thuốc điều hoà chức năng vận động đường tiêu hoá								
16.6. Thuốc chống co thắt và làm giảm nhu động ruột								
16.7. Thuốc chống tiêu								

chảy								
17. Thuốc trị ly amip và trùng roi 17.1. Đại cương 17.2. Các thuốc điều trị	3	3	3	3	3	3	3	3
18. Thuốc trị giun sán 18.1. Đại cương 18.2. Thuốc trị giun 18.3. Thuốc trị sán	3	3	3	3	3	3	3	3
19. Thuốc điều trị tăng huyết áp 19.1. Đại cương 19.2. Các thuốc điều trị tăng huyết áp 19.3. Phối hợp thuốc	3	3	3	3	3	3	3	3
20. Thuốc trị suy tim 20.1. Đại cương 20.2. Glycosid trợ tim 20.2. Thuốc làm tăng co bóp cơ tim do tăng AMPv 20.3. Các thuốc điều trị suy tim khác	3	3	3	3	3	3	3	3
21. Thuốc chống đau thắt ngực 21.1. Loại chống cơn: nitrat và nitrit 21.2. Loại điều trị củng cố 21.3. Thuốc khác	3	3	3	3	3	3	3	3
22. Thuốc lợi tiểu 22.1. Đại cương	3	3	3	3	2	2	3	2

22.2. Thuốc lợi tiểu giảm K+ máu 22.3. Thuốc lợi tiểu giữ K+ máu 22.4. Các thuốc lợi tiểu khác								
23. Các chất điện giải chính và dịch truyền 23.1. Đại cương 23.2. Các chất điện giải và dịch truyền	2	3	3	2	3	2	3	3
24. Thuốc tác dụng trên quá trình đông máu và tiêu fibrin 24.1. Đại cương 24.2. Các thuốc 24.2.1. Thuốc làm đông máu 24.2.2. Các thuốc chống đông máu 24.2.3. Các thuốc làm tiêu fibrin	3	2	3	3	3	2	3	3
25. Thuốc chống thiếu máu 25.1. Đại cương 25.2. Các thuốc điều trị thiếu máu 25.2.1. Sắt 25.2.2. Vitamin B12 25.2.3. Acid folic 25.2.4. Các thuốc chống thiếu máu khác	2	3	3	3	2	2	3	3

26. Thuốc điều trị rối loạn lipid 26.1. Đại cương 26.2. Các thuốc 26.2.1. Các resin chelat hóa 26.2.2. Các dẫn xuất statin 26.2.3. Các dẫn xuất của acid fibric 26.2.4. Các thuốc khác	2	3	3	3	3	3	2	2
27. Vitamin 27.1. Đại cương 27.2. Vitamin tan trong dầu 27.3. Vitamin tan trong nước	2	3	3	3	3	2	2	3
28. Thuốc trị ho 28.1. Đại cương 28.2. Các thuốc trị lao	3	3	3	3	3	2	2	3
29. Thuốc trị hen 29.1. Đại cương 29.2. Các thuốc trị lao	2	3	3	3	3	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần Dược lý (phần lý thuyết) cung cấp các kiến thức cơ bản về dược lý học: Số phận của thuốc trong cơ thể, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, cơ chế tác dụng, các cách tác dụng và tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc. Ngoài ra, còn cung cấp kiến thức về dược lý (tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn, tương tác thuốc và liều dùng) của các nhóm thuốc cụ thể, ngộ độc thuốc và cách điều trị ngộ độc.

Các kiến thức này giúp sinh viên phân loại được các thuốc theo nhóm bệnh, từ đó dễ dàng vận dụng các kiến thức đã học trong việc kê đơn thuốc và hướng dẫn cách dùng thuốc

cho người bệnh trong tình huống bệnh cụ thể. Ngoài ra, sinh viên có khả năng tự chủ, tự giải quyết vấn đề và quyết định dùng thuốc trong điều trị cho phù hợp và hiệu quả.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
I. Dược lý đại cương	4		0	4	10	Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, thảo luận, tham gia làm bài tập và ghi chép
II. Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật	4		01	4	10	
III.1. Thuốc gây tê	4		0	4	10	
III.2. Thuốc ngủ và rượu						
III.3. Thuốc an thần, bình thần						
III.4. Thuốc chống động kinh						
IV.1. Thuốc giảm đau trung ương	4		0	4	10	
IV.2. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm (NSAID)						
IV.3. Histamin và thuốc kháng histamin H1						
V. Kháng sinh	4		0	4	10	
VI.1. Thuốc chống nấm						
VI.2. Thuốc điều trị lao, phong						
VI.3. Thuốc điều trị sốt rét						
VI.4. Ngộ độc cấp và điều trị ngộ độc cấp						
VII. Hormon	2	0	0	2	4	
VIII.1. Thuốc điều trị rối	4		0	4	8	

loạn tiêu hóa					
VIII.2. Thuốc trị lỵ amip và trùng roi					
VIII.3. Thuốc trị giun sán					
IX.1. Thuốc điều trị tăng huyết áp	4		0	4	10
IX.2. Thuốc trị suy tim					
IX.3. Thuốc chống đau thắt ngực - Loại chống cơn: nitrat và nitrit - Loại điều trị củng cố - Thuốc khác					
X.1. Thuốc lợi tiểu	4		0	4	10
X.2. Các chất điện giải chính và dịch truyền					
X.3. Thuốc tác dụng trên quá trình đông máu và tiêu fibrin					
X.4. Thuốc chống thiếu máu					
XI.1. Thuốc hạ lipid máu	2		0	2	3
XI.2. Vitamin					
XII.1. Thuốc trị ho	2		0	2	2
XII.2. Thuốc trị hen					

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đào Văn Phan (2013), *Dược lý học* (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2016), *Dược lý học*, Tập 1, Sách đào tạo Dược sĩ Đại học, Nhà xuất bản Y học.

2. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2016), *Dược lý học*, Tập 2, Sách đào tạo Dược sĩ Đại học, Nhà xuất bản Y học.

3. Bộ Y tế (2017), *Dược thư Quốc gia Việt Nam dùng cho tuyển y tế cơ sở, Lần xuất bản thứ hai*, Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	
Tuần 1	8					20
Tuần 2	8					20
Tuần 3	8					20
Tuần 4	8					20
Tuần 5	6					7
Tổng	38					87

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình ngắn có minh họa, Phát vấn, Làm việc nhóm, động não.

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề
Hoạt động nhóm x Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR8.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR8.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR8.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR7 đến CĐR8.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng TEAMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Bố trí phòng học đủ các phương tiện dạy học: máy vi tính, bàn ghế, bảng; bóng điện; quạt, điều hòa, màn chiếu, máy chiếu, bảng, phấn, giấy A0, bút dạ...

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Thực hiện các bài kiểm tra thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

- Sinh viên phải hoàn thành các bài tập, các yêu cầu thảo luận trên lớp của giảng viên.

- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	Tham gia từ 80% số buổi học trở lên.	CĐR 1 đến CĐR 8
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0	Hoàn thành các bài tập, thảo luận nhóm được giao theo hướng dẫn của giảng viên.	CĐR 1 đến CĐR 8
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Số câu hỏi SV trả lời đúng	CĐR 1 đến CĐR 8

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm phần lý thuyết Dược lý là điểm thi kết thúc học phần. Điểm học phần Dược lý là (điểm phần lý thuyết x 2 + điểm thực hành x 1): 3.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Minh Thu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DƯỢC LÝ – THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

Tên học phần: Dược lý

* Tiếng Việt: Dược lý (phần thực hành)

* Tiếng Anh: Pharmacology (*practical part*)

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 0,5

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên ngành Y học cổ truyền, năm thứ 2.

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

+ Lý thuyết: tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thực hành: 15 tiết

+ Thời gian tự học: 10 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Dược lý.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	0912750167	minhthunimpe@gmail.com
2	ThS. Tô Lê Hồng	0904469316	tolehong512@gmail.com
3	ThS. Tống Thị Mai Vân	0945248815	tongmaivan@gmail.com
4	ThS. Phạm Phương Liên	0904646695	phamphuonglien22339@gmail.com
5	Ds. Hoàng Thị Phương	0968551123	li.hphuong510@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Trình bày được Quy chế kê đơn (Bộ Y tế) và cách kê đơn thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả (theo khuyến cáo của WHO).	CDR 1	2,5 -> 3,0
MT2	Giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc, trình bày được tác dụng dược lý của một số thuốc thông thường lưu hành trên thị trường.	CDR 1	3,0->3,5
Kỹ năng			
MT3	Kê được các đơn thuốc gây nghiện, đơn thuốc hướng thần, đơn thuốc thường để điều trị một số bệnh thường gặp.	CDR6, CDR7, CDR10, CDR11, CDR12	3,0 -> 3,5
MT4	Nhận thức và trình bày được một số thuốc điển hình theo tác dụng dược lý	CDR6, CDR7, CDR10, CDR11, CDR12	3,0 -> 3,5
MT5	Thực hiện được thao tác thí nghiệm trên động vật thí nghiệm (ĐVTN).	CDR8, CDR10	3,0 -> 3,5
MT6	Phân tích được một số đơn thuốc đã kê.	CDR6, CDR7,	3,5 -> 4,0

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
		CDR10, CDR11, CDR12	
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT7	Có ý thức về vai trò của người thầy thuốc trong hoạt động kê đơn thuốc, có khả năng tư vấn, hướng dẫn và dặn dò người bệnh dùng thuốc trong đơn kê, có khả năng giải quyết vấn đề một cách độc lập và chịu trách nhiệm trong kê đơn thuốc và nghiên cứu khoa học.	CDR 15, CDR 16	3,5 -> 4,0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
MT1: Trình bày được Quy chế kê đơn (Bộ Y tế) và cách kê đơn thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả (theo khuyến cáo của WHO).	CDR1: Trình bày và phân tích được các nội dung của Quy chế kê đơn thuốc điều trị ngoại trú (Bộ Y tế ban hành); quy chế đơn và cách kê đơn thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả (theo khuyến cáo của WHO).
MT2: Giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc, phân loại được và trình bày được tác dụng dược lý của một số thuốc thông thường lưu hành trên thị trường.	CDR2: Trình bày và giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc; phân loại được nhóm tác dụng dược lý và liệt kê được tác dụng và chỉ định của các thuốc thông thường đang lưu hành trên thị trường.
MT3: Kê được các đơn thuốc gây nghiện, đơn thuốc hướng thần,	CDR3: Kê được đơn thuốc gây nghiện, đơn thuốc hướng tâm thần, đơn thuốc thường theo

đơn thuốc thường để điều trị một số bệnh thường gặp.	đúng quy định từ các tình huống ca bệnh cho trước theo đúng quy định.
MT4: Nhận thức và trình bày được một số thuốc điển hình theo tác dụng dược lý.	CDR4: Phân tích được các thông tin của một số thuốc điển hình theo nhóm tác dụng dược lý và trình bày được ứng dụng của thuốc trong điều trị.
MT5: Thực hiện được thao tác thí nghiệm trên động vật thí nghiệm (ĐVTN).	CDR5: Thao tác được một số các kỹ thuật cần thiết trong nghiên cứu dược lý và phân tích được kết quả 1 số thí nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc trên động vật.
MT6: Phân tích được một số đơn thuốc đã kê.	CDR6: Vận dụng được những kiến thức đã học để phân tích đơn thuốc đã kê.
MT7: Có ý thức về vai trò của người thầy thuốc trong hoạt động kê đơn thuốc, có khả năng tư vấn, hướng dẫn và dặn dò người bệnh dùng thuốc trong đơn kê, có khả năng giải quyết vấn đề một cách độc lập và chịu trách nhiệm trong kê đơn thuốc và nghiên cứu khoa học.	CDR7: Ý thức được vai trò quan trọng của người thầy thuốc khi kê đơn; hướng dẫn được và dặn dò người bệnh sau khi kê đơn; có khả năng giải quyết vấn đề một cách độc lập và chịu trách nhiệm trong kê đơn thuốc và nghiên cứu khoa học.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
1.1. Cách kê đơn thuốc	3	3	3	2	1	3	3
1.2. Kê đơn hợp lý an toàn (theo WHO)							
1.3. Cách nhận thức thuốc;							
1.4. Bài tập tình huống: Kê đơn.							

<p>2.1. Thực hành kê đơn thuốc</p> <p>2.2. Tác dụng của adrenalin trên mạch</p> <p>2.3. Tác dụng của adrenalin, acetylcholin, nicotin và atropin trên huyết áp chó</p> <p>2.4. Nhận thức các dạng bào chế thuốc và một số nhóm thuốc tác dụng lên hệ TKTV, thuốc ức chế TKTW</p> <p>2.5. Bài tập kê đơn.</p>	3	2	3	3	3	2	2
<p>3.1. Thực hành kê đơn thuốc</p> <p>3.2. Kỹ thuật bắt giữ động vật thí nghiệm</p> <p>3.3. Kỹ thuật cho động vật uống thuốc.</p> <p>3.4. Nhận thức các thuốc nhóm thuốc chống động kinh, thuốc gây tê, gây mê, thuốc giảm đau trung ương.</p> <p>3.5. Bài tập kê đơn.</p>	3	3	3	3	3	3	2
<p>4.1. Thực hành kê đơn thuốc.</p> <p>4.2. Kỹ thuật tiêm thuốc cho chuột.</p> <p>4.3. Kỹ thuật tiêm thuốc cho thỏ.</p> <p>4.4. Nhận thức các thuốc nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm phi steroid, thuốc trị gout, thuốc kháng histamin H1.</p> <p>4.5. Bài tập kê đơn.</p>	3	2	3	3	3	3	3
<p>5.1. Thực hành kê đơn thuốc.</p> <p>5.2. Tác dụng chống co giật của phenobarbital</p> <p>5.3. Tác dụng của atropine và pilocarpin trên hệ phó giao cảm.</p> <p>5.4. Nhận thức các thuốc nhóm kháng sinh, kháng nấm, thuốc trị lao, phong.</p>	2	3	3	3	3	3	3

5.5. Bài tập kê đơn.							
6.1. Thực hành kê đơn thuốc. 6.2. Tác dụng của magnesi sulfat trên nhu động ruột. 6.3. Tác dụng đối lập của magnesi sulfat và calci clorid trên thần kinh trung ương. 6.4. Nhận thức các thuốc hormon, thuốc trị ký sinh trùng (giun sán, amip, sốt rét), thuốc trị rối loạn tiêu hóa. 6.5. Bài tập kê đơn.	3	2	3	2	3	3	3
7.1. Thực hành kê đơn thuốc. 7.2. Tác dụng của heparin trên quá trình đông máu 7.3. Tác dụng của insulin lên nồng độ đường huyết. 7.4. Nhận thức các thuốc nhóm trị bệnh tăng huyết áp, lợi tiểu, trị bệnh tim, dịch truyền, trị rối loạn lipid máu. 7.5. Bài tập kê đơn.	3	2	3	3	3	3	3
8.1. Thực hành kê đơn thuốc. 8.2. Thử định khu tác dụng của strychnin; 8.3. Tác dụng của vitamin K trên quá trình đông máu. 8.4. Phân tích một số đơn thuốc . 8.5 Nhận thức các thuốc vitamin, thuốc chống thiếu máu, thuốc tác dụng trên quá trình đông máu, thuốc trị rối loạn hô hấp.	2	2	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Phần thực hành Dược lý cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách kê đơn thuốc theo quy định của Bộ Y tế và Tổ chức Y tế thế giới. Thêm nữa, sinh viên còn được

nhận thức các nhóm thuốc theo tác dụng dược lý, thực hành tác dụng của một số thuốc trên ĐVTN và phân tích được một số đơn thuốc. Đặc biệt, sinh viên có khả năng kê được các đơn thuốc gây nghiện, đơn thuốc hướng tâm thần và đơn thuốc thông thường theo tình huống bệnh cụ thể.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1.1. Cách kê đơn thuốc 1.2. Kê đơn hợp lý an toàn (theo WHO) 1.3. Cách nhận thức thuốc; 1.4. Bài tập tình huống: Kê đơn.	4	3	- Đọc quyển <i>Dược lý học</i> (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
2.1. Thực hành kê đơn thuốc 2.2. Tác dụng của adrenalin trên mạch 2.3. Tác dụng của adrenalin, acetylcholin, nicotin và atropin trên huyết áp chó 2.4. Nhận thức các dạng bào chế thuốc và một số nhóm thuốc tác dụng lên hệ TKTV, thuốc ức chế TKTW 2.5. Bài tập kê đơn.	4	3	- Đọc tài liệu <i>Thực hành Dược lý</i> (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Bộ môn Dược lý - Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, thảo luận, tham gia làm bài tập kê đơn,
3.1. Thực hành kê đơn thuốc 3.2. Kỹ thuật bắt giữ động vật thí nghiệm 3.3. Kỹ thuật cho động vật uống thuốc. 3.4. Nhận thức các thuốc nhóm thuốc chống động kinh, thuốc gây tê, gây mê, thuốc giảm đau trung ương. 3.5. Bài tập kê đơn.	4	3	phân tích đơn thuốc, thao tác thực hành, ghi chép và làm báo cáo.
4.1. Thực hành kê đơn thuốc. 4.2. Kỹ thuật tiêm thuốc cho chuột.	3	1	

4.3. Kỹ thuật tiêm thuốc cho thỏ. 4.4. Nhận thức các thuốc nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm phi steroid, thuốc trị gout, thuốc kháng histamin H1. 4.5. Bài tập kê đơn.			
---	--	--	--

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Dược lý (2020), *Thực tập dược lý học* (Tài liệu lưu hành nội bộ).
2. Đào Văn Phan (2013), *Dược lý học* (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2012), *Dược lý học*, Tập 1, Sách đào tạo Dược sĩ Đại học, Nhà xuất bản Y học.
2. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2012), *Dược lý học*, Tập 2, Sách đào tạo Dược sĩ Đại học, Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ Y tế (2017), *Dược thư Quốc gia Việt Nam dùng cho tuyến y tế cơ sở, Lần xuất bản thứ hai*, Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	4					3
2	4					3
3	4					3
4	3					1
Tổng	15					10

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR7

- Thuyết trình ngắn có minh họa: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR7.
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR7.
- Nghiên cứu tình huống, phát vấn, động não: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR7.
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR7.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng

Bố trí phòng thí nghiệm có đầy đủ: dụng cụ; hóa chất; động vật thí nghiệm; các sản phẩm thuốc theo nội dung của từng bài học, máy vi tính, màn chiếu, bảng, phấn,...

- Động vật thí nghiệm: Thỏ, ếch, chuột nhắt trắng;
- Thiết bị: Máy tính hoặc laptop, máy chiếu, cân động vật;
- Dụng cụ: Đồng hồ bấm giờ, kéo-phan phẫu thuật, kẹp, kim phá tửy ếch, bơm kim tiêm 5 ml, 1 ml, cốc thủy tinh 250 ml, 500 ml, chỉ, kim,...
- Hóa chất thí nghiệm: Pilocarpin (*nhỏ mắt*) và atropin (*nhỏ mắt*), MgSO₄, CaCl₂, acid acetic (*dung dịch*), tùy theo bài thực hành;
- Thuốc: Gồm các thuốc theo danh mục thuốc nhận thức ở trên.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên cần đọc tài liệu các nội dung liên quan đến mỗi buổi thực hành trước khi đến lớp
- Điều kiện để được dự thi thực hành:

+ Sinh viên cần tham gia 100% các buổi thực hành. Các trường hợp không tham gia được vì lý do bất khả kháng cần viết giấy xin phép và bố trí đi thực tập bù cùng với tổ khác

+ Sinh viên cần nộp đầy đủ báo cáo sau mỗi buổi thực hành

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	Hoàn thành 100% số tiết	Từ CĐR1 đến CĐR7
	Điểm quá trình thực hành	0	Hoàn thành các bài tập, thảo luận nhóm được giao theo hướng dẫn của giảng viên	Từ CĐR1 đến CĐR7
2	Điểm thi (phần thực hành)			
	Vấn đáp + Báo cáo kê đơn và nhận thức thuốc	100%	Sinh viên kê được đơn thuốc, nhận thức được các thông tin ghi trên nhãn thuốc và trình bày được các nội dung của thuốc theo yêu cầu. Đạt từ điểm 4.	Từ CĐR1 đến CĐR7.

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm phần thực hành được tính 1/3 trọng số điểm học phần. Điểm thi lý thuyết Dược lý là điểm thi kết thúc học phần. Điểm học phần Dược lý là (điểm phần lý thuyết x 2 + điểm thực hành x 1): 3.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Minh Thu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Dinh dưỡng và ATTP

* Tiếng Việt: Dinh dưỡng và ATTP

* Tiếng Anh: Nutrition and food safety

- Mã học phần/ mô đun: MEDI5123

- Số tín chỉ: 1

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Học xong học phần Hóa sinh, vi sinh, sinh lý bệnh học, nội cơ sở 1, ngoại cơ sở 1

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Dinh dưỡng và ATTP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1.	TS.BS Nguyễn Trọng Hưng	0912187523	DD&ATTP	nguyentronghung9602@yahoo.com
2.	ThS Bùi Thị Mai Hương	0916602816	DD&ATTP	buiimaihuong_73@yahoo.com

3.	ThS Phạm Thị Miền	0973507360	DD&ATTP	Phammien89@gmail.com
4.	TS Đỗ Thị Phương Hà	0912474550	DD&ATTP	dothiphuongha@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Ghi nhớ và vận dụng kiến thức về dinh dưỡng, ăn uống với sức khỏe và bệnh tật, áp dụng để khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý dinh dưỡng	[CĐR6], [CĐR 7]	3
MT2	Giao tiếp hiệu quả với cộng đồng, người bệnh dựa trên các tiếp cận về văn hóa, tập quán ăn uống, học vấn, điều kiện kinh tế-xã hội trong quá trình thực hiện các nghiên cứu và can thiệp cải thiện dinh dưỡng, an toàn thực phẩm. +Sử dụng thành thạo các phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và xây dựng thực đơn +Có khả năng tự tra cứu, tham khảo tài liệu về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, có khả năng tự học và học tập liên tục	[CĐR5] [CĐR7] [CĐR9]	3
	Kỹ năng		
MT3	- Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Thu thập và xử lý thông tin. - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày	[CĐR9] [CĐR10] [CĐR11]	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: Hiểu biết về dinh dưỡng, ăn uống với sức khỏe và bệnh tật, áp dụng để khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý dinh dưỡng</p> <p>MT2: Giao tiếp hiệu quả với cộng đồng, người bệnh dựa trên các tiếp cận về văn hóa, tập quán ăn uống, học vấn, điều kiện kinh tế-xã hội trong quá trình thực hiện các nghiên cứu và can thiệp cải thiện dinh dưỡng, an toàn thực phẩm.</p> <p>+Sử dụng thành thạo các phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và xây dựng thực đơn</p> <p>+Có khả năng tự tra cứu, tham khảo tài liệu về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, có khả năng tự học và học tập liên tục</p>	<p>CLO1: Nhận thức rõ tầm quan trọng về vai trò của công tác dinh dưỡng và ATTP trong thực hành y khoa.</p> <p>CLO 2: Có kiến thức cơ bản về Dinh dưỡng & ATTP chăm sóc người bệnh và con người nói chung.</p> <p>CLO3: Ứng dụng được kiến thức Dinh dưỡng & ATTP cơ bản vào thực hành điều trị và chăm sóc trên người bệnh.</p> <p>CLO4: Thực hiện được các kỹ thuật và xây dựng được khẩu phần và chế độ dinh dưỡng cho các đối tượng trên cộng đồng và người bệnh.</p> <p>CLO5: Theo dõi, đánh giá, phát hiện sớm và xử trí kịp thời, quản lý đảm bảo an toàn thực phẩm cho bếp ăn tập thể</p> <p>CLO6: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn.</p>

Kỹ năng	
MT3: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày	CLO 7: Vận dụng các hiểu biết về văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới lĩnh vực dược, thể hiện kỹ năng chuẩn bị các bản báo cáo khoa học, cách thức trình bày, báo cáo, thảo luận, phản biện để hiểu và truyền cảm và sáng tạo.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 8: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)							
	1	2	3	4	5	6	7	8
Chương 1. Dinh dưỡng cơ bản	2	2	1	1	1	1	2	2
Chương 2. Dinh dưỡng cộng đồng	1	2	2	2	1	3	3	2
Chương 3. Dinh dưỡng Lâm sàng	3	2	2	1	2	2	1	3
Chương 4: An toàn thực phẩm	2	2	2	2	1	1	3	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Dinh dưỡng & ATTP là môn học cung cấp những kiến thức dinh dưỡng từ cơ bản đến chuyên sâu bao gồm dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng lâm sàng, dinh dưỡng tế bào.... từ đó giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sức khỏe; nghiên cứu và lập ra những kế hoạch để can thiệp đối với những người đã và đang gặp các vấn đề về dinh dưỡng. Từ đó đưa ra giải pháp hiệu quả để khắc phục tình trạng mất cân bằng dinh dưỡng ở người bệnh, xây dựng nên chế độ ăn uống hợp lý, lành mạnh để đảm bảo sức khỏe tốt cho người bệnh.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
<p>Chương 1. Dinh dưỡng cơ bản</p> <p>1. Dinh dưỡng, ăn uống sức khỏe và bệnh tật</p> <p>2. Vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng</p> <p>3. Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm và xây dựng chế độ ăn dựa vào Tháp dinh dưỡng hợp lý cho các nhóm đối tượng.</p>	4					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Chương 2. Dinh dưỡng cộng đồng</p> <p>1. Các phương pháp đánh giá dinh dưỡng ở cộng đồng</p> <p>2. Các vấn đề dinh dưỡng cộng đồng: Suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng và thừa cân/béo phì</p> <p>3. Các vấn đề dinh dưỡng cộng đồng: một số bệnh không lây liên quan tới dinh dưỡng</p>	4					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Chương 3. Dinh dưỡng Lâm sàng</p> <p>1. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần, thực đơn theo chế độ tiết chế dinh dưỡng cho người bệnh</p> <p>2. Chế độ ăn điều trị một số bệnh: suy dinh dưỡng nặng, đái tháo đường, tăng huyết áp, ung thư</p> <p>3. Các nguyên tắc dinh dưỡng điều trị, quy trình</p>	4					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập

can thiệp, chăm sóc dinh dưỡng ở bệnh viện. 4. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh.						của lớp
Chương 4: An toàn thực phẩm 1. Các bệnh do thực phẩm gây ra, ngộ độc thực phẩm và cách phòng chống. 2. Nguyên tắc và phương pháp quản lý an toàn thực phẩm của bếp ăn tập thể (bệnh viện, trường học, nơi làm việc)	3					Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2010). ***Dinh Dưỡng và An toàn thực phẩm*** (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2010). ***Dinh Dưỡng và An toàn thực phẩm*** (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Giáo dục.

2. Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Dinh Dưỡng – An toàn thực phẩm (2012), ***Dinh Dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm***, Nhà xuất bản Y học.

3. Bộ Y tế - Viện Dinh dưỡng (2016). ***Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam***. Nhà xuất bản Y học.

4. Viện Dinh dưỡng (2016). ***Bảng thành phần thực phẩm Việt Nam***. Nhà xuất bản Y học.

5. Viện Dinh dưỡng (2004). ***Chế độ ăn, dinh dưỡng và dự phòng bệnh mạn tính***.

6. Viện Dinh dưỡng (2019). ***Dinh dưỡng lâm sàng***. Nhà xuất bản Y học.

7. ***Hướng dẫn chế độ ăn trong bệnh viện*** (2016). Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Chương 1. Dinh dưỡng cơ bản	4					
2	Chương 2. Dinh dưỡng cộng đồng	4					
3	Chương 3. Dinh dưỡng Lâm sàng	4					
4	Chương 4: An toàn thực phẩm	3					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết phần lý thuyết

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Sức khỏe môi trường- Sức khỏe nghề nghiệp.

* Tiếng Việt: Sức khỏe môi trường- Sức khỏe nghề nghiệp.

* Tiếng Anh: Environmental health - Occupational health .

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 1

- Đối tượng học (năm thứ):

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 45 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
2	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
3	Thạc sỹ Bằng Thị Hoài	0977045888	thuhoaiytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Nội dung SKMT bám sát được những kiến thức cơ bản, chính xác, khoa học, cập nhật về thực tiễn Việt Nam nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về SKMT	CDR1 CDR2, CDR5 CDR7, CDR11	3
MT2	Nội dung SKNN nhằm giúp sinh viên hiểu và phân biệt giữa bệnh nghề nghiệp và các bệnh khác không do nghề nghiệp gây nên	CDR7, CDR11	3
MT3	Ứng dụng được những kiến thức đã học để giúp cộng đồng nâng cao được nhận thức về SKMT cũng như sức khỏe người lao động	CDR14, CDR15, CDR17	3
MT4	Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường	CDR1 CDR2, CDR5 CDR7, CDR11	3
MT5	Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, đánh giá và cải thiện các hoạt động chuyên môn ở mức trung bình	CDR7, CDR11	3
MT6	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, có sáng kiến	CDR17	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao		
MT7	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.	CDR17	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
MT1: Nội dung SKMT bám sát được những kiến thức cơ bản, chính xác, khoa học, cập nhật về thực tiễn Việt Nam nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về SKMT	CLO1: kiến thức cơ bản, chính xác, khoa học, cập nhật về thực tiễn Việt Nam nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về SKMT
MT2: Nội dung SKNN nhằm giúp sinh viên hiểu và phân biệt giữa bệnh nghề nghiệp và các bệnh khác không do nghề nghiệp gây nên	CLO2: kiến thức cơ bản, chính xác, khoa học, cập nhật về thực tiễn Việt Nam nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về SKMT
MT3: Ứng dụng được những kiến thức đã học để giúp cộng đồng nâng cao được nhận thức về SKMT cũng như sức khỏe người lao động	CLO3: Ứng dụng được những kiến thức đã học để giúp cộng đồng nâng cao được nhận thức về SKMT cũng như sức khỏe người lao động

MT4: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường	CLO4: đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường
MT5: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, đánh giá và cải thiện các hoạt động chuyên môn ở mức trung bình	CLO5: lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, đánh giá và cải thiện các hoạt động chuyên môn ở mức trung bình
MT6: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao	CLO6: có khả năng đề xuất được sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao
MT7: Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.	CLO7: thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Bài 1: Nhập môn Sức khỏe môi trường	3	3	3	3	3	3	3
Bài 2: Cơ sở sinh thái học của sức khỏe và bệnh tật	3	3	3	3	3	3	3
Bài 3: Vệ sinh môi trường không khí và ô nhiễm không khí	3	3	3	3	3	3	3
Bài 4:	3	3	3	3	3	3	3

Quản lý chất thải rắn và chất thải y tế							
Bài 5: Nước và vệ sinh nước	3	3	3	3	3	3	3
Bài 6: Đại cương về vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp Các yếu tố nguy cơ của bệnh nghề nghiệp Sinh lý lao động và mệt mỏi trong lao động Vấn đề tư thế và điều kiện lao động hợp lý	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần nghiên cứu khoa học y học cơ bản nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo BS ngành y khoa với thời lượng 1,5 tín chỉ gồm 13 bài bao gồm cả 4 bài đọc thêm giúp học viên thực hiện được các bước cơ bản của thiết kế nghiên cứu khoa học y học, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và có thể tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở dưới sự hướng dẫn giám sát của thầy cô Học viện.

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản và các thiết kế chiến lược nghiên cứu khoa học y học cơ bản; cách xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin; viết đề cương nghiên cứu khoa học

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL /KT	Tổng cộng		
Bài 1: Nhập môn Sức khỏe môi trường	4	0	0	4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới;
Bài 2:						

Cơ sở sinh thái học của sức khỏe và bệnh tật						chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 3: Vệ sinh môi trường không khí và ô nhiễm không khí	4	0	0	0		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 5: Nước và vệ sinh nước						
Bài 4: Quản lý chất thải rắn và chất thải y tế	3	0	0	3		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 6: Đại cương về vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp Các yếu tố nguy cơ của bệnh nghề nghiệp Sinh lý lao động và mệt mỏi trong lao động Vấn đề tư thế và điều kiện lao động hợp lý	4	0	0	4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập chính:

Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp, Học Viện Y dược học cổ truyền Việt Nam. Lưu hành nội bộ

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Lê Huy Bá, Lâm Minh Triết, Sinh thái Môi trường học cơ bản, NXB Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh, 2006.
2. ThS. Nguyễn Hữu Nghị- Giáo trình Môi trường và sức khỏe con người- Đại học Huế - Năm 2006
3. Bộ Y tế (2006), Điều tra môi trường nông thôn Việt Nam, Nhà xuất bản Y học, 2006
4. Bộ Y tế – Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế số 3733/2002/QĐ-YT ngày 10/10/2002
5. Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bảo tồn và phát triển bền vững đất ngập nước Việt Nam. IUCN, Hà Nội, 2003
6. UNICEF (2001), Báo cáo hiện trạng môi trường Việt Nam, 2001
- Trường Đại Học Y Hà Nội (2013). Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội 2013

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Nhập môn Sức khỏe môi trường	4	0	0	0		
	Bài 2: Cơ sở sinh thái học của sức khỏe và bệnh tật						
2	Bài 3: Vệ sinh môi trường không khí và ô nhiễm không khí	4	0	0	0		
	Bài 5: Nước và vệ sinh nước						
3	Bài 4: Quản lý chất thải rắn và chất thải y tế	3	0	0	0		

4	Bài 6: Đại cương về vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp Các yếu tố nguy cơ của bệnh nghề nghiệp Sinh lý lao động và mệt mỏi trong lao động Vấn đề tư thế và điều kiện lao động hợp lý	4					
---	---	---	--	--	--	--	--

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự	

			trên lớp tối thiểu đạt 80 %	
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0		
	Thực hành	0		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	10/10		CĐR 1 đến CĐR 7

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202..

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

DỊCH TỄ HỌC

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Dịch tễ học.
- * Tiếng Việt: Dịch tễ học.
- * Tiếng Anh: Epidemiology.
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 4011
- Số tín chỉ: 02 (0.2 LT/0.0 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ: 1 năm thứ 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Xác suất - thống kê y học
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: 0 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
2	Ths. Đỗ Văn Pha	0918498755	dopha2005@gmail.com

3	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
4	Thạc sỹ Bằng Thị Hoài	09777045888	thuhoaiytc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
G1	Kiến thức : Cung cấp những kiến thức cơ bản về: Các phương pháp mô tả tình hình sức khỏe cộng đồng, xác định các yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; nắm được các nguyên lý và phương pháp cơ bản của dịch tễ học.	<i>CĐR2, CĐR5 CĐRBSYHCT</i>	3
G2	Kỹ năng : Xác định các yếu tố nguy cơ và đánh giá hiệu quả của các can thiệp kiểm soát và dự phòng các vấn đề sức khỏe phổ biến ở Việt Nam.	<i>CĐR7, CĐR12 CĐRBSYHCT</i>	3
G3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được ý nghĩa và vai trò của dịch tễ học trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Coi trọng việc phát hiện	<i>CĐR14 CĐRBSYHCT</i>	4

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	sớm dịch bệnh để có biện pháp đáp ứng phòng chống kịp thời và hiệu quả.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được các phương pháp mô tả tình hình sức khỏe cộng đồng; Xác định được các yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh.	<i>CLO1</i> : Giải thích được sự tác động của môi trường đến sức khỏe con người, vận dụng các nguyên tắc, phương pháp y tế công cộng để duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng các phương pháp YHCT kết hợp y học hiện đại
Đánh giá hiệu quả can thiệp và cách suy luận kết hợp nhân quả trong nghiên cứu dịch tễ học.	
Phân tích được các nguyên lý dịch tễ học và các nguyên tắc dự phòng những bệnh phổ biến ở	<i>CLO2</i> : có kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, giám sát, điều hành và đánh giá các quá trình trong hoạt động chăm sóc sức khỏe phù hợp với hoàn cảnh và nhu cầu thực tiễn

<p>cộng đồng, bao gồm các bệnh lây và không lây .</p> <p>Phân tích được dịch tễ học dịch vụ y tế, chính sách y tế và sức khỏe người di cư.</p>	
Kỹ năng	
<p>MT2: Tính toán được các chỉ số đo lường bệnh trạng, chẩn đoán sức khỏe cộng đồng, sàng tuyển phát hiện sớm, xử lý, phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu dịch tễ học.</p>	<p><i>CLO3:</i> Thực hiện được kỹ năng truyền thông- giáo dục sức khỏe để bảo vệ nâng cao sức khỏe nhân dân. Xác định được vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề ưu tiên. Phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất sớm các biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng</p>
<p>Thực hiện được công tác giám sát điều tra dịch, tiêm chủng mở rộng, không chế côn trùng Y học. Đưa ra được thiết kế nghiên cứu phù hợp để giải đáp một số câu hỏi cụ thể về nguyên nhân, tiên lượng bệnh, phòng ngừa và đánh giá điều trị bệnh.</p>	<p><i>CLO4:</i> Truyền đạt được các vấn đề, giải pháp liên quan đến chuyên môn tới người bệnh, đồng nghiệp, đối tác...tại nơi công tác, chuyển tải phổ biến được kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong việc thực hiện dự phòng bệnh</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật</p>	<p><i>CLO5:</i> Giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng</p>

trong học tập và công việc

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun(CLO)				
	1	2	3	4	5
Bài 1: Định nghĩa, mục tiêu, nội dung và cách đề cập dịch tễ học	3	3	3	3	3
Bài 2: Đo lường trong dịch tễ học	3	3	3	3	3
Bài 3: Phương pháp nghiên cứu mô tả	3	3	3	3	3
Bài 4: Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng	3	3	3	3	3
Bài 5: Phương pháp nghiên cứu thuần tập	3	3	3	3	3
Bài 6: Phương pháp nghiên cứu can thiệp					
Bài 7: Sai số và nhiễu	3	3	3	3	3
Bài 8: Phân tích mối quan hệ nhân quả	3	3	3	3	3
Bài 9: Các khái niệm về dịch tễ học nhiễm trùng	3	3	3	3	3
Bài 10: Quá trình dịch	3	3	3	3	3
Bài 11: Giám sát dịch tễ học	3	3	3	3	3
Bài 12: Điều tra xử lý dịch	3	3	3	3	3

Bài 13: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa	3	3	3	3	3
Bài 14: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường hô hấp	3	3	3	3	3
Bài 15: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường máu	3	3	3	3	3
Bài 16: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường da và niêm mạc	3	3	3	3	3
Bài 17: Dịch tễ học một số bệnh không lây phổ biến	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tổng học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Bài 1: Định nghĩa, mục tiêu, nội dung và cách đề cập dịch	3	0	0		3	Phân tích được khái niệm và nguyên lý cơ bản

tế học							của dịch tế học, yếu tố nguy cơ, mối liên quan giữa yếu tố nguy cơ và bệnh ,dịch
Bài 2: Đo lường trong dịch tế học	-	-	-				Phân tích được khái niệm và nguyên lý cơ của các chỉ số sức khỏe chủ yếu
Bài 3: Phương pháp nghiên cứu mô tả	2	0	0		2		Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức trong nghiên cứu Y học; Đánh giá được hiệu quả can thiệp y tế dựa trên bằng chứng khoa học
Bài 4: Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng	03	0	0		3		Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức trong nghiên cứu Y học; Đánh giá được hiệu quả can thiệp y tế dựa trên bằng chứng khoa học
Bài 5: Phương pháp	3	0	0		3		Tuân thủ các

ngiên cứu thuần tập							nguyên tắc về đạo đức trong nghiên cứu Y học; Đánh giá được hiệu quả can thiệp y tế dựa trên bằng chứng khoa học
Bài 6: Phương pháp nghiên cứu can thiệp	3	0	0		3		Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức trong nghiên cứu Y học; Đánh giá được hiệu quả can thiệp y tế dựa trên bằng chứng khoa học
Bài 7: Sai số và nhiễu	-	-	0				
Bài 8: Phân tích mối quan hệ nhân quả	-	-	0				
Bài 9: Các khái niệm về dịch tễ học nhiễm trùng	1.5	0	0		1.5		Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế

Bài 10: Quá trình dịch	1.5	0	0		1.5		Phân tích được khái niệm và nguyên lý của dịch tế học, yếu tố nguy cơ, mối liên quan giữa yếu tố nguy cơ, dịch bệnh
Bài 11: Giám sát dịch tế học	1.5	0	0		1.5	0	Tuân thủ các nguyên tắc quy trình về phòng ngừa, cách ly, kiểm soát nhiễm khuẩn
Bài 12: Điều tra xử lý dịch	1.5	0	0		1.5	0	Giải thích được các nguyên tắc và ứng dụng trong dự phòng cấp 1, 2, 3; chiến lược dự phòng mức cá nhân, tiếp cận dự phòng dựa vào cộng đồng và tiếp cận dựa vào yếu tố nguy cơ cao trong phòng ngừa và nâng cao sức khỏe

Bài 13: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa	1.5	0	0		1.5	0	Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế; Nhận định được các con đường lây nhiễm có nguồn lây nhiễm để có biện pháp xử lý phù hợp
Bài 14: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường hô hấp	1.5	0	0		1.5	0	Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế; Nhận định được các con đường lây nhiễm có nguồn lây nhiễm để có biện pháp xử lý phù hợp
Bài 15: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường máu	1.5	0	0		1.5	0	Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và

							<p>các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế; Nhận định được các con đường lây nhiễm có nguồn lây nhiễm để có biện pháp xử lý phù hợp</p>
Bài 16: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường da và niêm mạc	1.5	0	0		1.5	0	<p>Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế; Nhận định được các con đường lây nhiễm có nguồn lây nhiễm để có biện pháp xử lý phù hợp</p>
Bài 17: Dịch tễ học một số bệnh không lây phổ biến	3	0	0		3		<p>Giải thích được các nguyên tắc và ứng dụng trong dự phòng cấp 1, 2, 3; chiến lược dự phòng</p>

							mức cá nhân, tiếp cận dự phòng dựa vào cộng đồng và tiếp cận dựa vào yếu tố nguy cơ cao trong phòng ngừa và nâng cao sức khỏe
--	--	--	--	--	--	--	---

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu tổng hợp hướng dẫn lý thuyết dịch tễ học (tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trường Đại học Y Hà Nội ,Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Bộ môn dịch tễ học, *Giáo trình lý thuyết Dịch tễ học (2013)*.
2. Trường Đại học Y Hà Nội ,Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Bộ môn dịch tễ học, *Giáo trình thực hành Dịch tễ học (2013)*..
3. Đào Ngọc Phong và cộng sự(1997), “*Vệ sinh môi trường – Dịch tễ - Trường Đại học Y Hà Nội*”, NXB Y học, Hà Nội.
4. Dương Đình Thiện và cộng sự, “*Dịch tễ học Y học. Bộ môn dịch tễ - Trường Đại học Y Hà Nội* NXB Y học, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Định nghĩa, mục tiêu, nội dung và cách đề cập dịch tễ học	3	0	0	0	-	-
1	Bài 2: Đo lường trong dịch tễ học	-	-	-	-	-	-
1	Bài 3: Phương pháp nghiên cứu mô tả	2	-	0	-	-	
1	Bài 4: Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng	3	0	0	0	-	-
1	Bài 5: Phương pháp nghiên cứu thuần tập	3	0	0	0	-	-
1	Bài 6: Phương pháp nghiên cứu can thiệp	3	0	0	0	-	-
1	Bài 7: Sai số và nhiễu	-					
1	Bài 8: Phân tích mối quan hệ nhân quả	-					

2	Bài 9: Các khái niệm về dịch tễ học nhiễm trùng	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 10: Quá trình dịch	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 11: Giám sát dịch tễ học	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 12: Điều tra xử lý dịch	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 13: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 14: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường hô hấp	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 15: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường máu	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 16: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường da và niêm mạc	1.5	0	0	0	-	-
2	Bài 17: Dịch tễ học một số bệnh không lây phổ biến	3	0	0	0	-	-

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình X Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề X Hoạt động nhóm X Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống X Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;	CĐR14
	Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	Theo câu hỏi, bài tập bộ môn	CĐR 2, CĐR5, CDDR7, CĐR12
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	70%	Bộ câu hỏi của bộ môn	CĐR 2, CĐR5, CDDR7, CĐR12

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN (LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ, Ngành: Y học cổ truyền; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Điều dưỡng cơ bản

* Tiếng Việt: Điều dưỡng cơ bản

* Tiếng Anh: Fundamental of nursing

- Mã học phần/ mô đun: MH26

- Số tín chỉ: 1

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu, sinh lý, vi sinh

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 90 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 15 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Điều dưỡng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Mai Thuý Mai	0917549549	maithuymai.vutm@gmail.com
2	ThS. Vũ Thị Thơ	0984947994	vutho.vatm@gmail.com
3	ThS. Phạm Thị Nga	0904890660	ngafam.tlm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Trình bày được các nội dung kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc sức khỏe.	CDR1	4
MT2	Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định và tai biến của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.	CDR1	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.)

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1: Trình bày được các nội dung kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc sức khỏe.	CDR1: Nhận thức rõ tầm quan trọng về vai trò của công tác điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành y khoa.
MT2: Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định và tai biến của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.	CDR2. Có kiến thức cơ bản về mục đích, chỉ định, chống chỉ định, các tai biến có thể xảy ra khi tiến hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản.
	CDR3: Ứng dụng được kiến thức điều dưỡng cơ bản vào thực hành chăm sóc trên người bệnh.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần					
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6

1. Khử khuẩn, tiệt khuẩn	2		2			2
3. Dấu hiệu sinh tồn		3	2	3	2	2
4. Kỹ thuật Tiêm thuốc		2	2	2	2	2
5. Truyền dịch - Truyền máu		2	2	1	2	2
6. Liệu pháp oxy		2	2	2	2	2
8. Thay băng, cắt chỉ vết thương		2	2	2	2	2
9. Các phương pháp cầm máu tạm thời		2	1	1	1	2
10. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày		2	1	1	1	2
11. Rửa dạ dày		2	1	1	1	2
12. Thụt tháo- Thụt giữ		2	1	1	1	2
13. Thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang		2	1	1	1	2
14. Hút đờm dãi		2	2	1	1	2
16. Cấp cứu ngừng tuần hoàn		2	1	2	1	2
17. Sơ cứu gãy xương		2	1	2	1	2

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản nhằm phát triển kỹ năng trong chăm sóc người bệnh. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ có cơ hội áp dụng kiến thức đã học vào thực hành và vào việc thực hiện công tác điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại bệnh viện. Rèn luyện ý thức, thái độ, tác phong và trách nhiệm cho sinh viên khi tham gia công tác chăm sóc sức khỏe người bệnh.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				
	LT	BT/TL /KT	Tổng cộng		
1. Khử khuẩn, tiết khuẩn	1	0	1	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
3. Dấu hiệu sinh tồn	1	0	5	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
4. Kỹ thuật Tiêm thuốc	2	0	6	2	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
5. Truyền dịch - Truyền máu	1	0	3	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
6. Liệu pháp oxy	1	0	2	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
8. Thay băng, cắt chỉ vết thương	1	0	3	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
9. Các phương pháp cầm máu tạm thời	1	0	1	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
10. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày	1	0	3	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
11. Rửa dạ dày	1	0	2	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
12. Thụt tháo- Thụt giữ	1	0	2	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
13. Thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang	1	0	5	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
14. Hút đờm dãi	1	0	2	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
16. Cấp cứu ngừng tuần hoàn	1	0	3	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
17. Sơ cứu gãy xương	1	0	3	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Điều dưỡng (2021). *Điều dưỡng cơ bản*. Tài liệu lưu hành nội bộ.

2. Bộ môn Điều dưỡng (2021). *Bảng kiểm thực hành Điều dưỡng cơ bản*. Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2020). *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 1*. Hà Nội: NXB Y học.

2. Bộ Y tế (2020). *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 2*. Hà Nội: NXB Y học.

3. Bộ Y tế (2014). *Điều dưỡng cơ bản, Tập 1*. Hà Nội: NXB Y học.

4. Bộ Y tế (2014). *Điều dưỡng cơ bản, Tập 2*. Hà Nội: NXB Y học.

5. Bộ Y tế (2012). *Kỹ năng thực hành điều dưỡng*. Hà Nội: NXB Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	
1	4	0	0	0	3
2	4	0	0	0	3
3	4	0	0	0	3
4	3	0	0	0	3
5	0	4	0	0	3

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

✓ Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR1 đến CĐR3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR3.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR1 đến CĐR3.

✓ Cách thức giảng dạy: Phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng phần mềm ZOOM, Google Meet.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Lý thuyết: Sinh viên học tập trung tại Giảng đường hoặc Online qua phần mềm Zoom, Google Meet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%;

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	50%	Số câu trả lời đúng/ Tổng số câu trắc nghiệm.	CĐR1 đến CĐR3

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN (THỰC HÀNH)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ, Ngành: Y học cổ truyền; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Điều dưỡng cơ bản
- * Tiếng Việt: Điều dưỡng cơ bản
- * Tiếng Anh: Fundamental of nursing
- Mã học phần/ mô đun: MH26
- Số tín chỉ: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu, sinh lý, vi sinh

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 90 tiết

- + Thực hành: 30 tiết
- + Bài tập: 0 tiết
- + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
- + Kiểm tra: 0 tiết
- + Thời gian tự học: 30 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Điều dưỡng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Mai Thuý Mai	0917549549	maithuymai.vutm@gmail.com
2	ThS. Vũ Thị Thơ	0984947994	vutho.vatm@gmail.com
3	ThS. Phạm Thị Nga	0904890660	ngafam.tlm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT3	Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản theo đúng quy trình.	CDR6	3
MT4	Phát hiện và xử trí được một số tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật.	CDR6	3
MT5	Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các nhiệm vụ điều dưỡng khi chăm sóc và theo dõi người bệnh.	CDR15	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.)

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kỹ năng	
MT3: Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản theo đúng quy trình.	CDR4: Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản đúng quy trình.
MT4: Phát hiện và xử trí được một số tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật.	CDR5: Theo dõi, phát hiện sớm và xử trí kịp thời những tình huống có thể xảy ra đối với người bệnh.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các nhiệm vụ điều	CDR6: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn.

dưỡng khi chăm sóc và theo dõi người bệnh.	
--	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần					
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6
2. Rửa tay, mặc áo choàng, mang găng vô khuẩn	2		2			2
3. Dấu hiệu sinh tồn		3	2	3	2	2
4. Kỹ thuật Tiêm thuốc		2	2	2	2	2
5. Truyền dịch - Truyền máu		2	2	1	2	2
6. Liệu pháp oxy		2	2	2	2	2
7. Băng bó vết thương		2	2	2	1	2
8. Thay băng, cắt chỉ vết thương		2	2	2	2	2
10. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày		2	1	1	1	2
11. Rửa dạ dày		2	1	1	1	2
12. Thụt tháo- Thụt giữ		2	1	1	1	2
13. Thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang		2	1	1	1	2
14. Hút đờm rãi		2	2	1	1	2
15. Các phương pháp vận chuyển bệnh nhân		2	2	2	2	2

16. Cấp cứu ngừng tuần hoàn		2	1	2	1	2
17. Sơ cứu gãy xương		2	1	2	1	2

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng về các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản nhằm phát triển kỹ năng trong chăm sóc người bệnh. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ có cơ hội áp dụng kiến thức đã học vào thực hành và vào việc thực hiện công tác điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại bệnh viện. Rèn luyện ý thức, thái độ, tác phong và trách nhiệm cho sinh viên khi tham gia công tác chăm sóc sức khỏe người bệnh.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)	
	TH	BT/TL/ KT	Tổng cộng		
2. Rửa tay, mặc áo choàng, mang găng vô khuẩn	1	0	1	2	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
3. Dấu hiệu sinh tồn	4	0	5	4	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
4. Kỹ thuật Tiêm thuốc	4	0	6	4	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
5. Truyền dịch - Truyền máu	2	0	3	2	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
6. Liệu pháp oxy	1	0	2	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
7. Băng bó vết thương	2	0	2	2	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
8. Thay băng, cắt chỉ vết thương	2	0	3	2	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
10. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày	2	0	3	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
11. Rửa dạ dày	1	0	2	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>

12. Thụt tháo- Thụt giữ	1	0	2	1	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
13. Thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang	4	0	5	2	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
14. Hút đờm dãi	1	0	2	2	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
15. Các phương pháp vận chuyển bệnh nhân	1	0	1	2	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
16. Cấp cứu ngừng tuần hoàn	2	0	3	2	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>
17. Sơ cứu gãy xương	2	0	3	2	<i>Đọc tài liệu, Chuẩn bị câu hỏi</i>

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

3. Bộ môn Điều dưỡng (2021). *Điều dưỡng cơ bản*. Tài liệu lưu hành nội bộ.

4. Bộ môn Điều dưỡng (2021). *Bảng kiểm thực hành Điều dưỡng cơ bản*. Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2020). *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 1*. Hà Nội: NXB Y học.

2. Bộ Y tế (2020). *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 2*. Hà Nội: NXB Y học.

3. Bộ Y tế (2014). *Điều dưỡng cơ bản, Tập 1*. Hà Nội: NXB Y học.

4. Bộ Y tế (2014). *Điều dưỡng cơ bản, Tập 2*. Hà Nội: NXB Y học.

5. Bộ Y tế (2012). *Kỹ năng thực hành điều dưỡng*. Hà Nội: NXB Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	
1	0	0	0	0	6
2	0	0	0	8	6
3	0	0	0	8	6
4	0	0	0	8	6
5	4	0	0	2	6

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

✓ Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thực hành: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để thực hiện các thao tác kỹ thuật trên mô hình và bệnh nhân giả định để đạt các chuẩn từ CDR4 đến CDR6.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thực hành, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR4 đến CDR 5.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR4 đến CDR6.

✓ Cách thức giảng dạy: Phương pháp giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Thực hành: Sinh viên học tập trung theo tổ tại phòng Thực hành 100% số buổi

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài thi thực hành, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: các bài thực hành tại phòng thực hành phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá học phần			
	Thực hành chạy trạm OSPE	50%	Sinh viên thực hiện được đầy đủ các bước theo đúng thứ tự trong quy trình kỹ thuật.	CĐR4, CĐR5

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

NỘI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ, Ngành Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Nội cơ sở Y học hiện đại.

* Tiếng Việt: Nội cơ sở Y học hiện đại

* Tiếng Anh: Internal modern medicine facilities

- Mã học phần/ mô đun: MEDI2102

- Số tín chỉ: 6.0 (LT: 3.0/LS: 3.0)

- Đối tượng học (năm thứ): bác sĩ YHCT năm thứ 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Học viên đã học xong các học phần: Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh.

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCCKII. Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
2.	Ths. Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
3.	Ths. BSCCKII. Nguyễn hị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
4.	Ths. Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com
5.	Ths. Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
6.	Ths. Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
7.	Ths. Nguyễn Ngọc Đăng	091635838	bsdang1988@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Hiểu được triệu chứng, hội chứng lâm sàng, nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng cận lâm sàng các bệnh lý nội khoa thường gặp.	CĐR1, CĐR6	5
MT2	Vận dụng được những kiến thức trên vào thực tế lâm sàng phân tích triệu chứng, lập luận chẩn đoán sơ bộ và đưa ra chỉ định cận lâm sàng phù hợp một số bệnh nội khoa thường gặp	CĐR1, CĐR6	5

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
MT1: Hiểu được triệu chứng, hội chứng lâm sàng, nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng cận lâm sàng các bệnh lý nội khoa thường gặp.	CLO1: Hiểu được triệu chứng, hội chứng lâm sàng, nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng cận lâm sàng các bệnh lý nội khoa thường gặp.
MT2: Vận dụng được những kiến thức trên vào thực tế lâm sàng phân tích triệu chứng, lập luận chẩn đoán sơ bộ và đưa ra chỉ định cận lâm sàng phù hợp một số bệnh nội khoa thường gặp	CLO2: Vận dụng được những kiến thức trên vào thực tế lâm sàng phân tích triệu chứng, lập luận chẩn đoán sơ bộ và đưa ra chỉ định cận lâm sàng phù hợp một số bệnh nội khoa thường gặp

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR...	CĐR6	CĐR7	CĐR ...	CĐR1 4
Triệu chứng lâm sàng bệnh lý tim mạch	3			3			
Các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bệnh tim mạch	3			3			
Khám bệnh nhân đau ngực	3			3			
Hội chứng suy tim	3			3			
Triệu chứng lâm sàng bệnh hô hấp	3			3			
Các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bệnh lý hô hấp	3			3			
Các hội chứng lâm sàng hô hấp	3			3			
Khám bệnh nhân khó thở	3			3			
Khám bộ máy tiêu hóa (Lâm sàng và cận lâm sàng)	3			3			
Khám và chẩn đoán gan to	3			3			
Khám bệnh nhân đau bụng	3			3			
Khám và chẩn đoán vàng da	3			3			
Khám và chẩn đoán cổ trướng	3			3			
Triệu chứng học bộ máy vận động (LS và CLS)	3			3			
Khám và chẩn đoán phù	3			3			
Triệu chứng học hệ tiết niệu (Lâm sàng và CLS)	3			3			
Các hội chứng hay gặp trong bệnh thận	3			3			
Khám bệnh nhân nội tiết – Các thăm dò CLS cơ bản trong chẩn đoán bệnh nội tiết.	3			3			
Triệu chứng học bệnh lý tuyến giáp	3			3			
Triệu chứng học bệnh đái tháo đường	3			3			
Khám và chẩn đoán sốt	3			3			
Hội chứng xuất huyết	3			3			
Hội chứng thiếu máu	3			3			
Khám và chẩn đoán lách to	3			3			
Khám và chẩn đoán hạch to	3			3			

6. Mô tả học phần/ mô đun

– Phần thực hành/ lâm sàng :

Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar: Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về triệu chứng học các bệnh lý nội khoa thường gặp.

Mục đích của phần Học phần: giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thăm khám nhận định triệu chứng và lập luận chẩn đoán.

Nội dung chính yếu: Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định triệu chứng cơ năng và thực thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng từ đó quy về hội chứng bệnh, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ, chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Triệu chứng lâm sàng bệnh lý tim mạch	2	4	Chuẩn bị bài: Sinh viên thăm khám bệnh nhân và hoàn thành bệnh án trước buổi giảng.
Các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bệnh tim mạch	2	4	
Khám bệnh nhân đau ngực	1	2	
Hội chứng suy tim	2	4	
Triệu chứng lâm sàng bệnh hô hấp	2	4	
Các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bệnh lý hô hấp	1	2	
Các hội chứng lâm sàng hô hấp	2	4	
Khám bệnh nhân khó thở	1	2	
Khám bộ máy tiêu hóa (Lâm sàng và cận lâm sàng)	3	6	
Khám và chẩn đoán gan to	1	2	
Khám bệnh nhân đau bụng	1	2	
Khám và chẩn đoán vàng da	2	4	
Khám và chẩn đoán cổ trướng	1	2	
Triệu chứng học bộ máy vận động (LS và CLS)	4	8	
Khám và chẩn đoán phù	1	2	
Triệu chứng học hệ tiết niệu (Lâm sàng và CLS)	3	6	
Các hội chứng hay gặp trong bệnh thận	2	4	
Khám bệnh nhân nội tiết – Các thăm dò CLS cơ bản trong chẩn đoán bệnh nội tiết.	2	4	
Triệu chứng học bệnh lý tuyến giáp	2	4	

Triệu chứng học bệnh đái tháo đường	2	4
Khám và chẩn đoán sốt	2	4
Hội chứng xuất huyết	2	4
Hội chứng thiếu máu	2	4
Khám và chẩn đoán lách to	1	2
Khám và chẩn đoán hạch to	1	2

8. Tài liệu học tập (ví dụ về tài liệu tham khảo như dưới đây)

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình học tập: Giáo trình Nội cơ sở (2015), Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Nội cơ sở tập 1 (2018), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
- Nội cơ sở tập 2 (2018), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Thứ tự giảng tùy thuộc vào lịch luân khoa tại bệnh viện	Triệu chứng lâm sàng bệnh lý tim mạch	2					4
	Các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bệnh tim mạch	2					4
	Khám bệnh nhân đau ngực	1					2
	Hội chứng suy tim	2					4
	Triệu chứng lâm sàng bệnh hô hấp	2					4
	Các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bệnh lý hô hấp	1					2
	Các hội chứng lâm sàng hô hấp	2					4
	Khám bệnh nhân	1					2

thực hành	khó thở					
	Khám bộ máy tiêu hóa (Lâm sàng và cận lâm sàng)	3				6
	Khám và chẩn đoán gan to	1				2
	Khám bệnh nhân đau bụng	1				2
	Khám và chẩn đoán vàng da	2				4
	Khám và chẩn đoán cổ trướng	1				2
	Triệu chứng học bộ máy vận động (LS và CLS)	4				8
	Khám và chẩn đoán phù	1				2
	Triệu chứng học hệ tiết niệu (Lâm sàng và CLS)	3				6
	Các hội chứng hay gặp trong bệnh thận	2				4
	Khám bệnh nhân nội tiết – Các thăm dò CLS cơ bản trong chẩn đoán bệnh nội tiết.	2				4
	Triệu chứng học bệnh lý tuyến giáp	2				4
	Triệu chứng học bệnh đái tháo đường	2				4
	Khám và chẩn đoán sốt	2				4
	Hội chứng xuất huyết	2				4
	Hội chứng thiếu máu	2				4
	Khám và chẩn đoán lách to	1				2
	Khám và chẩn đoán hạch to	1				2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 2, CDR 4, CDR 14

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra CĐR1 và CĐR 6

Học tập thảo luận và thực hành lâm sàng đạt CĐR 1, CĐR 6, CĐR 14

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: CĐR 1, CĐR 6, CĐR 14

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Sinh viên thăm khám bệnh nhân và làm bệnh án trước buổi giảng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách thức tham khám bệnh và nhận định triệu chứng lâm sàng, thảo luận phân tích chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng: 7h30 – 11h30, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, khám bệnh nhân, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu Bn, tiếp cận bệnh nhân thăm khám và nhận định triệu chứng từ đó lập luận đưa ra định hướng chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng, dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng.
- Mỗi sinh viên làm 01 bệnh án/tuần.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng:
 - + Ngày thường: Nhận trực muộn nhất là **18h** hôm trước, trực đến **07h30'** ngày hôm sau và tham gia học lâm sàng bình thường. Sinh viên trực khoa nào có thể tham gia giao ban buổi sáng tại Khoa đó (tùy theo thực tế tại BV lâm sàng)
 - + Thứ 7, CN và ngày nghỉ Lễ: Tua 1: **7h00'** đến **18h00'**; Tua 2: từ **18h00'** đến **8h00'** ngày hôm sau (phải có sự bàn giao trực giữa các tua).
 - + Nhiệm vụ của SV trong tua trực: SV phải có mặt tại vị trí trực đúng giờ, khám Bn, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu BN
 - + Mỗi nhóm sinh viên có một **SỔ theo dõi trực lâm sàng**. Sau mỗi buổi trực phải có ký nhận của bác sĩ trong tua trực
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui, chế chế học lâm sàng, tham gia đầy đủ thời gian học lâm sàng, tham gia trực nghiêm túc, làm đủ bệnh án.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh	100%	≥ 4	CĐR2, CĐR 4, CĐR 14.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NỘI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI (PHẦN LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Nội cơ sở Y học hiện đại

* Tiếng Việt: Nội cơ sở Y học hiện đại

* Tiếng Anh: Internal modern medicine facilities

- Mã học phần/ mô đun: MEDI2102

- Số tín chỉ: 6.0 (LT: 3.0/LS: 3.0)

- Đối tượng học (năm thứ): bác sĩ YHCT năm thứ 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Học viên đã học xong các học phần: Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh.

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
8.	Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
9.	Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
10.	Nguyễn Thị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
11.	Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com
12.	Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
13.	Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
14.	Các giảng viên thỉnh giảng tại các bệnh viện thực hành: Bệnh viện 19.8 BCA; Bệnh viện E Trung ương; Bệnh viện Nội tiết Trung ương; Bệnh viện Thanh Nhàn; Bệnh viện Đa khoa Hà Đông; bệnh viện Saint Paul.		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh; thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý nội khoa thông thường; có thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám người bệnh.	CĐR 1, CĐR6, CĐR14	5
MT2	Làm được bệnh án nội khoa., biết áp luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận định được kết quả cận lâm sàng một số bệnh lý nội khoa thông thường.	CĐR 1, CĐR6, CĐR14	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh; thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý nội khoa thông thường; có thái độ	Phát hiện được triệu chứng cơ năng, khai thác được quá trình bệnh và tiền sử bệnh; thực hiện được kỹ năng thăm khám và nhận định được triệu chứng thực thể của của một số bệnh lý nội khoa thông thường; Có thái độ đúng mực với người bệnh khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân

ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám người bệnh.	
Làm được bệnh án nội khoa; biết áp luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận định được kết quả cận lâm sàng một số bệnh lý nội khoa thông thường.	Làm được bệnh án nội khoa hoàn chỉnh; biết áp luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận định được kết quả cận lâm sàng một số bệnh lý nội khoa thông thường.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR ...	CĐR1 4
Khám lâm sàng bệnh nhân suy tim		2		3			2
Khám bệnh nhân đau ngực – Bệnh mạch vành		2		3			2
Giảng lâm sàng bệnh nhân tăng huyết áp		2		3			2
Khám bệnh nhân tràn dịch màng phổi/ tràn khí màng phổi/bệnh nhân khó thở		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân viêm phổi/ viêm phế quản cấp		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân hen phế quản/COPD		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân xơ gan – cổ trướng/vàng da		2		3			2
Giảng lâm sàng bệnh nhân loét dạ dày – hành tá tràng/ Hội chứng trào ngược thực quản dạ dày.		2		3			2
Giảng lâm sàng bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa cao		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân phù/bệnh nhân Hội chứng thận hư		2		3			2
Giảng lâm sàng bệnh nhân nhiễm khuẩn tiết niệu		2		3			2

Khám lâm sàng bệnh nhân bệnh thận mạn		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân viêm khớp dạng thấp		2		3			2
Khám cột sống – Khám bệnh nhân đau lưng		2		3			2
Khám bệnh nhân Goute		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân đái tháo đường.		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân bệnh lý tuyến giáp		2		3			2
Giảng lâm sàng bệnh nhân Cushing		2		3			2
Khám lâm sàng bệnh nhân thiếu máu		2		3			2
Khám lâm sàng và chẩn đoán hội chứng xuất huyết		2		3			2
Khám bệnh nhân lách to/hạch to/ leucemia		2		3			2

6. Mô tả học phần/ mô đun

– Phần thực hành/ lâm sàng :

Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar: Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về triệu chứng học các bệnh lý nội khoa thường gặp.

Mục đích của phần Học phần: giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thăm khám nhận định triệu chứng và lập luận chẩn đoán.

Nội dung chính yếu: Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định triệu chứng cơ năng và thực thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng từ đó quy về hội chứng bệnh, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ ,chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Khám lâm sàng bệnh nhân suy tim	04	04	Chuẩn bị bài: Sinh viên thăm khám bệnh
Khám bệnh nhân đau ngực – Bệnh mạch vành	04	04	

Giảng lâm sàng bệnh nhân tăng huyết áp	04	04	nhân và hoàn thành bệnh án trước buổi giảng.
Khám bệnh nhân tràn dịch màng phổi/ tràn khí màng phổi/bệnh nhân khó thở	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân viêm phổi/ viêm phế quản cấp	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân hen phế quản/COPD	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân xơ gan – cổ trướng/vàng da	04	04	
Giảng lâm sàng bệnh nhân loét dạ dày – hành tá tràng/ Hội chứng trào ngược thực quản dạ dày.	04	04	
Giảng lâm sàng bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa cao	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân phù/bệnh nhân Hội chứng thận hư	04	04	
Giảng lâm sàng bệnh nhân nhiễm khuẩn tiết niệu	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân bệnh thận mạn	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	04	04	
Khám cột sống – Khám bệnh nhân đau lưng	04	04	
Khám bệnh nhân Goute	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân đái tháo đường.	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân bệnh lý tuyến giáp	04	04	
Giảng lâm sàng bệnh nhân Cushing	04	04	
Khám lâm sàng bệnh nhân thiếu máu	04	04	
Khám lâm sàng và chẩn đoán hội chứng xuất huyết	04	04	
Khám bệnh nhân lách to/hạch to/ leucemia	04	04	

8. Tài liệu học tập (ví dụ về tài liệu tham khảo như dưới đây)

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình học tập: Giáo trình Nội cơ sở (2015), Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Nội cơ sở tập 1 (2018), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐHY Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

- Nội cơ sở tập 2 (2018), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Báo cáo/ Seminar	
Thứ tự giảng dạy thuộc vào lịch luân khoa tại bệnh viện thực hành	Khám lâm sàng bệnh nhân suy tim	04				02	04
	Khám bệnh nhân đau ngực – Bệnh mạch vành	02				02	04
	Giảng lâm sàng bệnh nhân tăng huyết áp	02				02	04
	Khám bệnh nhân tràn dịch màng phổi/ tràn khí màng phổi/bệnh nhân khó thở	02				02	04
	Khám lâm sàng bệnh nhân viêm phổi/ viêm phế quản cấp	02				02	04
	Khám lâm sàng bệnh nhân hen phế quản/COPD	02				02	04
	Khám lâm sàng bệnh nhân xơ gan – cổ trướng/vàng da	02				02	04
	Giảng lâm sàng bệnh nhân loét dạ dày – hành tá tràng/ Hội chứng trào ngược thực quản dạ dày.	02				02	04
	Giảng lâm sàng bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa cao	02				02	04
	Khám lâm	02				02	04

sàngbệnh nhân phù/bệnh nhân Hội chứng thận hư							
Giảng lâm sàng bệnh nhân nhiễm khuẩn tiết niệu	02					02	04
Khám lâm sàng bệnh nhân bệnh thận mạn	02					02	04
Khám lâm sàng bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	02					02	04
Khám cột sống – Khám bệnh nhân đau lưng	02					02	04
Khám bệnh nhân Goute	02					02	04
Khám lâm sàng bệnh nhân đái tháo đường.	02					02	04
Khám lâm sàng bệnh nhân bệnh lý tuyến giáp	02					02	04
Giảng lâm sàng bệnh nhân Cushing	02					02	04
Khám lâm sàng bệnh nhân thiếu máu	02					02	04
Khám lâm sàng và chẩn đoán hội chứng xuất huyết	02					02	04
Khám bệnh nhân lách to/hạch to/ leucemia	02					02	04

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 2, CDR 4, CDR 14

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống

Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra CĐR1 và CĐR 6

Học tập thảo luận và thực hành lâm sàng đạt CĐR 1, CĐR 6, CĐR 14

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: CĐR 1, CĐR6, CĐR 14

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Sinh viên thăm khám bệnh nhân và làm bệnh án trước buổi giảng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách thức tham khám bệnh và nhận định triệu chứng lâm sàng, thảo luận phân tích chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng: 7h30 – 11h30, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, khám bệnh nhân, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu Bn, tiếp cận bệnh nhân thăm khám và nhận định triệu chứng từ đó lập luận đưa ra định hướng chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng, dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng.

- Mỗi sinh viên làm 01 bệnh án/tuần.

- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng:

+ Ngày thường: Nhận trực muộn nhất là **18h** hôm trước, trực đến **07h30'** ngày hôm sau và tham gia học lâm sàng bình thường. Sinh viên trực khoa nào có thể tham gia giao ban buổi sáng tại Khoa đó (tùy theo thực tế tại BV lâm sàng)

+ Thứ 7, CN và ngày nghỉ Lễ: Tua 1: **7h00'** đến **18h00'**; Tua 2: từ **18h00'** đến **8h00'** ngày hôm sau (phải có sự bàn giao trực giữa các tua).

+ Nhiệm vụ của SV trong tua trực: SV phải có mặt tại vị trí trực đúng giờ, khám Bn, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu BN

+ Mỗi nhóm sinh viên có một **Sổ theo dõi trực lâm sàng**. Sau mỗi buổi trực phải có ký nhận của bác sĩ trong tua trực

- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.

- Thi kết thúc học phần

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội quy, chế chế học lâm sàng, tham gia đầy đủ thời gian học lâm sàng, tham gia trực nghiêm túc, làm đủ bệnh án.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh	100%	≥ 4	CĐR2, CĐR 4, CĐR 14.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NGOẠI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Ngoại cơ sở Y học hiện đại.

* Tiếng Việt: Ngoại cơ sở Y học hiện đại

* Tiếng Anh: Basic surgical clinic of Modern Medicine

- Mã học phần/ mô đun: MEDI2103

- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu 1,2; Sinh lý; Sinh lý bệnh miễn dịch

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	Phamthaihung73@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Văn Trường		
3	BCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	Duongpv1104@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT2	Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, hội chứng về bệnh lý ngoại khoa thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường.	CDR1	3
MT3	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.	CDR1	3
MT4	Sơ cứu bước đầu một số cấp cứu ngoại thường gặp	CDR1	3
	Kỹ năng		
MT1	Làm được bệnh án ngoại khoa	CDR8	3
MT6	Giao tiếp được với người nhà, người bệnh và trao đổi, thảo luận chuyên môn	CDR9 CDR10	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT5	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	CDR14 CDR15 CDR16 CDR17	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT2: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, hội chứng về bệnh lý ngoại khoa thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường.</p> <p>MT3: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.</p> <p>MT4: Sơ cứu bước đầu một số cấp cứu ngoại thường gặp</p>	<p>CLO 2: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí về bệnh lý ngoại khoa.</p> <p>CLO3: Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường.</p> <p>Áp dụng kiến thức đã học để đưa ra chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường</p> <p>CLO4: Cấp cứu ban đầu bệnh nhân</p>
Kỹ năng	
<p>MT1: Làm được bệnh án ngoại khoa</p> <p>MT6: Giao tiếp được với người nhà, người bệnh và trao đổi, thảo luận chuyên môn</p>	<p>CLO 1: Làm hoàn chỉnh được bệnh án ngoại khoa</p> <p>CLO 6: Giao tiếp được với người nhà, người bệnh và trao đổi, thảo luận chuyên môn</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT5: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa</p>	<p>CLO 5: Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên nghiệp khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Mẫu bệnh án Ngoại khoa	2	2	2	1	2	2
Khám bụng Ngoại khoa	1	2	2	2	2	2
Khám chấn thương – vết thương ngực	1	2	2	2	2	2
Khám chấn thương sọ não	1	2	2	2	2	2
Khám Chi – Cột sống – Xương chậu	1	2	2	2	2	2
Khám Hệ tiết niệu	1	2	2	2	2	2
Khám hậu môn trực tràng	1	2	2	2	2	2
Hội chứng chảy máu trong	1	2	2	2	2	2
Hội chứng viêm phúc mạc	1	2	2	2	2	2
Đại cương gãy xương	1	2	2	2	2	2
Hội chứng tắc ruột	1	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần NGOẠI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về vô khuẩn và tiết khuẩn trong ngoại khoa và kiến thức cơ bản về sơ cứu ban đầu của một số cấp cứu ngoại khoa thường gặp.

Học phần cũng giúp sinh viên khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng, hội chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh đường tiêu hóa, lồng ngực mạch máu và nhiễm khuẩn tiết khuẩn trong ngoại khoa.

Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại thần kinh, chấn thương chỉnh hình, ngoại niệu thường gặp.

- Thực hiện được sơ cứu ban đầu trong cấp cứu ngoại khoa
- Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
1. Mẫu bệnh án Ngoại khoa	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
2. Khám bụng Ngoại khoa	04					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
3. Khám chân thương – vết thương ngực	04					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
4. Khám chân thương sọ não	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
5. Khám Chi – Cột sống – Xương chậu	04					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
6. Khám Hệ tiết niệu	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
7. Khám hậu môn trực tràng	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
8. Hội chứng chảy máu trong	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
9. Hội chứng viêm phúc mạc	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm

10. Đại cương gãy xương	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
11. Hội chứng tắc ruột	04					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Ngoại 2021. *Ngoại cơ sở*. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam: TL nội bộ

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Triệu chứng học ngoại khoa (1990), Trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học

[2] Triệu chứng học ngoại khoa (2004), Đặng Hanh Đệ, NXB Y học

[3] Ngoại khoa cơ sở (2003), Bộ Y tế, NXB Y học

[4] Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa (2013), Trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Mẫu bệnh án Ngoại khoa	02					
2	Khám bụng Ngoại khoa	04					
3	Khám chấn thương – vết thương ngực	04					
4	Khám chấn thương sọ não	02					
5	Khám Chi – Cột sống – Xương chậu	04					
6	Khám Hệ tiết niệu	02					
7	Khám hậu môn trực tràng	02					
8	Hội chứng chảy máu trong	02					
9	Hội chứng viêm phúc mạc	02					

10	Đại cương gãy xương	02					
11	Hội chứng tắc ruột	04					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành	33,3%		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NGOẠI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI (LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Ngoại cơ sở Y học hiện đại.

* Tiếng Việt: Ngoại cơ sở Y học hiện đại

* Tiếng Anh: Basic surgical clinic of Modern Medicine

- Mã học phần/ mô đun: MEDI2103

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Giải phẫu 1,2; Sinh lý; Sinh lý bệnh miễn dịch

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	Phamthaihung73@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Văn Trường		
3	BSCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	Duongpv1104@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT2	Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, hội chứng về bệnh lý ngoại khoa thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường.	CDR1	3
MT3	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.	CDR1	3
MT4	Sơ cứu bước đầu một số cấp cứu ngoại thường gặp	CDR1	3
Kỹ năng			
MT1	Làm được bệnh án ngoại khoa	CDR8	3
MT6	Giao tiếp được với người nhà, người bệnh và trao đổi, thảo luận chuyên môn	CDR9 CDR10	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	CDR14 CDR15 CDR16 CDR17	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT2: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, hội chứng về bệnh lý ngoại khoa thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường.</p> <p>MT3: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.</p> <p>MT4: Sơ cứu bước đầu một số cấp cứu ngoại thường gặp</p>	<p>CLO 2: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí về bệnh lý ngoại khoa.</p> <p>CLO3: Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường.</p> <p>Áp dụng kiến thức đã học để đưa ra chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường</p> <p>CLO4: Cấp cứu ban đầu bệnh nhân</p>
Kỹ năng	
<p>MT1: Làm được bệnh án ngoại khoa</p> <p>MT6: Giao tiếp được với người nhà, người bệnh và trao đổi, thảo luận chuyên môn</p>	<p>CLO 1: Làm hoàn chỉnh được bệnh án ngoại khoa</p> <p>CLO 6: Giao tiếp được với người nhà, người bệnh và trao đổi, thảo luận chuyên môn</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT5: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa</p>	<p>CLO 5: Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên nghiệp khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Mẫu bệnh án Ngoại khoa	2	2	2	1	2	2
Khám bụng Ngoại khoa	1	2	2	2	2	2
Khám chấn thương – vết thương ngực	1	2	2	2	2	2
Khám chấn thương sọ não	1	2	2	2	2	2
Khám Chi – Cột sống – Xương chậu	1	2	2	2	2	2
Khám Hệ tiết niệu	1	2	2	2	2	2
Khám hậu môn trực tràng	1	2	2	2	2	2
Hội chứng chảy máu trong	1	2	2	2	2	2
Hội chứng viêm phúc mạc	1	2	2	2	2	2
Đại cương gãy xương	1	2	2	2	2	2
Hội chứng tắc ruột	1	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần lâm sàng Học phần NGOẠI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa và kiến thức cơ bản về sơ cứu ban đầu của một số cấp cứu ngoại khoa thường gặp.

Học phần cũng giúp sinh viên khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng, hội chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh đường tiêu hóa, lồng ngực mạch máu và nhiễm khuẩn tiết khuẩn trong ngoại khoa.

Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại thần kinh, chấn thương chỉnh hình, ngoại niệu thường gặp.

- Thực hiện được sơ cứu ban đầu trong cấp cứu ngoại khoa

- Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
12. Mẫu bệnh án Ngoại khoa	02		Chuẩn bị bài, làm và viết bệnh án - Chuẩn bị báo cáo Slide theo nhóm - Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đề - Ưu tiên phân biệt, tính sáng tạo
13. Khám bụng Ngoại khoa	04		
14. Khám chấn thương – vết thương ngực	04		
15. Khám chấn thương sọ não	02		
16. Khám Chi – Cột sống – Xương chậu	04		
17. Khám Hệ tiết niệu	02		
18. Khám hậu môn trực tràng	02		
19. Hội chứng chảy máu trong	02		
20. Hội chứng viêm phúc mạc	02		
21. Đại cương gãy xương	02		
22. Hội chứng tắc ruột	04		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Ngoại 2021. *Ngoại cơ sở*. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam: TL nội bộ

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Triệu chứng học ngoại khoa (1990), Trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học

[2] Triệu chứng học ngoại khoa (2004), Đặng Hanh Đệ, NXB Y học

[3] Ngoại khoa cơ sở (2003), Bộ Y tế, NXB Y học

[4] Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa (2013), Trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Mẫu bệnh án Ngoại khoa	02					
2	Khám bụng Ngoại khoa	04					
3	Khám chấn thương – vết thương ngực	04					
4	Khám chấn thương sọ não	02					
5	Khám Chi – Cột sống – Xương chậu	04					
6	Khám Hệ tiết niệu	02					
7	Khám hậu môn trực tràng	02					
8	Hội chứng chảy máu trong	02					
9	Hội chứng viêm phúc mạc	02					
10	Đại cương gãy xương	02					
11	Hội chứng tắc ruột	04					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CĐR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tải cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Hướng dẫn tại buồng, đi buồng phòng hướng dẫn khám bệnh, chữa bệnh án học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng buổi học lâm sàng, tuyệt đối không bỏ trực viện, khoa
- Sinh viên phải có bài báo cáo, bệnh án chuẩn bị trước giờ giảng, chiếu slide theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Trung bình cộng điểm các bài thảo luận	100%	≥ 4	CLO1 - CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NỘI BỆNH LÝ Y HỌC HIỆN ĐẠI (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Nội bệnh lý Y học hiện đại
- * Tiếng Việt: Nội bệnh lý Y học hiện đại
- * Tiếng Anh: : Internal pathology of modern medicine
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 03 (3.0 LT, 2.0 LS)
- Đối tượng học (năm thứ): bác sĩ YHCT năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành x <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 135 tiết
 - + Lý thuyết: 45 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: 90 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội – Tổ YHHD

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
15.	Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
16.	Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com

17.	Nguyễn Thị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
18.	Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com
19.	Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
20.	Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
21.	Hoàng Thanh Tuyên	0903211254	twyenht@gmail.com
22.	Lê Quang Toàn	0904464680	letoan.endo@gmail.com
23.	Nguyễn Minh Tuấn	0982150672	bstuan76bve@gmail.com
24.	Phạm Văn Đức	0356654398	bsntphamvanduc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh một số bệnh nội khoa thường gặp.	CĐR 1, CĐR 6, CĐR 17	4
MT2	Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh nội khoa thường gặp.	CĐR 1, CĐR 6, CĐR 17	4
MT3	Trình bày được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.	CĐR 1, CĐR 6, CĐR 17	4
MT4	Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CĐR 7	5

Mức độ tự chủ và trách nhiệm: người học có cái nhìn khái quát về bệnh, tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả trong một số bệnh lý thông thường thường gặp

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
MT1: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh một số bệnh nội khoa thường gặp.	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh một số bệnh nội khoa thường gặp
MT2: Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh nội khoa thường gặp.	Nắm được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh nội khoa thường gặp.
MT3: Trình bày được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun (theo chương/bài)	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun					
	CDR1	CDR..	CDR6	CDR7	CDR14	CDR...
Tăng huyết áp (THA)	3		3	3	3	
Cơn đau thắt ngực – Nhồi máu cơ tim	3		3	3	3	
Bệnh van hai lá	3		3	3	3	
Bệnh van động mạch chủ	3		3	3	3	
Suy tim	3		3	3	3	
Viêm phế quản cấp	3		3	3	3	
Viêm phổi	3		3	3	3	
Hen phế quản	3		3	3	3	
Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	3		3	3	3	
Tràn dịch màng phổi	3		3	3	3	
Tràn khí màng phổi	3		3	3	3	
Loét dạ dày tá tràng	3		3	3	3	
Xuất huyết tiêu hóa cao	3		3	3	3	
Xơ gan	3		3	3	3	

Viêm gan mạn	3		3	3	3	
Viêm tụy cấp	3		3	3	3	
HC ruột kích thích	3		3	3	3	
Bệnh lý cầu thận: Một số bệnh cầu thận thường gặp	3		3	3	3	
Hội chứng thận hư	3		3	3	3	
Bệnh thận mạn	3		3	3	3	
Sỏi thận – tiết niệu	3		3	3	3	
Nhiễm khuẩn tiết niệu	3		3	3	3	
Viêm khớp dạng thấp (VKDT)	3		3	3	3	
Viêm cột sống dính khớp (VCSDK)	3		3	3	3	
Gout	3		3	3	3	
Thoái hóa khớp	3		3	3	3	
Đái tháo đường (ĐTĐ)	3		3	3	3	
Basedow	3		3	3	3	
HC Cushing	3		3	3	3	
Bướu cổ đơn thuần	3		3	3	3	
Chẩn đoán và điều trị thiếu máu	3		3	3	3	
Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch	3		3	3	3	
Lơ xơ mi cấp	3		3	3	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Phần thực hành lâm sàng sẽ tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cụ thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Chương/ phần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
		LT	TH	BT/T L/KT	Tổng cộng		
1. Tim	1. Tăng huyết áp	02				02	Chuẩn bài báo

mạch	2. Con đau thắt ngực – Nhồi máu cơ tim	01				01	cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	3. Bệnh van hai lá	01				01	
	4. Bệnh van động mạch	01				01	
	5. Suy tim	02				02	
2. Hô hấp	1. Viêm phế quản cấp	01				01	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	1. Viêm phổi	01				01	
	2. Hen phế quản	02				02	
	3. COPD	02				02	
	4. Tràn dịch màng phổi	01				01	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	5. Tràn khí màng phổi	01				01	
3. Tiêu hóa	1. Loét dạ dày tá tràng	01				01	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	2. Xuất huyết tiêu hóa cao	02				02	
	3. Xơ gan	01				01	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	4. Viêm gan mạn	01				01	
	5. Viêm tụy cấp	01				01	
	6. HC ruột kích thích	01				01	
4. Thận tiết niệu	1. Bệnh lý cầu thận: Một số bệnh cầu thận thường gặp	02				02	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	2. Hội chứng thận hư	01				01	
	3. Bệnh thận mạn	02				02	
	4. Sỏi thận – tiết niệu	01				01	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	5. Nhiễm khuẩn tiết niệu	02				02	
5. Cơ xương	1. Viêm khớp dạng thấp	02				02	Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu

khớp	2. Viêm cột sống dính khớp	01				01		chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
	3. Gout	01				01		
	4. Thoái hóa khớp	01				01		Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
6. Nội tiết	1. Đái tháo đường	02				02		
	2. Basedow	02				02		
	3. HC Cushing	01				01		
	4. Bướu cổ đơn thuần	01				01		Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [5]
7. Huyết học	1. Chẩn đoán và điều trị thiếu máu	02				02		
	2. Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch	01				01		
	3. Lơ xơ mi cấp	01				01		

8. Tài liệu học tập

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Bệnh học Nội khoa (2015), Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);
2. Bệnh học Nội khoa tập 1 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bệnh học Nội khoa tập 2 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
4. Nội khoa cơ sở (2021), Bộ môn nội, Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);
5. Nội khoa cơ sở (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung chính	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Tăng huyết áp	02					04
2.	Con đau thắt ngực – Nhồi máu cơ tim	01					02
3.	Bệnh van hai lá	01					02
4.	Bệnh van động mạch	01					02
5.	Suy tim	02					04
6.	Viêm phế quản cấp	01					02
7.	Viêm phổi	01					02
8.	Hen phế quản	02					04
9.	COPD	02					02
10.	Tràn dịch màng phổi	01					02
11.	Tràn khí màng phổi	01					02
12.	Loét dạ dày tá tràng	01					02
13.	Xuất huyết tiêu hóa cao	02					04
14.	Xơ gan	01					02
15.	Viêm gan mạn	01					02
16.	Viêm tụy cấp	01					02
17.	HC ruột kích thích	01					02
18.	Bệnh lý cầu thận: Một số bệnh cầu thận thường gặp	02					04
19.	Hội chứng thận hư	01					02
20.	Bệnh thận mạn	02					04
21.	Sỏi thận – tiết niệu	01					02
22.	Nhiễm khuẩn tiết niệu	02					04
23.	Viêm khớp dạng thấp	02					04

24.	Viêm cột sống dính khớp	01					02
25.	Gout	01					02
26.	Thoái hóa khớp	01					02
27.	Đái tháo đường	02					04
28.	Basedow	02					04
29.	HC Cushing	01					02
30.	Bướu cổ đơn thuần	01					02
31.	Chẩn đoán và điều trị thiếu máu	02					04
32.	Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch	01					02
33.	Lơ xơ mi cấp	01					02

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CĐR2]

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn [CĐR1], [CĐR6], [CĐR7], [CĐR14].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn [CĐR1], [CĐR6], [CĐR7], [CĐR14].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn [CĐR1], [CĐR6], [CĐR7], [CĐR14].

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình:			
	Xét điều kiện được thi		Tham gia học lý thuyết tối thiểu đạt 80 %;	CĐR 1, 6,7, 14
0.92	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CĐR 1, 6,7, 14

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi thực hành X 1 + Điểm lý thuyết X 2)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Thư

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NỘI BỆNH LÝ Y HỌC HIỆN ĐẠI (PHẦN LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Nội bệnh lý Y học hiện đại

* Tiếng Việt: Nội bệnh lý Y học hiện đại

* Tiếng Anh: : Internal pathology of modern medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 2.0

- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ YHCT năm thứ 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Học viên đã học xong các học phần: Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
25.	Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
26.	Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
27.	Nguyễn Thị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
28.	Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com
29.	Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
30.	Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
31.	Các giảng viên thỉnh giảng tại các bệnh viện thực hành: Bệnh viện 19.8 BCA; Bệnh viện E Trung ương; Bệnh viện Nội tiết Trung ương; Bệnh viện Thanh Nhàn; Bệnh viện Đa khoa Hà Đông; bệnh viện Saint Paul.		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh mắc bệnh lý nội khoa thông thường.	CDR 1, 6, 14	5
MT2	Thực hiện được kỹ năng thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý nội khoa thông thường	CDR 1, 6, 14	5
MT3	Lập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận định được kết quả cận lâm sàng một số bệnh lý nội khoa thông thường.	CDR 1, 6, 14	4
MT4	Làm được bệnh án nội khoa.	CDR 1, 6	5
MT5	Thể hiện thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân.	CDR 1, 6, 14	5
MT6	Lập luận chẩn đoán xác định và đưa ra hướng điều trị một số bệnh lý nội khoa thông thường.	CDR 1, 6, 14	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh mắc bệnh lý nội khoa thông thường.	Phát hiện được triệu chứng cơ năng, khai thác được quá trình bệnh và tiền sử bệnh của một số bệnh lý thông thường
Thực hiện được kỹ năng thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu bệnh lý nội khoa thông thường	Thực hiện được kỹ năng thăm khám và nhận định được triệu chứng thực thể của một số bệnh lý thông thường
Lập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận định được kết quả cận lâm sàng một số bệnh lý nội khoa thông thường.	Đưa ra được chẩn đoán sơ bộ và chỉ định cận lâm sàng của một số bệnh lý thông thường
Làm được bệnh án nội khoa.	Hoàn thiện được bệnh án nội khoa hoàn chỉnh.
Thể hiện thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân.	Có thái độ đúng mực với người bệnh khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân
Lập luận chẩn đoán xác định và đưa ra hướng điều trị một số bệnh lý nội khoa thông thường.	Đưa ra chẩn đoán xác định và hướng điều trị một số bệnh lý nội khoa thông thường.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	...	CDR6	CDR7	CDR14
Chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Con đau thắt ngực/nhồi máu cơ tim	3			3			3

Chẩn đoán và điều trị Suy tim	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Hen phế quản	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Viêm phổi/Viêm phế quản/Tràn dịch màng phổi.	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Xơ gan/Viêm gan	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Xuất huyết tiêu hóa do GVTM thực quản/ do ổ loét	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Loét dạ dày tá tràng	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Nhiễm khuẩn tiết niệu/ Sỏi tiết niệu	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Hội chứng thận hư/Viêm cầu thận	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa khớp	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp/Viêm cột sống dính khớp	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị gut	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Đái tháo đường	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Basedow	3			3			3
Khám chẩn đoán Bn HC Cushing	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Thiếu máu	3			3			3
Chẩn đoán và điều trị Lơ xơ mi cấp	3			3			3

6. Mô tả học phần/ mô đun

– Phần thực hành/ lâm sàng :

Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar: Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học một số bệnh nội khoa thông thường.

Mục đích của phần Học phần: giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị cụ thể cho một số bệnh nội khoa thông thường.

Nội dung chính yếu: Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định triệu chứng cơ năng và thực thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng từ đó quy về hội chứng bệnh, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ ,chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng từ đó lập luận đưa ra chẩn đoán xác định và hướng điều trị cụ thể cho một số bệnh nội khoa thông thường.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp	04	04	Chuẩn bị bài: Sinh viên thăm khám bệnh nhân và hoàn thành bệnh án trước buổi giảng.
Chẩn đoán và điều trị Con đau thắt ngực/nhồi máu cơ tim	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Suy tim	04	04	
Bệnh bệnh án tim mạch	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Hen phế quản	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Viêm phổi/Viêm phế quản/Tràn dịch màng phổi.	04	04	
Bệnh bệnh án hô hấp	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Xơ gan/Viêm gan	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Xuất huyết tiêu hóa do GVTM thực quản/ do ổ loét	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Loét dạ dày tá tràng	04	04	
Bệnh bệnh án tiêu hóa	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Nhiễm khuẩn tiết	04	04	

niệu/ Sỏi tiết niệu			
Chẩn đoán và điều trị Hội chứng thận hư/Viêm cầu thận	04	04	
Bệnh bệnh án thận tiết niệu	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa khớp	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp/Viêm cột sống dính khớp	04	04	
Chẩn đoán và điều trị gut	04	04	
Bệnh bệnh án cơ xương khớp	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Đái tháo đường	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Basedow	04	04	
Khám chẩn đoán Bn HC Cushing	04	04	
Bệnh bệnh án nội tiết	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Thiếu máu	04	04	
Chẩn đoán và điều trị Lơ xơ mi cấp	04	04	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình học tập: Giáo trình Nội bệnh lý (2015), Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Nội bệnh lý tập 1 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
- Nội bệnh lý tập 2 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

8. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Báo cáo/Seminar	
Thứ tự giảng	Chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Con đau thắt	02				02	04

tùy thuộc vào lịch luân khoa tại bệnh viện thực hành	ngực/nhồi máu cơ tim						
	Chẩn đoán và điều trị Suy tim	02				02	04
	Bệnh bệnh án tim mạch	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Hen phế quản	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Viêm phổi/Viêm phế quản/Tràn dịch màng phổi.	02				02	04
	Bệnh bệnh án hô hấp	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Xơ gan/Viêm gan	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Xuất huyết tiêu hóa do GVTM thực quản/ do ổ loét	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Loét dạ dày tá tràng	02				02	04
	Bệnh bệnh án tiêu hóa	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Nhiễm khuẩn tiết niệu/ Sỏi tiết niệu	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Hội chứng thận hư/Viêm cầu thận	02				02	04
	Bệnh bệnh án thận tiết niệu	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa khớp	02				02	04
	Chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng	02				02	04

thấp/Viêm cột sống đỉnh khớp						
Chẩn đoán và điều trị gut	02				02	04
Bình bệnh án cơ xương khớp	02				02	04
Chẩn đoán và điều trị Đái tháo đường	02				02	04
Chẩn đoán và điều trị Basedow	02				02	04
Khám chẩn đoán Bn HC Cushing	02				02	04
Bình bệnh án nội tiết	02				02	04
Chẩn đoán và điều trị Thiếu máu	02				02	04
Chẩn đoán và điều trị Lơ xơ mi cấp	02				02	04

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1, CDR 6, CDR 14

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra CDR 1 và CDR 6

Học tập thảo luận đạt CDR 1 và CDR 6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CDR 1 và CDR 6, CDR14

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Sinh viên thăm khám bệnh nhân và làm bệnh án trước buổi giảng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách thức tham khám bệnh và nhận định triệu chứng lâm sàng, thảo luận phân tích chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng: 7h30 – 11h30, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, khám bệnh nhân, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu Bn, tiếp cận bệnh nhân thăm khám và nhận định triệu chứng từ đó lập luận đưa ra định hướng chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng, dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng.
 - Mỗi sinh viên làm 01 bệnh án/tuần.
 - Tham gia trực tại khoa học lâm sàng:
 - + Ngày thường: Nhận trực muộn nhất là **18h** hôm trước, trực đến **07h30'** ngày hôm sau và tham gia học lâm sàng bình thường. Sinh viên trực khoa nào có thể tham gia giao ban buổi sáng tại Khoa đó (tùy theo thực tế tại BV lâm sàng)
 - + Thứ 7, CN và ngày nghỉ Lễ: Tua 1: **7h00'** đến **18h00'**; Tua 2: từ **18h00'** đến **8h00'** ngày hôm sau (phải có sự bàn giao trực giữa các tua).
 - + Nhiệm vụ của SV trong tua trực: SV phải có mặt tại vị trí trực đúng giờ, khám Bn, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu BN
 - + Mỗi nhóm sinh viên có một **Sổ theo dõi trực lâm sàng**. Sau mỗi buổi trực phải có ký nhận của bác sĩ trong tua trực
 - Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
 - Thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội quy, chế chế học lâm sàng, tham gia đầy đủ thời gian học lâm sàng, tham gia trực nghiêm túc, làm đủ bệnh án.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh	100%	≥ 4	CĐR1, CĐR 6, CĐR 14.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
NỘI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN 1 (Lý thuyết)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa YHCT
Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Nội khoa Y học cổ truyền 1
- * Tiếng Việt: Nội khoa Y học cổ truyền 1
- * Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine 1
- Mã Học phần/ Môn học: TRAD5109
- Số tín chỉ: 5 (3LT/2LS)
- Đối tượng học: Sinh viên chính quy năm thứ 5 chuyên ngành YHCT
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành ×		Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	x		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nội cơ sở YHHĐ, Nội Bệnh lý YHHĐ, Dược lâm sàng YHHĐ, Y lý YHCT, Châm cứu dưỡng sinh, Xoa bóp bấm huyệt, Thuốc YHCT, Phương tễ YHCT.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 102 tiết

* Lý thuyết: 45 tiết

* Bài tập: 20 tiết

* Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết

* Kiểm tra: 2 tiết

* Thời gian tự học: 25 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội tổ YHCT

2. Thông tin giảng viên

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Gmail
1	PGS.TS. Đoàn Quang Huy	0984558888	huyyhct@gmail.com
2	TS. Nguyễn Tiến Chung	0989304689	nguyentienchung89@gmail.com

3	Ths Nguyễn Thị Ngọc	0977119094	ngoc2788@gmail.com
4	Ths Tạ Thị Nga	0814759535	Drngata994@gmail.com
5	Ths Hoàng Trọng Quân	0985121195	trongquanhvdy@gmail.com
6	Ths. Trần Thị Thu Hương A	0985815138	huongthuviet@gmail.com
7	Ths.BSNT. Lê Thúy Hạnh	0917886577	hanhchi2009@gmail.com
8	BSCCKII. Nguyễn Minh Hà	0915965596	bsminhha99@gmail.com
9	Ths. Thịnh Thị Minh Thu	0915486287	thinhminhthu@gailcom
10	Ths. BSNT Bùi Thị Tâm	0899975577	bacsytam.yhct@gmail.com
11	Ths Lê Thu Hiền	0366370067	lethuhien28@gmail.com
12	Ths Trần Thu Phương	0972520018	phuongtran3438@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ theo
Kiến thức	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh của các bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CĐR 1: Ứng dụng KT KHCB, KH y sinh, BH ĐT YHCT kh YHHĐ trong khám, chẩn đoán, ĐT phòng bệnh.	Bloom 2001 Bậc 2
	- Biện chứng để chẩn đoán và điều trị các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT	CĐR 1	Bloom 2001 Bậc 3
	- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng Điều trị được các bệnh Nội khoa thường gặp theo y học hiện đại kết hợp với YHCT	CĐR 1	Bloom 2001 Bậc 4
	- Giải thích được sự tác động của môi trường tới sức khỏe con người từ đó hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh cho BN	CĐR 2 Giải thích đc sự TĐ của MT tới sức khỏe con người.	Bloom 2001 Bậc 4
Kỹ năng	- Thực hiện đúng, đầy đủ tứ chẩn (vọng, văn, vấn, thiết) để chẩn đoán	CĐR 6: CĐ, Đt và dự phòng các chứng bệnh	Dave 1975 bậc 4

	được bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	thường gặp bằng YHCT, YHHĐ	
	- Quy nạp chứng hậu chứng trạng đúng để chẩn đoán theo YHCT	CDR 6	Dave 1975 bậc 4
	- Đưa ra pháp, phương điều trị thể bệnh của BN theo YHCT	CDR 6	Dave 1975 bậc 4
	- Làm thành thạo một số kỹ thuật điều trị bằng YHCT (châm cứu, xoa bóp...)	CDR 6	Dave 1975 bậc 4
	Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần YHHĐ, YHCT	CDR 6	Dave 1975 bậc 4
	Hướng dẫn, tư vấn được bệnh nhân các phương pháp phòng bệnh nội khoa thường gặp.	CDR 7: thực hiện được truyền thông GGSK để BV nâng cao SK nhân dân	Dave 1975 bậc 4
Thái độ	Thể hiện sự tôn trọng quyền của người bệnh, cơ thể người bệnh qua lời nói và hành vi	CDR 14 Giao tiếp có hiệu quả với NB và người nhà, CD	Krathwohl bậc 3
	Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.	CDR 15 làm việc được theo nhóm, phát huy sáng tạo.	Krathwohl bậc 3

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR Môn học
Kiến thức	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh của các bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CLO1: Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán được các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT.

	- Biện chứng để chẩn đoán và điều trị các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT	CLO2: Vận dụng các kiến thức để đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thể bệnh của các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT kết hợp YHHĐ.
	- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng Điều trị được các bệnh Nội khoa thường gặp theo y học hiện đại kết hợp với YHCT	
	- Giải thích được sự tác động của môi trường tới sức khỏe con người từ đó hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh cho BN	CLO3: Giải thích được sự tác động của môi trường tới sức khỏe con người từ đó hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh cho BN
Kỹ năng	- Thực hiện đúng, đầy đủ tứ chẩn (vọng, văn, vấn, thiết) để chẩn đoán được bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CLO4:Thực hiện đúng, đầy đủ tứ chẩn (vọng, văn, vấn, thiết) để chẩn đoán được bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT.
	- Quy nạp chứng hậu chứng trạng đúng để chẩn đoán theo YHCT	CLO5:Quy nạp chứng hậu chứng trạng đúng để chẩn đoán và đưa ra pháp, phương điều trị thể bệnh của BN theo YHCT. Lựa chọn phương pháp Điều trị kết hợp YHCT và YHHĐ phù hợp với từng bệnh nhân.
	- Đưa ra pháp, phương điều trị thể bệnh của BN theo YHCT	CLO6:Nhận biết được các dấu hiệu tiến triển xấu của người bệnh và thực hiện các đáp ứng phù hợp và chuyển tuyến điều trị nếu cần.
	- Làm thành thạo một số kỹ thuật điều trị bằng YHCT (châm cứu, xoa bóp...)	CLO7: Làm thành thạo một số kỹ thuật điều trị bằng YHCT (điện châm, xoa bóp, cứu ngải, giác hơi...), thực hiện kê đơn thuốc an toàn, hiệu quả khi phối hợp YHCT và YHHĐ.
	Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần	CLO8:Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần

	YHHĐ, YHCT	YHHĐ, YHCT.
	Hướng dẫn, tư vấn được bệnh nhân các phương pháp phòng bệnh nội khoa thường gặp.	CLO9: Tư vấn, hướng dẫn, giao tiếp với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân hiệu quả.
Thái độ	Thể hiện sự tôn trọng quyền của người bệnh, cơ thể người bệnh qua lời nói và hành vi	CLO10: Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.
	Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chương 1. Hệ tiêu hóa	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2
Chương 2. Cơ xương khớp	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3. Hệ Thần kinh, tâm thần	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2
Chương 4. Hệ tim mạch, huyết học	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2
Chương 5. Hệ Thận tiết niệu	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2
Chương 6. Hệ nội tiết chuyển hóa	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2
Chương 7: Hệ hô hấp	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2

6. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Xu thế điều trị các bệnh lý hiện nay thường phối hợp điều trị YHHĐ và các liệu pháp YHCT để gia tăng kết quả điều trị đồng thời giảm bớt tác dụng phụ của thuốc. Môn học Nội khoa Y học cổ truyền 1 sẽ hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Nội khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ. Môn học này sẽ cung cấp kiến thức nội khoa YHCT và cập nhật các kiến thức mới nhất của YHHĐ về các chứng bệnh Nội khoa thường gặp. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT hiện nay.

7. Nội dung chi tiết Học phần/ Môn học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/T L/KT				
Viêm loét dạ dày tá tràng	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VLĐTT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm quanh khớp vai	2	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của chứng VQKV theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm khớp dạng thấp	2	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của chứng VKDT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau thần kinh hông to	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐTKHT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau lưng	2	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐL theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau vai gáy	2	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐVG theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Thoái hóa khớp	3	0	1		2	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của THK theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Táo bón	2	0	1		2	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của TB theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm gan mạn	2	0	1		2	2	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VGM theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Tăng huyết áp	2	0	1		3		-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của THA theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đột quy não	3	0	1		3		-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐQN theo

							YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Rối loạn thần kinh tim	2	0	1			2	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của RLTKT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đái tháo đường	3	0	1			4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐTĐ theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Rối loạn chuyển hóa lipid	2	0	1			4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của RLCHLP theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau đầu	2	0	1			3	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của Đau đầu theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Liệt VII ngoại biên	2	0	1			2	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của LVIINB theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Tâm căn suy nhược	2	0	1			2	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của TCSN theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau thần kinh liên sườn	2	0	1			2	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐTKLS theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm bàng quang	2	0	1			2	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VBQ theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm phế quản mạn	2	0	1			2	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VPQM theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Bài giảng bệnh học nội khoa Y học cổ truyền-Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam-NXB Y học 2015.
- Bài giảng điều trị học nội khoa Y học cổ truyền- Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam-NXB Y học 2015.

9. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm ×

Thuyết trình x Động não x Tùc cập /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x

Đóng vai x Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập □

- Cách thức giảng dạy: giảng dạy trực tiếp kết hợp giảng dạy online

10. Nhiệm vụ của Giảng viên, học viên

Nhiệm vụ và quyền lợi của giảng viên:

- Được cung cấp trang thiết bị, học liệu, tài liệu tham khảo cần thiết để phục vụ quá trình giảng dạy
- Giảng dạy đúng lịch đã được phân công

Nhiệm vụ và quyền lợi của Học viên

- Được nghe giảng đầy đủ
- Được cung cấp mục tiêu học tập, kế hoạch giảng và kế hoạch lượng giá học phần trước khi học học phần.
- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Thực hành/ làm sàng: tại các bệnh viện thực hành
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt trên 80%

11. Phương pháp lượng giá học phần

11.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

11.2. Rubric:

11.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Rubric 1.1: Đánh giá chuyên cần khi học lý thuyết

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		8.0-10	6.1-7.9	4.0-6.0	0-3.9
Mức độ tham dự Theo TKB	80%	<i>Tham dự 100% buổi học</i>	<i>Tham dự 90-99% buổi học</i>	<i>Tham dự 80-90% buổi học</i>	<i>Tham dự <80% buổi học</i>
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	20%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời được nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời >2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp

Rubric 1.2: Đánh giá chuyên cần trên thực hành lâm sàng

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Không đạt
		8.0-10	6.1-7.9	4.0-6.0	0-3.9
Mức độ tham dự Theo TKB	40%	Tham dự 100% buổi học	Tham dự 90-99% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự <80% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	30%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời được nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời >10 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 5 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp
Hỗ trợ tham gia công tác CSSK người bệnh tại khoa phòng	30%	Nhiệt tình, hoàn thành tốt các thủ thuật, công việc y khoa. Được nhân viên y tế và người bệnh đánh giá cao.	Hoàn thành tốt các hoạt động y tế tại khoa phòng.	Có tham gia vào hoạt động y tế tại khoa phòng.	Không tham gia hoặc vi phạm quy chế khoa phòng, bệnh viện.

11.2.2. Rubric đánh giá lâm sàng

Rubric 2: Đánh giá lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			8.0-10	6.1-7.9	4.0-6.0	0-3.9	
Chuyên cần	CLO 4-10	30%	Tiêu chí như R 1.2				
Điểm bệnh án	CLO 4-10	20%	Làm tốt các mục, biện chứng đầy đủ	Làm đầy đủ, đúng trên 70% các nội dung	Làm đầy đủ, đúng trên 50% các nội dung	Làm không đầy đủ hoặc chỉ đúng dưới 50% các nội dung	
Thao tác thủ thuật	CLO 4-10	20%	Thực hiện đúng quy trình, đạt hiệu quả Tốt	Thực hiện đúng quy trình, đạt hiệu quả khá	Thực hiện đúng quy trình	Thực hiện không đúng quy trình hoặc dễ xảy ra tai biến	
Trả lời câu hỏi	CLO 4-10	30%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	

11.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CĐR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Bài kiểm tra 45 phút			CLO1- CLO3	Làm bài kiểm tra 45 phút tại lớp
Lý thuyết	60%	Điểm chuyên cần	Điều kiện	R 1.1	CLO1, CLO2, CLO3	Trên 80% số buổi lý thuyết và ý thức học LT.
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	100%			Thi test tại trường
Lâm sàng	30%	Điểm chuyên cần	30%	R1.2	CLO4- CLO 10	Trên 80% số buổi lâm sàng và ý thức học LS.
		Điểm bệnh án	20	R 2		Chấm bệnh án
		Điểm thủ thuật	20	R 2		Chấm điểm thủ thuật
		Điểm trả lời câu hỏi thi lâm sàng.....	30	R 2		Thi trực tiếp trên Bệnh nhân.

11.4. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm kiểm tra thường xuyên: bằng điểm bài kiểm tra 45 phút trên lớp
- Điểm thi lâm sàng: bằng điểm thi tại bệnh viện thực hành theo Rubric 2 đã hướng dẫn.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm kiểm tra thường xuyên *0.1 + Điểm thi lý thuyết *0.6 + Điểm thi Lâm sàng *0.3

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10. Khi vào chuyển điểm tính chế Tỉn chỉ các bậc A,B+, B, C+, C, D+, D và F theo thang điểm trong Quy chế đào tạo do Học viện ban hành năm 2021

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOA/BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
NỘI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN 1 (Lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa YHCT
Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Nội khoa Y học cổ truyền 1
- * Tiếng Việt: Nội khoa Y học cổ truyền 1
- * Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine 1
- Mã Học phần/ Môn học:
- Số tín chỉ: 5 (3LT/2LS)
- Đối tượng học: Sinh viên chính quy năm thứ 5 chuyên ngành YHCT
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành		Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	x		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nội cơ sở YHHĐ, Nội Bệnh lý YHHĐ, Dược lâm sàng YHHĐ, Y lý YHCT, Châm cứu dưỡng sinh, Xoa bóp bấm huyệt, Thuốc YHCT, Phương tử YHCT.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 238 tiết

* Lâm sàng: 144 tiết

* Bài tập: 30 tiết

* Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết

* Kiểm tra: 4 tiết

* Thời gian tự học: 30 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội tổ YHCT

2. Thông tin giảng viên

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Gmail
1	PGS.TS. Đoàn Quang Huy	0984558888	huyyhct@gmail.com
2	TS. Nguyễn Tiến Chung	0989304689	nguyentienchung89@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thị Ngọc	0977119094	ngoc2788@gmail.com
4	Ths Tạ Thị Nga	0814759535	Drngata994@gmail.com
5	Ths Hoàng Trọng Quân	0985121195	trongquanhyvd@gmail.com
6	Ths. Trần Thị Thu Hương A	0985815138	huongthuviet@gmail.com
7	Ths.BSNT. Lê Thúy Hạnh	0917886577	hanhchi2009@gmail.com
8	BSCCKII. Nguyễn Minh Hà	0915965596	bsminhha99@gmail.com
9	Ths. Thịnh Thị Minh Thu	0915486287	thinhminhthu@gailcom
10	Ths. BSNT Bùi Thị Tâm	0899975577	bacsytam.yhct@gmail.com
11	Ths Lê Thu Hiền	0366370067	lethuhien28@gmail.com
12	Ths Trần Thu Phương	0972520018	phuongtran3438@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ theo
Kiến thức	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh của các bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CDR 1: Ứng dụng KT KHCB, KH y sinh, BH ĐT YHCT kh YHHĐ trong khám, chẩn đoán, ĐT phòng bệnh.	Bloom 2001 Bậc 2
	- Biện chứng để chẩn đoán và điều trị các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT	CDR 1	Bloom 2001 Bậc 3
	- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng Điều trị được các bệnh Nội khoa thường gặp theo y học hiện đại kết hợp với YHCT	CDR 1	Bloom 2001 Bậc 4
	- Giải thích được sự tác động của môi	CDR 2 Giải thích đc	Bloom 2001 Bậc 4

	trường tới sức khỏe con người từ đó hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh cho BN	sự TĐ của MT tới sức khỏe con người.	
Kỹ năng	- Thực hiện đúng, đầy đủ tứ chẩn (vọng, vấn, vấn, thiết) để chẩn đoán được bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CĐR 6: CĐ, Đt và dự phòng các chứng bệnh thường gặp bằng YHCT, YHHĐ	Dave 1975 bậc 4
	- Quy nạp chứng hậu chứng trạng đúng để chẩn đoán theo YHCT	CĐR 6	Dave 1975 bậc 4
	- Đưa ra pháp, phương điều trị thể bệnh của BN theo YHCT	CĐR 6	Dave 1975 bậc 4
	- Làm thành thạo một số kỹ thuật điều trị bằng YHCT (châm cứu, xoa bóp...)	CĐR 6	Dave 1975 bậc 4
	Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần YHHĐ, YHCT	CĐR 6	Dave 1975 bậc 4
	Hướng dẫn, tư vấn được bệnh nhân các phương pháp phòng bệnh nội khoa thường gặp.	CĐR 7: thực hiện được truyền thông GGSK để BV nâng cao SK nhân dân	Dave 1975 bậc 4
Thái độ	Thể hiện sự tôn trọng quyền của người bệnh, cơ thể người bệnh qua lời nói và hành vi	CĐR 14 Giao tiếp có hiệu quả với NB và người nhà, CĐ	Krathwohl bậc 3
	Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.	CĐR 15 làm việc được theo nhóm, phát huy sáng tạo.	Krathwohl bậc 3

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR Môn học
Kiến thức	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh của các bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CLO1: Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán được các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT.

	<p>- Biện chứng để chẩn đoán và điều trị các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT</p>	<p>CLO2: Vận dụng các kiến thức để đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thể bệnh của các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT kết hợp YHHĐ.</p>
	<p>- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng Điều trị được các bệnh Nội khoa thường gặp theo y học hiện đại kết hợp với YHCT</p>	
	<p>- Giải thích được sự tác động của môi trường tới sức khỏe con người từ đó hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh cho BN</p>	<p>CLO3: Giải thích được sự tác động của môi trường tới sức khỏe con người từ đó hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh cho BN</p>
Kỹ năng	<p>- Thực hiện đúng, đầy đủ tứ chẩn (vọng, vấn, vấn, thiết) để chẩn đoán được bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT</p>	<p>CLO4: Thực hiện đúng, đầy đủ tứ chẩn (vọng, vấn, vấn, thiết) để chẩn đoán được bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT.</p>
	<p>- Quy nạp chứng hậu chứng trạng đúng để chẩn đoán theo YHCT</p>	<p>CLO5: Quy nạp chứng hậu chứng trạng đúng để chẩn đoán và đưa ra pháp, phương điều trị thể bệnh của BN theo YHCT. Lựa chọn phương pháp Điều trị kết hợp YHCT và YHHĐ phù hợp với từng bệnh nhân.</p> <p>CLO6: Nhận biết được các dấu hiệu tiến triển xấu của người bệnh và thực hiện các đáp ứng phù hợp và chuyển tuyến điều trị nếu cần.</p>
	<p>- Đưa ra pháp, phương điều trị thể bệnh của BN theo YHCT</p>	
	<p>- Làm thành thạo một số kỹ thuật điều trị bằng YHCT (châm cứu, xoa bóp...)</p>	<p>CLO7: Làm thành thạo một số kỹ thuật điều trị bằng YHCT (điện châm, xoa bóp, cứu ngải, giác hơi...), thực hiện kê đơn thuốc an toàn, hiệu quả khi phối hợp YHCT và YHHĐ.</p>

	Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần YHHĐ, YHCT	CLO8:Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần YHHĐ, YHCT.
	Hướng dẫn, tư vấn được bệnh nhân các phương pháp phòng bệnh nội khoa thường gặp.	CLO9: Tư vấn, hướng dẫn, giao tiếp với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân hiệu quả.
Thái độ	Thể hiện sự tôn trọng quyền của người bệnh, cơ thể người bệnh qua lời nói và hành vi	CLO10: Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.
	Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chương 1. Hệ tiêu hóa	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
Chương 2. Cơ xương khớp	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
Chương 3. Hệ Thần kinh, tâm thần	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
Chương 4. Hệ tim mạch, huyết học	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
Chương 5. Hệ Thận tiết niệu	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
Chương 6. Hệ nội tiết chuyển hóa	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
Chương 7: Hệ hô hấp	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3

6. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Xu thế điều trị các bệnh lý hiện nay thường phối hợp điều trị YHHĐ và các liệu pháp YHCT để gia tăng kết quả điều trị đồng thời giảm bớt tác dụng phụ của thuốc. Môn học Nội khoa Y học cổ truyền 1 sẽ hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Nội khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ. Môn học này sẽ cung cấp kiến thức nội khoa YHCT và cập nhật các kiến thức mới nhất của YHHĐ về các chứng bệnh Nội khoa thường gặp. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT hiện nay.

7. Nội dung chi tiết Học phần/ Môn học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	TH	LT	BT/T L/KT				
Viêm loét dạ dày tá tràng	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VLĐTT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Hội chứng ruột kích thích	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của chứng HCRKT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm khớp dạng thấp	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của chứng VKDT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau thần kinh hông to	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐTKHT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau lưng	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐL theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau vai gáy	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐVG theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Thoái hóa khớp	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của THK theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Goute	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của GOUTE theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Táo bón	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của TB theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm gan mạn	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VGM theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Xơ gan	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của XG theo YHCT

							và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Thiếu máu	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của TM theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Trúng hàn, Trúng thử	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của TH, TT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Tăng huyết áp	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của THA theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Đột quỵ não	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐQN theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Nhồi máu cơ tim	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của NMCT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Suy tim	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ST theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Rối loạn thần kinh tim	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của RLTKT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Đái tháo đường	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐTD theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Rối loạn chuyển hóa lipid	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của RLCHLP theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Thiếu năng tuần hoàn não	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của TNTHN theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Đau đầu	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của Đau đầu theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Liệt VII ngoại biên	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của LVIINB theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Suy nhược cơ thể	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các

						thể bệnh của SNCT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Tâm căn suy nhược	3	0	1		4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của TCSN theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau thần kinh liên sườn	3	0	1		4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐTKLS theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Bệnh lý các khối u	3	0	1		4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của BLCKU theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm cầu thận cấp	3	0	1		4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VCTC theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm cầu thận mạn	3	0	1		4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VCTM theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm bàng quang	3	0	1		4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VBQ theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đái dầm	3	0	1		4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của Đái Dầm theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Hội chứng thận hư	3	0	1		4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của HCTH theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đái máu	3	0	1		4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của Đái Máu theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm phế quản mạn	3	0	1		4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VPQM theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Hen phế quản	3	0	1		4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của HPQ theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Ôn tập và giải đáp thắc mắc	3	0	1		4	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Bài giảng bệnh học nội khoa Y học cổ truyền-Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam-NXB Y học 2015.
- Bài giảng điều trị học nội khoa Y học cổ truyền- Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam-NXB Y học 2015.

9. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm ×

Thuyết trình x Động não x Tùng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x

Đóng vai x Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập □

- Cách thức giảng dạy: giảng dạy trực tiếp kết hợp giảng dạy online

Kế hoạch học lâm sàng trong ngày và các phương pháp dạy học trên lâm sàng:

Thời gian	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ 7, CN
7h30-8h30	OMP Ca lâm sàng ngắn (Giao ban khoa, đi buồng cùng bác sĩ)					<i>Trực: (nhiệm vụ trực của svphù hopví dụ:</i> - Đi buồng cùng bác sĩ, nhận xét bệnh nhân - Hoàn thiện bệnh án - Làm thủ thuật và các công việc chăm sóc bệnh nhân khác - Chuẩn bị giao ban cho sáng hôm sau
8h30-10h30	FS - Ca lâm sàng dài: 2 buổi/tuần (thứ 4,5) Thực hiện các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án,.. Giảng trực tiếp tại buồng bệnh					
10h30-11h30	SGD - Thảo luận nhóm Tự học. Thực hiện các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án,.. CBA 1-2 buổi/tuần x 100 phút (phân tích ca lâm sàng). Giảng tại GD bệnh viện. toàn bộ sinh viên của 1 đợt tham dự					
11h30-13h30	Nghỉ trưa					
13h30-17h00	Học lý thuyết tại trường					
18h00-7h00	Trực: Qui định số buổi trực/sv/đợt, vị trí trực, nhiệm vụ của sinh viên khi trực.					

Chỉ tiêu thực hành lâm sàng

STT	Tên chỉ tiêu	Số lần thực hiện	Số lần quan sát
1	Điện châm	5 lần/tuần	≥ 3
2	Xoa bóp bấm huyệt	5 lần/tuần	≥ 3
3	Cứu ngải, giác hơi	2 lần/tuần	≥ 1
4	Chiếu đèn hồng ngoại	3 lần/tuần	≥ 1

5	Cây chỉ	Quan sát	≥ 1
6	Làm bệnh án Nội khoa YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 2 bệnh án/tuần	
7	Khám và nhận định xét nghiệm, chẩn đoán	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
8	Tư vấn giáo dục sức khỏe	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
9	Kê đơn thuốc YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2

**10.
Nhiệm vụ
của
Giảng**

g viên, học viên

Nhiệm vụ và quyền lợi của giảng viên:

- Được cung cấp trang thiết bị, học liệu, tài liệu tham khảo cần thiết để phục vụ quá trình giảng dạy
- Giảng dạy đúng lịch đã được phân công

Nhiệm vụ và quyền lợi của của Học viên

- Được nghe giảng đầy đủ
- Được cung cấp mục tiêu học tập, kế hoạch giảng và kế hoạch lượng giá học phần trước khi học học phần.
- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Thực hành/ lâm sàng: tại các bệnh viện thực hành

Bệnh viện thực hành (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ-CP): 09 bệnh viện thực hành (BV YHCT TƯ, BV Đa khoa YHCT Hà Nội, BV YHCT Hà Đông, BV YHCT Bộ Công An, BV YHCT Quân đội, BV Châm cứu TƯ, BV Nội tiết TW, BV Tuệ Tĩnh, BV Thanh Nhàn).

Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy tính, máy chiếu, phim XQ, phim CT, phim MRI, các tư liệu cận lâm sàng khác.
2	Kim châm cứu, máy điện châm, môi ngải, ống giác hơi, đèn hồng ngoại...
3	Các vị thuốc đông y thường dùng
4	Ống nghe, búa phản xạ, thước đo dây và các dụng cụ khác phục vụ trong khám chữa bệnh.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt trên 80%

11. Phương pháp lượng giá học phần

11.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

11.2. Rubric:

11.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Rubric 1.1: Đánh giá chuyên cần khi học lý thuyết

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		8.0-10	6.1-7.9	4.0-6.0	0-3.9
Mức độ tham dự Theo TKB	80%	<i>Tham dự 100% buổi học</i>	<i>Tham dự 90-99% buổi học</i>	<i>Tham dự 80-90% buổi học</i>	<i>Tham dự <80% buổi học</i>
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	20%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời được nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời >2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp

Rubric 1.2: Đánh giá chuyên cần trên thực hành lâm sàng

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Không đạt
		8.0-10	6.1-7.9	4.0-6.0	0-3.9
Mức độ tham dự Theo TKB	40%	<i>Tham dự 100% buổi học</i>	<i>Tham dự 90-99% buổi học</i>	<i>Tham dự 80-90% buổi học</i>	<i>Tham dự <80% buổi học</i>
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	30%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời được nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời >10 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 5 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp
Hỗ trợ tham gia công tác CSSK người bệnh tại khoa phòng	30%	Nhiệt tình, hoàn thành tốt các thủ thuật, công việc y khoa. Được nhân viên y tế và người bệnh đánh giá cao.	Hoàn thành tốt các hoạt động y tế tại khoa phòng.	Có tham gia vào hoạt động y tế tại khoa phòng.	Không tham gia hoặc vi phạm quy chế khoa phòng, bệnh viện.

11.2.2. Rubric đánh giá lâm sàng

Rubric 2: Đánh giá lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			8.0-10	6.1-7.9	4.0-6.0	0-3.9	
Chuyên cần	CLO 4-10	30%	Tiêu chí như R 1.2				
Điểm bệnh án	CLO 4-10	20%	Làm tốt các mục, biện chứng đầy đủ	Làm đầy đủ, đúng trên 70% các nội dung	Làm đầy đủ, đúng trên 50% các nội dung	Làm không đầy đủ hoặc chỉ đúng dưới 50% các nội dung	
Thao tác thủ thuật	CLO 4-10	20%	Thực hiện đúng quy trình, đạt hiệu quả Tốt	Thực hiện đúng quy trình, đạt hiệu quả khá	Thực hiện đúng quy trình	Thực hiện không đúng quy trình hoặc dễ xảy ra tai biến	
Trả lời câu hỏi	CLO 4-10	30%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	

11.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Bài kiểm tra 45 phút			CLO1- CLO3	Làm bài kiểm tra 45 phút tại lớp

Lý thuyết	60%	Điểm chuyên cần	Điều kiện	R 1.1	CLO1, CLO2, CLO3	Trên 80% số buổi lý thuyết và ý thức học LT.
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	100%			Thi test tại trường
Lâm sàng	30%	Điểm chuyên cần	30%	R1.2	CLO4- CLO 10	Trên 80% số buổi lâm sàng và ý thức học LS.
		Điểm bệnh án	20	R 2		Chấm bệnh án
		Điểm thủ thuật	20	R 2		Chấm điểm thủ thuật
		Điểm trả lời câu hỏi thi lâm sàng.....	30	R 2		Thi trực tiếp trên Bệnh nhân.

11.4. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm kiểm tra thường xuyên: bằng điểm bài kiểm tra 45 phút trên lớp
- Điểm thi lâm sàng: bằng điểm thi tại bệnh viện thực hành theo Rubric 2 đã hướng dẫn.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm kiểm tra thường xuyên *0.1 + Điểm thi lý thuyết *0.6 + Điểm thi Lâm sàng *0.3

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10. Khi vào chuyên điểm tính chế Tín chỉ các bậc A, B+, B, C+, C, D+, D và F theo thang điểm trong Quy chế đào tạo do Học viện ban hành năm 2021

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

PGS.TS Đoàn Quang Huy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
NỘI KHOA Y học cổ truyền 2 (Lý thuyết)
Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa YHCT
Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Nội khoa Y học cổ truyền 2
- * Tiếng Việt: Nội khoa Y học cổ truyền 2
- * Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine 2
- Mã Học phần/ Môn học: TRAD5109

- Số tín chỉ: 5 (3LT/2LS)
- Đối tượng học: Sinh viên chính quy năm thứ 5 chuyên ngành YHCT
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành ×		Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	x		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nội cơ sở YHHĐ, Nội Bệnh lý YHHĐ, Dược lâm sàng YHHĐ, Y lý YHCT, Châm cứu dưỡng sinh, Xoa bóp bấm huyệt, Thuốc YHCT, Phương tế YHCT.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 102 tiết
- * Lý thuyết: 45 tiết
- * Bài tập: 20 tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
- * Kiểm tra: 2 tiết
- * Thời gian tự học: 25 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội tổ YHCT

2. Thông tin giảng viên

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Gmail
1	PGS.TS. Đoàn Quang Huy	0984558888	huyyhct@gmail.com
2	TS. Nguyễn Tiến Chung	0989304689	nguyentienchung89@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thị Ngọc	0977119094	ngoc2788@gmail.com
4	Ths Tạ Thị Nga	0814759535	Drngata994@gmail.com
5	Ths Hoàng Trọng Quân	0985121195	trongquanhvyd@gmail.com
6	Ths. Trần Thị Thu Hương A	0985815138	huongthuviet@gmail.com
7	Ths.BSNT. Lê Thúy Hạnh	0917886577	hanhchi2009@gmail.com
8	BSCKII. Nguyễn Minh Hà	0915965596	bsminhha99@gmail.com
9	Ths. Thịnh Thị Minh Thu	0915486287	thinhminhthu@gailcom
10	Ths. BSNT Bùi Thị Tâm	0899975577	bacsytam.yhct@gmail.com
11	Ths Lê Thu Hiền	0366370067	lethuhien28@gmail.com
12	Ths Trần Thu Phương	0972520018	phuongtran3438@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ theo
Kiến thức	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh của các bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CDR 1: Ứng dụng KT KHCB, KH y sinh, BH ĐT YHCT kh YHHĐ trong khám, chẩn đoán, ĐT phòng bệnh.	Bloom 2001 Bậc 2
	- Biện chứng để chẩn đoán và điều trị các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT	CDR 1	Bloom 2001 Bậc 3
	- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng Điều trị được các bệnh Nội khoa thường gặp theo	CDR 1	Bloom 2001 Bậc 4

	y học hiện đại kết hợp với YHCT		
	- Giải thích được sự tác động của môi trường tới sức khỏe con người từ đó hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh cho BN	CDR 2 Giải thích đc sự TĐ của MT tới sức khỏe con người.	Bloom 2001 Bậc 4
Kỹ năng	- Thực hiện đúng, đầy đủ tứ chẩn (vọng, vấn, vân, thiết) để chẩn đoán được bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CDR 6: CD, Đt và dự phòng các chứng bệnh thường gặp bằng YHCT, YHHĐ	Dave 1975 bậc 4
	- Quy nạp chứng hậu chứng trạng đúng để chẩn đoán theo YHCT	CDR 6	Dave 1975 bậc 4
	- Đưa ra pháp, phương điều trị thể bệnh của BN theo YHCT	CDR 6	Dave 1975 bậc 4
	- Làm thành thạo một số kỹ thuật điều trị bằng YHCT (châm cứu, xoa bóp...)	CDR 6	Dave 1975 bậc 4
	Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần YHHĐ, YHCT	CDR 6	Dave 1975 bậc 4
	Hướng dẫn, tư vấn được bệnh nhân các phương pháp phòng bệnh nội khoa thường gặp.	CDR 7: thực hiện được truyền thông GGSK để BV nâng cao SK nhân dân	Dave 1975 bậc 4
Thái độ	Thể hiện sự tôn trọng quyền của người bệnh, cơ thể người bệnh qua lời nói và hành vi	CDR 14 Giao tiếp có hiệu quả với NB và người nhà, CD	Krathwohl bậc 3
	Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.	CDR 15 làm việc được theo nhóm, phát huy sáng tạo.	Krathwohl bậc 3

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR Môn học
Kiến thức	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh của các bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CLO1: Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán được các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT.
	- Biện chứng để chẩn đoán và điều trị các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT	CLO2: Vận dụng các kiến thức để đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thể bệnh của các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT kết hợp YHHĐ.
	- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng Điều trị được các bệnh Nội khoa thường gặp theo y học hiện đại kết hợp với YHCT	
	- Giải thích được sự tác động của môi trường tới sức khỏe con người từ đó hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh cho BN	CLO3: Giải thích được sự tác động của môi trường tới sức khỏe con người từ đó hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh cho BN
Kỹ năng	- Thực hiện đúng, đầy đủ tứ chẩn (vọng, văn, vấn, thiết) để chẩn đoán được bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CLO4: Thực hiện đúng, đầy đủ tứ chẩn (vọng, văn, vấn, thiết) để chẩn đoán được bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT.
	- Quy nạp chứng hậu chứng trạng đúng để chẩn đoán theo YHCT	CLO5: Quy nạp chứng hậu chứng trạng đúng để chẩn đoán và đưa ra pháp, phương điều trị thể bệnh của BN theo YHCT. Lựa chọn phương pháp Điều trị kết hợp YHCT và YHHĐ phù hợp với từng bệnh nhân.
	- Đưa ra pháp, phương điều trị thể bệnh của BN theo YHCT	

		CLO6: Nhận biết được các dấu hiệu tiến triển xấu của người bệnh và thực hiện các đáp ứng phù hợp và chuyển tuyến điều trị nếu cần.
	- Làm thành thạo một số kỹ thuật điều trị bằng YHCT (châm cứu, xoa bóp...)	CLO7: Làm thành thạo một số kỹ thuật điều trị bằng YHCT (điện châm, xoa bóp, cứu ngải, giác hơi...), thực hiện kê đơn thuốc an toàn, hiệu quả khi phối hợp YHCT và YHHĐ.
	Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần YHHĐ, YHCT	CLO8: Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần YHHĐ, YHCT.
	Hướng dẫn, tư vấn được bệnh nhân các phương pháp phòng bệnh nội khoa thường gặp.	CLO9: Tư vấn, hướng dẫn, giao tiếp với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân hiệu quả.
Thái độ	Thể hiện sự tôn trọng quyền của người bệnh, cơ thể người bệnh qua lời nói và hành vi	CLO10: Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.
	Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chương 1. Hệ tiêu hóa	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2
Chương 2. Cơ xương khớp	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2
Chương 3. Hệ Thần kinh, tâm thần	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2
Chương 4. Hệ tim mạch, huyết	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2

học										
Chương 5. Hệ Thận tiết niệu	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2
Chương 6. Hệ nội tiết chuyển hóa	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2
Chương 7: Hệ hô hấp	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2

6. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Xu thế điều trị các bệnh lý hiện nay thường phối hợp điều trị YHHD và các liệu pháp YHCT để gia tăng kết quả điều trị đồng thời giảm bớt tác dụng phụ của thuốc. Môn học Nội khoa Y học cổ truyền 2 sẽ hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Nội khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHD. Môn học này sẽ cung cấp kiến thức nội khoa YHCT và cập nhật các kiến thức mới nhất của YHHD về các chứng bệnh Nội khoa thường gặp. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT hiện nay.

7. Nội dung chi tiết Học phần/ Môn học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	L T	T H	BT/T L/K T	Tổng cộng		
Viêm loét dạ dày tá tràng	2	0	0	2	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VLĐTT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Hội chứng ruột kích thích	2	0	0	2	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của chứng HCRKT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Đau thần kinh hông to	2	0	0	2	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐTKHT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Đau lưng	2	0	0	2	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐL theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.

Đau vai gáy	2	0	0		2	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐVG theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Thoái hóa khớp	2	0	0		2	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của THK theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Goute	2	0	0		2	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của GOUTE theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Xơ gan	2	0	0		2	2	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của XG theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Thiếu máu	2	0	0		2	2	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của TM theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Tăng huyết áp	1	0	0		1	2	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của THA theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đột quy não	2	0	0		2	2	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐQN theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau thắt ngực	2	0	0		2	2	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của NMCT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Suy tim	2	0	0		2	2	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ST theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm tắc mạch chi	2	0	0		2	2	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VTMC theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đái tháo đường	1	0	0		1	2	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐTD theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Thiếu năng tuần hoàn não	2	0	0		2	2	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của TNTHN theo YHCT và kết hợp với

							điều trị bằng YHHD.
Suy nhược cơ thể	2	0	0		2	2	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của SNCT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Bệnh lý các khối u	2	0	0		2	2	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của BLCKU theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Viêm cầu thận mạn	2	0	0		2	2	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VCTM theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Đái dầm	2	0	0		2	2	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của Đái Dầm theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Tiểu đêm	2	0	0		2	2	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của Tiểu đêm theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
COPD	3	0	0		3	2	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của COPD theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHD.
Ôn tập và giải đáp thắc mắc					4		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Bài giảng bệnh học nội khoa Y học cổ truyền-Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam-NXB Y học 2015.
- Bài giảng điều trị học nội khoa Y học cổ truyền- Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam-NXB Y học 2015.

9. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm ×

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai x Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập □

- Cách thức giảng dạy: giảng dạy trực tiếp kết hợp giảng dạy online

10. Nhiệm vụ của Giảng viên, học viên

Nhiệm vụ và quyền lợi của giảng viên:

- Được cung cấp trang thiết bị, học liệu, tài liệu tham khảo cần thiết để phục vụ quá trình giảng dạy

- Giảng dạy đúng lịch đã được phân công

Nhiệm vụ và quyền lợi của của Học viên

- Được nghe giảng đầy đủ

- Được cung cấp mục tiêu học tập, kế hoạch giảng và kế hoạch lượng giá học phần trước khi học học phần.

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Thực hành/ lâm sàng: tại các bệnh viện thực hành

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt trên 80%

11. Phương pháp lượng giá học phần

11.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

11.2. Rubric:

11.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Rubric 1.1: Đánh giá chuyên cần khi học lý thuyết

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		8.0-10	6.1-7.9	4.0-6.0	0-3.9
Mức độ tham dự Theo TKB	80%	<i>Tham dự 100 % buổi học</i>	<i>Tham dự 90-99% buổi học</i>	<i>Tham dự 80-90% buổi học</i>	<i>Tham dự <80% buổi học</i>
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	20%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời được nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời >2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp

Rubric 1.2: Đánh giá chuyên cần trên thực hành lâm sàng

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Không đạt
		8.0-10	6.1-7.9	4.0-6.0	0-3.9
Mức độ tham dự Theo TKB	40%	Tham dự 100 % buổi học	Tham dự 90-99% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự <80% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	30%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời được nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời >10 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 5 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp
Hỗ trợ tham gia công tác CSSK người bệnh tại khoa phòng	30%	Nhiệt tình, hoàn thành tốt các thủ thuật, công việc y khoa. Được nhân viên y tế và người bệnh đánh giá cao.	Hoàn thành tốt các hoạt động y tế tại khoa phòng.	Có tham gia vào hoạt động y tế tại khoa phòng.	Không tham gia hoặc vi phạm quy chế khoa phòng, bệnh viện.

11.2.2. Rubric đánh giá lâm sàng

Rubric 2: Đánh giá lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	CD R	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			8.0-10	6.1-7.9	4.0-6.0	0-3.9	
Chuyên cần	CLO 4-10	30 %	Tiêu chí như R 1.2				
Điểm bệnh án	CLO 4-10	20 %	Làm tốt các mục, biện chứng đầy đủ	Làm đầy đủ, đúng trên 70% các nội dung	Làm đầy đủ, đúng trên 50% các nội dung	Làm không đầy đủ hoặc chỉ đúng dưới 50% các nội dung	
Thao tác thủ thuật	CLO 4-10	20 %	Thực hiện đúng quy trình, đạt hiệu quả Tốt	Thực hiện đúng quy trình, đạt hiệu quả khá	Thực hiện đúng quy trình	Thực hiện không đúng quy trình hoặc dễ xảy ra tai biến	

Trả lời câu hỏi	CLO 4-10	30%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	

11.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CĐR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Bài kiểm tra 45 phút			CLO1- CLO3	Làm bài kiểm tra 45 phút tại lớp
Lý thuyết	60%	Điểm chuyên cần	Điều kiện	R 1.1	CLO1, CLO2, CLO3	Trên 80% số buổi lý thuyết và ý thức học LT.
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	100%			Thi test tại trường
Lâm sàng	30%	Điểm chuyên cần	30%	R1.2	CLO4- CLO 10	Trên 80% số buổi lâm sàng và ý thức học LS.
		Điểm bệnh án	20	R 2		Chấm bệnh án
		Điểm thủ thuật	20	R 2		Chấm điểm thủ thuật
		Điểm trả lời câu hỏi thi lâm sàng.....	30	R 2		Thi trực tiếp trên Bệnh nhân.

11.4. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm kiểm tra thường xuyên: bằng điểm bài kiểm tra 45 phút trên lớp
- Điểm thi lâm sàng: bằng điểm thi tại bệnh viện thực hành theo Rubric 2 đã hướng dẫn.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm kiểm tra thường xuyên *0.1 + Điểm thi lý thuyết *0.6 + Điểm thi Lâm sàng *0.3

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10. Khi vào chuyên điểm tính chế Tín chỉ các bậc A,B+, B, C+, C, D+, D và F theo thang điểm trong Quy chế đào tạo do Học viện ban hành năm 2021

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOA/BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Đoàn Quang Huy

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
NỘI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN 2 (Lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa YHCT
Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Nội khoa Y Học Cổ Truyền 2
- * Tiếng Việt: Nội khoa Y Học Cổ Truyền 2
- * Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine 2
- Mã Học phần/ Môn học:
- Số tín chỉ: 5 (3LT/2LS)
- Đối tượng học: Sinh viên chính quy năm thứ 5 chuyên ngành YHCT
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành ×		Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nội cơ sở YHHĐ, Nội Bệnh lý YHHĐ, Dược lâm sàng YHHĐ, Y lý YHCT, Châm cứu dưỡng sinh, Xoa bóp bấm huyệt, Thuốc YHCT, Phương tễ YHCT.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 238 tiết

* Lâm sàng: 144 tiết

* Bài tập: 30 tiết

* Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết

* Kiểm tra: 4 tiết

* Thời gian tự học: 30 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội tổ YHCT

2. Thông tin giảng viên

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Gmail
1	PGS.TS. Đoàn Quang Huy	0984558888	huyyhct@gmail.com
2	TS. Nguyễn Tiến Chung	0989304689	nguyentienchung89@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thị Ngọc	0977119094	ngoc2788@gmail.com
4	Ths Tạ Thị Nga	0814759535	Drngata994@gmail.com
5	Ths Hoàng Trọng Quân	0985121195	trongquanhyd@gmail.com
6	Ths. Trần Thị Thu Hương A	0985815138	huongthuviet@gmail.com
7	Ths.BSNT. Lê Thúy Hạnh	0917886577	hanhchi2009@gmail.com
8	BSCCKII. Nguyễn Minh Hà	0915965596	bsminhha99@gmail.com
9	Ths. Thịnh Thị Minh Thu	0915486287	thinhminhthu@gailcom
10	Ths. BSNT Bùi Thị Tâm	0899975577	bacsytam.yhct@gmail.com
11	Ths Lê Thu Hiền	0366370067	lethuhien28@gmail.com
12	Ths Trần Thu Phương	0972520018	phuongtran3438@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ theo
Kiến thức	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh của các bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CĐR 1: Ứng dụng KT KHCB, KH y sinh, BH ĐT YHCT kh YHHĐ trong khám, chẩn đoán, ĐT phòng bệnh.	Bloom 2001 Bậc 2
	- Biện chứng để chẩn đoán và điều trị các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT	CĐR 1	Bloom 2001 Bậc 3
	- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng Điều trị được các bệnh Nội khoa thường gặp theo	CĐR 1	Bloom 2001 Bậc 4

	y học hiện đại kết hợp với YHCT		
	- Giải thích được sự tác động của môi trường tới sức khỏe con người từ đó hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh cho BN	CDR 2 Giải thích đc sự TĐ của MT tới sức khỏe con người.	Bloom 2001 Bậc 4
Kỹ năng	- Thực hiện đúng, đầy đủ tứ chẩn (vọng, vấn, vân, thiết) để chẩn đoán được bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CDR 6: CD, Đt và dự phòng các chứng bệnh thường gặp bằng YHCT, YHHĐ	Dave 1975 bậc 4
	- Quy nạp chứng hậu chứng trạng đúng để chẩn đoán theo YHCT	CDR 6	Dave 1975 bậc 4
	- Đưa ra pháp, phương điều trị thể bệnh của BN theo YHCT	CDR 6	Dave 1975 bậc 4
	- Làm thành thạo một số kỹ thuật điều trị bằng YHCT (châm cứu, xoa bóp...)	CDR 6	Dave 1975 bậc 4
	Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần YHHĐ, YHCT	CDR 6	Dave 1975 bậc 4
	Hướng dẫn, tư vấn được bệnh nhân các phương pháp phòng bệnh nội khoa thường gặp.	CDR 7: thực hiện được truyền thông GSK để BV nâng cao SK nhân dân	Dave 1975 bậc 4
Thái độ	Thể hiện sự tôn trọng quyền của người bệnh, cơ thể người bệnh qua lời nói và hành vi	CDR 14 Giao tiếp có hiệu quả với NB và người nhà, CD	Krathwohl bậc 3
	Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.	CDR 15 làm việc được theo nhóm, phát huy sáng tạo.	Krathwohl bậc 3

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR Môn học
Kiến thức	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh của các bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CLO1: Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán được các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT.
	- Biện chứng để chẩn đoán và điều trị các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT	CLO2: Vận dụng các kiến thức để đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thể bệnh của các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT kết hợp YHHĐ.
	- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng Điều trị được các bệnh Nội khoa thường gặp theo y học hiện đại kết hợp với YHCT	
	- Giải thích được sự tác động của môi trường tới sức khỏe con người từ đó hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh cho BN	CLO3: Giải thích được sự tác động của môi trường tới sức khỏe con người từ đó hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh cho BN
Kỹ năng	- Thực hiện đúng, đầy đủ tứ chẩn (vọng, văn, vấn, thiết) để chẩn đoán được bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT	CLO4: Thực hiện đúng, đầy đủ tứ chẩn (vọng, văn, vấn, thiết) để chẩn đoán được bệnh Nội khoa thường gặp theo YHCT.
	- Quy nạp chứng hậu chứng trạng đúng để chẩn đoán theo YHCT	CLO5: Quy nạp chứng hậu chứng trạng đúng để chẩn đoán và đưa ra pháp, phương điều trị thể bệnh của BN theo YHCT. Lựa chọn phương pháp Điều trị kết hợp YHCT và YHHĐ phù hợp với từng bệnh nhân.
	- Đưa ra pháp, phương điều trị thể bệnh của BN theo YHCT	

		CLO6:Nhận biết được các dấu hiệu tiến triển xấu của người bệnh và thực hiện các đáp ứng phù hợp và chuyển tuyến điều trị nếu cần.
	- Làm thành thạo một số kỹ thuật điều trị bằng YHCT (châm cứu, xoa bóp...)	CLO7: Làm thành thạo một số kỹ thuật điều trị bằng YHCT (điện châm, xoa bóp, cứu ngải, giác hơi...), thực hiện kê đơn thuốc an toàn, hiệu quả khi phối hợp YHCT và YHHĐ.
	Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần YHHĐ, YHCT	CLO8:Làm thành thạo bệnh án gồm 2 phần YHHĐ, YHCT.
	Hướng dẫn, tư vấn được bệnh nhân các phương pháp phòng bệnh nội khoa thường gặp.	CLO9: Tư vấn, hướng dẫn, giao tiếp với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân hiệu quả.
Thái độ	Thể hiện sự tôn trọng quyền của người bệnh, cơ thể người bệnh qua lời nói và hành vi	CLO10: Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.
	Thể hiện tốt tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chương 1. Hệ tiêu hóa	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
Chương 2. Cơ xương khớp	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
Chương 3. Hệ Thần kinh, tâm thần	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
Chương 4. Hệ tim mạch, huyết học	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
Chương 5. Hệ Thận tiết niệu	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3

Chương 6. Hệ nội tiết chuyển hóa	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
Chương 7: Hệ hô hấp	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3

6. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Xu thế điều trị các bệnh lý hiện nay thường phối hợp điều trị YHHĐ và các liệu pháp YHCT để gia tăng kết quả điều trị đồng thời giảm bớt tác dụng phụ của thuốc. Môn học Nội khoa Y học cổ truyền 2 sẽ hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Nội khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ. Môn học này sẽ cung cấp kiến thức nội khoa YHCT và cập nhật các kiến thức mới nhất của YHHĐ về các chứng bệnh Nội khoa thường gặp. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT hiện nay.

7. Nội dung chi tiết Học phần/ Môn học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	TH	LT	BT/ TL/ KT		Tổng g cộn g		
Viêm loét dạ dày tá tràng	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VLĐTT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Hội chứng ruột kích thích	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của chứng HCRKT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm khớp dạng thấp	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của chứng VKDT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau thần kinh hông to	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của

							ĐTKHT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau lưng	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐL theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau vai gáy	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐVG theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Thoái hóa khớp	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của THK theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Goute	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của GOUTE theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Táo bón	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của TB theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm gan mạn	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VGM theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Xơ gan	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của XG theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Thiếu máu	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của TM theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm tắc mạch chi	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của TH, TT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Tăng huyết áp	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của THA theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng

							YHHĐ.
Đột quy não	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐQN theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Nhồi máu cơ tim	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của NMCT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Suy tim	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ST theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Rối loạn thần kinh tim	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của RLTKT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đái tháo đường	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐTD theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Rối loạn chuyển hóa lipid	3	0	1		4	4	-Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của RLCHLP theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Thiếu năng tuần hoàn não	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của TNTHN theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau đầu	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của Đau đầu theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Liệt VII ngoại biên	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của LVIINB theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Suy nhược cơ thể	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của SNCT theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Tâm căn suy nhược	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được

							các thể bệnh của TCSN theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đau thần kinh liên sườn	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của ĐTKLS theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Bệnh lý các khối u	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của BLCKU theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm cầu thận cấp	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VCTC theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm cầu thận mạn	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VCTM theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm bàng quang	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VBQ theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đái dầm	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của Đái Dầm theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Hội chứng thận hư	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của HCTH theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Đái máu	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của Đái Máu theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Viêm phế quản mạn	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của VPQM theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
COPD	3	0	1		4	4	Chẩn đoán và điều trị được các thể bệnh của COPD theo YHCT và kết hợp với điều trị bằng YHHĐ.
Ôn tập và giải đáp thắc mắc	3	0	1		4	4	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Bài giảng bệnh học nội khoa Y học cổ truyền-Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam-NXB Y học 2015.
- Bài giảng điều trị học nội khoa Y học cổ truyền- Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam-NXB Y học 2015.

9. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm ×

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề x Hoạt động

nhóm x Đóng vai x Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □

Nghiên cứu tình huống x Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập □

- Cách thức giảng dạy: giảng dạy trực tiếp kết hợp giảng dạy online

Kế hoạch học lâm sàng trong ngày và các phương pháp dạy học trên lâm sàng:

Thời gian	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ 7, CN
7h30-8h30	OMP Ca lâm sàng ngắn (Giao ban khoa, đi buồng cùng bác sĩ)					<i>Trực: (nhiệm vụ trực của svphù hợp ví dụ:</i> - Đi buồng cùng bác sĩ, nhận xét bệnh nhân - Hoàn thiện bệnh án - Làm thủ thuật và các công việc chăm sóc bệnh nhân khác - Chuẩn bị giao ban cho sáng hôm sau
8h30-10h30	FS - Ca lâm sàng dài: 2 buổi/tuần (thứ 4,5) Thực hiện các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án,.. <i>Giảng trực tiếp tại buồng bệnh</i>					
10h30-11h30	SGD - Thảo luận nhóm Tự học. Thực hiện các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án,.. CBA 1-2 buổi/tuần x 100 phút (phân tích ca lâm sàng). Giảng tại GD bệnh viện, toàn bộ sinh viên của 1 đợt tham dự					
11h30-13h30	Nghỉ trưa					
13h30-17h00	Học lý thuyết tại trường					
18h00-7h00	Trực: Qui định số buổi trực/sv/đợt, vị trí trực, nhiệm vụ của sinh viên khi trực.					

Chỉ tiêu thực hành lâm sàng

STT	Tên chỉ tiêu	Số lần thực hiện	Số lần quan sát
1	Điện tâm	5 lần/tuần	≥ 3
2	Xoa bóp bấm huyệt	5 lần/tuần	≥ 3
3	Cứu ngải, giác hơi	2 lần/tuần	≥ 1
4	Chiếu đèn hồng ngoại	3 lần/tuần	≥ 1
5	Cấy chỉ	Quan sát	≥ 1
6	Làm bệnh án Nội khoa YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 2 bệnh án/tuần	
7	Khám và nhận định xét nghiệm, chẩn đoán	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
8	Tư vấn giáo dục sức khỏe	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
9	Kê đơn thuốc YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2

10. Nhiệm vụ của Giảng viên, học viên

Nhiệm vụ và quyền lợi của giảng viên:

- Được cung cấp trang thiết bị, học liệu, tài liệu tham khảo cần thiết để phục vụ quá trình giảng dạy
- Giảng dạy đúng lịch đã được phân công

Nhiệm vụ và quyền lợi của của Học viên

- Được nghe giảng đầy đủ
- Được cung cấp mục tiêu học tập, kế hoạch giảng và kế hoạch lượng giá học phần trước khi học học phần.
- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Thực hành/ lâm sàng: tại các bệnh viện thực hành

Bệnh viện thực hành (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ-CP): 09 bệnh viện thực hành (BV YHCT TƯ, BV Đa khoa YHCT Hà Nội, BV YHCT Hà Đông, BV YHCT Bộ Công An, BV YHCT Quân đội, BV Châm cứu TƯ, BV Nội tiết TW, BV Tuệ Tĩnh, BV Thanh Nhàn).

Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy tính, máy chiếu, phim XQ, phim CT, phim MRI, các tư liệu cận lâm sàng khác.
2	Kim châm cứu, máy điện châm, môi ngải, ống giác hơi, đèn hồng ngoại...
3	Các vị thuốc đông y thường dùng
4	Ống nghe, búa phản xạ, thước đo dây và các dụng cụ khác phục vụ trong khám chữa bệnh.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt trên 80%

11. Phương pháp lượng giá học phần

11.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

11.2. Rubric:

11.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Rubric 1.1: Đánh giá chuyên cần khi học lý thuyết

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		8.0-10	6.1-7.9	4.0-6.0	0-3.9
Mức độ tham dự Theo TKB	80%	<i>Tham dự 100 % buổi học</i>	<i>Tham dự 90-99% buổi học</i>	<i>Tham dự 80-90% buổi học</i>	<i>Tham dự <80% buổi học</i>
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	20%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời được nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời >2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp

Rubric 1.2: Đánh giá chuyên cần trên thực hành lâm sàng

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Không đạt
		8.0-10	6.1-7.9	4.0-6.0	0-3.9
Mức độ tham dự Theo TKB	40%	Tham dự 100 % buổi học	Tham dự 90-99% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự <80% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	30%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời được nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời >10 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 5 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp
Hỗ trợ tham gia công tác CSSK người bệnh tại khoa phòng	30%	Nhiệt tình, hoàn thành tốt các thủ thuật, công việc y khoa. Được nhân viên y tế và người bệnh đánh giá cao.	Hoàn thành tốt các hoạt động y tế tại khoa phòng.	Có tham gia vào hoạt động y tế tại khoa phòng.	Không tham gia hoặc vi phạm quy chế khoa phòng, bệnh viện.

11.2.2. Rubric đánh giá lâm sàng

Rubric 2: Đánh giá lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	CD R	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			8.0-10	6.1-7.9	4.0-6.0	0-3.9	
Chuyên cần	CLO 4-10	30 %	Tiêu chí như R 1.2				
Điểm bệnh án	CLO 4-10	20 %	Làm tốt các mục, biện chứng đầy đủ	Làm đầy đủ, đúng trên 70% các nội dung	Làm đầy đủ, đúng trên 50% các nội dung	Làm không đầy đủ hoặc chỉ đúng dưới 50% các nội dung	
Thao tác thủ thuật	CLO 4-10	20 %	Thực hiện đúng quy trình, đạt hiệu quả Tốt	Thực hiện đúng quy trình, đạt hiệu quả khá	Thực hiện đúng quy trình	Thực hiện không đúng quy trình hoặc dễ xảy ra tai biến	
Trả lời câu	CLO	30%	Trả lời	Trả lời đầy	Trả lời đầy	Trả lời	

hỏi	4-10		đầy đủ,đúng các câu hỏi	đủ,đúng trên 70% số câu hỏi	đủ,đúng trên 50% số câu hỏi	không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
-----	------	--	-------------------------	-----------------------------	-----------------------------	--	--

11.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Bài kiểm tra 45 phút			CLO1- CLO3	Làm bài kiểm tra 45 phút tại lớp
Lý thuyết	60%	Điểm chuyên cần	Điều kiện	R 1.1	CLO1, CLO2, CLO3	Trên 80% số buổi lý thuyết và ý thức học LT.
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	100%			Thi test tại trường
Lâm sàng	30%	Điểm chuyên cần	30%	R1.2	CLO4- CLO 10	Trên 80% số buổi lâm sàng và ý thức học LS.
		Điểm bệnh án	20	R 2		Chấm bệnh án
		Điểm thủ thuật	20	R 2		Chấm điểm thủ thuật
		Điểm trả lời câu hỏi thi lâm sàng.....	30	R 2		Thi trực tiếp trên Bệnh nhân.

11.4. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm kiểm tra thường xuyên: bằng điểm bài kiểm tra 45 phút trên lớp
- Điểm thi lâm sàng: bằng điểm thi tại bệnh viện thực hành theo Rubric 2 đã hướng dẫn.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm kiểm tra thường xuyên *0.1 + Điểm thi lý thuyết *0.6 + Điểm thi Lâm sàng *0.3

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10. Khi vào chuyên điểm tính chế Tín chỉ các bậc A,B+, B, C+, C, D+, D và F theo thang điểm trong Quy chế đào tạo do Học viện ban hành năm 2021

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

PGS.TS Đoàn Quang Huy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NGOẠI BỆNH LÝ Y HỌC HIỆN ĐẠI

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Ngoại bệnh lý y học hiện đại.
- * Tiếng Việt: Ngoại bệnh lý Y học hiện đại
- * Tiếng Anh: Pathology surgery of Modern Medicine
- Mã học phần/ mô đun: MEDI3106
- Số tín chỉ: (3.0 LT, 2.0 LS)
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Giải phẫu 1,2; Sinh lý; Sinh lý bệnh miễn dịch; Ngoại cơ sở Y học hiện đại, Nội cơ sở Y học hiện đại

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 45 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	Phamthaihung73@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Văn Trường		
3	BSCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	Duongpv1104@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ	CDR1	3
MT2	Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học	CDR1	3
MT4	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường	CDR1 CDR2	3
MT5	Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường	CDR2 CDR6	3
	Kỹ năng		
MT3	Thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ	CDR8	3
MT6	Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ	CDR9 CDR10	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT7	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	CDR14 CDR15 CDR16 CDR17	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại

theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ</p> <p>MT2: Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học</p> <p>MT4: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường</p> <p>MT5: Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường</p>	<p>CLO 1: Trình bày được giải phẫu, sinh lý, cơ chế bệnh sinh, thể lâm sàng của các bệnh lý ngoại khoa.</p> <p>CLO 2: Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị được một số bệnh lý ngoại khoa.</p> <p>CLO3: Đưa ra chính xác các chỉ định cận lâm sàng chẩn đoán bệnh, chẩn đoán chính xác được một số bệnh lý ngoại khoa.</p> <p>Áp dụng kiến thức đã học để đưa ra chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường</p> <p>CLO4: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường</p>
Kỹ năng	
<p>MT3: Thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ</p> <p>MT6: Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ</p>	<p>CLO 5: Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường</p> <p>CLO 6: Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7: Thể hiện được sự cẩn trọng,	CLO 7: Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên

tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	ngành khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh
---	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Chấn thương và vết thương ngực	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương bụng	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương sọ não	2	2	2	2	2	2	2
Gãy xương hở	2	2	2	2	2	2	2
Gãy 2 xương cẳng chân	2	2	2	2	2	2	2
Gãy 2 xương cẳng tay	2	2	2	2	2	2	2
Viêm tụy cấp	2	2	2	2	2	2	2
Thủng dạ dày	2	2	2	2	2	2	2
Hẹp môn vị	2	2	2	2	2	2	2
Viêm ruột thừa	2	2	2	2	2	2	2
Ung thư dạ dày	2	2	2	2	2	2	2
Sỏi ống mật chủ	2	2	2	2	2	2	2
Ung thư đại tràng	2	2	2	2	2	2	2
Bông	2	2	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Sau khi học xong Học phần Ngoại Bệnh lý YHHĐ, học sinh nắm vững được:

- Kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ
- Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học
- Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ
- Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường

- Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường
- Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHD

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Chấn thương và vết thương ngực	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Chấn thương bụng	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Chấn thương sọ não	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Gãy xương hở	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Gãy 2 xương cẳng chân	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Gãy 2 xương cẳng tay	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Viêm tụy cấp	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Thủng dạ dày	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Hẹp môn vị	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm

						luận nhóm
Viêm ruột thừa	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Ung thư dạ dày	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Sỏi ống mật chủ	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Ung thư đại tràng	02					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm
Bông	04					Đọc trước nội dung và tra tài liệu Thuyết trình, thảo luận nhóm

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Giáo trình Ngoại khoa, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, TL nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Ngoại Bệnh lý (2008), Bộ Y tế, NXB Y học.

[2] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa (2001), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.

[3] Bệnh học ngoại khoa (2003), Bộ Y tế, NXB Y học.

[4] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa bụng (2010), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.

[5] Bệnh học ngoại khoa tiết niệu (2007), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.

[6] Bệnh học ngoại khoa tiêu hóa (2013), Đại học y dược TP. Hồ Chí Minh, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Chấn thương và vết thương ngực	02					
2	Chấn thương bụng	02					

3	Chấn thương sọ não	02					
4	Gãy xương hở	02					
5	Gãy 2 xương cẳng chân	02					
6	Gãy 2 xương cẳng tay	02					
7	Viêm tụy cấp	02					
8	Thủng dạ dày	02					
9	Hẹp môn vị	02					
10	Viêm ruột thừa	02					
11	Ung thư dạ dày	02					
12	Sỏi ống mật chủ	02					
13	Ung thư đại tràng	02					
14	Bỏng	04					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành	33,3%		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
NGOẠI BỆNH LÝ Y HỌC HIỆN ĐẠI (LÂM SÀNG)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm 20...
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Lâm sàng Ngoại bệnh lý Y 1

* Tiếng Anh: Pathology surgical clinic of Modern Medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Học phần tiên quyết: Giải phẫu 1,2; Sinh lý; Sinh lý bệnh miễn dịch; Ngoại cơ sở Y học hiện đại; Nội cơ sở Y học hiện đại

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	Phamthaihung73@gmail.com
2	BSCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	Duongpv1104@gmail.com
3	Giảng viên thỉnh giảng		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ	CDR1	3
MT2	Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học	CDR1	3
MT4	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường	CDR1 CDR2	3
MT5	Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường	CDR2 CDR6	3
	Kỹ năng		
MT3	Thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ	CDR8	3
MT6	Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ	CDR9 CDR10	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT7	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa	CDR14 CDR15 CDR16 CDR17	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: Có kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ</p> <p>MT2: Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học</p> <p>MT4: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường</p> <p>MT5: Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường</p>	<p>CLO 1: Trình bày được giải phẫu, sinh lý, cơ chế bệnh sinh, thể lâm sàng của các bệnh lý ngoại khoa.</p> <p>CLO 2: Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị được một số bệnh lý ngoại khoa.</p> <p>CLO3: Đưa ra chính xác các chỉ định cận lâm sàng chẩn đoán bệnh, chẩn đoán chính xác được một số bệnh lý ngoại khoa.</p> <p>Áp dụng kiến thức đã học để đưa ra chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường</p> <p>CLO4: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường</p>
Kỹ năng	
<p>MT3: Thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ</p> <p>MT6: Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ</p>	<p>CLO 5: Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường</p> <p>CLO 6: Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT7: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa</p>	<p>CLO 7: Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên nghiệp khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Chấn thương và vết thương ngực	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương bụng	2	2	2	2	2	2	2
Chấn thương sọ não	2	2	2	2	2	2	2
Gãy xương hở	2	2	2	2	2	2	2
Gãy 2 xương cẳng chân	2	2	2	2	2	2	2
Gãy 2 xương cẳng tay	2	2	2	2	2	2	2
Viêm tụy cấp	2	2	2	2	2	2	2
Thủng dạ dày	2	2	2	2	2	2	2
Hẹp môn vị	2	2	2	2	2	2	2
Viêm ruột thừa	2	2	2	2	2	2	2
Ung thư dạ dày	2	2	2	2	2	2	2
Sỏi ống mật chủ	2	2	2	2	2	2	2
Ung thư đại tràng	2	2	2	2	2	2	2
Bỏng	2	2	2	2	2	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Sau khi học xong phần lâm sàng Học phần Ngoại Bệnh lý YHHĐ, sinh viên nắm vững được:

- Kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại YHHĐ
- Có phương pháp luận khoa học của YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học
- Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại YHHĐ
- Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường
- Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường
- Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa YHHĐ

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Chấn thương và vết thương ngực	02		Chuẩn bị bài, làm và viết bệnh án - Chuẩn bị báo cáo Slide theo nhóm - Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đáp - Ưu tiên phản biện, tính sáng tạo
Chấn thương bụng	02		
Chấn thương sọ não	02		
Gãy xương hở	02		
Gãy 2 xương cẳng chân	02		
Gãy 2 xương cẳng tay	02		
Viêm tụy cấp	02		
Thủng dạ dày	02		
Hẹp môn vị	02		
Viêm ruột thừa	02		
Ung thư dạ dày	02		
Sỏi ống mật chủ	02		
Ung thư đại tràng	02		
Bông	04		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Giáo trình Ngoại khoa, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, TL nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Ngoại Bệnh lý (2008), Bộ Y tế, NXB Y học.

[2] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa (2001), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.

[3] Bệnh học ngoại khoa (2003), Bộ Y tế, NXB Y học.

[4] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa bụng (2010), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.

[5] Bệnh học ngoại khoa tiết niệu (2007), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.

[6] Bệnh học ngoại khoa tiêu hóa (2013), Đại học y dược TP. Hồ Chí Minh, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Chấn thương và vết thương ngực	02					
2	Chấn thương bụng	02					
3	Chấn thương sọ não	02					
4	Gãy xương hở	02					
5	Gãy 2 xương cẳng chân	02					
6	Gãy 2 xương cẳng tay	02					
7	Viêm tụy cấp	02					
8	Thủng dạ dày	02					
9	Hẹp môn vị	02					
10	Viêm ruột thừa	02					
11	Ung thư dạ dày	02					
12	Sỏi ống mật chủ	02					
13	Ung thư đại tràng	02					
14	Bông	04					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tải cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Hướng dẫn tại buồng, đi buồng phòng hướng dẫn khám bệnh, chữa bệnh án học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng buổi học lâm sàng, tuyệt đối không bỏ trực viện, khoa
- Sinh viên phải có bài báo cáo, bệnh án chuẩn bị trước giờ giảng, chiếu slide theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Điểm thi lâm sàng	100%	≥ 4	CLO1 – CLO7

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là điểm thi lâm sàng
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN NGOẠI KHOA YHCT (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền trình độ đại học , Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Ngoại khoa Y học cổ truyền.

* Tiếng Việt: Ngoại khoa Y học cổ truyền .

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun: TRAD 6114

- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 LS)

- Đối tượng học (năm thứ): 6

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Bệnh lý Ngoại khoa YHHĐ

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại - Tổ Y học cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuy@vutm.edu.vn
2.	PGS.TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcuong68@gmail.com
3.	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com
4.	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
5.	Bs. Nguyễn Đình Điệp	0346571213	yudaichi1102@gmail.com
6.	Bs. Trần Văn Thế	0973556837	chongchongtre264@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	- Hiểu được các kiến thức YHHĐ để giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và lý do chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị của các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHHĐ	CĐR1, CĐR2, CĐR3	3
MT2	- Hiểu được các kiến thức về YHCT để giải thích được nguyên nhân, biến chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị bằng YHCT các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT.	CĐR1, CĐR2, CĐR3	3
Kỹ năng			
MT4	- Có kỹ năng vận dụng kiến thức để thu thập thông tin, xử lý thông tin và thảo luận, phản biện đưa ra được chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh từ đó đưa ra được các chỉ định điều trị bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	CĐR6, CĐR8, CĐR10, CĐR11, CĐR12,	3
MT5	- Có kỹ năng báo cáo, trình bày các bệnh lý Ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ	CĐR12	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT6	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT	CĐR14, CDDR15, CĐR16	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: - Hiểu được các kiến thức về YHHĐ để giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và lý do chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị của các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHHĐ</p> <p>MT2: - Hiểu được các kiến thức về YHCT để giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị bằng YHCT các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT.</p>	<p>CLO1: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHHĐ và YHCT.</p> <p>CLO 2: Giải thích đúng lý do chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ</p> <p>CLO3: Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị bằng YHCT các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT.</p>
Kỹ năng	
<p>MT3: - Có kỹ năng vận dụng kiến thức để thu thập thông tin, xử lý thông tin và thảo luận, phản biện đưa ra được chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh từ đó đưa ra được các chỉ định điều trị bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ</p> <p>MT4: - Có kỹ năng báo cáo, trình bày các bệnh lý Ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ</p>	<p>CLO 4 : Đưa ra được chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh.</p> <p>CLO 5: Đưa ra được các chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT5: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT</p>	<p>CLO 6: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.</p> <p>CLO7: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Bệnh lý hậu môn trực tràng	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh động mạch ngoại vi mãn tính	3	3	3	3	3	3	3
Sỏi tiết niệu	3	3	3	3	3	3	3
Điều trị gãy xương và vết thương phần mềm bằng YHCT	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý tuyến vú	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Giúp sinh viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT và YHHĐ trong việc học tập và nghiên cứu về cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, các phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ, đồng thời nghiêm cứu nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ. Từ đó giúp sinh viên có kỹ năng khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
<p>Bệnh lý hậu môn trực tràng</p> <p>1. Dò hậu môn</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân loại rò hậu môn, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh rò hậu môn</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của rò hậu môn</p> <p>3. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt rò hậu môn</p> <p>4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh rò hậu môn bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận</p>	8			8		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

<p>trị và điều trị theo thể bệnh của rò hậu môn</p> <p>2. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh rò hậu môn</p> <p>3. Phòng bệnh</p> <p>2. Bệnh trĩ</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân độ Trĩ, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh trĩ</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh trĩ</p> <p>3. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh trĩ</p> <p>4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh trĩ bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của trĩ</p> <p>2. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh trĩ</p> <p>3. Phòng bệnh</p>						
<p>Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Giải phẫu, mô học, sinh lý tuyến tiền liệt, mô bệnh học và sinh lý bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt</p> <p>2. Bảng điểm IPSS, triệu chứng thực thể bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.</p> <p>3. Xét nghiệm để chẩn đoán tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt</p> <p>4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Sinh lý tạng thận, can, tỳ, bàng quang.</p>	4			4		

<p>Một số hội chứng bệnh: tạng thận, bàng quang, tỳ thận dương hư, can khí uất kết</p> <p>2. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng và điều trị theo thể bệnh tăng sinh lạnh tính tuyến tiền liệt.</p> <p>3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc.</p>						
<p>Bệnh động mạch ngoại vi mãn tính</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Giải phẫu thành mạch, cơ chế hình thành mảng vữa xơ, cục máu đông, vôi hóa thành mạch, giải phẫu bệnh động mạch chi dưới.</p> <p>2. Các yếu tố nguy cơ bệnh động mạch ngoại vi.</p> <p>3. Sinh bệnh học, tiên lượng bệnh động mạch ngoại vi.</p> <p>4. Lâm sàng, cận lâm sàng và các giai đoạn bệnh.</p> <p>5. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh động mạch ngoại vi.</p> <p>6. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Bệnh danh, bệnh nguyên, bệnh cơ.</p> <p>2. Chẩn đoán và điều trị các thể lâm sàng.</p>	4			4		
<p>Sỏi tiết niệu</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và các loại sỏi tiết niệu, yếu tố làm sỏi tiết niệu dễ hình thành</p> <p>2. Triệu chứng sỏi đường tiết niệu trên, sỏi đường tiết niệu dưới và các xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán sỏi tiết niệu</p> <p>4. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt sỏi tiết niệu</p> <p>5. Các phương pháp điều trị,</p>	4			4		

<p>phòng bệnh sỏi tiết niệu bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Nguyên nhân, biện chứng luận trị chứng thạch lâm</p> <p>2. Triệu chứng, biện chứng luận trị và pháp phương điều trị các thể bệnh chứng thạch lâm.</p> <p>3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị sỏi tiết niệu</p> <p>4. Phòng bệnh</p>						
<p>Gãy xương</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Định nghĩa và phân loại gãy xương</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, xử trí và nguyên tắc cố định, kỹ thuật sơ cứu các loại gãy xương</p> <p>3. Tiến triển của gãy xương</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Thời gian nắn chỉnh, các phương pháp vô cảm và các thủ pháp nắn chỉnh, tiêu chuẩn nắn chỉnh.</p> <p>2. Các nhân tố gây di lệch thứ phát sau khi nắn chỉnh và cố định xương gãy, tác dụng của cố định ngoài cục bộ, các phương pháp và các loại cố định ngoài cục bộ.</p> <p>3. Những điểm cần chú ý sau cố định nẹp cục bộ, xử lý những biến cố sau khi bó nẹp, thời gian bó nẹp và tiêu chuẩn liền xương</p> <p>2. Luyện tập công năng: 3 thời kỳ</p> <p>4. Thuốc</p> <p>- Thuốc dùng ngoài</p> <p>- Thuốc dùng trong: 3 thời kỳ</p>	4			4		
<p>Vết thương phần mềm</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Định nghĩa</p>	2			2		

<p>2. Phân loại 3. Triệu chứng 4. Xử trí 5. Sinh lý liên thương và các hình thức liên thương</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 2. Pháp phương điều trị liên thương theo các giai đoạn.</p>						
<p>Bệnh lý tuyến vú</p> <p>1. Bệnh u xơ tuyến vú</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh 3. Phân loại 4. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng u xơ tuyến vú. 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh u xơ tuyến vú bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Bệnh nguyên bệnh cơ bệnh nữ hạch. 2. Triệu chứng và điều trị theo thể bệnh nữ hạch</p> <p>2. Bệnh xơ nang tuyến vú</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh. 3. Phân loại, chẩn đoán phân biệt 4. triệu chứng lâm sàng và Cận lâm sàng chẩn đoán bệnh u xơ tuyến vú. 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh tuyến vú bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Bệnh nguyên bệnh cơ bệnh nữ tích. 2. Triệu chứng và điều trị theo thể bệnh nữ tích.</p> <p>3. Ung thư tuyến vú</p> <p>A. Y học hiện đại</p>	4			4		

1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh. 3. Phân loại, chẩn đoán phân biệt 4. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng chẩn đoán bệnh ung thư vú. 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh ung thư vú bằng y học hiện đại. B. Y học cổ truyền 1. Bệnh nguyên bệnh cơ bệnh nữ nam. 2. Triệu chứng và điều trị theo thể bệnh nữ nam. 3. Điều trị nội khoa 4. Ngoại trị và phương pháp không dùng thuốc						
---	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), *Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), *Bài giảng bệnh học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), *Ngoại khoa y học cổ truyền*. Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Bệnh lý hậu môn trực tràng 1. Đồ hậu môn A. Y học hiện đại 1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân loại rò hậu môn, yếu	8					4

	<p>tổ thuận lợi hình thành bệnh rò hậu môn</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của rò hậu môn</p> <p>3. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt rò hậu môn</p> <p>4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh rò hậu môn bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của rò hậu môn</p> <p>2. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh rò hậu môn</p> <p>3. Phòng bệnh</p> <p>2. Bệnh trĩ</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân độ Trĩ, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh trĩ</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh trĩ</p> <p>3. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh trĩ</p> <p>4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh trĩ bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của trĩ</p> <p>2. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh trĩ</p> <p>3. Phòng bệnh</p>						
2	<p>Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Giải phẫu, mô học, sinh lý tuyến tiền liệt, mô bệnh học và sinh lý bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt</p> <p>2. Bảng điểm IPSS, triệu chứng thực thể bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.</p> <p>3. Xét nghiệm để chẩn đoán tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt</p> <p>4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt bằng y</p>	4					2

	<p>học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Sinh lý tạng thận, can, tỳ, bàng quang.</p> <p>Một số hội chứng bệnh: tạng thận, bàng quang, tỳ thận dương hư, can khí uất kết</p> <p>2. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng và điều trị theo thể bệnh tạng sinh lạnh tính tuyền tiền liệt.</p> <p>3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc.</p>						
3	<p>Bệnh động mạch ngoại vi mãn tính</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Giải phẫu thành mạch, cơ chế hình thành mảng xơ, cục máu đông, vôi hóa thành mạch, giải phẫu bệnh động mạch chi dưới.</p> <p>2. Các yếu tố nguy cơ bệnh động mạch ngoại vi.</p> <p>3. Sinh bệnh học, tiên lượng bệnh động mạch ngoại vi.</p> <p>4. Lâm sàng, cận lâm sàng và các giai đoạn bệnh.</p> <p>5. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh động mạch ngoại vi.</p> <p>6. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Bệnh danh, bệnh nguyên, bệnh cơ.</p> <p>2. Chẩn đoán và điều trị các thể lâm sàng.</p>	4					2
4	<p>Sỏi tiết niệu</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và các loại sỏi tiết niệu, yếu tố làm sỏi tiết niệu dễ hình thành</p> <p>2. Triệu chứng sỏi đường tiết niệu trên, sỏi đường tiết niệu dưới và các xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán sỏi tiết niệu</p> <p>4. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt sỏi tiết niệu</p> <p>5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh sỏi tiết niệu bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p>	4					2

	<p>1. Nguyên nhân, biện chứng luận trị chứng thạch lâm</p> <p>2. Triệu chứng, biện chứng luận trị và pháp phương điều trị các thể bệnh chứng thạch lâm.</p> <p>3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị sỏi tiết niệu</p> <p>4. Phòng bệnh</p>						
5	<p>Gãy xương</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Định nghĩa và phân loại gãy xương</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, xử trí và nguyên tắc cố định, kỹ thuật sơ cứu các loại gãy xương</p> <p>3. Tiến triển của gãy xương</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Thời gian nắn chỉnh, các phương pháp vô cảm và các thủ pháp nắn chỉnh, tiêu chuẩn nắn chỉnh.</p> <p>2. Các nhân tố gây di lệch thứ phát sau khi nắn chỉnh và cố định xương gãy, tác dụng của cố định ngoài cục bộ, các phương pháp và các loại cố định ngoài cục bộ.</p> <p>3. Những điểm cần chú ý sau cố định nẹp cục bộ, xử lý những biến cố sau khi bó nẹp, thời gian bó nẹp và tiêu chuẩn liền xương</p> <p>2. Luyện tập công năng: 3 thời kỳ</p> <p>4. Thuốc</p> <p>- Thuốc dùng ngoài</p> <p>- Thuốc dùng trong: 3 thời kỳ</p>	4					2
6	<p>Vết thương phần mềm</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Phân loại</p> <p>3. Triệu chứng</p> <p>4. Xử trí</p> <p>5. Sinh lý liền thương và các hình thức liền thương</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh</p> <p>2. Pháp phương điều trị liền thương theo các giai đoạn.</p>	2					1
7	Bệnh lý tuyến vú	4					2

<p>1. Bệnh u xơ tuyến vú</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh 3. Phân loại 4. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng u xơ tuyến vú. 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh u xơ tuyến vú bằng y học hiện đại. <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bệnh nguyên bệnh cơ bệnh nữ hạch. 2. Triệu chứng và điều trị theo thể bệnh nữ hạch <p>2. Bệnh xơ nang tuyến vú</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh. 3. Phân loại, chẩn đoán phân biệt 4. triệu chứng lâm sàng và Cận lâm sàng chẩn đoán bệnh u xơ tuyến vú. 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh tuyến vú bằng y học hiện đại. <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bệnh nguyên bệnh cơ bệnh nữ tích. 2. Triệu chứng và điều trị theo thể bệnh nữ tích. <p>3. Ung thư tuyến vú</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh. 3. Phân loại, chẩn đoán phân biệt 4. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng chẩn đoán bệnh ung thư vú. 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh ung thư vú bằng y học hiện đại. <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bệnh nguyên bệnh cơ bệnh nữ nham. 2. Triệu chứng và điều trị theo thể bệnh nữ nham. 3. Điều trị nội khoa 4. Ngoại trị và phương pháp không dùng thuốc 						
---	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

* Điều kiện dự thi:

+ Theo quy định chung của nhà trường.

+ Thái độ học tập chăm chỉ, nghiêm túc. Bên cạnh việc bắt buộc phải tham gia học trên lớp $\geq 80\%$ thời gian cho quy định học phần lý thuyết, khi nghỉ học $< 20\%$ sinh viên phải có đơn xin phép gửi về bộ môn muộn nhất 07 ngày sau khi nghỉ.

Khi có đơn xin phép nghỉ học với lý do chính đáng, sinh viên được giảng viên bộ môn cung cấp các chủ đề cemina, sinh viên tự chuẩn bị và trả bài bằng cách báo cáo trực tiếp hoặc bằng bài viết, bài cemina được tính theo thang điểm 10, bài được coi là đạt khi đạt từ 05 điểm trở lên.

- LS: Sinh viên làm bệnh án, hỏi thi tại phòng bệnh

Điều kiện dự thi: Học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

- Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Tiểu luận			
	Lâm sàng	33,3%		CĐR6,CĐR8,CĐR10,CĐR11,CĐR12,
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	76,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR1, CĐR2, CĐR3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm kết thúc lâm sàng là điểm thi lâm sàng
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NGOẠI KHOA YHCT (LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Ngoại khoa Y học cổ truyền.

* Tiếng Việt: Ngoại khoa Y học cổ truyền.

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun: TRAD 6114

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 6

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Bệnh lý ngoại khoa YHHT

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Ngoại - Tổ YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuy@vutm.edu.vn
2.	PGS.TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcuong68@gmail.com
3.	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com
4.	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
5.	Bs. Nguyễn Đình Điệp	0346571213	yudaichi1102@gmail.com
6.	Bs. Trần Văn Thế	0973556837	chongchongtre264@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	- Vận dụng các kiến thức YHHĐ về cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng vào chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị của các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHHĐ	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR5	3
MT2	- Vận dụng được các kiến thức về YHCT về nguyên nhân, biến chứng luận trị để chẩn đoán và đưa ra pháp phương điều trị bằng YHCT các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT.	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR5	3
Kỹ năng			
MT4	- Có kỹ năng vận dụng kiến thức để thu thập thông tin, xử lý thông tin và thảo luận, phân biệt đưa ra được chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh từ đó đưa ra được các chỉ định điều trị bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR10, CĐR11, CĐR12,	3
MT5	- Có kỹ năng báo cáo, trình bày các bệnh lý Ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ	CĐR7, CĐR12	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT6	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT	CĐR14, CDDR15, CĐR16	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: - Vận dụng các kiến thức YHHĐ về cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng vào chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị của các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHHĐ</p> <p>MT2: - Vận dụng được các kiến thức về YHCT về nguyên nhân, biện chứng luận trị để chẩn đoán và đưa ra pháp phương điều trị bằng YHCT các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT.</p>	<p>CLO1: Vận dụng cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ</p> <p>CLO2: Vận dụng được nguyên nhân, biện chứng luận trị để đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị bằng YHCT các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT.</p>
Kỹ năng	
<p>MT3: - Có kỹ năng vận dụng kiến thức để thu thập thông tin, xử lý thông tin và thảo luận, phản biện đưa ra được chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh từ đó đưa ra được các chỉ định điều trị bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ</p> <p>MT4: - Có kỹ năng báo cáo, trình bày các bệnh lý Ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ</p>	<p>CLO 3 : Đưa ra được chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh.</p> <p>CLO 4: Đưa ra được các chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT5: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT</p>	<p>CLO 5: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước bệnh nhân trong việc chẩn đoán, điều trị bệnh lý Ngoại khoa YHCT</p> <p>CLO6: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực cùng hội thảo để đưa ra chẩn đoán chính xác và pháp phương điều trị tốt nhất</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Bệnh Trĩ	3	3	3	3	3	3	3
Dò hậu môn	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh động mạch ngoại vi mãn tính	3	3	3	3	3	3	3
Sỏi tiết niệu	3	3	3	3	3	3	3
Điều trị gãy xương bằng YHCT	3	3	3	3	3	3	3
Vết thương phần mềm	3	3	3	3	3	3	3
U xơ tuyến vú	3	3	3	3	3	3	3
Xơ nang tuyến vú	3	3	3	3	3	3	3
Ung thư tuyến vú	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức của YHCT và YHHĐ về cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, để đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ, đồng thời nghiên cứu nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ. Từ đó giúp sinh viên có kỹ năng khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Giảng lâm sàng và bệnh bệnh án Trĩ	4	4	- Có kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh đưa ra chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị theo YHCT kết hợp YHHĐ - Chuẩn bị bệnh án - Ưu tiên phản biện tính sáng tạo, hội chẩn làm việc tập thể
Các phương pháp điều trị ngoại khoa bệnh lý hậu môn trực tràng	4	4	
Giảng lâm sàng và bệnh bệnh án Dò hậu môn	4	4	
Giảng lâm sàng và bệnh bệnh án Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt	4	4	
Giảng lâm sàng và bệnh bệnh án Bệnh động mạch ngoại vi mãn tính	4	4	
Giảng lâm sàng và bệnh bệnh án Sỏi tiết niệu	4	4	
Giảng lâm sàng các thăm khám hệ tiết niệu và các phương pháp điều trị sỏi tiết niệu	4	4	

Giảng lâm sàng và bình bệnh án Điều trị gãy xương bằng YHCT	4	4	
Giảng lâm sàng và bình bệnh án Vết thương phần mềm	2	2	
Giảng lâm sàng và bình bệnh án U xơ tuyến vú	2	2	
Giảng lâm sàng và bình bệnh án Xơ nang tuyến vú	2	2	
Giảng lâm sàng và bình bệnh án Ung thư tuyến vú	2	2	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), *Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), *Bài giảng bệnh học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), *Ngoại khoa y học cổ truyền*. Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Trĩ	4	4	1		4	4
2	Các phương pháp điều trị ngoại khoa bệnh lý hậu môn trực tràng	4				4	4
3	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Dò hậu môn	4		1		4	4
4	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt	4		1		4	4
5	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Bệnh động mạch ngoại vi	4		1		4	4

	mãn tính					
6	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Sỏi tiết niệu	4		1		4 4
7	Giảng lâm sàng các thăm khám hệ tiết niệu và các phương pháp điều trị sỏi tiết niệu	4				4 4
8	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Điều trị gãy xương bằng YHCT	4		1		4 4
9	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Vết thương phần mềm	2		1		2 2
10	Giảng lâm sàng và bình bệnh án U xơ tuyến vú	2		1		2 2
11	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Xơ nang tuyến vú	2		1		2 2
12	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Ung thư tuyến vú	2		1		2 2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành
 Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề
 Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
 Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CLO1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung và chuyển lại cho sinh viên chuẩn bị bệnh nhân, chuẩn bị bệnh án.

- Có máy tính và projecter

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được vắng buổi lâm sàng nào, Phải đến giao ban khoa.
- Sinh viên phải chuẩn bị bệnh nhân, bệnh án gửi thầy(cô) giáo trước khi giảng.
- Sinh viên nghỉ lâm sàng 1 buổi coi như nghỉ thi.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm) Chăm bệnh án điều kiện:			
	Bài 1:	25%	≥ 4	CLO 1 đến CLO6
	Bài 2:	25%	≥ 4	
	Bài 3	25%	≥ 4	
	Bài 4	25%	≥ 4	
	Bài 5:	25%	≥ 4	
	Bài 6:	25%	≥ 4	
	Bài 7	25%	≥ 4	
	Bài 8	25%	≥ 4	
	Bài 8:	25%	≥ 4	
	Bài 10:	25%	≥ 4	
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm) Sinh viên bốc thăm và làm bệnh án, hỏi thi tại phòng bệnh và hỏi bệnh án tại giảng đường			
	Hỏi thi vấn đáp	60%	≥ 4	CLO1 - CLO6
	Chăm bệnh án	40%		

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm kết thúc lâm sàng là điểm hỏi thi vấn đáp và bệnh án thi.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHỤ SẢN YHHĐ

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: PHỤ SẢN YHHĐ
- * Tiếng Việt: Phụ sản YHHĐ
- * Tiếng Anh: Obstetrics
- Mã học phần: MEDI4107
- Số tín chỉ: 2
- Đối tượng học (năm thứ): Y4 Bác sỹ YHCT
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
 - + Giải phẫu sinh lý
 - + Giải phẫu bệnh
 - + Sinh lý bệnh
 - + Bệnh học nội khoa
 - + Bệnh học ngoại khoa
 - + Nhi khoa
 - + Hồi sức cấp cứu
 - + Hóa sinh
 - + Lý sinh
 - + Dược lý học lâm sàng
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 25 tiết
 - + Bài tập: 2 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 3 tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Sản Phụ khoa

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com	
2	BSCCKII Trần Quyết Thắng	0904484444	minhthang4484444@gmail.com	GV mời
3	BSCCKI. Nguyễn Thành Trung	09044482038	thanhtrung.nth@gmail.com	GV mời

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHĐ - Trình bày được triệu chứng của các mặt bệnh - Trình bày được chẩn đoán - Nêu được hướng xử trí, điều trị cụ thể cho các bệnh trong nội dung học tập 	<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức cơ bản về sinh lý và bệnh lý sản phụ khoa; - Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh; - Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. 		
	<p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu sản phụ khoa thông thường; - Chẩn đoán và xử trí một số bệnh sản phụ khoa thường gặp; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm 		

<p style="text-align: center;">2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
	<p>dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh sản phụ khoa thông thường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe sinh sản toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng; - Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; 		
	<p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học 		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	tập nâng cao trình độ.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHĐ - Trình bày được triệu chứng của các mặt bệnh - Trình bày được chẩn đoán - Nêu được hướng xử trí, điều trị cụ thể cho các bệnh trong nội dung học tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức cơ bản về sinh lý và bệnh lý sản phụ khoa; - Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh; - Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
Kỹ năng	
<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHĐ - Trình bày được triệu chứng của các mặt bệnh - Trình bày được chẩn đoán - Nêu được hướng xử trí, điều trị cụ thể cho các bệnh trong nội dung học tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu sản phụ khoa thông thường; - Chẩn đoán và xử trí một số bệnh sản phụ khoa thường gặp; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh sản phụ khoa thông thường; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe sinh sản toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng; - Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa

	bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT
MT 1	Nội dung trong học phần lý thuyết	Ghi nhớ
MT2		Chẩn đoán và điều trị được
MT3		Phân tích, tổng hợp, tiên lượng, đánh giá vận dụng làm bài kiểm tra test

6. Mô tả học phần/ mô đun

Sản phụ khoa là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Nó trang bị cho học sinh kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh phụ khoa, sản khoa. Gồm 2 nội dung cơ bản:

- Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị sản phụ khoa
- Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ
- Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/ KT	Tổng cộng		
Bài 1: Giới thiệu những nét cơ bản trong sản phụ khoa	1	0	0	1		- Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ

							- Học tập tích cực
Bài 2: Sự thụ tinh. Sự làm tổ và phát triển của trứng. Chẩn đoán thai nghén	2	0	0			2	-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 3: Thay đổi giải phẫu và sinh lý ở người phụ nữ có thai	3	0	0			3	-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 4: Tính chất thai nhi đủ tháng, các phần phụ thai nhi đủ tháng	2	0	1			3	-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 5: Chẩn đoán ngôi- Thế- Kiểu thế	2	0	0			2	- Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 6: Sinh lý chuyển dạ	2	0	1			3	-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 7: Cơ chế đẻ ngôi chòm kiểu thế	2	0	1			3	-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 8: Đẻ khó	2	0	1			3	-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài

						tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 9: Nhiễm khuẩn hậu sản	2	0	0		2	-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 10: Chảy máu ba tháng đầu thời kỳ thai nghén.	2	0	0		2	-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 11: Chảy máu 3 tháng cuối, trong chuyển dạ và sau đẻ.	3	0	0		3	-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bài 12: Tư vấn và các biện pháp kế hoạch hóa gia đình	2	0	1		3	
Tổng	25	0	5		30	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC) : Bài giảng Sản phụ khoa Y học hiện đại – Bộ môn Sản phụ khoa – Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng sản khoa – Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh
- Bài giảng sản phụ khoa – Đại học Y Hà Nội Tập 1, Tập 2
- Bài giảng Sản phụ khoa Đại học Y Hà Nội (dùng cho đối tượng sau đại học)
- Phụ khoa thực hành
- Siêu âm sản khoa thực hành – Đỗ Danh Toàn – Nhà xuất bản Y học
- Thủ thuật Sản khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	7		1			
2	7			1		
3	7		1			
4	5	1				

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR ... đến CDR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM.....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Bổ sung thêm 02 giảng viên giảng dạy chuyên ngành sản phụ khoa YHHĐ trình độ sau đại học

- Có giảng đường đầy đủ trang thiết bị phương tiện giảng dạy

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	thi trắc nghiệm	100%		Điểm đạt: > 4.0

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết: Thi trắc nghiệm Điểm đạt: > 4.0

- Điểm lâm sàng: Hỏi thi lâm sàng Điểm đạt: > 6.0

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
 ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Thực hành/lâm sàng)
PHỤ SẢN 1**

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Phụ sản 1
- * Tiếng Việt:
- * Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 2
- Đối tượng học (năm thứ): Y4 Bác sỹ YHCT, Bác sỹ đa khoa
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:

- + Giải phẫu sinh lý
- + Giải phẫu bệnh
- + Sinh lý bệnh
- + Bệnh học nội khoa
- + Bệnh học ngoại khoa
- + Nhi khoa
- + Hồi sức cấp cứu
- + Hóa sinh
- + Lý sinh
- + Dược lý học lâm sàng

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Sản phụ khoa

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com	
2	BSCKII Trần Quyết Thắng	0904484444	minhthang4484444@gmail.com	GV mời
3	BSCKI. Nguyễn Thành Trung	09044482038	thanhtrung.nth@gmail.com	GV mời
4	BSCKII. Nguyễn Thị Ngọc Bích	0912425566	ngocbich@gmail.com	

5	Nguyễn Minh Đức	0967898896	minhduc@gmail.com	
6	Nguyễn Đức Tú	0983730414		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT 1	Biết làm bệnh án sản phụ khoa Nhớ được các kiến thức cơ bản về sinh lý sản phụ khoa vận dụng vào chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường	Ghi nhớ	
MT2	Kiến tập phụ giúp bác sỹ làm một số thủ thuật: đẻ thường, mổ đẻ, nạo hút thai, đốt điện cổ tử cung, lấy bệnh phẩm, đặt dụng cụ tử cung	Thành thực	
MT3	Theo dõi chuyển dạ, vẽ biểu đồ chuyển dạ, thăm khám phát hiện các dấu hiệu bất thường trong thời kỳ chuyển dạ, trong cuộc đẻ và hậu sản.	Thành thực	
MT4	Chăm sóc sơ sinh sau đẻ Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	Thành thực	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHĐ - Trình bày được triệu chứng của các mặt bệnh - Trình bày được chẩn đoán - Nêu được hướng xử trí, điều trị cụ thể cho các bệnh trong nội dung học tập 	Ghi nhớ, nắm rõ

Kỹ năng	
Biết làm bệnh án sản phụ khoa Nhớ được các kiến thức cơ bản về sinh lý sản phụ khoa vận dụng vào chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường	Ghi nhớ
Kiến tập phụ giúp bác sỹ làm một số thủ thuật: đẻ thường, mổ đẻ, nạo hút thai, đốt điện cổ tử cung, lấy bệnh phẩm, đặt dụng cụ tử cung	Thành thực
Theo dõi chuyên dạ, vẽ biểu đồ chuyển dạ, thăm khám phát hiện các dấu hiệu bất thường trong thời kỳ chuyển dạ, trong cuộc đẻ và hậu sản.	Thành thực
Chăm sóc sơ sinh sau đẻ Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	Thành thực
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<ul style="list-style-type: none"> - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ. 	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR...	CĐR...	CĐR...	CĐR...	CĐR...
Nội dung 1							
Nội dung 2							
Nội dung							

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Sản phụ khoa là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Nó trang bị cho học sinh kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh phụ khoa, sản khoa. Gồm 2 nội dung cơ bản:

- Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị sản phụ khoa
- Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ

- Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ
- Ngoài ra cần phải nghiên cứu thêm các biện pháp sinh đẻ kế hoạch giúp người phụ nữ sinh đẻ theo ý muốn đặc biệt là điều trị các bệnh lý về vô sinh cho các cặp vợ chồng hiếm muộn

7. Nội dung chi tiết học phần thực hành/ lâm sàng

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Làm 8 bệnh án sản khoa, phụ khoa (bệnh án điều kiện)	5	15	- Làm và nộp bệnh án điều kiện đúng hạn
Khám và quản lý thai nghén	5	15	- Kiến tập khám và quản lý thai nghén - Khám và quản lý thai nghén 10 ca
Khám chuyển dạ	10	10	- Nhận biết các dấu hiệu chuyển dạ - Theo dõi chuyển dạ 10 ca
Khám phụ khoa	10	10	- Nhận biết các dấu hiệu bệnh lý phụ khoa - Khám phụ khoa 10 ca
Một số thủ thuật sản phụ khoa	10	10	- Kiến tập khi bác sỹ tiến hành thủ thuật: 5 ca
Theo dõi sản phụ sau đẻ	10	10	- Theo dõi 5 ca
Chăm sóc sơ sinh sau đẻ (tắm bé)	10	10	- 5 ca
Đặt dụng cụ tử cung, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	10	10	- Kiến tập - Phụ giúp thầy thuốc - Trực tiếp tư vấn
Tổng	80	80	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC): Bài giảng Sản phụ khoa Y học hiện đại. Bộ môn Sản phụ khoa Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng sản khoa – Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh
- Bài giảng sản phụ khoa – Đại học Y Hà Nội Tập 1, Tập 2

- Bài giảng Sản phụ khoa Đại học Y Hà Nội (dùng cho đối tượng sau đại học)
- Phụ khoa thực hành
- Siêu âm sản khoa thực hành – Đỗ Danh Toàn – Nhà xuất bản Y học
- Thủ thuật Sản khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	
1	4			Hướng dẫn làm bệnh án, bình bệnh án	16
2	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	16
3	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	16
4	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	16
5	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	16
6	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	16
7	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	16
8	4	4		Bình bệnh án, thảo luận nhóm, hỏi thi vấn đáp	8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Sinh viên quan sát bác sỹ, giảng viên hướng dẫn lâm sàng thực hành thăm khám, hỏi bệnh
- Thảo luận các tình huống lâm sàng cụ thể trên bệnh nhân
- Giảng viên hướng dẫn, phát huy tính tích cực của người học và đưa ra nhận xét kết luận.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Có khoa phòng buồng bệnh đầy đủ trang thiết bị thăm khám lâm sàng
- Có bệnh nhân

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Mỗi tuần hoàn thành 1 bệnh án phụ khoa
- Thực hành tứ chẩn trong thăm khám bệnh nhân
- Đi lâm sàng, đi trực đầy đủ, đúng giờ
- Rèn luyện thái độ, kỹ năng lâm sàng

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Bài thực hành			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Hỏi thi lâm sàng			Điểm đạt: > 5.0

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHỤ SẢN YHCT (PS2)**

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Phụ sản 2
- * Tiếng Việt: Phụ sản
- * Tiếng Anh: Obstetrics
- Mã học phần: MEDI4107
- Số tín chỉ: 2
- Đối tượng học (năm thứ): Y6 Bác sỹ đa khoa
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Các học phần từ Y1 đến Y3 đặc biệt
- + Giải phẫu sinh lý
- + Giải phẫu bệnh
- + Sinh lý bệnh
- + Bệnh học nội khoa
- + Bệnh học ngoại khoa
- + Nhi khoa
- + Hồi sức cấp cứu
- + Hóa sinh
- + Lý sinh
- + Dược lý học lâm sàng
- + Phụ sản 1
- + Modul sinh dục sinh sản, huyết học miễn dịch, tim mạch, thần kinh, hô hấp
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 25 tiết
 - + Bài tập: 2 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 3 tiết
 - + Kiểm tra: 1 tiết
 - + Thời gian tự học: 5 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Sản Phụ khoa

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com
2	BSCCKII Trần Quyết Thắng	0904484444	minhthang4484444@gmail.com
3	BSCKI. Nguyễn Thành Trung	09044482038	thanhtrung.nth@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHD - Trình bày được triệu chứng của các mặt bệnh - Trình bày được chẩn đoán - Nêu được hướng xử trí, điều trị cụ thể cho các bệnh trong nội dung học tập 	<p>* Kiến thức:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích được cơ chế bệnh sinh của các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng 2. Ghi nhớ được phương pháp điều trị từng bệnh 		
	<p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu sản phụ khoa thông thường; - Chẩn đoán và xử trí một số bệnh sản phụ khoa thường gặp; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh sản phụ khoa thông thường; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe sinh sản 		

<p style="text-align: center;">2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
	<p>toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng; - Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; 		
	<p>* Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ. 		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHD -Giải thích được cơ chế bệnh sinh các triệu chứng của các mặt bệnh - Chẩn đoán và điều trị được các bệnh trong chương trình học 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được các đặc điểm sinh lý và bệnh lý sản phụ khoa; - Chẩn đoán , điều trị được các bệnh trong chương trình học. - Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học; - Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.
Kỹ năng	
	<ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu sản phụ khoa thông thường; - Chẩn đoán và xử trí một số bệnh sản phụ khoa thường gặp; - Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh sản phụ khoa thông thường; - Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khoẻ sinh sản toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường; - Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng; - Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân;
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT
MT 1	Nội dung trong học phần lý thuyết	Ghi nhớ
MT2		Chẩn đoán và điều trị được
MT3		Phân tích, tổng hợp, tiên lượng, đánh giá vận dụng làm bài kiểm tra test

6. Mô tả học phần/ mô đun

Sản phụ khoa là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Nó trang bị cho học sinh kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh phụ khoa, sản khoa. Gồm 2 nội dung cơ bản:

- Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị sản phụ khoa
- Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ
- Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	L T	TH	BT/TL /KT	Tổng cộng		
Suy thai trong chuyển dạ, hồi sức sơ sinh	3	0	0	3		- Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực
Các bệnh lý nhiễm trùng và thai nghén	2	0	0	2		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Các yếu tố tiên lượng cuộc đẻ	2	0	0	2		-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được

Ung thư phụ khoa	2	0	1		3	<ul style="list-style-type: none"> -Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Khối u nguyên bào nuôi	1	0	0		1	<ul style="list-style-type: none"> - Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Các phương pháp thăm dò trong sản khoa	2	0	1		3	<ul style="list-style-type: none"> -Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Các phương pháp đình chỉ thai nghén	2	0	1		3	<ul style="list-style-type: none"> -Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Các chỉ định mổ lấy thai	2	0	1		3	<ul style="list-style-type: none"> -Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được

Vỡ tử cung	2	0	0	2	-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Đọa đẻ non, đẻ non	2	0	0	2	-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Sảy thai, thai chết lưu	3	0	0	3	-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Bệnh lý kinh nguyệt	2	0	1	3	-Đi học đầy đủ số buổi quy định, đúng giờ - Học tập tích cực - Hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn - Hiểu, nhớ, vận dụng được
Tổng	25	0	5	30	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC) : Bài giảng Sản phụ khoa Y học hiện đại – Bộ môn Sản phụ khoa – Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng sản khoa – Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh
- Bài giảng sản phụ khoa – Đại học Y Hà Nội Tập 1, Tập 2
- Bài giảng Sản phụ khoa Đại học Y Hà Nội (dùng cho đối tượng sau đại học)
- Phụ khoa thực hành
- Siêu âm sản khoa thực hành – Đỗ Danh Toàn – Nhà xuất bản Y học
- Thủ thuật Sản khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1						
2						
3						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM.....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Bổ sung thêm 02 giảng viên giảng dạy chuyên ngành sản phụ khoa YHHĐ trình độ sau đại học

- Có giảng đường đầy đủ trang thiết bị phương tiện giảng dạy

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- ✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	thi trắc nghiệm			Điểm đạt: > 4.0

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết: Thi trắc nghiệm Điểm đạt: > 4.0

- Điểm lâm sàng: Hỏi thi lâm sàng Điểm đạt: > 6.0

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Thực hành/lâm sàng)
PHỤ SẢN 2**

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Phụ sản 2
- * Tiếng Việt:
- * Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 2
- Đối tượng học (năm thứ): Y6 Bác sỹ đa khoa
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:
 - + Giải phẫu sinh lý
 - + Giải phẫu bệnh
 - + Sinh lý bệnh
 - + Bệnh học nội khoa
 - + Bệnh học ngoại khoa
 - + Nhi khoa
 - + Hồi sức cấp cứu
 - + Hóa sinh
 - + Lý sinh
 - + Dược lý học lâm sàng
 - + Phụ sản 1
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Sản phụ khoa

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com
2	BSCCKII Trần Quyết Thắng	0904484444	minhthang4484444@gmail.com
3	BSCCKI. Nguyễn Thành Trung	09044482038	thanhtrung.nth@gmail.com
4	BSCCKII. Nguyễn Thị Ngọc Bích	0912425566	ngocbich@gmail.com
5	Nguyễn Minh Đức	0967898896	minhduc@gmail.com
6	Nguyễn Đức Tú	0983730414	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT 1	Biết làm bệnh án sản phụ khoa Áp dụng được các kiến thức cơ bản về sản phụ khoa vận dụng vào chẩn đoán và điều trị một số bệnh trong thời kỳ mang thai	Ghi nhớ	
MT2	Kiến tập phụ giúp bác sỹ làm một số thủ thuật: cấp cứu choáng sản khoa, vỡ tử cung, mổ đẻ...	Thành thực	
MT3	Chẩn đoán, điều trị được một số bệnh lý sơ sinh thường gặp	Chẩn đoán đúng Điều trị đúng phác đồ	
MT4	Chẩn đoán, điều trị được một số bệnh lý phụ khoa: u xơ tử cung, bệnh lý kinh nguyệt, viêm tuyến vú, K vú	Chẩn đoán đúng Điều trị đúng phác đồ	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân gây các bệnh lý trong học phần theo YHHD - Trình bày được triệu chứng của các mặt bệnh 	Ghi nhớ, nắm rõ

- Trình bày được chẩn đoán - Nêu được hướng xử trí, điều trị cụ thể cho các bệnh trong nội dung học tập	
Kỹ năng	
Làm đúng bệnh án sản phụ khoa Áp dụng được các kiến thức cơ bản về sản phụ khoa vận dụng vào chẩn đoán và điều trị một số bệnh trong thời kỳ mang thai	Ghi nhớ
Kiến tập phụ giúp bác sỹ làm một số thủ thuật: cấp cứu choáng sản khoa, vỡ tử cung, mổ đẻ...	Thành thực
Chẩn đoán, điều trị được một số bệnh lý sơ sinh thường gặp	Chẩn đoán đúng Điều trị đúng phác đồ
Chẩn đoán, điều trị được một số bệnh lý phụ khoa: u xơ tử cung, bệnh lý kinh nguyệt, viêm tuyến vú, K vú	Chẩn đoán đúng Điều trị đúng phác đồ
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh; - Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành; - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp; - Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.	

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR...	CĐR...	CĐR...	CĐR...	CĐR...
Nội dung 1							
Nội dung 2							
Nội dung							

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Sản phụ khoa là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Nó trang bị cho học sinh kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh phụ khoa, sản khoa. Gồm 2 nội dung cơ bản:

- Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị sản phụ khoa
- Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ
- Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ
- Ngoài ra cần phải nghiên cứu thêm các biện pháp sinh đẻ kế hoạch giúp người phụ nữ sinh đẻ theo ý muốn đặc biệt là điều trị các bệnh lý về vô sinh cho các cặp vợ chồng hiếm muộn

7. Nội dung chi tiết học phần thực hành/ lâm sàng

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Làm 8 bệnh án sản khoa, phụ khoa (bệnh án điều kiện)	5	15	- Làm và nộp bệnh án điều kiện đúng hạn
Khám thai và phát hiện, điều trị được một số bệnh lý trong thời kỳ mang thai	5	15	- Kiến tập khám: 10 ca
Choáng sản khoa, vỡ tử cung	10	10	- Kiến tập - Phụ giúp bác sỹ
Khám phát hiện một số bệnh phụ khoa	10	10	- Nhận biết các dấu hiệu bệnh lý phụ khoa - Khám phụ khoa 10 ca
Thực hiện được một số thủ thuật sản phụ khoa đơn giản: đặt thuốc ÂĐ, đốt điện CTC, khâu tầng sinh môn	10	10	5 ca
Khám phát hiện một số bệnh lý sơ sinh thường gặp	10	10	- 5 ca
Vệ sinh kinh nguyệt	10	10	- Tư vấn cho bệnh nhân, có sự giám sát của bác sỹ
Chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý về vú	10	10	- Phụ giúp thầy thuốc - Trực tiếp tư vấn
Tổng	80	80	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC) : Bài giảng Sản phụ khoa Y học hiện đại. Bộ môn Sản phụ khoa Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng sản khoa – Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh
- Bài giảng sản phụ khoa – Đại học Y Hà Nội Tập 1, Tập 2
- Bài giảng Sản phụ khoa Đại học Y Hà Nội (dùng cho đối tượng sau đại học)
- Phụ khoa thực hành
- Siêu âm sản khoa thực hành – Đỗ Danh Toàn – Nhà xuất bản Y học
- Thủ thuật Sản khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16
2	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16
3	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16
4	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16
5	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16
6	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16
7	4			Bình bệnh án, thảo luận nhóm		16
8	4	4				8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Sinh viên quan sát bác sỹ, giảng viên hướng dẫn lâm sàng thực hành thăm khám, hỏi bệnh
- Thảo luận các tình huống lâm sàng cụ thể trên bệnh nhân
- Giảng viên hướng dẫn, phát huy tính tích cực của người học và đưa ra nhận xét kết luận.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Có khoa phòng buồng bệnh đầy đủ trang thiết bị thăm khám lâm sàng
- Có bệnh nhân

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Mỗi tuần hoàn thành 1 bệnh án phụ khoa
- Thực hành tứ chẩn trong thăm khám bệnh nhân

- Đi lâm sàng, đi trực đầy đủ, đúng giờ
- Rèn luyện thái độ, kỹ năng lâm sàng

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Bài thực hành			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Hỏi thi lâm sàng			Điểm đạt: > 5.0

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NHI KHOA Y HỌC HIỆN ĐẠI (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: bác sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Nhi khoa Y học hiện đại

* Tiếng Anh: Pediatric

- Mã học phần/ mô đun: MEDI4108

- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: 36 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sĩ Cao Việt Tùng	0936091272	vtcardio@gmail.com
2	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
3	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
4	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	bskhiem8x@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	- Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	[CDR1] – [CDR2]	2-3
MT2	- Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	[CDR1] – [CDR2]	2-3
MT3	- Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	[CDR1] – [CDR2]	3 -4.5
Kỹ năng			
MT4	<i>Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.</i> - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em - Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em - Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em - Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em	[CDR 6] [CDR 10]	3 – 4.5
3			
Thái độ			
MT5	- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà. - Có ý thức tự chủ và có ý thức trách	[CDR14 – CDR17]	2.0

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	nhiệm với công việc - Biết cách phối hợp làm việc nhóm		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	CLO1: Trình bày và giải thích được đặc điểm sinh lý và đặc điểm bệnh lý của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển CLO2: Trình bày được đặc điểm bình thường ở các bộ phận cơ thể trẻ em
MT2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	CLO3: Phân tích được các triệu chứng và tổng hợp được các triệu chứng để chẩn đoán được một số bệnh thường gặp ở trẻ em
MT3: Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	CLO4: Vận dụng các kiến thức đã học để đề xuất và áp dụng các phương pháp điều trị, chăm sóc cho các bệnh thường gặp ở trẻ em
Kỹ năng	
MT 4: Kỹ năng lập luận nghề nghiệp	CLO5: Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em. Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em CLO6: Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em. Xử trí được một số bệnh và tình trạng

	cấp cứu thường gặp trẻ em
Thái độ (Năng lực tự chủ và trách nhiệm)	
MT 5: Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà. Có ý thức tự chủ và có ý thức trách nhiệm với công việc. Biết cách phối hợp làm việc nhóm	CLO7: Lập được kế hoạch học tập và thực hiện được các kế hoạch và mục tiêu học tập trong quá trình học. Thực hiện được và phối hợp được với các bạn trong việc thảo luận. Biết cách tư vấn người nhà 1 số cách chăm sóc trẻ bệnh.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Phần I. Đại cương Bài 1. Các thời kì phát triển của trẻ em Bài 2. Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ	3	3					1
Phần II. Cấp cứu Bài 3. Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng			3	3	3	3	1
Phần III. Sơ sinh Bài 4. Chăm sóc trẻ sơ sinh Bài 5. Nhiễm trùng sơ sinh			3	3	3	3	1
Phần IV. Hô hấp Bài 6. Đánh giá, phân loại và xử trí NTHHCT Bài 7. Viêm phổi			3	3	3	3	1
Phần V. Tim mạch Bài 8. Bệnh tim bẩm sinh trẻ em			3	3	3	3	1
Phần VI. Tiêu hóa Dinh dưỡng Bài 9. Còi xương Bài 10. Suy dinh dưỡng Bài 11. Tiêu chảy cấp			3	3	3	3	1
Phần VII. Thận TN			3	3	3	3	1

Bài 12. Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu							
Bài 13. Hội chứng thận hư							
Phần VIII. Huyết học			3	3	3	3	1
Bài 14. Hội chứng thiếu máu							
Bài 15. Hội chứng xuất huyết							
Phần IX. Thần kinh			3	3	3	3	1
Bài 16. Viêm màng não							

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em.

Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em.

Tư vấn giáo dục sức khỏe về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Phần 1. Đại cương						
Bài 1. Các thời kỳ phát triển của trẻ em				1	1	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
1. Đại cương	1					
2. Thời kì sơ sinh						
3. Thời kì bú mẹ						
4. Thời kì răng sữa						
5. Thời kì thiếu niên						
6. Thời kì dậy thì						
Bài 2. Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ				1	1	
1. Da, cơ	1					
2. Hô hấp						
3. Tim mạch						
4. Tiêu hóa						
5. Thận Tiết niệu						

6. Thần kinh 7. Huyết học						
Phần II. Cấp cứu Bài 3. Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng <ol style="list-style-type: none"> Đại cương Đánh giá và xử trí ban đầu tình tổn thương hô hấp Đánh giá và xử trí ban đầu tổn thương tim mạch Đánh giá và xử trí ban đầu tổn thương thần kinh 	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần III. Sơ sinh Bài 4. Chăm sóc trẻ sơ sinh <ol style="list-style-type: none"> Đặc điểm trẻ sơ sinh đủ tháng- non tháng Chăm sóc ngay sau đẻ Chăm sóc sơ sinh đủ tháng Chăm sóc sơ sinh non tháng Bài 5. Nhiễm trùng sơ sinh <ol style="list-style-type: none"> Các đường lây nhiễm Các yếu tố nguy cơ Nhiễm trùng các cơ quan bộ 	4			4	4	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần IV. Hô hấp Bài 6. Đánh giá, phân loại, xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính <ol style="list-style-type: none"> Phân loại NKHHCT Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ Đánh giá, phân loại và xử trí NKHHCT Bài 7. Viêm phổi <ol style="list-style-type: none"> Định nghĩa, nguyên nhân Phân loại Triệu chứng Điều trị Phòng bệnh 	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần V. Tim mạch Bài 8. Bệnh tim bẩm sinh thường gặp ở trẻ em <ol style="list-style-type: none"> Đại cương Phân loại Một số bệnh tim bẩm sinh 	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp

thường gặp ở trẻ						
Phần VI. Tiêu hóa – Dinh dưỡng Bài 9. Còi xương <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên nhân, Cơ chế bệnh sinh 2. Triệu chứng 3. Điều trị 4. Dự phòng Bài 10. Suy dinh dưỡng <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Điều trị 4. Dự phòng Bài 11. Tiêu chảy cấp <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Dự phòng 	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần VII. Thận – Tiết niệu Bài 12. Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Dự phòng Bài 13. Hội chứng thận hư <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Dự phòng 	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần VIII. Huyết học Bài 14. Hội chứng thiếu máu <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Triệu chứng 4. Một số bệnh thiếu máu thường gặp ở trẻ Bài 15. Hội chứng xuất huyết <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Một số bệnh xuất huyết ở trẻ 	4			4	4	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần IX. Thần kinh	2			2		Chấp hành nội

Bài 16. Viêm màng não 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh					2	qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
--	--	--	--	--	---	---

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Bài giảng Nhi khoa (Tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bệnh viện Nhi Trung ương (2018) “Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em”.

[2] Bộ Y Tế (2015) “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh thường gặp ở trẻ em”.

[3] Bệnh viện Bạch Mai (2002) “Tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi khoa”.

[4] Bệnh viện Nhi đồng 1 TP HCM – Đại học YDTPHCM (2013) “Phác đồ điều trị cấp cứu nhi khoa”.

[5] Bộ môn Nhi Đại học Y khoa Hà Nội (2018) “Bài giảng nhi khoa”.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Các thời kì phát triển trẻ em Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ	2					4
	Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng	2					
2	Chăm sóc trẻ sơ sinh Nhiễm trùng sơ sinh	4					4
3	Đánh giá, phân loại, xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính Viêm phổi	4					4
4	Còi xương, suy dinh dưỡng	4					4
5	Tiêu chảy cấp	4					4

	Viêm màng não mủ						
6	Hội chứng thận hư Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu	4					4
7	Hội chứng thiếu máu	2					4
	Hội chứng xuất huyết	2					2
8	Bệnh lý tim bẩm sinh ở trẻ em	2					2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO7].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Chuyên cần: Không vắng quá 20% số buổi giảng lý thuyết	0	Đạt/ không đạt	CĐR ...
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Điểm đạt ≥ 4	CLO1 đến CLO 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm kết thúc thực hành: Thi vấn đáp tại bệnh viện thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1 + Điểm lý thuyết x 2)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
NHI KHOA Y HỌC HIỆN ĐẠI (THỰC HÀNH)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 20...
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Đối tượng đào tạo: bác sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Nhi khoa Y học hiện đại

* Tiếng Anh: Pediatric

- Mã học phần/ mô đun: MEDI4108

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sĩ Cao Việt Tùng	0936091272	vtcardio@gmail.com
2	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
3	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
4	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	bskhiem8x@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	- Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	[CDR1] – [CDR2]	2-3
MT2	- Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	[CDR1] – [CDR2]	2-3
MT3	- Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	[CDR1] – [CDR2]	3 -4.5
Kỹ năng			
MT4	<i>Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.</i> - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em - Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em - Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em - Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em	[CDR 6] [CDR 10]	3 – 4.5
Thái độ			
MT5	- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà. - Có ý thức tự chủ và có ý thức trách nhiệm với công việc - Biết cách phối hợp làm việc nhóm	[CDR14 – CDR17]	2.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại

theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	CLO1: Trình bày và giải thích được đặc điểm sinh lý và đặc điểm bệnh lý của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển CLO2: Trình bày được đặc điểm bình thường ở các bộ phận cơ thể trẻ em
MT2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	CLO3: Phân tích được các triệu chứng và tổng hợp được các triệu chứng để chẩn đoán được một số bệnh thường gặp ở trẻ em
MT3: Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	CLO4: Vận dụng các kiến thức đã học để đề xuất và áp dụng các phương pháp điều trị, chăm sóc cho các bệnh thường gặp ở trẻ em
Kỹ năng	
MT 4: Kỹ năng lập luận nghề nghiệp	CLO5: Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em. Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em CLO6: Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em. Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em
Thái độ (Năng lực tự chủ và trách nhiệm)	
MT 5: Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà. Có ý thức tự chủ và có ý thức trách nhiệm với công việc. Biết cách phối hợp làm việc nhóm	CLO7: Lập được kế hoạch học tập và thực hiện được các kế hoạch và mục tiêu học tập trong quá trình học. Thực hiện được và phối hợp được với các bạn trong việc thảo luận. Biết cách tư vấn người nhà 1 số cách chăm sóc trẻ bệnh.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Phần I. Đại cương Bài 1. Các thời kì phát triển của trẻ em Bài 2. Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ	3	3					1
Phần II. Cấp cứu Bài 3. Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng			3	3	3	3	1
Phần III. Sơ sinh Bài 4. Chăm sóc trẻ sơ sinh Bài 5. Nhiễm trùng sơ sinh			3	3	3	3	1
Phần IV. Hô hấp Bài 6. Đánh giá, phân loại và xử trí NTHHCT Bài 7. Viêm phổi			3	3	3	3	1
Phần V. Tim mạch Bài 8. Bệnh tim bẩm sinh trẻ em			3	3	3	3	1
Phần VI. Tiêu hóa Dinh dưỡng Bài 9. Còi xương Bài 10. Suy dinh dưỡng Bài 11. Tiêu chảy cấp			3	3	3	3	1
Phần VII. Thận TN Bài 12. Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu Bài 13. Hội chứng thận hư			3	3	3	3	1
Phần VIII. Huyết học Bài 14. Hội chứng thiếu máu Bài 15. Hội chứng xuất huyết			3	3	3	3	1
Phần IX. Thần kinh Bài 16. Viêm màng não			3	3	3	3	1

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành Nhi khoa Y học hiện đại là bộ phận của Học phần Nhi khoa Y học hiện đại, có ý nghĩa quan trọng trong việc đào tạo sinh viên Y học cổ truyền đạt các chuẩn đầu ra phù hợp của chương trình đào tạo

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế.

Nội dung chính yếu: bao gồm cách khám và phát hiện các triệu chứng bất thường, các xét nghiệm. Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun (thực hành)

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1. Cách làm bệnh án Nhi khoa	2	4	- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo. - Thực hành hỏi bệnh, thăm khám bệnh nhân. - Làm bệnh án tại các khoa phòng. - Chuẩn bị bệnh án thảo luận lâm sàng.
2. Hướng dẫn khám lâm sàng Nhi khoa	2	4	
3. Hướng dẫn đọc Xq tim phổi trẻ em	2	4	
4. Nhận biết và xử trí tình trạng trẻ bị bệnh nặng (co giật,...)	2	4	
5. Bệnh bệnh án viêm phổi trẻ em	2	4	
6. Bệnh bệnh án nhiễm trùng hô hấp cấp tính	2	4	
7. Bệnh bệnh án tiêu chảy cấp trẻ em	2	4	
8. Bệnh bệnh án viêm màng não mủ	2	4	
9. Bệnh bệnh án suy hô hấp trẻ em	2	4	
10. Bệnh bệnh án bệnh thận – tiết niệu (viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư,...)	2	4	
11. Bệnh bệnh án bệnh tim mạch (tim bẩm sinh,...)	2	4	
12. Bệnh bệnh án truyền nhiễm (thủy đậu, sởi, tay chân miệng,...).	2	4	
13. Bệnh bệnh án còi xương, suy dinh dưỡng	2	4	
14. Bệnh bệnh án nhiễm trùng sơ sinh	2	4	
15. Bệnh bệnh án chăm sóc trẻ sơ sinh	2	4	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Bài giảng Nhi khoa (Tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bệnh viện Nhi Trung ương (2018) “Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em”.

[2] Bộ Y Tế (2015) “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh thường gặp ở trẻ em”.

[3] Bệnh viện Bạch Mai (2002) “Tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi khoa”.

[4] Bệnh viện Nhi đồng 1 TP HCM – Đại học YDTPHCM (2013) “Phác đồ điều trị cấp cứu nhi khoa”.

[5] Bộ môn Nhi Đại học Y khoa Hà Nội (2018) “Bài giảng nhi khoa”.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Cách làm bệnh án Nhi khoa	2				2	4
2	Hướng dẫn khám lâm sàng Nhi khoa	2				2	4
3	Hướng dẫn đọc Xq tim phổi trẻ em	2				2	4
4	Nhận biết và xử trí tình trạng trẻ bị bệnh nặng (co giật,...)	2				2	4
5	Bệnh bệnh án viêm phổi trẻ em	2				2	4
6	Bệnh bệnh án nhiễm trùng hô hấp cấp tính	2				2	4
7	Bệnh bệnh án tiêu chảy cấp trẻ em	2				2	4
8	Bệnh bệnh án viêm màng não mủ	2				2	4
9	Bệnh bệnh án suy hô hấp trẻ em	2				2	4

10	Bình bệnh án bệnh thận – tiết niệu (viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư,...)	2				2	4
11	Bình bệnh án bệnh tim mạch (tim bẩm sinh,...)	2				2	4
12	Bình bệnh án truyền nhiễm (thủy đậu, sởi, tay chân miệng,...).	2				2	4
13	Bình bệnh án còi xương, suy dinh dưỡng	2				2	4
14	Bình bệnh án nhiễm trùng sơ sinh	2				2	4
15	Bình bệnh án chăm sóc trẻ sơ sinh	2				2	4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO3 đến CLO7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Dạy học bên giường bệnh: Đi buồng, điễm bệnh.

Dạy học ca bệnh dài. Thảo luận lâm sàng ca bệnh.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Có phòng giảng được trang bị bảng phooc mica, bút dạ xóa được, máy đọc phim Xquang, bàn và ghế đủ cho giảng viên và sinh viên sử dụng (30 – 40 SV/tổ).

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên có mặt tại khoa thực tập đúng thời gian qui định, thực hiện đúng nội qui khoa phòng
- Sinh viên tham gia trực ít nhất 01 lần/tuần.
- Sinh viên nộp 01 bệnh án điều kiện vào thứ 6 cuối tuần cho giảng viên phụ trách.
- Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng
- Sinh viên nghỉ học không phép, bỏ trực, không nộp đủ bệnh án điều kiện không được dự thi cuối kỳ và phải đăng ký học lại.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Chuyên cần:			
	Tham gia học và trực đầy đủ		Đạt/ không đạt	CLO 3 đến CLO7
	Tham gia trực đủ theo lịch trực		Đạt/ không đạt	
	Nộp bệnh án điều kiện đúng mẫu		Đạt/ không đạt	
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Thi thực hành tại bệnh viện	100%	≥ 4	CLO3 – CLO7

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết LT: điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm kết thúc thực hành TH: Điểm thi thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (điểm LT x 2 + điểm TH)/3

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NHI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN LÝ THUYẾT)

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày tháng năm 20....
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: YHCT trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Nhi khoa YHCT

* Tiếng Anh: Pediatric

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 6

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Các môn học thuộc Kiến thức cơ sở của khối ngành và kiến thức cơ sở ngành

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: 36 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sĩ Cao Việt Tùng	0936091272	vtcardio@gmail.com
2	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com

3	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
4	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	bskhiem8x@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	- Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	[CDR1] – [CDR2]	2-3
MT2	- Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	[CDR1] – [CDR2]	2-3
MT3	- Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	[CDR1] – [CDR2]	3 -4.5
	Kỹ năng		
MT4	<i>Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.</i> - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em - Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em - Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em - Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em	[CDR 6] [CDR 10]	3 – 4.5
			3
	Thái độ		
MT5	- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh,	[CDR14 – CDR17]	2.0

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	người nhà. - Có ý thức tự chủ và có ý thức trách nhiệm với công việc - Biết cách phối hợp làm việc nhóm		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển cũng như các đặc điểm bình thường của các bộ phận cơ thể trẻ	CLO1: Trình bày và giải thích được đặc điểm sinh lý và đặc điểm bệnh lý của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển CLO2: Trình bày được đặc điểm bình thường ở các bộ phận cơ thể trẻ em
MT2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý thường gặp ở trẻ em	CLO3: Phân tích được các triệu chứng và tổng hợp được các triệu chứng để chẩn đoán được một số bệnh thường gặp ở trẻ em
MT3: Áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc trẻ em	CLO4: Vận dụng các kiến thức đã học để đề xuất và áp dụng các phương pháp điều trị, chăm sóc cho các bệnh thường gặp ở trẻ em
Kỹ năng	
MT 4: Kỹ năng lập luận nghề nghiệp	CLO5: Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý trẻ em. Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản một số bệnh thông thường trẻ em

	CLO6: Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thông thường trẻ em. Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp trẻ em
Thái độ (Năng lực tự chủ và trách nhiệm)	
MT 5: Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà. Có ý thức tự chủ và có ý thức trách nhiệm với công việc. Biết cách phối hợp làm việc nhóm	CLO7: Lập được kế hoạch học tập và thực hiện được các kế hoạch và mục tiêu học tập trong quá trình học. Thực hiện được và phối hợp được với các bạn trong việc thảo luận. Biết cách tư vấn người nhà 1 số cách chăm sóc trẻ bệnh.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Phần I. Đại cương Bài 1. Các thời kì phát triển của trẻ em Bài 2. Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ	3	3					1
Phần II. Cấp cứu Bài 3. Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng			3	3	3	3	1
Phần III. Sơ sinh Bài 4. Chăm sóc trẻ sơ sinh Bài 5. Nhiễm trùng sơ sinh			3	3	3	3	1
Phần IV. Hô hấp Bài 6. Đánh giá, phân loại và xử trí NTHHCT Bài 7. Viêm phổi			3	3	3	3	1
Phần V. Tim mạch Bài 8. Bệnh tim bẩm sinh trẻ em			3	3	3	3	1
Phần VI. Tiêu hóa Dinh dưỡng Bài 9. Còi xương			3	3	3	3	1

Bài 10. Suy dinh dưỡng							
Bài 11. Tiêu chảy cấp							
Phần VII. Thận TN			3	3	3	3	1
Bài 12. Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu							
Bài 13. Hội chứng thận hư							
Phần VIII. Huyết học			3	3	3	3	1
Bài 14. Hội chứng thiếu máu							
Bài 15. Hội chứng xuất huyết							
Phần IX. Thần kinh			3	3	3	3	1
Bài 16. Viêm màng não							

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em.

Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em.

Tư vấn giáo dục sức khỏe về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT		
Phần 1. Đại cương					
Bài 1. Các thời kỳ phát triển của trẻ em	1			1	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
7. Đại cương					
8. Thời kì sơ sinh					
9. Thời kì bú mẹ					
10. Thời kì răng sữa					
11. Thời kì thiếu niên					
12. Thời kì dậy thì					
Bài 2. Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ	1			1	
8. Da, cơ					

<p>9. Hô hấp 10. Tim mạch 11. Tiêu hóa 12. Thận Tiết niệu 13. Thần kinh 14. Huyết học</p>						
<p>Phần II. Cấp cứu Bài 3. Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng</p> <p>5. Đại cương 6. Đánh giá và xử trí ban đầu tình tổn thương hô hấp 7. Đánh giá và xử trí ban đầu tổn thương tim mạch 8. Đánh giá và xử trí ban đầu tổn thương thần kinh</p>	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
<p>Phần III. Sơ sinh Bài 4. Chăm sóc trẻ sơ sinh</p> <p>5. Đặc điểm trẻ sơ sinh đủ tháng- non tháng 6. Chăm sóc ngay sau đẻ 7. Chăm sóc sơ sinh đủ tháng 8. Chăm sóc sơ sinh non tháng</p> <p>Bài 5. Nhiễm trùng sơ sinh</p> <p>4. Các đường lây nhiễm 5. Các yếu tố nguy cơ 6. Nhiễm trùng các cơ quan bộ</p>	4			4	4	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
<p>Phần IV. Hô hấp Bài 6. Đánh giá, phân loại, xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính</p> <p>4. Phân loại NKHHCT 5. Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ 6. Đánh giá, phân loại và xử trí NKHHCT</p> <p>Bài 7. Viêm phổi</p> <p>6. Định nghĩa, nguyên nhân 7. Phân loại 8. Triệu chứng 9. Điều trị 10. Phòng bệnh</p>	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
<p>Phần V. Tim mạch Bài 8. Bệnh tim bẩm sinh thường</p>	2			2		Chấp hành nội qui học tập

gặp ở trẻ em 4. Đại cương 5. Phân loại 6. Một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp ở trẻ					2	Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần VI. Tiêu hóa – Dinh dưỡng Bài 9. Còi xương 5. Nguyên nhân, Cơ chế bệnh sinh 6. Triệu chứng 7. Điều trị 8. Dự phòng Bài 10. Suy dinh dưỡng 5. Định nghĩa 6. Phân loại 7. Điều trị 8. Dự phòng Bài 11. Tiêu chảy cấp 6. Đại cương 7. Cơ chế bệnh sinh 8. Triệu chứng 9. Điều trị 10. Dự phòng	2		2	2		Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần VII. Thận – Tiết niệu Bài 12. Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu 6. Đại cương 7. Cơ chế bệnh sinh 8. Triệu chứng 9. Điều trị 10. Dự phòng Bài 13. Hội chứng thận hư 6. Đại cương 7. Cơ chế bệnh sinh 8. Triệu chứng 9. Điều trị 10. Dự phòng	2		2		2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp
Phần VIII. Huyết học Bài 14. Hội chứng thiếu máu 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Triệu chứng 4. Một số bệnh thiếu máu thường gặp ở trẻ Bài 15. Hội chứng xuất huyết	4		4		4	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp

1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Một số bệnh xuất huyết ở trẻ						
Phần IX. Thần kinh Bài 16. Viêm màng não 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	2			2	2	Chấp hành nội qui học tập Đọc tài liệu trước khi đến lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Bài giảng Nhi khoa (Tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bệnh viện Nhi Trung ương (2018) “Hướng dẫn chẩn đoán điều trị bệnh trẻ em”.

[2] Bộ Y Tế (2015) “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh thường gặp ở trẻ em”.

[3] Bệnh viện Bạch Mai (2002) “Tài liệu tập huấn chuyên ngành nhi khoa”.

[4] Bệnh viện Nhi đồng 1 TP HCM – Đại học YDTPHCM (2013) “Phác đồ điều trị cấp cứu nhi khoa”.

[5] Bộ môn Nhi Đại học Y khoa Hà Nội (2018) “Bài giảng nhi khoa”.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Các thời kì phát triển trẻ em Đặc điểm các bộ phận cơ thể trẻ	2					4
	Nhận biết và xử trí ban đầu trẻ bị bệnh nặng	2					
2	Chăm sóc trẻ sơ sinh Nhiễm trùng sơ sinh	4					4
3	Đánh giá, phân loại, xử trí nhiễm	4					4

	khuẩn hô hấp cấp tính Viêm phổi					
4	Còi xương, suy dinh dưỡng	4				4
5	Tiêu chảy cấp Viêm màng não mủ	4				4
6	Hội chứng thận hư Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu	4				4
7	Hội chứng thiếu máu	2				4
	Hội chứng xuất huyết	2				2
8	Bệnh lý tim bẩm sinh ở trẻ em	2				2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO7].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Chuyên cần: Không vắng quá 20% số buổi giảng lý thuyết	0	Đạt/ không đạt	CĐR ...
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Điểm đạt ≥ 4	CLO1 đến CLO 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phân được).
- Điểm kết thúc thực hành: Thi vấn đáp tại bệnh viện thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1+ Điểm lý thuyết x 2)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
NHI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN (THỰC HÀNH)

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 20...
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: bác sĩ y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Nhi khoa Y học cổ truyền

* Tiếng Anh: Traditional medicine Pediatric

- Mã học phần/ mô đun: TRAD5114

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 6

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Học phần Y học cơ sở (Sinh lý, Giải phẫu, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh...) Học phần chuyên ngành: Y lý, Phương tễ, Châm cứu, Phục hồi chức năng...

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Nguyễn Thị Quỳnh Nga	0988173968	bsnganhiyhct@gmail.com
2	TS Trần Quang Minh	0912355774	Tranquangminh260878@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Nắm được đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	[CDR1] – [CDR2]	2-3
MT2	Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ.	[CDR1] – [CDR2]	2-3
	Kỹ năng		
MT3	Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vận dụng được vọng vấn vấn thiết trong thăm khám, biện chứng luận trị, chẩn đoán bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị, chăm sóc và phòng bệnh một số bệnh thường gặp. Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học.	[CDR 6] [CDR 10]	3 – 4.5
	Thái độ		
MT4	Tích cực học hỏi, nghiêm túc trong học tập, tuân thủ nội quy của khoa phòng bệnh viện, nơi thực tập lâm sàng, tuân thủ các quy định đạo đức nghề nghiệp, quy định của pháp luật.	[CDR14 – CDR17]	2.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT 1: Nắm được đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	CLO1: Giải thích được các đặc điểm sinh lý, bệnh tật của trẻ em theo YHCT CLO2: Phân tích được các nội dung trong vọng,

	vấn, vấn, thiết nhi khoa YHCT.
MT2: Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ.	CLO3: Giải thích được chẩn đoán, biện chứng luận trị, pháp điều trị, dùng thuốc và không dùng thuốc đối với một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ.
Kỹ năng	
MT3: Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vận dụng được vọng vấn vấn thiết trong thăm khám, biện chứng luận trị, chẩn đoán bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị, chăm sóc và phòng bệnh một số bệnh thường gặp. Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học.	<p>CLO4: Giao tiếp có hiệu quả với bệnh nhi, người nhà bệnh nhi.</p> <p>CLO5: Vận dụng được các kỹ năng vọng, vấn, vấn, thiết của YHCT để thăm khám bệnh nhi, đưa ra chẩn đoán, pháp điều trị một số bệnh thường gặp cho bệnh nhi.</p> <p>CLO6: Vận dụng được các kỹ năng dùng thuốc, không dùng thuốc để điều trị, chăm sóc và phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em.</p> <p>CLO7: Có khả năng làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm trong học tập tại trường học, bệnh viện thực hành.</p>
Thái độ (Năng lực tự chủ và trách nhiệm)	
MT4: Tích cực học hỏi, nghiêm túc trong học tập, tuân thủ nội quy của khoa phòng bệnh viện, nơi thực tập lâm sàng, tuân thủ các quy định đạo đức nghề nghiệp, quy định của pháp luật.	CL08: Tuân thủ tốt các nội quy học tập, các nguyên tắc về đạo đức trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun							
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
ĐẶC ĐIỂM NHI KHOA YHCT	3							
NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ NHI	2	2	2					

KHOA YHCT								
CHẨN ĐOÁN NHI KHOA YHCT	2	3	3					
SUY DINH DƯỠNG	2	2	3	2	3	3	2	2
TIÊU CHẢY	2	2	3	2	3	3	2	2
VIÊM PHỔI	2	2	3	2	3	3	2	2
PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRẺ BẠI NÃO	2	2	3	2	3	3	2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành Nhi khoa Y học cổ truyền là bộ phận của Học phần Nhi khoa Y học cổ truyền, có ý nghĩa quan trọng trong việc đào tạo sinh viên Y học cổ truyền đạt các chuẩn đầu ra phù hợp của chương trình đào tạo

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế.

Nội dung chính yếu: bao gồm cách khám tứ chẩn và phát hiện các triệu chứng bệnh lý. Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em bằng y học cổ truyền.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun (thực hành)

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1.Hướng dẫn lâm bệnh án Nhi khoa YHCT	04	08	-Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo.
2.Hướng dẫn khám tứ chẩn trẻ em	06	12	
3.Thảo luận lâm sàng (TLLS) Suy dinh dưỡng	04	08	-Thực hành hỏi bệnh, thăm khám bệnh nhân và điều trị theo hướng dẫn của bác sĩ tại khoa phòng. -Làm bệnh án tại các khoa phòng. -Chuẩn bị bệnh án thảo luận lâm sàng.
4.Thảo luận lâm sàng (TLLS) Tiêu chảy	04	08	
5.Thảo luận lâm sàng (TLLS) Viêm phổi	04	08	
6.Thảo luận lâm sàng (TLLS) Bại não	08	16	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi (2022), Giáo trình Nhi Khoa YHCT, Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ môn nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2011), Giáo trình Nhi khoa Y học cổ truyền, tài liệu lưu hành nội bộ.

[2] Bộ môn nhi, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Giáo trình Nhi khoa Y học hiện đại, tài liệu lưu hành nội bộ.

[3] Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), Nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học.

[4] Vũ Nam (2005), Chuyên đề nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản y học.

[5] Hải thượng lãn ông Lê Hữu Trác (2012), Hải thượng y tông tâm lĩnh, Nhà xuất bản y học.

[6] Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2006), Thuốc Đông Y cách sử dụng và một số bài thuốc hiệu nghiệm, Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Hướng dẫn làm bệnh án Nhi khoa YHCT	04				04	08
2	Hướng dẫn khám tứ chẩn trẻ em	06				06	12
3	Thảo luận lâm sàng (TLLS) Suy dinh dưỡng	04				04	08
4	Thảo luận lâm sàng (TLLS) Tiêu chảy	04				04	08
5	Thảo luận lâm sàng (TLLS) Viêm phổi	04				04	08
6	Thảo luận lâm sàng (TLLS) Bại não	08				08	16

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO3 đến CLO7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Dạy học bên giường bệnh: Đi buồng, điễm bệnh.

Dạy học ca bệnh dài. Thảo luận lâm sàng ca bệnh.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Có phòng giảng được trang bị bảng phooc mica, bút dạ xóa được, máy đọc phim Xquang, bàn và ghế đủ cho giảng viên và sinh viên sử dụng (30 – 40 SV/tổ).

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên có mặt tại khoa thực tập đúng thời gian qui định, thực hiện đúng nội qui khoa phòng
- Sinh viên tham gia trực ít nhất 01 lần/tuần.
- Sinh viên nộp 01 bệnh án điều kiện vào thứ 6 cuối tuần cho giảng viên phụ trách.
- Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng
- Sinh viên nghỉ học không phép, bỏ trực, không nộp đủ bệnh án điều kiện không được dự thi cuối kỳ và phải đăng ký học lại.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Chuyên cần:			
	Tham gia học và trực đầy đủ		Đạt/ không đạt	CLO 3 đến CLO7
	Tham gia trực đủ theo lịch trực		Đạt/ không đạt	
	Nộp bệnh án điều kiện đúng mẫu		Đạt/ không đạt	
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Thi thực hành tại bệnh viện	100%	≥ 4	CLO3 – CLO7

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết LT: điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm kết thúc thực hành TH: Điểm thi thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (điểm LT x 2 + điểm TH)/3

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÃO KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN (Phần Lý thuyết)**

Đối tượng đào tạo: Đại học, ngành: Y học cổ truyền
Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Lão khoa Y học cổ truyền
- * Tiếng Anh: Traditional medicine Geriatrics
- Mã học phần/ mô đun: TRAD5116
- Số tín chỉ: 03 (2LT/1LS)
- Đối tượng học (năm thứ): 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội YHCT, ngoại YHCT, phụ sản YHCT

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ts. Nguyễn Thị Kim Ngân	0983315313	Ngan_duong1969@yahoo.com
2	Ths. Nguyễn Thị Hồng Yên	0983159129	Bshongyen69@gmail.com
3	PGS.Ts Phạm Vũ Khánh	0913563042	Bsypnamvukhanh@yahoo.com
4	Ts. Tống Thị Tam Giang	0912660287	bstongthitamgiang@gmail.com
5	Ts. Phạm Thủy Phương	0983654033	thuyphuongydhctvn@gmail.com
6	Ths. Phùng Thùy Trang	0942215189	Thuytrang811@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	[CĐR1],	3
MT2	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3
MT4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR14],[CĐR16]	3
MT5	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	[CDDR14]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	CLO1: Trình bày được đặc điểm tâm lý, sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
MT2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	CLO 2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi
MT3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	CLO3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
Kỹ năng	
MT 4 Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	CLO4: Thực hiện đúng các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân cao tuổi. CLO5: Thực hiện đúng các kỹ năng thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CLO6: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi CLO7: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Đại cương Lão khoa YHHĐ và YHCT	2						
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT		2					
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương		2	2	2	2	3	3
Giải đáp thắc mắc		2	2	2	2	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Môn học Bệnh học và Điều trị Lão bao gồm Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi theo quan điểm YHHĐ và YHCT. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Lão khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Đại cương Lão khoa YHHĐ và YHCT	04		Trình bày được đặc điểm những thay đổi sinh lý và bệnh lý của người cao tuổi theo YHHĐ - Trình bày được cơ sở lý luận của YHCT về Lão khoa
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT	04		Trình bày được nguyên tắc điều trị lão khoa YHHĐ và YHCT
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.

Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Giải đáp thắc mắc	04		Giải đáp thắc mắc

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Lão khoa Y học cổ truyền - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bệnh học lão khoa, đại cương lão khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

T u ầ n	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT			01	03	
2	Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp			01	03	
	Bệnh học và Điều trị TBMMN			01	03	
3	Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid			01	03	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
LÃO KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN**

Đối tượng đào tạo: Đại học, ngành: Y học cổ truyền
Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Lão khoa Y học cổ truyền
- * Tiếng Anh: Traditional medicine Geriatrics
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 03 (2LT/1LS)
- Đối tượng học (năm thứ): 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội YHCT, ngoại YHCT, phụ sản YHCT

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ts. Nguyễn Thị Kim Ngân	0983315313	Ngan_duong1969@yahoo.com
2	Ths. Nguyễn Thị Hồng Yến	0983159129	Bshongyen69@gmail.com
3	PGS.Ts Phạm Vũ Khánh	0913563042	Bsypnamvukhanh@yahoo.com
4	Ts. Tống Thị Tam Giang	0912660287	bstongthitamgiang@gmail.com
5	Ts. Phạm Thủy Phương	0983654033	thuyphuongydhctvn@gmail.com
6	Ths. Phùng Thùy Trang	0942215189	Thuytrang811@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	[CĐR1],	3
MT2	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3
MT4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR14],[CĐR16]	3
MT5	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	[CDDR14]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	CLO1: Trình bày được đặc điểm tâm lý, sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
MT2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	CLO 2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi
MT3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	CLO3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
Kỹ năng	
MT 4 Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	CLO4: Thực hiện đúng các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân cao tuổi. CLO5: Thực hiện đúng các kỹ năng thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CLO6: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi CLO7: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Đại cương Lão khoa YHHĐ và YHCT	2						
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT		2					
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương		2	2	2	2	3	3
Giải đáp thắc mắc		2	2	2	2	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Môn học Bệnh học và Điều trị Lão bao gồm Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi theo quan điểm YHHĐ và YHCT. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Lão khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Đại cương Lão khoa YHHĐ và YHCT	04		Trình bày được đặc điểm những thay đổi sinh lý và bệnh lý của người cao tuổi theo YHHĐ - Trình bày được cơ sở lý luận của YHCT về Lão khoa
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT	04		Trình bày được nguyên tắc điều trị lão khoa YHHĐ và YHCT
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.

Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Giải đáp thắc mắc	04		Giải đáp thắc mắc

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Lão khoa Y học cổ truyền - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bệnh học lão khoa, đại cương lão khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

T u ầ n	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT			01	03	
2	Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp			01	03	
	Bệnh học và Điều trị TBMMN			01	03	
3	Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid			01	03	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
TIỀN LÂM SÀNG Y HỌC HIỆN ĐẠI**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Tiền lâm sàng

* Tiếng Anh: Preclinical modern medicine

- Mã học phần/ mô đun: MEDI2101

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 02

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Giải phẫu, hóa sinh, sinh lý, ký sinh trùng, vi sinh

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Nội – tổ YHHD, Bộ môn Nhi, Bộ môn Ngoại, Bộ môn Sản

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCKII. Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
2.	Ths. Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
3.	Ths. BSCKII. Nguyễn hị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
4.	Ths. Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com
5.	Ths. Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
6.	Ths. Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
7.	Ths. Nguyễn Ngọc Đăng	091635838	bsdang1988@gmail.com
8.	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
9.	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com

10.	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	bskhiem8x@gmail.com
11.	TS Nguyễn Thái Hưng	0982714599	Phamthaihung73@gmail.com
12.	BSCKII Trần Quyết Thắng		
13.	Thạc sĩ Nguyễn Thành Trung		
14.	Thạc sĩ Đào Hồng Phượng		
15.	Thạc sĩ Nguyễn Thị Thu		
16.	Thạc sĩ Lê Văn Đạt		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	- Hiểu được các bước khám bệnh nội khoa, ngoại khoa, sản và nhi khoa	CĐR1, CĐR6	3
	Kỹ năng		
MT2	- Thực hiện được các kỹ năng khám nhi khoa: khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thần kinh, hội chứng thiếu máu, hội chứng xuất huyết	CĐR1, CĐR6	3
MT3	- Thực hiện được các kỹ năng khám nội khoa: khám toàn thân, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thận tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, thần kinh	CĐR1, CĐR6	3
MT4	- Thực hiện được các kỹ năng khám bụng ngoại khoa	CĐR1, CĐR6	3
MT5	- Thực hiện được các kỹ năng khám thai, khám phụ khoa và khám vú	CĐR1, CĐR6	3
	Thái độ		
MT6	- Thái độ cẩn thận, nghiêm túc trong thực hiện các kỹ năng	CĐR14, CĐR15	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu được các bước khám bệnh nội khoa, ngoại khoa, sản và nhi khoa	CLO1: Trình bày và giải thích được ý nghĩa các bước khám bệnh nội khoa, ngoại khoa, sản và nhi khoa
Kỹ năng	
MT2: Thực hiện được kỹ năng khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thần kinh, hội chứng thiếu máu, hội chứng xuất huyết ở trẻ em	CLO2: Thực hiện được các kỹ năng khám nhi khoa: khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thần kinh, hội chứng thiếu máu, hội chứng xuất huyết
MT3: Thực hiện được các kỹ năng khám nội khoa: khám toàn thân, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thận tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, thần kinh	CLO3: Thực hiện được các kỹ năng khám nội khoa: khám toàn thân, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thận tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, thần kinh
MT4: Thực hiện được các kỹ năng khám bụng ngoại khoa	CLO4: Thực hiện được các kỹ năng khám bụng ngoại khoa
MT5: Thực hiện được các kỹ năng khám thai, khám phụ khoa và khám vú	CLO5: Thực hiện được các kỹ năng khám thai, khám phụ khoa và khám vú
Thái độ	
MT6: Thái độ cẩn thận, nghiêm túc trong thực hành	CLO6: Thái độ cẩn thận, nghiêm túc khi thực hành các kỹ năng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung bài giảng	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Khám lâm sàng tim mạch	3	3	3	3	3	2
Khám lâm sàng hô hấp	3	3	3	3	3	2
Khám lâm sàng tiêu hóa	3	3	3	3	3	2
Khám lâm sàng thận - tiết niệu	3	3	3	3	3	2
Khám Nội tiết, khám toàn thân	3	3	3	3	3	2

Khám lâm sàng cơ xương khớp	3	3	3	3	3	2
Khám lâm sàng thần kinh	3	3	3	3	3	2
Khám gãy xương	3	3	3	3	3	2
Khám bụng ngoại khoa	3	3	3	3	3	2
Khám thai	3	3	3	3	3	2
Khám phụ khoa	3	3	3	3	3	2
Khám vú	3	3	3	3	3	2
Cách bước khám bệnh Nhi khoa	3	3	3	3	3	2
Hướng dẫn khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, thần kinh Nhi khoa	3	3	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phân thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần Tiền lâm sàng Y học hiện đại là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về thăm khám bệnh nhân được thực hiện trên mô hình và trên người bệnh đóng vai, để người học hiểu được cách thức thăm khám từ đó có thể vận dụng và thực hiện được kỹ năng thăm khám trên người bệnh cụ thể. Học phần tiền lâm sàng nội Y học hiện đại đã giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thăm khám cơ bản để từ đó vận dụng vào thăm khám lâm sàng trên người bệnh thực phục vụ cho sinh viên đi học các môn lâm sàng nói chung đặc biệt là lâm sàng Nội cơ sở Y học hiện đại, Ngoại cơ sở Y học hiện đại, Nội bệnh lý Y học hiện đại, Ngoại bệnh lý, Sản phụ khoa Y học hiện đại, Nhi khoa Y học hiện đại.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun (thực hành)

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Khám lâm sàng tim mạch	4	4	- Chuẩn bị bài: Sinh viên đọc lý thuyết về nội dung bài học trước buổi học và chủ động ôn lại bài cũ - Tham gia học đầy đủ buổi học thực hành
Khám lâm sàng hô hấp	4	4	
Khám lâm sàng tiêu hóa	4	4	
Khám lâm sàng thận - tiết niệu	4	4	
Khám Nội tiết, khám toàn thân	4	4	
Khám lâm sàng cơ xương khớp	5	5	
Khám lâm sàng thần kinh	5	5	

Khám gãy xương	4	4	
Khám bụng ngoại khoa	6	6	
Khám thai	2	2	
Khám phụ khoa	2	2	
Khám vú	2	2	
Cách bước khám bệnh Nhi khoa	4	4	
Hướng dẫn khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, thần kinh Nhi khoa	6	6	

8. Tài liệu học tập

Tài liệu chính (TLC):

- Trường Đại học Y Hà Nội (2021), “Giáo trình kỹ năng Y khoa”, Nhà Xuất bản Y học
- Bài giảng tiền lâm sàng nội, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, Tài liệu lưu hành nội bộ
- Tài liệu phát tay
- Tài liệu tham khảo:
 - Triệu chứng học nội khoa tập 1 (2020), Trường ĐHY Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
 - Triệu chứng học nội khoa tập 1 (2020), Trường ĐHY Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
 - Bộ môn Ngoại (2021), Ngoại cơ sở, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, TL nội bộ

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1.	Khám lâm sàng tim mạch	4					4
2.	Khám lâm sàng hô hấp	4					4
3.	Khám lâm sàng tiêu hóa	4					4
4.	Khám lâm sàng thận - tiết niệu	4					4
5.	Khám Nội tiết , khám toàn thân	4					4
6.	Khám lâm sàng cơ xương khớp	5					5

7.	Khám lâm sàng thần kinh	5					5
8.	Khám bụng ngoại khoa	5					5
9.	Khám thai	2					2
10.	Khám phụ khoa	2					2
11.	Khám vú	2					2
12.	Cách bước khám bệnh Nhi khoa Hướng dẫn khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, thần kinh Nhi khoa	5					5

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Dạy học trên mô hình, bệnh nhân đóng vai. Thuyết trình tích cực hóa người học bằng phát vấn.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Phòng Tiền Lâm sàng được trang bị máy chiếu Projector, mô hình trẻ em, thước dây, cân trẻ em, bàn và ghế đủ cho giảng viên và sinh viên sử dụng.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành tại trung tâm tiền lâm sàng theo lịch. Tham gia đầy đủ 100% thời lượng chương trình học tập. Tập trung nghe giảng, không gây mất trật tự, tích cực xây dựng bài.
- Thực hiện kỹ năng thăm khám dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của trung tâm tiền lâm sàng.
- Thi kết thúc học phần

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui, chế học, tham gia đầy đủ 100% thời gian học tiền lâm sàng.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Thi thực hành tại phòng Tiền lâm sàng	100%	≥ 4	CLO1 – CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm kết thúc thực hành Ngoại: Điểm thi thực hành Nội khoa
- Điểm kết thúc thực hành Ngoại: Điểm thi thực hành Ngoại khoa
- Điểm kết thúc thực hành Ngoại: Điểm thi thực hành Sản khoa
- Điểm kết thúc thực hành Ngoại: Điểm thi thực hành Nhi khoa
- Điểm kết thúc học phần = Điểm thi thực hành [Nội khoa + (Điểm thi thực hành Ngoại khoa + Điểm thi thực hành Sản khoa + Điểm thi thực hành Nhi khoa)/3]/2

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MODULE CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

Trình độ đào tạo: Đại Học Ngành: Y Học Cổ Truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về Học Phần/ Module

- Tên học phần/ mô đun: Chẩn Đoán Hình Ảnh

* Tiếng Việt: Chẩn Đoán Hình Ảnh

* Tiếng Anh: Image Analysation

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 3116

- Số tín chỉ: 02 (LT: 01 / TH: 01)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Lâm sàng : 30 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm:

+ Kiểm tra: 05 tiết

+ Thời gian tự học: 50 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên học mã ngành Y Học Cổ Truyền năm thứ 3

- Vị trí của Học Phần/ Module trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành x <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành x <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	x <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước: Giải phẫu đại cương, Mô đại cương, Sinh lý đại cương, Giải phẫu bệnh đại cương, Sinh lý bệnh đại cương.

+ Học phần song hành: Y học cơ sở, Hệ tim mạch, Hệ hô hấp, Hệ tiêu hóa, Hệ tiết niệu, Hệ Thần kinh, Hệ cơ xương khớp, Hệ nội tiết chuyển hóa, Hệ Sinh dục sinh sản và Giới tính, Nội Cơ sở, Ngoại cơ sở

- Đơn vị phụ trách Học phần/ Module: Bộ Môn Chẩn Đoán Hình Ảnh

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
32.	BSCKII. Phạm Văn Thương	0904196111	thuongtc@gmail.com
33.	Ths.BS. Quang Ngọc Khuê	0989432828	quangngockhue@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Trình bày được các chỉ định thông thường và các chỉ đặc biệt của phương pháp Chẩn Đoán Hình Ảnh để thăm khám bệnh lý của các cơ quan thuộc các hệ như Tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ thận tiết niệu, hệ cơ xương khớp, hệ sinh dục sinh sản và giới tính, hệ huyết học và miễn dịch, hệ nội tiết và chuyển hóa.	[CDR1], [CDR2], [CDR4] [CDR7], [CDR9], [CDR11]	3
	Kỹ năng		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT2	Vận dụng được Các phương pháp của Chẩn đoán hình ảnh để áp dụng chẩn đoán các bệnh của các hệ như trên, Và nhận biết được 1 số hình ảnh tổn thương đặc biệt của các hệ như trên bằng các Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	[CĐR5] [CĐR6]	5
MT3	Có kỹ năng làm việc, xử trí nhanh, chính xác.	[CĐR8], [CĐR9]	4
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR10] [CĐR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR).

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra 1 số chỉ định Chẩn Đoán Hình Ảnh để thăm khám bệnh lý của các cơ quan thuộc các hệ như Tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ thận tiết niệu, hệ cơ xương khớp, hệ sinh dục sinh sản và giới tính,	CLO1: Vận dụng kiến thức để đưa ra chỉ định chẩn đoán hình ảnh xác định CLO2: Quan sát được tổn thương trên tiêu bản Chẩn đoán hình ảnh. CLO 3: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.

hệ huyết học và miễn dịch, hệ nội tiết và chuyên hóa.	
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,	CLO 4: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.
MT3: Kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để chẩn đoán và xử trí bệnh	CLO 5: Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám bệnh tốt.
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	CLO6: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của Học Phần/ Module (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của Học Phần/ Module (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO 1			1	1	1	1								1	1
CLO 2			1	1	1	1								1	1

6. Yêu cầu của Học Phần/ Module

6.1. Yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng Học Phần/ Module:

6.1.1. Lý thuyết: Bài giảng Chẩn Đoán Hình Ảnh (tài liệu lưu hành nội bộ)

Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện thực hành phù hợp

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	Loa, mic.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

Học Viên

- Sinh viên phải có tài liệu học tập (Bài giảng Chẩn Đoán Hình Ảnh)

Dự lớp học lý thuyết:

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập/ thực hành/ thảo luận:

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi lên lớp

- Tự học: Chủ động giờ tự học ở nhà

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Đạt kết quả theo yêu cầu 100% bài thảo luận (thực hành) và tối thiểu 80% có mặt tham gia trên lớp học. Sinh viên vắng quá 50% buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

- Phải tham dự thi kết thúc học phần

7. Mô tả chung Học Phần/ Module

-Học phần Chẩn Đoán Hình Ảnh rất quan trọng đối với sinh viên năm thứ 3 của chương trình đào tạo Y khoa. Học phần sẽ cung cấp góc nhìn tổng quát cho Sinh viên để có thể nắm vững được làm thế nào để chẩn đoán được 1 bệnh lý, dựa trên những triệu chứng lâm sàng đã có, từ đó đưa ra các Phương pháp Chẩn Đoán Hình Ảnh sao cho phù hợp để chẩn đoán đúng tình trạng của bệnh nhân.

- Giúp cho Sinh viên có 1 cách nhìn toàn diện về 1 bệnh, xuyên suốt từ triệu chứng bệnh, diễn biến lâm sàng, đưa ra chẩn đoán cận lâm sàng phù hợp để Chẩn đoán xác định được đúng bệnh.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy Học Phần/ Module, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra.

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/K T/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
HÔ HẤP							
1.	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống hô hấp	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống hô hấp	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - 3. Suy nghĩ -	
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống hô hấp có thể thăm khám bằng	CLO1 CLO2			

	thống hô hấp		Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.		vấn đề	Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống hô hấp	1	-Vận dụng được thành thạo các chỉ định của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để áp dụng Chẩn đoán cho bệnh lý thuộc hệ thống hô hấp. -Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ hô hấp như: Viêm phổi, Viêm phế quản, abces phổi, tràn dịch màng phổi, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, ung thư phế quản nguyên phát, tràn khí màng phổi, suy hô hấp cấp, suy hô hấp mạn tính...	CLO1 CLO2			
TIM MẠCH							
2	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống Tim mạch	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống Tim mạch.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống Tim mạch	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống Tim mạch có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO1 CLO2			
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống Tim mạch	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ Tim mạch như: suy tim, tràn	CLO1 CLO2			

			dịch màng ngoài tim, tràn dịch phổi, tràn dịch màng phổi, khối u trung thất...				
TIÊU HÓA							
3	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống Tiêu hóa	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống Tiêu hóa.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống Tiêu hóa	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống Tiêu hóa có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO1 CLO2			
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống Tiêu hóa	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ Tiêu hóa như: xuất huyết đường tiêu hóa cao, xuất huyết đường tiêu hóa thấp, xơ gan, ung thư gan, sỏi mật, viêm tụy cấp, viêm tụy mạn tính...	CLO1 CLO2			
THẬN TIẾT NIỆU							
4	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống Thận tiết niệu	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống Thận tiết niệu	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy	
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống Thận tiết	0.5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống Thận tiết niệu có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO1 CLO2			

	niệu					nghe - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống Thận tiết niệu	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ Thận tiết niệu như: sỏi thận, sỏi đường tiết niệu, suy thận mạn tính, suy thận cấp tính, thận đa nang, viêm bàng quang...	CLO1 CLO2			
NỘI TIẾT CHUYÊN HÓA							
5	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống Nội tiết	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống Nội tiết	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống Nội tiết	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống Nội tiết có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO1 CLO2			
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống Nội tiết	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ thống Nội tiết như: ung thư tuyến giáp, các bệnh chức năng tuyến giáp, suy tuyến thượng thận mạn tính, bệnh Basedow, hội chứng sheehan, u tùy thượng thận, Hội chứng Cushing...	CLO1 CLO2			
HUYẾT HỌC MIỄN DỊCH							
6	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống huyết học miễn dịch	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống huyết	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,	

			học.		quyết vấn đề	2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống huyết học miễn dịch	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống huyết học có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO1 CLO2			
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống huyết học miễn dịch	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ thống huyết học như: bệnh đa u tủy xương, lách to, u lách, Bệnh u lympho ác tính, bệnh lách đa nang, Hạch lành và hạch ác tính...	CLO1 CLO2			
CƠ XƯƠNG KHỚP							
	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống cơ xương khớp	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống cơ xương khớp	CLO1 CLO2		1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
7	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ thống cơ xương khớp	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống cơ xương khớp có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề		
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống cơ xương khớp.	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ thống cơ xương khớp như: viêm cột sống dính khớp, thoái hóa cột sống thắt lưng, lao khớp, gãy cổ xương đùi, hoại tử chỏm xương đùi, gãy xương Protocol, gãy xương Dumechen...	CLO1 CLO2			

<p style="text-align: center;">SINH DỤC SINH SẢN VÀ GIỚI TÍNH</p>							
8	Đại cương Chẩn Đoán Hình Ảnh của hệ thống sinh dục sinh sản và giới tính.	0,5	-Trình bày được các chỉ định thường gặp và 1 số chỉ định đặc biệt của Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh để thăm khám bệnh lý của hệ thống sinh dục sinh sản và giới tính.	CLO1 CLO2			
	Các Phương Pháp Chẩn đoán hình ảnh thường dùng trong hệ sinh dục sinh sản và giới tính.	0,5	-Nắm được 1 số bệnh lý của hệ thống sinh dục sinh sản và giới tính có thể thăm khám bằng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	Kỹ năng áp dụng Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh trong hệ thống sinh dục sinh sản và giới tính.	1	-Nhận biết được các hình ảnh tổn thương đặc thù bệnh lý của hệ thống sinh dục sinh sản như: lạc nội mạc tử cung, viêm phần phụ, buồng trứng đa nang, u xơ tử cung, u nang buồng trứng, tràn dịch màng tinh hoàn, ung thư tử cung, ung thư buồng trứng, ung thư tinh hoàn...	CLO1 CLO2			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/ b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/KT/Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Hô hấp trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4	Quan sát nhận định đúng tổng thương trên tiêu bản hoặc film chụp rõ ràng, chính xác.	CLO1 CLO2		Hướng dẫn, giảng giải, phân tích, thảo luận.	Tham gia thảo luận và phân tích	
2.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Tim mạch trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4		CLO1 CLO2		Hướng dẫn, giảng giải, phân tích, thảo luận.		
3.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Tiêu hóa trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4		CLO1 CLO2		Hướng dẫn, giảng giải, phân tích, thảo luận.		
4.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Thận tiết niệu trên tiêu bản phim chụp(X-quang,	4/4		CLO1 CLO2		Hướng dẫn, giảng giải, phân tích, thảo luận.		

	CT-Scanner, MRI, siêu âm).						
5.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan cơ xương khớp trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4		CLO1 CLO2		Mô phỏng, hướng dẫn, giảng giải và phân tích	
6.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Nội tiết chuyển hóa trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4		CLO1 CLO2		Mô phỏng, hướng dẫn, giảng giải và phân tích	
7.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Huyết học Miễn dịch trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4		CLO1 CLO2		Mô phỏng, hướng dẫn, giảng giải và phân tích, thảo luận	
8.	Chẩn đoán bệnh lý cơ quan Sinh dục sinh sản và giới tính trên tiêu bản phim chụp(X-quang, CT-Scanner, MRI, siêu âm).	4/4		CLO1 CLO2		Mô phỏng, hướng dẫn, giảng giải và phân tích	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án; Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần: Xét điều kiện được thi:

- Sinh viên phải tham gia số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá kiểm tra, tiểu luận

Rubric 6. Đánh giá bài kiểm tra, tiểu luận

Điểm/ câu	Câu1 (tự luận)	Câu 2 (tình huống)	Xếp loại theo tổng điểm của bài kiểm tra			
			Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
	3	1				

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm.

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chuyên	Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi						

cần							
Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	100%	Lý thuyết: Điểm thi tự luận					CLO1 CLO2
Điểm thi kết thúc học phần lâm sàng	100%	Lâm sàng: Điểm thi: kết quả hỏi thi tại bệnh viện thực hành. Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc tiêu bản phim và trả lời câu hỏi.					CLO1 CLO2

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm Học Phần/ Module

Điểm đánh giá kết thúc học phần = ĐTBMH= (Lý thuyết x 2 + Thực hành)/3

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC):

1. Bài giảng chẩn đoán hình ảnh, Tài liệu lưu hành nội bộ, HVYDCTVN

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK):

1. Nguyễn Duy Huệ, Phạm Minh Thông. Chẩn đoán hình ảnh, Nhà xuất bản giáo dục việt nam.
2. Bài giảng chẩn đoán hình ảnh, Trường đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản giáo dục.
3. Nguyễn Phước Bảo Quân, Siêu âm bụng tổng quát, Nhà xuất bản Y học.
4. Phạm Minh Thông, Siêu âm bụng tổng quát, Nhà xuất bản đại học Huế.
5. Phạm Ngọc Hoa, Bài giảng Chẩn đoán Xq, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh.

6. Võ Nguyễn Thành Nhân, Các phương pháp Chẩn đoán hình ảnh Cơ xương khớp, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bệnh học Cơ Xương khớp Nội khoa, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

11. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 202....

TRƯỞNG KHOA

BM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

PHẠM THÁI HÙNG

QUANG NGỌC KHUÊ

12. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y khoa

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Truyền Nhiễm

* Tiếng Việt: Truyền nhiễm

* Tiếng Anh: Infectious

- Mã học phần: MEDI4110

- Số tín chỉ: 02 LT/ 01TH

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành: 3 tuần

+ Kiểm tra: (test+ hỏi thi lâm sàng)

+ Thời gian tự học:

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> x		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/> x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Truyền nhiễm

+ Học phần học trước: Sinh lý

+ Học phần song hành: Sinh lý bệnh, miễn dịch

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Truyền Nhiễm

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Trần Thị Thu Hà	0904288514	Thuha1968bvtt@gmail.com
2	Đinh Thị Thúy Hà	0946887509	Bs.dinhha72@gmail.com
3	Lê Thị Phương Thảo	0904017479	Lethao.bvtt88@gmail.com
4	Trần Thanh Hà	0965607190	Hatran1090@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Sau khi học xong học phần sinh viên có kiến thức về nguyên nhân, các yếu tố dịch tễ (đường lây, nguồn lây, mầm bệnh, cơ thể cảm thụ, phân bố dịch tễ..), triệu chứng của một số bệnh lý truyền nhiễm thường gặp trên lâm sàng, có kiến thức về chẩn đoán, điều trị, một số bệnh truyền nhiễm, dự phòng một số bệnh trong cộng đồng và nhận thức tầm quan trọng của môn Truyền Nhiễm trong thực hành lâm sàng. Biết phòng bệnh cho bản thân gia đình và cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Nêu được nguyên nhân, các yếu tố dịch tễ, dự phòng thích hợp một số bệnh lý thường gặp.
CLO2	Nêu được các triệu chứng của một số bệnh truyền nhiễm
CLO3	Phân tích và chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm trên
CLO4	Có thể xử trí tham gia điều trị một số bệnh truyền nhiễm, phòng bệnh cho bản thân, gia đình, cộng đồng

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	2	2				1	1										
CLO 2	2					1											
CLO 3	2					2											
CLO 4	2	2				1											

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Máy chiếu (màn hình led), loa, mic

6.1.2. Thực hành:

Thực tập tại các bệnh viện có khoa Truyền nhiễm

+ Sinh viên học thực hành tại 4 bệnh viện (BV Tuệ Tĩnh, BV ĐK Hà Đông, BV ĐK Đống Đa, BV YHCT TW)

+ Thời gian học : 03 tuần / 01 lớp

+ Kiểm tra: Yêu cầu 01 tuần sinh viên có 02 bệnh án điều kiện

+ Cuối đợt thực hành: 01 bài kiểm tra (hình thức: làm bệnh án+ hỏi thi trên bệnh nhân)

6.1.3. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi trong bài và thảo luận nhóm về các tiêu chuẩn chẩn đoán một số bệnh lý.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết lý thuyết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%, thực hành đạt 100%

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh Truyền Nhiễm: Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các mức độ biểu hiện lâm sàng, chẩn đoán, dịch tễ cũng như khả năng lây nhiễm của bệnh truyền nhiễm, biết cách phòng bệnh cho bản thân và cộng đồng bị không bị lây nhiễm. Vận dụng kiến thức đã học để xác định chẩn đoán và sàng lọc một số bệnh lý thường gặp ở Việt Nam.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi 4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)		
1	Đại cương	04 LT/	- Quá trình hình thành lịch sử môn truyền nhiễm	CLO1 , CLO2 , CLO3 CLO4	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận	Đọc giáo trình Truyền Nhiễm (lưu hành nội bộ) Nghe, trả lời câu hỏi và thảo luận			
2		04 LT/	- Một số các thuật ngữ, định nghĩa về bệnh truyền nhiễm - Các nguyên nhân gây bệnh truyền nhiễm - Tình hình bệnh truyền nhiễm trong nước và nước ngoài						
3	Các bệnh lý lây qua các đường - Hô hấp - Huyết học - Tiêu hóa - Da, Niêm mạc	04 LT/	- Phát hiện nguyên nhân, triệu chứng một số bệnh lý thường gặp, đề xuất hướng dự phòng và điều trị thích hợp						
4		04 LT/	- Vận dụng kiến thức nhận định và mô tả được các tr/c của một số bệnh lý thường gặp, đối chiếu biểu hiện trên lâm sàng						
5		04 LT/	- Nhận thức được vai trò của công tác phòng chống dịch lây nhiễm						
6		04 LT/							

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi 3 tuần	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
	Thực hành lâm sàng tại bệnh viện		Biết khám và phát hiện triệu chứng Chẩn đoán, Điều trị, dự phòng Một số bệnh lý truyền nhiễm thông thường				Học trên bệnh nhân cụ thể tại bệnh viện		

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng
đánh giá	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC C A (8.5-10)	số
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành vân đáp

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng
đánh giá	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	số
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Chẩn đoán bệnh nhân	Không thực hiện được chẩn đoán bệnh	Thực hiện được chẩn đoán chưa đầy đủ (đạt 30%) ý	Thực hiện được chẩn đoán được 30% - 50% ý	Thực hiện được chẩn đoán được 50% - 80% ý	Thực hiện được chẩn đoán được 80-100% ý	20%

Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	60%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết		Điểm chuyên cần		20	1		
		Điểm thi	01	50		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Trắc nghiệm trên máy
Thực hành		Điểm thi	01	30	2	CLO2, CLO3, CLO4	Thi trên bệnh nhân

9.3. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.4. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm chuyên cần*, *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

$$TK = 0.2 CC + 0.3 TH + 0.5 Thi$$

10. Tài liệu học tập

1. Bài giảng bệnh truyền nhiễm – Đại học Y Hà Nội - Nhà xuất bản y học 2016
2. Bài giảng bệnh Truyền Nhiễm - Học viện Y Dược Học cổ Truyền Việt Nam

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 202....

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 976 ngày 10 tháng 11 năm 2021
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Đối tượng đào tạo: Đại học chính quy ngành Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: MEDI
5127

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Phục hồi chức năng
- * Tiếng Anh: Rehabilitation Chair
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5127/3
- Số tín chỉ: 03 (2LT,1TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 5, học kỳ 10
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Bệnh học Nội -Ngoại-Sản -Nhi- Thần kinh
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 28 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phục hồi chức

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ths.BSCKII Nguyễn Vinh Huy Chính	0913321221	huychinhnghuyenvinh@gmail.com
2	BCKI Dương Thị Thúy Hòa	0915226238	bsthuyhoa@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thị Phương Thúy	0915363966	nguyenphuongthuy2809@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng	[CĐR1]	4
MT2	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng	[CĐR1] [CĐR2]	4
MT3	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng	[CĐR1] [CĐR2],[CĐR6]	4
MT4	Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội	[CĐR1]	
MT5	Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	[CĐR1] [CĐR2],[CĐR6]	
MT6	Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý	CĐR [CĐR14] [CĐR16]	
MT7	Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.	[CĐR14]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1	CLO1: Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
MT2	CLO 2: Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng
MT3	CLO 3: Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
MT4	CLO 4: Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội
Kỹ năng	
MT 5	CLO 5: Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.
MT 6	CLO 6: Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7	CLO 7 :Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đơn	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đơn (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	3	3	3	3	3	3	3
Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật	3	3	3	3	3	3	3
Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa	3	3	3	3	3	3	3
Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN	3	3	3	3	3	3	3
PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	3	3	3	3	3	3	3
PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	3	3	3	3	3	3	3
PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đơn (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đơn đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đơn)

Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	04LT		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay	04LT		Khám, lượng giá được người bệnh
Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa	04LT		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN	04LT		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	04LT		Lượng giá được chức năng, nguyên tắc phục hồi theo từng giai đoạn bệnh lý. Thực hành khám được bệnh nhân
PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	04LT		
PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	04LT		
Giải đáp thắc mắc	02TL		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] - Phục hồi chức năng (2019) – Bộ Y tế - Nhà xuất bản y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Phục hồi chức năng(2020) – Đại học Y Hà Nội

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu				04	
	Đo tâm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật				04	
	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật				04	
2	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN				04	
	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não				04	
	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm				04	

	PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não					
3	PHCN tổn thương tủy sống				04	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐRđến CĐR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM, TEAM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Bệnh viện thực hành có khoa Phục hồi chức năng.

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

$(\text{Lý thuyết} \times 2 + \text{Thực hành}) / 3$

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Vinh Huy Chính

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 976 ngày 10 tháng 11 năm 2021
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: MEDI 5127

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Phục hồi chức năng
- * Tiếng Anh: Rehabilitation Chair
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5127/3
- Số tín chỉ: 03(2LT,1TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 5, học kỳ 10
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Bệnh học Nội -Ngoại-Sân -Nhi- Thần kinh
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
 - + Lý thuyết: 0 tiết
 - + Thực hành: 26 tiết
 - + Bài tập: 2 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết
 - + Kiểm tra: 4 tiết

+ Thời gian tự học: 2 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phục hồi chức

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ths.BSCKII Nguyễn Vinh Huy Chính	0913321221	huychinhnnguyenvinh@gmail.com
2	BSCKI Dương Thị Thúy Hòa	0915226238	bsthuyhoa@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thị Phương Thúy	0915363966	nguyenphuongthuy2809@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng	[CĐR1]	4
MT2	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng	[CĐR1] [CĐR2]	4
MT3	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng	[CĐR1] [CĐR2],[CĐR6]	4
MT4	Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội	[CĐR1]	
MT5	Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	[CĐR1] [CĐR2],[CĐR6]	
MT6	Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý	CĐR [CĐR14] [CĐR16]	
MT7	Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.	[CĐR14]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1	CLO1: Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
MT2	CLO 2: Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng
MT3	CLO 3: Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
MT4	CLO 4: Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội
Kỹ năng	
MT 5	CLO 5: Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.
MT 6	CLO 6: Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7	CLO 7 :Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	3	3	3	3	3	3	3
Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật	3	3	3	3	3	3	3
Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa	3	3	3	3	3	3	3
Vận động trị liệu HDTL Các phương thức PHCN	3	3	3	3	3	3	3
PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	3	3	3	3	3	3	3
PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	3	3	3	3	3	3	3
PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun

Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	03TH		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay	08(5TH,3TL)		Khám, lượng giá được người bệnh
Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa	04TH		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN	06(4TH,2TL)		Nắm được các khái niệm trong phục hồi chức năng
PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	08(4TH,4 TL)		Lượng giá được chức năng, nguyên tắc phục hồi theo từng giai đoạn bệnh lý.
PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	04TH	02	Thực hành khám được bệnh nhân
PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	06(2 TH,2 BT,2TL)		
Bốc bệnh án+ Hối thi	04KT		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] - Phục hồi chức năng (2011) – Bộ Y tế - Nhà xuất bản y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng(2006)- Bộ môn Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng – Nhà xuất bản quân đội nhân dân.

[2]Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh (2011)- Bộ y tế- Nhà xuất bản y học.

[3] Giáo trình Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu(2005) – Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội- Nhà xuất bản Hà Nội

[4] Lượng giá chức năng hệ vận động(2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

[5] Các phương thức điều trị bằng vật lý(2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt nam

[6] Giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh (2011 (2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

[7] Vận động trị liệu (2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu				04	
	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật				04	
	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật				04	
2	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN				04	
	PHCN cho				04	

	bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não					
	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não				04	
3	PHCN tổn thương tủy sống				04	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 7

Thảo luận nhóm, tình huống lâm sàng, đóng vai.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Bệnh viện thực hành có khoa Phục hồi chức năng

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài.
Sinh viên vắng 1 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Bài thực hành	4 bệnh án	Bệnh án điều kiện	
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Lâm sàng (vấn đáp)	≥ 4		

Hà Nội, ngày tháng năm 2021.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Vinh Huy Chính

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần: Thần kinh.
- * Tiếng Việt: Thần kinh.
- * Tiếng Anh: Nervous
- Mã học phần: MEDI5113
- Số tín chỉ: 2 (LT:1/ TH:1)
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: nội bệnh lý, ngoại bệnh lý
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 11 tiết
 - + Bài tập: 2 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
 - + Kiểm tra: 4 tiết
 - + Thời gian tự học: 15 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Tổ YHHD- BM NỘI

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ- Bác sỹ Nguyễn Du	0912337842	Bsnguyendu65@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
	Kiến thức: 1. Mô tả được một số triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng thần kinh thường gặp. 2. Biết cách chẩn đoán một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp 3. Biết cách xử trí, điều trị dự phòng một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp.		3-3,5
	Kỹ năng 4. Thực hiện được cách khám để phát hiện một số triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp. 5. Vận dụng xử trí một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp		3,5
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm 6. Biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị. 7. Tự chịu trách nhiệm và có tính trung thực trong khám bệnh, chẩn đoán, chữa bệnh...		3,5

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1:	CĐR1: Mô tả triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của: hội chứng liệt nửa người, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, phân biệt liệt trung ương và liệt ngoại vi
MT2	Biết chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt: hội chứng liệt nửa người, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não
MT3	Biết cách xử trí, điều trị dự phòng bệnh nhân: liệt nửa người, liệt hai chân, đau thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não
Kỹ năng	
MT4:	CĐR4: Thực hiện được cách khám để phát hiện: bệnh nhân liệt nửa người, liệt hai chân, đau thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não
MT5	CĐR5: Vận dụng thực hành xử trí ban đầu và điều trị tại bệnh viện
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6	CĐR6: Biết cách tiếp xúc với bệnh nhân: giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị.
MT7	CĐR7: Tự chịu trách nhiệm về kết quả khám, chẩn đoán bệnh, không đổ lỗi cho người khác. Trung thực khi đánh giá kết quả khám bệnh, chữa bệnh....

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Nội dung 1		3		3			
Nội dung 2			3				
Nội dung 3					3		
Nội dung 4					3		
Nội dung 5						3	3
Nội dung 6				2	3		
Nội dung 7				2	3		

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

Có vị trí , vai trò quan trọng để hình thành phẩm chất, năng lực của người bác sỹ . Nội dung bao gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp: khám vận động, cảm giác, phản xạ, phối hợp vận động thăng bằng, 12 đôi dây thần kinh sọ não, dấu hiệu (tăng áp lực nội sọ, Kernig, Babinsky, Romberg...).
Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng và bệnh thần kinh thường gặp: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, tai biến mạch máu não,... Môn nội thần kinh liên quan đến kiến thức môn nội bệnh lý, ngoại bệnh lý. Để học tốt môn này người học cần phải có kiến thức về giải phẫu và sinh lý thần kinh người.

Do sự phát triển của khoa học- kỹ thuật đã có nhiều phương pháp hỗ trợ tốt chẩn đoán bệnh thần kinh: chụp (cộng hưởng từ hạt nhân, cắt lớp PET, SPECT,...), siêu âm Doppler, điện cơ, điện thế khiêu gợi,... đồng thời đã mở ra nhiều phương pháp nghiên cứu mới như dùng tế bào gốc, dược phẩm mới,... Có nhiều công trình nghiên cứu sâu để chữa các bệnh thần kinh khó như: Alzheimer, đieck thần kinh, các chứng đau, Parkinson,...đang hứa hẹn triển vọng tốt.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
<p>I. Đại cương các hội chứng liệt:</p> <p>1. Giải phẫu- Chức năng đường vận động chủ động.</p> <p>2. Hội chứng vận động trung ương, ngoại vi (vị trí tổn thương, triệu chứng: vận động, cảm giác, phản xạ,...).</p> <p>3. Chẩn đoán định khu: vỏ não, bao trong, thân não, tủy sống,...</p> <p>II. Hội chứng liệt nửa người</p> <p>1. Đại cương: định nghĩa, ...</p> <p>2. Nguyên nhân(chấn thương sọ não, tủy cổ, tai biến mạch máu não,...)</p> <p>3. Triệu chứng: lâm sàng (bệnh nhân: hôn mê, tỉnh), cận lâm sàng (phim chụp CLVT, MRI,...)</p> <p>Chẩn đoán định khu liệt nửa người (ở vỏ não, bao trong, thân não, tủy sống).</p> <p>5. Chẩn đoán phân biệt (rối loạn phân ly, h/c Parkinson, liệt Todd, mất nhận thức nửa thân</p>	3,5	0	0,5	4	6	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm
<p>I. Hội chứng liệt hai chân</p> <p>1. Đại cương: định nghĩa...</p> <p>2. Nguyên nhân (do tổn thương trung ương và ngoại vi)</p> <p>3. Triệu chứng: lâm sàng (liệt cứng, liệt mềm, diễn biến), cận lâm sàng (giúp tìm nguyên nhân)</p> <p>4. Chẩn đoán liệt hai chân (thực thể hay chức năng, liệt trung ương hay ngoại vi, vị trí tổn thương).</p> <p>5. Điều trị: nguyên tắc, đ. trị cụ thể</p> <p>II. Hội chứng đau thắt lưng hông</p>	3,5	0	0,5	4	6	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm

<p>1.Đại cương. 2.Giải phẫu-Chức năng dây thần kinh hông to. 3.Các nguyên nhân thường gặp của đau TLH (TVĐ.đệm, chấn thương, ung thư, thoái hóa...).</p> <p>4.Triệu chứng: hỏi bệnh và khám lâm sàng(hỏi vị trí, đặc điểm của đau, khám cột sống và các rễ thần kinh...). Cận LS(X-quang thường qui, MRI, CT-Scan, EMG, sinh hóa- tế bào,...).</p> <p>5.Chẩn đoán (xác định, phân biệt). 6.Điều trị (nguyên nhân, triệu chứng, PHCN,...)</p>						
<p>I. Liệt mặt</p> <p>1.Đại cương. 2.Giải phẫu, chức năng dây thần kinh VII. 3.Nguyên nhân (liệt VII: trung ương, ngoại vi). 4.Triệu chứng: lâm sàng (liệt VII trung ương, ngoại vi), cận lâm sàng. 5.Chẩn đoán (xác định, phân biệt). 6.Điều trị (nguyên nhân, triệu chứng, PHCN,...)</p> <p>II. Động kinh</p> <p>1.Đại cương. 2.Sinh lý bệnh. 3.Phân loại. 4.Nguyên nhân (chấn thương sọ não, u não, bệnh lý mạch máu não,...). 5.Triệu chứng lâm sàng (cơn co cứng-co giật, cơn vắng ý thức, cơn động kinh thùy thái dương,...) 6.Chẩn đoán (xác định, phân biệt). 7.Điều trị (nguyên tắc chung, điều trị trạng thái động kinh,...) 8.Tiên lượng và phòng bệnh</p>	3,5	0	0,5	4	6	Nghe, ghi chép, thảo luận nhóm
<p>Tai biến mạch máu não</p> <p>1.Đại cương. 2.Định nghĩa và phân loại. 3.Giải phẫu-Sinh lý hệ thống tuần</p>	2,5	0	0,5	3	6	Nghe, ghi chép,

<p>hoàn não (hệ thống động mạch cảnh trong, động mạch đốt sống thân nền,...). Sinh lý tuần hoàn não (điều hòa tuần hoàn,..)</p> <p>4.Nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ và cơ chế bệnh sinh của TBMMN.</p> <p>5.Triệu chứng: lâm sàng (TBMMN thoáng qua, nhồi máu não, chảy máu não), cận lâm sàng (phim CLVT, MRI, siêu âm Doppler...).</p> <p>6.Chẩn đoán (dựa vào định nghĩa TBMMN, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, phân biệt nhồi máu não và chảy máu não).</p> <p>7.Điều trị (nguyên tắc, điều trị cụ thể, dự phòng, phục hồi chức năng...).</p>								<p>thảo luận nhóm</p>
--	--	--	--	--	--	--	--	-----------------------

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

Bài giảng nội thần kinh do BM biên soạn

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

Tiếng việt

1. Bộ môn Dược lý; *Dược lý học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001
2. Bộ môn Giải phẫu., *Giải phẫu người*, tập I, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001
3. Bộ môn Giải phẫu Học viện Quân y (2002), *Giải phẫu đầu mặt cổ- thần kinh*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
4. Bộ môn Nội Thần kinh Học viện Quân y, *Bệnh học thần kinh "giáo trình giảng dạy sau đại học"*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà nội. 2003.
5. Bộ môn Sinh lý bệnh., *Miễn dịch học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001.
6. Bộ môn Sinh lý học., *Sinh lý học* tập II, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2005.
7. Nguyễn Văn Chương (chủ biên), *Thần kinh học toàn tập*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội. 2016

8. Nguyễn Văn Chương (chủ biên) (2004, 2005, 2006), *Thực hành lâm sàng thần kinh học*- Tập I, II, III, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.
9. Lê Quang Cường (chủ biên) (2008), *Triệu chứng học thần kinh*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.
10. Trương D, Lê Đức Hình, Nguyễn Thị Hùng., *Thần kinh học lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học. 2004.
11. Hồ Hữu Lương (2006), *Chẩn đoán định khu thương tổn hệ thần kinh*, Nhà xuất bản Y học.
12. Trường đại học y Hà nội (2001), *Bài giảng thần kinh dành cho cao học, chuyên khoa một, nội trú*.

Tiếng nước ngoài

1. Goetz C G, Papert E J., *Textbook of Clinical Neurology*. 2nd. WB. Saunder Company. 2003.
2. Greenberg D A, Aminoff M J, Simon R P., *Clinical Neurology*. McGraw- Hill. 5th Edition. 2002.
3. Harrison's., *Principles of Internal Medicines*. 16th edition. McGraw Hill. 2004.
4. Merritt's., *Textbook of Neurology*. 2000.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	7	0,5	0,5	0,5		12
2	6	0,5	0,5	0,5		12
3						
.....						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 2 đến CĐR 6

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 4 đến CĐR 7

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 2 đến CĐR 7

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Có phòng giảng đủ chỗ cho sinh viên ngồi, có phấn bảng, máy chiếu, mạng wifi

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CDR1-7
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...			CDR:1 đến CDR:7

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202.....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Du

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH (lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Thần kinh
- * Tiếng Việt: Thần kinh
- * Tiếng Anh: Nervous
- Mã học phần: MEDI5113
- Số tín chỉ lâm sàng: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: nội bệnh lý, ngoại bệnh lý

- Đơn vị phụ trách học phần: Tổ YHHD- BMN

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ- Bác sỹ Nguyễn Du	0912337842	bsnguyendu65@gmail.com
2	Thạc sỹ- Bác sỹ Trần Thị Thủy	0985232035	thuytrandocor153@gmail.com
3	Thạc sỹ- Bác sỹ Trần Văn Phong	0988262648	bsphongbv198@gmail.com
4	Thạc sỹ- Bác sỹ Đỗ Thị Yến	0983419584	bs.yen198@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần(ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
	Kiến thức 1. Mô tả được một số triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng thần kinh thường gặp. 2. Biết cách lập luận chẩn đoán một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp 3. Biết cách xử trí, điều trị dự phòng một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp.		3-3,5
	Kỹ năng 4. Biết cách hỏi bệnh để phát hiện triệu chứng cơ năng, giai đoạn và định hướng nguyên nhân của bệnh thần kinh 5. Khám phát hiện các triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp 6. Biết thực hành cách xử trí, điều trị một số bệnh nhân thần kinh thường gặp.		3,5
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm 7. Biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị. Tự chịu trách nhiệm và có tính trung thực trong khám bệnh, chẩn đoán, chữa bệnh...		4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
MT1:	CĐR1: Mô tả triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội

	chứng thất lung hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT2	CDR2: Biết lập luận chẩn đoán hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thất lung hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT3:	CDR: Biết xử trí bệnh nhân: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thất lung hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT4	CDR: Biết cách hỏi bệnh để phát hiện triệu chứng cơ năng, giai đoạn và định hướng nguyên nhân của: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thất lung hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT5	CDR5: Khám phát hiện các triệu chứng: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thất lung hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não
MT6	CDR6: Biết xử trí bệnh nhân: có hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thất lung hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não.
MT7	CDR7: Vận dụng vào bệnh nhân cụ thể biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị. Tự chịu trách nhiệm và có tính trung thực trong khám bệnh, chẩn đoán, chữa bệnh bệnh nhân đó

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Nội dung 1		3		3	3		
Nội dung 2			3			3	
Nội dung 3						3	2
Nội dung 4		3			2		2
Nội dung 5		3				2	2
Nội dung 6							3
Nội dung 7				3	3	3	

6. Mô tả học phần lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

Học phần lâm sàng có vị trí quan trọng và giữ vai trò quyết định năng lực chuyên môn của bác sỹ. Nội dung bao gồm khám phát hiện các triệu chứng thần kinh (lâm sàng và cận lâm sàng) của các bệnh thần kinh hay gặp từ đó đưa ra chẩn đoán và cách xử trí cụ thể: hội chứng màng não, tiền đình, liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, động kinh, tai biến mạch máu não, bệnh nhân hôn mê, tổn thương dây thần kinh sọ não. Sơ bộ biết đọc kết quả từ phim chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ (sọ não, tủy sống) điện não, điện cơ, dịch não tủy, cũng như các xn máu, nước tiểu thường qui.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Khám vận động, cảm giác, phản xạ, thực vật, dinh dưỡng, cơ tròn	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Khám, chẩn đoán và điều trị hội chứng thắt lưng hông	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo

			nhóm
Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân liệt mặt	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Khám, chẩn đoán và điều trị 12 đôi dây thần kinh sọ não	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Khám , chẩn đoán và điều trị bệnh nhân có hội chứng màng não, tiền đình	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Khám , chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hôn mê	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm
Hướng dẫn đọc kết quả cận Ls trong bệnh TK	2	4	Quan sát gv khám mẫu rồi tập khám lại, riêng lẻ và theo nhóm

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

Giáo trình khám thần kinh do BM biên soạn

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

Tiếng việt

1. Bộ môn Dược lý; *Dược lý học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

2. Bộ môn Giải phẫu., *Giải phẫu người*, tập I, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

3. Bộ môn Giải phẫu Học viện Quân y (2002), *Giải phẫu đầu mặt cổ- thần kinh*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

4. Bộ môn Nội Thần kinh Học viện Quân y, *Bệnh học thần kinh "giáo trình giảng dạy sau đại học"*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà nội. 2003.
5. Bộ môn Sinh lý bệnh., *Miễn dịch học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001.
6. Bộ môn Sinh lý học., *Sinh lý học tập II*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2005.
7. Nguyễn Văn Chương (chủ biên), *Thần kinh học toàn tập*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội. 2016
8. . Nguyễn Văn Chương (chủ biên) (2004, 2005, 2006), *Thực hành lâm sàng thần kinh học- Tập I, II, III*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.
9. Lê Quang Cường (chủ biên) (2008), *Triệu chứng học thần kinh*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.
10. Trương D, Lê Đức Hình, Nguyễn Thi Hùng., *Thần kinh học lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học. 2004.
11. Hồ Hữu Lương (2006), *Chẩn đoán định khu thương tổn hệ thần kinh*, Nhà xuất bản Y học.
12. Trường đại học y Hà nội (2001), *Bài giảng thần kinh dành cho cao học, chuyên khoa một, nội trú*.

Tiếng nước ngoài

1. Goetz C G, Papert E J., *Textbook of Clinical Neurology*. 2nd. WB. Saunder Company. 2003.
2. Greenberg D A, Aminoff M J, Simon R P., *Clinical Neurology*. McGraw- Hill. 5th Edition. 2002.
3. Harrison's., *Principles of Internal Medicines*. 16th edition. McGraw Hill. 2004.
4. Merritt's., *Texbook of Neurology*. 2000.

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	20	2				20
2	20	2				20
3						
.....						

10. Các phương pháp giảng dạy và học lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 7

Trước khi đi học lâm sàng sv tập khám trên người đóng vai bệnh nhân. Tại buồng bệnh gv khám bệnh nhân, sv quan sát kỹ. Gv cho sv khám dưới sự hướng dẫn của mình, uốn nắn sai sót của sv. Hướng dẫn đọc kết quả cận lâm sàng của bệnh nhân. Cùng lập luận chẩn đoán và đưa hướng xử trí.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành lâm sàng:

SV phải được học ở bệnh viện có bệnh nhân thần kinh, đủ mặt bệnh thần kinh cũng như có các xn chuyên khoa thần kinh.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ, trong quá trình học phải khám bệnh nhân (theo chỉ tiêu lâm sàng), tham gia trực đầy đủ, có báo trực hàng ngày, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân. Yêu cầu gv hướng dẫn khám lại nếu như không khám đúng. Thảo luận nhóm, bình bệnh án khi có bệnh nhân khó...

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành, lâm sàng (vấn đáp)			CĐR1 đến CĐR 7

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Hồi sức cấp cứu.

* Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu.

* Tiếng Anh: Resuscitation

- Mã học phần/ mô đun: MEDI5112

- Số tín chỉ: 3 (LT: 02 / TH: 01).

- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ YHCT năm thứ 5.

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành x <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Dược, Nội bệnh lý 1, Ngoại bệnh lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn HSCC

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
34.	Trần Văn Phú	0948588088	drtranvanphu@yahoo.com
35.	Bùi Nam Phong	0914388998	namphong70icu198@gmail.com
36.	Nguyễn Thế Anh	0988555929	theanhstc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.	CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17	4
MT2	Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.	CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17	4
MT3	Trình bày, giải thích đầy đủ ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).	CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17	4
MT4	Trình bày chính xác một cách rõ ràng chỉ định điều trị ban đầu và các hướng điều trị tiếp theo tình trạng cấp cứu hồi sức.	CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17	4
MT5	Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
MT1: Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.	Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.
MT2: Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.	Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.
MT3: Trình bày, giải thích đầy đủ ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).	Trình bày, giải thích đầy đủ ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).
MT4: Trình bày chính xác một cách rõ ràng chỉ định điều trị ban đầu và các hướng điều trị tiếp theo tình trạng cấp cứu hồi sức.	Trình bày chính xác một cách rõ ràng chỉ định điều trị ban đầu và các hướng điều trị tiếp theo tình trạng cấp cứu hồi sức.
MT5: Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.

trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	
---	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun (theo chương/bài)	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun					
	CĐR1	CĐR..	CĐR6	CĐR7	CĐR14	CĐR...
Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	3		3	3	3	
Cơ tăng huyết áp	3		3	3	3	
Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	3		3	3	3	
Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	3		3	3	3	
Chẩn đoán và xử trí hôn mê	3		3	3	3	
Ngộ độc cấp	3		3	3	3	
Phù phổi cấp	3		3	3	3	
Ngừng tuần hoàn	3		3	3	3	
Suy hô hấp cấp	3		3	3	3	
Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	3		3	3	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp..

Học phần này làm nổi bật các CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Chương/ phần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)				Tự học	
		LT	TH	BT/T	Tổng		

				L/KT		cộng	(Giờ)	
1.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04				04		Chuẩn bài báo cáo slide theo các tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]- [3]
2.	Cơn tăng huyết áp	02				02		
3.	Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	03				03		
4.	Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04				04		
5.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04				04		
6.	Ngộ độc cấp	02				02		
7.	Phù phổi cấp	03				03		
8.	Ngừng tuần hoàn	02				02		
9.	Suy hô hấp cấp	02				02		
10.	Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04				04		

8. Tài liệu học tập

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Hồi sức cấp cứu, Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);
2. Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 1
3. Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 2
4. Vũ Văn Đỉnh (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung chính	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	

34.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04					04
35.	Cơ tăng huyết áp	02					02
36.	Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	03					03
37.	Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04					04
38.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04					04
39.	Ngộ độc cấp	02					02
40.	Phù phổi cấp	03					03
41.	Ngừng tuần hoàn	02					02
42.	Suy hô hấp cấp	02					02
43.	Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04					04

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn

đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình:			
	Xét điều kiện được thi		Tham gia học	CDR 1, CDR 6,

			lý thuyết tối thiểu đạt 80 %;	CĐR 7, CĐR 17
0.92	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Sinh viên qua môn: đạt từ 4/10 điểm	CĐR 1, CĐR 6, CĐR 7, CĐR 17

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi thực hành X 1 + Điểm lý thuyết X 2)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Hồi sức cấp cứu.

* Tiếng Việt: Lâm sàng Hồi sức cấp cứu.

* Tiếng Anh: Clinical Resuscitation.

- Mã học phần/ mô đun: MEDI5112

- Số tín chỉ: 3.0 (2/1.0)

- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ YHCT năm thứ 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Dược, Nội bệnh lý 1, Ngoại bệnh lý

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn HSCC

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
37.	Trần Văn Phú	0948588088	drtranvanphu@yahoo.com
38.	Các giảng viên thỉnh giảng tại các bệnh viện thực hành: Bệnh viện 19.8 BCA; Bệnh viện Thanh Nhàn; Bệnh viện Đa khoa Hà Đông; bệnh viện Saint Paul.		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức	CDR 1, 6, 14	5
MT2	Thực hiện được kỹ năng thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức	CDR 1, 6, 14	5
MT3	Lập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận định được kết quả cận lâm sàng của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.	CDR 1, 6, 14	4
MT4	Lập luận chẩn đoán xác định và đưa ra hướng điều trị một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.	CDR 1, 6, 14	5
MT5	Thể hiện thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân.	CDR 1, 6, 14	4
MT6	Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	CDR 1, 6, 14	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng cơ năng, bệnh sử, tiền sử người bệnh của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức
Thực hiện được kỹ năng thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức	Thực hiện được kỹ năng thăm khám, phát hiện được các dấu hiệu của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức
Lập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận định được kết quả cận lâm sàng của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.	Lập luận chẩn đoán sơ bộ, chỉ định và nhận định được kết quả cận lâm sàng của một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.
Lập luận chẩn đoán xác định và đưa ra hướng điều trị một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.	Lập luận chẩn đoán xác định và đưa ra hướng điều trị một số bệnh lý cấp cứu hồi sức.
Thể hiện thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân.	Thể hiện thái độ ân cần, hòa nhã và đúng mực khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhân.
Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	...	CĐR6	CĐR7	CĐR14
Khó thở cấp	3			3			3
Đau ngực cấp ở người lớn	3			3			3
Rối loạn ý thức và hôn mê	3			3			3
Đau bụng cấp	3			3			3
Rối loạn nhịp tim và huyết động	3			3			3
Xuất huyết tiêu hóa	3			3			3
Ngộ độc cấp	3			3			3
Mày đay - phù Quincke và sốc phản vệ	3			3			3

6. Mô tả học phần/ mô đun

– Phần thực hành/ lâm sàng :

Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar: Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.

Mô tả Học phần: Học phần này làm nổi bật các CĐR 1, CĐR6, CĐR7, CĐR 14

Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định triệu chứng một số bệnh lý hồi sức cấp cứu thường gặp trên lâm sàng từ đó lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ ,định hướng xử trí cấp cứu, chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng từ đó lập luận đưa ra chẩn đoán xác định và hướng điều trị. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Khó thở cấp	04	04	Chuẩn bị bài: Sinh viên thăm khám
Đau ngực cấp ở người lớn	04	04	
Rối loạn ý thức và hôn mê	04	04	

Đau bụng cấp	04	04	bệnh nhân và hoàn thành bệnh án trước buổi giảng.
Rối loạn nhịp tim và huyết động	04	04	
Xuất huyết tiêu hóa	04	04	
Ngộ độc cấp	04	04	
Mày đay - phù Quincke và sốc phản vệ	04	04	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình Hồi sức cấp cứu, Học viện YDHCT Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ);

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

5. Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 1 p(7-89; 136-148); Tập II p(7-108).

6. Vũ Văn Đỉnh (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập, p(6-263; 395-485)

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Báo cáo/ Seminar	
Thứ tự giảng tùy thuộc vào lịch của khoa phòng tại bệnh viện thực hành	Khó thở cấp	04					04
	Đau ngực cấp ở người lớn	04					04
	Rối loạn ý thức và hôn mê	04					04
	Đau bụng cấp	04					04
	Rối loạn nhịp tim và huyết động	04					04
	Xuất huyết tiêu hóa	04					04
	Ngộ độc cấp	04					04
	Mày đay - phù Quincke và sốc phản vệ	04					04

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1, CDR 6, CDR 14

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra CDR 1 và CDR 6

Học tập thảo luận đạt CDR 1 và CDR 6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CDR 1 và CDR 6, CDR14

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Sinh viên thăm khám bệnh nhân và làm bệnh án trước buổi giảng. Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách thức tham khám bệnh và nhận định triệu chứng lâm sàng, thảo luận phân tích chẩn đoán và định hướng điều trị và một số xử trí cấp cứu.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng: 7h30 – 11h30, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, khám bệnh nhân, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu Bn, tiếp cận bệnh nhân thăm khám và nhận định triệu chứng từ đó lập luận đưa ra định hướng chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng, dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng.

- Mỗi sinh viên làm 01 bệnh án/tuần.

- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng:

+ Ngày thường: Nhận trực lúc **16h30** hôm trước, trực đến **07h30'** ngày hôm sau và tham gia học lâm sàng bình thường. Sinh viên trực khoa nào có thể tham gia giao ban buổi sáng tại Khoa đó (tùy theo thực tế tại BV lâm sàng)

+ Thứ 7, CN và ngày nghỉ Lễ: Tua 1: **7h00'** đến **18h00'**; Tua 2: từ **18h00'** đến **8h00'** ngày hôm sau (phải có sự bàn giao trực giữa các tua).

+ Nhiệm vụ của SV trong tua trực: SV phải có mặt tại vị trí trực đúng giờ, khám Bn, làm bệnh án, theo dõi bệnh nhân, chép sổ giao ban và báo cáo giao ban, phụ giúp BS và y tá trực trong điều trị, chăm sóc và cấp cứu BN

+ Mỗi nhóm sinh viên có một **Sổ theo dõi trực lâm sàng**. Sau mỗi buổi trực phải có ký nhận của bác sĩ trong tua trực

- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.

- Thi kết thúc học phần

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui, chế chế học lâm sàng, tham gia đầy đủ thời gian học lâm sàng, tham gia trực nghiêm túc, làm đủ bệnh án.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh	100%	≥ 4	CDR1, CDR 6, CDR 14.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Nghiên cứu khoa học.
- * Tiếng Việt: Nghiên cứu khoa học.
- * Tiếng Anh: Basic Medical Research Methodology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ: năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 30. tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 6 tiết
 - + Bài tập: 30 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 .tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học: 40 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sỹ. Lưu Minh Châu	0963171071	minhchauytdp@gmail.com
2	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com

3	Thạc sỹ Bằng Thị Hoài	0945989989	thuhoaiytcc@gmail.com
4	Thạc sỹ Đinh Văn Tài	0912373999	bsvantai@gmail.com
5	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0369203688	bshytcca@gmail.com
6	Thạc sỹ. Đỗ Văn Pha	0963836058	dopha2005@gmail.com
7	Thạc sỹ Mai Thị Hương	0354382678	maihuongytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
G1	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được vấn đề ưu tiên và đề xuất nội dung nghiên cứu Trình bày được các khái niệm về mẫu và cỡ mẫu trong nghiên cứu. - Nêu được các nội dung kiến thức về thu thập, xử lý, trình bày số liệu. - Trình bày được các bước của một đề cương nghiên cứu. - Trình bày được cấu trúc của đề cương nghiên cứu khoa học và cách viết bài báo khoa học 	<p><i>CDR1, CDR2, CDR3 CDR BSYHCT</i></p>	4
G2	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các loại thiết kế và ưu nhược điểm của từng thiết kế nghiên cứu. - Tính được cỡ mẫu, chọn mẫu đối với từng thiết kế nghiên cứu. - xây dựng biến số và chỉ số nghiên cứu - Xây dựng công cụ thu thập thông tin 	<p><i>CDR8, CDR11 CDR BSYHCT</i></p>	4

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	- Viết được một đề cương nghiên cứu khoa học.		
G3	Rèn luyện phẩm chất say mê trong nghiên cứu. Trung thực trong nghiên cứu. Trách nhiệm về các thông tin trong nghiên cứu. Xây dựng được đạo đức, tác phong tốt trong nghiên cứu khoa học.	CDR14 CDR15 CDR17 CDR BSYHCT	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học y sinh, bệnh học và điều trị y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại trong khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe Xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học về y học cổ truyền, y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại trên cơ sở y học bằng chứng và đạo đức nghiên cứu	CDR1, CDR2, CDR3 CDR BSYHCT
Kỹ năng	

MT2: Thực hiện được một số hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hành nghề nghiệp	<i>CĐR8, CĐR11</i> <i>CĐR BSYHCT</i>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Làm việc được độc lập hoặc phối hợp theo nhóm, phát huy tính sáng tạo trong môi trường đa dạng; chịu trách nhiệm cá nhân trong công tác khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.	<i>CĐR14</i> <i>CĐR15</i> <i>CĐR17</i> <i>CĐR BSYHCT</i>

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Ca

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun								
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 5	CĐR 8	CĐR 11	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 17
Bài 1: Tổng quan về các thiết kế nghiên cứu:	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Bài 2: Lựa chọn vấn đề ưu tiên, phân tích và nêu vấn đề nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Bài 3: Xác định các biến số và chỉ số trong nghiên cứu	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Bài 4: Chọn mẫu, cỡ mẫu trong nghiên cứu	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Bài 5: Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin Mục tiêu bài học	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Bài 6: Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Bài 7: Hướng dẫn	3	3	3	3	3	3	3	3	3

chung về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học									
Bài 8: Hướng dẫn trình bày đề cương nghiên cứu khoa học	3	3	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Thời gian thực hiện tại trạm y tế xã và cộng đồng dân cư để giúp sinh viên thực hành kỹ năng xác định vấn đề sức khỏe, lập và thực hiện kế hoạch tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

Nội dung: Làm quen về tổ chức và điều kiện sống của cộng đồng; tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng bằng cách thu thập thông tin qua điều tra, phỏng vấn, thăm hộ gia đình; phân tích, giải thích kết quả, tìm ra vấn đề sức khỏe cộng đồng; thực hành giáo dục sức khỏe; chăm sóc và điều trị một số bệnh thông thường, sơ cấp cứu ban đầu. Kết thúc đợt thực tập viết báo cáo về lập kế hoạch can thiệp một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
Bài 1: Tổng quan về các thiết kế nghiên cứu:	4						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 2: Lựa chọn vấn đề ưu tiên, phân tích và nêu vấn đề nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu	3						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 3: Xác định các biến số và chỉ số trong nghiên cứu	4						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 4: Chọn mẫu, cỡ	4						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình

mẫu trong nghiên cứu							Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 5: Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin Mục tiêu bài học	4						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 6: Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học	2						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 7: Hướng dẫn chung về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	2						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản
Bài 8: Hướng dẫn trình bày đề cương nghiên cứu khoa học	2						<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học cơ bản

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình nghiên cứu khoa học y học cơ bản (tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Phạm Mạnh Hùng, Nguyễn Băng Tường và cộng sự (1998), “ Phương pháp nghiên cứu khoa học y học – Trường Đại học Y Hà Nội”, NXB Y học, Hà Nội.
2. Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng (2013), Trường đại học Y Hà Nội
3. Tổ chức Y tế Thế giới (2003), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe, nhà xuất bản Y học
4. Trương Việt Dũng (2017); phương pháp nghiên cứu y học lâm sàng, Nhà xuất bản Y học
5. Lưu Ngọc Hoạt (2017); Phương pháp thống kê sinh y học, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Tổng quan về các thiết kế nghiên cứu:	4	0	0	0	-	-
2	Lựa chọn vấn đề ưu tiên, phân tích và nêu vấn đề nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu	3	-	-	-	-	-
3	Xác định các biến số và chỉ số trong nghiên cứu	4	-	0	-	-	
4	Chọn mẫu, cỡ mẫu trong nghiên cứu	4	0	0	0	-	-
5	Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin Mục tiêu bài học	4	0	0	0	-	-
6	Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học	2	0	0	0	-	-
7	Hướng dẫn chung về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	2					
8	Hướng dẫn trình bày đề cương nghiên cứu khoa học	2					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình X Động não Từng cặp / Chia sẻ Học dựa trên vấn đề X

Hoạt động nhóm X Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống X Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR ... đến CDR
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...
- ✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
 - ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
 - ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
 - ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
 - ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
 - Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm. Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần
 - Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
 - Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
 - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.
- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;	CĐR14
	Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	Theo câu hỏi, bài tập bộ môn	CĐR 2, CĐR5, CĐR7, CĐR12
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	70%	Bộ câu hỏi của bộ môn	CĐR 2, CĐR5, CDDR7, CĐR12

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày tháng năm
TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
Y HỌC GIA ĐÌNH

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Y học gia đình.
- * Tiếng Việt: Y học gia đình.
- * Tiếng Anh: Family medicine
- Mã học phần/ mô đun: MEDI1514
- Số tín chỉ: 02 (0.2 LT/0.0 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ: năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phải học trước môn: Giải phẫu- giải phẫu bệnh;
Sinh lý-Sinh lý bệnh; Sinh hóa; Nội; ngoại; sản; nhi cơ sở
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: 0 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lưu Minh Châu	096371071	Minhchauytdp21@gmail.com
2	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
3	PGS.TS. Trần Thị Minh Tâm	0971021972	Tranthiminhtam12@gmail.com
4	PGS.TS. Trần Thị Hồng Phương	0945989989	Hongphuong_ma@yahoo.com
5	Đình Văn Tài	0912373999	bsvatai@gmail.com
6	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
4	Thạc sỹ Nguyễn Thanh Nga	0369203688	Nguyen thanhnga555@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
G1	Kiến thức Cung cấp những kiến thức cơ bản về: Các nguyên lý YHGD trong khám chữa bệnh tại các phòng khám chuyên khoa YHGD	CDR2, CDR5	
G2	Kỹ năng Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng đúng một số bệnh thường gặp tại phòng khám ngoại trú. Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn cho bệnh nhân và gia đình. Thực hành bệnh án ngoại trú theo nguyên lý YHGD.	CDR7, CDR12	
G3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm Cảm thông nỗi lo âu của bệnh nhân và gia đình bệnh nhân khi	CDR14	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	mắc bệnh. Nhận thức được sự cần thiết trong việc thiết lập mối quan hệ bác sĩ gia đình và bệnh nhân		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: - Trình bày được khái niệm, nguyên lý vị trí và vai trò của Y học gia đình trong hệ thống Y tế. - Trình bày được khái niệm, ứng dụng một số công cụ đánh giá gia đình trong hệ thống chăm sóc sức khỏe.	CLO1: Giải thích được sự tác động của môi trường đến sức khỏe con người, vận dụng các nguyên tắc, phương pháp y tế công cộng để duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng các phương pháp YHCT kết hợp y học hiện đại
- Trình bày được các nguyên lý Y học gia đình và các chiến lược tư vấn sức khỏe và khái niệm vòng đời người, vòng đời gia đình và các vấn đề sức khỏe ưu tiên,	CLO2: có kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, giám sát, điều hành và đánh giá các quá trình trong hoạt động chăm sóc sức khỏe phù hợp với hoàn cảnh và nhu cầu thực tiễn

<p>các cách chăm sóc quản lý Y tế cần quan tâm trong từng giai đoạn của vòng đời người, vòng đời gia đình</p>	
Kỹ năng	
<p>MT2: Biết cách vận dụng các công cụ thường dùng trong đánh giá gia đình vào chăm sóc ban đầu, tổng quát, toàn diện, liên tục trong hành nghề y học gia đình của Bác sĩ gia đình trong bối cảnh hiện nay tại Việt Nam.</p>	<p><i>CLO3:</i> Thực hiện được kỹ năng truyền thông- giáo dục sức khỏe để bảo vệ nâng cao sức khỏe nhân dân. Xác định được vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề ưu tiên. Phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất sớm các biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng</p>
<p>Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn cho bệnh nhân và gia đình; Áp dụng kiến thức về vòng đời người và vòng đời gia đình vào trong công tác chăm sóc sức khỏe theo định hướng Y học gia đình.</p>	<p><i>CLO4:</i> Truyền đạt được các vấn đề, giải pháp liên quan đến chuyên môn tới người bệnh, đồng nghiệp, đối tác... tại nơi công tác, chuyển tải phổ biến được kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong việc thực hiện dự phòng bệnh</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc</p>	<p><i>CLO5:</i> Giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	1	2	3	4	5
Bài 1: Khái niệm và lịch sử phát triển và vai trò của Y học gia đình	3	3	3	3	3
Bài 2: Các nguyên lý của Y học gia đình	3	3	3	3	3
Bài 3: Vòng đời cá thể - gia đình và mối liên quan với sức khỏe, bệnh tật	3	3	3	3	3
Bài 4: Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe	3	3	3	3	3
Bài 5: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khỏe	3	3	3	3	3
Bài 6: Quản lý các yếu tố nguy cơ sức khỏe	3	3	3	3	3
Bài 7: Sàng lọc phát hiện bệnh	3	3	3	3	3
Bài 8: Xác định nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khỏe	3	3	3	3	3
Bài 9: Lập kế hoạch, thực hiện tư vấn giáo dục sức khỏe cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng	3	3	3	3	3
Bài 10: Các kỹ năng giao tiếp - tư vấn của bác sĩ gia đình	3	3	3	3	3
Bài 11: Một số vấn đề về bệnh truyền nhiễm: bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, cúm mùa, đại, viêm gan B	3	3	3	3	3
Bài 12: Vaccin và tiêm chủng	3	3	3	3	3
Bài 13: Quản lý chăm sóc bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: Tăng huyết áp, Đái tháo đường tip 2, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	3	3	3	3	3

Bài 14: Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình	3	3	3	3	3
---	---	---	---	---	---

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Mỗi bài trong phần này sẽ tập chung đi sâu vào phân tích từng khía cạnh của Y học gia đình như các nguyên lý trong thực hành y học gia đình, sử dụng một số công cụ trong đánh giá gia đình, quản lý được các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng cũng như khám sàng lọc và tư vấn cho bệnh nhân ngoại trú và đặc biệt biết cách chăm sóc sức khỏe theo vòng đời dựa vào các nguyên lý y học gia đình để sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng được các khái niệm, nguyên lý, công cụ đánh giá gia đình, quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT				
Bài 1: Khái niệm và lịch sử phát triển và vai trò của Y học gia đình	2	0	0		2	Nắm được các khái niệm cơ bản về Y học gia đình	
Bài 2: Các nguyên lý của Y học gia đình	2	0	0		2	Ứng hộ nguyên tắc mọi thành phần trong xã hội được quyền tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất	

						lượng tốt; Thực hành nghề y trong phạm vi chuyên môn được cấp phép, tuân thủ các qui định nghề nghiệp và phù hợp với điều kiện sức khỏe
Bài 3: Vòng đời cá thể - gia đình và mối liên quan với sức khỏe, bệnh tật	4	0	0		4	Phân tích được mối liên quan giữa vòng đời người với sức khỏe, bệnh tật và áp dụng vào trong chăm sóc sức khỏe
Bài 4: Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe	4	0	0		4	Quan điểm và định hướng phát triển mô hình Bác sỹ gia đình Trình bày được các nguyên tắc xác định các vấn đề sức khỏe ưu tiên và các bước xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe trong YHGD
Bài 5: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khỏe	4	0	0		4	Mô tả được cách phân loại các cấp độ chăm sóc dự phòng và nội dung chăm sóc của từng cấp

Bài 6: Quản lý các yếu tố nguy cơ sức khỏe	4	0	0		4	Phân tích được các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe Trình bày được nguyên tắc và nội dung quản lý một số yếu tố nguy cơ
Bài 7: Sàng lọc phát hiện bệnh	2	0	0		2	Hiểu được vai trò, ý nghĩa của sàng lọc trong phát hiện sớm bệnh (8,25,26,34,35,36) Mô tả phương pháp sàng lọc 4 mặt bệnh thường gặp nhất tại địa phương. (8,25,26,34,35,36)
Bài 8: Xác định nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khỏe	1	0	0		1	Xác định được nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khỏe (8,10,11,21,22,25,26,27,28,31,32,34,35,36)
Bài 9: Lập kế hoạch, thực hiện tư vấn giáo dục sức khỏe cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng	2	0	0		2	Lập được kế hoạch và thực hiện được hoạt động tư vấn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng (32)

Bài 10: Các kỹ năng giao tiếp - tư vấn của bác sĩ gia đình	1	0	0		1	Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp - tư vấn cần thiết của BSGĐ (20,21,22,26,27,28,30,34,35,36,45,46,47,48,49,50)
Bài 11: Một số vấn đề về bệnh truyền nhiễm: bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, cúm mùa, đại, viêm gan B	3	0	0		3	Chẩn đoán – điều trị và tư vấn dự phòng đối với một số bệnh truyền nhiễm có tần suất mắc cao trong cộng đồng (34,35,36,37,38,39)
Bài 12: Vaccin và tiêm chủng	1	0	0		1	Trình bày lịch chủng ngừa và các yếu tố cần chú ý khi sử dụng vaccin - chủng ngừa Thực hành tiêm chủng an toàn
Bài 13: Quản lý chăm sóc bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: Tăng huyết áp, Đái tháo đường tip 2, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	4	0	0		4	Trình bày được các nguyên tắc và nội dung quản lý 4 bệnh không lây nhiễm thường gặp tại cộng đồng* Áp dụng các nguyên lý của YHGD trong quản lý 4 bệnh không lây nhiễm thường gặp tại cộng đồng * tăng huyết áp, đái tháo đường, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn

Bài 14: Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình	02	02	0		2		Giải thích được cấu trúc, chức năng và sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần con người qua các giai đoạn phát triển trong mối tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội
---	----	----	---	--	---	--	--

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu tổng hợp hướng dẫn lý thuyết, thực hành Y học gia đình (tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

5. Giáo trình Y học gia đình - Bộ môn Y học gia đình - Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên
6. Nguyễn Xuân Trung Dũng. Bộ môn Y học gia đình, Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, *Bệnh án Y học gia đình*.
7. Asia Pacific Family Medicine, 2011. Family resources study: part 1.
<http://www.apfmj.com/content/10/1/14>. uptodate 01.7.2012.
8. <https://sites.google.com/site/ykhoapnt2008a/3-tong-hop-download-tai-lieu-1/y5-2012---2013>
9. <http://maxreading.com/sach-hay/y-hoc-gia-dinh>

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức	

						khác	cứu (giờ)
1	Bài 1: Khái niệm và lịch sử phát triển và vai trò của Y học gia đình	2	0	0	0	0	0
1	Bài 2: Các nguyên lý của Y học gia đình	2	0	0	0	0	0
1	Bài 3: Vòng đời cá thể - gia đình và mối liên quan với sức khỏe, bệnh tật	4	0	0	0	0	0
1	Bài 4: Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe	4	0	0	0	0	0
1	Bài 5: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khỏe	4	0	0	0	0	0
1	Bài 6: Quản lý các yếu tố nguy cơ sức khỏe	4	0	0	0	0	0
1	Bài 7: Sàng lọc phát hiện bệnh	2	0	0	0	0	0
2	Bài 8: Xác định nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khỏe	1	0	0	0	0	0
2	Bài 9: Lập kế hoạch, thực hiện tư vấn giáo dục sức khỏe cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng	2	0	0	0	0	0
2	Bài 10: Các kỹ năng giao tiếp - tư vấn của bác sĩ gia đình	1	0	0	0	0	0

2	Bài 11: Một số vấn đề về bệnh truyền nhiễm: bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, cúm mùa, đại, viêm gan B	3	0	0	0	0	0
2	Bài 12: Vaccin và tiêm chủng	1	0	0	0	0	0
2	Bài 13: Quản lý chăm sóc bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: Tăng huyết áp, Đái tháo đường tip 2, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	4	0	0	0	0	0
2	Bài 14: Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình	2	0	0	0	0	0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR ... đến CDR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;	CĐR14
	Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	Theo câu hỏi, bài tập bộ môn	CĐR 2, CĐR5, CDDR7, CĐR12
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	70%	Bộ câu hỏi của bộ môn	CĐR 2, CĐR5, CDDR7, CĐR12

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA-TỔ CHỨC QUẢN LÝ Y TẾ

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Chương trình Y tế quốc gia – Tổ chức quản lý Y tế.
- * Tiếng Việt: Chương trình Y tế quốc gia- Tổ chức quản lý Y tế.
- * Tiếng Anh: national health programs.
- Mã học phần/ mô đun: MEDI5123
- Số tín chỉ: 2,0
- Đối tượng học (năm thứ): năm 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không

Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

- + Lý thuyết: 30 tiết
- + Thực hành/ Lâm sàng: 0 tiết
- + Bài tập: 0tiết
- + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0tiết
- + Kiểm tra:.....tiết
- + Thời gian tự học: 0 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lưu Minh Châu		minhchauytdp21@gmail.com
2	Thạc sĩ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
3	Thạc sĩ Lương Thị Thu Hà	0945989989	<u>bshaytcc@gmail.com</u>
4	Thạc sĩ Bằng Thị Hoài	0912373999	thuhoaiytc@gmail.com
5	Thạc sĩ Đinh Văn Tài	0369203688	bsvawtai@gmail.com
6	Thạc sĩ Mai Thị Hương	0963836058	maihuongytc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CĐR (thang đo cấp độ ... của chương trình đào tạo) trong tài liệu hướng dẫn)</i>	Mức độ [4]
MT1	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của các quan điểm, chiến lược, luật pháp về bảo vệ sức khỏe hiện nay và khái niệm về sức khỏe, chăm sóc sức khỏe, nội dung nguyên lý cơ bản và nội dung chính của các chương trình quốc gia trong lĩnh vực Y tế. - Giới thiệu cho sinh viên về nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới các cơ sở khám chữa bệnh, phòng bệnh và các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế 	CĐR5	3
MT2	- Sau khi học xong học phần sinh viên	CĐR7, CĐR12	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<p>có khả năng phân tích số liệu của các hoạt động từ đó có thể đánh giá, so sánh với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình quốc gia y tế.</p> <p>- Lập được kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức, sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá các chương trình hoạt động y tế</p>		
MT3	<p>- Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý hệ thống y tế, các chương trình y tế quốc gia là yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân.</p>	CĐR16, CĐR17	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
<p>MT1:</p> <p>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của các quan điểm, chiến lược, luật pháp về bảo vệ sức khỏe hiện nay và khái niệm về sức khỏe, chăm sóc sức khỏe, nội dung nguyên lý cơ bản và nội dung chính của các chương trình quốc gia trong lĩnh vực Y tế.</p> <p>- Giới thiệu cho sinh viên về nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới các cơ sở khám chữa bệnh, phòng bệnh và các</p>	<p>CLO1:</p> <p>Nắm được những kiến thức cơ bản của các quan điểm, chiến lược, luật pháp về bảo vệ sức khỏe hiện nay và khái niệm về sức khỏe, chăm sóc sức khỏe, nội dung nguyên lý cơ bản và nội dung chính của các chương trình quốc gia trong lĩnh vực Y tế.</p>

nguyên lý cơ bản về quản lý y tế	
Kỹ năng	
MT2: - Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng phân tích số liệu của các hoạt động từ đó có thể đánh giá, so sánh với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình quốc gia y tế. - Lập được kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức, sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá các chương trình hoạt động y tế	CLO2: - Có khả năng phân tích số liệu của các hoạt động từ đó có thể đánh giá, so sánh với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình quốc gia y tế. - Lập được kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức, sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá các chương trình hoạt động y tế
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý hệ thống y tế, các chương trình y tế quốc gia là yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân.	CLO3: Hiểu tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý hệ thống y tế, các chương trình y tế quốc gia là yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)		
	1	2	3
Bài 1: Đại cương về tổ chức và quản lý y tế	3	3	3
Bài 2: Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	3	3	3
Bài 3: Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế	3	3	3

<p>Bài 4: Lập kế hoạch y tế</p> <p>Quản lý nhân lực y tế</p> <p>Điều hành và giám sát hoạt động y tế</p> <p>Quản lý tài chính và vật tư y tế</p>	3	3	3
<p>Bài 5:</p> <p>Giới thiệu các chương trình mục tiêu y tế quốc gia</p> <p>Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030</p> <p>Chiến lược Y học cổ truyền của Tổ chức Y tế thế giới</p>	3	3	3
<p>Bài 6:</p> <p>Chiến lược Quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025</p> <p>Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển Y dược học cổ truyền Việt Nam</p>	3	3	3
<p>Bài 7:</p> <p>Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030</p> <p>- Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030</p>	3	3	3

<p>Bài 8:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020 - Chiến lược Quốc gia phòng chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 - Chương trình phòng chống sốt xuất huyết- Chiến lược Quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 -Chương trình tiêm chủng mở rộng 	3	3	3
---	---	---	---

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Nội dung học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm và nguyên lý cơ bản, mục tiêu, giải pháp và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu y tế.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL /KT	Tổng cộng		
Bài 1: Đại cương về tổ chức và quản lý y tế	2	0	0	2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 2: Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2	0	0	2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện,

						trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 3: Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế	4	0	0	4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 4: Lập kế hoạch y tế	4	0	0	4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Quản lý nhân lực y tế	4	0	0	3		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Điều hành và giám sát hoạt động y tế						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Quản lý tài chính và vật tư y tế						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm;

						Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
-Giới thiệu các chương trình mục tiêu y tế quốc gia -Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030 - Chiến lược Y học cổ truyền của Tổ chức Y tế thế giới						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
- Chiến lược Quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025 - Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển Y dược học cổ truyền Việt Nam						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 - Chiến lược quốc						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học

gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030						tập của lớp
- Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020 - Chiến lược Quốc gia phòng chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
- Chương trình phòng chống sốt xuất huyết - Chiến lược Quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 -Chương trình tiêm chủng mở rộng						Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình học tập chính:

Giáo trình Hướng dẫn học phần Chương trình mục tiêu Y tế Quốc Gia (Nhà xuất bản Y học), 2017.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên, Chương trình y tế Quốc gia, Nhà xuất bản Y học, năm 2007.

2. Bộ môn Tổ chức và Quản lý Y tế, Viện Đào tạo Y học dự phòng, Trường Đại học Y Hà Nội, giáo trình Quản lý và Tổ chức y tế, năm 2012. **9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết**

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Đại cương về tổ chức và quản lý y tế	2					
2	Bài 2: Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2					
3	Bài 3: Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế	4					
4	Bài 4: Lập kế hoạch y tế Quản lý nhân lực y tế Điều hành và giám sát hoạt động y tế Quản lý tài chính và vật tư y tế	4					
	Bài 5: Giới thiệu các chương trình mục tiêu y tế quốc gia Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao	4					

<p>sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030</p> <p>Chiến lược Y học cổ truyền của Tổ chức Y tế thế giới</p>						
<p>Bài 6:</p> <p>Chiến lược Quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025</p> <p>Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển Y dược học cổ truyền Việt Nam</p>	4					
<p>Bài 7:</p> <p>Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030</p> <p>- Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030</p>	4					
<p>Bài 8:</p> <p>- Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020</p> <p>- Chiến lược Quốc gia phòng chống</p>	4					

<p>HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030</p> <p>- Chương trình phòng chống sốt xuất huyết- Chiến lược Quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030</p> <p>-Chương trình tiêm chủng mở rộng</p>						
--	--	--	--	--	--	--

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai x Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐRG1 đến CĐRG3

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm. Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	số tiết tham dự trên lớp tối thiểu	CĐR14

			đạt 80 %	
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0		
	Thực hành	0		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	10/10		CĐR 2 CĐR3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
THỰC TẬP CỘNG ĐỒNG

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Thực tập cộng đồng
- * Tiếng Việt: Thực tập cộng đồng
- * Tiếng Anh: Community inteernship
- Mã học phần/ mô đun: TRAD5111
- Số tín chỉ: 03 (1 LT/02 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ: 2 năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phải học trước môn: Giải phẫu- giải phẫu bệnh;
Sinh lý-Sinh lý bệnh; Sinh hóa; Nội; ngoại; sản; nhi cơ sở
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 75 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Bài tập: 3 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 3 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lưu Minh Châu	096371071	minhchauytdp21@gmail.com
2	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com
3	Thạc sỹ Đinh Văn Tài	0912373999	bsvatai@gmail.com
4	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
5	Thạc sỹ Mai Thị Hương	0354382678	maihuongytcc@gmail.com
6	Thạc sỹ Bàn Thị Hoài	0977045888	thuhoaiytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
G1	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về cộng đồng. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chẩn đoán cộng đồng và chẩn đoán lâm sàng. - Trình bày được các bước trong chẩn đoán cộng đồng - Mô tả sử dụng dịch vụ y tế. - Mô tả tình trạng sức khỏe cộng đồng và các yếu tố nguy cơ. - Đánh giá được hiệu quả của các chương trình can thiệp cộng đồng. 	<p>CDR5, CDR BSYHCT</p>	
G2	<p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện các vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng. - Thực hành được cách thu thập thông tin, xử lý số liệu, phân 	<p>CDR6, CDR7, CDR11, CDR12 CDR BSYHCT</p>	

<p style="text-align: center;">2</p> <p>Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p style="text-align: center;">Mô tả mục tiêu [2]</p> <p>(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;">CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]</p> <p>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p style="text-align: center;">Mức độ [4]</p> <p>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
	<p>tích, đánh giá các số liệu thu thập được.</p> <p style="padding-left: 40px;">- Thực hành lập kế hoạch can thiệp.</p>		
<p>G3</p>	<p style="text-align: center;">Năng lực tự chủ và trách nhiệm - Nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe ban đầu đáp ứng chăm sóc sức khỏe thiết yếu cho cộng đồng, góp phần đạt mục tiêu sức khỏe cho mọi người</p> <p style="padding-left: 40px;">- Chăm sóc SKBD là một trong các trọng tâm trong công tác của ngành y tế không phải là nhiệm vụ của tuyến y tế cơ sở mà là của mọi tuyến</p> <p style="padding-left: 40px;">- Chủ động phối hợp Y học cổ truyền với Y học hiện đại trong điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân trong cộng đồng</p> <p style="padding-left: 40px;">- Hoạt động liên ngành, thu hút sự tham gia của cộng đồng là chìa khóa đảm bảo thành công của chăm sóc SKBD</p>	<p><i>CĐR14, CĐR15, CĐR BSYHCT</i></p>	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
Phát hiện và đánh giá mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật và môi trường	<i>CDR5</i> <i>CDR BSYHCT</i>
Kỹ năng	
MT2: Có kỹ năng thu thập thông tin Có kỹ năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tế Có kỹ năng làm việc nhóm Kỹ năng tự chủ, sắp xếp công việc	<i>CDR6, CDR7, CDR11, CDR12</i> <i>CDR BSYHCT</i>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Tạo mối quan hệ thân thiện, hợp tác với cộng đồng và các tổ chức có liên quan Xác định vai trò mối quan hệ của các thành viên trong nhóm làm việc; tổ chức điều phối Thường xuyên trao đổi kinh nghiệm của các đồng nghiệp	<i>CDR14, CDR15,</i> <i>CDR BSYHCT</i>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR11	CĐR12	CĐR14	CĐR15
Bài 1: Giới thiệu chức năng nhiệm vụ của Trạm y tế xã, Chiến lược phòng bệnh không lây nhiễm thực hiện tại tuyến xã. Hệ thống sổ sách báo cáo tại Trạm y tế xã	3	3	3	3	3	3	3
Bài 2: Phòng chống bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng Hướng dẫn tổ chức và thực hành tiêm chủng mở rộng tại cơ sở	3	3	3	3	3	3	3
Bài 3: Chẩn đoán cộng đồng, tình hình vệ sinh môi trường tại cộng đồng Hướng dẫn điều tra sức khỏe cộng đồng; dân số KHHGD; điều tra nhu cầu và khả năng đáp ứng Y học cổ truyền trong điều trị và chăm sóc sức khỏe tại cơ sở (Theo phiếu)	3	3	3	3	3	3	3
Bài 4: Lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe nâng cao kiến thức, thái độ, hành vi của cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe, kết hợp YHCT và YHHĐ	3	3	3	3	3	3	3

Triển khai buổi truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng							
Bài 5: Xây dựng bộ câu hỏi điều tra cộng đồng	3	3	3	3	3	3	3
Bài 6: Phân tích số liệu và viết báo cáo đánh giá tổng hợp	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Thời gian thực hiện tại trạm y tế xã và cộng đồng dân cư để giúp sinh viên thực hành kỹ năng xác định vấn đề sức khỏe, lập và thực hiện kế hoạch tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

Nội dung: Làm quen về tổ chức và điều kiện sống của cộng đồng; tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng bằng cách thu thập thông tin qua điều tra, phỏng vấn, thăm hộ gia đình; phân tích, giải thích kết quả, tìm ra vấn đề sức khỏe cộng đồng; thực hành giáo dục sức khỏe; chăm sóc và điều trị một số bệnh thông thường, sơ cấp cứu ban đầu. Kết thúc đợt thực tập viết báo cáo về lập kế hoạch can thiệp một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)						Tự học (Giờ)
	LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
Bài 1: Giới thiệu chức năng nhiệm vụ của Trạm y tế xã, Chiến lược phòng bệnh không lây nhiễm thực hiện tại tuyến xã. Hệ thống sổ sách báo cáo tại Trạm y tế xã	1	10	0	2	13	<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017	
Bài 2: Phòng chống bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng Hướng dẫn tổ chức và thực hành tiêm chủng mở rộng	2	10	0	1	13	<i>Đọc quyển:</i> Giáo trình hướng dẫn thực tế	

tại cơ sở							cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
Bài 3: Chẩn đoán cộng đồng, tình hình vệ sinh môi trường tại cộng đồng Hướng dẫn điều tra sức khỏe cộng đồng; dân số KHHGD; điều tra nhu cầu và khả năng đáp ứng Y học cổ truyền trong điều trị và chăm sóc sức khỏe tại cơ sở (Theo phiếu)	2	10	1	0	13		<i>Đọc quyền:</i> Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
Bài 4: Lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe nâng cao kiến thức, thái độ, hành vi của cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe, kết hợp YHCT và YHHĐ Triển khai buổi truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng	2	10	1	0	13		<i>Đọc quyền:</i> Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
Bài 5: Xây dựng bộ câu hỏi điều tra cộng đồng	2,5	10	0,5	0	13		<i>Đọc quyền:</i> Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
Bài 6: Phân tích số liệu và	0	10	0	0	10	3	<i>Đọc quyền:</i>

viết báo cáo đánh giá tổng hợp							Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017
--------------------------------	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Phạm Mạnh Hùng, Nguyễn Bản Tường và cộng sự (1998), “ Phương pháp nghiên cứu khoa học y học – Trường Đại học Y Hà Nội”, NXB Y học, Hà Nội.

- Dương Đình Thiện và cộng sự, “Dịch tễ học Y học- Bộ môn Dịch tễ - Trường Đại học Y Hà Nội”, NXB Y học, Hà Nội.

- Quyết định 1713/QĐ-BYT ngày 16/5/2014 Hướng dẫn tổ chức buổi tiêm chủng

- Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 20/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác, giai đoạn 2015 – 2025

- Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã

- Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Bộ tiêu chí quốc gia về trạm y tế xã giai đoạn đến 2020

Thực hành cộng đồng, Trường Đại học Y Thái Nguyên, 2007

9. Kế hoạch giảng dạy

9.1 Kế hoạch giảng dạy

lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	

1	1	0	2	0	0	0
1	2	0	1	0	0	0
1	2	0	1	0	0	0
1	2	0	1	0	0	0
1	2,5	0	0,5	0	0	0

9.2. Kế hoạch giảng dạy thực hành

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	10	0	0	0		
1	10	0	0	0		
1	10	0	0	0		
2	10	0	0	0		
2	10	0	0	0		
2	10	0	0	0		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình X Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề X

Hoạt động nhóm X Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống X Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR ... đến CDR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

.....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80. %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	Tối đa: 4	1. Trong trường hợp đi thực tế tại địa phương: -Điểm đánh giá chuyên cần tại nơi thực tập do trưởng TYT đánh giá 2. Trong trường hợp không đi thực tế tại địa phương do dịch COVID-19: Điểm đánh giá chuyên cần do giảng viên hướng dẫn thực hành đánh giá	<i>CDR14, CDR15</i>
	Báo cáo nhóm	Tối đa: 6	01 báo cáo hoàn chỉnh theo quy định của học phần	<i>CDR5, CDR6, CDR7, CDR11, CDR12</i>
	Hỏi thi vấn đáp	Tối đa: 10	Sinh viên trả lời đúng nội dung câu hỏi liên quan đến nội dung học phần	<i>CDR5, CDR6, CDR7, CDR11, CDR12</i>
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Tổng điểm quá trình đánh giá chia 2	Tối đa: 10		<i>CDR5, CDR6, CDR7, CDR11,</i>

				<i>CDR12,</i> <i>CDR14,</i> <i>CDR15</i>
--	--	--	--	--

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)

...(tên học phần, mô đun viết hoa)...

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo:, Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt:
- * Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng:
- Đối tượng học (năm thứ):
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
	Kỹ năng		
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
MT1:	CĐR1:
	CĐR
MT3:	CĐR:
	CĐR:
	CĐR:
MT.....	CĐR:
	CĐR:

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR...	CĐR...	CĐR...	CĐR...	CĐR...
Nội dung 1							
Nội dung 2							
Nội dung							

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

.....

.....

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

...

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

....

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1						
2						
3						
.....						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

.....

.....

.....

.....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

.....

.....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

(các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...).

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành, lâm sàng (vấn đáp)			CĐR .. đến CĐR

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (23) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,....;
- (24) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CĐR từ 1,2,....;
- (3) Mô tả CĐR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LÝ LUẬN CƠ BẢN (Y LÝ 1)

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày tháng năm 20....
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Lý luận cơ bản 1

* Tiếng Việt: Lý luận cơ bản 1

* Tiếng Anh: Basic theory

- Mã học phần/ mô đun: MH81

- Số tín chỉ: 03 TC

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: lý luận cơ bản YHCT, chẩn đoán YHCT

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết

+ Lý thuyết: 44 tiết

+ Bài tập: 00 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết

+ Kiểm tra: 01 tiết

+ Thời gian tự học: 88 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y lý YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com

2	TS. Trần Thị Hồng Ngải	0915009672	ngaidytw72@yahoo.com
3	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	huyenguyenyhcthn@gmail.com
4	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	khang.leduc@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	lannguyenhn88@gmail.com
6	Ths. Lưu Minh Trung	0395566604	bs.minhtrung.71@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	0982626725	trangnguyen0087@gmail.com
8	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Bsthumay@gmail.com
9	TS. Nguyễn Duy Tuân	0828991883	tuanzibi@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Cung cấp kiến thức về các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT bao gồm: Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết Thiên nhân hợp nhất, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ và các nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền	CĐR1	3
	Kỹ năng		
MT2	Vận dụng các quy luật của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT vào công tác chẩn đoán bệnh, phòng bệnh, bào chế thuốc, điều trị.	CĐR6	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và	[CĐR14]	2

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	công việc		

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Cung cấp kiến thức về các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT bao gồm: Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết Thiên nhân hợp nhất, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ và các nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền.	<p>CLO1: Hiểu được các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT.</p> <p>CLO 2: Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng sinh lý của các tạng phủ trong cơ thể, nguyên nhân gây bệnh theo YHCT</p>
Kỹ năng	
MT2: Vận dụng các quy luật của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT vào công tác chẩn đoán bệnh, phòng bệnh, bào chế thuốc, điều trị.	CLO 3: Phòng chống bệnh, chẩn đoán, điều trị, bào chế thuốc YHCT bằng cách ứng dụng kiến thức trong các học thuyết cơ bản của YHCT.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 4: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Học thuyết Âm dương	3		3	
Học thuyết Ngũ hành	3		3	
Học thuyết thiên nhân hợp nhất	3		3	
Học thuyết kinh lạc	3		3	
Học thuyết tạng tượng	3	3		
Nguyên nhân gây bệnh		3	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần Lý luận cơ bản 1 là học phần bắt buộc được giảng dạy vào năm thứ 2 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về nội dung và ứng dụng của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT như Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết Thiên nhân hợp nhất, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ và các nguyên nhân gây bệnh. Quá đó làm cơ sở lý luận cho chẩn đoán và điều trị trong YHCT.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Học thuyết Âm dương 1. Trình bày được tầm quan trọng của HT âm dương đối với YHC 2. Trình bày được 4 quy luật Âm dương	8			8		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo

3. Ứng dụng của HT chẩn đoán bệnh, phòng bệnh, bào chế thuốc, điều trị						mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Học thuyết Ngũ hành 1. Trình bày được những thuộc tính của Ngũ hành và qui loại vào Ngũ hành những hiện tượng tự nhiên và cơ thể sinh lý người 2. Ứng dụng học thuyết Ngũ hành vào khám bệnh, chữa bệnh và bào chế thuốc.	8			8		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Học thuyết thiên nhân hợp nhất 1. Ứng dụng học thuyết thiên nhân hợp nhất vào: khám chữa bệnh toàn diện, phòng bệnh	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Học thuyết kinh lạc 1. Trình bày được cấu tạo hệ kinh lạc 2. Trình bày được những tác dụng của kinh lạc.	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

<p>Học thuyết tạng tượng</p> <p>1. Trình bày được những chức năng của các tạng phủ.</p> <p>2. Trình bày được mối quan hệ của tạng phủ</p>	12	1		13	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Nguyên nhân gây bệnh</p> <p>1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh theo YHCT, và những đặc điểm của nguyên nhân gây bệnh</p>	8			8	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình học tập:

[1] Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2021), *Bài giảng Y lý Y học cổ truyền*, tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] **Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa Y học cổ truyền** (2011), *Bài giảng Y học cổ truyền tập I*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

[2] **Bộ Y Tế** (2010), *Lý luận y học cổ truyền*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

[3] **Bộ Y Tế** (2008), *Y lý y học cổ truyền*, Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Học thuyết Âm dương 1. Nội dung của HT Âm dương 2. Ứng dụng HT Âm dương trong Y học	8					16
2	Học thuyết Ngũ hành 1. Nội dung HT Ngũ hành 2. Ứng dụng HT Ngũ hành trong Y học	8					16
3	Học thuyết Thiên nhân hợp nhất 1. Nội dung HT Thiên nhân hợp nhất 2. Ứng dụng HT Thiên nhân hợp nhất trong Y học	4					8
4	Học thuyết tạng tượng 1. Nội dung HT Tạng tượng 2. Chức năng sinh lý Ngũ tạng và Lục phủ 3. Mối quan hệ giữa tạng phủ	12	1				24
5	Học thuyết kinh lạc 1. Nội dung của học thuyết kinh lạc 2. Ứng dụng của học thuyết kinh lạc trong y học	4					8
6	Nguyên nhân gây bệnh	8					16

1. Nguyên nhân gây bệnh Ngoại nhân						
2. Nguyên nhân gây bệnh Nội nhân						
3. Nguyên nhân gây bệnh bất nội Ngoại nhân						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
 Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn CLO3,CLO4]

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt chuẩn CLO4

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO4

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10%		CDR 4
	Điểm kiểm tra	30%		CDR 1, CDR 2, CDR6
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	60%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CDR 1, CDR 2, CDR6

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm chuyên cần x 1.0 + Điểm kiểm tra x 3.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết x 6.0)/10

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC VẬT DƯỢC (PHẦN LÝ THUYẾT)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày tháng năm 20
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT; Mã số đào tạo: 7720115

Năm thứ: 2

1. Thông tin chung về Học phần

- Tên Học phần: THỰC VẬT DƯỢC
- * Tiếng Việt: THỰC VẬT DƯỢC
- * Tiếng Anh: Medicinal botanicals
- Mã Học phần: TRAD 2103
- Số tín chỉ: 1,5 TC lý thuyết + 0,5 TC thực hành
- Đối tượng học: BSYHCT năm thứ 2/6
- Vị trí của Học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh học và di truyền
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 23 tiết
- * Lý thuyết: 23 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Bộ môn phụ trách Học phần: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
2	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hiennguyen.duchohn@gmail.com
3	ThS. Lê Thị Thu Hà	09686621299	thuhale78@gmail.com

4	Giảng viên trình giảng theo yêu cầu của học phần		
---	--	--	--

3. Mục tiêu của Học phần

Sau khi kết thúc Học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Phân tích được các kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin	[CDR1]	2
MT2	Phân tích được các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	[CDR1]	2
MT3	Phân tích được các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP	[CDR1]	2
MT4	Vận dụng được các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên	[CDR1]	3
MT5	Phân tích được các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT	[CDR1]	2

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kỹ năng		
MT6	Kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học	[CĐR8]	2
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT7	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	[CĐR15]	2

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Phân tích được các kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin	CLO1: Phân tích các kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin
MT2: Phân tích được các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	CLO2: Phân tích các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc
MT3: Phân tích được các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP	CLO3: Phân tích các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP
MT4: Vận dụng được các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu	CLO4: Vận dụng các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu trong kiểm

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên	kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên
MT5: Phân tích dược các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT	CLO5: Phân tích các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT
Kỹ năng	
MT6: Kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học	CLO6: Kiểm nghiệm một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	CLO7: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
I. Nguyên tắc viết đọc tên cây thuốc bằng tiếng Latin	3					1	1
II. Đại cương về tài nguyên cây thuốc		3					1
III. Thu hái, làm khô và đánh giá dược liệu – Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP			3				1
IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu				3		2	1
V. Cây độc và dự báo tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền					3		1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần Thực vật dược dành cho đối tượng Bác sỹ YHCT trình độ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Bác sỹ YHCT, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội dung về đại cương, đặc điểm, vị trí, phân loại và quan hệ tiến hoá của các bậc phân loại chính, tính đa dạng của cây thuốc, ý nghĩa của việc bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên cây thuốc, đặc biệt là những cây thuốc sử dụng trong y học cổ truyền.

1. Nguyên tắc đọc và viết tiếng Latin – các từ Latin và tên cây thuốc thông dụng
2. Đại cương về tài nguyên cây thuốc
3. Trồng trọt – Thu hái – Làm khô – Bảo quản – Đánh giá chất lượng dược liệu
4. Các hoạt chất cơ bản trong dược liệu có tác dụng sinh học
5. Cây độc và tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền

Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại chính xác các cây thuốc góp phần kiểm nghiệm được các dược liệu và thực hiện tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý.

9. Nội dung chi tiết Học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/ KT	Tổng cộng		
I. Nguyên tắc viết đọc tên cây thuốc bằng tiếng Latin	4			4		Chuẩn bị bài trước Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
II. Đại cương về tài nguyên cây thuốc	2			2		
III. Thu hái, làm khô và đánh giá dược liệu – Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP	2			2		
IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu	12			12		
V. Cây độc và dự báo tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền	3			3		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thực vật dược*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
2. Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thực hành Thực vật dược*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đỗ Tất Lợi (2000), *Các cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam V*, NXB Y học, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	I. Nguyên tắc viết đọc tên cây thuốc bằng tiếng Latin	4					8
2	II. Đại cương về tài nguyên cây thuốc	2					4
3	III. Thu hái, làm khô và đánh giá dược liệu – Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP	2					4
4	IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu – glycosid	4					8
5	IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu (tiếp) – carbohydrat	2					4
6	IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược	2					4

	liệu (tiếp) – tinh dầu						
7	IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu (tiếp) – alcaloid	4					8
8	V. Cây độc và dự báo tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền	3					6

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp:

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình, động não: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để thực hiện các hoạt động thực tập để đạt chuẩn về kỹ năng [CLO6].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt chuẩn [CLO7].

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Tiểu luận			
	Thực hành	33,3%		CĐR 6
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 5

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết = điểm thi trắc nghiệm
- Điểm phần thực hành = điểm thi kết thúc thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm phần thực hành X 1.0 + Điểm phần lý thuyết X 2.0)/3.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (thực hành)

THỰC VẬT DƯỢC

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày tháng năm 20

của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT; Mã số đào tạo: 7720115

Năm thứ: 2

1. Thông tin chung về Học phần

- Tên Học phần: THỰC VẬT DƯỢC
- Mã Học phần: TRAD 2103
- Số tín chỉ thực hành: 0,5
- Đối tượng học: BSYHCT năm thứ 2/6
- Vị trí của Học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Sinh học và di truyền
- Bộ môn phụ trách Học phần: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
2	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hiennguyen.duochn@gmail.com
3	ThS. Lê Thị Thu Hà	09686621299	thuhale78@gmail.com
4	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của Học phần

Sau khi kết thúc Học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Phân tích được các kiến thức cơ bản về	[CDR1]	2

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin		
MT2	Phân tích được các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	[CĐR1]	2
MT3	Phân tích được các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP	[CĐR1]	2
MT4	Vận dụng được các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên	[CĐR1]	3
MT5	Phân tích được các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT	[CĐR1]	2
	Kỹ năng		
MT6	Kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học	[CĐR8]	2
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT7	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và	[CĐR15]	2

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	công việc.		

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Phân tích được các kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin	CLO1: Phân tích các kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin
MT2: Phân tích được các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	CLO2: Phân tích các kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc: khái niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc
MT3: Phân tích được các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP	CLO3: Phân tích các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP
MT4: Vận dụng được các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên	CLO4: Vận dụng các kiến thức về khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính cơ bản có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng các dược liệu trên
MT5: Phân tích được các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT	CLO5: Phân tích các kiến thức cơ bản về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT
Kỹ năng	

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT6: Kiểm nghiệm được một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học	CLO6: Kiểm nghiệm một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	CLO7: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
I. Nguyên tắc viết đọc tên cây thuốc bằng tiếng Latin	3					1	1
II. Đại cương về tài nguyên cây thuốc		3					1
III. Thu hái, làm khô và đánh giá dược liệu – Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP			3				1
IV. Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu				3		2	1
V. Cây độc và dự báo tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền					3		1

6. Mô tả học phần (Phần thực hành)

Phần thực hành Thực vật dược là bộ phận của học phần Thực vật dược dành cho đối tượng Bác sỹ YHCT trình độ đại học, giữ vai trò then chốt trong việc bổ sung thêm cho người học các kiến thức và kỹ năng về soi bột, vi phẫu, kiểm nghiệm các thành phần hóa học có tác dụng sinh học trong dược liệu.

Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại chính xác các cây thuốc góp phần kiểm nghiệm được các dược liệu và thực hiện tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực hành (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp soi bột (Kim ngân hoa + Cam thảo bắc)	4	4	Chuẩn bị bài thực hành (giờ tự học) Tiến hành bài thực hành Báo cáo thực hành theo yêu cầu
Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp soi bột (Hòe hoa + Hà thủ ô đỏ)	4	4	
Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi phẫu (thân Kinh giới + Lá Trúc đào)	4	4	
Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hóa học (tinh bột, flavonoid, tanin, alcaloid)	3	3	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thực vật dược*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thực hành Thực vật dược*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Đỗ Tất Lợi (2000), *Các cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam V*, NXB Y học, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp soi bột (Kim ngân hoa + Cam thảo bắc)	4					4
2	Kiểm nghiệm dược	4					4

	liệu bằng phương pháp soi bột (Hòe hoa + Hà thủ ô đỏ)						
3	Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi phẫu (thân Kinh giới + Lá Trúc đào)	4					4
4	Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hóa học (tinh bột, flavonoid, tanin, alcaloid)	3					3

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt CDR CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO5

Học tập thực hành đạt CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp trên phòng thí nghiệm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thực hành và chuyển tải cho sinh viên

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng thực hành, không đến chậm quá 15 phút

- Sinh viên tiến hành thực hành, trao đổi thảo luận các vấn đề liên quan đến nội dung và phương pháp tiến hành thực hành, báo cáo kết quả thực hành theo yêu cầu (báo cáo trên kính hiển vi, báo cáo thí nghiệm, viết báo cáo toàn bài)

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm)			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Bài thi kết thúc thực hành	100%	≥ 4	CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm phần lý thuyết = điểm thi trắc nghiệm
- Điểm phần thực hành = điểm thi kết thúc thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm phần thực hành X 1.0 + Điểm phần lý thuyết X 2.0)/3.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHẨN ĐOÁN Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN THỰC HÀNH)

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Chẩn đoán y học cổ truyền.

* Tiếng Việt: Chẩn đoán YHCT

* Tiếng Anh: Traditional medicine diagnosis

- Mã học phần/ mô đun: TRAD3105

- Số tín chỉ: (2.5 LT, 1.5 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: y lý y học cổ truyền.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 37.5 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 45 tiết/nhóm

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết/nhóm

+ Kiểm tra: 01 tiết/nhóm

+ Thời gian tự học: 10 tiết/nhóm

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
2	TS. Trần Thị Hồng Ngai	091550889	ngaidytw72@yahoo.com
3	TS. Nguyễn Duy Tuân	0828991883	tuanzibi@gmail.com
4	ThS. Lưu Minh Trung	0395566604	bs.minhtrung.71@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	0982626725	trangnguyen0087@gmail.com
6	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Bsthumay@gmail.com
7	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	lannguyenhn88@gmail.com
8	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	Nguyenhuyen.yhcthn@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Trường Nam	0985180858	bstruongnam.nguyen@gmail.com
10	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	Khang.leduc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán, phụng, pháp điều trị, phòng bệnh theo Y học cổ truyền.	CĐR1	3.0
	Kỹ năng		
MT2:	Vận dụng được một chẩn đoán học Y học cổ truyền làm tiền đề trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT.	[CĐR6]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá

theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán, phươg, pháp điều trị, phòng bệnh theo Y học cổ truyền.	CĐR1: Hiểu được các nội dung của chẩn đoán học bao gồm các bước khám bệnh theo YHCT (Tứ chẩn);
	CĐR2: Hiểu được nội dung của chẩn đoán YHCT (Bát cương) – (Hội chứng bệnh);
	CĐR3: Hiểu được 6 nguyên tắc chữa bệnh theo YHCT và các phương pháp điều trị theo YHCT.
Kỹ năng	
MT2: Vận dụng được một chẩn đoán học Y học cổ truyền làm tiền đề trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT.	CĐR 3: Khám, Chẩn đoán bằng YHCT từ đó đưa ra được pháp, phương điều trị cũng như phương pháp phòng bệnh cơ bản bằng cách vận dụng từ kiến thức đã học trong Lý luận cơ bản 2.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Tứ chẩn: Vọng, Văn, Vấn, Thiết	X	X	X		
Bát cương	X	X	X		
Các Hội chứng bệnh	X	X	X		
Nguyên tắc điều trị và Bát pháp	X	X	X	X	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành pháp chế dược là bộ phận của Học phần Pháp chế dược đòi hỏi người học muốn hiểu về pháp luật những cần vận dụng vào hành nghề thực tế, thực hiện 11 chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế.

Nội dung chính yếu: Sử dụng kỹ năng và tư duy trong phân loại thuốc theo yêu cầu: ATC, VEN, danh mục thuốc thiết yếu, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, xác định rõ đâu là một đơn thuốc đúng qui định và thiết kế một nhãn thuốc đúng với yêu cầu bắt buộc theo qui định hiện hành.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Tứ chân: Vọng, Vãn, Vãn, Thiết	8	6	2	16	4	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Bát cương	8	0	2	10	4	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Các Hội chứng bệnh	12	0	2	14	8	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Nguyên tắc điều trị và Bát pháp	8	0	2	10	4.0	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Ôn tập	1.5	2	2	5.5		Tổng hợp nội dung học tập để chuẩn bị câu hỏi để phát vấn, thảo luận.

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Trường đại học Dược Hà Nội (2010). *Thực hành Pháp chế dược*. Nơi xuất bản: Lưu hành nội bộ

[2] Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược (2021), *Thực hành Pháp chế dược*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam 2020

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Quốc Hội 13 (2016), *Luật Dược năm 2016*

[2] Các thông tư 52/2016/TT-BYT, Thông tư 07/2016/TT-BYT, Thông tư 07/2017/TT-BYT, Thông tư 20/2017/TT-BYT, Thông tư 01/2018/TT-BYT, Thông tư 07/2018 của Bộ Y tế ban hành và các thông tư do Bộ Y tế ban hành sau năm 2016 về GPs và GACP

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Cách làm bệnh án YHCT	6					
2	Thiết chẩn	6					
3	Thiết chẩn	8					
4	Ôn tập	2.5					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyên tài cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học

- Có máy tính và projector

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng thảo luận buổi nào, không đến chậm quá 15 phút

- Sinh viên phải có bài báo cáo chuẩn bị nộp trước, chiếu slide theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên

- Sinh viên không có bài nộp cả văn bản và slide sẽ coi như bị điểm F

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Điểm chuyên cần/thảo luận nhóm/ bài tập lớn/					
Điểm thực hành	30%	Đánh giá các bài thực hành tại cơ sở thực hành/phòng thí nghiệm					
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	60%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/Báo cáo tiểu luận...					

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là điểm thi lâm sàng.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm chuyên cần + Điểm kiểm tra + Điểm Lâm sàng + Điểm lý thuyết.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHẨN ĐOÁN Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN LÝ THUYẾT)

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày tháng năm 20....
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Chẩn đoán y học cổ truyền.

* Tiếng Việt: Chẩn đoán y học cổ truyền

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: (2.5 LT, 1.5 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý luận cơ bản YHCT (y lý 1)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 37,5 tiết

+ Lý thuyết: 37,5 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 01 tiết

+ Thời gian tự học: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y Lý y học cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	Y lý YHCT	phamquocbinh68@gmail.com
2	TS. Trần Thị Hồng Ngải	091550889	Y lý YHCT	ngaidytw72@yahoo.com
3	ThS. Lưu Minh Trung	0395566604	Y lý YHCT	bs.minhtrung.71@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	0982626725	Y lý YHCT	trangnguyen0087@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Y lý YHCT	Bsthumay@gmail.com
6	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	Y lý YHCT	lannguyenhn88@gmail.com
7	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	Y lý YHCT	Nguyenhuyen.yhcthn@gmail.com
8	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	Y lý YHCT	Khang.leduc@gmail.com
9	TS Nguyễn Duy Tuân	0828991883	Y lý YHCT	tuanzibi@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán, phươg, pháp điều trị, phòng bệnh theo Y học cổ truyền.	CDR1	3.0
	Kỹ năng		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT2:	Vận dụng được một chẩn đoán học Y học cổ truyền làm tiền đề trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT.	[CĐR6]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán, phương pháp điều trị, phòng bệnh theo Y học cổ truyền.	CĐR1: Hiểu được các nội dung của chẩn đoán học bao gồm các bước khám bệnh theo YHCT (Tứ chẩn);
	CĐR2: Hiểu được nội dung của chẩn đoán YHCT (Bát cương) – (Hội chứng bệnh);
	CĐR3: Hiểu được 6 nguyên tắc chữa bệnh theo YHCT và các phương pháp điều trị theo YHCT.
Kỹ năng	
MT2: Vận dụng được một chẩn đoán học Y học cổ truyền làm tiền đề trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT.	CĐR 3: Khám, Chẩn đoán bằng YHCT từ đó đưa ra được pháp, phương điều trị cũng như phương pháp phòng bệnh cơ bản bằng cách vận dụng từ kiến thức đã học trong Lý luận cơ bản 2.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Tứ chẩn: Vọng, Văn, Vấn, Thiết	X	X	X		
Bát cương	X	X	X		
Các Hội chứng bệnh	X	X	X		
Nguyên tắc điều trị và Bát pháp	X	X	X	X	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần Chẩn đoán Y học Cổ truyền (Y lý 2) là học phần bắt buộc được giảng dạy vào năm thứ 2 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Chẩn đoán Y học Cổ truyền (Y lý 2) cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán và đưa ra các nguyên tắc và pháp điều trị theo YHCT từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám, chẩn đoán và bước đầu đưa ra các nguyên tắc, các pháp chữa bệnh cũng như phòng bệnh bằng YHCT.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Tứ chẩn: Vọng, Văn, Vấn, Thiết	8	6	2	16	4	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Bát cương	8	0	2	10	4	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Các Hội chứng bệnh	12	0	2	14	8	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát
Nguyên tắc điều trị và Bát pháp	8	0	2	10	4.0	Nghiên cứu trước tài liệu đã được

						phát
Ôn tập	1.5	2	2	5.5		Tổng hợp nội dung học tập để chuẩn bị câu hỏi để phát vấn, thảo luận.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

[1] Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam - Bộ môn Y lý Y học cổ truyền (năm 2021), Bài giảng Lý luận Y học cổ truyền 2 (Y lý 2), tài liệu lưu hành nội bộ năm.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ môn Y học cổ truyền - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Y học Cổ truyền, Nhà xuất bản Y học (năm 2013).

[2] Lý luận YHCT (năm 2006), GS.TS Hoàng Bảo Châu, Nhà xuất bản Y học.

[3] Ứng dụng của Kinh dịch - Ths.Bs.Kiều Xuân Dũng (năm 2009), Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Tứ chân: Vọng, Văn, Vấn, Thiết	8		1 TH	1		TH 4
Bát cương	8			2		4
Các Hội chứng bệnh	12			2		8
Nguyên tắc điều trị và Bát pháp	8		1	1		4
Ôn tập	1.5	2	2TH			0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 2

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 3

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 2 đến CĐR 3

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 3 và bước đầu tiếp cận CĐR6.

- Đóng vai, từng cặp, chia sẻ, mô phỏng, thực hành: Đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 3 và bước đầu tiếp cận CĐR6.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10%		CĐR ...
	Kiểm tra	10%		
	Lâm sàng	30%		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	LT (Thi test); TH (thi vấn đáp, thao tác)	50%	Theo số tín chỉ	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR6

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.

- Điểm kết thúc thực hành thực hành là điểm thi lâm sàng.

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm chuyên cần + Điểm kiểm tra + Điểm Lâm sàng + Điểm lý thuyết.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN LÝ THUYẾT)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 976 ngày 11 tháng 10 năm 2021
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN
- * Tiếng Việt: THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN
- * Tiếng Anh: Traditional medicine
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền, Thực vật dược
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
 - + Lý thuyết: 45 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	ducloi82@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lenthuhadhn2906@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
4	Giảng viên thỉnh giảng theo nhu cầu của bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về: Định nghĩa, nguồn gốc, thu hái, bảo quản, tứ khí, ngũ vị, khuynh hướng tác dụng của thuốc, quy kinh, bổ tả, tương tác thuốc, phân loại, cách dùng thuốc và nguyên tắc kiêng kỵ.	[CĐR1]; [CĐR2]	3
MT2	Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về định nghĩa, đặc điểm, phân loại thuốc và tác dụng chung của các nhóm thuốc đã học.	[CĐR1]; [CĐR2]	3
MT3	Trình bày được tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ của các vị thuốc YHCT thường dùng.	[CĐR1]; [CĐR2]	3
Kỹ năng			
MT4	Có kỹ năng hệ thống các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện	[CĐR 10]; [CĐR 11]	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý; Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về thực	[CĐR15]; [CĐR16]	3

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
	vật – dược liệu.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về: Định nghĩa, nguồn gốc, thu hái, bảo quản, chế biến, tứ khí, ngũ vị, khuynh hướng tác dụng của thuốc, quy kinh, bổ tả, tương tác thuốc, phân loại, cách dùng thuốc và nguyên tắc kiêng kỵ.	CDR1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về: Định nghĩa, nguồn gốc, thu hái, bảo quản, chế biến, tứ khí, ngũ vị, khuynh hướng tác dụng của thuốc, quy kinh, bổ tả, tương tác thuốc, phân loại, cách dùng thuốc và nguyên tắc kiêng kỵ.
MT2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về định nghĩa, đặc điểm, phân loại thuốc và tác dụng chung của các nhóm thuốc đã học.	CDR2: Vận dụng các kiến thức cơ bản về định nghĩa, đặc điểm, phân loại thuốc và tác dụng chung của các nhóm thuốc đã học.
MT3: Trình bày được tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ của các vị thuốc YHCT thường dùng.	CDR3: Có kiến thức về tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ của các vị thuốc YHCT thường dùng.
Kỹ năng	
MT4: Có kỹ năng hệ thống các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện	CDR4: Có kỹ năng phản biện, vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá, giám sát được công việc chuyên môn của bản thân và đồng nghiệp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử	CDR5: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng

dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý; Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về thực vật – dược liệu.	trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý CDR6: Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về thực vật – dược liệu.
--	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần					
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6
Nội dung 1. Đại cương Đông dược	3	3		2	2	2
Nội dung 2. Thuốc giải biểu	3	3	3	2	2	2
Nội dung 3. Thuốc phát tán phong thấp	3	3	3	2	2	2
Nội dung 4. Thuốc lợi thủy thẩm thấp	3	3	3	2	2	2
Nội dung 5. Thuốc trục thủy	3	3	3	2	2	2
Nội dung 6. Thuốc thanh nhiệt	3	3	3	2	2	2
Nội dung 7. Thuốc hóa đàm – chỉ khái – bình suyễn	3	3	3	2	2	2
Nội dung 8. Thuốc cố sáp	3	3	3	2	2	2
Nội dung 9. Thuốc tiêu hóa	3	3	3	2	2	2
Nội dung 10. Thuốc tả hạ	3	3	3	2	2	2
Nội dung 11. Thuốc lý khí	3	3	3	2	2	2
Nội dung 12. Thuốc hành huyết	3	3	3	2	2	2
Nội dung 13. Thuốc chỉ huyết	3	3	3	2	2	2
Nội dung 14. Thuốc trừ hàn	3	3	3	2	2	2
Nội dung 15. Thuốc an thần	3	3	3	2	2	2
Nội dung 16. Thuốc bình can tức phong	3	3	3	2	2	2
Nội dung 17. Thuốc bổ	3	3	3	2	2	2
Nội dung 18. Chế biến thuốc Đông dược	3	3		2	2	2

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

Học phần Thuốc Y học cổ truyền dành cho đối tượng Bác sỹ YHCT trình độ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Bác sỹ YHCT, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội dung về nguồn gốc, cách chế biến, tính năng dược vật, cấm kỵ của thuốc YHCT và tính vị, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và liều lượng khoảng 300 vị thuốc YHCT thường dùng và các vị thuốc nam thường dùng trong cộng đồng.

Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại chính xác các vị thuốc góp phần tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
I. Đại cương Đông dược	4			4		
II. Thuốc giải biểu	4	2		6		
III. Thuốc phát tán phong thấp	2,5	1		3,5		
IV. Thuốc lợi thủy thâm thấp	1	1		2		
V. Thuốc trục thủy	0,5	1		1,5		
VI. Thuốc thanh nhiệt	6	3		9		
VII. Thuốc hóa đàm – chỉ khái – bình suyễn	2	1		3		
VIII. Thuốc cố sáp	1,5	1		2,5		
IX. Thuốc tiêu hóa	1	1		2		
X. Thuốc tả hạ	1,5	1		2,5		
XI. Thuốc lý khí	2	1		3		
XII. Thuốc hành huyết	2	1		3		
XIII. Thuốc chỉ huyết	2	1		3		
XIV. Thuốc trừ hàn	2	1		3		
XV. Thuốc an thần	2	1		3		
XVI. Thuốc bình can tức phong	1	1		2		
XVII. Thuốc bổ	6	2		8		
XVIII. Chế biến thuốc Đông dược	4	10		14		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

5. Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thuốc Y học cổ truyền (Đông dược)*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
6. Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền – Sách đào tạo Dược sỹ đại học*, NXB Y học, Hà Nội
7. Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Hà Nội (1994), *Y học cổ truyền*, NXB Y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế - Chương trình quốc gia y học cổ truyền (1995), *Nội kinh*, NXB Y học
2. Bộ Y tế - Chương trình quốc gia y học cổ truyền (1995), *Nạn kinh*, NXB Y học
3. Bộ Y tế - Chương trình quốc gia y học cổ truyền (1996), *Y dịch*, NXB Y học
4. Bộ Y tế - Chương trình quốc gia y học cổ truyền (1996), *Kim quỹ yếu lược*, NXB Y học
5. Bộ Y tế (1961), *Trung y học khái luận – Tài liệu dịch từ tiếng Trung Quốc*, NXB Y học, Hà Nội
6. Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Hà Nội (1994), *Y học cổ truyền*, NXB Y học
7. Đỗ Tất Lợi (1995), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học
8. Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1995), *Hải Thượng y tông tâm lĩnh*, NXB Y học
9. Hội Y học cổ truyền thành phố Hồ Chí Minh (1994), *Tuệ Tĩnh toàn tập*, Nhà in QI
10. Hoàng Duy Tân, Trần Văn Nhũ (1995), *Tuyển tập phương thang đông y*, NXB Đồng Nai
11. Nguyễn Văn Thang (1992), *Thời bảm huyết châm cứu học*, NXB Quân đội Nhân dân
12. Phạm Xuân Sinh (1999), *Phương pháp chế biến thuốc cổ truyền*, NXB Y học
13. Trần Văn Kỳ (1996), *Điều trị phụ khoa Đông y*, NXB Y học
14. Tuệ Tĩnh (1996), *Nam dược thần hiệu*, NXB Y học
15. Viện Tân y Giang Tô (1972), *Trung y học*, NXB Nhân dân Giang Tô
16. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1995), *Sơ thảo lịch sử y học cổ truyền Việt Nam*, NXB Y học
17. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1993), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược*, NXB Y học, Hà Nội
18. Viện Dược liệu (1993), *Tài nguyên cây thuốc Việt Nam*, NXB Khoa học kỹ thuật

19. Viện Dược liệu (2004), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, tập I, II, NXB Khoa học kỹ thuật
20. Viện trung y Bắc Kinh (1998), *Phương tễ học giảng nghĩa*, NXB Y học (TS. Dương Trọng Hiếu dịch)
21. Võ Văn Chi (1997), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, NXB Y học
22. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
23. Phan Văn Chiêu (2009), *Đông Nam Dược Nghiệm phương*, NXB Thuận Hóa
24. Phạm Xuân Sinh (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Bài 1. Đại cương Đông Dược	4	x		X		
	Bài 2. Thuốc giải biểu	4	x		X		
2.	Bài 3. Thuốc phát tán phong thấp Thuốc lợi thủy thẩm thấp Thuốc trục thủy Bài 4. Thuốc thanh nhiệt Thuốc trừ hàn	4 4	x		X		
3.	Bài 5. Thuốc thanh nhiệt Thuốc trừ hàn (tiếp) Bài 6. Thuốc hóa đàm, chỉ ho, bình suyễn Thuốc lý khí	4 4	x		X		
4.	Bài 7. Thuốc chỉ huyết, Thuốc hành	4	x		X		

	huyết Bài 8. Thuốc tiêu hóa, tả hạ , cố sáp	4					
5.	Bài 9. Thuốc bổ Bài 10. Thuốc bổ (tiếp)	3 3	x		X		
6.	Bài 11. Thuốc bình can tức phong Thuốc an thần Bài 12. Chế biến thuốc Đông Dược	3 4			X		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 4

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 5 đến CĐR 6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên (nếu có), thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	chuyên cần	Điều kiện dự thi kết thúc học phần	Tham gia dự lớp tối thiểu 80% số tiết học	CĐR 5-CĐR6
	Thảo luận nhóm,			
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	- Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV)	100% điểm phần lý thuyết	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CĐR 1 đến CĐR 6

	- Tự luận/ Báo cáo tiểu luận (TH SV thi trực tuyến)			
--	---	--	--	--

12.3. Điểm học phần

Điểm phần lý thuyết là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

Điểm của học phần là điểm trung bình của điểm phần lý thuyết và phần thực hành theo công thức tính điểm của Học viện

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202.....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy

TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN THỰC HÀNH)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 976 ngày 11 tháng 10 năm 2021
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN
- * Tiếng Việt: THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN
- * Tiếng Anh: Traditional medicine
- Mã học phần:
- Số tín chỉ thực hành: 1
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền, Thực vật dược
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	ducloi82@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com

4	Giảng viên mời giảng theo nhu cầu thực tế		
---	---	--	--

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản để chế biến được các vị thuốc YHCT, phân tích và cho ví dụ về định nghĩa, đặc điểm, phân loại thuốc và tác dụng chung của các nhóm thuốc đã học.	[CDR1]; [CDR2]	3
MT2	Trình bày được tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ của các vị thuốc YHCT thường dùng.	[CDR1]; [CDR2]	3
Kỹ năng			
MT3	Thực hiện sơ chế, chế biến thuốc YHCT thường dùng	[CDR8]	3
MT4	Thực hiện nhận biết các vị thuốc YHCT thường dùng bằng phương pháp cảm quan	[CDR8]	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý; Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về thực vật – dược liệu.	[CDR15] [CDR16]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về định nghĩa, đặc điểm, phân loại thuốc và tác dụng chung của các nhóm thuốc đã học.	CDR1: Vận dụng các kiến thức cơ bản để phân tích đặc điểm, phân loại thuốc và tác dụng chung của các nhóm thuốc đã học
MT2: Trình bày được tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ của các vị thuốc YHCT thường dùng.	CDR2: Trình bày tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ của các vị thuốc YHCT thường dùng.
Kỹ năng	
MT3: Thực hiện sơ chế, chế biến thuốc YHCT thường dùng	CDR3: Sơ chế, chế biến được các vị thuốc YHCT thường dùng
MT4: Thực hiện nhận biết các vị thuốc YHCT thường dùng bằng phương pháp cảm quan	CDR4: Nhận thức chính xác các vị thuốc YHCT thường dùng bằng phương pháp cảm quan
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý; Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về thực vật – dược liệu.	CDR5: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý CDR6: Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về thực vật – dược liệu

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần					
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6
Sơ chế, chế biến các vị thuốc YHCT thường dùng	3	3	3	3	2	2
Nhận thức các vị thuốc thuộc 16 nhóm thuốc đã học trong chương trình	3	3	3	3	2	2

6. Mô tả học phần – Phần thực hành (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Phần thực hành thuộc học phần Thuốc Y học cổ truyền dành cho đối tượng Bác sỹ YHCT trình độ đại học là phần quan trọng trong chương trình đào tạo Bác sỹ YHCT, giữ vai trò trong việc bổ sung cho người học các nội dung về nguồn gốc, tính năng dược vật, cầm kỵ của thuốc YHCT và tính vị, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và liều lượng khoảng 300 vị thuốc YHCT thường dùng và các vị thuốc nam thường dùng trong cộng đồng.

Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại chính xác các vị thuốc góp phần tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Sơ chế, chế biến các vị thuốc YHCT thường dùng	10		Chuẩn bị và so sánh với nội dung lý thuyết liên quan
Nhận thức các vị thuốc thuộc 16 nhóm thuốc đã học trong chương trình	20		Chuẩn bị và so sánh với nội dung lý thuyết liên quan

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thuốc Y học cổ truyền (Đông dược)*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền – Sách đào tạo Dược sỹ đại học*, NXB Y học, Hà Nội
- Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Hà Nội (2018), *Y học cổ truyền*, NXB Y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Hà Nội (2014), *Y học cổ truyền*, NXB Y học
- Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học
- Viện Dược liệu (1993), *Tài nguyên cây thuốc Việt Nam*, NXB Khoa học kỹ thuật
- Viện Dược liệu (2004), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, tập I, II, NXB Khoa học kỹ thuật
- Viện trung y Bắc Kinh (1998), *Phương tế học giảng nghĩa*, NXB Y học (TS. Dương Trọng Hiếu dịch)
- Võ Văn Chi (2010), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	
1.	Bài 1	X		x	
2.	Bài 2	X		x	
3.	Bài 3			x	
4.	Bài 4	x		x	
5.	Bài 5	x		x	
6.	Bài 6	x		x	
7.	Bài 7	x		x	
8.	Bài 8	x		x	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 6

- Sử dụng các phương pháp sơ chế, chế biến thuốc YHCT được cung cấp trong lý thuyết và từ các tài liệu cũng như trên thực tế.
- Sử dụng các phương pháp nhận biết bằng cảm quan (thị giác, thính giác, vị giác, xúc giác...), kết hợp với các thông tin đã được cung cấp trong lý thuyết và từ các tài liệu cũng như trên thực tế.
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Sinh viên thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kỹ thuật viên Bộ môn.
- Sau mỗi buổi thực hành, sinh viên báo cáo nội dung thực hành với giảng viên hướng dẫn, thực hiện đánh giá cuối buổi thực hành.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành

- Phòng thực hành được trang bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, mẫu vị thuốc/ dược liệu hoặc tranh ảnh, cơ sở dữ liệu về các cây thuốc, vị thuốc, nhóm thuốc trong chương trình giảng dạy.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi thực hành. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
 - ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
 - ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi thực hành.

- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các nội dung đánh giá của buổi thực hành và thi kết thúc phần thực hành.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	Điều kiện thi thực hành	Tham gia dự lớp 100% số tiết học	CĐR 4 đến CĐR 5
	Kết quả đánh giá các bài thực hành	Điều kiện thi thực hành	Đạt yêu cầu các bài thực hành	CĐR 1 đến CĐR 3
2	Điểm thi kết thúc thực hành			
	Thi thực hành (kiến thức kỹ năng bào chế thuốc YHCT, nhận thức vị thuốc, vấn đáp)	100%	Đạt tối thiểu 4/10 điểm	CĐR 1 đến CĐR 6

Hà Nội, ngày tháng năm 202....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy

TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
BÀO CHẾ THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Bào chế thuốc y học cổ truyền

* Tiếng Anh: Traditional medicine preparation

- Mã học phần/ mô đun: TRAD3104

- Số tín chỉ: (1.5 LT, 0.5 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: thực vật dược, thuốc y học cổ truyền

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 23 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Bùi Thị Ngoan	0986755129	ngoan83@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Thu Nga	0936249215	nhungtrandkh@gmail.com
3	ThS. Đào Văn Lưu	0986964323	dsdaovanluu@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Hiểu được mục đích bào chế thuốc đông dược và giải thích cách sử dụng các phụ liệu trong bào chế thuốc y học cổ truyền	[CĐR1]	3
MT2	Trình bày được quy trình bào chế các vị thuốc cụ thể	[CĐR6]	3
	Kỹ năng		
MT3	Có kỹ năng thực hiện các thao tác cơ bản và thực hiện thành thạo một số quy trình bào chế các vị thuốc cụ thể	[CĐR6] [CĐR9]	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR9] [CĐR10] [CĐR11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: Hiểu được mục đích bào chế thuốc đông dược và giải thích cách sử dụng các phụ liệu trong bào chế thuốc y học cổ truyền</p> <p>MT2: Trình bày được quy trình bào chế các vị thuốc cụ thể</p>	<p>CLO1: Trình bày được khái niệm cơ bản và bản chất của bào chế, chế biến thuốc</p> <p>CLO 2: Phân tích được mục đích của bào chế, chế biến của các vị thuốc</p>
Kỹ năng	
<p>MT3: Có kỹ năng thực hiện các thao tác cơ bản và thực hiện thành thạo một số quy trình bào chế các vị thuốc cụ thể</p>	<p>CLO3: Vận dụng để chế biến và bào chế các vị thuốc cụ thể trong từng nhóm thuốc</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc</p>	<p>CLO 4: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Chương 1. Đại cương về bào chế đông dược	3	3	1	1
Chương 2. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc giải biểu	2	3	3	1
Chương 3. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc phân khí, thuốc phân huyết, trừ thấp, thuốc bổ dưỡng	2	3	3	1
Chương 4. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc tiêu đạo, thuốc tả hạ, trục thủy, cố sáp	2	3	3	1
Chương 5. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm	2	3	3	1

thuốc hóa đàm, chỉ ho, bình suyễn; tắt phong, an thần, khai khiếu				
Chương 6. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc khử hàn, thuốc thanh nhiệt	2	3	3	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Bào chế thuốc y học cổ truyền là sử dụng chế hoá cơ học, chế hoá lý hoá hoặc sinh tổng hợp nhằm thay đổi hình dạng, lý tính, dược tính của các nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên từ động vật, thực vật hoặc khoáng vật để đáp ứng yêu cầu của quá trình sản xuất, bảo quản, kinh doanh, nâng cao hiệu quả phòng bệnh, điều trị bệnh và nâng cao thể trạng con người.

Học phần Bào chế thuốc y học cổ truyền cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý bào chế đông dược, các mục đích cần đạt được sau khi bào chế và các phương pháp cơ bản trong bào chế. Dựa trên nền tảng đó sẽ đưa ra cách ứng dụng để bào chế từng vị thuốc cụ thể trong mỗi nhóm thuốc. Các vị thuốc sau khi bào chế đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ được ứng dụng bào chế ra các dạng thuốc như: thuốc thang, cồn thuốc, rượu thuốc, thuốc viên hoàn...

Học phần Bào chế thuốc y học cổ truyền cung cấp các kiến thức để tạo ra các vị thuốc đạt tiêu chuẩn chất lượng, phù hợp với từng mục đích điều trị cụ thể, nhằm nâng cao chất lượng điều trị cho bệnh nhân, giúp cho các thầy thuốc hiểu rõ phương pháp bào chế và sử dụng thuốc một cách an toàn và hiệu quả.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Chương 1: Đại cương về bào chế đông dược 1. Mục đích bào chế đông dược 2. Yêu cầu của việc bào chế 3. Các dụng cụ, phụ liệu bào chế 4. Một số dạng thuốc bào chế thông thường	4			4		Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

<p>Chương 2. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc giải biểu</p> <p>1. Bào chế các thuốc tân ôn giải biểu</p> <p>2. Bào chế các thuốc tân lương giải biểu</p>	4			4	Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Chương 3. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc phân khí, thuốc phân huyết, trừ thấp, thuốc bổ dưỡng</p> <p>1. Bào chế các thuốc nhóm khử phong thấp</p> <p>2. Bào chế các thuốc nhóm hóa thấp.</p> <p>3. Bào chế các thuốc nhóm lợi thấp.</p> <p>4. Bào chế các thuốc nhóm bổ âm.</p> <p>5. Bào chế các thuốc nhóm bổ dương.</p>	4			4	Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Chương 4. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc tiêu đạo, thuốc tả hạ, trục thủy, cố sáp.</p> <p>1. Bào chế các thuốc tiêu đạo.</p> <p>2. Bào chế các thuốc tả hạ.</p> <p>3. Bào chế các thuốc trục thủy.</p> <p>4. Bào chế các thuốc cố sáp</p>	4			4	Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Chương 5. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm</p>	4			4	Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan

<p>thuốc hóa đàm, chỉ ho, bình suyễn; tắt phong, an thần, khai khiếu</p> <p>1. Bào chế các thuốc nhóm hóa đàm.</p> <p>2. Bào chế các thuốc nhóm chỉ ho.</p> <p>3. Bào chế các thuốc nhóm bình suyễn.</p> <p>4. Bào chế các thuốc nhóm tắt phong.</p> <p>5. Bào chế các thuốc nhóm khai khiếu.</p> <p>6. Bào chế các thuốc nhóm an thần</p>						điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Chương 6. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc khử hàn, thuốc thanh nhiệt</p> <p>1. Bào chế các thuốc nhóm ôn trung tán hàn.</p> <p>2. Bào chế các thuốc nhóm hồi dương cứu nghịch.</p> <p>3. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt giải độc.</p> <p>4. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt giáng hỏa</p> <p>5. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt táo thấp.</p> <p>6. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt lương huyết</p>	3			3		Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, Bộ môn Bào chế và Công nghiệp dược, *Bào chế đông dược*- Năm 2017, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

[2]. Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa Y học cổ truyền, *Bào chế Đông dược*, năm 2006, Nhà xuất bản Y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Đỗ Tất Lợi, *Các cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Năm 2003, Nhà xuất bản Y học

[2] Viện Y học cổ truyền Việt Nam, *Phương pháp bào chế và sử dụng Đông dược*, năm 2005, Nhà xuất bản Y học

[3] Tuệ Tĩnh, *Nam dược thân hiệu*, năm 2000, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Chương 1: Đại cương về bào chế đông dược 1. Mục đích bào chế đông dược 2. Yêu cầu của việc bào chế 3. Các dụng cụ, phụ liệu bào chế 4. Một số dạng thuốc bào chế thông thường	4					4
2	Chương 2. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc giải biểu 1. Bào chế các thuốc tân ôn giải biểu 2. Bào chế các thuốc tân lương giải biểu	4					4
3	Chương 3. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc phân khí, thuốc phân huyết, trừ thấp, thuốc bổ dưỡng	4					4

	<p>1. Bào chế các thuốc nhóm khử phong thấp</p> <p>2. Bào chế các thuốc nhóm hóa thấp.</p> <p>3. Bào chế các thuốc nhóm lợi thấp.</p> <p>4. Bào chế các thuốc nhóm bổ âm.</p> <p>5. Bào chế các thuốc nhóm bổ dương.</p>						
4	<p>Chương 4. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc tiêu đạo, thuốc tả hạ, trục thủy, cố sáp.</p> <p>1. Bào chế các thuốc tiêu đạo.</p> <p>2. Bào chế các thuốc tả hạ.</p> <p>3. Bào chế các thuốc trục thủy.</p> <p>4. Bào chế các thuốc cố sáp</p>	4					4
5	<p>Chương 5. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc hóa đàm, chỉ ho, bình suyễn; tắt phong, an thần, khai khiếu</p> <p>1. Bào chế các thuốc nhóm hóa đàm.</p> <p>2. Bào chế các thuốc nhóm chỉ ho.</p> <p>3. Bào chế các thuốc nhóm bình suyễn.</p> <p>4. Bào chế các thuốc nhóm tắt phong.</p> <p>5. Bào chế các thuốc nhóm khai khiếu.</p> <p>6. Bào chế các thuốc nhóm an thần</p>	4					4
6	<p>Chương 6. Bào chế một số vị thuốc thuộc nhóm thuốc khử hàn, thuốc thanh nhiệt</p>	3					3

1. Bào chế các thuốc nhóm ôn trung tán hàn.						
2. Bào chế các thuốc nhóm hồi dương cứu nghịch.						
3. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt giải độc.						
4. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt giáng hỏa						
5. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt táo thấp.						
6. Bào chế các thuốc nhóm thanh nhiệt lương huyết						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp / Chia sẻ Học dựa trên vấn

đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO4].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 9

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO2 đến CLO4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành	33,3%		
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	66,7%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
BẢO CHẾ THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN (THỰC HÀNH)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm 20...
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Bảo chế thuốc y học cổ truyền

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: (1.5 LT, 0.5 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Bảo chế-công nghiệp dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Bùi Thị Ngoan	0986755129	ngoan83@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Thu Nga	0936249215	nhungtrandkh@gmail.com
3	ThS. Đào Văn Lưu	0986964323	dsdaovanluu@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Vận dụng kiến thức về bào chế các vị thuốc y học cổ truyền để bào chế được một số vị thuốc cụ thể	[CĐR1], [CĐR4], [CĐR5] [CĐR7], [CĐR8], [CĐR9]	3
Kỹ năng			
MT2	Có kỹ năng thực hiện các thao tác cơ bản và thực hiện thành thạo một số quy trình bào chế các vị thuốc cụ thể	[CĐR5] [CĐR7]	5
MT3	Có kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện;	[CĐR8], [CĐR9]	4
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR10] [CĐR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức về bào chế các vị thuốc y học cổ truyền để bào chế được một số	CLO1: Có thể vận dụng kiến thức cơ bản về bào chế đồng được để bào chế một số dạng thuốc y học cổ truyền

dạng thuốc y học cổ truyền cụ thể	
MT2: Có kỹ năng thực hiện các thao tác cơ bản và thực hiện thành thạo một số quy trình bào chế các vị thuốc cụ thể	CLO 2: Có kỹ năng bào chế được một số vị thuốc y học cổ truyền
MT3: Có kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện;	CLO 3: Có kỹ năng Thảo luận, hợp tác tranh luận, phản biện và phản ứng nhanh, sáng tạo khi xử lý các tình huống được phỏng vấn trong giải quyết vấn đề pháp luật lĩnh vực dược
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	CLO4: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống trong bài thực hành. Rèn luyện tính kỷ luật thực hiện bài tập trong giải quyết vấn đề pháp luật ở lĩnh vực dược

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Bào chế cao thuốc	3	2	3	3
Bào chế cốm thuốc	3	2	3	3
Bào chế hoàn thuốc	3	2	3	3
Bào chế rượu thuốc	3	2	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Vị trí/vai trò: Phần thực hành Bào chế thuốc y học cổ truyền là bộ phận của Học phần Bào chế thuốc y học cổ truyền giúp người học có kiến thức và khả năng bào chế được các dạng thuốc và một số vị thuốc y học cổ truyền để phục vụ trong quá trình hành nghề.

Mục đích: Giúp người học vận dụng được kiến thức ở phần lý thuyết trong học phần vận dụng vào hành nghề thực tế.

Nội dung chính yếu: bào chế các dạng thuốc (cao, rượu, cốm, hoàn)

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực hành (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài 1. Bào chế cao thuốc	4	4	- Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đáp - Ưu tiên phản biện, tính sáng tạo
Bài 2. Bào chế cốm thuốc	4	4	
Bài 3. Bào chế hoàn thuốc	4	4	
Bài 4. Bào chế rượu thuốc	3	3	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, Bộ môn Bào chế và Công nghiệp dược, *Bào chế Đông dược*- Năm 2017, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

[2]. Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa Y học cổ truyền, *Bào chế Đông dược*, năm 2006, Nhà xuất bản Y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Đỗ Tất Lợi, *Các cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Năm 2003, Nhà xuất bản Y học

[2] Viện Y học cổ truyền Việt Nam, *Phương pháp bào chế và sử dụng Đông dược*, năm 2005, Nhà xuất bản Y học

[3] Tuệ Tĩnh, *Nam dược thần hiệu*, năm 2000, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Bài 1. Bào chế cao thuốc	4					4
2	Bài 2. Bào chế cốm thuốc	4					4
3	Bài 3. Bào chế hoàn thuốc	4					4
4	Bài 4. Bào chế rượu thuốc	3					3

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO4

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO4

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO4

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp nội dung bài thực hành cho sinh viên chuẩn bị trước ở nhà
- Có máy tính và projector

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng thực hành buổi nào, không đến chậm quá 15 phút
- Thực hiện nghiêm túc nội quy phòng thực hành

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Đánh giá bằng bài thi kết thúc tại phòng thực hành	100%	≥ 4	CLO1 – CLO4

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dực).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
CHÂM CỨU 1 (Phần Lý thuyết)

Trình độ đào tạo: Bác sĩ chính quy, Ngành: Y học cổ truyền. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:
- * Tiếng Việt: Châm cứu 1
- * Tiếng Anh: Acupuncture 1
- Mã học phần/ mô đun: TRAD4107
- Số tín chỉ: 02 LT/ 01 LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Lâm sàng: 45 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 0 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>							
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa YHHD, thần kinh, cơ xương khớp

+ Học phần học trước (đã học): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa YHHD, thần kinh, cơ xương khớp

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS. Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
3	Ths.Bs Đỗ Thị Thanh Chung	0965756168	Châm cứu	Chungdothanh81@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com
5	Ths.Bs. Phạm Thị Cẩm Yên	0912931204	Châm cứu	Camyentuetinh@gmail.com
6	ThS.Bs Nguyễn Hữu Khoa	0918672583	Châm cứu	Bsnguyenhuukhoa@gmail.com

7	Ths.Bs. Nguyễn Thị Mai Linh	0965355119	Châm cứu	Mailinh.m3@gmail.com
8	Ths.Bs Nguyễn Thế Anh	0357948386	Châm cứu	Theanh07vn@gmail.com
9	Ths.Bs. Huỳnh Thị Hồng Nhung	03891139322	Châm cứu	Chongchongtre264@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT HP1	Trình bày được lịch sử của châm cứu. Cơ chế tác dụng của châm cứu	[CĐR1],	3
MT HP2	Trình bày được đại cương huyết vị, phân loại huyết vị, tác dụng huyết vị.	[CĐR1],	3
MT HP3	Trình bày được Học thuyết về hệ kinh lạc, tác dụng của hệ kinh lạc.	[CĐR1], [CĐR6]	3
MT HP4	Xác định được đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, cách châm cứu các huyết thư-ờng dùng của 12 đường kinh chính và 2 mạch Nhâm, Đốc.	[CĐR1], [CĐR6]	3
MT HP5	Thực hiện được kỹ thuật châm, cứu. Phương pháp bỏ tả trong châm cứu, phát hiện và xử trí các tai biến của các kỹ thuật hào châm, điện châm, thủy châm, cứu.	[CĐR1], [CĐR6]	3
MT HP6	Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các kỹ thuật châm cứu khi điều trị cho người bệnh.	[CĐR14],[CĐR16]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được lịch sử của châm cứu. Cơ chế tác dụng của châm cứu	CLO1: Nhận thức rõ được vai trò, tầm quan trọng của châm cứu trong nền y học Việt Nam và Thế giới. Cơ chế tác dụng của châm

	cứu
MT2: Trình bày được đại cương huyết vị, phân loại huyết vị, tác dụng huyết vị.	CLO 2: Có kiến thức cơ bản đại cương huyết vị, phân loại huyết vị, tác dụng huyết vị.
MT3: Trình bày được Học thuyết về hệ kinh lạc, tác dụng của hệ kinh lạc.	CLO3: Có kiến thức cơ bản về khái niệm về hệ kinh lạc, tác dụng của hệ kinh lạc.
Kỹ năng	
MT 4 Xác định được đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, cách châm cứu các huyết thường dùng của 12 đường kinh chính và 2 mạch Nhâm, Đốc.	CLO4: Xác định được đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, cách châm cứu các huyết thường dùng của 12 đường kinh chính và 2 mạch Nhâm, Đốc.
MT5: Thực hiện được kỹ thuật châm, cứu. Phương pháp bỏ tả trong châm cứu, phát hiện và xử trí các tai biến của các kỹ thuật hào châm, điện châm, thủy châm, cứu.	CLO5: Thực hiện được kỹ thuật châm, cứu. Phương pháp bỏ tả trong châm cứu, phát hiện và xử trí các tai biến của các kỹ thuật hào châm, điện châm, thủy châm, cứu.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các kỹ thuật châm cứu khi điều trị cho người bệnh.	CLO6: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Lịch sử, Đại cương Châm cứu, Tác dụng và cơ chế tác dụng châm cứu	2					
Đại cương hệ kinh lạc, Đại cương huyết vị			2			
Đường kinh: Phế, Đại trường, Vị, Tỳ		2	2	2	2	3
Đường kinh: Tâm, Tiểu trường, Bàng quang, Thận		2	2	2	2	3
Đường kinh: Tâm bào, Tam tiêu, Đờm, Can		2	2	2	2	3
Mạch: Nhâm, Đốc, Huyết ngoài kinh		2	2	2	2	3
Kỹ Thuật Châm, cứu, Phương pháp bỏ tả trong Châm cứu			2		2	3

Kỹ Thuật Điện châm, Thủy châm, Giác hơi, cấy chỉ, Mai hoa châm			2		2	3
--	--	--	---	--	---	---

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần châm cứu 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về đường kinh huyết vị và cách thức thực hiện các kỹ thuật châm cứu cơ bản.

- Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung cơ bản liên quan đến lịch sử ngành châm cứu Việt Nam và Thế giới, vai trò của châm cứu trong nền y học, cơ chế tác dụng của châm cứu. Giới thiệu các đường kinh huyết vị trên cơ thể, kỹ thuật thực hiện các thủ thuật châm cứu cơ bản, các tai biến có thể xảy ra và cách phòng tránh, xử trí tai biến.

- Học phần lâm sàng rèn luyện cho sinh viên cách thức xác định đường kinh, huyết vị trên thực tế lâm sàng, cách thức thực hiện các kỹ thuật châm cứu theo đúng quy trình và quy định của Bộ Y tế. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi vấn đáp lâm sàng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành các kỹ thuật châm cứu trên thực tế lâm sàng, trên người bệnh trong các học phần tiếp theo.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Đại cương và lịch sử châm cứu ở Việt Nam và Thế giới. Tác dụng và cơ chế tác dụng của châm cứu	04		- Trình bày được lịch sử châm cứu Việt Nam và thế giới - Trình bày được 1 số nghiên cứu về châm cứu ở Việt Nam và thế giới - Nắm được tác dụng và cơ chế tác dụng của châm cứu theo yhhđ và yhct
Đại cương hệ kinh lạc, Đại cương huyết vị	04		Trình bày được khái niệm hệ thống kinh lạc, tác dụng của hệ thống kinh lạc, đại cương huyết vị, tác dụng của huyết vị
Đường kinh: Phế, Đại trường, Vị, Tỳ	04		Trình bày được : Đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, tác dụng các huyết thương dung kinh Phế, Đại trường, Tỳ Vị
Đường kinh: Tâm, Tiểu trường, Bàng Quang, Thận			Trình bày được : Đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, tác dụng các huyết thương dung kinh Tâm, Tiểu trường, Bàng quang, Thận.
Đường kinh: Tâm bào, Tam tiêu, Đờm, Can	04		Trình bày được : Đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, tác dụng các huyết thương dung kinh Tâm bào, Tam tiêu, Đờm, Can

Đường kinh: Nhâm, Đốc, huyết ngoài kinh	03		Trình bày được: Đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, tác dụng các huyết thường dùng 2 mạch Nhâm, Đốc và một số huyết ngoài đường kinh
Kỹ thuật Châm, cứu; Phương pháp Bỏ tả trong châm cứu	04		- Trình bày được: chỉ định, chống chỉ định của châm, cứu. - Thực hiện thành thạo kỹ thuật châm, cứu - Nắm được vấn đề đặc khí trong châm - Nắm được nguyên lý bỏ tả trong châm - Nắm được các tai biến khi châm, cứu (triệu chứng, cách xử lý phòng và chống)
Kỹ thuật Điện châm, Thủy châm, Giác hơi, Cây chỉ, Mai hoa châm	03		Trình bày được chỉ định, chống chỉ định của điện châm, thủy châm, giác hơi, cây chỉ, mai hoa châm. - Thực hiện thành thạo kỹ thuật điện châm, thủy châm, cây chỉ, giác hơi, mai hoa châm

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] *Giáo trình Châm cứu dành cho hệ Đại học* – Bộ môn Châm cứu, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] 2003. *Bài giảng YHCT* - Đại Học Y Hà Nội

[2] 2001. *Châm cứu chữa bệnh* – Bệnh viện châm cứu Trung ương

[3] 2005. *Châm cứu* - Đại Học Y Hà Nội

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

T u ầ n	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Đại cương và lịch sử châm cứu ở Việt Nam và Thế giới. Tác dụng và cơ chế tác dụng của châm cứu			01	03	
	Đại cương hệ kinh lạc, Đại cương huyết vị			01	03	
	Đường kinh: Phế, Đại trường, Vị, Tỳ			01	03	
2	Đường kinh: Tâm, Tiểu trường, Bàng Quang, Thận			01	03	
	Đường kinh: Tâm bào, Tam tiêu, Đờm, Can			01	03	
	Đường kinh: Nhâm, Đốc, huyết ngoài			01	03	

	kinh					
3	Kỹ thuật Châm, cứu; Phương pháp Bỏ tả trong châm cứu			01	03	
	Kỹ thuật Điện châm, Thủy châm, Giác hơi, Cây chỉ, Mai hoa châm			01	03	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)

CHÂM CỨU 1

Trình độ đào tạo: Bác sĩ chính quy, Ngành: Y học cổ truyền. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:

* Tiếng Việt: Châm cứu 1

* Tiếng Anh: Acupuncture 1

- Mã học phần/ mô đun: TRAD4107

- Số tín chỉ: 02 LT/ 01 LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Lâm sàng: 45 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 0 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học (năm thứ): 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa YHHD, thần kinh, cơ xương khớp

+ Học phần học trước (đã học): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa YHHD, thần kinh, cơ xương khớp

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS. Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
3	Ths.Bs Đỗ Thị Thanh Chung	0965756168	Châm cứu	Chungdothanh81@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com
5	Ths.Bs. Phạm Thị Cẩm Yên	0912931204	Châm cứu	Camyentuetinh@gmail.com
6	ThS.Bs Nguyễn Hữu Khoa	0918672583	Châm cứu	Bsnguyenhuukhoa@gmail.com
7	Ths.Bs. Nguyễn Thị Mai Linh	0965355119	Châm cứu	Mailinh.m3@gmail.com
8	Ths.Bs Nguyễn Thế Anh	0357948386	Châm cứu	Theanh07vn@gmail.com
9	Ths.Bs. Huỳnh Thị Hồng Nhung	03891139322	Châm cứu	Chongchongtre264@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT HP1	Trình bày được lịch sử của châm cứu. Cơ chế tác dụng của châm cứu	[CĐR1],	3
MT HP2	Trình bày được đại cương huyết vị, phân loại huyết vị, tác dụng huyết vị.	[CĐR1],	3
MT HP3	Trình bày được Học thuyết về hệ kinh lạc, tác dụng của hệ kinh lạc.	[CĐR1], [CĐR6]	3
MT HP4	Xác định được đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, cách châm cứu các huyết thường dùng của 12 đường kinh chính và 2 mạch Nhâm, Đốc.	[CĐR1], [CĐR6]	3
MT HP5	Thực hiện được kỹ thuật châm, cứu. Phương pháp bổ tả trong châm cứu, phát hiện và xử trí các tai biến của các kỹ thuật hào châm, điện châm, thủy châm, cứu.	[CĐR1], [CĐR6]	3
MT HP6	Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các kỹ thuật châm cứu khi điều trị cho người bệnh.	[CĐR14],[CĐR16]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được lịch sử của châm cứu. Cơ chế tác dụng của châm cứu	CLO1: Nhận thức rõ được vai trò, tầm quan trọng của châm cứu trong nền y học Việt Nam và Thế giới. Cơ chế tác dụng của châm cứu
MT2: Trình bày được đại cương huyết vị, phân loại huyết vị, tác dụng huyết vị.	CLO 2: Có kiến thức cơ bản đại cương huyết vị, phân loại huyết vị, tác dụng huyết vị.
MT3: Trình bày được Học thuyết về hệ kinh lạc, tác dụng của hệ kinh lạc.	CLO3: Có kiến thức cơ bản về khái niệm về hệ kinh lạc, tác dụng của hệ kinh lạc.
Kỹ năng	
MT 4 Xác định được đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, cách châm cứu các huyết thường dùng của 12 đường kinh chính và 2 mạch Nhâm, Đốc.	CLO4: Xác định được đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, cách châm cứu các huyết thường dùng của 12 đường kinh chính và 2 mạch Nhâm, Đốc.
MT5: Thực hiện được kỹ thuật châm, cứu. Phương pháp bổ tả trong châm cứu, phát hiện và xử trí các tai biến của các kỹ thuật hào châm, điện châm, thủy châm, cứu.	CLO5: Thực hiện được kỹ thuật châm, cứu. Phương pháp bổ tả trong châm cứu, phát hiện và xử trí các tai biến của các kỹ thuật hào châm, điện châm, thủy châm, cứu.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

MT6: Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các kỹ thuật châm cứu khi điều trị cho người bệnh.	CLO6: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn.
--	---

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Lịch sử, Đại cương Châm cứu, Tác dụng và cơ chế tác dụng châm cứu	2					
Đại cương hệ kinh lạc, Đại cương huyết vị			2			
Đường kinh: Phế, Đại trường, Vị, Tỳ		2	2	2	2	3
Đường kinh: Tâm, Tiểu trường, Bàng quang, Thận		2	2	2	2	3
Đường kinh: Tâm bào, Tam tiêu, Đờm, Can		2	2	2	2	3
Mạch: Nhâm, Đốc, Huyết ngoài kinh		2	2	2	2	3
Kỹ Thuật Châm, cứu, Phương pháp bổ tả trong Châm cứu			2		2	3
Kỹ Thuật Điện châm, Thủy châm, Giác hơi, cấy chỉ, Mai hoa châm			2		2	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần châm cứu 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về đường kinh huyết vị và cách thức thực hiện các kỹ thuật châm cứu cơ bản.

- Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung cơ bản liên quan đến lịch sử ngành châm cứu Việt Nam và Thế giới, vai trò của châm cứu trong nền y học, cơ chế tác dụng của châm cứu. Giới thiệu các đường kinh huyết vị trên cơ thể, kỹ thuật thực hiện các thủ thuật châm cứu cơ bản, các tai biến có thể xảy ra và cách phòng tránh, xử trí tai biến.

- Học phần lâm sàng rèn luyện cho sinh viên cách thức xác định đường kinh, huyết vị trên thực tế lâm sàng, cách thức thực hiện các kỹ thuật châm cứu theo đúng quy trình và quy định của Bộ Y tế. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi vấn đáp lâm sàng rèn luyện

cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành các kỹ thuật châm cứu trên thực tế lâm sàng, trên người bệnh trong các học phần tiếp theo.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Hướng dẫn kỹ thuật châm - cứu trên lâm sàng	04		Thực hiện được kỹ thuật châm - cứu trên lâm sàng
Hướng dẫn kỹ thuật điện châm trên lâm sàng	03		Thực hiện được kỹ thuật sử dụng điện châm trên lâm sàng
Hướng dẫn kỹ thuật thủy châm trên lâm sàng	03		Thực hiện được kỹ thuật thủy châm trên lâm sàng
Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Phế, Đại trường	04		Xác định được huyệt vị kinh Phế, Đại trường trên cơ thể người
Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Tâm, tiểu trường	04		Xác định được huyệt vị kinh Tâm, tiểu trường trên cơ thể người
Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Vị, Tỳ	04		Xác định được huyệt vị kinh Vị, Tỳ trên cơ thể người
Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Can, Đờm	04		Xác định được huyệt vị kinh Can, Đờm trên cơ thể người
Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Bàng quang, Thận	04		Xác định được huyệt vị kinh Bàng quang, Thận trên cơ thể người
Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Tâm bào, Tam tiêu	04		Xác định được huyệt vị kinh Tâm bào, Tam tiêu trên cơ thể người
Hướng dẫn xác định huyệt vị mạch Nhâm, Đốc, huyệt ngoài kinh	03		Xác định được huyệt vị mạch Nhâm, Đốc, huyệt ngoài kinh
Làm bệnh án thi LS	04		
Hỏi thi LS	04		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] *Giáo trình Châm cứu dành cho hệ Đại học* – Bộ môn Châm cứu, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] 2003. *Bài giảng YHCT* - Đại Học Y Hà Nội

[2] 2001. *Châm cứu chữa bệnh* – Bệnh viện châm cứu Trung ương

[3] 2005. *Châm cứu* - Đại Học Y Hà Nội

9. Kế hoạch giảng dạy lâm sàng

Tuần	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	Hướng dẫn kỹ thuật châm - cứu trên lâm sàng	4	
2	Hướng dẫn kỹ thuật điện châm trên lâm sàng	3	
3	Hướng dẫn kỹ thuật thủy châm trên lâm sàng	3	
4	Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Phế, Đại trường	4	
5	Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Tâm, tiểu trường	4	
6	Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Vị, Tỳ	4	
7	Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Can, Đờm	4	
8	Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Bàng quang, Thận	4	
9	Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Tâm bào, Tam tiêu	4	
10	Hướng dẫn xác định huyệt vị mạch Nhâm, Đốc, huyết ngoài kinh	3	
11	Làm bệnh án thi LS	4	
12	Hội thi LS	4	
	Tổng	45	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lãnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lãnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

- Đóng vai: Mục đích giúp sinh viên đóng vai bệnh nhân và bác sĩ, từ đó rèn luyện kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám. Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các kỹ thuật chăm sóc khi điều trị cho người bệnh.

Cách thức giảng dạy: Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phân biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

Phương pháp điều trị không dùng thuốc

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ hệ chính quy ngành YHCT

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin chung về Học phần/ Module

- Tên Học phần/ Module:
- * Tiếng Việt: Phương pháp điều trị không dùng thuốc
- * Tiếng Anh: Non-drug treatments
- Mã Học phần/ Module:
- Số tín chỉ: 2/1
- Đối tượng học: Bác sĩ hệ chính quy Y4
- Vị trí của Học phần/ Module trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Bộ môn/Module phụ trách Học phần/Module: Bộ môn KCDS- XBBH

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	PGS.TS. Trần Thái Hà	091 337 87 75	phdtranthaiha@gmail.com
2	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 80 93	tunghuongvung@gmail.com
3	TS. Lê Thị Kim Dung	0979818222	quangtuyen@gmail.com
4	ThS. Trần Hồng Nhung	0353 819 123	hongnhungvatm@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Việt Anh	0999903100	Nguyenvietanh0888@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Module, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	<p>- Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biết được nguồn gốc, lịch sử của phương pháp Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt. + Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt. + Thực hành thành thạo các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt cơ bản. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp theo vùng cơ thể. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp trong điều trị một số bệnh thường gặp. + Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh + Thực hành thành thạo các động tác chống xơ cứng của phương pháp tập Dưỡng sinh bác sỹ Nguyễn Văn Hưởng. + Ứng dụng được phương pháp dưỡng sinh trong phòng và chữa một số bệnh mạn tính thường gặp. 	[CĐR1],	3
MT2	<p>- Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần xoa bóp trong cộng đồng và chống chỉ định. + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần tập dưỡng sinh trong cộng đồng và trên lâm sàng. 	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT3	<p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt với công tác chăm sóc sức khỏe và tham gia điều trị bệnh trong cộng đồng.</p>	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT
MT 1: Về kiến thức	<p>+ Biết được nguồn gốc, lịch sử của phương pháp Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt.</p> <p>+ Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt.</p> <p>+ Trình bày được cách làm, tác dụng, vị trí thực hiện các thủ thuật xoa bóp cơ bản.</p> <p>+ Ứng dụng được các động tác xoa bóp theo vùng cơ thể.</p> <p>+ Ứng dụng được các động tác xoa bóp trong điều trị một số bệnh thường gặp.</p> <p>+ Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh</p> <p>+ Trình bày được cách làm, tác dụng, chỉ định và chống chỉ định của 3 tầng luyện tập cơ bản</p> <p>+ Ứng dụng được phương pháp dưỡng sinh trong phòng và chữa một số bệnh mạn tính thường gặp.</p>	<p>CLO1: Biết được nguồn gốc, lịch sử của phương pháp Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt.</p> <p>CLO2: Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt.</p> <p>CLO3: Trình bày được cách làm, tác dụng, vị trí thực hiện các thủ thuật xoa bóp cơ bản.</p> <p>CLO4: Ứng dụng được các động tác xoa bóp theo vùng cơ thể.</p> <p>CLO5: Ứng dụng được các động tác xoa bóp trong điều trị một số bệnh thường gặp.</p> <p>CLO6: Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh</p> <p>CLO7: Trình bày được cách làm, tác dụng, chỉ định và chống chỉ định của 3 tầng luyện tập cơ bản</p> <p>CLO8: Ứng dụng được phương pháp dưỡng sinh trong phòng và chữa một số bệnh mạn tính thường gặp.</p>
MT2: Về kỹ năng	<p>+ Chẩn đoán xác định được các bệnh cần xoa bóp trong cộng đồng và chống chỉ định.</p> <p>+ Chẩn đoán xác định được các bệnh cần tập dưỡng sinh trong cộng đồng và trên lâm sàng.</p>	<p>CLO9: Chẩn đoán xác định được các bệnh cần xoa bóp trong cộng đồng và chống chỉ định.</p> <p>CLO10: Chẩn đoán xác định được các bệnh cần tập dưỡng sinh trong cộng đồng và trên lâm sàng.</p>
MT3: Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	<p>Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt với công tác chăm sóc sức khỏe và tham gia điều trị bệnh trong cộng đồng.</p>	<p>CLO11: Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt với công tác chăm sóc sức khỏe và tham gia điều trị bệnh trong cộng đồng</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Đại cương phương pháp Xoa bóp bấm huyệt.	3										3
Các thủ thuật XBBH		3	3	3	3				3		3
Ứng dụng điều trị đau đầu – liệt VII bằng XBBH		3	3	3	3				3		3
Ứng dụng điều trị đau vai gáy – viêm quanh khớp vai		3	3	3	3				3		3
Ứng dụng điều trị đau lưng – đau thần kinh hông to bằng XBBH		3	3	3	3				3		3
Ứng dụng điều trị liệt ½ người do TBMMN và di chứng bại não		3	3	3	3				3		3
Đại cương về phương pháp Dưỡng sinh						3				3	3
Các động tác chống xơ cứng tập 3 tầng luyện tập cơ bản							3	3		3	3
Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về cơ xương khớp mạn tính							3	3		3	3
Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về tâm thần kinh mạn tính							3	3		3	3
Ứng dụng 8. Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về hô hấp mạn tính							3	3		3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
1. Đại cương về phương pháp XBBH	04		<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, tác dụng, chỉ định - chống chỉ định của phương pháp xoa bóp bấm huyết
2. Các thủ thuật XBBH cơ bản	04		<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được cách làm, tác dụng, vị trí thực hiện các thủ thuật xoa bóp cơ bản.
3. Ứng dụng điều trị đau đầu – liệt VII bằng XBBH, đau vai gáy – viêm quanh khớp vai	04		<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, ứng dụng XBBH điều trị đau đầu – liệt VII, đau vai gáy – viêm quanh khớp vai
4. Ứng dụng điều trị đau lưng – đau thần kinh hông to, liệt ½ người do TBMMN và di chứng bại não	04		<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, ứng dụng XBBH điều trị đau lưng – đau thần kinh hông to, liệt ½ người do TBMMN và di chứng bại não
5. Đại cương về phương pháp Dưỡng sinh	04		<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, vài nét về phương pháp Dưỡng sinh • Trình bày được cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh
6. Các động tác chống xơ cứng ở 3 tầng luyện tập cơ	04		<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được cách làm, tác dụng, ứng dụng lâm sàng của các động tác

bản			chống xơ cứng ở tư thế nằm, ngồi hoa sen và không hoa sen và tư thế đứng
. <i>Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về cơ xương khớp mạn tính</i> 7. <i>Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về tâm thần kinh mạn tính</i>	04		<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị thoái hóa khớp, đau lưng, đau vai gáy, viêm quanh khớp vai, viêm khớp dạng thấp bằng Dưỡng sinh • Hướng dẫn thành thạo BN tập Dưỡng sinh điều trị 1 số bệnh lý về cơ xương khớp mạn tính • Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị suy nhược thần kinh, đau thần kinh hông to, liệt ½ người do TBMMN bằng Dưỡng sinh • Hướng dẫn thành thạo BN tập Dưỡng sinh điều trị 1 số bệnh lý về tâm thần kinh mạn tính •
8. <i>Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về hô hấp mạn tính</i>	02		<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị hen phế quản, viêm phế quản mạn tính bằng Dưỡng sinh • Hướng dẫn thành thạo BN tập Dưỡng sinh điều trị 1 số bệnh lý về hô hấp mạn tính

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu giảng dạy DUỖNG SINH – XOA BÓP BẮM HUYỆT, dành cho đối tượng Đại học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Khoa Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội, *Bài giảng Y học cổ truyền*, Nhà Xuất bản Y học.
2. Đại học Y Hà Nội, *Xoa bóp bấm huyệt*, Nhà Xuất bản Y học.
3. Bác sỹ Nguyễn Văn Hương, *Phương pháp dưỡng sinh*, Nhà Xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học		Thực tập Tự học	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP				
		Lý thuyết	Thảo luận			
Tuần 1	1. Đại cương về phương pháp XBBH	04 tiết		-Thực hành lâm sàng tại các bệnh viện. -Thời gian: 02 tuần/lớp	- Đọc trước bài giảng trong giáo trình - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị ca lâm sàng để thảo luận	
	2. Các thủ thuật XBBH cơ bản	04 tiết				
Tuần 2	3. Ứng dụng điều trị đau đầu – liệt VII bằng XBBH, đau vai gáy – viêm quanh khớp vai	04 tiết				
	4. Ứng dụng điều trị đau lưng – đau thần kinh hông to, liệt ½ người do TBMMN và di chứng bại não	04 tiết				
Tuần 3	5. Đại cương về phương pháp Dưỡng sinh	04 tiết				
	6. Các động tác chống xơ cứng ở 3 tầng luyện tập cơ bản	04 tiết				
Tuần 4	7. Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về cơ xương khớp mạn tính	02 tiết				
	8. Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về tâm thần kinh mạn tính	02 tiết				
	9. Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về hô hấp mạn tính	02 tiết				

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ làm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO8].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO8].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO10

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học làm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MODULE (THỰC HÀNH/LÂM SÀNG)
PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ KHÔNG DÙNG THUỐC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)
Đối tượng đào tạo: Bác sĩ hệ chính quy ngành YHCT
Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin chung về Học phần/Module

- Tên Học phần: Phương pháp điều trị không dùng thuốc
- Mã Học phần:
- Số tín chỉ thực hành/lâm sàng: 0,5/0,5
- Đối tượng học: Bác sĩ hệ chính quy Y4
- Vị trí của Học phần/ Module trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn KCDS – XBBH

2. Thông tin về giảng viên

TT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ
1.	ThS. Trần Hồng Nhung	0353 819 123	Giảng viên
2.	ThS. Nguyễn Việt Anh	0999903100	Giảng viên

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	- Về kiến thức: + Biết được nguồn gốc, lịch sử của phương pháp Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt.	[CĐR1],	3

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
	<ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt. + Thực hành thành thạo các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt cơ bản. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp theo vùng cơ thể. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp trong điều trị một số bệnh thường gặp. + Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh + Thực hành thành thạo các động tác chống xơ cứng của phương pháp tập Dưỡng sinh bác sỹ Nguyễn Văn Hưởng. + Ứng dụng được phương pháp dưỡng sinh trong phòng và chữa một số bệnh mạn tính thường gặp. 		
MT2	<p>- Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần xoa bóp trong cộng đồng và chống chỉ định. + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần tập dưỡng sinh trong cộng đồng và trên lâm sàng. 	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT3	<p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt với công tác chăm sóc sức khỏe và tham gia điều trị bệnh trong cộng đồng.</p>	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bố cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
MT 1: Về kiến thức	+ Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt.	CLO1: Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt. CLO2: Trình bày được cách làm, tác

	<ul style="list-style-type: none"> +Trình bày được cách làm, tác dụng, vị trí thực hiện các thủ thuật xoa bóp cơ bản. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp theo vùng cơ thể. + Ứng dụng được các động tác xoa bóp trong điều trị một số bệnh thường gặp. + Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh + Trình bày được cách làm, tác dụng, chỉ định và chống chỉ định của 3 tầng luyện tập cơ bản + Ứng dụng được phương pháp dưỡng sinh trong phòng và chữa một số bệnh mạn tính thường gặp. 	<p>dụng, vị trí thực hiện các thủ thuật xoa bóp cơ bản.</p> <p>CLO3: Thực hành thành thạo các thủ thuật xoa bóp cơ bản</p> <p>CLO4: Ứng dụng được các động tác xoa bóp theo vùng cơ thể.</p> <p>CLO5: Ứng dụng được các động tác xoa bóp trong điều trị một số bệnh thường gặp.</p> <p>CLO6: Trình bày được cách làm, tác dụng, chỉ định và chống chỉ định của 3 tầng luyện tập cơ bản</p> <p>CLO7: Thực hành tập thành thạo các động tác của 3 tầng luyện tập cơ bản</p> <p>CLO8: Ứng dụng được phương pháp dưỡng sinh trong phòng và chữa một số bệnh mạn tính thường gặp.</p>
MT2: Về kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần xoa bóp trong cộng đồng và chống chỉ định. + Chẩn đoán xác định được các bệnh cần tập dưỡng sinh trong cộng đồng và trên lâm sàng. 	<p>CLO9: Chẩn đoán xác định được các bệnh cần xoa bóp trong cộng đồng và chống chỉ định. Ứng dụng thành thạo các thủ thuật trên người bệnh trong điều trị</p> <p>CLO10: Chẩn đoán xác định được các bệnh cần tập dưỡng sinh trong cộng đồng và trên lâm sàng. Ứng dụng thành thạo các các động tác chống xơ cứng trên người bệnh trong điều trị</p>
MT3: Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	<p>Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt với công tác chăm sóc sức khỏe và tham gia điều trị bệnh trong cộng đồng.</p>	<p>CLO11: Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt với công tác chăm sóc sức khỏe và tham gia điều trị bệnh trong cộng đồng</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Đại cương phương pháp Xoa bóp bấm huyệt.	3										3
Các thủ thuật XBBH		3	3	3	3				3		3
Ứng dụng điều trị đau đầu – liệt VII bằng		3	3	3	3				3		3

<i>XBBH</i>											
<i>Ứng dụng điều trị đau vai gáy – viêm quanh khớp vai</i>		3	3	3	3				3		3
<i>Ứng dụng điều trị đau lưng – đau thần kinh hông to bằng XBBH</i>		3	3	3	3				3		3
<i>Ứng dụng điều trị liệt ½ người do TBMMN và di chứng bại não</i>		3	3	3	3				3		3
<i>Đại cương về phương pháp Dưỡng sinh</i>						3				3	3
<i>Các động tác chống xơ cứng tập 3 tầng luyện tập cơ bản</i>							3	3		3	3
<i>Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về cơ xương khớp mạn tính</i>							3	3		3	3
<i>Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về thần kinh mạn tính</i>							3	3		3	3
<i>Ứng dụng 8. Ứng dụng phương pháp Dưỡng sinh trong điều trị 1 số bệnh lý về hô hấp mạn tính</i>							3	3		3	3

6. Mô tả học phần/module (Phần thực hành/lâm sàng):

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt.	04		<ul style="list-style-type: none"> Thực hành thành thạo các thủ thuật xoa bóp cơ bản.
Các thủ thuật Xoa bóp bấm huyệt.	04		<ul style="list-style-type: none"> Thực hành thành thạo các thủ thuật xoa bóp cơ bản.
Xoa bóp theo vùng Đầu mặt, vai gáy Xoa bóp Điều trị bệnh Đau đầu, Đau vai gáy, viêm quanh khớp vai.	04		<ul style="list-style-type: none"> Thực hành thành thạo điều trị BN đau đầu bằng XBBH Thực hành thành thạo điều trị BN đau vai gáy, viêm quanh khớp vai bằng XBBH
Xoa bóp theo vùng Lưng, tứ chi Xoa bóp Điều trị Viêm quanh khớp vai, Đau lưng, đau Tk tọa	04		<ul style="list-style-type: none"> Thực hành thành thạo điều trị BN viêm quanh khớp vai bằng XBBH Thực hành thành thạo điều trị BN đau lưng, đau TK tọa bằng XBBH
Xoa bóp Điều trị bệnh Bại liệt, Liệt ½ người, Liệt dây 7 ngoại biên .	04		<ul style="list-style-type: none"> Thực hành thành thạo điều trị BN liệt ½ người, bại liệt bằng XBBH Thực hành thành thạo điều trị BN liệt dây 7 ngoại biên bằng XBBH
Các động tác chống xơ cứng Phép luyện thở, Phép luyện thư giãn.	04		<ul style="list-style-type: none"> Thực hành tập thành thạo các động tác luyện thở, thư giãn
Các động tác chống xơ cứng trong tư thế nằm	04		<ul style="list-style-type: none"> Thực hành tập thành thạo các động tác chống xơ cứng trong tư thế nằm
Các động tác chống xơ cứng trong tư thế ngồi hoa sen	04		<ul style="list-style-type: none"> Thực hành tập thành thạo các động tác chống xơ cứng trong tư thế ngồi hoa sen
Các động tác chống xơ cứng trong tư thế ngồi thường, tư thế đứng	04		<ul style="list-style-type: none"> Thực hành tập thành thạo các động tác chống xơ cứng trong tư thế ngồi thường, tư thế đứng
Ứng dụng tập dưỡng sinh trong điều trị	04		<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn thành thạo BN tập Dưỡng sinh điều trị 1 số bệnh lý
Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh	02	02	
Cách làm bệnh án KCDS	02	02	<ul style="list-style-type: none"> Biết cách làm bệnh án KCDS
Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh	02	02	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước bài giảng trong giáo trình - Chuẩn bị câu hỏi khi lâm sàng Bệnh viện

Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng, đau thần kinh tọa	02	02	- Đọc trước bệnh đau lưng, đau thần kinh tọa trong giáo trình - Chuẩn bị câu hỏi khi bình bệnh án
Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh	02	02	- Đọc trước bài giảng trong giáo trình - Chuẩn bị câu hỏi khi lâm sàng Bệnh viện
Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh	02	02	- Đọc trước bài giảng trong giáo trình - Chuẩn bị câu hỏi khi lâm sàng Bệnh viện
Bình bệnh án XBBH trong điều trị liệt ½ người, viêm quanh khớp vai, bại liệt	02	02	- Đọc trước bệnh điều trị liệt ½ người, viêm quanh khớp vai, bại liệt trong giáo trình - Chuẩn bị câu hỏi khi bình bệnh án
Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh	02	02	- Đọc trước bài giảng trong giáo trình - Chuẩn bị câu hỏi khi lâm sàng Bệnh viện
Bình bệnh án điều trị thoái hoá khớp, hen phế quản, mất ngủ bằng KCDS	02	02	- Đọc trước bệnh điều trị thoái hoá khớp, hen phế quản, mất ngủ trong giáo trình - Chuẩn bị câu hỏi khi bình bệnh án
Hỏi thi	04		- Chuẩn bị bệnh án thi - chuẩn bị thi thực hành động tác dưỡng sinh, xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh

8. Nguồn học liệu

Tài liệu chính:

Tài liệu giảng dạy DUỖNG SINH – XOA BÓP BẮM HUYỆT, dành cho đối tượng Đại học.

Tài liệu tham khảo:

1. Khoa Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội, *Bài giảng Y học cổ truyền*, Nhà Xuất bản Y học.
2. Đại học Y Hà Nội, *Xoa bóp bấm huyệt*, Nhà Xuất bản Y học.
3. Bác sỹ Nguyễn Văn Hương, *Phương pháp dưỡng sinh*, Nhà Xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy Thực hành – Lâm sàng

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP		Thực tập Tự học		
		Thực hành	Thảo luận			
Tuần 1	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các thủ thuật XBBH cơ bản 2. Các thủ thuật XBBH cơ bản 3. Xoa bóp theo vùng Đầu mặt, vai gáy, Xoa bóp Điều trị bệnh Đau đầu, Đau vai gáy 4. Xoa bóp theo vùng Lưng, tứ chi, Xoa bóp Điều trị Viêm quanh khớp vai, Đau lưng, đau Tk tọa 5. Xoa bóp Điều trị bệnh Bại liệt, Liệt ½ người, Liệt dây 7 ngoại biên 	7,5 tiết			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước bài giảng trong giáo trình - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị ca lâm sàng để thảo luận 	

Tuần 2	<p>6. Các động tác chống xơ cứng Phép luyện thở, Phép luyện thư giãn.</p> <p>7. Các động tác chống xơ cứng trong tư thế nằm và đứng</p> <p>8. Các động tác chống xơ cứng trong tư thế ngồi hoa sen và không hoa sen</p> <p>9. Ứng dụng tập dưỡng sinh trong điều trị</p> <p>10. Ứng dụng tập dưỡng sinh trong điều trị</p>	7,5 tiết				
Tuần 3	<p>Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh</p> <p>Cách làm bệnh án KCDS</p> <p>Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh</p> <p>Bình bệnh án KCDS</p>	15 tiết		<p>-Thực hành lâm sàng tại các bệnh viện.</p> <p>-Thời gian: 02 tuần/lớp</p>		
Tuần 4	<p>trong điều trị bệnh đau lưng, đau thần kinh tọa</p> <p>Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh</p> <p>Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh</p> <p>Bình bệnh án XBBH trong điều trị liệt ½ người, viêm quanh khớp vai, bại liệt</p> <p>Lâm sàng bệnh viện Tuệ Tĩnh</p> <p>Bình bệnh án điều trị thoái hoá khớp, hen phế quản, mất ngủ bằng KCDS</p> <p>Hỏi thi</p>					

11. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MODULE
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
PHƯƠNG TỄ (PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: y học cổ truyền trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Phương tễ
- * Tiếng Việt: Phương tễ
- * Tiếng Anh: Prescription science in Traditional Medicine
- Mã học phần/ mô đun: TRAD 4108
- Số tín chỉ: (6.0 LT, 0.0 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 90 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: 45 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phương tễ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Trần Thị Thu Vân	0989255272	Thuvan1972@gmail.com
2	Ths Phạm Quốc Sự	0936881065	suhocvien@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thùy Dương	0383170825	thuyduongyhct@gmail.com

4	Ths Quách Thị Diễm Hằng	0983149167	Drhang.hvydhct@gmail.com
5	Ths Nguyễn Thị Trang	0947945836	Bstrang16488@gmail.com
6	Ths Bùi Phương Mai	0335236662	Bsbuiphuongmai@gmail.com
7	Ths Trần Thị Thúy Phương	0986646006	Tranphuong1128@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Trình bày được mối quan hệ giữa Phương tễ và phương pháp trị liệu trong YHCT và cách xây dựng một phương thuốc	[CDR 6], [CDR 7]	2,3,4
MT2	Trình bày được tên, thành phần, công dụng, chủ trị các phương thuốc Giải thích được ý nghĩa phối ngũ các phương thuốc	[CDR1] [CDR 2]	
	Kỹ năng		
MT3	Ứng dụng được các phương thuốc trong lâm sàng để điều trị bệnh	[CDR 6], [CDR 8], [CDR12]	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Tự đưa ra được những lập luận chẩn đoán bệnh để kê đơn thuốc phù hợp với lâm sàng Có trách nhiệm cao về tầm quan trọng của công việc đối với sức khỏe của người bệnh	[CDR14], [CDR 16]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: Trình bày được mối quan hệ giữa Phương tễ và phương pháp trị liệu trong YHCT và cách xây dựng một phương thuốc</p> <p>MT2: Trình bày được tên, thành phần, công dụng, chủ trị các phương thuốc</p> <p>Giải thích được ý nghĩa phối ngũ các phương thuốc</p>	<p>CLO1: Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, bệnh học và đông dược trong điều trị bệnh y học cổ truyền bằng các bài thuốc cổ phương.</p> <p>CLO 3: Xây dựng được đề cương nghiên cứu về các phương thuốc y học cổ truyền trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của người bệnh</p>
Kỹ năng	
<p>MT3: Ứng dụng được các phương thuốc trong lâm sàng để điều trị bệnh</p>	<p>CLO 2: Giải thích được sự tác động của môi trường sống tới sức khỏe con người, vận dụng các bài thuốc YHCT kết hợp YHHĐ để duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe</p> <p>CLO 4: Chẩn đoán, điều trị và dự phòng các chứng bệnh thường gặp bằng YHCT, YHHĐ.</p> <p>CLO 7: Truyền đạt được các vấn đề, giải pháp chuyên môn tới người bệnh, đồng nghiệp, đối tác...tại nơi công tác, phổ biến được kiến thức , kỹ năng chuyên môn trong việc thực hiện khám bệnh, chữa bệnh, dự phòng bệnh.</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT4: Tự đưa ra được những lập luận chẩn đoán bệnh để kê đơn thuốc phù hợp với lâm sàng</p> <p>Có trách nhiệm cao về tầm quan trọng của công việc đối với sức khỏe của người bệnh</p>	<p>CLO 8: Làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân trong công tác khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học</p> <p>CLO 9: Có trách nhiệm tự định hướng , đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)							
	1	2	3	4	7	8	9	
Chương 1. Đại cương về phương tễ	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 2. Cách kê phương thuốc YHCT	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 3. Phương thuốc giải biểu	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 4. Phương thuốc thanh nhiệt	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 5. Phương thuốc trừ hàn	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 6. Phương thuốc cố sáp	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 7. Phương thuốc tiêu đạo	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 8. Phương thuốc tả hạ	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 9. Phương thuốc trừ đàm	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 10. Phương thuốc khai khiếu	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 11. Phương thuốc khứ thấp	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 12. Phương thuốc an thần	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 13. Phương thuốc chỉ khái	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 14. Phương thuốc trừ phong	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 15. Phương thuốc trừ phong thấp	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 16. Phương thuốc hòa giải	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 17. Phương thuốc lý khí	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 18. Phương thuốc lý huyết	3	3	3	3	3	2	2	
Chương 19. Phương thuốc bổ	3	3	3	3	3	2	2	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

- Phương tễ học là môn học về cách cấu tạo, hình thành bài thuốc bằng cách phối hợp các vị thuốc với các tính vị khác nhau dựa theo nguyên tắc của YHCT với mục đích điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.
- Nhằm giúp các sinh viên YHCT đáp ứng được chuẩn năng lực BS YHCT có khả năng ứng dụng, lập được phương thuốc và sử dụng linh hoạt trên lâm sàng BM Phương tễ biên soạn Giáo trình Phương tễ học.
- Sách gồm có 19 chương, trong đó có 1 chương về đại cương phương tễ, 1 chương về cách kê đơn thuốc và 17 chương thuốc cụ thể, bao gồm các phương thuốc thường dùng trong lâm sàng, có ý nghĩa thực tiễn cao.

- Đồng thời trong từng phương thuốc còn bổ sung thêm phần ứng dụng lâm sàng, liên hệ giữa y học cổ truyền và y học hiện đại để tăng thêm tính ứng dụng cho phương thuốc dễ vận dụng trên lâm sàng.

Nội dung các chương:

1. Đại cương về phương tễ
2. Cách kê phương thuốc YHCT
3. Phương thuốc giải biểu
4. Phương thuốc thanh nhiệt
5. Phương thuốc trừ hàn
6. Phương thuốc cố sáp
7. Phương thuốc tiêu đạo
8. Phương thuốc tả hạ
9. Phương thuốc trừ đàm
10. Phương thuốc khai khiếu
11. Phương thuốc khứ thấp
12. Phương thuốc an thần
13. Phương thuốc chỉ khái
14. Phương thuốc trừ phong
15. Phương thuốc trừ phong thấp
16. Phương thuốc hòa giải
17. Phương thuốc lý khí
18. Phương thuốc lý huyết
19. Phương thuốc bổ

Cấu trúc của mỗi chương thuốc:

1. Mục tiêu bài học
2. Nội dung bài học
 - Khái quát về chương thuốc
 - Các bài thuốc cổ phương
 - Tên bài thuốc
 - Nguồn gốc xuất xứ
 - Thành phần bài thuốc
 - Cách dùng
 - Công dụng
 - Chủ trị
 - Phân tích phương thuốc
 - Gia giảm
 - Ứng dụng lâm sàng
3. Câu hỏi lượng giá cuối mỗi chương

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
		Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
		LT	TH	BT/ TL/ KT	Tổng cộng		
BUỔI 1	<p>Đại cương về phương tễ</p> <p>I. Mối quan hệ giữa phương tễ và các phương pháp trị liệu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trị vị bệnh 2. Tiêu và bản 3. Lập pháp chế phương <ul style="list-style-type: none"> - Pháp bổ và pháp tả - Chính trị và phản trị - Tắc nhân tắc dụng - Thông nhân thông dụng 4. Nhân thời, nhân địa, nhân tri thi trị 5. Tính năng của thuốc 6. Chế ước và thích nghi <p>II. Phương tễ và phối ngũ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kết cấu phương tễ 2. Loại hình phối ngũ <p>III. Liều lượng các vị thuốc trong phương tễ</p>	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 2	<p>Đại cương về phương tễ</p> <p>IV. Sự biến hóa của một phương thuốc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tăng hay giảm các vị thuốc trong phương thuốc (tạo thành phương thuốc mới) 	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu

<p>2. Thay đổi các vị thuốc phối ngũ trong phương thuốc</p> <p>3. Thay đổi liều lượng của các vị thuốc trong phương thuốc</p> <p>4. Thay đổi dạng bào chế</p> <p>V. Các loại hình phương tễ</p> <p>1. Lập phương theo dược vị</p> <p>a. Đại phương</p> <p>b. Tiểu phương</p> <p>c. Hoãn phương</p> <p>d. Cấp phương</p> <p>e. Kỳ phương</p> <p>f. Ngẫu phương</p> <p>g. Phức phương</p> <p>2. Lập phương theo tác dụng của dược liệu</p> <p>a. Tuyên tễ</p> <p>b. Thông tễ</p> <p>c. Tả tễ, tiết tễ</p> <p>d. Bỏ tễ</p> <p>e. Trọng tễ</p> <p>f. Kinh tễ</p> <p>g. Hoạt tễ</p> <p>h. Sáp tễ</p> <p>i. Táo tễ</p> <p>k. Thấp tễ</p>						<p>hỏi của giáo viên.</p>
<p>Cách kê phương thuốc YHCT:</p> <p>I. Kê phương thuốc theo lý luận YHCT</p> <p>1. Kê phương thuốc theo cổ phương gia giảm</p>	2			2	1	<p>Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu</p>

	<p>2. Kê phương theo đối pháp lập phương</p> <p>II. Kê phương thuốc theo nghiệm phương</p> <p>III. Kê phương thuốc theo toa căn bản</p> <p>1. Điều hoà cơ thể</p> <p>a. Loại thực chứng:</p> <p>b. Loại hư chứng:</p> <p>2. Tấn công bệnh</p>						hỏi của giáo viên.
BUỔI 3	<p>Phương thuốc Tả hạ</p> <p>I. Khái niệm phương thuốc Tả hạ</p> <p>II. Các phương thuốc hàn hạ</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại thừa khí thang - Tiểu thừa khí thang - Điều vị thừa khí thang <p>III. Các phương thuốc ôn hạ</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hoàng phụ tử thang - Ôn tỳ thang - Tam vật bị cấp hoàn 	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 4	<p>Phương thuốc Tả hạ</p> <p>III. Các phương thuốc nhuận hạ</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ma tử nhân hoàn - Tế xuyên tiễn 	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	<p>IV. Các phương thuốc trực thủy</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Bài thuốc <ul style="list-style-type: none"> - Thập tảo thang - Châu xa hoàn <p>V. Các phương thuốc công bổ kiêm trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Bài thuốc <ul style="list-style-type: none"> - Hoàng long thang - Tăng dịch thừa khí thang 						giáo viên.
BUỔI 5	<p>Phương thuốc tiêu đạo</p> <p>I. Đại cương về phương thuốc tiêu đạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý <p>II. Thuốc tiêu đạo tích trệ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. KIỆN TỖ HOÀN 3. BẢO HÒA HOÀN <p>III. Thuốc tiêu Ỉ HÓA TÍCH</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. CHỈ TRUẬT HOÀN 	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	<p>Phương thuốc cố sáp</p> <p>I. Đại cương về phương thuốc cố sáp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý <p>II. Phương thuốc cố biểu liễm hãn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Mẫu lệ tán 3. Ngọc bình phong tán <p>III. Phương thuốc cố tinh sáp niệu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Kim tủa cố tinh hoàn 3. Tang phiêu tiêu tán <p>IV. Phương thuốc sáp trường chỉ tả</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Tứ thần hoàn 3. Cố tràng hoàn 	2			2	1	<p>Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.</p>
--	---	---	--	--	---	---	---

BUỔI 6	Phương thuốc an thần I.Đại cương về phương thuốc an thần 1.Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Phương thuốc dưỡng tâm an thần 1. Thiên vương bổ tâm đan 2. Toan tảo nhân thang 3. Giao thái hoàn III.Phương thuốc trọng trấn an thần 1. Chu sa an thần hoàn 2. Quế chi cam thảo long cốt mẫu lệ thang	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
	Phương thuốc khai khiếu I.Đại cương về phương thuốc khai khiếu 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II.Phương thuốc lương khai 1. An cung ngư hoàng hoàn 2. Thanh tâm ngư hoàng	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	hoàn						
BUỔI 7	Phương thuốc lý khí I. Đại cương phương thuốc lý khí 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Các phương thuốc 1. Việt cúc hoàn 2. Hậu phác ôn trung thang 3. Tứ ma thang 4. Bán hạ hậu phác thang 5. Noãn can tiễn 6. Đinh hương thị đế thang 7. Quất bì trúc nhự thang	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 8	Phương thuốc lý huyết I. Đại cương phương thuốc lý huyết 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Các phương thuốc hoạt huyết 1. Đào nhân thừa khí thang 2. Hoạt huyết tiêu ú thang 3. Huyết phủ trục ú thang 4. Bỏ dương hoàn ngũ thang 5. Ôn kinh thang 6. Sinh hóa thang	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	<p>III. Các phương thuốc chỉ huyết</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thập khô tán 2. Tứ sinh hoàn 3. Hề hoa tán 4. Tiểu kế ẩm tử 						
BUỔI 9	<p>Phương thuốc khư thấp 1</p> <p>I. Phương thuốc táo thấp hòa vị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bình vị tán - Hoắc hương chính khí tán <p>II. Phương thuốc thanh nhiệt khư thấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân trần cao thang - Dương hoàng thang - Bát chính tán - Tam nhân thang - Nhị diệu tán 	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 10	<p>Phương thuốc khư thấp 2</p> <p>I. Phương thuốc lợi thủy thẩm thấp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngũ linh tán 2. Trư linh thang 3. Ngũ bì tán <p>II. Phương thuốc ôn hóa thủy thấp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Linh quế truyệt cam thang 2. Chân vũ thang 3. Kê minh tán 	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 11	<p>Phương thuốc thanh nhiệt</p> <p>III. Đại cương về thuốc</p>	4			4	2	Chuẩn bị trước bài.

	<p>Thanh nhiệt</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý <p>IV. Thuốc Thanh nhiệt phần khí</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Bạch hổ thang 3. Trúc diệp thạch cao thang <p>III. Thanh dinh lương huyết</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Thanh dinh thang 3. Tô giác địa hoàng thang <p>IV. Phương thuốc thanh nhiệt giải độc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Hoàng liên giải độc thang 3. Tả tâm thang <p>V. Phương thuốc thanh nhiệt tạng phủ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thuốc Thanh nhiệt ở Tâm <ol style="list-style-type: none"> a. Đạo xích tán 						Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 12	<p>Phương thuốc thanh nhiệt</p> <p>V. Thuốc Thanh nhiệt tạng phủ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thuốc thanh nhiệt ở Tâm <ol style="list-style-type: none"> b. Thanh tâm liên tử ẩm 2. Thuốc thanh nhiệt Can đờm <ol style="list-style-type: none"> a. Long đờm tả can thang b. Tả kim hoàn 3. Thuốc Thanh nhiệt ở vị 	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	<p>a. Thanh vị tán</p> <p>b. Ngọc nữ tiền</p> <p>VI. Thuốc Thanh hư nhiệt</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Thanh hao miết giáp thang</p> <p>3. Tần cửu miết giáp tán</p> <p>4. Đương quy lục hoàng thang</p>						
BUỔI 13	<p>Phương thuốc hòa giải</p> <p>I. Khái niệm phương thuốc hoà giải</p> <p>II. Hoà giải thiếu dương</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiểu sài hồ thang - Đại sài hồ thang - Sài hồ quế chi thang <p>III. Điều hòa can tỳ</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tứ nghịch tán - Tiêu dao tán <p>IV. Điều hòa trường vị</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán hạ tả tâm thang - Sinh khương tả tâm thang 	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 14	<p>Phương thuốc chỉ khái bình suyễn</p> <p>I. Đại cương thuốc Chỉ khái bình suyễn</p> <p>II. Các phương thuốc Tuyên</p>	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống,

	<p>phế chỉ khái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại cương - Định suyễn thang - Chỉ thâu tán 						trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 15	<p>Phương thuốc chỉ khái bình suyễn</p> <p>III. Các phương thuốc Thanh phế chỉ khái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa - Tang bạch bì thang - Thanh phế thang - Bối mẫu âm <p>IV. Phương thuốc ôn phế chỉ khái bình suyễn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại cương - Xạ can ma hoàng thang 	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
	<p>Phương thuốc trừ phong thấp</p> <p>1.Đại cương phương thuốc</p> <p>2.Phân loại phương thuốc</p> <p>3.Các phương thuốc chữa phong hàn tý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phương thuốc thống tý - Các phương thuốc hành tý - Các phương thuốc trước tý <p>6.Các phương thuốc chữa phong thấp nhiệt tý</p>	2			2	1	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 16	<p>Phương thuốc giải biểu</p> <p>V.Đại cương về thuốc giải biểu</p> <p>1. Định nghĩa</p>	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý

	<p>2. Phân loại</p> <p>3. Chú ý</p> <p>VI. Phương thuốc tân ôn giải biểu</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Ma hoàng thang</p> <p>3. Quế chi thang</p> <p>4. Đại thanh long thang</p> <p>5. Tiểu thanh long thang</p> <p>6. Cát căn thang</p> <p>III. Phương thuốc tân lương giải biểu</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Tang cúc ẩm</p> <p>3. Ngân kiều tán</p> <p>4. Ma hạnh thạch cam thang</p> <p>5. Việt tỳ thang</p> <p>6. Giải cơ thang</p>						<p>tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.</p>
<p>BUỔI 17</p>	<p>Phương thuốc giải biểu</p> <p>IV. Phương thuốc phù chính giải biểu</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Phương thuốc tư âm giải biểu</p> <p>a. Thông bạch thất vị ẩm</p> <p>3. Phương thuốc trợ dương giải biểu</p> <p>a. Ma hoàng phụ tử tế tân thang</p> <p>4. Phương thuốc ích khí giải biểu</p> <p>a. Bại độc tán</p>	4		4	2	<p>Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.</p>	

	b. Sâm tô tán						
BUỔI 18	Phương thuốc bổ I. Đại cương về thuốc bổ 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Phương thuốc bổ âm 1. Đại cương 2. Lục vị địa hoàng hoàn 3. Tả quy âm 4. Tả quy hoàn 5. Đại bổ âm hoàn III. Phương thuốc bổ dương 1. Đại cương 2. Thận khí hoàn 3. Hữu quy âm 4. Hữu quy hoàn 5. Ban long hoàn	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 19	Phương thuốc bổ IV. Phương thuốc bổ khí 1. Đại cương 2. Tứ quân tử thang 3. Hương sa lục quân tử thang 4. Sâm linh bạch truật tán 5. Bổ trung ích khí thang 6. Sinh mạch tán V. Phương thuốc bổ huyết 1. Đại cương 2. Tứ vật thang 3. Đương quy bổ huyết thang	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	<p>4. Quy tỷ thang</p> <p>5. Bỏ can thang</p> <p>VI. Phương thuốc bổ khí huyết</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Bát trâm thang</p> <p>3. Thập toàn đại bổ</p> <p>4. Đại bổ nguyên tiên</p>						
BUỔI 20	<p>Phương thuốc trừ hàn</p> <p>VII. Đại cương về thuốc Trừ hàn</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Phân loại</p> <p>3. Chú ý</p> <p>VIII. Thuốc Ôn lý trừ hàn</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Lý trung hoàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>3. Tiểu kiến trung thang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>4. Đại kiến trung thang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị 	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>5. Ngô thù du thang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>6. Bài tập Tình huống lâm sàng</p> <p>III. Thuốc Hồi dương cứu nghịch</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Tứ nghịch tán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>3. Sâm phụ thang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>4. Hồi dương cứu nghịch thang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 					
--	---	--	--	--	--	--

	<p>5. Bài tập Tình huống lâm sàng</p> <p>IV. So sánh các phương thuốc</p>						
BUỔI 21	<p>Phương thuốc trừ đàm</p> <p>IX. Đại cương về phương thuốc Trừ đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý <p>X. Phương thuốc Táo thấp hóa đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Nhị trần thang 3. Phục linh hoàn 4. Đạo đàm thang <p>III. Phương thuốc Thanh nhiệt hóa đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Thanh khí hóa đàm hoàn 3. Tiểu hãm hung thang 4. Ôn đờm thang 	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.
BUỔI 22	<p>Phương thuốc trừ đàm</p> <p>IV. Phương thuốc Nhuận táo hóa đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Bối mẫu qua lâu tán 3. Bách hợp cố kim thang <p>V. Phương thuốc Khu hàn hóa đàm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

	<p>2. Linh cam ngũ vị khương tân thang</p> <p>3. Tam tử dưỡng thân thang</p> <p>V. Phương thuốc trị phong hóa đàm</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Bán hạ bạch truật thiên ma thang</p> <p>3. Tam sinh ẩm</p>						
BUỔI 23	<p>Phương thuốc Trừ phong</p> <p>I. Đại cương phương thuốc Trừ phong</p> <p>II. Các phương thuốc Sơ tán ngoại phong</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại cương - Đại tãn giao thang - Tiểu tục mệnh thang - Xuyên khung trà điều tán <p>III. Các phương thuốc Bình tức nội phong</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa - Linh giác câu đằng thang - Thiên ma câu đằng ẩm - Trấn can tức phong thang 	4			4	2	Chuẩn bị trước bài. Nghe, ghi chép, xử lý tình huống, trả lời câu hỏi của giáo viên.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Phương tễ (2021), *Giáo trình Phương tễ học*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam 5*, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Hải Thượng Lãn Ông - Lê Hữu Trác (1997), *Hải Thượng Y tông tâm lĩnh, quyển 2*, Nhà xuất bản Y học.

[3]. Bành Hoài Nhân (1993), *Trung y phương tễ đại từ điển tập 3*, Nhà xuất bản Vệ sinh nhân dân Trung Quốc.

[4]. Lý Ký (2013), *Phương tễ học*, Nhà xuất bản Y dược Trung quốc.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần/ buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý Thuyết	Kiểm tra	Bài Tập	Thảo luận	Hình thức khác	
BUỔI 1	Đại cương về phương tễ I. Mối quan hệ giữa phương tễ và các phương pháp trị liệu 1. Trị vị bệnh 2. Tiêu và bản 3. Lập pháp chế phương - Pháp bổ và pháp tả - Chính trị và phản trị - Tắc nhân tắc dụng - Thông nhân thông dụng 4. Nhân thời, nhân địa, nhân tri thi trị 5. Tính năng của thuốc 6. Chế ước và thích nghi II. Phương tễ và phối ngũ	4					2

	<p>3. Kết cấu phương tễ</p> <p>4. Loại hình phối ngũ</p> <p>III. Liều lượng các vị thuốc trong phương tễ</p>					
BUỔI 2	<p>Đại cương về phương tễ</p> <p>IV. Sự biến hóa của một phương thuốc</p> <p>1. Tăng hay giảm các vị thuốc trong phương thuốc (tạo thành phương thuốc mới)</p> <p>2. Thay đổi các vị thuốc phối ngũ trong phương thuốc</p> <p>3. Thay đổi liều lượng của các vị thuốc trong phương thuốc</p> <p>4. Thay đổi dạng bào chế</p> <p>V. Các loại hình phương tễ</p> <p>1. Lập phương theo dược vị</p> <p>a. Đại phương</p> <p>b. Tiêu phương</p> <p>c. Hoãn phương</p> <p>d. Cấp phương</p> <p>e. Kỳ phương</p> <p>f. Ngẫu phương</p> <p>g. Phức phương</p> <p>2. Lập phương theo tác dụng của dược liệu</p> <p>a. Tuyên tễ</p>	2			2	1

	<ul style="list-style-type: none"> b. Thông tễ c. Tả tễ, tiết tễ d. Bỏ tễ e. Trọng tễ f. Kinh tễ g. Hoạt tễ h. Sáp tễ i. Táo tễ k. Thấp tễ 						
	<p>Cách kê phương thuốc YHCT:</p> <p>I. Kê phương thuốc theo lý luận YHCT</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Kê phương thuốc theo cổ phương gia giảm 2. Kê phương theo đối pháp lập phương <p>II. Kê phương thuốc theo nghiệm phương</p> <p>III. Kê phương thuốc theo toa căn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Điều hoà cơ thể <ul style="list-style-type: none"> a. Loại thực chứng: b. Loại hư chứng: 2. Tấn công bệnh 	2					1
BUỔI 3	<p>Phương thuốc Tả hạ</p> <p>I. Khái niệm phương thuốc Tả hạ</p> <p>II. Các phương thuốc hàn hạ</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Bài thuốc 	4					2

	<ul style="list-style-type: none"> - Đại thừa khí thang - Tiểu thừa khí thang - Điều vị thừa khí thang <p>III. Các phương thuốc ôn hạ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Bài thuốc <ul style="list-style-type: none"> - Đại hoàng phụ tử thang - Ôn tỳ thang - Tam vật bị cấp hoàn 						
BUỔI 4	<p>Phương thuốc Tả hạ</p> <p>III. Các phương thuốc nhuận hạ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Bài thuốc <ul style="list-style-type: none"> - Ma tử nhân hoàn - Tế xuyên tiễn <p>IV. Các phương thuốc trực thủy</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Bài thuốc <ul style="list-style-type: none"> - Thập táo thang - Châu xa hoàn <p>V. Các phương thuốc công bổ kiêm trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Bài thuốc <ul style="list-style-type: none"> - Hoàng long thang - Tăng dịch thừa khí thang 	2					1

BUỔI 5	Phương thuốc tiêu đạo XI. Đại cương về phương thuốc tiêu đạo 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý XII. Thuốc tiêu đạo tích trệ 1. Đại cương 2. KIỆN TỖ HOÀN 3. BẢO HÒA HOÀN III. Thuốc tiêu bã hóa tích 1. Đại cương 2. CHỈ TRUẬT HOÀN	2					1
	Phương thuốc cố sáp I. Đại cương về phương thuốc cố sáp 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Phương thuốc cố biểu liễm hãn 1. Đại cương 2. MẪU LỆ TÁN 3. NGỌC BÌNH PHONG TÁN III. Phương thuốc cố tinh sáp niệu 4. Đại cương	2					1

	<p>5. Kim tảo cố tinh hoàn</p> <p>6. Tang phiêu tiêu tán</p> <p>IV. Phương thuốc sáp trường chỉ tả</p> <p>4. Đại cương</p> <p>5. Tứ thần hoàn</p> <p>6. Cố tràng hoàn</p>						
BUỔI 6	<p>Phương thuốc an thần</p> <p>I. Đại cương về phương thuốc an thần</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Phân loại</p> <p>3. Chú ý</p> <p>II. Phương thuốc dưỡng tâm an thần</p> <p>4. Thiên vương bổ tâm đan</p> <p>5. Toan tảo nhân thang</p> <p>6. Giao thái hoàn</p> <p>III. Phương thuốc trọng trấn an thần</p> <p>3. Chu sa an thần hoàn</p> <p>4. Quế chi cam thảo long cốt mẫu lệ thang</p>	2					1

	<p>Phương thuốc khai khiếu</p> <p>I.Đại cương về phương thuốc khai khiếu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý <p>II.Phương thuốc lương khai</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. An cung ngưi hoàng hoàn 4. Thanh tâm ngưi hoàng hoàn 	2					1
BUỔI 7	<p>Phương thuốc lý khí</p> <p>I. Đại cương phương thuốc lý khí</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý <p>II. Các phương thuốc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.Việt cúc hoàn 2. Hậu phác ôn trung thang 3. Tứ ma thang 4. Bán hạ hậu phác thang 5. Noãn can tiền 6. Đinh hương thị đế thang 7. Quất bì trúc nhự thang 	4					2
BUỔI 8	<p>Phương thuốc lý huyết</p> <p>I. Đại cương phương thuốc lý huyết</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý 	4					2

	<p>II. Các phương thuốc hoạt huyết</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đào nhân thừa khí thang 2. Hoạt huyết tiêu ứ thang 3. Huyết phủ trực ứ thang 4. Bổ dương hoàn ngũ thang 5. Ôn kinh thang 6. Sinh hóa thang <p>III. Các phương thuốc chỉ huyết</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thập khô tán 2. Tứ sinh hoàn 3. Hề hoa tán 4. Tiêu kế âm tử 						
BUỔI 9	<p>Phương thuốc khứ thấp 1</p> <p>I. Phương thuốc táo thấp hòa vị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bình vị tán - Hoắc hương chính khí tán <p>II. Phương thuốc thanh nhiệt khứ thấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân trần cao thang - Dương hoàng thang - Bát chính tán - Tam nhân thang - Nhị diệu tán 	4					2
BUỔI 10	<p>Phương thuốc khứ thấp 2</p> <p>I. Phương thuốc lợi thủy thẩm thấp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngũ linh tán 	4					2

	<p>2. Trư linh thang</p> <p>3. Ngũ bì tán</p> <p>II. Phương thuốc ôn hóa thủy thấp</p> <p>1. Linh quế truật cam thang</p> <p>2. Chân vũ thang</p> <p>3. Kê minh tán</p>						
BUỔI 11	<p>Phương thuốc thanh nhiệt</p> <p>XIII. Đại cương về thuốc Thanh nhiệt</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Phân loại</p> <p>3. Chú ý</p> <p>XIV. Thuốc Thanh nhiệt phần khí</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Bạch hổ thang</p> <p>3. Trúc diệp thạch cao thang</p> <p>III. Thanh dinh lương huyết</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Thanh dinh thang</p> <p>3. Tê giác địa hoàng thang</p> <p>IV. Phương thuốc thanh nhiệt giải độc</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Hoàng liên giải độc thang</p> <p>3. Tả tâm thang</p> <p>V. Phương thuốc thanh nhiệt tạng phủ</p>	4					2

	<p>1. Thuốc Thanh nhiệt ở Tâm</p> <p>a. Đạo xích tán</p>						
BUỔI 12	<p>Phương thuốc thanh nhiệt</p> <p>V. Thuốc Thanh nhiệt tạng phủ</p> <p>1. Thuốc thanh nhiệt ở Tâm</p> <p>b. Thanh tâm liên tử ẩm</p> <p>2. Thuốc thanh nhiệt Can đờm</p> <p>a. Long đờm tả can thang</p> <p>b. Tả kim hoàn</p> <p>3. Thuốc Thanh nhiệt ở vị</p> <p>a. Thanh vị tán</p> <p>b. Ngọc nữ tiền</p> <p>VI. Thuốc Thanh hư nhiệt</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Thanh hao miết giáp thang</p> <p>3. Tân cứu miết giáp tán</p> <p>4. Đương quy lục hoàng thang</p>	4					2
BUỔI 13	<p>Phương thuốc hòa giải</p> <p>I. Khái niệm phương thuốc hoà giải</p> <p>II. Hoà giải thiếu dương</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Bài thuốc</p> <p>- Tiểu sài hồ thang</p>	4					2

	<ul style="list-style-type: none"> - Đại sài hồ thang - Sài hồ quế chi thang <p>III. Điều hòa can tỳ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Bài thuốc <ul style="list-style-type: none"> - Tứ nghịch tán - Tiêu dao tán <p>IV. Điều hòa trường vị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Bài thuốc <ul style="list-style-type: none"> - Bán hạ tả tâm thang - Sinh khương tả tâm thang 						
BUỔI 14	<p>Phương thuốc chỉ khái bình suyễn</p> <p>I. Đại cương thuốc Chỉ khái bình suyễn</p> <p>II. Các phương thuốc Tuyên phế chỉ khái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại cương - Định suyễn thang - Chỉ hầu tán 	4					2

BUỔI 15	Phương thuốc chỉ khái bình suyễn III. Các phương thuốc Thanh phế chỉ khái - Định nghĩa - Tang bạch bì thang - Thanh phế thang - Bôi mẫu âm IV. Phương thuốc ôn phế chỉ khái bình suyễn - Đại cương - Xạ can ma hoàng thang	2					1
	Phương thuốc trừ phong thấp 1.Đại cương phương thuốc 2.Phân loại phương thuốc 3.Các phương thuốc chữa phong hàn tý. - Các phương thuốc thông tý - Các phương thuốc hành tý - Các phương thuốc trước tý 6.Các phương thuốc chữa phong thấp nhiệt tý	2					1
BUỔI 16	Phương thuốc giải biểu XV. Đại cương về thuốc giải biểu 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý	4					2

	<p>XVI. Phương thuốc tân ôn giải biểu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Ma hoàng thang 3. Quế chi thang 4. Đại thanh long thang 5. Tiểu thanh long thang 6. Cát căn thang <p>III. Phương thuốc tân lương giải biểu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Tang cúc ẩm 3. Ngân kiều tán 4. Ma hạnh thạch cam thang 5. Việt tỳ thang 6. Giải cơ thang 						
BUỔI 17	<p>Phương thuốc giải biểu</p> <p>IV. Phương thuốc phù chính giải biểu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Phương thuốc tư âm giải biểu <ol style="list-style-type: none"> a. Thông bạch thất vị ẩm 3. Phương thuốc trợ dương giải biểu <ol style="list-style-type: none"> a. Ma hoàng phụ tử tế tân thang 4. Phương thuốc ích khí giải biểu <ol style="list-style-type: none"> a. Bại độc tán b. Sâm tô tán 	4					2

BUỔI 18	Phương thuốc bổ I. Đại cương về thuốc bổ 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Phương thuốc bổ âm 1. Đại cương 2. Lục vị địa hoàng hoàn 3. Tả quy âm 4. Tả quy hoàn 5. Đại bổ âm hoàn III. Phương thuốc bổ dương 1. Đại cương 2. Thận khí hoàn 3. Hữu quy âm 4. Hữu quy hoàn 5. Ban long hoàn	4				2
BUỔI 19	Phương thuốc bổ IV. Phương thuốc bổ khí 1. Đại cương 2. Tứ quân tử thang 3. Hương sa lục quân tử thang 4. Sâm linh bạch truật tán 5. Bổ trung ích khí thang 6. Sinh mạch tán V. Phương thuốc bổ huyết 1. Đại cương 2. Tứ vật thang 3. Đương quy bổ huyết thang 4. Quy tỳ thang	4				2

	<p>5. Bổ can thang</p> <p>VI. Phương thuốc bổ khí huyết</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Bát trân thang</p> <p>3. Thập toàn đại bổ</p> <p>4. Đại bổ nguyên tiền</p>						
BUỔI 20	<p>Phương thuốc trừ hàn</p> <p>XVII. Đại cương về thuốc Trừ hàn</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Phân loại</p> <p>3. Chú ý</p> <p>XVIII. Thuốc Ôn lý trừ hàn</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Lý trung hoàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>3. Tiểu kiến trung thang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng <p>4. Đại kiến trung thang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc 	4					2

	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng lâm sàng 5. Ngô thù du thang - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 6. Bài tập Tình huống lâm sàng <p>III. Thuốc Hồi dương cứu nghịch</p> <ul style="list-style-type: none"> 3. Đại cương 4. Tứ nghịch tán - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 3. Sâm phụ thang - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 4. Hồi dương cứu nghịch thang - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 5. Bài tập Tình huống lâm 						
--	--	--	--	--	--	--	--

	sàng IV. So sánh các phương thuốc					
BUỔI 21	Phương thuốc trừ đàm XIX. Đại cương về phương thuốc Trừ đàm 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý XX. Phương thuốc Táo thấp hóa đàm 1. Đại cương 2. Nhị trần thang 3. Phục linh hoàn 4. Đạo đàm thang III. Phương thuốc Thanh nhiệt hóa đàm 1. Đại cương 2. Thanh khí hóa đàm hoàn 3. Tiểu hãm hung thang 4. Ôn đờm thang	4				2
BUỔI 22	Phương thuốc trừ đàm IV. Phương thuốc Nhuận táo hóa đàm 1. Đại cương 2. Bối mẫu qua lâu tán 3. Bách hợp cố kim thang V. Phương thuốc Khu hàn hóa đàm 1. Đại cương 2. Linh cam ngũ vị khương	4				2

	tân thang 3. Tam tử dưỡng thân thang V. Phương thuốc trị phong hóa đàm 1. Đại cương 2. Bán hạ bạch truật thiên ma thang 3. Tam sinh ẩm						
BUỔI 23	Phương thuốc Trừ phong I. Đại cương phương thuốc Trừ phong II. Các phương thuốc Sơ tán ngoại phong - Đại cương - Đại tần giao thang - Tiểu tục mệnh thang - Xuyên khung trà điều tán III. Các phương thuốc Bình tức nội phong - Định nghĩa - Linh giác câu đằng thang - Thiên ma câu đằng ẩm - Trấn can tức phong thang	4					2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lãnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lãnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm. Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0,0	Tham gia đủ 80% tiết học	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1,2,6,7,8,12

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.

- Điểm tổng kết đánh giá học phần = Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết Phương tẽ

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

TS Phạm Thái Hưng

PGS.TS Trần Thị Thu Vân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN (Phần Lý thuyết)
CHÂM CỨU 2

Trình độ đào tạo: Bác sĩ chính quy, Ngành: Y học cổ truyền.

Mã số đào tạo: 772015

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:
- * Tiếng Việt: Châm cứu 2
- * Tiếng Anh: Acupuncture 2
- Mã học phần/ mô đun: TRAD5110
- Số tín chỉ: 2 LT/ 1 LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Lâm sàng: 45 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 0 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học (năm thứ):

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>							
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa yhhd, thần kinh, cơ xương khớp, châm cứu 1

+ Học phần học trước (đã học): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa yhhd, thần kinh, cơ xương khớp

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS. Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
3	Ths.Bs Đỗ Thị Thanh Chung	0965756168	Châm cứu	Chungdothanh81@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com
5	Ths.Bs. Phạm Thị Cẩm Yên	0912931204	Châm cứu	Camyentuetinh@gmail.com
6	ThS.Bs Nguyễn Hữu Khoa	0918672583	Châm cứu	Bsnguyenhuukhoa@gmail.com

7	Ths.Bs. Nguyễn Thị Mai Linh	0965355119	Châm cứu	Mailinh.m3@gmail.com
8	Ths.Bs Nguyễn Thế Anh	0357948386	Châm cứu	Theanh07vn@gmail.com
9	Ths.Bs. Huỳnh Thị Hồng Nhung	03891139322	Châm cứu	Chongchongtre264@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT HP1	Trình bày được các phương pháp chọn và phối hợp huyệt trong điều trị.	[CĐR1],	3
MT HP2	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng.	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT HP3	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng	[CĐR1], [CĐR2] [CĐR6]	3
MT HP4	Ứng dụng được các phương pháp điều trị bằng Hào châm, cứu, điện châm, thủy châm trong điều trị các bệnh lý thường gặp.	[CĐR1], [CĐR2] [CĐR6]	3
MT HP5	Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thăm khám và điều trị cho người bệnh.	[CĐR14], [CĐR16]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được các phương pháp chọn và phối hợp huyệt trong điều trị.	CLO1: Có kiến thức về các phương pháp chọn và phối hợp huyệt trong điều trị.
MT2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng.	CLO 2: Có kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng.
MT3: Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chẩn đoán các mặt bệnh	CLO3: Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên

thường gặp trên lâm sàng.	lâm sàng
Kỹ năng	
MT 4 Ứng dụng được các phương pháp điều trị bằng Hào châm, cứu, điện châm, thủy châm trong điều trị các bệnh lý thường gặp..	CLO4: Ứng dụng được các phương pháp điều trị bằng Hào châm, cứu, điện châm, thủy châm trong điều trị các bệnh lý thường gặp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thăm khám và điều trị cho người bệnh.	CLO5: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Phương pháp chọn và phối hợp huyệt	3				
Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt 1/2 người do TBMN, Liệt VII ngoại biên, Liệt thần kinh hông khoeo ngoài		3	3	3	3
Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt thần kinh quay, trụ, giữa, Thoái hóa khớp gối, Viêm quanh khớp vai		3	3	3	3
Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau vai gáy, đau TK liên sườn, hội chứng cổ vai tay		3	3	3	3
Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau TK hông to, đau lưng, đau dây V		3	3	3	3
Châm cứu điều trị các bệnh: Mất ngủ, Tăng huyết áp, Vị quản thống		3	3	3	3
Châm cứu điều trị Bí đái, Thống kinh, Tắc tia sữa		3	3	3	3
Châm cứu điều trị Viêm cột sống dính khớp, đau đầu		3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

- Học phần châm cứu 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chọn và phối hợp huyệt, sử dụng phương huyệt để điều trị một số mặt bệnh hay gặp trên thực tế lâm sàng.

- Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung liên quan đến phương pháp chọn và phối hợp huyệt theo vị trí bệnh, nguyên nhân bệnh, triệu chứng bệnh, theo Nguyên - Lạc, Du – Mộ, Bát hội huyệt, Lục tổng huyệt, Ngũ du huyệt. Kể được đơn huyệt chữa 1 chứng bệnh cụ thể. Cung cấp cho sinh viên triệu chứng, cách chẩn đoán và điều trị bằng châm cứu các mặt bệnh thường gặp trên thực tế lâm sàng.

- Học phần lâm sàng rèn luyện cho sinh viên cách thức xây dựng công thức huyệt châm cứu theo đúng quy trình và quy định của Bộ Y tế. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi vấn đáp lâm sàng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành các kỹ thuật châm cứu trên thực tế lâm sàng, trên người bệnh trong các học phần tiếp theo.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Phương pháp chọn và phối hợp huyệt	03		- Trình bày được phương pháp chọn và phối huyệt theo vị trí bệnh, nguyên nhân bệnh, triệu chứng bệnh, theo Nguyên - Lạc, Du – Mộ, Bát hội huyệt, Lục tổng huyệt, Ngũ du huyệt - Kể được đơn huyệt chữa 1 chứng bệnh cụ thể
Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt 1/2 người do TBMN, Liệt VII ngoại biên, Liệt thần kinh hông khoeo ngoài	04		- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của Liệt 1/2 người do TBMN, Liệt VII ngoại biên, Liệt thần kinh hông khoeo ngoài và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị
Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt thần kinh quay, trụ, giữa, Thoái hóa khớp gối, Viêm quanh khớp vai	04		- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của Liệt thần kinh quay, trụ, giữa, Thoái hóa khớp gối, Viêm quanh khớp vai và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị
Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau vai gáy, đau TK liên sườn, hội chứng cổ vai tay			- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của đau vai gáy, đau TK liên sườn, hội chứng cổ vai tay và xây dựng phân tích

			được phương huyết điều trị
Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau TK hông to, đau lưng, đau dây V	04		- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của đau TK hông to, đau lưng, đau dây V và xây dựng phân tích được phương huyết điều trị
Châm cứu điều trị các bệnh: Mất ngủ, Tăng huyết áp, Vị quản thông	04		- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của bệnh Mất ngủ, Tăng huyết áp, Vị quản thông và xây dựng phân tích được phương huyết điều trị
Châm cứu điều trị Bí đái, Thống kinh, Tắc tia sữa	04		- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của đau Bí đái, Thống kinh, Tắc tia sữa và xây dựng phân tích được phương huyết điều trị
Châm cứu điều trị Viêm cột sống dính khớp, đau đầu	03		- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của bệnh Viêm cột sống dính khớp, đau đầu và xây dựng phân tích được phương huyết điều trị

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] *Giáo trình Châm cứu dành cho hệ Đại học* – Bộ môn Châm cứu, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] 2003. *Bài giảng YHCT* - Đại Học Y Hà Nội

[2] 2001. *Châm cứu chữa bệnh* – Bệnh viện châm cứu Trung ương

[3] 2005. *Châm cứu* - Đại Học Y Hà Nội

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

T u ầ n	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Phương pháp chọn và phối hợp huyết			01	03	
	Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt 1/2 người do TBMN, Liệt VII ngoại biên, Liệt thần kinh hông khoeo ngoài			01	03	
	Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt			01	03	

	thần kinh quay, trụ, giữa, Thoái hóa khớp gối, Viêm quanh khớp vai					
2	Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau vai gáy, đau TK liên sườn, hội chứng cổ vai tay			01	03	
	Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau TK hông to, đau lưng, đau dây V			01	03	
	Châm cứu điều trị các bệnh: Mất ngủ, Tăng huyết áp, Vị quản thống			01	03	
3	Châm cứu điều trị Bí đái, Thông kinh, Tắc tia sữa			01	03	
	Châm cứu điều trị Viêm cột sống dính khớp, đau đầu			01	03	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN (Thực hành/Lâm sàng)
CHÂM CỨU 2

Trình độ đào tạo: Bác sĩ chính quy, Ngành: Y học cổ truyền.

Mã số đào tạo: 772015

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:
- * Tiếng Việt: Châm cứu 2
- * Tiếng Anh: Acupuncture 2
- Mã học phần/ mô đun: TRAD5110
- Số tín chỉ: 2 LT/ 1 LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Lâm sàng: 45 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 0 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học (năm thứ):
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>							
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa yhhd, thần kinh, cơ xương khớp, châm cứu 1

+ Học phần học trước (đã học): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa yhhd, thần kinh, cơ xương khớp

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS.Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
3	Ths.Bs Đỗ Thị Thanh Chung	0965756168	Châm cứu	Chungdothanh81@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com
5	Ths.Bs. Phạm Thị Cẩm Yên	0912931204	Châm cứu	Camyentuetinh@gmail.com
6	ThS.Bs Nguyễn Hữu Khoa	0918672583	Châm cứu	Bsnguyenhuukhoa@gmail.com
7	Ths.Bs. Nguyễn Thị Mai Linh	0965355119	Châm cứu	Mailinh.m3@gmail.com
8	Ths.Bs Nguyễn Thế Anh	0357948386	Châm cứu	Theanh07vn@gmail.com
9	Ths.Bs. Huỳnh Thị Hồng Nhung	03891139322	Châm cứu	Chongchongtre264@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT HP1	Trình bày được các phương pháp chọn và phối hợp huyết trong điều trị.	[CĐR1],	3
MT HP2	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng.	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT HP3	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng	[CĐR1], [CĐR2] [CĐR6]	3
MT HP4	Ứng dụng được các phương pháp điều trị bằng Hào châm, cứu, điện châm, thủy châm trong điều trị các bệnh lý thường gặp.	[CĐR1], [CĐR2] [CĐR6]	3
MT HP5	Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thăm khám và điều trị cho người bệnh.	[CĐR14], [CĐR16]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được các phương pháp chọn và phối hợp huyết trong điều trị.	CLO1: Có kiến thức về các phương pháp chọn và phối hợp huyết trong điều trị.
MT2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng.	CLO 2: Có kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng.
MT3: Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng.	CLO3: Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng
Kỹ năng	
MT 4 Ứng dụng được các phương pháp điều trị bằng Hào châm, cứu, điện châm, thủy châm trong điều trị các bệnh lý thường gặp..	CLO4: Ứng dụng được các phương pháp điều trị bằng Hào châm, cứu, điện châm, thủy châm trong điều trị các bệnh lý thường gặp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thăm khám và điều trị cho người bệnh.	CLO5: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Phương pháp chọn và phối hợp huyết	3				
Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt 1/2 người do TBMN, Liệt VII ngoại biên, Liệt thần kinh hông khoeo ngoài		3	3	3	3
Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt thần kinh quay, trụ, giữa, Thoái hóa khớp gối, Viêm quanh khớp vai		3	3	3	3
Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau vai gáy, đau TK liên sườn, hội chứng cổ vai tay		3	3	3	3
Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau TK hông to, đau lưng, đau dây V		3	3	3	3
Châm cứu điều trị các bệnh: Mất ngủ, Tăng huyết áp, Vị quản thống		3	3	3	3
Châm cứu điều trị Bí đái, Thống kinh, Tắc tia sữa		3	3	3	3
Châm cứu điều trị Viêm cột sống dính khớp, đau đầu		3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

- Học phần châm cứu 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chọn và phối hợp huyết, sử dụng phương pháp huyết để điều trị một số mặt bệnh hay gặp trên thực tế lâm sàng.

- Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung liên quan đến phương pháp chọn và phối hợp huyết theo vị trí bệnh, nguyên nhân bệnh, triệu chứng bệnh, theo Nguyên - Lạc, Du - Mộ, Bát hội huyết, Lục tổng huyết, Ngũ du huyết. Kê được đơn huyết chữa 1 chứng bệnh cụ thể. Cung cấp cho sinh viên triệu chứng, cách chẩn đoán và điều trị bằng châm cứu các mặt bệnh thường gặp trên thực tế lâm sàng.

- Học phân lâm sàng rèn luyện cho sinh viên cách thức xây dựng công thức huyết chẩn cứu theo đúng quy trình và quy định của Bộ Y tế. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi vấn đáp lâm sàng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành các kỹ thuật chẩn cứu trên thực tế lâm sàng, trên người bệnh trong các học phần tiếp theo.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bình bệnh án bệnh nhân Viêm quanh khớp vai	04		Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị Viêm quanh khớp vai bằng châm cứu
Bình bệnh án bệnh nhân Đau lưng và Đau thần kinh hông to	03		Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Đau lưng và Đau thần kinh hông to bằng châm cứu
Bình bệnh án bệnh nhân Đau cổ gáy và Hội chứng cổ vai tay	03		Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Đau cổ gáy và Hội chứng cổ vai tay bằng châm cứu
Bình bệnh án Đau thần kinh liên sườn	04		Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Đau thần kinh liên sườn bằng châm cứu
Bình bệnh án bệnh nhân liệt dây thần kinh trụ, quay, giữa	04		Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Liệt dây thần kinh trụ, quay, giữa bằng châm cứu
Bình bệnh án bệnh nhân Liệt ½ người do TBMN	04		Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Liệt nửa người do TBMN bằng châm cứu
Bình bệnh án bệnh nhân Liệt VII ngoại biên	04		Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Liệt VII ngoại biên bằng châm cứu
Bình bệnh án bệnh nhân Mất ngủ	04		Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng triệu chứng, chẩn đoán và điều trị của bệnh Tâm căn suy nhược
Bình bệnh án bệnh nhân Thoái hóa khớp gối	04		Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng triệu chứng, chẩn đoán và điều trị của bệnh Thoái hóa khớp gối
Bình bệnh án bệnh	03		Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ

nhân Đau đầu			chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng triệu chứng, chẩn đoán và điều trị của bệnh Thoái hóa khớp gối
Làm bệnh án thi LS	04		
Hỏi thi LS	04		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] *Giáo trình Châm cứu dành cho hệ Đại học* – Bộ môn Châm cứu, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] 2003. *Bài giảng YHCT* - Đại Học Y Hà Nội

[2] 2001. *Châm cứu chữa bệnh* – Bệnh viện châm cứu Trung ương

[3] 2005. *Châm cứu* - Đại Học Y Hà Nội

9. Kế hoạch giảng dạy lâm sàng

Tuần	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	Bình bệnh án bệnh nhân Viêm quanh khớp vai	4	
2	Bình bệnh án bệnh nhân Đau lưng và Đau thần kinh hông to	3	
3	Bình bệnh án bệnh nhân Đau cổ gáy và Hội chứng cổ vai tay	3	
4	Bình bệnh án Đau thần kinh liên sườn	4	
5	Bình bệnh án bệnh nhân liệt dây thần kinh trụ, quay, giữa	4	
6	Bình bệnh án bệnh nhân Liệt ½ người do TBMN	4	
7	Bình bệnh án bệnh nhân Liệt	4	

	VII ngoại biên		
8	Bình bệnh án bệnh nhân Mắt ngủ	4	
9	Bình bệnh án bệnh nhân Thoái hóa khớp gối	4	
10	Bình bệnh án bệnh nhân Đau đầu	3	
11	Làm bệnh án thi LS	4	
12	Hỏi thi LS	4	
	Tổng	45	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

- Đóng vai: Mục đích giúp sinh viên đóng vai bệnh nhân và bác sĩ, từ đó rèn luyện kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám. Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các kỹ thuật chăm sóc khi điều trị cho người bệnh.

Cách thức giảng dạy: Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN RĂNG HÀM MẶT

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Răng Hàm Mặt.
- * Tiếng Việt: Răng Hàm Mặt
- * Tiếng Anh: Dental Disease.
- Mã học phần/ mô đun: MEDI5118
- Số tín chỉ: 01
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/> x				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành x		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc x	Tự chọn	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội YHHĐ, ngoại YHHĐ.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 40 tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn RHM.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ths. Nguyễn Văn Đồng	0904173301	bsdongrhm@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thị Vân Anh	0984328956	Vananh.cao1976@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Võ Hoàng Anh	0912099861	Bshoanganh73@gmail.com
4	Ths. Đàm Thị Thu Hằng	0985729396	Bsmoonrhm2006@gmail.com
5	Bs CKI Nguyễn Thị Phương Thanh	0973167799	Bsthanhrhm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
	Kiến thức	4	4
	Kỹ năng	4	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	4	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý của bệnh RHM	CĐR1: Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý của bệnh RHM
MT2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, hướng điều trị một số bệnh thường gặp ở RHM theo YHHĐ.	CĐR 2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, hướng điều trị một số bệnh thường gặp ở RHM theo YHHĐ kết hợp YHCT.
Kỹ năng	
MT 3: Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân RHM.	CĐR 3: Thực hiện được các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân RHM.
MT 4: Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp RHM.	CĐR 4: Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp RHM.
MT5: Chẩn đoán đúng và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp một số bệnh thường gặp ở RHM.	CĐR 5: Chẩn đoán và Hướng Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở RHM theo YHHĐ kết hợp YHCT.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người bệnh RHM, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CĐR 6: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người bệnh RHM, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh
MT7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền	CĐR 7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7
Giải phẫu và sinh lý răng miệng.	3						
Bệnh sâu răng.	3						
Bệnh lý tủy răng.		3	3				
Bệnh học Quanh răng.		3	3	3	3	3	3
Viêm quanh cuống răng.		3	3	3	3	3	3
Viêm nhiễm miệng,hàm mặt.		3	3	3	3	3	3
Chấn thương vùng hàm mặt.		3	3	3	3	3	3
Cấp cứu hay gặp trong răng hàm mặt.		3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Môn học Bệnh học và Điều trị RHM hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở RHM theo quan điểm YHHĐ kết hợp YHCT. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý RHM theo YHHĐ kết hợp YHCT. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh RHM thông thường bằng các liệu pháp YHHĐ kết hợp YHCT.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Giải phẫu và sinh lý răng miệng	02		Trình bày được đặc điểm những thay đổi sinh lý và bệnh lý của RHM theo YHHĐ
Bệnh sâu răng	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán, hướng điều trị và dự phòng bệnh sâu răng theo YHHĐ.
Bệnh lý tủy răng.	02		Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của Bệnh lý tủy răng _ Chẩn đoán, hướng điều trị, và dự phòng bệnh lý tủy răng theo YHHĐ.
Bệnh học quanh răng.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh học quanh răng theo YHHĐ. - Chẩn đoán, hướng điều trị và dự phòng

			được bệnh học quanh răng theo YHHĐ kết hợp YHCT.
Viêm quanh cuống răng.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán, hướng điều trị và dự phòng được bệnh lý theo và YHHĐ.
Viêm nhiễm miệng, hàm mắt.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán, hướng điều trị và dự phòng được bệnh lý theo YHHĐ.
Chấn thương vùng hàm mắt.	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán, hướng điều trị và dự phòng được bệnh lý theo YHHĐ.
Cấp cứu hay gặp trong răng hàm mắt.	03		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ. - Chẩn đoán, hướng điều trị, và dự phòng được bệnh lý theo YHHĐ.

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Bệnh học răng hàm mắt- Nhà xuất bản Y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bệnh học Răng hàm mắt giành cho bác sĩ chuyên khoa RHM – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Giải phẫu và sinh lý răng miệng.			01	01	
2	Bệnh sâu răng			01	01	
3	Bệnh lý tủy răng.			01	01	
4	Bệnh học quanh răng.			01	01	
5	Viêm quanh cuống răng.			01	01	
6	Viêm nhiễm miệng, hàm mắt.			01	01	
7	Chấn thương vùng hàm mắt.			01	01	
8	Cấp cứu hay gặp trong răng hàm mắt.			0,5	0,5	
9	Giải đáp thắc mắc.					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ...đến CĐR ...

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM, TEAM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 202....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Đồng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TAI MŨI HỌNG

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Tai Mũi Họng
- * Tiếng Việt: Tai Mũi Họng
- * Tiếng Anh: OtoRhinoLaryngology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 01
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về Nội YHHD, Ngoại YHHD, Thần Kinh.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Lâm sàng: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: 01 tiết
 - + Thời gian tự học: 0 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn TMH

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS Lê Minh Kỳ	0906266767	leminhky.ent@gmail.com
2	TS Nguyễn Xuân Hòa	0988160725	tshoatmh@gmail.com
3	TS Nguyễn Hoàng Huy	0912416757	hoanghuyorl@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT[3]	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	Ghi nhớ kiến thức cơ bản về Tai Mũi Họng áp dụng để khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Tai Mũi Họng	[CDR 5]; [CDR 6];	3

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT[3]	Mức độ [4]
MT2	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, điều trị một số bệnh thường gặp.	[CĐR 5]; [CĐR 6];	
Kỹ năng			
MT 3	Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh TMH thường gặp.	[CĐR 5]; [CĐR 6];	3
MT 4	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm, CLS cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường	[CĐR 8];	3
MT 5	Chẩn đoán được một số bệnh Tai Mũi Họng thông thường	[CĐR 8];	3
MT 6	Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của Tai Mũi Họng	[CĐR 4];	3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý TMH	[CĐR 5]; [CĐR 6];	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bố cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Có kiến thức cơ bản về Tai Mũi Họng để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Tai Mũi Họng	CĐR1: Mô tả được giải phẫu, cơ chế bệnh sinh, giai đoạn lâm sàng của các bệnh lý Tai Mũi Họng.
MT2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, điều trị một số bệnh thường gặp.	CĐR 2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, điều trị một số bệnh Tai Mũi Họng hay gặp.
Kỹ năng	
MT 3: Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh TMH thường gặp.	CĐR 3: Đưa ra chính xác các chỉ định cận lâm sàng chẩn đoán bệnh, dựa vào hình ảnh nội soi TMH để chẩn đoán chính xác

	được một số bệnh lý Tai Mũi Họng.
MT 4: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm, CLS cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường	CDR 4: Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và CLS cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường
MT 5: Chẩn đoán được một số bệnh Tai Mũi Họng thông thường	CDR 5: Chẩn đoán được một số bệnh Tai Mũi Họng thông thường
MT 6: Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của Tai Mũi Họng	CDR 6: Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của Tai Mũi Họng.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý TMH	CDR 7: Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên nghiệp khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô-đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Viêm tai giữa cấp	2	2	2	2	2		2
Viêm tai giữa mạn tính nguy hiểm	2	2	2	2	2		2
Viêm tai giữa mạn tính không nguy hiểm	2	2	2	2	2		2
Đại cương biến chứng nội sọ do tai	2	2	2	2	2		2
Viêm mũi xoang cấp	2	2	2	2	2		2
Viêm mũi xoang mạn	2	2	2	2	2		2
Chảy máu mũi	2	2	2	2	2		2
Ung thư vòm mũi họng	2	2	2	2	2		2
Viêm VA, Viêm Amydal cấp	2	2	2	2	2		2
Dị vật đường thở	2	2	2	2	2		2
Dị vật đường ăn	2	2	2	2	2		2
Viêm họng cấp, mạn	2	2	2	2	2		2
Viêm thanh quản cấp	2	2	2	2	2		2
Viêm thanh quản mạn	2	2	2	2	2		2
Ung thư thanh quản- hạ họng	2	2	2	2	2		2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Môn học Tai Mũi Họng bao gồm những bệnh lý Tai Mũi Họng và cấp cứu thường gặp ở mọi độ tuổi trên quan điểm YHHĐ. Môn học hướng dẫn sinh viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Viêm tai giữa cấp	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu tai ngoài, tai giữa, xương chũm, triệu chứng lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán... Biến chứng viêm tai giữa cấp Kê đơn điều trị viêm tai giữa cấp.
Viêm tai giữa mạn tính nguy hiểm	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu tai ngoài, tai giữa, xương chũm, triệu chứng lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán... Cholesteatoma Phát hiện các biến chứng.
Viêm tai giữa mạn tính không nguy hiểm	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu tai ngoài, tai giữa, xương chũm, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị Triệu chứng của các thể viêm tai giữa mạn tính Khai thác tiền sử, bệnh sử.
Đại cương biến chứng nội sọ do tai	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu tai giữa, xương chũm, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị Khai thác tiền sử, bệnh sử: sốt, đau tai, chảy mủ tai tăng lên, sốt cao rét run, nhức đầu, nôn, tinh thần thay đổi Xác định hội viêm của viêm tai xương chũm mạn tính.
Viêm mũi xoang cấp	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu sinh lý mũi xoang, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định Khai thác tiền sử, bệnh sử: sốt, ngạt, tắc mũi, chảy mũi, giảm ngửi.
Viêm mũi xoang mạn	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu sinh lý mũi xoang, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định Khai thác tiền sử, bệnh sử: ngạt, tắc mũi, chảy mũi, giảm ngửi.
Chảy máu mũi	01		<ol style="list-style-type: none"> Nắm được giải phẫu hốc mũi và mối liên quan, hệ thống mạch máu nuôi dưỡng..

			<p>2. Nguyên nhân gây chảy máu mũi</p> <p>3. Cách xử trí chảy máu mũi.</p>
Ung thư vòm mũi họng	01		<p>1.Nắm được giải phẫu thần kinh sọ và mối liên quan vùng vòm mũi họng. Sinh bệnh học, dịch tế học ung thư</p> <p>2. Triệu chứng của ung thư vòm, các giai đoạn của ung thư vòm. (T.N.M.)</p> <p>3. Chẩn đoán xác định. Chẩn đoán phân biệt</p> <p>4. Nguyên tắc điều trị. Tiên lượng.</p>
Viêm VA, Viêm Amydal cấp	01		<p>1.Nắm được giải phẫu vòm Waldeyer.</p> <p>2. Nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của Viêm A/VA.</p> <p>3. Chẩn đoán viêm A/VA cấp/ mạn</p> <p>4. Hướng điều trị điều trị.</p>
Dị vật đường thở	01		<p>1.Nắm được giải phẫu hệ thống hô hấp.</p> <p>2. Các nguyên nhân của dị vật đường thở, phân loại mức độ suy hô hấp.</p> <p>3. Biến chứng dị vật đường thở</p> <p>4. Nguyên tắc xử trí</p>
Dị vật đường ăn	01		<p>1.Nắm được giải phẫu họng, thực quản, trung thất.</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng và Xquang của dị vật đường ăn và biến chứng.</p> <p>3. Tiêu chuẩn chẩn đoán: xác định, phân biệt, vị trí, biến chứng</p> <p>4. Nguyên tắc xử trí</p>
Viêm họng cấp, mạn	01		<p>1.Nắm được giải phẫu sinh lý họng, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị.</p> <p>2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định</p> <p>3. Khai thác tiền sử, bệnh sử: sốt, đau, ho, có nổi hạch cổ.</p>
Viêm thanh quản cấp	01		<p>1.Nắm được giải phẫu sinh lý thanh quản, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân.</p> <p>2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định</p> <p>3. Khai thác tiền sử, bệnh sử xác định các dấu hiệu: khàn tiếng, ho, khó thở...</p>
Viêm thanh quản mạn	01		<p>1.Nắm được giải phẫu sinh lý thanh quản, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân.</p> <p>2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định</p> <p>3. Khai thác tiền sử, bệnh sử xác định các dấu hiệu: khàn tiếng kéo dài, ho</p>
Ung thư thanh quản- hạ họng	01		<p>1.Nắm được giải phẫu hạ họng - thanh quản và mối liên quan vùng đầu cổ. Sinh</p>

			bệnh học, dịch tễ học ung thư 2. Triệu chứng của ung thư vòm, các giai đoạn của ung thư vòm. (T.N.M.) 3. Chẩn đoán xác định. Chẩn đoán phân biệt 4. Nguyên tắc điều trị. Tiên lượng.
--	--	--	---

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Bộ môn Mắt, TMH ĐHY HN: Bài giảng Mắt-Tai mũi họng. NXB Y học 1990
- Bộ môn TMH : Tài liệu giảng dạy cho học viên CKĐH. ĐHY Hà Nội 2007
- Gs Ngô Ngọc Liên: Giãn yếu Tai mũi họng. NXB Y Học 2005
- Gs Võ Tấn: Tai mũi họng thực hành. NXB Y học 1982

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác (giảng)	
1	Viêm tai giữa cấp				01	
	Viêm tai giữa mạn tính nguy hiểm				01	
	Viêm tai giữa mạn tính không nguy hiểm				01	
	Đại cương biến chứng nội sọ do tai				01	
	Viêm mũi xoang cấp				01	
	Viêm mũi xoang mạn				01	
	Chảy máu mũi				01	
	Ung thư vòm mũi họng				01	
2	Viêm VA, Viêm Amydal cấp				01	
	Dị vật đường thở				01	
	Dị vật đường ăn				01	
	Viêm họng cấp, mạn				01	
	Viêm thanh quản cấp				01	
	Viêm thanh quản mạn				01	
	Ung thư thanh quản- hạ họng				01	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phân/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR7

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 4 đến CDR 5
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM, TEAM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi	CDR 1 đến CDR 3

			thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thái Hưng

Nguyễn Xuân Hòa

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TAI MŨI HỌNG (Lâm sàng)**

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ Y khoa, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: **Tai Mũi Họng**

* Tiếng Anh: OtoRhinoLaryngology

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 01

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về Nội YHHĐ, Ngoại YHHĐ, Thần Kinh.

Số tiết đối với các hoạt động học tập:

+ Lý thuyết: 10 tiết

+ Bài tập: 5 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 5 tiết

+ Kiểm tra: 05 tiết

+ Thời gian tự học: 15 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn TMH

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGs TS Lê Minh Kỳ	0906266767	leminhky.ent@gmail.com
2	TS Nguyễn Xuân Hòa	0988160725	tshoatmh@gmail.com
3	TS Nguyễn Hoàng huy	0912416757	hoanghuyorl@gmail.com
4	ThS Ngô Văn Trọng	0988425593	trong.tmh@gmail.com
5	Ths Trần Hữu Thắng	0989801168	Tranhuuthang.ent@gmail.com
6	Ths Hà Minh Lợi	0911766668	Loihaminh77@gmail.com
7	Bs CK II Phạm Văn Hữu	0984811861	Huuphamvan1980@gmail.com
8	TS Phạm Việt Hoàng	0988501577	Phamviethoang1959@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nhận biết được vị trí giải phẫu trên hình ảnh nội soi TMH	CDR 5;	3
MT2	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh TMH thường gặp	CDR 5;	3
Kỹ năng			
MT 3	Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân	CDR 8;	3
MT 4	Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp.	CDR 5;	3
MT5	Chẩn đoán được và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp.	CDR 5;	3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CDR 5;	3
MT7	Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	CDR 5;	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Nhận biết được vị trí giải phẫu trên hình ảnh nội soi TMH.	CDR1: Nhận biết được vị trí giải phẫu trên hình ảnh nội soi TMH.
MT2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh TMH thường gặp	CDR 2: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh TMH thường gặp
Kỹ năng	
MT 3: Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân	MT 3: Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân
MT 4: Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp.	MT 4: Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh thường gặp.

MT5: Chẩn đoán được và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp.	MT5: Chẩn đoán được và đưa ra phác đồ điều trị thích hợp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	MT6: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.
MT7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	MT7: Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Cách khám TMH thông thường	1	2	3	3	3	3	3
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm mũi xoang, cấp mạn.	3	2	1	2	2	1	1
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm tai giữa cấp, mạn.	3	2	1	2	2	1	1
cách làm bệnh án TMH	1	2	3	3	3	3	3
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh Viêm họng cấp, mạn	3	2	1	2	2	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun

Môn học Tai Mũi Họng bao gồm những bệnh lý Tai Mũi Họng và cấp cứu thường gặp ở mọi độ tuổi trên quan điểm YHHĐ. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Cách khám TMH thông thường	04		- Biết cách sử dụng các dụng cụ khám TMH thông thường.
cách làm bệnh án TMH	04		Biết cách hoàn thiện bệnh án chuyên khoa TMH.
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh Viêm họng cấp, mạn	04		Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, hình ảnh bệnh lý bệnh Viêm họng cấp, mạn. - Chẩn đoán và hướng điều trị.
Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm mũi xoang, cấp mạn.	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, hình ảnh bệnh lý các bệnh viêm mũi xoang, cấp mạn. - Chẩn đoán và hướng điều trị.

Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm tai giữa cấp, mạn.	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, hình ảnh bệnh lý các bệnh tai giữa cấp, mạn. - Chẩn đoán và hướng điều trị.
---	-----------	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

- Bộ môn Mắt, TMH ĐHY HN: Bài giảng Mắt-Tai mũi họng. NXB Y học 1990
- Bộ môn TMH : Tài liệu giảng dạy cho học viên CKĐH. ĐHY Hà Nội 2007
- Gs Ngô Ngọc Liễu: Giảm yếu Tai mũi họng. NXB Y Học 2005
- Gs Võ Tấn: Tai mũi họng thực hành. NXB Y học 1982

9. Kế hoạch giảng dạy lâm sàng

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Bài lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Giảng dạy tại bệnh viện	
1	Cách khám TMH thông thường				04	
	Cách làm bệnh án TMH				04	
	Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh Viêm họng cấp, mạn				04	
	Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm mũi xoang, cấp mạn.				04	
2	Khám nội soi TMH chẩn đoán bệnh viêm tai giữa cấp, mạn.				04	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 7

Thảo luận nhóm, tình huống lâm sàng, người bệnh.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Bệnh viện thực hành có khoa Tai Mũi Họng

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

Sinh viên có mặt tại bệnh viện đúng và đủ giờ.

Sinh viên vắng 1 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành lâm sàng	≥ 4	Đi đủ tất cả các học	
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Lâm sàng (vấn đáp)	≥ 4		

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2022

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thái Hưng

Nguyễn Xuân Hòa

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN MẮT
(PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Mắt
- * Tiếng Việt: Mắt
- * Tiếng Anh: Ophthalmology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1.0 LT, 1.0 LS
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp x <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành x <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Mắt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Nguyễn Xuân Hiệp	0913564796	
2	PGS.TS Bùi Thị Vân Anh	0903422256	
3	TS Hoàng Cương	0913553511	
4	TS Đỗ Tấn	0912364598	
5	PGS.TS Lê Xuân Cung	0913056399	
6	TS Nguyễn Quốc Anh	0912117030	

7	TS Thẩm Trương Khánh Vân	0983345004	
8	TS Nguyễn Văn Huy	0903281854	
9	TS Phạm Thị Minh Châu	0796087966	
10	ThS Nguyễn Kiên Trung	0912486046	
11	ThS Nguyễn Thu Trang	0989955613	
12	ThS Võ Thị Thu Hồng	0982161854	
13	ThS Nguyễn Thị Thúy Giang	0382140555	
14	ThS Nguyễn Đức Dũng	0936120784	
15	ThS Nguyễn Thái Đạt	09130660515	
16	Ths Phạm Thị Minh	0914761878	Minhpham110275@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	. Biết được giải phẫu, sinh lý nhãn cầu và bộ phận phụ của nhãn cầu	[CDR1], [CDR 3]	3
MT2	Khám, lượng giá được bệnh nhân bình thường và bất thường, bệnh lý về Mắt Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý. Nhận thức được tầm quan trọng, tính nguy hiểm và tuyên truyền phòng bệnh với một số bệnh mắt.	[CDR6] [CDR9]	3
	Kỹ năng		
	- Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Thu thập và xử lý thông tin.	[CDR9] [CDR10]	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	- Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày		
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: Biết được giải phẫu, sinh lý nhãn cầu và bộ phận phụ của nhãn cầu</p> <p>MT2: Khám, lượng giá được bệnh nhân bình thường và bất thường, bệnh lý về Mắt. Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý. Nhận thức được tầm quan trọng, tính nguy hiểm và tuyên truyền phòng bệnh với một số bệnh mắt.</p>	<p>CLO1: Trình bày và nắm được các mốc giải phẫu, cấu tạo, chức năng của từng bộ phận nhãn cầu.</p> <p>CLO 2: Khám lượng giá được bệnh nhân có bất thường về mắt, sơ bộ chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí đúng.</p> <p>CLO3: Trên cơ sở chẩn đoán đúng sẽ cho phác đồ điều trị đúng với một số bệnh về mắt thường gặp, kết hợp tuyên truyền phòng bệnh cho người dân.</p>
Kỹ năng	
<p>MT3: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý</p>	<p>CLO 4: Vận dụng hiểu biết của mình về kiến thức bệnh về mắt giúp điều trị phòng ngừa nâng cao khả năng điều trị phòng bệnh.</p>

thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 5: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Chương 1. Đại cương giải phẫu và sinh lý mắt	1		2	2	1
Chương 2. Các nguyên nhân gây đờ mắt	2		2	2	1
Chương 3. Các nguyên nhân gây đờ mắt		2	2	2	1
Chương 4. Chấn thương mắt		2	2	2	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung Mắt gồm: Giải phẫu và sinh lý mắt, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh mắt thông thường. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Chương 1. Đại cương giải phẫu và sinh lý mắt 1. Hóc mắt 2. Mi mắt 3. Hệ thống lệ 4. Nhãn cầu 5. Đường thần kinh thị giác	1			1		Đọc lại giải phẫu trước, chấp hành nội quy học tập của lớp

và trung tâm võ não thị						
Chương II. Các nguyên nhân đỏ mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	2			2		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương III. Các nguyên nhân mờ mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	1			1		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chương IV. Chấn thương mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	2			2		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Nhân khoa BSĐK – Bộ Y tế, Nhà xuất bản hà nội - 2016.
- Bộ môn Mắt, TMH ĐHY HN: Bài giảng Mắt-Tai mũi họng. NXB Y học 1990

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Nhân khoa giảm yếu tập I, II, PGS.TS.NGƯT. Phan Dẫn và cộng sự, Nhà xuất bản Y học 2007

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Chương 1. Chương 1. Đại cương giải phẫu và sinh lý mắt 1. Hốc mắt 2. Mi mắt 3. Hệ thống lệ 4. Nhãn cầu 5. Đường thần kinh thị giác và trung tâm võ não thị	4					4
2	Chương II. Các nguyên nhân đỏ mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	4					4

3	Chương III. Các nguyên nhân mờ mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	4					4
4	Chương IV. Chấn thương mắt 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Bệnh học	3					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CDR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CDR 1 đến CDR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).

- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN MẮT
(PHẦN THỰC HÀNH/ LÂM SÀNG)**

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Mắt
- * Tiếng Việt: Mắt
- * Tiếng Anh: Ophthalmology
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5116
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp x <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành x <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Mắt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Nguyễn Xuân Hiệp	0913564796	
2	PGS.TS Bùi Thị Vân Anh	0903422256	
3	TS Hoàng Cương	0913553511	
4	TS Đỗ Tấn	0912364598	
5	PGS.TS Lê Xuân Cung	0913056399	
6	TS Nguyễn Quốc Anh	0912117030	
7	TS Thâm Trương Khánh Vân	0983345004	
8	TS Nguyễn Văn Huy	0903281854	
9	TS Phạm Thị Minh Châu	0796087966	
10	ThS Nguyễn Kiên Trung	0912486046	
11	ThS Nguyễn Thu Trang	0989955613	
12	ThS Võ Thị Thu Hồng	0982161854	
13	ThS Nguyễn Thị Thúy Giang	0382140555	

14	ThS Nguyễn Đức Dũng	0936120784	
15	ThS Nguyễn Thái Đạt	09130660515	
16	Ths Phạm Thị Minh	0914761878	Minhpham110275@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] <i>(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</i>	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
	Kiến thức		
MT1	Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường về mắt, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh mắt thường gặp.	[CĐR1], [CĐR4], [CĐR5] [CĐR7], [CĐR8], [CĐR9]	3
	Kỹ năng		
MT2	Có khả năng khám, chẩn đoán, hướng xử trí và xử trí được một số bệnh về mắt thường gặp	[CĐR5] [CĐR7]	5
MT3	Có kỹ năng làm việc độc lập, xử trí nhanh, chính xác.	[CĐR8], [CĐR9]	4
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR10] [CĐR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá

theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường về mắt, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh mắt thường gặp.	CLO1: Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân về mắt CLO2: Vận dụng kiến thức để đưa ra chẩn đoán sơ bộ. CLO 3: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,	CLO 4: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.
MT3: Kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để chẩn đoán và xử trí bệnh	CLO 5: Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám bệnh tốt.
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	CLO6: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Phương pháp khám mắt, cách làm bệnh án mắt.	3			3	2	2
Phương pháp đo thị lực	2	3		3	2	2
Phương pháp đo thị trường ước lượng		3		3	2	2

Phương pháp đo nhãn áp			3	3	2	2
Cách nhỏ thuốc , tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt	2	2	2	3	3	3
Các thuốc điều trị trong nhãn khoa	2		2		3	3
Chấp lẹo và cách xử lý	2	3	2	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần bao gồm cách khám và làm bệnh án mắt, nắm được các phương pháp đo thị lực, thị trường, nhãn áp, cách xử trí chấp lẹo, cách tra, nhỏ, rửa mắt, nắm được các thuốc xử dụng trong nhãn khoa.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài 1: Cách khám và làm bệnh án mắt	4	4	Đọc trước giáp trình, lắng nghe, quan sát và làm theo.
Bài 2: Thị lực và phương pháp khám thị lực	4	4	
Bài 3: Nhãn áp	3	3	
Bài 4; Thị trường	4	4	
Bài 5: Các thuốc điều trị trong nhãn khoa	4	4	
Bài 6: Cách nhỏ thuốc, tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt	4	4	
Bài 7: Chấp lẹo và cách xử trí	4	3	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Nhãn khoa BSĐK – Bộ Y tế, Nhà xuất bản hà nội - 2016.
- Bộ môn Mắt, TMH ĐHY HN: Bài giảng Mắt-Tai mũi họng. NXB Y học 1990

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Nhãn khoa giản yếu tập I, II, PGS.TS.NGƯT. Phan Dẫn và cộng sự, Nhà xuất bản Y học 2007

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Bài 1: Cách khám và làm bệnh án mắt	4					4
2	Bài 2: Thị lực và phương pháp khám thị lực	4					4
3	Bài 3: Nhãn áp	4					4
4	Bài 4; Thị Trường	4					4
5	Các thuốc điều trị trong nhãn khoa	4					4
6	Cách nhỏ thuốc, tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt	4					4
7	Chấp lệo và cách xử trí	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tải cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Có máy tính và projector, mô hình, bệnh nhân, máy đo thị lực, nhãn áp....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng lâm sàng buổi nào, không đến chậm quá 15 phút
- Sinh viên phải có bệnh án chuẩn bị nộp trước, báo cáo bệnh nhân theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên
- Sinh viên không có bệnh án nộp coi như bị điểm F

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm)			
	Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Bài tập (40%) + báo cáo slide (30%) + trả lời vấn đáp, phản biện (30%)			
	Bài 1:	25%	≥ 4	CLO 1 đến CLO6
	Bài 2:	25%	≥ 4	
	Bài 3	25%	≥ 4	
	Bài 4	25%	≥ 4	
	Bài 5:	25%	≥ 4	
	Bài 6:	25%	≥ 4	
	Bài 7	25%	≥ 4	
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Trung bình cộng điểm các bài thảo luận	100%	≥ 4	CLO1 - CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần mắt).
- Điểm kết thúc thực hành lâm sàng là trung bình cộng điểm của các bài thực hành lâm sàng
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
UNG THƯ (PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Ung thư

* Tiếng Anh: Cancer

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: (1.0 LT, 1.0 TH)

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ung bướu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thái Hoà	0989743185	bshoabvk@gmail.com
2	TS. Phùng Thị Huyền	0989356631	phungthihuyen@gmail.com
3	BS. Hoàng Trọng Tuấn	0979686669	hoangtuan3350@gmail.com
4	BS. Nguyễn Đăng Yên	0978783214	ngdangyen0409@gmail.com
5	BS. Nguyễn Hương Giang	0399893280	bsnhgiang@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư.	[CDR4],	3
MT2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau	[CDR1], [CDR 2]	2
Kỹ năng			
MT3	- Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú. - Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư	[CDR6]	2
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CDR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư; Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau.	CLO1: khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư. CLO 2: Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau
Kỹ năng	
MT2: - Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú. - Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp	CLO 3: Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh Ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 4: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Khái niệm cơ bản về ung thư	2	2		
Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư	2	2		
Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư	2	2		
Chẩn đoán bệnh ung thư	2	2		
Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư	2	2		
Điều trị giảm đau	2	2		
Ung thư vòm	2	2		
Ung thư phổi	2	2		
Ung thư dạ dày	2	2		
Ung thư đại tràng	2	2		

Ung thư vú			2	
U lympho ác tính không Hodgkin			2	
Ung thư gan nguyên phát			2	
Ung thư biểu mô buồng trứng			2	
Ung thư cổ tử cung			2	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Sinh viên được trang bị kiến thức về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán, loại trừ, nguyên tắc điều trị, lập kế hoạch điều trị và điều trị thực tiễn từ đó có thể tự nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc, điều trị và xử trí biến chứng, di chứng bệnh nhân mắc bệnh Ung thư. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Khái niệm cơ bản về ung thư	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chẩn đoán bệnh ung thư	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Nguyên tắc điều trị bệnh	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm,

ung thư						các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Điều trị giảm đau	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư vòm	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư phổi	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư dạ dày	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư đại tràng	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư vú	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
U lympho ác tính không Hodgkin	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư gan nguyên phát	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư biểu mô	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi

buồng trứng						phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ung thư cổ tử cung	1			1		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình học tập:

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2021), *Bài giảng Chuyên ngành Ung thư*, tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Bài giảng Ung thư học (2001), Bộ môn Ung thư, Trường Đại học Y Hà Nội.

[2] Ung thư học đại cương (2009), Bộ Y tế.

[3] Bệnh học Ung thư Phụ khoa (2005), Trần Thị Phương Mai.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Khái niệm cơ bản về ung thư	1					2
2	Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư	1					2
3	Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư	1					2
4	Chẩn đoán bệnh ung thư	1					2
5	Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư	1					2
6	Điều trị giảm đau	1					2
7	Ung thư vòm	1					2
8	Ung thư phổi	1					2
9	Ung thư dạ dày	1					2
10	Ung thư đại tràng	1					2
11	Ung thư vú	1					2
12	U lympho ác tính không Hodgkin	1					2
13	Ung thư gan nguyên phát	1					2
14	Ung thư biểu mô buồng trứng	1					2
15	Ung thư cổ tử cung	1					2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Tiểu luận			
	Thực hành	30%		CĐR 4
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	70%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1.0 + Điểm lý thuyết x 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
UNG THƯ (THỰC HÀNH)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Ung thư
- * Tiếng Việt: Ung thư
- * Tiếng Anh: Cancer
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02 TC
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nội, ngoại, sản, nhi
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 42 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 22 tiết
 - + Bài tập: 00 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
 - + Kiểm tra: 05 tiết
 - + Thời gian tự học: 00 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ung bướu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thái Hoà	0989743185	bshoabvk@gmail.com
2	TS. Phùng Thị Huyền	0989356631	phungthihuyen@gmail.com
3	BS. Hoàng Trọng Tuấn	0979686669	hoangtuan3350@gmail.com
4	BS. Nguyễn Đăng Yên	0978783214	ngdangyen0409@gmail.com
5	BS. Nguyễn Hương Giang	0399893280	bsnhgiang@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư.	[CĐR4],	3
MT2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau	[CĐR1], [CĐR 2]	2
Kỹ năng			
MT3	- Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú. - Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư	[CĐR6]	2
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Hiểu được khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự	CLO1: khái niệm cơ bản về bệnh Ung thư; Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư.

phòng ung thư; Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư; Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau.	CLO 2: Hiểu được các kiến thức cơ bản về Chẩn đoán bệnh ung thư; Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư; Điều trị giảm đau
MT2: - Có khả năng trình bày một bệnh án ung thư; Có khả năng thực hành khám hệ thống hạch ngoại vi; Có khả năng khám phát hiện u vú. - Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh ung thư thường gặp	CLO 3: Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh Ung thư thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong giáo trình Ung thư.
MT3: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 4: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Khái niệm cơ bản về ung thư	2	2		
Giới thiệu chung, trình bày bệnh án ung thư	2	2		
Quá trình tiến triển tự nhiên và dự phòng ung thư	2	2		
Hướng dẫn khám hạch ngoại vi	2	2		
Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh ung thư	2	2		
Chẩn đoán bệnh ung thư	2	2		
Nguyên tắc điều trị bệnh ung thư	2	2		
Điều trị giảm đau	2	2		
Điều trị hóa chất và tác dụng không mong muốn của hóa trị	2	2		
Điều trị tia xạ, Các biến chứng sớm - muộn của xạ trị	2	2		
Ung thư vòm			2	
Ung thư phổi			2	

Ung thư dạ dày			2	
Ung thư đại tràng			2	
Ung thư vú			2	
U lympho ác tính không Hodgkin			2	
Ung thư gan nguyên phát			2	
Ung thư biểu mô buồng trứng			2	
Ung thư cổ tử cung			2	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Sinh viên được trang bị kiến thức về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán, loại trừ, nguyên tắc điều trị, lập kế hoạch điều trị và điều trị thực tiễn từ đó có thể tự nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc, điều trị và xử trí biến chứng, di chứng bệnh nhân mắc bệnh Ung thư. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Giới thiệu chung, trình bày bệnh án ung thư	4	4	Chuẩn bị bài seminar bằng văn bản (giờ tự học) - Chuẩn bị báo cáo Slide theo nhóm - Thấu hiểu và phản ứng nhanh khi vấn đáp - Ưu tiên phản biện, tính sáng tạo
Hướng dẫn khám hạch ngoại vi	4	4	
Điều trị giảm đau	4	4	
Điều trị hóa chất và tác dụng không mong muốn của hóa trị	4	4	
Điều trị tia xạ, Các biến chứng sớm - muộn của xạ trị	4	4	
Ung thư vòm	4	4	
Ung thư phổi	4	4	
Ung thư dạ dày	4	4	
Ung thư đại tràng	4	4	
Ung thư vú	4	4	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Trường đại học Dược Hà Nội (2010). *Thực hành Pháp chế dược*. Nơi xuất bản: Lưu hành nội bộ

[2] Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược (2021), *Thực hành Pháp chế dược*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam 2020

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Quốc Hội 13 (2016), *Luật Dược năm 2016*

[2] Các thông tư 52/2016/TT-BYT, Thông tư 07/2016/TT-BYT, Thông tư 07/2017/TT-BYT, Thông tư 20/2017/TT-BYT, Thông tư 01/2018/TT-BYT, Thông tư 07/2018 của Bộ Y tế ban hành và các thông tư do Bộ Y tế ban hành sau năm 2016 về GPs và GACP

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Giới thiệu chung, trình bày bệnh án ung thư					4	4
2	Hướng dẫn khám hạch ngoại vi	4					4
3	Điều trị giảm đau					4	4
4	Điều trị hóa chất và tác dụng không mong muốn của hóa trị					4	4
5	Điều trị tia xạ, Các biến chứng sớm - muộn của xạ trị					4	4
6	Ung thư vòm					4	4
7	Ung thư phổi					4	4

8	Ung thư dạ dày					4	4
9	Ung thư đại tràng					4	4
10	Ung thư vú	4				4	8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn [CLO3, CLO4]

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt chuẩn CLO4

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Tiểu luận			
	Thực hành	30%		CĐR 4
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	70%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành x 1.0 + Điểm lý thuyết x 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM THẦN

Đối tượng đào tạo: YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Tâm Thần
- * Tiếng Anh: Psychiatry
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1.0 LT
- Đối tượng học (năm thứ): YHCT năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x <input type="checkbox"/>	Tự chọn x <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sức khỏe tâm thần

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 16 tiết

+ Lý thuyết: 16 tiết

+ Kiến tập lâm sàng

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	BS CKI. Đỗ Thị Thúy Anh	0912440699	dothithuyanh73@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức ND1 Đánh giá được sự thay đổi các chức năng tâm lý, trạng thái cơ thể trong điều kiện bình thường và bệnh lý. ND2 Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý.	[CDR1], [CDR 3] [CDR6] [CDR9]	3

<p>2 Mục tiêu (Gx) [1]</p>	<p>Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p>CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p>Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
	<p>ND3 Trình bày được nguyên tắc các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.</p> <p>ND 4 Phát hiện và đánh giá được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường, các yếu tố tâm lý xã hội.</p> <p>ND 5 Vận dụng tổng hợp các kiến thức thu được để phân tích, đánh giá các vấn đề sức khỏe tại cơ sở y tế và cộng đồng.</p>		
	<p>Kỹ năng <i>Kỹ năng lập luận nghề nghiệp.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý và các vấn đề về sức khỏe. - Chỉ định và phân tích được kết quả trắc nghiệm, xét nghiệm, kỹ thuật và thăm dò chức năng cơ bản. - Chẩn đoán bệnh được một số bệnh thường gặp. <p><i>Kỹ năng sáng tạo, phát triển chuyên môn.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự đào tạo liên tục các vấn đề trong chuyên môn. - Cập nhật được các tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến, nâng cao hiệu quả công việc. <p><i>Đạo đức nghề nghiệp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Công bằng, khách quan, trung thực, liêm chính. - Tác phong làm việc chuyên nghiệp, xử lý các xung đột đạo đức trong hành nghề. 	<p>[CĐR9] [CĐR10]</p>	<p>3</p>
	<p>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc được độc lập hoặc phối hợp theo nhóm, phát huy tinh thần sáng tạo trong môi trường đa dạng, chịu trách nhiệm cá nhân trong công tác khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học. - Có trách nhiệm tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. 	<p>[CĐR11]</p>	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	- Lập được kế hoạch hướng dẫn tổ chức sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá và đề xuất cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Đánh giá được sự thay đổi các chức năng tâm lý, trạng thái cơ thể trong điều kiện bình thường và bệnh lý. MT 2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý. MT3: Trình bày được nguyên tắc các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh. MT 4: Phát hiện và đánh giá được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường, các yếu tố tâm lý xã hội.	CLO1: Đánh giá được sự thay đổi các chức năng tâm lý, trạng thái cơ thể trong điều kiện bình thường và bệnh lý. CLO 2: Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán tình trạng bệnh lý. Phát hiện và đánh giá được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường, các yếu tố tâm lý xã hội. CLO3: Trình bày được nguyên tắc các phương pháp, kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.
Kỹ năng	
MT3: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày	CLO 4 Vận dụng tổng hợp các kiến thức thu được để phân tích, đánh giá các vấn đề sức khỏe tại cơ sở y tế và cộng đồng.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học	CLO 5: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài

tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.
--	---

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	
Nội dung 1	2			2		
Nội dung 2		2		2		
Nội dung 3			2			
Nội dung 4			2			
Nội dung 5				2		

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Sinh viên có hiểu biết đầy đủ về các chẩn đoán Tâm thần theo danh mục của ICD10, chương F, có tham khảo quyết định 2058/ QĐ-BYT ngày 14 tháng năm 2020 về việc lựa chọn các vấn đề bệnh học Tâm thần trong thực tiễn lâm sàng tại Việt Nam; cũng như cách quản lý; điều trị và cách chăm sóc bệnh nhân có rối loạn tâm thần. Sinh viên có hiểu biết về các khía cạnh đạo đức hành nghề và pháp luật trong thực hành lâm sàng Tâm Thần.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		
	LT	TH	BT/TL/KT				
- Đại cương - Các rối loạn tâm thần thực tổn (chương 1)	4						Đọc hiểu Soạn bài thuyết trình về đọc hiểu các nội dung
- Các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần (chương 2) - Các rối loạn tâm thần và rối loạn khí sắc (chương 3) - Shock điện	4						Đọc hiểu Soạn bài thuyết trình về đọc hiểu các nội dung

Các rối loạn liên quan đến stress (chương 4) - Hội chứng hành vi kết hợp với các rối loạn sinh lý (chương 5) - Liệu pháp tâm lý	4						Đọc hiểu Soạn bài thuyết trình về đọc hiểu các nội dung
- Các rối loạn tâm thần ở trẻ em và vị thành niên (chương 6) - Hóa dược điều trị các rối loạn tâm thần	4						Đọc hiểu Soạn bài thuyết trình về đọc hiểu các nội dung

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Đỗ Thị Thúy Anh (2022). Sức khỏe Tâm thần tập 2. Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ môn Tâm thần Đại học Y Hà Nội. 2016. *Giáo trình Bệnh học tâm thần*, NXB Y học.

[2] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y 2007. *Tâm thần học và Tâm lý học y học (Giáo trình giảng dạy đại học)*. NXB Quân đội nhân dân.

[3] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y. 2005 *Bệnh học tâm thần (Giáo trình giảng dạy sau đại học)*. NXB Quân đội nhân dân

[4] Tổ chức Y tế Thế giới WHO *Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 (PLBQT-10F) về các rối loạn tâm thần và hành vi*. Geneva, 1992. (Bản dịch của Trần Di Ái và CS)

[5] Kaplan & Sadock, *Concise Textbook of Clinical Psychiatry*, 4th edition, 2017

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	- Đại cương - Các rối loạn tâm thần thực tổn (chương 1)					
2	- Các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần (chương 2)					

	- Các rối loạn loạn thần và rối loạn khí sắc (chương 3) Shock điện					
3	Các rối loạn liên quan đến stress (chương 4) - Hội chứng hành vi kết hợp với các rối loạn sinh lý (chương 5) Liệu pháp tâm lý					
4	- Các rối loạn tâm thần ở trẻ em và vị thành niên (chương 6) Hóa dược điều trị các rối loạn tâm thần					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR ... đến CĐR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR ...

đến CĐR 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

.....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR 4
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...			CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
(TÂM THẦN)**

Đối tượng đào tạo: YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Tâm Thần
- * Tiếng Anh: Psychiatry
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 01 TC
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
	Ngô Hùng Lâm	BSCCKII	
	Trần Quyết Thắng	ThS.BSCCKII	
	Vũ Ngọc Ủy	ThS.BSCCKII	
	Nguyễn Văn Tuấn	Tiến sĩ	
	Đỗ Văn Thắng	ThS.BSCCKII	
	Nguyễn Đức Vượng	ThS.BSCCKII	
	Phạm Thế Văn	ThS.BSNT	
	Lê Thị Hào	BSCCKII	
	Trần Thị Thu Phương	BSCCKII	
	BS CKI. Đỗ Thị Thúy Anh	BSCCK I	dothithuyanh73@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh hường gặp.	[CĐR1], [CĐR4], [CĐR5] [CĐR7], [CĐR8], [CĐR9]	4
	Kỹ năng Có khả năng khám, chẩn đoán, hướng xử trí và xử trí được một số bệnh thường gặp Có kỹ năng làm việc độc lập, xử trí nhanh, chính xác.	[CĐR5] [CĐR7] [CĐR8], [CĐR9]	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR10] [CĐR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh thường gặp.	CLO1: Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân CLO2: Vận dụng kiến thức để đưa ra chẩn đoán sơ bộ. CLO 3: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu	CLO 4: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập

thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,	tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.
MT3: Kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để chẩn đoán và xử trí bệnh	CLO 5: Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám bệnh tốt.
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	CLO6: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống
Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh thường gặp.	CLO1: Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân CLO2: Vận dụng kiến thức để đưa ra chẩn đoán sơ bộ. CLO 3: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,	CLO 4: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	1	2	3	4	5	6	
Nhận định các chức năng tâm lý bất thường	3			3	2	2	
Phỏng vấn bệnh nhân	2	3		3	2	2	
Nhận định các triệu chứng, hội chứng		3		3	2	2	
Lập luận chẩn đoán			3	3	2	2	
Đưa ra hướng xử trí, nguyên tắc điều trị	2	2	2	3	3	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám (nhận định chức năng tâm lý bất thường, các triệu chứng, hội chứng) và chẩn đoán được một số bệnh thông thường, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Rối loạn tâm thần do rượu Rối loạn tâm thần do lạm dụng chất khác hoặc nghiện game			
Tâm thần phân liệt Rối loạn loạn thần khác			
Trầm cảm			
Rối loạn cảm xúc lưỡng cực			
Tự kỉ và ADHD hoặc Sa sút trí tuệ			
Rối loạn lo âu			

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Đỗ Thị Thúy Anh (2022). Sức khỏe Tâm thần tập 2. Tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ môn Tâm thần Đại học Y Hà Nội. 2016. *Giáo trình Bệnh học tâm thần*, NXB Y học.

[2] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y 2007. *Tâm thần học và Tâm lý học y học (Giáo trình giảng dạy đại học)*. NXB Quân đội nhân dân.

[3] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y. 2005 *Bệnh học tâm thần (Giáo trình giảng dạy sau đại học)*. NXB Quân đội nhân dân

[4] Tổ chức Y tế Thế giới WHO *Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 (PLBQT-10F) về các rối loạn tâm thần và hành vi*. Geneva, 1992. (Bản dịch của Trần Di Ái và CS)

[5] Kaplan & Sadock, *Concise Textbook of Clinical Psychiatry*, 4th edition, 2017

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung					Giờ giảng của giảng viên (giờ) Thực hành/ lâm sàng
	Thực hành/ lâm sàng	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Các hình thức khác		
1	Rối loạn tâm thần do rượu Rối loạn tâm thần do lạm dụng chất khác hoặc nghiện game	4		1	Bài 1: Cách khám và làm bệnh án	4
2	Tâm thần phân liệt Rối loạn loạn thần khác	4		2	Bài 2:	4
3	Trầm cảm	4		3	Bài 3:	4
4	Rối loạn cảm xúc lưỡng cực	4		4	Bài 4;	4
	Tự kỉ và ADHD hoặc Sa sút trí tuệ					
	Rối loạn lo âu					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Phòng để tổ chức phỏng vấn và quan sát bệnh nhân

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng lâm sàng buổi nào, không đến chậm quá 15 phút
- Sinh viên phải có bệnh án chuẩn bị nộp trước, báo cáo bệnh nhân theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên
- Sinh viên không có bệnh án nộp coi như bị điểm F

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Bài thực hành			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Thực hành, lâm sàng (vấn đáp)			CLO1 - CLO6

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (25) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (26) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CDR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CDR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LAO (LT)

Đối tượng đào tạo: Đại học, ngành Y học cổ truyền

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Môn Lao
- * Tiếng Anh: Tuberculosis
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02 (01LT/01LS)
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội , ngoại , phụ sản, chẩn đoán hình ảnh

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

- + Lý thuyết: 15 tiết
- + Bài tập: tiết
- + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- + Kiểm tra: tiết
- + Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Truyền Nhiễm

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Ths. Trần Thị Thu Hà	0904288514	Truyền Nhiễm	Thuha1968@gmail.com
2	Ths.Đinh Thị Thúy Hà	0904017479	Truyền Nhiễm	Bs.dinhha72@gmail.com
3	Ths.Lê Thị Phương Thảo	0946887509	Truyền Nhiễm	Lethao.bvtt88@gmail.com
4	Ths. Trần Thanh Hà	0965607190	Truyền Nhiễm	Hatran1090@gmail.com

Giảng viên thỉnh giảng

1. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Nguyễn Thu Thủy
Học vị , học hàm: BSKKII
Chức danh : Trưởng khoa Lao hô hấp
2. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Nguyễn Mạnh Thế
Học hàm, học vị: Bác sỹ nội trú
Chức danh: Phó Trưởng khoa Lao hô hấp
3. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Nguyễn Hữu Trí
Học hàm, học vị: BSKKII
Chức danh: Trưởng khoa Nội tổng hợp
4. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Đào Thị Hà
Học hàm, học vị: BSKKII
Chức danh: Phó Trưởng khoa Nội tổng hợp
5. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Cung Văn Công
Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Chức danh: Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh
6. Họ và tên giảng viên thỉnh giảng: Hoàng Văn Lương
Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Chức danh: Phó Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Nắm được các đặc điểm về vi khuẩn Lao, dịch tễ học bệnh Lao, Chương trình chống Lao quốc gia	[CĐR1],	3
MT2	Các biểu hiện lâm sàng, nguyên tắc điều trị Lao người lớn và trẻ em, Lao ngoài phổi cũng như đặc điểm của Lao kháng thuốc và các biện pháp phòng bệnh Lao.	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh Lao thường gặp	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3
MT4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân Lao	[CĐR14],[CĐR16]	3
MT5	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người bệnh Lao, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	[CDDR14]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1. Nắm được các đặc điểm về vi khuẩn Lao, dịch tễ học bệnh Lao, Chương trình chống Lao quốc gia	CLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ, đặc điểm vi khuẩn lao
MT2: Các biểu hiện lâm sàng, nguyên tắc điều trị Lao người lớn và trẻ em, Lao ngoài phổi và các biện pháp phòng bệnh Lao.	CLO 2: Trình bày được các triệu chứng lâm sàng từng bệnh Lao nguyên tắc điều trị bệnh Lao thường gặp, biện pháp phòng bệnh Lao
MT3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh Lao thường gặp	CLO3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh Lao thường gặp
Kỹ năng	
MT 4 Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân bệnh lao	CLO4: Thực hiện đúng các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân bệnh Lao. CLO5: Thực hiện đúng các kỹ năng thăm khám lâm sàng với bệnh nhân bệnh Lao
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người bệnh Lao, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CLO6: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người bệnh Lao CLO7: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Đại cương về vi khuẩn lao, dịch tễ học bệnh lao	2						
Chương Trình chống lao quốc gia		2					
Điều trị bệnh lao		2	2	2	2	3	3

Lao ngoài phổi		2	2	2	2	3	3
Lao kháng thuốc		2	2	2	2	3	3
Bệnh lao trẻ em		2	2	2	2	3	3
Lao phổi người lớn		2	2	2	2	3	3
Dự phòng bệnh lao		2	2	2	2	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

- Bệnh lao có thể điều trị khỏi trên 90% các trường hợp bị mắc nếu người bệnh kiên trì điều trị đúng nguyên tắc. Phát hiện và điều trị sớm bệnh lao sẽ giảm thiểu được các di chứng nặng nề ảnh hưởng đến sức khỏe và khả năng lao động của người bệnh.

- Điều trị bệnh lao nhằm những mục đích: khỏi bệnh, giảm tỷ lệ tử vong, giảm tỷ lệ kháng thuốc cũng như giảm sự lây truyền trong cộng đồng và cuối cùng là thực hiện ước mơ muôn đời của loài người là thanh toán bệnh lao.

- Điều trị các bệnh là việc làm hết sức quan trọng và vô cùng phức tạp. Muốn việc điều trị có hiệu quả thì ngay từ đầu bệnh nhân phải được thăm khám lâm sàng tỉ mỉ, chỉ định các xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng phù hợp để đưa ra được chẩn đoán bệnh chính xác và đầy đủ. Từ đó mới có hướng điều trị kịp thời, an toàn mà hiệu quả.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Đại cương về vi khuẩn lao, dịch tễ học bệnh lao	02		Trình bày được đặc điểm vi khuẩn Lao Trình bày đặc điểm dịch tễ bệnh Lao
Chương Trình chống lao quốc gia	02		Trình bày chương trình chống Lao quốc gia
Điều trị bệnh lao	02		- Trình bày nguyên tắc điều trị, phác đồ điều trị bệnh Lao
Lao ngoài phổi	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý Lao ngoài Phổi - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý Lao ngoài Phổi
Lao kháng thuốc	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý Lao kháng thuốc - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý Lao kháng thuốc
Bệnh lao trẻ em	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý Lao trẻ em

			- Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý Lao trẻ em
Lao phổi người lớn	02		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý Lao Phổi người lớn - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý Lao Phổi người lớn
Dự phòng bệnh lao	01		-Phòng bệnh lao

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Bài giảng bệnh Lao - Học viện Y Dược Học cổ Truyền Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Hướng dẫn quản lý bệnh lao. NX- BYH. Hà Nội, Quyết định 374/ QĐ-TTg ngày 17/03/2014 của Chính Phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng chống lao đến năm 2020, tầm nhìn 2030

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Đại cương về vi khuẩn lao, dịch tễ học bệnh lao			01		
	Chương Trình chống lao quốc gia			01		
	Điều trị bệnh lao			01		
2	Lao ngoài phổi			01		
	Lao kháng thuốc			01		
	Bệnh lao trẻ em			01		
3	Lao phổi người lớn			01		
	Dự phòng bệnh lao					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
LÃO KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN**

Đối tượng đào tạo: Đại học, ngành: Y học cổ truyền

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Lão khoa Y học cổ truyền
- * Tiếng Anh: Traditional medicine Geriatrics
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 03 (2LT/1LS)
- Đối tượng học (năm thứ): 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/> x				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> x		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học qua kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của ngành. Đối với kiến thức chuyên ngành phải học qua kiến thức về nội YHCT, ngoại YHCT, phụ sản YHCT

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

- + Lý thuyết: 30 tiết
- + Bài tập: tiết
- + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- + Kiểm tra: tiết
- + Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ts. Nguyễn Thị Kim Ngân	0983315313	Ngan_duong1969@yahoo.com
2	Ths. Nguyễn Thị Hồng Yến	0983159129	Bshongyen69@gmail.com
3	PGS.Ts Phạm Vũ Khánh	0913563042	Bsypnamvukhanh@yahoo.com
4	Ts. Tống Thị Tam Giang	0912660287	bstongthitamgiang@gmail.com
5	Ts. Phạm Thủy Phương	0983654033	thuyphuongydhctvn@gmail.com
6	Ths. Phùng Thùy Trang	0942215189	Thuytrang811@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	[CĐR1],	3
MT2	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3
MT4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	[CĐR14],[CĐR16]	3
MT5	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	[CDDR14]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	CLO1: Trình bày được đặc điểm tâm lý, sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
MT2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi	CLO 2: Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân người cao tuổi
MT3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	CLO3: Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi
Kỹ năng	

MT 4 Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi	CLO4: Thực hiện đúng các kỹ năng tiếp xúc với bệnh nhân cao tuổi. CLO5: Thực hiện đúng các kỹ năng thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	CLO6: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi CLO7: Tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7
Đại cương Lão khoa YHHD và YHCT	2						
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHD và YHCT		2					
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường		2	2	2	2	3	3
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương		2	2	2	2	3	3
Giải đáp thắc mắc		2	2	2	2	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Môn học Bệnh học và Điều trị Lão bao gồm Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi theo quan điểm YHHD và YHCT. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý người cao tuổi theo YHHD và YHCT. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Lão khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHD.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Đại cương Lão khoa YHHĐ và YHCT	04		Trình bày được đặc điểm những thay đổi sinh lý và bệnh lý của người cao tuổi theo YHHĐ - Trình bày được cơ sở lý luận của YHCT về Lão khoa
Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT	04		Trình bày được nguyên tắc điều trị lão khoa YHHĐ và YHCT
Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp ở người cao tuổi	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Tai biến mạch máu não	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương	04		- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh lý theo YHCT và YHHĐ. - Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý theo YHCT và YHHĐ.
Giải đáp thắc mắc	04		Giải đáp thắc mắc

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- Giáo trình học tập: Lão khoa Y học cổ truyền - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bệnh học lão khoa, đại cương lão khoa – Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

T uầ n	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Đại cương Lão khoa YHHĐ			01	03	
	Nguyên tắc Điều trị Lão khoa YHHĐ và YHCT			01	03	
2	Bệnh học và Điều trị Đái tháo đường			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Tăng huyết áp			01	03	
	Bệnh học và Điều trị TBMMN			01	03	
3	Bệnh học và Điều trị Thoái hóa khớp, loãng xương			01	03	
	Bệnh học và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid			01	03	
	Giải đáp thắc mắc			02		

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn

đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DA LIỄU

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần: Da Liễu.

Tên môn học: Da Liễu.

Tên tiếng Anh: Dermatology

- Mã học phần:

- Số tín chỉ: 02 (1.0 LT/1.0 LS)

- Đối tượng học: Y5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Lâm sàng: 30 tiết

+ Kiểm tra: 10 tiết

+ Thời gian tự học: 45 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Da liễu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
	TS. Phan Thị Hoa	0988301005	dr.pthoa@gmail.com
	TS. Đỗ Thị Thu Hiền	0915807214	hienphuonglinh@yahoo.com
	ThS. Lã Thanh Hà	0906215619	
	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0906299155	methosoc2013@gmail.com
	ThS. Nguyễn Thị Phượng	0905566565	phuong.nguyen0901@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

3.1. Mục tiêu chung:

Môn học cung cấp các kiến thức lý thuyết và lâm sàng một số bệnh da liễu thường gặp kèm theo giáo trình, nguồn tài liệu về các chủ đề da liễu liên quan giúp sinh viên có khả năng mô tả được tổn thương cơ bản, chẩn đoán và điều trị một số bệnh da liễu thường gặp, biết tư vấn để phòng tránh một số bệnh da liễu. Thực hiện một số thủ thuật trên da. Bên cạnh đó, sinh viên phải tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức đã được quy định, học kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm với tác phong chuyên nghiệp.

3.2. Mục tiêu HP cụ thể

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT	Mức độ [4]
MT1	Trình bày được dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, tổn thương cơ bản những bệnh da liễu thường gặp.	[CĐR1],	3
MT2	Phân tích được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chỉ định hợp lý, điều trị chính xác, tư vấn cách phòng tránh bệnh da liễu thường gặp.	[CĐR1], [CĐR2]	3
MT3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh Da liễu thường gặp	[CĐR1], [CĐR2], [CĐR6]	3
MT4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân Da liễu	[CĐR14],[CĐR16]	3
MT5	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người bệnh, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.	[CDDR14]	3

4. Chuẩn đầu ra của môn Da liễu

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Mô tả được cấu trúc, chức năng của da
CLO2	Giải thích được: dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh những bệnh da liễu thường gặp.
CLO3	Lựa chọn được các tài liệu lý thuyết chuyên ngành và liên quan đến chuyên ngành để hiểu rõ kiến thức lý thuyết: triệu chứng, chẩn đoán,

	điều trị một số bệnh da liễu thường gặp
CLO4	Khai thác tiền sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án một cách tự tin, đầy đủ, chính xác. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt chẩn đoán xác định một số bệnh da liễu thường gặp.
CLO5	Thực hiện đúng một số quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng, cận lâm sàng cơ bản theo quy định của Bộ Y tế.
CLO6	Điều trị được một số bệnh da liễu thường gặp Tư vấn, đề xuất giải pháp những vấn đề liên quan đến bệnh da liễu thường gặp cho bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng
CLO7	Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức
CLO8	Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử tốt.
CLO9	Làm việc độc lập hoặc hội chẩn theo nhóm. Tự chịu trách nhiệm trong công tác khám, chữa bệnh và NCKH

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(mức M) hay mức thuần thục (H)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	14	15
CLO1	H														
CLO2	H														
CLO3	H														
CLO4						H									
CLO5						H									
CLO6						H				L					
CLO7															
CLO8														H	H
CLO9											M			H	M

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

- Học phần tự chọn đối với chuyên ngành YHCT
- Học phần bắt buộc đối với Y đa khoa
- Mục đích chính yếu của học phần là cho sinh viên làm quen với chuyên ngành da liễu, có thể chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa một số bệnh da liễu thường gặp.

- Nội dung chính của học phần là giảng dạy lý thuyết và lâm sàng một số tổn thương cơ bản, chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh da liễu thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần

Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP

Tuần/ Buổi (4tiết/)	Các nội dung cơ bản của bài học	Số tiết (LT/LS)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 2 bảng 7.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Tổn thương cơ bản	2/4	1.1 Mô tả được các tổn thương cơ bản trên da 1.2 Phân tích được tổn thương để đánh giá mức độ cấp, mãn, nặng, nhẹ của bệnh	CLO1 CLO2 CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1] và hình ảnh projector để hướng dẫn Đi lâm sàng: mô tả trên bệnh nhân cụ thể	- Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phân chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm)	
2	Bài 2: Viêm da cơ địa	2/4	2.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 2.2 Sử dụng được kiến thức trên để chẩn đoán và điều trị 2.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ thể Xác định rõ phương pháp nào tốt nhất trên từng bệnh nhân cụ thể	CLO1 CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	- GV sử dụng tài liệu và hình ảnh projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân viêm da cơ địa	- Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phân chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) SV làm bệnh án	

3	Bài 3: Viêm da tiếp xúc	2/4	3.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 3.2 Sử dụng được kiến thức trên để chẩn đoán và điều trị 3.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để Xác định rõ phương pháp điều trị tốt nhất.	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân viêm da tiếp xúc	Phản chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS	
4	Bài 4: Lậu	2/4	4.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 4.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 4.3. Xác định rõ phương pháp điều trị cho cả bệnh nhân và bạn tình. Phòng các bệnh lây truyền qua đường tình dục.	CLO1 CLO2,3 CLO4 CLO5 CLO6	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân lậu	Phản chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS	A1.1.
5	Bài 5: Ghẻ, Zona	2/4	5.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 5.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt,	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh	Phản chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) Đến bệnh viện: Làm	

			chẩn đoán xác định 5.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bệnh	CLO6	nhân lậu	bệnh án LS	
6	Bài 6: Trúng cá	2/4	6.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 6.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 6.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bệnh	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân		
7	Bài 7: các bệnh nấm nông thường gặp	2/4	7.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 7.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 7.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bệnh	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn GV: giảng trên bệnh nhân		A1.2.
8	Bài 8: Vẩy nến	2/4	8.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 8.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng				

			được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 8.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bệnh				
9	Bài 9: Cấu trúc da	2/4	9.1 Mô tả được cấu trúc da 9.2. Phân tích được các bệnh liên quan đến cấu trúc da	CLO1 CLO2	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn	Phản chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phản chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm)	A3
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/LS/TH): Xác định số tiết lý thuyết, lâm sàng, tự học.
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, ...); Hoạt động tại lớp và đến bệnh viện (thảo luận nhóm, làm bệnh án, thủ thuật khi đi lâm sàng).

-Cách tính điểm học phần:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{điểm lâm sàng} \times 1 + \text{Điểm Lý thuyết} \times 2) / 3$$

8. Tài liệu học tập.

8.1. Tài liệu chính (TLC)

8.1.1 Bộ môn Da liễu- Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam – Giáo trình Da liễu

8.2.2 Bộ môn Da liễu – Trường Đại học Y Hà Nội (2014) – Bệnh học Da liễu – NXB Y học

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

8.2.1 Văn Thế Trung (2020), Cẩm nang điều trị Da liễu, Nhà xuất bản Đại học Huế

8.2.2 Nguyễn Văn Thường (2019), Hình ảnh lâm sàng, chẩn đoán và điều trị trong chuyên ngành Da liễu, Nhà xuất bản y học.

8.2.3 Bộ y tế (2023), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh Da liễu.

8.2.4 Nguyễn Văn Thường. (2019). *Hình ảnh lâm sàng, chẩn đoán và điều trị trong chuyên ngành da liễu tập1, 2.* (NXB Y học)

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	Bài 1: Tổn thương cơ bản			1	3	
2	Bài 2: Viêm da cơ địa			1	3	
3	Bài 3: Viêm da tiếp xúc			1	3	
4	Bài 4: Lậu			1	3	
5	Bài 5: Ghẻ, Zona			1	3	
6	Bài 6: Trứng cá			1	3	
7	Bài 7: các bệnh nấm nông			1	3	
8	Bài 8: vẩy nến			1	3	

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Phòng học có máy chiếu

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phân biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành	≥ 4 điểm	Bệnh án+ Hỏi thi	
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	≥ 4 điểm		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA YLS
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN DA LIỄU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

DA LIỄU (Thực hành/lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Da liễu

* Tiếng Việt: Da liễu

* Tiếng Anh: Dermatology

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5126

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Da liễu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phan Thị Hoa	0988301005	dr.pthoa@gmail.com
2	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0906299155	methosoc2013@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Phượng	0905566565	phuong.nguyen0901@gmail.com
4	ThS Vũ Thị Thơm	0915642865	Drthomvu82@gmail.com
5	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông thường về da liễu, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh da liễu thường gặp.	[CĐR1], [CĐR4], [CĐR5] [CĐR7], [CĐR8], [CĐR9]	3
Kỹ năng			
MT2	Có khả năng khám, chẩn đoán, hướng xử trí và xử trí được một số bệnh về da liễu thường gặp	[CĐR5] [CĐR7]	5
MT3	Có kỹ năng làm việc độc lập, xử trí nhanh, chính xác.	[CĐR8], [CĐR9]	4
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR10] [CĐR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh thông	CLO1: Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân về da liễu CLO2: Vận dụng kiến thức để đưa ra chẩn đoán sơ bộ.

thường về da liễu, tuyến truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh da liễu thường gặp.	CLO 3: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày,	CLO 4: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.
MT3: Kỹ năng dẫn dắt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để chẩn đoán và xử trí bệnh	CLO 5: Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám bệnh tốt.
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	CLO6: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Cấu trúc da . Tổn thương cơ bản	3			3	2	2
Viêm da cơ địa	2	3		3	2	2
Viêm da tiếp xúc		3		3	2	2
Lậu Ghẻ			3	3	2	2
Bệnh Zona Pemphigus	2	2	2	3	3	3
Trứng cá	2		2		3	3
Nấm nông thường gặp	2	3	2	3	3	3
Vẩy nến	2	3	2	3	3	3

Thuốc thoa ngoài da & tổng quan xét nghiệm trong Da liễu	2	2	2	3	3	3
---	---	---	---	---	---	---

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bao gồm cách khám và làm bệnh án Da liễu, nắm được cách khám tổn thương cơ bản, dịch tễ, căn nguyên bệnh sinh và phân tích được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chỉ định hợp lý, điều trị chính xác, tư vấn cách phòng tránh bệnh da liễu thường gặp, nắm được các thuốc xử dụng trong Da liễu.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Cấu trúc da .			Đọc trước giáo trình, lắng nghe, quan sát và làm theo. Làm bệnh án và tham gia thảo luận với những bài tập nhóm
Tổn thương cơ bản	4	4	
Viêm da cơ địa	4	4	
Viêm da tiếp xúc	2	3	
Lậu Ghẻ	4	4	
Bệnh Zona Pemphigus	2	4	
Trứng cá	4	4	
Nấm nông thường gặp	2	3	
Vẩy nến	4	4	
Thuốc thoa ngoài da & tổng quan xét nghiệm trong Da liễu	4	4	

8. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Bộ môn Da liễu	2015	Bệnh học da liễu	Lưu hành nội bộ
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Trường ĐH Y Hà nội – Bộ môn Da liễu	1992	Bệnh da liễu	Nhà xuất bản Y học
3	Trường ĐH Y Hà nội – Bộ môn Da liễu	1994	Bài giảng Da liễu	Nhà xuất bản Y học

4	Bộ môn Da liễu - Đại học Y Hà Nội	2014	Bệnh học Da liễu	Nhà xuất bản Y học
5	Bộ Y Tế	2012	Da liễu học	Nhà xuất bản Giáo dục
6	Học viện Quân Y – Bộ môn Da liễu	2008	Bệnh da và hoa liễu	Nhà xuất bản Quân hội nhân dân
7	Trần Sỹ Viên	2003	Các thuốc chữa bệnh ngoài da – Da liễu - Phong	Nhà xuất bản Y học
8	M.Mackie,Rona	2002	Lâm sàng Da liễu	Nhà xuất bản Y học
9	Việt Hà, Phan Hoa, Bích Thủy, Hải Yến	2011	Các bệnh Da liễu thường gặp	Nhà xuất bản Y học
10	Hoàng Văn Minh	2002	Chẩn đoán bệnh da liễu bằng hình ảnh và cách điều trị	Nhà xuất bản Y học
11	Hoàng Văn Minh	2001	Chẩn đoán bệnh da liễu bằng hình ảnh và cách điều trị	Nhà xuất bản Y học

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	
1	Cấu trúc da .	4					4

	Tôn thương cơ bản						
2	Viêm da cơ địa	2				2	4
3	Viêm da tiếp xúc	2					2
4	Lậu Ghẻ	2				2	4
5	Bệnh Zona Pemphigus	2					2
6	Trúng cá	2				2	4
7	Nấm nông thường gặp	2					2
8	Vảy nến	2				2	4
9	Thuốc thoa ngoài da & tổng quan xét nghiệm trong Da liễu	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyên tài cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Có máy tính và projector, mô hình, bệnh nhân, máy soi da, kính lúp....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng lâm sàng buổi nào, không đến chậm quá 15 phút

- Sinh viên phải có bệnh án chuẩn bị nộp trước, báo cáo bệnh nhân theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên

- Sinh viên không có bệnh án nộp coi như bị điểm F

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm)			
	Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Bài tập (40%) + báo cáo slide (30%) + trả lời vấn đáp, phản biện (30%)			
	Cấu trúc da . Tổn thương cơ bản	25%	≥ 4	CLO 1 đến CLO6
	Viêm da cơ địa	25%	≥ 4	
	Viêm da tiếp xúc	25%	≥ 4	
	Lậu Ghẻ	25%	≥ 4	
	Bệnh Zona Pemphigus	25%	≥ 4	
	Trúng cá	25%	≥ 4	
	Nấm nông thường gặp	25%	≥ 4	
	Vảy nến			
	Thuốc thoa ngoài da & tổng quan xét nghiệm trong Da liễu			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Trung bình cộng điểm các bài thảo luận	100%	≥ 4	CLO1 - CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần Da liễu).
- Điểm kết thúc thực hành lâm sàng là trung bình cộng điểm của các bài thực hành lâm sàng

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH

* Tiếng Việt: **Dị ứng – Miễn dịch**

* Tiếng Anh: **Allergy and Clinical Immunology**

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 1.0 LT, 1.0 LS

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Da liễu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Bùi Văn Dân	0982841169	Buivandan@hmu.edu.vn
2	ThS.BSNT. Nguyễn Thị Thu Lan	0352325425	Nguyenlan1808@gmail.com
3	ThS.BSNT. Nguyễn Mạnh Linh	0982758227	Dr.linh1992@gmail.com
4	ThS.BSNT. Nguyễn Lê Hà	0969981590	Doctorha1990@gmail.com
5	ThS.BSNT. Nguyễn Văn Hồng Quân	0987356872	humdrquan@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguyên nhân, sinh bệnh học Bệnh lý Dị ứng – Miễn dịch. - Phân tích các triệu chứng bệnh, đưa ra cách lập luận để hướng tới chẩn đoán một số Bệnh Dị ứng. 	[CDR1], [CDR 3]	3
MT2	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra các tiêu chuẩn chẩn đoán một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch. - Hiểu được các giai đoạn, diễn biến, tiên triển của Bệnh Dị ứng. - Đánh giá được nguyên tắc điều trị một số Bệnh Dị ứng. 	[CDR6] [CDR9]	3
Kỹ năng			
	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng thảo luận nhóm. - Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện - Thu thập và xử lý thông tin. - Kỹ năng báo cáo, thu thập và xử lý thông tin, trình bày. 	[CDR9] [CDR10]	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CDR11]	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: Trình bày được nguyên nhân, sinh bệnh học Bệnh lý Dị ứng – Miễn dịch.</p> <p>- Phân tích các triệu chứng bệnh, đưa ra cách lập luận để hướng tới chẩn đoán một số Bệnh Dị ứng.</p> <p>MT2: Đưa ra các tiêu chuẩn chẩn đoán một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch.</p> <p>- Hiểu được các giai đoạn, diễn biến, tiến triển của Bệnh Dị ứng.</p> <p>- Đánh giá được nguyên tắc điều trị một số Bệnh Dị ứng.</p>	<p>CLO1: Giải thích được: dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh những bệnh Dị ứng thường gặp.</p> <p>Mô tả được một số tổn thương cơ bản có trong bệnh Dị ứng – Miễn dịch.</p> <p>Khám được các triệu chứng lâm sàng trên bệnh nhân mắc bệnh Dị ứng.</p> <p>CLO 2:</p> <p>Khám, chẩn đoán được bệnh nhân mắc bệnh Dị ứng – Miễn dịch. Đưa ra được chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý dị ứng.</p> <p>Lượng giá được tiến triển diễn biến của bệnh nhân mắc bệnh Dị ứng, sơ bộ chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí đúng.</p> <p>CLO3: Trên cơ sở chẩn đoán đúng sẽ cho phác đồ điều trị đúng với một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp, kết hợp tuyên truyền phòng bệnh cho người dân.</p>
Kỹ năng	
<p>MT3: Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày.</p> <p>Làm việc độc lập hoặc hội chẩn theo nhóm.</p>	<p>CLO 4: Vận dụng hiểu biết của mình về kiến thức bệnh Dị ứng giúp điều trị phòng ngừa, tư vấn khả năng tái phát cho người bệnh.</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc</p>	<p>CLO 5: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.</p> <p>Tự chịu trách nhiệm trong công tác khám, chữa bệnh và NCKH.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Bài 1: Lupus ban đỏ hệ thống	1		2	2	1
Bài 2: Viêm mạch IgA	2		2	2	1
Bài 3: Dị ứng thuốc		2	2	2	1
Bài 4: Hen phế quản		2	2	2	1
Bài 5: Dị ứng vaccine		2		2	1
Bài 6: Sóc phản vệ			2	1	1
Bài 7: Mày đay – Phù mạch		2	2		1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung Mắt gồm: Giải phẫu và sinh lý mắt, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh mắt thông thường. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Bài 1: Lupus ban đỏ hệ thống	2			2	Đọc lại giải phẫu trước, chấp hành nội quy học tập của lớp	
Bài 2: Viêm mạch IgA	2			2	Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp	
Bài 3: Dị ứng thuốc	4			4	Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp	
Bài 4: Hen phế quản	2			2	Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp	
Bài 5: Dị ứng vaccine	1			1	Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy	

						học tập của lớp
Bài 6: Sốc phản vệ	2			2		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bài 7: Máy đay – Phù mạch	2			2		Đọc giáo trình trước; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- [1]. Nguyễn Năng An (2022). *Bài giảng Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng*. Bộ y tế, Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học năm 2022.
- [2]. Văn Đình Hoa; Nguyễn Ngọc Lanh (2011). *Sinh lý bệnh và Miễn dịch*. Bộ y tế, Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học năm 2011.
- [3]. Nguyễn Ngọc Lanh (2009). *Miễn dịch học*. Sinh lý bệnh và Miễn dịch. Bộ y tế, Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học năm 2009.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Bài 1: Lupus ban đỏ hệ thống	2	15p	30p	60p	20p	2
2	Bài 2: Viêm mạch IgA	2	15p	30p	60p	20p	1
3	Bài 3: Dị ứng thuốc	4	15p	30p	60p	20p	2
4	Bài 4: Hen phế quản	2	15p	30p	60p	20p	2
5	Bài 5: Dị ứng vaccine	1	15p	30p	60p	20p	1
6	Bài 6: Sốc phản vệ	2	15p	30p	60p	20p	1
7	Bài 7: Máy đay – Phù mạch	2	15p	30p	60p	20p	2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO3].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO6
 - ✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
 - ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
 - ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
 - ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
 - ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH (Thực hành/lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH

* Tiếng Việt: **Dị ứng – Miễn dịch**

* Tiếng Anh: **Allergy and Clinical Immunology**

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5132

- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1.0

- Đối tượng học (năm thứ): 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Mắt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Bùi Văn Dân	0982841169	Buivandan@hmu.edu.vn
2	ThS.BSNT. Nguyễn Thị Thu Lan	0352325425	Nguyenlan1808@gmail.com
3	ThS.BSNT. Nguyễn Mạnh Linh	0982758227	Dr.linh1992@gmail.com
4	ThS.BSNT. Nguyễn Lê Hà	0969981590	Doctorha1990@gmail.com
5	ThS.BSNT. Nguyễn Văn Hồng Quân	0987356872	humdrquan@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh Dị ứng, tư vấn điều trị dự phòng bệnh lý Dị ứng.	[CĐR1], [CĐR4], [CĐR5] [CĐR7], [CĐR8], [CĐR9]	3
Kỹ năng			
MT2	Có khả năng khám, chẩn đoán, hướng xử trí và xử trí được một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng.	[CĐR5] [CĐR7]	5
MT3	Có kỹ năng làm việc độc lập, xử trí nhanh, chính xác.	[CĐR8], [CĐR9]	4
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	[CĐR10] [CĐR11],	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
MT1: Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh Dị ứng, tư vấn	CLO1: Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân Dị ứng – Miễn dịch. CLO2: Vận dụng kiến thức để đưa ra chẩn đoán sơ bộ. CLO 3: Vận dụng kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán chính xác và có hướng xử trí phù hợp.

điều trị dự phòng bệnh lý Dị ứng.	
MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng về thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày.	CLO 4: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, lập tóm tắt bệnh án, hướng xử trí.
MT3: Kỹ năng dân dốt, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để chẩn đoán và xử trí bệnh nhân mắc bệnh Dị ứng – Miễn dịch.	CLO 5: Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám bệnh tốt.
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	CLO6: Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
<i>Phương pháp khám mắt, cách làm bệnh án mắt.</i>	3			3	2	2
<i>Phương pháp đo thị lực</i>	2	3		3	2	2
<i>Phương pháp đo thị trường ước lượng</i>		3		3	2	2
<i>Phương pháp đo nhãn áp</i>			3	3	2	2
<i>Cách nhỏ thuốc , tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt</i>	2	2	2	3	3	3
<i>Các thuốc điều trị trong nhãn khoa</i>	2		2		3	3
<i>Chấp lẹo và cách xử lý</i>	2	3	2	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bao gồm cách khám và làm bệnh án mắt, nắm được các phương pháp đo thị lực, thị trường, nhãn áp, cách xử trí chấp lẹo, cách tra, nhỏ, rửa mắt, nắm được các thuốc xử dụng trong nhãn khoa.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thảo luận (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài 1: Cách khám và làm bệnh án Dị ứng – Miễn dịch.	4	4	Đọc trước giúp trình, lắng nghe, quan sát và làm theo.
Bài 2: Nhận biết tổn thương cơ bản trong Bệnh lý Dị ứng – Miễn dịch.	4	4	
Bài 3: Các Test chẩn đoán: test da (test lấy da, test nội bì, test áp), test kích thích, IgE đặc hiệu, test hoạt hóa bạch cầu ái kiềm, Test chuyển dạng Lympho bào.	4	4	
Bài 4: Phân độ Phản vệ	4	4	
Bài 5: Chẩn đoán bệnh Mày đay	3	3	
Bài 6: Dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng trong bệnh Lupus ban đỏ	4	4	
Bài 7: Cận lâm sàng trong bệnh Viêm mao mạch dị ứng, Hen phế quản.	4	3	
Bài 8: Dấu hiệu lâm sàng trong Dị ứng Vaccine	3	3	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Nguyễn Năng An (2022). *Bài giảng Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng*. Bộ y tế, Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học năm 2022.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Văn Đình Hoa; Nguyễn Ngọc Lanh (2011). *Sinh lý bệnh và Miễn dịch*. Bộ y tế, Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học năm 2011.

[2]. Nguyễn Ngọc Lanh (2009). *Miễn dịch học*. Sinh lý bệnh và Miễn dịch. Bộ y tế, Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học năm 2009.

8.3. Phần mềm:

[...] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trên lớp
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	Thảo luận	

							(giờ)
1	Bài 1: Cách khám và làm bệnh án Dị ứng – Miễn dịch.	4					4
2	Bài 2: Nhận biết tổn thương cơ bản trong Bệnh lý Dị ứng – Miễn dịch.	4					4
3	Bài 3: Các Test chẩn đoán: test da (test lấy da, test nội bì, test áp), test kích thích, IgE đặc hiệu, test hoạt hóa bạch cầu ái kiềm, Test chuyển dạng Lympho bào.	4					4
4	Bài 4: Phân độ Phản vệ	4					4
5	Bài 5: Chẩn đoán bệnh Mày đay	4					4
6	Bài 6: Dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng trong bệnh Lupus ban đỏ	4					4
7	Bài 7: Cận lâm sàng trong bệnh Viêm mao mạch dị ứng, Hen phế quản.	4					4
8	Bài 8: Dấu hiệu lâm sàng trong Dị ứng Vaccine	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR CLO1 đến CLO6

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình

Động não

Phản biện

Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra và CDR1 – CLO4

Học tập thảo luận đạt CLO1 và CLO6

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tải cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Có máy tính và projector, mô hình, bệnh nhân, máy đo thị lực, nhãn áp....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng lâm sàng buổi nào, không đến chậm quá 15 phút
- Sinh viên phải có bệnh án chuẩn bị nộp trước, báo cáo bệnh nhân theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phân biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên
- Sinh viên không có bệnh án nộp coi như bị điểm F.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: (hệ 10 điểm) Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Bài tập (40%) + báo cáo slide (30%) + trả lời vấn đáp, phản biện (30%)			
	Bài 1:	25%	≥ 4	CLO 1 đến CLO6
	Bài 2:	25%	≥ 4	
	Bài 3	25%	≥ 4	
	Bài 4	25%	≥ 4	
	Bài 5:	25%	≥ 4	
	Bài 6:	25%	≥ 4	
	Bài 7:	25%	≥ 4	
	Bài 8:	25%	≥ 4	
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng (hệ 10 điểm)			
	Trung bình cộng điểm các bài thảo luận	100%	≥ 4	CLO1 - CLO6

12.3. Điểm đánh giá học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần mắt).
- Điểm kết thúc thực hành lâm sàng là trung bình cộng điểm của các bài thực hành lâm sàng
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TÁC PHẨM KINH ĐIỂN Y HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
 Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Việt Nam
- * Tiếng Việt: Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Việt Nam
- * Tiếng Anh: Traditional Viet Nam Medicine Classics
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02 TC
- Đối tượng học (năm thứ): 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: lý luận cơ bản YHCT, chẩn đoán YHCT
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 26 tiết
 - + Bài tập: 00 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
 - + Kiểm tra: 01 tiết
 - + Thời gian tự học: 00 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
2	TS. Trần Thị Hồng Ngãi	0915009672	ngaidytw72@yahoo.com
3	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	huyenguyenyhcthn@gmail.com
4	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	khang.leduc@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	lannguyenhn88@gmail.com
6	Ths. Lưu Minh Trung	0395566604	bs.minhtrung.71@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	0982626725	trangnguyen0087@gmail.com
8	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Bsthumay@gmail.com

9	TS. Nguyễn Duy Tuân	0828991883	tuanzibi@gmail.com
---	---------------------	------------	--

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Hiểu được thân thể, sự nghiệp, quan điểm điều trị bệnh của các y gia trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam.	[CĐR4],	3
MT2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam.	[CĐR1], [CĐR 2]	2
Kỹ năng			
	Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam	[CĐR6]	2
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CĐR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam.	CLO1: Hiểu được thân thể, sự nghiệp, quan điểm điều trị bệnh của các y gia trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam. CLO 2: Hiểu được các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam

Kỹ năng	
MT2: Vận dụng được một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị bằng YHCT	CLO 3: Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 4: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Lịch sử YHCT Việt Nam	3	3		
Thân thế sự nghiệp Tuệ Tĩnh	2	3		
Thân thế sự nghiệp Hải Thượng Lãn Ông	2	3		
Chuyên đề thuốc Nam Tuệ Tĩnh	2	3		
Chuyên đề thuốc Nam Nguyễn Kiềm	2	3		
Chuyên đề Thủy Hỏa		3	3	
Chuyên đề hàn nhiệt, hư thực		3	3	4
Chuyên đề y dịch		3	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam là học phần tự chọn được giảng dạy vào năm thứ 6 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám chữa bệnh bằng YHCT.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Lịch sử YHCT Việt Nam 1. Đại cương về lịch sử YHCT Việt Nam 2. Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu và các công trình Y học mang đậm bản sắc Y học cổ truyền Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Thân thế sự nghiệp Tuệ Tĩnh 1. Sơ lược về tác giả Tuệ Tĩnh 2. Sự kế thừa và phát huy 3. Sơ lược tác phẩm “Nam dược thần hiệu” 4. Sơ lược sách “Hồng nghĩa giác tư y thư”	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Thân thế sự nghiệp Hải Thượng Lãn Ông 1. Sơ lược về Hải Thượng Lãn Ông: thân thế, sự nghiệp 2. Các tác phẩm y học cùng kỳ 3. Sơ lược tác phẩm “Hải thượng y tông tâm lĩnh”. 4. Vấn đề Y đức theo quan điểm của Hải thượng lãn ông	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Chuyên đề thuốc Nam Tuệ Tĩnh 1. Một vài nét về sự nghiệp trước tác của Đại Y Thiên	3			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện,

<p>Sư Tuệ Tĩnh</p> <p>2. Đại cương của Thương hàn luận</p> <p>3. Phương pháp vận phương của Đại Y Thiên sư Tuệ Tĩnh trong việc vận dụng 1 số bài thuốc trong Tam thập thất trừu phương</p> <p>4. Phân tích được phương pháp vận phương của Đại Y Thiên sư Tuệ Tĩnh trong việc vận dụng số bài thuốc trong Thập tam phương</p>						trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Chuyên đề thuốc Nam Nguyễn Kiều</p> <p>1. Thân thế sự nghiệp của lương y Nguyễn Kiều</p> <p>2. Nguyên tắc dùng thuốc</p> <p>3. Mười nguồn bệnh</p> <p>4. Giới thiệu một số vị thuốc, bài thuốc nam</p>	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Chuyên đề Thủy Hỏa</p> <p>1. Thái cực</p> <p>2. Tiên thiên</p> <p>3. Tâm thận thông nhau</p> <p>4. Thăng giáng của thủy hỏa</p> <p>5. Ứng dụng học thuyết thủy hỏa của Hải Thượng Lãn Ông</p>	3		1	4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
<p>Chuyên đề hàn nhiệt, hư thực</p> <p>1. Khái niệm hư thực</p> <p>2. Hư thực trong Y hải cầu nguyên</p> <p>3. Thực chứng và hư chứng</p> <p>4. Truyền biến hư thực</p> <p>5. Biện chứng hàn nhiệt</p> <p>6. Phân biệt hàn chứng và</p>	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

nhiệt chứng 7. Điều trị hàn nhiệt						
Chuyên đề Y Dịch 1. Dịch lý với y lý 2. Lược thảo về kinh dịch	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình học tập:

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2021), *Tác phẩm Kinh điển Y học cổ truyền Việt Nam*, tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Hải thượng lãn ông (năm 2008), Hải thượng Y Tông Tâm Lĩnh, Nhà xuất bản Y học.

[2] Tuệ Tĩnh Toàn Tập (năm 2007), Nhà xuất bản Y học.

[3] Kinh dịch ứng dụng trong YHCT (năm 2021), Nhà xuất bản Y học..

[4] Lương Y Nguyễn Kiều – Một dấu son của nền Y học dân tộc Việt Nam thế kỷ 20 (năm 2015), Học viện Y dược học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Lịch sử YHCT Việt Nam 1. Đại cương về lịch sử YHCT Việt Nam 2. Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu và các công trình Y học mang đậm bản sắc Y học cổ truyền Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	4					2
2	Thân thế sự nghiệp Tuệ Tĩnh 1. Sơ lược về tác giả Tuệ Tĩnh	4					2

	<p>2. Sự kế thừa và phát huy</p> <p>3. Sơ lược tác phẩm “Nam dược thần hiệu”</p> <p>4. Sơ lược sách “Hồng nghĩa giác tư y thư”</p>						
3	<p>Thân thể sự nghiệp Hải Thượng Lãn Ông</p> <p>1. Sơ lược về Hải Thượng Lãn Ông: thân thể, sự nghiệp</p> <p>2. Các tác phẩm y học cùng kỳ</p> <p>3. Sơ lược tác phẩm “Hải thượng y tông tâm lĩnh”.</p> <p>4. Vấn đề Y đức theo quan điểm của Hải thượng lãn ông</p>	4					2
4	<p>Chuyên đề thuốc Nam Tuệ Tĩnh</p> <p>1. Một vài nét về sự nghiệp trước tác của Đại Y Thiên Sư Tuệ Tĩnh</p> <p>2. Đại cương của Thương hàn luận</p> <p>3. Phương pháp vận phương của Đại Y Thiên sư Tuệ Tĩnh trong việc vận dụng 1 số bài thuốc trong Tam thập thất truy phương</p> <p>4. Phân tích được phương pháp vận phương của Đại Y Thiên sư Tuệ Tĩnh trong việc vận dụng số bài thuốc trong Thập tam phương</p>	4					2
5	<p>Chuyên đề thuốc Nam Nguyễn Kiền</p> <p>1. Thân thể sự nghiệp của lương y Nguyễn Kiền</p> <p>2. Nguyên tắc dùng thuốc</p> <p>3. Mười nguồn bệnh</p> <p>4. Giới thiệu một số vị thuốc, bài thuốc nam</p>	4					2
6	<p>Chuyên đề Thủy Hỏa</p> <p>1. Thái cực</p>	3	1				2

	2. Tiên thiên 3. Tâm thận thông nhau 4. Thăng giáng của thủy hỏa 5. Ứng dụng học thuyết thủy hỏa của Hải Thượng Lãn Ông						
7	Chuyên đề hàn nhiệt, hư thực 1. Khái niệm hư thực 2. Hư thực trong Y hải cầu nguyên 3. Thực chứng và hư chứng 4. Truyền biến hư thực 5. Biện chứng hàn nhiệt 6. Phân biệt hàn chứng và nhiệt chứng 7. Điều trị hàn nhiệt	4					2
8	Chuyên đề Y Dịch 1. Dịch lý với y lý 2. Lược thảo về kinh dịch	2					1

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp / Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn CLO3, CLO4]

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt chuẩn CLO4

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm. Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	30%		CĐR 4
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	70%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần được).
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm chuyên cần x 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TÁC PHẨM KINH ĐIỂN Y HỌC CỔ TRUYỀN TRUNG QUỐC

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Trung Quốc
- * Tiếng Việt: Tác phẩm kinh điển y học cổ truyền Trung Quốc
- * Tiếng Anh: Traditional Chinese Medicine Classics
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02 TC
- Đối tượng học (năm thứ): 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: lý luận cơ bản YHCT, chẩn đoán YHCT
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 26 tiết
 - + Bài tập: 00 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
 - + Kiểm tra: 01 tiết
 - + Thời gian tự học: 00 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y lý YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
2	TS. Trần Thị Hồng Ngải	0915009672	ngaidytw72@yahoo.com
3	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	huyenguyenyhcthn@gmail.com
4	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	khang.leduc@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	lannguyenhn88@gmail.com
6	Ths. Lưu Minh Trung	0395566604	bs.minhtrung.71@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	0982626725	trangnguyen0087@gmail.com
8	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Bsthumay@gmail.com
9	TS. Nguyễn Duy Tuân	0828991883	tuanzibi@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Hiểu được thân thể, sự nghiệp, quan điểm điều trị bệnh của các y gia trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc	[CDR4],	3
MT2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc.	[CDR1], [CDR 2]	2
Kỹ năng			
	Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc.	[CDR6]	2
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CDR14]	2

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc.	CLO1: Hiểu được thân thể, sự nghiệp, quan điểm điều trị bệnh của các y gia trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc. CLO 2: Hiểu được các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc.
Kỹ năng	

MT2: Vận dụng được một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị bằng YHCT	CLO 3: Khám, Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp bằng cách vận dụng một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc .
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	CLO 4: Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Dưỡng sinh	3	3		
Âm dương	2	3		
Tạng tượng	2	3		
Kinh lạc	2	3		
Bệnh năng	2	3		
Phép tắc trị liệu		3	3	
Thương hàn luận		3	3	4
Ôn bệnh học		3	3	
Kim quỹ yếu lược		3	3	

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc là học phần tự chọn được giảng dạy vào năm thứ 6 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám chữa bệnh bằng YHCT.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
Dưỡng sinh: 1. Ý nghĩa và nguyên tắc dưỡng sinh 2. Dưỡng sinh bốn mùa	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Âm dương: 1. Đại cương 2. Kinh văn trong Nội kinh.	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Tạng tượng: 1. Đại cương 2. Kinh văn trong Nội kinh.	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Kinh lạc: 1. Đại cương 2. Mười hai đường kinh 3. Bát mạch kỳ kinh. 4. Huyệ vị	3			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Bệnh năng: 1. Đại cương 2. Bệnh nguyên và bệnh cơ	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Phép tắc trị	3		1	4		Chuẩn bị bài trước cả về báo

liệu: 1. Đại cương 2. Nguyên tắc điều trị						cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Thương hàn luận : 1. Nội dung cơ bản của Thương Hàn Luận. 2. Biện chứng luận trị lục kinh bệnh chứng.	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Ôn bệnh học: 1. Đại cương về tác phẩm 2. Định nghĩa ngoại cảm ôn bệnh 3. Nguyên nhân gây bệnh 4. Bệnh học và điều trị	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Kinh quỹ yếu lược: 1. Nội dung chính của Kim quỹ yếu lược 2. Biện chứng luận trị Hung tý, tâm thống, đoản khí	2			2		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Giáo trình học tập:

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2021), *Tác phẩm Kinh điển Y học cổ truyền Trung Quốc*, tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Nội kinh, Đại học Y Hà nội, NXB Y học

[2] Thương hàn luận, Đại học Y Hà nội, NXB Y học..

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)						Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
	Nội dung	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	Dưỡng sinh: 1. Ý nghĩa và nguyên tắc dưỡng sinh 2. Dưỡng sinh bốn mùa	4					2
2	Âm dương: 1. Đại cương 2. Kinh văn trong Nội kinh.	4					2
3	Tạng tượng: 1. Đại cương 2. Kinh văn trong Nội kinh.	4					2
4	Kinh lạc: 1. Đại cương 2. Mười hai đường kinh 3. Bát mạch kỳ kinh. 4. Huyết vị	4					2
5	Bệnh nãg: 1. Đại cương 2. Bệnh nguyên và bệnh cơ	4					2
6	Phép tắc trị liệu: 1. Đại cương 2. Nguyên tắc điều trị	3	1				2
7	Thương hàn luận : 1. Nội dung cơ bản của Thương Hàn Luận. 2. Biện chứng luận trị lục kinh bệnh chứng	4					2
8	Ôn bệnh học:	2					1

	1. Đại cương về tác phẩm 2. Định nghĩa ngoại cảm ôn bệnh 3. Nguyên nhân gây bệnh 4. Bệnh học và điều trị						
9	Kinh quĩ yếu lược: 1. Nội dung chính của Kim quĩ yếu lược 2. Biện chứng luận trị Hung tý, tâm thống, đoản khí	2					1

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt chuẩn [CLO3,CLO4]

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt chuẩn CLO4

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	30%		CĐR 4
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	70%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm/tự luận (phần dược).

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm chuyên cần x 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2.0)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP KHỎI

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT
Mã số đào tạo: 7720115

I. Tổng quát chung

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần: Thực tập nghề nghiệp
- + Tiếng Việt: Thực tập nghề nghiệp
- + Tiếng Anh: Vocational internship
- Mã học phần: TRAD5119
- Số tín chỉ lâm sàng: 03 tín chỉ
- Đối tượng học (năm thứ): Học kỳ 2 năm thứ 6 (học kỳ 12)
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Học xong tất cả các học phần (tín chỉ) trong chương trình đào tạo bác sĩ YHCT.
- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Y học lâm sàng và phòng Đào tạo đại học.

2. Mục tiêu chung của học phần:

2.1. Chuẩn kiến thức

- Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và y học lâm sàng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.
- Vận dụng được y học dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe.
- Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

2.2. Chuẩn kỹ năng

- Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh lý phổ biến.
- Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm.

- Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ Y khoa; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.
- Xác định được các vấn đề sức khỏe thông thường trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất các giải pháp thích hợp.
- Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.
- Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn một cách an toàn và hiệu quả.

2.3. Chuẩn thái độ

- Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe.
- Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

3. Mô tả học phần

Đây là học phần giữ vị trí quan trọng cốt lõi về kỹ năng với nội dung giúp sinh viên quan sát, tìm hiểu, phân tích, đánh giá những công việc trong hoạt động thực tế nghề nghiệp, sát với việc làm sau khi tốt nghiệp.

+ Học phần thực tập nghề nghiệp được thực hiện khi sinh viên đã học xong các học phần khác trong chương trình đào tạo Y khoa. Bao gồm 03 tín chỉ, hoàn thành thực hành trong 08 tuần.

+ Mỗi sinh viên thực tập chuyên ngành tại các Bệnh viện YHCT.

+ Sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập, giao chỉ tiêu cùng mức độ cần đạt, các mẫu báo cáo nhóm, mẫu bệnh án trước khi đi thực tập nghề nghiệp.

4. Phân bố thời gian

- Thực hành lâm sàng theo lịch vào giờ hành chính tại các khoa của Bệnh viện
- Tham gia điều trị, trực đêm và các hoạt động chuyên môn khác theo sự phân công của khoa.
- Tự học thực hành, bổ sung kiến thức theo yêu cầu thực tế.

5. Bệnh viện thực hành: Các bệnh viện YHCT đã liên hệ.

- Thời gian thực tập nghề nghiệp: 08 tuần (7/3- 29/4/2022)

6. Phương pháp đánh giá học phần

***Thang điểm và cách tính điểm đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

*Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	10		
	Điểm bệnh án	20		
2	Điểm thi kết thúc lâm sàng			
	Hỏi thi lâm sàng	70		Điểm đạt: > 5.0

7. Yêu cầu của học phần

*Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy lâm sàng:

- Tổ chức theo mô hình, sắp xếp của cơ sở thực tập nghề nghiệp.
- Trang thiết bị máy móc hiện có, thuốc, hàng hóa, hồ sơ quản lý, hồ sơ kỹ thuật và tài liệu tại các cơ sở đến thực tập nghề nghiệp liên quan.

- Có khoa phòng buồng bệnh đầy đủ trang thiết bị thăm khám lâm sàng

- Có bệnh nhân

- Có các vật tư y tế phục vụ thăm khám bệnh nhân

*Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên đi học (làm việc) theo lịch làm việc của khoa, tham gia trực ít nhất 2 lần/tuần, chủ động bố trí tự học tập.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của nhà trường, bộ môn, bệnh viện, khoa khi đi thực tế.

- Mỗi tuần hoàn thành 01 bệnh án

- Đi lâm sàng, đi trực đầy đủ, đúng giờ

- Rèn luyện thái độ, kỹ năng lâm sàng

- Hoàn thành đầy đủ các chỉ tiêu thực tế nghề nghiệp

- Sinh viên không nộp nhật ký và báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài

- Sinh viên nghỉ học có lý do phải được sự đồng ý của cán bộ phụ trách tại cơ sở; đồng thời báo cáo cho giảng viên hướng dẫn.

8. Tài liệu học tập, tham khảo

*Tài liệu học tập

*Tài liệu tham khảo

II. NỘI DUNG CHI TIẾT CHUYÊN NGÀNH (BỘ MÔN)

1. NỘI KHOA

1.1. Thông tin giảng viên (Cơ hữu):

TT	Họ và tên giảng viên	Số ĐT	Email	Bệnh viện
1	Nguyễn Minh Hà	0915965596	bsminhha99@gmail.com	BV Đa khoa YHCT Hà Nội
2	Trần Thị Thu Hương	0985815138	huongthuviet@gmail.com	BV YHCT Hà Đông

1.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tại cơ sở thực tập nghề nghiệp

TT	Họ và tên giảng viên	Số điện thoại	Email	Bệnh viện
1	Trần Quốc Hùng			BV Đa khoa YHCT Hà Nội
2	Nguyễn Thị Thu Hằng			
3	Vũ Minh Hoàn			
1	Lại Đoàn Hạnh			BV YHCT Hà Đông
2	Nguyễn Minh Cường			
3	Trần Thụy Sỹ			
4	Lê Xuân Tiến			
5	Nghiêm Thị Thanh Hương			
6	Lê Anh Tuấn			
7	Lê Thị Tranh			
8	Lê Thị Hương			
9	Bùi Văn Tuấn			
10	Vũ Phương Ngọc			
11	Vũ Thị Mận			
12	Nguyễn Chí Tâm			
13	Lê Thị Kim Oanh			
14	Mai Thị Hằng			

TT	Họ và tên giảng viên	Số điện thoại	Email	Bệnh viện
15	Trần Phương Thủy			
16	Phạm Thị Hải			

1.3. Nội dung học phần

STT	Nội dung	Số tiết QC	Giảng viên
1	Cách làm bệnh án Nội khoa YHCT	2	Giảng viên Bộ môn và giảng viên thỉnh giảng tại bệnh viện
2	Giảng lâm sàng Đau thần kinh tọa	2	
3	Bệnh bệnh án Viêm khớp dạng thấp	2	
4	Giảng lâm sàng Viêm loét DDTT	2	
5	Giảng lâm sàng Viêm phế quản mạn	2	
6	Giảng lâm sàng Hen phế quản	2	
7	Bệnh bệnh án Đái tháo đường	2	
8	Giảng lâm sàng RLCHLP máu	2	
9	Giảng lâm sàng Tăng huyết áp	2	
10	Giảng lâm sàng Viêm cầu thận mạn	2	
11	Bệnh bệnh án Viêm bàng quang	2	
12	Giảng lâm sàng Mất ngủ	2	
13	Giảng lâm sàng Bệnh Goute	2	
14	Giảng lâm sàng Suy nhược cơ thể	2	
15	Bệnh bệnh án Đau lưng	2	
16	Giảng lâm sàng Đau đầu	2	
17	Giảng lâm sàng Viêm gan mạn	2	
18	Giảng lâm sàng Đột quy não	2	
19	Bệnh bệnh án Viêm đại tràng mạn	2	
20	Giảng lâm sàng Liệt VII ngoại biên	2	
21	Giảng lâm sàng Đái máu, đái dầm	2	
22	Giảng lâm sàng Hội chứng thận hư	2	
23	Bệnh bệnh án Rối loạn thần kinh tim	2	
24	Bệnh bệnh án Suy tim	2	
25	Giảng lâm sàng Đau vai gáy	2	
26	Giảng lâm sàng Viêm quanh khớp vai	2	
27	Bệnh bệnh án Thoái hóa khớp	2	
28	Giảng lâm sàng Xơ gan	2	
29	Giảng lâm sàng Thiếu máu	2	

30	Giảng lâm sàng Táo bón	2	
31	Bình bệnh án Đau thần kinh liên sườn	2	
32	Hỏi thi lâm sàng	2	

1.4. Tài liệu học tập, tham khảo

*Tài liệu học tập

1. Bộ môn Nội Y học cổ truyền – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam(2014), Bài giảng bệnh học nội khoa y học cổ truyền, NXB Y học.
2. Bộ môn Nội Y học cổ truyền – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), Bài giảng điều trị học nội khoa y học cổ truyền, NXB Y học.
3. Khoa Y học cổ truyền – Trường đại học Y Hà Nội (2008), Chuyên đề nội khoa YHCT, NXB Y học.
4. Khoa Y học cổ truyền – Trường đại học Y Hà Nội (2004) , Nội khoa y học cổ truyền, NXB Y học.

* Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Khoa Y học cổ truyền – Trường đại học Y Hà Nội (2003), Nội khoa Y học cổ truyền dành cho đối tượng sau đại học. NXB Y học.
2. Hoàng Bảo Châu 2006. Chuyên đề Nội khoa Y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học 2006.
3. Chu Trọng Anh. Trung y nội khoa học – NXB Trung y dược Trung Quốc, 2003:

周仲瑛 中医内科学: 中国中医药出版社, 2003

2. NGOẠI KHOA

2.1. Nội dung học phần

Stt	Nội dung	Số tiết QC	Giảng viên
1	Bệnh học và điều trị bệnh lý hậu môn trực tràng	08	
2	Bệnh học và điều trị sỏi tiết niệu	04	
3	Bệnh học và điều trị Tăng sản lành tính tuyến tiền liệt	06	
4	Bệnh học và điều trị bệnh động mạch ngoại vi mạn tính	06	
5	Bệnh học và điều trị bệnh lý tuyến vú	08	
6	Điều trị gãy xương bằng YHCT	03	
7	Điều trị vết thương phần mềm bằng YHCT	02	
8	Bệnh học và điều trị bệnh lý hậu môn trực tràng	08	

2.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn Ngoại trường Học viện Y Dược Học Cổ Truyền Việt Nam: Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền
2. Đông y toàn tập, Khoa Y học cổ truyền Trường đại học y Hà Nội
3. Bệnh học y học cổ truyền , Khoa Y học cổ truyền Trường đại học y Hà Nội :
Bệnh học y học cổ truyền
4. Bài giảng bệnh học ngoại khoa(1995), tập I, Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Ngoại

3.SẢN PHẨM KHOA

3.1. Thông tin về giảng viên (Cơ hữu)

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com	
2	ThS. Phạm Quỳnh Lâm	0338760638	Quynhlan73@gmail.com	
3	ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0932695158	huyensanyhct@gmail.com	
4	ThS. Vũ Thị Tố Trinh	0971779558	Vutottrinh85@gmail.com	

3.2. Nội dung chi tiết học phần thực hành/ lâm sàng

Stt	Nội dung	Số tiết QC	Giảng viên
1	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân rong kinh	4	
2	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân thống kinh	4	
3	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân rối loạn kinh nguyệt	4	
4	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân rối loạn tiền mãn kinh	4	
5	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân dọa sảy thai	4	
6	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân đới hạ	4	
7	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân thiếu sữa sau đẻ	4	
8	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân vô sinh	4	

9	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân u xơ tử cung	4	
10	Khám, chẩn đoán, tham gia điều trị bệnh nhân viêm tuyến vú tắc tia sữa sau đẻ	4	
11	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ Vệ sinh thai nghén	4	
12	Làm 4 bệnh án sản khoa, phụ khoa (bệnh án điều kiện)		
12	Hỏi thi	4	

3.3. Tài liệu học tập

1. Tài liệu chính:

Bài giảng Sản phụ khoa Y học cổ truyền. Bộ môn Sản phụ khoa Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng sản khoa – Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh
- Bài giảng sản phụ khoa – Đại học Y Hà Nội Tập 1, Tập 2
- Bài giảng Sản phụ khoa Y học cổ truyền Đại học Y Hà Nội (dùng cho đối tượng sau đại học)
- Phụ khoa thực hành
- Phó Thanh Chủ Nữ Khoa - Dịch giả Đinh Ninh, Lê Đức Thiếp – Năm 1972
- Vạn Thị Phụ Nhân Khoa - Dịch giả Nguyễn Quang Tý – Nhà thuốc Hồi Xuân - Nguyễn Thiện Thuật – Sài Gòn năm 1963

3.4. Kế hoạch giảng dạy lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác	
1	20			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	30
2	10		10	Bài tập tình huống	30
3	20			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	30
4	15	5		Bài tập tình huống	15
5	20			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	15
6	10			Bình bệnh án	5
7	10			Bình bệnh án, thảo luận nhóm	0
8	02	08			20
	130				

4. NHI KHOA

4.1. Nội dung học phần

Stt	Nội dung	Số tiết QC	Giảng viên
1	Viêm cầu thận cấp		
2	Tiêu chảy		
3	Hen phế quản		
4	Viêm phế quản phổi		
5	Sốt cao co giật		

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 1

CHỈ TIÊU THỰC HÀNH

1.3. Hiểu biết, thái độ và kỹ năng thực hành khi tiếp xúc với bệnh nhân

1.3.1. Hiểu biết;

- Tâm lý của từng đối tượng người bệnh: bệnh nặng, bệnh xã hội, trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ...
- Đặc điểm dịch tễ người bệnh: tuổi, giới, nghề nghiệp, văn hóa, dân tộc...
- Hiểu biết về bệnh của bệnh nhân để có thể giải thích những thắc mắc cơ bản trong khả năng chuyên môn cho phép

1.3.2. Thái độ, mức độ trách nhiệm của bác sỹ

- Vui vẻ, niềm nở; biết lắng nghe, chia sẻ với người bệnh
- Tự tin khi giải thích về tình trạng bệnh cho bệnh nhân và người nhà.
- Dứt khoát, quyết liệt với các hành vi của bệnh nhân và người nhà làm ảnh hưởng xấu đến người bệnh và người nhà xung quanh

1.3.3. Kỹ năng

- Những hành vi làm việc độc lập; khả năng giao tiếp của bản thân
- Những hành vi cần trau dồi sau khi tốt nghiệp
- Những đóng góp cho quá trình giảng dạy tại Học viện về lý thuyết sát thực tiễn

1.3.4. Kiến thức:

Bài 1:

Bài 2:

Bài 3.

Bài 4:

Bài 5.

Bài 6:

Bài 7:

Bài 8:

Bài 9:

Bài 10:

Bài 11:

PHỤ LỤC 2
Mẫu nhật ký thực tập

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



NHẬT KÍ THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP

TẠI BỆNH VIỆN.....

Giảng viên hướng dẫn:

Sinh viên:

Mã sinh viên:

Nhóm:

Địa điểm: Bệnh viện

Địa chỉ:

HÀ NỘI – 2022

Nội dung mỗi trang trong nhật ký thực tập

THỨ NGÀY THÁNG NĂM 2021

BỘ PHẬN ĐƯỢC PHÂN CÔNG ĐẾN THỰC TẬP.....

CÔNG VIỆC THỰC HIỆN GỒM:

BUỔI SÁNG:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

BUỔI CHIỀU:

.....
.....
.....
.....

PHỤ LỤC 3

Báo cáo tổng kết và tự nhận xét các chỉ tiêu đã thực hiện được:

BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



BÁO CÁO THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP

TẠI BỆNH VIỆN.....

Giảng viên hướng dẫn:

Sinh viên:

Mã sinh viên:

Nhóm:

Địa điểm:

Địa chỉ:

HÀ NỘI – 2022

Nội dung báo cáo được ghi theo thứ tự từng phần trong mục

1. HÀNH CHÍNH

Số thời ngày học:

Số ngày trực:

Số ngày nghỉ:

Học bù:

2. CHUYÊN MÔN:

Chỉ tiêu:

TT	Chỉ tiêu		Được giao	Thực hiện
1.1				
1.2				
1.3				

3. Tự nhận xét về kết quả thực tập nghề:

Nhận xét của cán bộ phụ trách tại cơ sở

.....
.....
.....

Điểm tại cơ sở

Ngày ... tháng..... năm.....

Cán bộ phụ trách

Nhận xét của giảng viên hướng dẫn

.....
.....
.....

Điểm

Ngày ... tháng..... năm.....

Giảng viên hướng dẫn

Nhận xét của giảng viên chấm báo cáo

.....
.....
.....

Điểm

*Ngày ... tháng năm
Giảng viên chấm*